

Ian McEwan

chuyện tội

*"Một toàn cảnh hư cấu đẹp đẽ
và hoành tráng."*

— John Updike



vh

nhà xuất bản VĂN HỌC

Chuộc tội

Tác giả: Ian McEwan

Người dịch: Nguyễn Hạnh Quyên

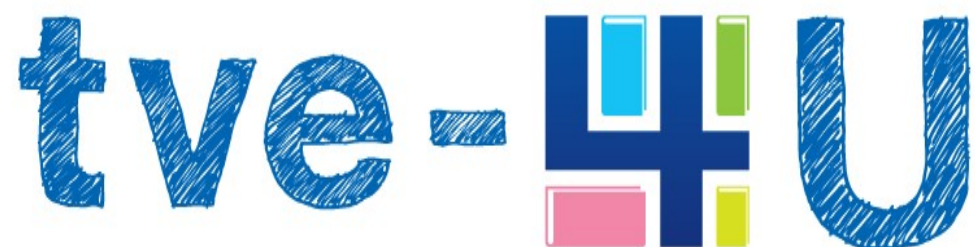
Nhà xuất bản: Văn học

Phát hành: Nhã Nam - 09/2009

Số hóa: tudonald78

Ngày hoàn thành ebook: 02/08/2020

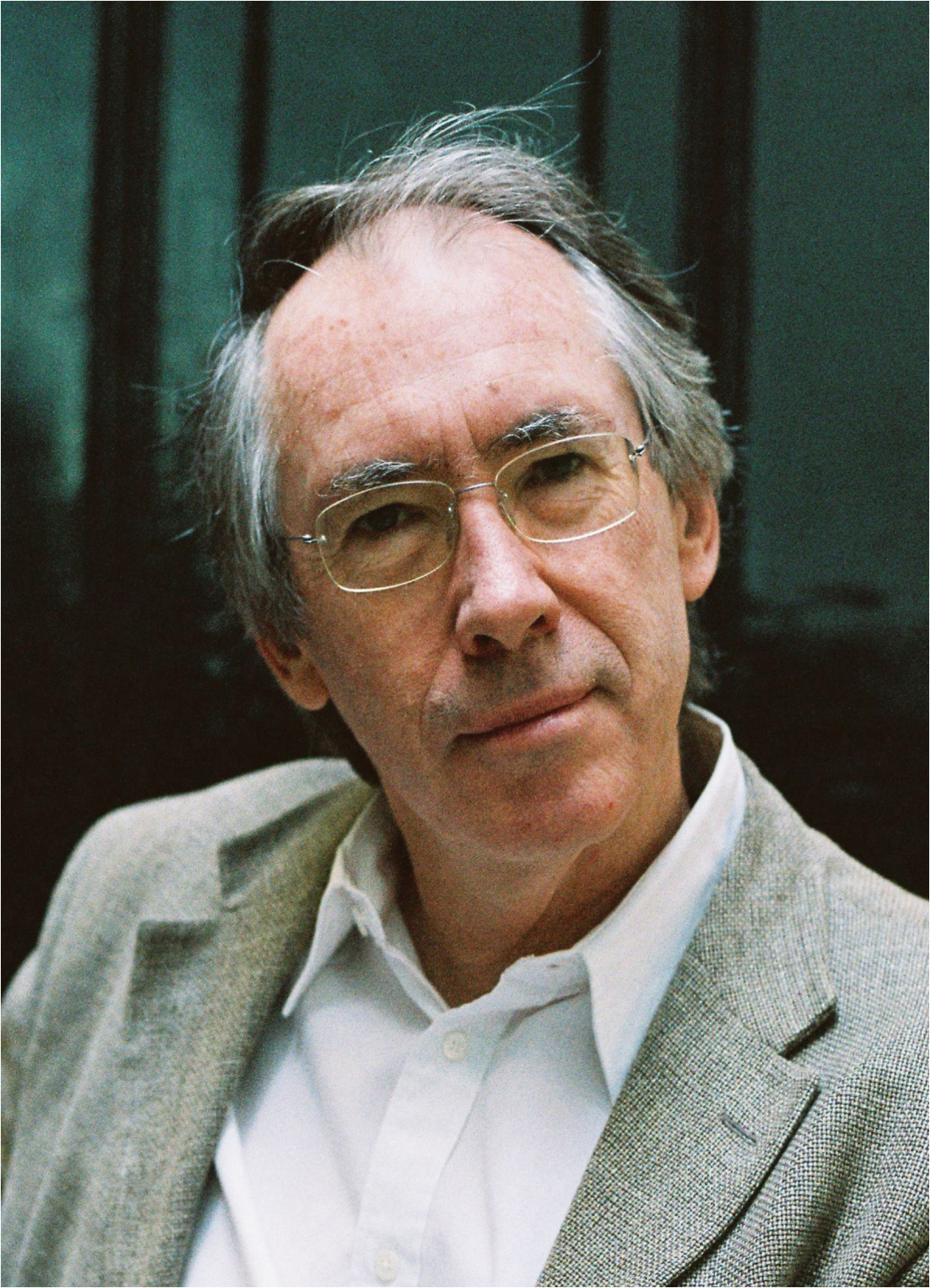
Độc sách vui vẻ!



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Ebook này được thực hiện theo dự án “SỐ HÓA SÁCH CŨ” của diễn
đàn TVE-4U.ORG

Tác giả



Ian McEwan sinh ngày 21/6/1948 tại Aidershot, Anh. Ông từng học ngành Văn học Anh tại Đại học Sussex và tốt nghiệp cử nhân năm 1970,

sau đó lấy tiếp bằng Thạc sĩ Văn học Anh tại Đại học East Anglia.

Các tác phẩm của McEwan được giới phê bình thế giới đánh giá cao. Ông đã giành giải thưởng Somerset Maugham Award năm 1976 cho tập truyện ngắn *First Love, Last Rites*; giải Whitbread Novel Award (1987) và Prix Femina Etranger (1993) cho tác phẩm *The Child in Time*; đồng thời giành được cả giải Germany's Shakespeare Prize vào năm 1999. Ông đã nhiều lần lọt vào danh sách đề cử chốt của giải Man Booker Prize và đến năm 1998 đã giành được giải thưởng cao quý này cho tác phẩm *Amsterdam*. Cuốn tiểu thuyết *Atonement* đã giành được giải WH Smith Literary Award (2002), giải National Book Critics' Circle Fiction Award (2003) của giới phê bình Anh, giải Los Angeles Times Prize dành cho thể loại hư cấu (2003) và giải Santiago Prize dành cho Tiểu thuyết Châu Âu (2004). Năm 2000, ông cũng được trao giải CBE, giải thưởng cao quý của Hoàng gia Anh dành cho những người có cống hiến xuất sắc. Năm 2006, cuốn tiểu thuyết *Saturday* của ông đã giành được giải James Tait Black Memorial Prize. Còn tại lễ trao giải British Book Awards 2008, *Trên bãi biển Chesil* đã giành được giải Book of the Year (Cuốn sách của năm) đồng thời đem lại cho tác giả của nó danh hiệu Author of the Year (Tác giả của năm).

McEwan đã kết hôn hai lần. Người vợ thứ hai của ông, Annalena McAfee, từng là biên tập viên cho mục Bình luận của tờ *The Guardian* danh tiếng. Ngoài sự nghiệp, ông còn khá nổi tiếng trên mặt báo khi vào năm 1999 người vợ đầu tiên của ông bắt cóc đứa con trai 13 tuổi khi tòa trao quyền giám hộ con chỉ cho mình ông. Tiểu thuyết *Chuộc tội* cũng từng bị cáo buộc là đạo văn từ cuốn *No Time for Romance* của Lucilla Andrews. Tuy nhiên McEwan công khai khẳng định mình vô tội trên tờ *The Guardian*, lý do là trong ghi chú cuối tiểu thuyết của mình, ông đã nêu rõ tác phẩm của Andrews.

Bộ phim cùng tên dựng lại từ tác phẩm *Chuộc tội* của McEwan đã được đề cử bảy giải Oscar quan trọng và giành được giải Nhạc nền xuất sắc nhất tại lễ trao giải Oscar lần thứ 80 năm 2008. Cùng năm đó, bộ phim cũng đồng thời giành được giải Phim hay nhất ở cả giải Quả cầu Vàng và giải British Academy Film Awards của Viện Điện ảnh Anh Quốc.

Hiện Website chính thức của tác giả tại địa chỉ www.iannicewan.com.

LỜI CẢM ƠN

Tôi biết ơn nhân viên Bộ phận Tư liệu của Bảo tàng Chiến tranh Đế quốc vì đã cho phép tôi xem những lá thư, bài báo và hồi ký không công bố của quân nhân và y tá phục vụ trong năm 1940. Tôi cũng biết ơn những tác giả và tác phẩm sau: Grego Blaxlanci, *Destination Dunkirk*; Walter Lord, *The Miracle of Dunkirk*; Lucilla Andrews, *No Time for Romance*. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đến Claire Tomalin, Craig Raine và Tim Garton-Ash vì các nhận xét hữu ích và sâu sắc của họ, và trên hết là đến vợ tôi, Annalena McAfee, vì đã động viên tôi và đã đọc kỹ càng ghé góp.

Cuốn sách này là một tác phẩm hư cấu. Tên, nhân vật, nghề nghiệp, tổ chức, địa điểm, sự kiện và tình tiết đều là sản phẩm trí tưởng tượng của tác giả hoặc được sử dụng một cách hư cấu. Bất kỳ sự tương đồng nào với người thật, còn sống hay đã chết, sự kiện, hay nơi chốn đều hoàn toàn ngẫu nhiên.

Xin trân trọng cảm ơn vì đã cho phép trích từ tài liệu có bản quyền:

“In Memory of W. B. Yeats” từ *W. H. Auden: Collected Poems* của W. H. Auden.

Copyright © 1940 và được hồi phục năm 1968 bởi W. H. Auden.

Cùng với sự cho phép của Random House, Inc.

TẶNG ANNALENA

“Tiểu thư Morland thân mến, hãy suy ngẫm bản chất kinh khiếp của những nghi ngờ mà cô đang ấp ủ. Cô đã dựa vào đâu để phán xét? Hãy nhớ chúng ta đang sống ở đất nước và thời đại nào. Nhớ rằng chúng ta là người Anh: rằng chúng ta là người Cơ Đốc giáo. Hãy tự vấn óc suy xét của chính cô, cảm giác của chính cô về những điều khả thể, những quan sát của chính cô về những điều đang diễn ra quanh cô. Liệu nền giáo dục của chúng ta có giúp chúng ta sẵn sàng trước những điều khủng khiếp ấy? Luật pháp của chúng ta có nhắm mắt làm ngơ chúng đi không? Những điều ấy có thể nào bị phạm phải mà không ai hay biết ở một đất nước như thế này, nơi sự giao thoa xã hội và văn học dựa trên một nền tảng như thế, nơi mỗi người đều bị vây quanh bởi những hàng xóm tình nguyện làm gián điệp, và nơi đường phố cũng như báo chí công khai mọi thứ? Tiểu thư Morland yêu quý ơi, trong đầu cô đang chứa chấp những ý tưởng gì vậy chứ?”

Họ đã đến cuối hành lang; và nước mắt lưng tròng vì xấu hổ, cô chạy vụt về phòng.

Jane Austen, *Northanger Abbey*

PHẦN MỘT

Một

Vở kịch - mà vì nó Briony đã thiết kế áp phích, tờ chương trình và vé, dựng quầy bán vé từ một bình phong xiêu vẹo quây lại và lót hộp thu tiền bằng giấy kép đỏ - được em viết trong hai ngày sáng tác vũ bão, khiến em bỏ mất một bữa sáng và một bữa trưa. Khi mọi chuẩn bị đã chu tất, em chỉ còn việc thưởng ngoạn bản thảo hoàn chỉnh và đợi các em họ từ phương Bắc xa xôi đến. Sẽ chỉ có một ngày duy nhất để diễn tập trước khi anh trai em về. Lúc ớn lạnh xương tủy, khi buồn đau bén ngọt, vở kịch kể một câu chuyện của trái tim mà thông điệp được của nó, được chuyển tải trong phần mào đầu có vần điệu là tình yêu không được dựng xây trên nền tảng lý trí thì rồi sẽ lụi tàn. Nỗi đam mê bông bột của nhân vật chính Arabella dành cho một tên bá tước ngoại quốc gian ác đã bị vận rủi trừng phạt: nàng mắc phải bệnh tả khi bốc đồng lao đến một thị trấn ven biển cùng kẻ ngõ là sẽ cưới ấy. Bị hấn và hầu như hết thấy mọi người ruồng bỏ, nằm liệt giường trên một căn phòng gác xép, nàng khám phá ra tự trong mình khiếu hài hước. Số phận đem lại cơ hội thứ hai cho nàng xuất lộ dưới hình hài một vị thầy lang bản hàn - thực ra là chàng hoàng tử vi hành tự nguyện lao động giữa những người cùng khổ. Được chàng chữa lành bệnh, Arabella lần này chọn lựa một cách sáng suốt, và được đáp đền bằng cuộc đoàn tụ với gia đình và lễ cưới với chàng hoàng tử-thầy lang trong “một ngày xuân ngập tràn nắng và gió”.

Bà Tallis đọc bầy trang vở kịch *Những gian nan của nàng Arabella* trong phòng ngủ, tại bàn trang điểm, với vòng tay của tác giả choàng qua vai suốt thời gian ấy. Briony chăm chú theo dõi từng dấu hiệu biến đổi cảm xúc trên khuôn mặt mẹ, và Emily Tallis chiều lòng con bằng vẻ mặt khi thẳng thốt, lúc khúc khích hân hoan, rồi cuối cùng, nụ cười khích lệ và những cái gật đầu lịch duyệt, tán thành. Bà vòng tay ôm con gái vào lòng - ôi, cái cơ thể nhỏ nhắn mịn màng ấm nóng bà nhớ từ khi còn đỏ hỏn này, vẫn còn chưa lìa khỏi bà, chưa lìa hẳn - và bảo vở kịch thật “tuyệt diệu”, rồi ngay lập tức thì thào vào vành tai đang căng ra của con gái đồng ý cho phép trích dẫn từ này lên tấm áp phích sẽ treo trên giá dựng ở tiền sảnh cạnh quầy vé.

Khi đó Briony cơ hồ chưa biết, nhưng lời nhận xét ấy chính là cực điểm thành công của công trình này. Không gì đem lại cảm giác thỏa

nguyện hơn thế, tất cả còn lại chỉ là mộng mơ và thất vọng. Có những khoảnh khắc chiều hè chạng vạng, khi ánh sáng phòng lụi tắt, vui mình trong sự ảm đạm ngọt ngào của chiếc giường bốn cọc màn, em khiến tim mình rộn lên bằng những tưởng tượng lung linh, khao khát, mang trong chúng những vở kịch ngắn nhỏ, từng vở một đều có vai chính là Leon. Ở vở này, khuôn mặt to, hiền lành của anh nhàn lại vì đau đớn khi Arabella rơi vào cảnh cô đơn và quần bách. Ở vở kia, kìa anh đó, ly cocktail trên tay tại một quán bar thành phố thời thượng, đang lớn tiếng huênh hoang với đám bạn: Phải, em gái tớ đây, văn sĩ Briony Tallis, các cậu hẳn đã nghe tiếng rồi. Vở thứ ba, anh đắc chí nắm tay vào không khí khi sân khấu hạ màn, mặc dù chẳng có tấm màn nào hết, cả khả năng tồn tại một tấm cũng không. Vở kịch em viết không phải để dành cho mấy đứa em họ, nó dành cho anh của em, để chào mừng anh trở về, để khơi dậy ở anh lòng ngưỡng mộ và hướng anh tránh xa khỏi hàng loạt cô bạn gái kế tiếp nhau một cách thiếu suy nghĩ, đến hình mẫu người vợ chân chính, người vợ sẽ thuyết phục anh về sống ở vùng quê, người vợ sẽ dịu dàng đề nghị Briony làm phù dâu cho lễ cưới.

Em là đứa trẻ bị ám ảnh bởi nỗi khát khao biến thế giới thành nơi trật tự tuyệt đối. Trong khi phòng chị em là mớ hồ lớn những sách không gấp, áo quần không xếp, giường không dọn, gạt tàn không đổ, thì phòng Briony là một thánh đường cho vị thần thích kiểm soát trong em: mô hình trang trại đồ chơi trải ra trên bậu cửa sổ sâu vào phía trong, gồm những súc vật quen thuộc, nhưng tất cả đều hướng về một phía - chủ nhân của chúng - như thể toan cất lời đồng ca, và ngay cả đàn gà mái trên sân trại cũng được quây lại gọn ghẽ. Mà thực ra, phòng Briony là căn phòng ngăn nắp duy nhất ở tầng trên trong nhà. Các em búp bê lưng được đặt thẳng đứng trong biệt thự nhiều phòng của chúng dường như tuân theo một chỉ thị nghiêm ngặt là không được phép chạm vào tường; vô vàn các con giống đồ chơi to cỡ ngón tay cái trên bàn trang điểm - những chàng cao bồi, những thợ lặn biển sâu, những chú chuột hình người - được sắp xếp theo hàng lối ngay ngắn và cách nhau đều đặn như một đạo dân quân đang chờ lệnh.

Thích vật thu nhỏ là một khía cạnh của tinh thần ngăn nắp. Một khía cạnh khác là đam mê bí mật: trong chiếc tủ đánh véc ni quý giá có một ngăn kéo bí mật chỉ mở ra được bằng cách nhấn vào thớ gỗ của cái mộng đuôi én khớp lại một cách khéo léo, ở đó em cất giấu cuốn nhật ký khóa bằng móc gài, và cuốn sổ viết bằng thứ mật mã do em tự chế ra. Trong cái két đồ chơi mở bằng mật mã sáu số, em lưu thư từ và bưu thiếp. Một hộp thiếc cũ đựng tiền nhỏ xíu được giấu dưới một tấm ván sàn cạy lên được dưới gầm giường em. Trong hộp là kho báu em tích trữ

được trong bốn năm qua, bắt đầu từ lần sinh nhật chín tuổi: một quả sồi đôi đột biến, viên quặng pyrit, một bữa làm mưa mua tại hội chợ giải trí, một cái sọ sóc nhẹ bằng như chiếc lá.

Nhưng ngăn kéo bí mật, nhật ký khóa cài và hệ thống mật mã không che được cho Briony một sự thật giản dị: em chẳng hề có bí mật nào. Khát khao vươn tới một thế giới trật tự hài hòa tước khỏi em khả năng bốc đồng làm điều sai trái. Phá hỏng và hủy diệt là những thứ quá hỗn loạn không phù hợp với sở thích của em, và bản tính em cũng không phải là người ác nghiệt. Thân phận thực tế là đứa trẻ duy nhất trong nhà, cộng với việc ngôi nhà gia đình Tallis khá hẻo lánh, đã khiến em, ít ra là trong suốt những ngày nghỉ hè dài dặc, không tham dự vào các trò con gái với đám bạn. Không gì trong cuộc sống em đủ độ hấp dẫn hay đáng xấu hổ đến mức phải giấu đi; không ai biết về cái sọ sóc dưới gầm giường, mà cũng chẳng ai buồn biết. Không gì trong số những điều vừa kể là nỗi ưu phiền gì đặc biệt; có chăng chỉ phảng phất vậy khi hồi cố lại, mà khi đó, giải pháp đã được tìm ra.

Năm mười một tuổi, em viết câu chuyện đầu tay - một chuyện tình xuân ngốc, mô phỏng đến quá nửa tá truyện dân gian và thiếu, sau này em nhận ra, sự hiểu biết thiết yếu về cách thế giới vận hành để buộc độc giả phải ngưỡng phục. Nhưng thử nghiệm vụng về đầu tiên này mở ra cho em biết trí tưởng tượng, chỉ riêng nó thôi, đã là cả một nguồn sản sinh bí mật: một khi em bắt đầu một câu chuyện, sẽ không ai biết gì cả. Ngụy tạo thế giới bằng ngôn ngữ là việc quá không chắc chắn, quá yếu ớt, quá xấu hổ không thể để ai biết được. Ngay cả viết ra những *cô nói*, những và *rồi* cũng khiến em nhăn mặt, và thấy mình thật ngốc nghếch khi tỏ vẻ hiểu cảm xúc của một sinh vật tưởng tượng. Tự phơi bày chính mình là điều không thể tránh khỏi khi em miêu tả sự yếu mềm của nhân vật; độc giả buộc phải ngờ rằng em đang miêu tả chính em. Em còn có tư cách nào khác nữa chứ? Chỉ khi câu chuyện kết thúc, mọi số phận được dàn xếp ổn thỏa và toàn bộ vấn đề đã hoàn toàn khép lại để giống như, ít nhất ở khía cạnh này, mọi câu chuyện có kết thúc khác trên thế giới, thì em mới cảm thấy yên tâm, và sẵn sàng đục lỗ trên lề, dùng dây đóng các chương lại, vẽ bìa bằng màu hay chì đen, rồi mang tác phẩm hoàn tất đến khoe với mẹ, hoặc cha, khi ông có nhà.

Mọi người khuyến khích những nỗ lực của em. Thực ra, nhà Tallis hoan nghênh nỗ lực ấy khi họ bắt đầu nhận ra đứa bé út trong nhà sở hữu một trí óc kỳ lạ và năng lực đặc biệt với ngôn từ. Em ngồi suốt những buổi chiều đằng đằng tra từ điển và từ điển đồng-phản nghĩa soạn ra để dành cho những kết hợp từ ngô nghê, nhưng ngô nghê đầy ám ảnh: những đồng xu tên vô lại giấu trong túi thật "huyền hoặc", tên lưu manh bị

bắt khi ăn trộm chiếc xe nhỏ nước mắt “trăng tráo tự giải trừ tội lỗi”, nữ nhân vật chính cười con tuấn mã thuần chủng lao đi đầy “khinh suất” xuyên đêm trường, lông mày đức vua nhíu lại là “tượng hình” cho sự méch lòng của ngài. Briony được khuyến khích đọc to những truyện em viết trong thư viện và cha mẹ cùng chị gái em thường kinh ngạc khi thấy bé gái vốn rụt rè thể hiện sao mà mạnh bạo, tay phác những cử chỉ phóng khoáng, mày nhướn cong khi giả giọng các nhân vật, và thỉnh thoảng lại đưa mắt lên khỏi trang giấy vài giây, nhìn đau đáu vào hết mặt người nghe này đến người nghe kia, không khoan nhượng đòi hỏi cả nhà tập trung tuyệt đối khi em tung lá bùa kể chuyện.

Ngay cả khi không nhận được sự chú ý, tán thưởng và vui thích ra mặt của họ, cũng không gì ngăn được Briony tiếp tục viết. Dù có thế nào, em vẫn dần nhận ra, như rất nhiều nhà văn trước em, rằng không phải sự công nhận nào cũng hữu ích. Sự nhiệt tình của Cecilia chẳng hạn, có vẻ hơi cường điệu quá, có lẽ nhuộm lẫn hạ cố, và lộ liễu nữa; chị gái em muốn từng tập truyện phải được ghi vào danh mục sách, rồi xếp lên giá trong thư viện, giữa Rabindranath Tagore và Quintus Tertullian. Nếu đây có là trò giễu cợt thì Briony cũng mặc kệ. Em giờ đi trên con đường của mình và đã tìm thấy cảm giác thỏa nguyện ở mức độ khác; viết truyện không chỉ đồng hành với sự bí mật, mà còn đem đến cho em khoái cảm được thu nhỏ mọi thứ. Một thế giới có thể được tạo ra chỉ trong năm trang giấy, một thế giới thú vị hơn mô hình trang trại đồ chơi nhiều. Thời hoa niên của một hoàng tử được nuông chiều có thể khuôn trong nửa trang, ánh trăng lướt qua ngôi làng tĩnh mịch gói gọn trong một câu khúc chiết nhịp nhàng, phải lòng có thể diễn tả bằng một từ duy nhất – *liếc mắt*. Những trang giấy chứa câu chuyện vừa viết xong gần đây dường như đang phập phồng trong tay em với tất cả hơi thở cuộc sống chúng mang trong mình. Niềm đam mê ngăn nắp cũng được thỏa mãn, bởi một thế giới hỗn loạn có thể được sắp đặt đầu vào đây. Khủng hoảng trong cuộc đời nữ nhân vật chính được dựng lên tình cờ trùng với mưa đá, bão tố và sấm chớp, trong khi lễ cưới thường được ban ánh sáng rực rỡ và gió mềm lơi lả. Tình yêu trật tự cũng khuôn hình những nguyên tắc công bằng, với cái chết và hôn nhân trở thành hai động lực chính để duy trì gia đình, cái chết dành riêng cho kẻ băng hoại đạo đức, hôn nhân là phần thưởng được trì nín đến tận trang cuối cùng.

Vở kịch em viết chào mừng Leon trở về là cuộc dạo chơi đầu tiên của em sang thể loại kịch, và em nhận thấy sự chuyển tiếp này tương đối nhẹ nhàng. Thật nhẹ cả người khi không phải viết những *cô nói*, hay miêu tả thời tiết hay cảnh lập xuân hay đường nét khuôn mặt nữ nhân vật chính - cái đẹp, em đã khám phá được, luôn nằm trong khuôn khổ hạn

hẹp. Cái xấu, ngược lại, có được vô vàn biến thể. Vũ trụ, khi được quy về những thứ được cho là tồn tại bên trong nó, chính là sự gọn ghẽ, gần như đến mức hư vô, và để bù lại, mỗi lời nói đều được thốt ra ở cực điểm cảm xúc nào đó, để thể hiện điều đó tuyệt đối không thể vắng mặt dấu chấm than. *Những gian nan của nàng Arabella* có lẽ là một vở melodrama, nhưng tác giả của nó chưa từng nghe đến thuật ngữ này. Vở kịch dự định sẽ khơi gợi không phải tiếng cười, mà lần lượt là nỗi khiếp đảm, sự nhẹ nhõm, lời chỉ dạy và tình cảm nồng nhiệt gây thơ Briony mang theo khi khởi sự thực thi công trình này - áp phích, vé, quầy bán vé - khiến em cực kỳ dễ rơi vào tình trạng bị tổn thương nếu thất bại. Lẽ ra em đã có thể dễ dàng chào đón Leon bằng một trong số những câu chuyện đã viết khác, nhưng chính việc nghe tin ba đưa em họ từ miền Bắc đến chơi đã thúc đẩy bước nhảy này sang một dạng thức mới.

Việc Lola, mười lăm tuổi, và hai cậu em sinh đôi chín tuổi, Jackson và Pierrot, phải tị nạn khỏi một cuộc nội chiến gia đình cay đắng lẽ ra đã khiến Briony dễ tâm hơn. Em nghe mẹ chỉ trích hành vi nông nổi của em gái là dì Hermione, xót xa cho hoàn cảnh của ba đứa trẻ, đồng thời lên án cậu em rể Cecil nhu nhược, thoái thác trách nhiệm đã đánh bài chuồn đến nơi an toàn - All Souls College thuộc Đại học Oxford. Briony đã nghe mẹ và chị phân tích những khúc mắc và những đỉnh điểm cãi vã gần đây nhất, những cáo buộc lẫn nhau, và em biết lần đến chơi của chị em họ này có một thời hạn còn bỏ ngỏ, và thậm chí có thể lưu lại dài dài. Em đã nghe nói rằng nhà mình sẽ rất dễ thu nhận ba đứa trẻ, và rằng các chị em nhà Quincey có thể lưu lại lâu chừng nào tùy thích, miễn là cha mẹ chúng, nếu tình cờ cùng lúc ghé thăm, thì cũng đừng rước những cãi vã của họ vào ngôi nhà của gia đình Tallis. Hai phòng gần phòng Briony đã được quét bụi, treo rèm mới và kê đồ đạc từ các phòng khác chuyển sang. Bình thường thế nào em cũng tham gia việc sửa soạn này, nhưng tình cờ lại trùng với hai ngày viết lách của em và việc bắt đầu dựng tiền sảnh khán phòng. Em mơ hồ hiểu rằng ly dị là một nỗi đau, nhưng không xem như một chủ đề phù hợp, và chẳng màng để ý đến. Nó là một mối chỉ thế tục đã đứt lìa không cách nào nối lại, và vì thế chẳng dành cơ hội nào cho người kể chuyện: nó thuộc về lãnh địa của sự hỗn loạn. Hôn nhân là, hay nói đúng hơn, lễ cưới là, với trật tự trang trọng của đức hạnh được tưởng thưởng của nó, sự choáng ngợp trước trang phục lộng lẫy và yến tiệc ngoạn mục, và lời hứa gây choáng váng về sự kết hợp trọn đời. Một lễ cưới tốt lành là sự thể hiện không được thừa nhận của điều tới lúc đó vẫn là không tưởng - hạnh phúc tình dục ngất ngây. Giữa những hàng ghế của nhà thờ miền quê hay giáo đường thành phố lớn, trước sự chứng kiến và ủng hộ của toàn thể gia đình và bạn bè, nam và nữ nhân

vật chính lên đến cực điểm của sự ngây thơ trong họ và chẳng cần tiến xa hơn nữa.

Nếu ly dị có phút giây nào tự phơi bày là phản đề hèn nhát của tất cả những điều trên, thì nó đã dễ dàng bị đẩy sang đĩa cân bên kia, nằm cùng với phản bội, bệnh tật, trộm cắp, hành hung và vu khống. Nhưng không, nó bày ra một khuôn mặt không chút quyến rũ chỉ toàn những rắc rối nhàm chán và cãi cọ liên miên. Giống như vấn đề tái vũ trang, Abyssinia và làm vườn¹, ly dị đơn giản không phải là một chủ đề; và khi, sau cả một buổi sáng thứ Bảy chờ đợi đằng đằng, Briony cuối cùng cũng nghe tiếng bánh xe trên con đường trải sỏi dưới cửa sổ phòng mình và vợ vội các trang viết lao xuống cầu thang, chạy qua tiền sảnh và bỏ vào ánh sáng ban trưa chói lóa ngoài trời, không phải sự vô tâm mà chính là tham vọng nghệ thuật dồn nén cao độ đã khiến em hét lên với ba vị khách trẻ đang sững sờ đứng túm tụm vào nhau cạnh đồng hành lý, “Chị đã bố trí vai cho bọn em, đầu vào đây cả rồi. Buổi diễn đầu tiên vào ngày mai! Buổi diễn tập sẽ bắt đầu trong năm phút nữa!”

Ngay lập tức, mẹ và chị em có mặt để chen vào một thời gian biểu dễ thở hơn. Các vị khách - cả ba đều tóc đỏ hoe và mặt đầy tàn nhang - được dẫn về phòng, va li thì Danny con trai của Hardman mang lên, rồi chúng uống nước hoa quả dưới bếp, tham quan nhà một lượt, bơi ở hồ bơi và ăn trưa ở vườn phía Nam, dưới bóng dàn nho.

Suốt quãng thời gian ấy, Emily và Cecilia Tallis cứ luôn miệng hỏi han theo kiểu chắc chắn sẽ tước khỏi ba vị khách sự dễ chịu mà họ định đem lại. Briony hiểu nếu mình băng qua cả hai trăm dặm đường đến một ngôi nhà xa lạ, thì những câu hỏi vui vẻ và những câu đùa xếp hàng chào đón, và việc bị căn dặn theo hàng trăm kiểu rằng mình được tự do lựa chọn, sẽ trở thành áp lực. Mọi người thường không nhận ra rằng thứ trẻ con muốn nhất là được yên thân. Tuy nhiên, bọn trẻ nhà Quincey đã cô sức tỏ ra thích thú và tự tại, và điều này là điềm lành cho vở *Những gian nan của nàng Arabella*: bộ ba này rõ ràng có sở trường vờ vĩnh là loại người không phải mình, dù chúng chẳng mấy giống các nhân vật sắp thủ vai. Trước bữa trưa Briony lên vào phòng tập trống không - phòng trẻ - và bước tới bước lui trên lớp sàn gỗ sơn cân nhắc việc phân vai.

Nhìn bề ngoài, Arabella, tóc đen giống Briony, không thể nào là hậu duệ của một cặp bố mẹ mặt đầy tàn nhang, hay chạy trốn với tên bá tước ngoại quốc mặt đầy tàn nhang, thuê căn phòng gác xép của ông chủ quán trọ mặt đầy tàn nhang, trao con tim mình cho một vị hoàng tử mặt đầy tàn nhang và được một cha cố mặt đầy tàn nhang tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của một đám người mặt đầy tàn nhang được. Nhưng mọi việc rồi sẽ đành phải thế. Nước da của ba chị em họ chói quá

- gần như sáng rõ! - không che đi được. Điểm tốt duy nhất có thể nhắc đến là việc Arabella *không* có tàn nhang là dấu hiệu - tượng hình, có thể Briony sẽ viết thế - cho nét độc đáo của nàng. Tâm hồn trinh khiết của nàng sẽ không bao giờ bị hoài nghi, dù nàng có trầm mình qua một thế giới ô uế. Hai đứa nhóc sinh đôi kia còn nhiều vấn đề hơn, người lạ không thể nào phân biệt được chúng. Có hợp lý không khi tên bá tước gian ác lại giống như hai giọt nước với chàng hoàng tử đẹp trai, hay cả hai lại cùng giống hệt cha của Arabella và cha cô? Nếu Lola được phân vai hoàng tử thì sao nhỉ? Jackson và Pierrot có vẻ là hai thằng nhóc hăng hái diễn hình, chúng sẽ bảo gì làm nấy. Nhưng chị gái chúng có chịu đóng vai con trai không? Cô ta có mắt xanh lá và mặt xương xẩu, má hóp, và trong sự trầm lặng của cô có gì đó căng thẳng cho thấy ý chí mạnh mẽ và tính khí dễ nổi cáu. Cứ thế mà trao vai diễn cho Lola thì dễ gây ra sự cố rắc rối, hơn nữa, Briony liệu có thể nắm tay cô ta trước bệ thờ, trong khi Jackson cao giọng đọc phần trích từ *Sách Kinh Cầu nguyện Chung*?

Phải đến năm giờ chiều hôm đó em mới tập hợp được các diễn viên vào phòng trẻ. Em đã xếp ba ghế đầu thành một hàng, còn em thì đặt mình lên chiếc ghế cao kiểu cổ dành cho em bé - một phong cách phóng túng trao cho em lợi thế chiều cao của trọng tài quần vợt. Cặp sinh đôi đầy miễn cưỡng sau ba tiếng liên tục vầy nước ở hồ bơi. Chúng đi chân không và mặc áo lót bên trên quần bơi đang nhỏ nước tong tong xuống sàn gỗ. Nước cũng chảy thành dòng từ mái tócбет vào nhau xuống cổ, và cả hai đứa đều đang run cầm cập, đầu gối đánh vào nhau thật lực cho ấm người lên. Ngâm nước lâu làm da chúng nhăn lại và trắng nhợt ra, vì thế dưới ánh Sáng mờ mờ ở phòng trẻ, những nốt tàn nhang của chúng biến thành màu đen. Cô chị gái ngồi giữa chúng, chân trái vắt thẳng bằng trên đầu gối phải, thì hoàn toàn tương phản, diêm tĩnh tuyệt đối, đã thoải mái xức nước hoa và diện váy dài vải bông kẻ xanh lá cây cho da bớt sáng rõ đi. Đôi xương đan để lộ chiếc lắc đeo ở cổ chân và móng chân sơn màu đỏ son. Nhìn thấy những móng chân đó Briony có cảm giác co thắt lại ở quanh vùng xương ức và ngay tắp lự em biết mình không thể yêu cầu Lola đóng vai hoàng tử.

Mọi người đã ổn định chỗ ngồi và nhà soạn kịch toan bắt đầu bài diễn văn nho nhỏ tóm tắt cốt truyện và khơi dậy niềm hứng khởi diễn xuất trước các khán giả người lớn tại thư viện tối mai. Nhưng Pierrot lại lên tiếng trước.

“Em ghét kịch và tất cả những thứ kiểu thế.”

“Em cũng ghét kịch, cả hóa trang nữa,” Jackson nói.

Lúc ăn trưa mọi người đã giải thích rằng có thể phân biệt được cặp sinh đôi nhờ một chi tiết là Pierrot bị mất một miếng thịt hình tam giác trên

dái tai trái vì bị chó đớp hồi ba tuổi trong khi hành hạ con chó đó.

Lola đưa mắt nhìn đi chỗ khác. Briony từ tốn nói, “Sao hai em lại ghét kịch?”

“Chỉ được cái phô trương.” Pierrot nhún vai khi phát ngôn ra sự thật hiển nhiên này.

Briony biết nó có lý. Đây chính xác là lý do vì sao em thích kịch, hay ít nhất là kịch của em; vì mọi người sẽ ngưỡng mộ em. Nhìn hai thằng bé ngồi trên ghế, bên dưới chúng nước đang đọng lại thành vũng chờ ngấm vào những kẽ nứt trên sàn gỗ, em biết chúng sẽ không bao giờ hiểu được tham vọng của em. Sự khoan dung làm giọng em dịu hẳn.

“Em nghĩ Shakespeare chỉ phô trương thôi sao?”

Pierrot liếc qua đùi chị về phía Jackson. Cái tên nghe như tên quân đội này chẳng mấy quen thuộc, phả ra vẻ chắc chắn của trường học và người lớn, nhưng cặp sinh đôi tìm thấy ở nhau sự bạo dạn.

“Ai chả biết ông ấy thế.”

“Rõ là thế.”

Khi Lola nói, cô quay sang Pierrot trước và từ nửa câu còn lại đến khi hết thì nhìn Jackson. Ở nhà Briony, bà Tallis chưa bao giờ có chuyện gì cần truyền đạt mà phải nói với hai cô con gái cùng một lúc. Giờ thì Briony đã biết cách nói như thế là thế nào.

“Hai em sẽ đóng kịch, hay ăn một cái tát, và chị sẽ mách bố mẹ nào?”

“Nếu chị tát bọn em, *bọn em* sẽ mách bố mẹ.”

“Hai em sẽ đóng kịch, nếu không chị sẽ mách bố mẹ.”

Việc lời đe dọa được thu gọn lại không có vẻ gì làm giảm bớt uy lực của nó. Pierrot bặm môi dưới.

“Sao bọn em phải làm thế?” Mọi thứ được gói gọn lại trong một câu hỏi, và Lola đánh rối cho mái tóc dính bết của nó bùng lên.

“Nhớ bố mẹ nói gì không? Chúng ta là khách ở nhà này và chúng ta phải cư xử lễ độ - chúng ta phải làm gì để cư xử lễ độ? Nào nói đi. Chúng ta làm gì để cư xử lễ độ?”

“N-goan ngoan,” hai đứa sinh đôi khỏ sở đồng thanh, cơ hồ lấp bắp khi phát âm từ lạ.

Lola quay sang Briony nở một nụ cười. “Kể bọn em nghe về vở kịch của chị đi.”

Bố mẹ. Bất kể thứ sức mạnh được thể chế hóa nào bị giam trong cái danh từ số nhiều này đều sắp tan tành, hay vốn đã tan tành, nhưng tại thời điểm này điều đó không thể được thừa nhận, và ngay cả những đứa còn bé nhất cũng bị đòi hỏi phải có lòng dũng cảm. Đột nhiên Briony thấy xấu hổ với thứ mà em đã bắt đầu một cách ích kỷ, bởi em chưa từng nẩy

ra ý nghĩ rằng chị em họ kia có thể không muốn đóng vai nào trong *Những gian nan của nàng Arabella* cả. Nhưng chúng đang gặp gian nan, một thảm họa của riêng chúng, và bây giờ, với tư cách là khách trong nhà em, chúng tin mình có nghĩa vụ phải tuân phục. Điều tệ hơn là, Lola đã thể hiện rõ cả cô cũng vì bất đắc dĩ mà phải diễn. Những đứa trẻ nhà Quincey yếu ớt bị ép uống. Dù thế, Briony vắt óc để nắm được suy nghĩ rắc rối này: phải chăng ở đây đang diễn ra sự thao túng, phải chăng Lola đang sử dụng cặp sinh đôi để thay cô nói lên điều gì đó, điều gì đó thù địch hoặc tiêu cực? Briony thấy yếu thế khi nhỏ hơn Lola hai tuổi, khi phải đối trọng với sự tinh tế hơn mình tới hai năm tròn, và giờ đây vở kịch của em hóa ra lại là một thứ khiến người khác bẽ bàng, khổ sở.

Tránh ánh mắt Lola trong suốt thời gian còn lại, em tiếp tục phác lại cốt truyện, ngay cả khi sự xuẩn ngốc của nó bắt đầu choán lấy em. Em không còn lòng dạ nào mà khơi dậy ở ba chị em họ kia sự hào hứng trước đêm diễn đầu tiên.

Ngay khi em dứt lời Pierrot nói, “Em muốn là tên bá tước. Em muốn là kẻ xấu.”

Jackson thì chỉ nói, “Em là hoàng tử. Em vốn luôn là hoàng tử.”

Em những muốn kéo ngay chúng vào lòng mà hôn lên khuôn mặt nhỏ xinh của chúng, nhưng lại chỉ nói, “Thế cũng được thôi.”

Lola thả chân xuống, vượt thẳng váy rồi đứng dậy, như thể toan bỏ đi. Cô cất lời trong một tiếng thở dài buồn bã, hoặc cam chịu. “Em nghĩ vì chị là người viết vở kịch nên chị sẽ là Arabella...”

“Ồ không,” Briony nói. “Không. Không nhất thiết.”

Em nói không, nhưng lòng em bảo phải. Đương nhiên em sẽ diễn vai Arabella. Thứ em phản đối là từ “vì” của Lola. Em đóng vai Arabella không phải vì em viết vở kịch này, em đóng vai ấy vì không có khả năng nào khác nảy ra trong đầu em, vì Leon sẽ phải trông thấy em như vậy, vì em là Arabella.

Nhưng em lại vừa nói không, và giờ Lola đang mở lời ngọt ngào, “Thế thì em đóng vai nàng ấy có được không? Em nghĩ em có thể diễn rất tốt. Thực ra, trong hai chúng ta...”

Cô bỏ dở câu nói, và Briony chăm chăm nhìn cô, không tìm nổi nỗi kinh hoàng lộ ra trên nét mặt, và không cất nổi lời. Nó đang tuột khỏi tay em, em biết, nhưng em không tài nào nghĩ ra nổi điều gì muốn nói để mà đưa nó quay lại được. Lợi dụng sự im lặng của Briony, Lola dần bước.

“Năm ngoái em bị ốm rất lâu, vì thế em có thể diễn cả phần đó khá tốt.”

Cả phần đó? Briony không hiểu kịp cô gái lớn hơn kia nói gì. Nỗi khổ sở trước việc không thể tránh khỏi đang giăng mây che mờ lý trí em.

Một trong hai đứa sinh đôi tự hào nói, “Và chị ấy từng đóng kịch ở trường rồi.”

Làm sao em nói với họ được Arabella không phải là một người mặt đầy tàn nhang? Da nàng trắng, tóc nàng đen, và suy nghĩ của nàng là suy nghĩ của Briony. Nhưng làm sao em từ chối một người chị em họ phải lưu lạc rất xa nhà và có một tổ ấm đang đổ vỡ tan tành? Lola hẳn đã đi guốc trong bụng em vì bây giờ cô đang chia ra con bài cuối cùng, quân át không tài nào khước từ nổi.

“Xin chị đấy. Đây sẽ là điều tốt lành duy nhất đến với em trong *tháng* trời qua.”

Đồng ý. Không thể uốn lười thốt nên từ đó, Briony chỉ gật nổi đầu, và cảm thấy khi mình làm vậy, một cơn rung mình dần dỗi sinh ra khi phải ưng thuận tự hủy diệt mình lan chạy suốt bề mặt da và căng phồng lên, khiến căn phòng tối sầm lại trong tiếng mạch đập thành thịch. Em muốn bỏ đi, em muốn ngã xuống nằm một mình, mặt úp xuống giường và nhắm nháp vị cay cay kinh tởm của khoảnh khắc này, rồi quay ngược lại lần theo từng đường của những hậu quả đang nảy sinh cành nhánh kia đến điểm trước khi sự hủy diệt bắt đầu. Em cần nhắm nghiền mắt mà thường ngoạn lại sự quý giá trọn vẹn của thứ em vừa đánh mất, thứ em vừa trao đi, và hình dung ra cục diện mới. Không chỉ phải cân nhắc đến Leon, mà bộ váy xa tanh màu kem và hồng đào may theo kiểu cổ mẹ đang sửa soạn cho em để mặc trong lễ cưới của Arabella thì sao đây? Bộ cánh ấy giờ sẽ chuyển sang tay Lola. Làm sao mẹ em có thể từ chối được cô con gái đã yêu quý mẹ trong suốt bao năm qua? Khi phải nhìn bộ váy kia bó vừa khít người cô em họ một cách hoàn hảo và chứng kiến nụ cười vô tâm của mẹ, Briony biết em chỉ có một lựa chọn thỏa đáng duy nhất là bỏ đi, sống dưới bờ giậu, ăn quả mâm xôi và không nói chuyện với ai, rồi vào một buổi sớm mai mùa đông em được một bác tiểu phu râu ria xồm xoàm tìm thấy đang nằm co quắp dưới gốc cây sồi cổ thụ, xinh đẹp và đã chết, chân không, hay có thể mang đôi giày ba lê vải mem thất nơ hồng...

Nỗi tủi thân cần được em dốc toàn tâm để ý tới, và chỉ khi cô quạnh em mới có thể thổi hồn vào từng tiểu tiết đau lòng nhường ấy, nhưng ngay khi em đồng ý - chỉ nghiêng xương sọ một cái đã có thể biến đổi một cuộc đời cơ đấy! - Lola đã nhặt tập bản thảo của Briony từ dưới sàn lên, và cặp sinh đôi tự xuống khỏi ghế chạy theo chị chúng vào khoảng giữa phòng trẻ mà Briony dọn sạch từ hôm trước. Em có dám bỏ đi ngay giây phút này? Lola bước đi bước lại trên sàn gỗ, một tay đặt lên trán, đọc lướt qua vài trang đầu vở kịch, lẩm nhẩm các câu đoạn mở đầu. Cô tuyên bố chẳng mất mát gì khi bắt đầu ngay từ đầu, và giờ cô đang phân hai đứa em làm cha mẹ Arabella, mô tả đoạn mở đầu cho chúng, tỏ vẻ biết hết

thấy những điều cần biết trong cảnh đó. Việc Lola dan tới nắm quyền chi phối thật tàn nhẫn và khiến chuyện tủi thân trở nên không phù hợp. Hay sẽ càng bội phần ngọt ngào đến không sao chịu đựng? - vì Briony thậm chí còn không được phân vai mẹ Arabella, và bây giờ chắc chắn là lúc để lên ra khỏi đây, về phòng và đổ nhào xuống giường, mặt úp sầm xuống. Nhưng chính sự hăm dọa của Lola, sự vô tâm của cô ta đối với bất cứ gì không phải việc của mình, và niềm tin chắc chắn của Briony rằng cảm xúc thật của em thậm chí sẽ không lộ ra mặt, như thế sẽ bớt thấy tội lỗi hơn, đã truyền cho em sức mạnh cưỡng lại.

Sống một cuộc đời êm ả và được bảo bọc kỹ càng, trước đây em chưa từng một lần thực sự đương đầu với ai. Giờ thì em thấy: điều này giống như lặn xuống hồ bơi vào đầu tháng Sáu; đơn giản là ta phải buộc mình làm thì mới được. Khi em siết chặt cái ghế cao nhô mình tụt xuống và bước lại chỗ cô em họ đang đứng, tim em khổ sở nện thành thịch, hơi thở em gấp gáp.

Em giật kịch bản từ tay Lola rồi nói bằng giọng đanh thép hơn bình thường, “Nếu em là Arabella, chị sẽ là đạo diễn, cảm ơn rất nhiều, và chị sẽ đọc đoạn mở đầu.”

Lola giờ bàn tay lom đom tàn nhang lên che miệng. “Xin lỗiiiii!” cô rú lên. “Em chỉ đang cố khởi động mọi thứ thôi.”

Briony không biết đáp lại thế nào đành quay sang Pierrot nói, “Trông em không giống mẹ Arabella lắm.”

Vụ hủy bỏ quyết định phân vai của Lola và tiếng cười của hai thằng nhóc trước việc đó đã đánh dấu bước chuyển đổi tương quan quyền lực. Lola nhún đôi vai xương xẩu một cách cường điệu rồi bước lại cửa sổ đưa mắt nhìn ra ngoài đăm đăm. Có lẽ chính cô cũng đang vật lộn với cảm dỗ được lao ra khỏi phòng.

Mặc dù cặp sinh đôi bắt đầu trò vật nhau, và cô chị chúng ngờ là sắp bị đầu đầu, buổi tập dượt vô hình trung vẫn được bắt đầu. Trong bầu không khí im lặng căng thẳng, Briony đọc đoạn mở đầu.

Chuyện kể rằng nàng Arabella bỗng bột
Cùng một tên ngoại quốc bỏ trốn đi
Cha mẹ nàng buồn đau ủ dột
Trông cảnh cô con gái đầu lòng
Biến khỏi nhà đi xứ Eastbourne
Mà không được phép...

Đứng ở cánh cổng sắt uốn của dinh thự, vợ kế bên, cha Arabella trước nài xin con gái cân nhắc lại quyết định của nàng, sau cùng quần ra

lệnh nàng không được phép đi đâu cả. Đối diện với ông là nữ nhân vật chính buồn bã nhưng ngang ngạnh, gãi bả tước đứng cạnh nàng, và đôi ngựa của họ, được buộc vào cây sồi gần đó, đang hí vang nện móng xuống mặt đất, nóng lòng xuất phát. Nỗi đau đớn của người cha nên được thể hiện bằng giọng run run khi ông cất tiếng,

Con thân yêu của cha, con trẻ trung và xinh đẹp,
Nhưng non dại, và mặc con nghĩ
Rằng thế giới này nằm dưới chân con,
Nó có thể vùng dậy và giẫm đạp lên con.

Briony bố trí vai diễn của mình; em tự mình bám lấy cánh tay Jackson, Lola và Pierrot đứng cách đó vài bước chân, tay trong tay. Khi mắt hai thằng bé gặp nhau, chúng rúc rích cười khiến hai đứa con gái cùng phải lên tiếng suýt. Tưởng thế đã đủ rắc rối, nhưng phải đến khi Jackson bắt đầu cất tiếng đọc thoại từ tờ giấy nó cầm bằng một giọng đều đều khổ sở, như thể mỗi từ là một cái tên trên danh sách những người đã chết, và không tài nào phát âm được từ “non dại” mặc dù đã dạy nói rất nhiều lần, mà còn bỏ lại hai từ cuối cùng trong câu - “nó có thể vùng dậy và giẫm đạp”, thì Briony mới bắt đầu hiểu ra được lỗi hổng cách biệt giữa ý tưởng và thực tiễn. Còn Lola, cô nói dòng thoại của mình chính xác nhưng hơi hợt, và đôi khi mỉm cười không đúng lúc với những ý nghĩ riêng, kiên quyết thể hiện rằng đầu óc dở cô dở bà của cô còn đang lằng đằng ở một nơi nào khác.

Và cứ thế họ tập, mấy chị em từ phương Bắc ấy, trong tròn vẹn nửa tiếng đồng hồ, liên tục phá hoại thành quả sáng tạo của Briony, chính vì vậy quả là may mắn, khi chị gái em xuất hiện, túm cổ cặp sinh đôi đưa đi tắm rửa.

Hai

Phần vì sức trẻ của nàng và sự huy hoàng của ánh ngày, phần vì con thèm đến bứt rứt một liều thuốc, Cecilia Tallis ôm hoa rào chân men con đường nhỏ ven sông, ven hồ bơi cũ có tường gạch rêu xanh cũ kỹ, rẽ vào rồi đi xuyên qua cánh rừng sồi. Hàng tuần hè trì trệ liền sau đợt thi cuối kỳ cũng tiếp thêm sự hồi hả cho đôi chân; từ lúc về nhà, cuộc đời nàng lặng lẽ đi và một ngày đẹp thế này khiến nàng bồn chồn, cơ hồ liều lĩnh.

Vòm rừng cao và mát lạnh khiến lòng nàng khuây khỏa, nét tinh xảo như được chạm khắc của những thân cây mang vẻ mê đắm diệu kỳ. Khi đã qua được hai cánh cổng sắt, qua khóm hoa đỗ quyên dưới bờ giậu, nàng băng qua bãi cỏ rộng bao la - đã bán đứt cho một nông dân trong vùng để chăn thả bò - và bước lại đằng sau đài phun nước có lớp bệ bao quanh, bản mô phỏng nhỏ bằng một nửa đài phun *Triton* do Bemini thiết kế trên Quảng trường Barberini ở Rome.

Hình người lực lưỡng kia, nửa ngồi nửa quỳ hết sức thoải mái trên tấm vỏ sò, chỉ có thể thổi vọt qua vỏ ốc xà cừ tia nước cao chưa đầy năm phân, áp suất quá yếu nên nước lại rớt xuống trở lại đầu chàng, lên mái tóc bằng đá và chảy dọc rãnh sống lưng hùng dũng, để lại một vết ố xanh thẫm lóng lánh. Phải xa quê xa quán mà lưu lạc ở khí hậu miền Bắc xa lạ này, nhưng chàng vẫn đẹp rạng rỡ dưới ánh ban mai, và bốn chú cá heo đỡ cái vỏ sò có mép lượn sóng mà chàng đang ngồi lên cũng không kém phần đẹp đẽ. Nàng đưa mắt nhìn mấy cái vảy đầy phi thực trên thân bốn con cá heo và cả trên đuôi Triton, rồi về phía ngôi nhà. Đường nhanh nhất vào phòng đón khách là băng qua bãi cỏ và sân hiên rồi đi qua khung cửa sổ Pháp kia. Nhưng anh bạn từ thuở ấu thơ và lên đại học chỉ còn là người quen của nàng, Robbie Turner, lại đang quỳ gối rầy cở đại chỗ bờ giậu mai khô, mà nàng thì không muốn phải bắt chuyện với anh. Hay ít nhất là không phải bây giờ. Từ lúc về lại nhà, làm vườn đã trở thành niềm đam mê áp chót của anh. Giờ thì lại nghe bảo sẽ thi tiếp vào trường y, lấy bằng văn chương rồi mới theo đuổi chuyện đó thì có vẻ khá kiêu căng. Ngạo mạn nữa, vì chính cha nàng mới là người phải trả tiền học phí.

Nàng nhúng bó hoa xuống bể đài phun cho tươi, bể đài phun thì to như thật, sâu và lạnh, và tránh Robbie bằng cách vội quành tới mặt tiền ngôi nhà - nàng nghĩ đây là cơ để lưu lại bên ngoài thêm vài phút nữa. Ánh nắng buổi sáng, hay bất kỳ ánh sáng nào, cũng không thể che đậy nổi vẻ xấu xí của ngôi nhà Tallis – gần bốn mươi năm tuổi, gạch màu vàng thổ, thấp tè, cửa sổ khung bọc chì kiểu Gothic quý tộc, có lần bị Pevsner, hay ai đó trong nhóm của ông ta, chỉ trích trên một bài báo là thảm kịch của những cơ hội bị phí hoài, và bị một cây viết trẻ theo trường phái hiện đại chê là “vô duyên đến độ khiếm khuyết”. Một dinh thự xây theo kiểu Adam đã tọa lạc ở đây cho đến khi bị lửa thiêu rụi vào cuối những năm 1880. Những gì còn lại chỉ là đảo và hồ nhân tạo với hai cây cầu bằng đá bắc ngang làm đường xe chạy, và ven mép nước, là một điện thờ trát vữa xiêu vẹo. Ông nội của Cecilia, lớn lên từ tiệm bán đồ sắt và xây dựng gia tài nhờ một xê ri bằng sáng chế nào khóa móc, nào then cửa, chốt và bản lề, đã áp sở thích mọi thứ chắc chắn, an toàn và thực dụng của mình lên ngôi nhà mới. Mặc dù vậy, nếu một người xây lưng lại

lối vào phía trước và phóng tầm mắt hết đường xe chạy, bỏ qua đám ngựa Friesian chưa gì đã tụ tập dưới bóng râm những cây đứng cách xa nhau, thì quang cảnh cũng đằm đệp, tạo ấn tượng về một sự tĩnh lặng phi thời, bất dịch, những điều càng khiến nàng chắc chắn hơn bao giờ hết rằng mình phải sớm rời khỏi đây.

Nàng bước vào trong, lạnh lẽo băng qua tiền sảnh lát gạch đen trắng - tiếng chân nàng bước vang vọng mới thân thuộc làm sao, mới khó chịu làm sao - rồi dừng lại ở bậu cửa phòng khách lấy hơi. Nhỏ những giọt nước mát lạnh xuống đôi chân mang xăng đan của nàng, bó hoa liễu diệp và diên vĩ lộn xộn khiến tâm trạng nàng dễ chịu hơn. Chiếc bình hoa nàng tìm nằm trên một cái bàn gỗ anh đào của Mỹ bên cánh cửa kính ban công đang khép hờ. Vị trí hướng Đông Nam của ngôi nhà cho phép những vật ánh nắng ban mai dần bước qua cả tấm thảm xanh màu nước biển. Hơi thở nàng điều hòa trở lại và cơn thèm thuốc lá càng dữ dội hơn, nhưng nàng vẫn nán nã nơi cửa, trong khoảnh khắc bị trì nứu bởi sự hoàn hảo của khung cảnh - bởi ba cái sofa Chesterfield đã lột màu kê quanh lò sưởi kiểu Gothic gần như mới toanh trong có dựng một loạt những khúc gỗ lách đặc trưng cho mùa đông, bởi cây đàn clavico lạc giọng, vắng tay người chơi và giá nhạc bằng gỗ hồng sắc không dựng tới, bởi những tấm rèm nhung nặng nề, treo trễ nải bằng dây có nệm tua xanh và cam, đóng khung một mảnh trời không mây và sân hiên đốm vàng đốm xám nơi cam cúc và cúc thanh nhiệt trời lên giữa những kẽ lát đá. Bạc thềm dần xuống bãi cỏ nơi Robbie vẫn đang mài miết làm việc ở rìa, bãi cỏ kéo dài ra tới tận đài phun Triton cách đó năm mươi lăm mét.

Tất thảy những thứ này - sông, hoa, chạy, những thứ nàng hiếm khi làm vào những ngày này, những cảnh sồi đẹp để vươn ra trên thân như những dẻ sườn, căn phòng trần cao, vòm ánh sáng, tiếng tim đập trong tai chìm vào tĩnh lặng - khi sự thân thuộc hóa thành nét xa lạ quyến rũ, tất thảy những thứ này bỗng làm nàng khoan khoái. Nhưng nàng cũng cảm thấy muốn quở mắng nỗi nhàm chán khi ở ru rú trong nhà. Nàng từ Cambridge về mang theo một niềm tin mơ hồ rằng mình nợ gia đình một khoảng thời gian ở bên họ liên tục. Nhưng cha nàng vẫn còn lưu lại thành phố, còn mẹ nàng, khi bà không phải lo chăm chứng đau nửa đầu thì lại có vẻ xa cách, thậm chí thiếu thân thiện. Cecilia có lần đã bùng khay trà đến tận phòng mẹ - bắn thui đến ngoạn mục không kém gì phòng nàng - nghĩ rằng biết đâu có thể chuyện trò thân mật. Nhưng, Emily Tallis chỉ muốn chia sẻ những bức dọc nhỏ nhặt chuyện nhà chuyện cửa, hoặc ngồi tựa gối, nét mặt u sầu khó hiểu, im lặng uể oải nhấp cạn tách trà. Briony thì đắm mình vào mộng tưởng viết lách - việc trước đây có vẻ là thú vui dờ hơi thoáng qua giờ hóa ra lại là nỗi ám ảnh bao chiếm trọn vẹn.

Sáng hôm đó Cecilia đã gặp bọn trẻ trên cầu thang, em gái cô dẫn ba chị em họ kia, những đứa trẻ đáng thương vừa mới chân ướt chân ráo đến hôm qua, lên phòng trẻ để tập vở kịch Briony muốn diễn vào buổi tối, khi Leon và bạn anh về. Còn quá ít thời gian, mà một trong hai đứa nhóc sinh đôi đã bị Betty phạt nhốt trong phòng rửa bát vì đã làm gì đó sai trái. Cecilia chẳng buồn nghĩ đến chuyện giúp đỡ - trời nóng quá, mà dù nàng có làm gì chẳng nữa, dự án kịch kia cũng kết cục trong tai họa, vì Briony đã trông đợi quá nhiều, trong khi không một ai, đặc biệt là đám chị em họ, đủ khả năng đáp ứng được viễn tượng điên rồ của em.

Cecilia biết mình không thể cứ hoài phí tháng ngày trong cái ngột ngạt của căn phòng bừa bộn, nằm trên giường trong làn khói thuốc mờ ảo, tay chống cằm, sờn gai ốc khắp cánh tay trong lúc mải mê đọc *Clarissa* của Richardson. Nàng từng hờ hững bắt đầu vẽ một cây phả hệ, nhưng về đằng nội, ít nhất cho đến khi ông cô nội của nàng mở cái cửa hàng đồ sắt xoàng xĩnh ấy, tổ tiên nàng chỉ chìm đắm không gì cứu vãn nổi trong vũng lầy toàn việc trang trại đồng áng, những vụ đổi họ đáng ngờ và khó hiểu của cánh đàn ông, và các cuộc hôn nhân theo tập tục chứ không được ghi chép lại trong sổ sách xứ đạo. Nàng không thể lưu lại đây mãi, nàng biết mình nên lên kế hoạch, nhưng nàng chẳng động tay chân. Có rất nhiều khả năng, nhưng hết thảy đều chẳng hề câu thúc. Nàng có ít tiền trong tài khoản, đủ cho nàng sống tằn tiện trong khoảng một năm. Leon không ngớt mời nàng đến ở cùng anh tại London. Bạn bè đại học đề nghị giúp nàng tìm việc làm - một công việc nhàm chán, tất nhiên, nhưng nàng sẽ tự lập. Nàng có những bà dì ông cậu thú vị luôn sẵn lòng gặp nàng, gồm cả dì Hermione phóng túng, mẹ của Lola và hai thằng bé, hiện giờ đang ở tận Paris với người tình làm việc tại đài truyền thanh.

Không ai níu Cecilia lại, không ai đặc biệt quan tâm nếu nàng đi. Không phải sự uể oải kìm giữ nàng - nàng vẫn thường bồn chồn đến mức dễ cáu kỉnh. Đơn giản là nàng chỉ thích cảm thấy có ai đó ngăn nàng ra đi, có ai đó cần đến nàng. Hết lần này lượt khác nàng thuyết phục bản thân rằng nàng ở lại là vì Briony, hay để giúp mẹ nàng, hay bởi thực sự đây là kỳ lưu lại cuối cùng liên tục ở nhà nên nàng sẽ không bỏ dở. Nhưng thực ra nàng cũng chẳng mấy hào hứng với ý nghĩ đóng gói va li rồi bắt chuyến tàu buổi sớm. Ra đi chỉ vì ra đi. Nấn ná lại đây, vừa nhàm chán vừa dễ chịu, là một dạng tự trừng phạt nhuộm màu khoái cảm, hoặc nàng cũng trông đợi nó như vậy; nếu nàng ra đi biết đâu sẽ có chuyện gì đó tồi tệ xảy ra, tệ hơn thế, biết đâu lại có chuyện gì đó tốt lành, chuyện gì đó mà nàng không nên để lỡ. Lại còn Robbie nữa, anh làm nàng giận điên lên được với cái vẻ bộ tịch xa cách, với những kế hoạch vĩ đại chỉ

bàn bạc với cha nàng. Hai người quen nhau từ hồi mới lên bảy, nàng và Robbie, và nàng thấy buồn bực vì hai người vẫn gượng gạo khi nói chuyện. Mặc dù nàng cảm thấy phần lớn đó là lỗi của anh - phải chăng cái vị trí luôn đứng đầu đã khiến anh mê muội? - nàng biết mình phải làm cho ra ngô ra khoai chuyện này rồi mới nghĩ đến việc ra đi.

Qua khung cửa sổ mở lần vào mùi phân bò thoang thoảng, luôn hiện hữu trừ ngày đông giá lạnh, và chỉ những ai đi xa về mới để ý thấy. Robbie đã bỏ xềng xuống và đứng lên quán thuốc, một thói quen tàn tích từ thời gian sinh hoạt đảng Cộng sản của anh - một đam mê dở hơi bị bỏ rơi khác, cùng với những tham vọng trong ngành nhân chủng học, và kế hoạch đi bộ từ Calais sang Istanbul. Mà thuốc lá của nàng thì lại cách chỗ nàng đang đứng đến hai đợt cầu thang, đầu đó trong mấy cái túi.

Nàng tiến vào phòng, tống chỗ hoa vào bình. Cái bình hồi xưa là của bác Clem, nàng còn nhớ khá rõ lễ tang của ông, hay cải táng thì đúng hơn, vào những ngày cuối chiến tranh: chiếc xe vốn để chở pháo tiến vào sân nhà thờ ở quê, quan tài được phủ cờ trung đoàn, những thanh kiếm giờ cao, đồng đất bên huyết, và đáng nhớ nhất với một đứa trẻ năm tuổi là cảnh cha nàng nức nở. Clem là người anh duy nhất của ông. Câu chuyện làm thế nào bác lại có cái bình được kể lại trong một trong những lá thư cuối cùng viên trung úy trẻ viết về nhà. Ông làm nhiệm vụ liên lạc bên quân khu của Pháp và đề xướng tản cư một thành phố nhỏ phía Tây Verdun vào phút chót trước khi nó bị pháo kích. Khoảng năm mươi phụ nữ, trẻ em và người già đã được cứu mạng. Sau đó, thị trường và những quan chức khác đưa bác Clem vào lại thành phố đến một bảo tàng đã bị thiêu hủy quá nửa. Cái bình được lấy ra từ một kệ kính đã vỡ tan tành và trao tặng để tỏ lòng biết ơn. Không thể nào từ chối, dù có bất tiện đến đâu khi phải đi chiến đấu với một cái bình sứ Meissen kè kè kẹp dưới một bên tay. Một tháng sau, cái bình được để lại một trang trại cho an toàn, và Trung úy Tallis đã lội qua sông mùa nước lên để tìm lại nó, rồi giữa đêm lại lội ngược lại dòng nước đó để nhập với đơn vị. Vào những ngày cuối cùng của cuộc chiến, ông được cử đi tuần tra và đã gửi lại cái bình cho một người bạn để cất giữ an toàn. Cái bình từ từ tìm đường quay lại sở chỉ huy trung đoàn, rồi được gửi đến nhà Tallis vài tháng sau lễ tang bác Clem.

Đúng là chẳng ích gì khi cô cầm lại đám hoa dại. Chúng cứ ngã nhào vào chuẩn cân đối của riêng chúng, và đúng là phân bố hoa diên vĩ và liễu điệp quá đều nhau đã làm hỏng hết ấn tượng. Nàng mất đến vài phút chỉnh lại để bình hoa có được vẻ lộn xộn tự nhiên. Trong lúc đó, nàng băn khoăn không biết có nên ra ngoài lại chỗ Robbie. Để khỏi phải chạy lên cầu thang. Nhưng nàng thấy khó chịu và nóng nực, và muốn nhìn thử

dung mạo mình trong tấm gương mạ vàng lớn đặt trên lò sưởi. Nhưng nếu thế, anh mà quay lại - anh đang đứng xây lưng lại nhà, hút thuốc - thì sẽ nhìn thẳng ngay vào phòng. Cuối cùng nàng cũng chỉnh xong hoa và lại đứng lên. Giờ thì bạn anh nàng, Paul Marshall, sẽ tin rằng hoa đơn giản đã được thả vào bình một cách không chủ ý hết như khi chúng được hái vậy. Nàng biết thật vô nghĩa khi cắm hoa vào bình mà chưa đổ nước - nhưng đằng nào cũng thế rồi; nàng không cưỡng lại được việc chỉnh chúng trước, vả lại không phải mọi thứ con người làm đều có thể theo một trật tự logic, chính xác, nhất là khi họ chỉ có một mình. Mẹ nàng muốn để hoa trong phòng khách và Cecilia vui vẻ vâng lời. Nơi lấy nước là ở bếp. Nhưng Betty đang chuẩn bị nấu bữa tối, và đang trong tâm trạng rất dễ nổi đóa. Không chỉ thằng nhỏ, Jackson hay Pierrot, mới co rúm lại run rẩy - mà cả người giúp việc thêm từ làng lên cũng thế. Từ phòng khách này đã có thể nghe được tiếng hét nóng giận ghen ghét thỉnh thoảng vút lên và tiếng chảo đập loảng xoảng lên mặt lò bằng một lực không mấy bình thường. Nếu giờ mà Cecilia ló mặt vào, nàng sẽ phải làm trung gian hòa giải giữa những lời chỉ dẫn mơ hồ của mẹ và tâm trạng kích động của Betty. Rõ là hợp lý hơn khi ra ngoài lấy nước vào bình chỗ đài phun.

Hồi mười mấy tuổi, có lần một người bạn của cha Cecilia làm việc ở Bảo tàng Victoria and Albert đã đến xem xét cái bình và khẳng định nó khá quý. Nó là đồ sứ Meissen thật trăm phần trăm, tác phẩm của nghệ sĩ vĩ đại Horoldt, ông vẽ nó vào năm 1726. Gần như chắc chắn nó từng thuộc sở hữu của Vua August. Mặc dù nó được liệt vào thứ đáng giá hơn những thứ khác trong nhà Tallis, hầu hết là những thứ tạp nhạp ông nội Cecilia sưu tầm, Jack Tallis vẫn muốn cái bình luôn được sử dụng, để tưởng nhớ người anh trai. Nó không nên bị giam cầm trong tủ kính. Lý lẽ là nếu đã sống sót được qua chiến tranh, thì nó có thể sống sót giữa những người nhà Tallis. Vợ ông không phải không đồng tình. Sự thật là, dù giá trị của nó vĩ đại cỡ nào, và bất chấp mọi moi liên hệ mà cái bình mang trong nó, Emily Tallis vẫn không thích nó lắm. Hình vẽ mấy người Trung Hoa nhỏ xíu trịnh trọng tụ tập quanh bàn trong một khu vườn, xung quanh là cây cối rườm rà và lũ chim chóc trông đầy giả tạo, tạo cảm giác ngọt ngào và cầu kỳ rối mắt. Phong cách Trung Hoa nói chung thường khiến bà thấy nhàm chán. Cecilia thì không có ý kiến gì đặc biệt, dù thỉnh thoảng nàng vẫn tự hỏi ở nhà đấu giá Sotheby's thì cái bình bán được bao nhiêu. Cái bình được tôn kính không phải chỉ vì tài nghệ tráng những lớp men đa sắc siêu phàm của Horoldt hay những họa tiết trang trí kiểu dây da bện và hoa văn cành lá màu xanh dương và vàng chói quăn quýt vào nhau, mà vì bác Clem, vì những sinh mạng bác đã cứu sống, vì con sông bác đã băng qua lúc nửa đêm, và vì cái chết của bác chỉ một tuần

trước ngày đình chiến. Hoa, đặc biệt là hoa dại, có lẽ là tặng vật thích hợp.

Cecilia đứng một chân giữ chặt cái bình sứ mát lạnh bằng cả hai tay, chân còn lại đẩy cánh cửa sổ Pháp mở toang. Khi nàng bước ra ánh sáng rõ ràng, mùi đá nóng sức lên như một vòng tay thân mật. Hai con chim nhạn đang chao cánh trên đài phun, và bài ca của một chú claim chích vang lên xuyên qua không trung từ bên trong tán lá gần như tối thẫm của cây tuyết tùng khổng lồ xứ Lebanon vạm vỡ. Những cánh hoa rập rờn trong làn gió nhẹ, khẽ mơn trớn mặt nàng khi nàng bước qua sân hiên và thận trọng đưa chân bước lên ba bậc lung lay dẫn xuống con đường lát sỏi. Robbie thỉnh thoảng quay lại khi nghe tiếng nàng bước đến.

“Tôi đang mãi nghĩ,” anh cất lời giải thích.

“Anh quán cho tôi một liều Bolshevik anh đang có được không?”

Anh ném liều thuốc của mình qua một bên, nhặt chiếc hộp thiếc nằm trên áo khoác trên bãi cỏ rồi sánh bước cùng nàng đến đài phun. Trong một lát, hai người lặng thinh.

“Hôm nay trời đẹp nhỉ,” rồi nàng nói trong tiếng thở dài.

Anh nhìn nàng bằng ánh mắt nghi ngờ thích thú. Có thứ gì đó giữa hai người, ngay cả nàng cũng phải thừa nhận rằng một lời nhận xét nhạt nhẽo về thời tiết nghe thật gượng gạo.

“Clarissa hay không?” Anh cụp mắt xuống nhìn ngón tay đang quán thuốc.

“Chán lắm.”

“Chúng ta đâu được phép nói vậy.”

“Tôi mong cô ta sẽ làm tới luôn.”

“Có chứ. Rồi chuyện hay hơn nhiều.”

Họ bước chậm lại, rồi dừng hẳn để anh đưa ngón tay quán nốt vòng cuối cho liều thuốc của nàng.

Nàng nói, “Tôi thà đọc Fielding còn hơn.”

Nàng có cảm giác vừa nói một điều ngu xuẩn. Robbie đưa mắt nhìn qua bãi cỏ và lũ bò tới cánh rừng sồi nằm trong thung lũng sông, khu rừng sáng đó nàng đã chạy qua. Anh có thể sẽ nghĩ nàng đang bóng gió với anh, khơi gợi rằng nàng thích người cường tráng và gợi tình. Dĩ nhiên điều đó không đúng, nàng lúng lúng và không biết làm cách nào để nói cho anh hiểu đúng. Nàng thích mắt anh, nàng nghĩ, hòa quyện không lẫn lộn hai màu cam và xanh lá cây, dưới ánh nắng mặt trời trông càng như có hạt óng ánh. Và nàng thích sự thật rằng anh rất cao. Một sự kết hợp quyến rũ ở người đàn ông: trí thông minh và sức dài vai rộng. Cecilia cầm lấy liều thuốc và anh châm cho nàng.

“Tôi hiểu ý cô,” anh nói trong khi họ bước đi nốt vài mét đến chỗ đài phun, “ở Fielding có nhiều yếu tố đời sống hơn, nhưng về mặt miêu tả tâm lý thì ông hơi thô so với Richardson.”

Nàng đặt bình xuống cạnh mấy bậc mấp mô dẫn lên bể đá của đài phun. Nàng chẳng lòng dạ nào muốn tranh luận như khi học đại học về văn chương thế kỷ mười tám. Nàng không hề nghĩ Fielding thô, hay Richardson là một nhà tâm lý tài ba, nhưng nàng sẽ không sa vào, biện hộ, giới thuyết, bác lại. Nàng chán những thứ đó rồi, mà Robbie khi tranh luận thì ngoan cố lắm.

Nên nàng chỉ nói, “Hôm nay Leon về đấy, anh biết không?”

“Tôi có nghe phong thanh. Thật tuyệt quá.”

“Anh ấy đưa bạn về, anh ấy tên là Paul Marshall.”

“Nhà tỉ phú sôcôla. Ồi không! Và cô sắp tặng hoa cho anh ta!”

Nàng mỉm cười. Phải chăng anh đang vờ vĩnh ghen tuông để che giấu sự thật là anh thực sự đang ghen tuông? Nàng không còn hiểu được anh nữa. Hai người đã không liên lạc với nhau từ hồi ở Cambridge. Quá khó để làm gì đó khác. Nàng bèn đổi chủ đề.

“Ông Già bảo anh sẽ làm bác sĩ.”

“Tôi đang suy nghĩ.”

“Anh hẳn là yêu đời sinh viên lắm.”

Anh lại đưa mắt nhìn đi chỗ khác, nhưng lần này chưa đến một giây, và khi anh quay lại nàng nghĩ mình vừa thấy một thoáng tức giận. Có phải giọng nàng nghe có vẻ hạ cố? Nàng lại nhìn vào mắt anh, những đốm cam và xanh lá cây, như hòn bi ve của một cậu bé. Nhưng khi nói giọng anh lại hoàn toàn dễ chịu.

“Tôi biết cô chẳng bao giờ thích những thứ như thế, Cee ạ. Nhưng còn cách nào khác để trở thành bác sĩ nữa chứ?”

“Ý tôi là vậy đấy. Lại sáu năm nữa. Để làm gì?”

Anh không méch lòng. Nàng mới là người hay suy diễn, dễ kích động mỗi khi có mặt anh, và nàng khó chịu với chính mình.

Anh trả lời câu hỏi của nàng một cách nghiêm túc. “Thực sự sẽ không ai trả lương cho tôi làm một anh thợ làm vườn. Tôi không muốn dạy học, hay thi vào ngạch công chức. Vả lại y học cũng khiến tôi hứng thú...” Anh ngừng bật khi nảy ra một ý nghĩ. “Nghe này, tôi đã đồng ý sau này trả lại tiền cho cha cô. Thỏa thuận là thế.”

“Tôi hoàn toàn không định nói chuyện đó.”

Nàng ngạc nhiên khi anh nghĩ nàng đang đưa vấn đề tiền nong ra. Anh thật tủn mủn. Cha nàng đã bao cấp việc học hành của Robbie từ trước đến giờ. Đã ai lên tiếng phản đối chưa? Nàng đã nghĩ mình tự tưởng tượng ra, nhưng hóa ra nàng đúng - gần đây có gì đó khó chịu

trong cách xử sự của Robbie. Anh luôn có cách chặn họng nàng bất cứ khi nào có thể. Hai hôm trước anh đã bấm chuông cửa trước - tự việc này đã kỳ quặc rồi, vì anh luôn được tự do ra vào ngôi nhà. Khi tiếng chuông gọi nàng xuống, anh đang đứng ngoài lớn tiếng hỏi vọng vào trong bằng giọng lạnh lùng rằng cho anh mượn cuốn sách được không. Khi việc đó xảy ra, Polly đang bỏ cả người ra lau sàn ở sảnh vào. Robbie trịnh trọng tháo ủng ra mặc dù chúng chẳng bẩn chút nào, rồi nghĩ thêm, cời luôn cả tất, và rón rén theo kiểu cường điệu rất hoạt kê đi trên sàn ướt. Mọi việc anh làm đều nhằm mục đích giữ khoảng cách với nàng. Anh đang đóng vai con trai của người lau dọn đến nhà lớn chạy việc vặt. Hai người cùng nhau vào thư viện, và khi anh tìm thấy cuốn sách mình cần, nàng mời anh lưu lại dùng một tách cà phê. Cái kiểu run rẩy từ chối ấy đúng là một màn vờ vĩnh - anh là một trong những người tự tin nhất mà nàng từng gặp. Nàng biết mình bị giễu. Bị cự tuyệt, nàng ra khỏi phòng lên lầu nằm lăn ra giường với *Clarissa*, đọc mà không nhồi nổi vào đầu một từ nào, cảm thấy mỗi lúc một cáu giận và bối rối. Nàng bị giễu, hay bị trừng phạt - nàng không hiểu đằng nào thì tệ hơn. Bị trừng phạt vì đã thuộc về một giới khác khi ở Cambridge, vì đã không có một bà mẹ làm nghề lau chùi; bị giễu nhại vì cái bằng hạng xoàng của nàng - mà thực ra đằng nào người ta cũng đâu có trao bằng cho nữ giới.

Lóng ngóng, vì vẫn cầm điều thuốc, nàng nhấc chiếc bình lên rồi khéo léo đặt nó đứng trên thành bể. Sẽ hợp lý hơn nếu lấy hoa ra trước, nhưng nàng thì đang cáu quá. Tay nàng vừa nóng vừa khô ran, nên nàng phải siết chặt cái bình sứ hơn. Robbie im Lặng, nhưng nhìn biểu hiện trên mặt anh - một nụ cười gượng gạo, cổ căng ra trên đôi môi mím - là nàng biết anh hối hận vì đã nói thế. Nhưng như vậy cũng chẳng giúp nàng thấy dễ chịu hơn. Chuyện này luôn xảy ra khi họ trò chuyện với nhau những ngày gần đây; nếu không phải nàng thì cũng là anh liên tục cư xử không phải, luôn cố gọi lại lời nhận xét lần trước. Không một chút thoải mái, không một chút bình lặng trong những câu họ chuyện trò, không cơ hội để họ thư giãn. Thay vào đó, chỉ là những chông gai, cạm bẫy, những lần chuyển chủ đề gượng gạo khiến nàng căm ghét bản thân mình cũng nhiều ngang với căm ghét anh, mặc dù nàng không nghi ngờ gì rằng chính anh mới là người có lỗi chính. Nàng không hề thay đổi, nhưng chắc chắn anh đã đổi thay. Anh đặt ra khoảng cách giữa anh và cái gia đình trước nay vẫn hoàn toàn mở rộng vòng tay với anh, trao cho anh mọi thứ. Chỉ riêng lý do này thôi - biết thừa anh sẽ từ chối, và chính nàng trước đó đã không vui - tối đó nàng đã không mời anh đến dùng bữa tối. Anh muốn khoảng cách chứ gì, thì cho anh có khoảng cách.

Trong bốn con cá heo dùng đuôi đỡ cái vỏ sò cho Triton ngồi quỳ, con gần Cecilia nhất có miệng mở rộng nhồi đầy những rêu với tảo. Cầu mắt bằng đá, to ngang quả táo, xanh lóng lánh màu lá cây. Toàn bộ mặt hướng về phía Bắc của bức tượng phủ một lớp gỉ đồng xanh nhạt, nên khi nhìn vào từ góc độ nhất định, và dưới ánh sáng mờ mờ, thần Triton cuộn cuộn cơ bắp tạo cảm giác như đang ở sâu hàng trăm hải lý dưới biển. Dụng ý của Bemini hẳn là để nước từ vỏ sò lớn có mép mấp mô thánh thốt chảy xuống bể bên dưới. Nhưng áp suất quá yếu, vì thế nước chỉ ri rỉ men theo mặt dưới vỏ sò, nơi chất bùn nhớt tặn đọng cơ hội treo mình vào trong những giọt đang nhỏ xuống, như thạch nhũ trong động đá vôi. Bể sâu hơn một mét và sạch bong. Đáy bể là một tảng đá láng mịn màu xanh xám, trên đó là vô số những khoảng sáng hình chữ nhật cạnh trắng in bóng sóng lăn tăn được làm nên từ ánh mặt trời bị khúc xạ hết tách ra lại gổì lên nhau chồng chéo.

Nàng định nhào người qua thành bể, để nguyên hoa trong bình rồi nghiêng bình xuống nước, nhưng đúng giây phút đó Robbie, vì muốn chuộc lỗi, bèn cố tỏ ra có ích.

“Để tôi làm cho,” anh nói, chìa tay ra. “Tôi sẽ lấy nước vào bình cho cô, còn cô cầm hoa.”

“Tôi tự làm được, cảm ơn.” Nàng đã chìa cái bình ra ngoài bể rồi.

Nhưng anh nói, “Này, tôi cầm rồi.” Và anh đã cầm, giữ chắc bằng ngón trỏ và ngón cái. “Thuốc của cô ứt mất. Cầm hoa đi.”

Anh đã cô tạo cho mệnh lệnh này vẻ nam quyền cương quyết. Hậu quả tác động lên Cecilia là khiến nàng siết chặt tay cầm hơn. Nàng không có thời gian, và dĩ nhiên không có ý định giải thích rằng nhúng cả bình và hoa xuống nước sẽ giúp tạo ra vẻ tự nhiên mà nàng muốn có cho lọ hoa. Nàng cầm chặt hơn và lách người khỏi anh. Anh không dễ bị tổng khứ như thế. Một âm thanh khô như cành cây gãy rắc vang lên, một phần miệng bình rời ra trong tay anh, và vỡ tan thành hai mảnh hình tam giác rơi tõm xuống nước, nhào lộn nhịp nhàng với nhau trên đường lao xuống đáy, rồi nằm đó, cách nhau vài xăng-ti-mét, trông méo mó trong ánh sáng bị khúc xạ.

Cecilia và Robbie chết sững trong tư thế đang giành nhau. Mắt gặp mắt, và cái nàng nhìn thấy trong gam màu hòa quyện hai sắc xanh cam thất thần kia không phải sự kinh ngạc, hay tội lỗi, mà là một kiểu thách thức, hay thậm chí là đắc thắng. Nàng đủ tỉnh táo để đặt lại chiếc bình mẻ kia xuống bậc trước khi để bản thân đối mặt với tầm nghiêm trọng của tai biến này. Thật vô cùng hấp dẫn, thậm chí đáng hài lòng nữa, vì nàng biết chuyện càng nghiêm trọng thì Robbie sẽ thấy càng tội tệ. Người bác quá cố của nàng, anh trai thân yêu của cha nàng, cuộc chiến tranh vô ích ấy,

vụ vượt sông nguy hiểm ấy, sự quý giá không tiền bạc nào sánh nổi ấy, chủ nghĩa anh hùng và lòng hào hiệp, ngần ấy năm dồn tụ đằng sau lịch sử của chiếc bình kể từ thời Horoldt thiên tài, và trước ông xa hơn nữa đến tận thời của những nghệ nhân nắm bí quyết đã tái sinh đồ sứ...

“Đồ ngốc! Nhìn xem anh đã làm cái gì đây này.”

Anh nhìn xuống nước, rồi nhìn nàng, và chỉ đơn giản lắc đầu khi đưa tay lên che miệng. Bằng cử chỉ này anh đã nhận hoàn toàn trách nhiệm, nhưng vào giây phút đó, nàng cảm ghét anh vì anh đã phản ứng quá yếu ớt. Anh liếc về phía bể rồi thở dài. Trong một khoảnh khắc anh nghĩ nàng sắp lùi lại giẫm lên cái bình, anh giơ tay lên chỉ, dù vẫn không nói gì. Thay vì thế anh bắt đầu cởi cúc áo. Ngay lập tức nàng biết anh sắp làm gì. Không thể dung thứ nổi. Anh ta đã đến nhà, rồi cởi giày, cởi tất - được thôi, nàng sẽ cho anh thấy. Nàng hást phăng đôi xăng đan ra, mở cúc áo và cởi ra, tụt váy xuống và bước chân ra khỏi nó, tiến đến thành bể. Anh đứng chống nạnh trần trối nhìn nàng mặc độc bộ đồ lót chuỗi người xuống nước. Khước từ sự giúp đỡ của anh, khước từ mọi khả năng chuộc lỗi, là hình phạt dành cho anh. Nước lạnh cóng bất ngờ khiến nàng thở hổn hển là hình phạt dành cho anh. Nàng nín thở và ngụp xuống, để tóc xòa tung trên mặt nước. Tự trầm chính nàng sẽ là hình phạt dành cho anh.

Khi nàng trôi lên một vài giây sau, hai tay cầm hai mảnh sứ, anh biết tốt hơn không nên đề nghị giúp nàng ra khỏi nước. Vị nữ thần trắng ngần mảnh mai, từ người nàng nước ầm ầm đổ xuống, trắng lợt hơn nhiều so với từ chàng Triton lực lưỡng kia, cẩn thận đặt những mảnh vỡ cạnh cái bình. Nàng mau lẹ mặc lại váy áo, khó nhọc xỏ cánh tay ướt sũng vào tay áo lụa, rồi nhét vào váy chiếc áo chưa cài khuy. Nàng nhặt đôi xăng đan lên rồi kẹp chặt vào dưới cánh tay, bỏ những mảnh vỡ vào túi váy rồi cầm cái bình lên. Nàng cử động một cách bạo liệt, và không thềm nhìn vào mắt anh. Anh không tồn tại, anh bị trục xuất, và đây cũng là hình phạt. Anh chờ đến đứng đó khi nàng bước đi, chân trần trên cỏ, và anh nhìn mái tóc bị nước làm cho sẫm màu của nàng vung vẩy nặng nề trên vai, làm ướt sũng chiếc áo. Rồi anh quay lại nhìn xuống làn nước vì nhớ đâu nàng còn để sót một mảnh vỡ. Rất khó nhìn vì mặt nước bị khuấy tung kia vẫn chưa hồi lại được trạng thái phẳng lặng, và sự xáo trộn đó là do cơn thịnh nộ còn nấn ná trong nàng gây ra. Anh xòe tay khẽ áp vào mặt nước, như để mơn trớn xoa dịu. Nàng, khi đó, đã mất dạng vào nhà.

Ba

Theo như tấm áp phích treo ở tiền sảnh, ngày công diễn đầu tiên của vở *Những gian nan của nàng Arabella* chỉ sau lần tập đầu tiên duy có một hôm. Tuy nhiên, quả không mấy dễ dàng cho nhà biên kịch kiêm đạo diễn tìm được lúc nào không có vụ gì để làm việc tập trung. Như buổi chiều hôm trước thì khó khăn nằm ở khâu tập hợp đội ngũ diễn viên. Vào đêm Arabella bất tuân lời cha, Jackson đã đái dầm ra giường, như bao thằng nhóc xa nhà bất an khác, và bị bắt buộc làm theo lý thuyết hiện thời là mang ga trải giường cùng pyjama xuống phòng giặt tự mình giặt lấy, bằng tay, dưới sự giám sát của Betty, người đã được chỉ đạo là phải giữ khoảng cách và cứng rắn. Việc này đưa ra không phải là để phạt thằng bé, mà chỉ để hướng cho nó có ý thức rằng những việc làm sai trái trong tương lai sẽ dẫn đến những chuyện phiền phức và vất vả; nhưng nó buộc phải cảm thấy đó thực sự là hình phạt khi đứng ở chỗ cái bồn đá to đùng cao đến ngang ngực, bọt xà phòng bò lên tận cánh tay trần làm ướt sũng hai tay áo sơ mi đã xắn lên, tấm ga ướt nặng như một con chó chết và cảm giác khổ sở tột độ bao trùm khiến nó chẳng còn thiết gì nữa. Briony chốc chốc lại chạy xuống xem nó làm ăn ra sao. Em bị cấm không được giúp, còn Jackson, dĩ nhiên, chưa bao giờ giặt một thứ gì trong đời nó; hai lần giặt, vô số lần giữ và cuộc vật lộn không ngừng nghỉ bằng cả hai tay với cái máy cán là, cộng thêm mười lăm phút run lẩy bẩy sau đó ở bàn bếp với bánh mì, bơ và một ly nước, đã chiếm mất đứt hai tiếng diễn tập.

Khi Hardman từ cái nóng buổi sáng bước vào lấy vại bia, Betty bảo anh ta rằng bà hết chịu nổi khi cứ phải chuẩn bị bữa tối có món thịt nướng đặc biệt trong thời tiết thế này, và rằng cá nhân bà nghĩ đối xử với thằng bé như thế là khắc nghiệt quá, đáng lẽ chỉ nên cho vài cái phát thật đau vào mông, rồi tự mình giặt ga. Với Briony thì nghe rất hợp nhĩ, vì buổi sáng đang sắp hết đến nơi. Khi mẹ em đích thân xuống xem nhiệm vụ đã được hoàn thành, thì không thể tránh khỏi chuyện cảm giác được giải thoát tràn ngập lòng những kẻ can dự, còn trong tâm trí bà Tallis lại xuất hiện ít nhiều cảm giác tội lỗi không nói ra, vì thế khi Jackson lí nhí xin phép được bơi ở hồ bơi bây giờ và cho em trai đi cùng, ước muốn của nó ngay lập tức được đáp ứng, còn những lời phản đối của Briony bị gạt sang bên một cách rộng lượng, như thể chính em mới là người đang áp đặt những hình thức tra tấn không mấy dễ chịu lên một đứa nhỏ yếu ớt. Và rồi thì đi bơi, và rồi thì hiển nhiên là đến bữa trưa.

Trước đó buổi diễn tập vẫn tiếp tục mà không có Jackson, nhưng không có cảnh quan trọng đầu tiên, buổi tiễn biệt Arabella, thì đúng là hủy hoại sự toàn hảo của vở kịch, đã thế Pierrot lại quá lo lắng cho số phận anh trai ở dưới nhà kia nên không tài nào đóng nổi vai tay bá tước ngoại

quốc hèn nhất; bất cứ chuyện gì xảy đến cho Jackson cũng sẽ là tương lai của Pierrot. Nó liên tục làm các chuyến du ngoạn đến phòng rửa mặt ở cuối hành lang.

Lúc Briony sau khi quay lên từ một trong những chuyến viếng thăm phòng giặt, nó hỏi em, “Anh ấy có bị phát vào đít không?”

“Vẫn chưa.”

Như anh trai, Pierrot có sở trường tước đi bất cứ nghĩa gì trong câu thoại. Nó phát âm một loạt từ đều đều như điểm danh: “Cô-nghĩ-thoát-nổi-nanh-vuốt-của-tôi- ư?” Từ nào cũng có mặt và chính xác.

“Đó là câu hỏi đấy,” Briony cắt lời. “Em không hiểu à? Phải lên giọng ở cuối câu.”

“Ý chị là sao?”

“Đây. Em vừa làm xong. Em bắt đầu thấp giọng và cuối thì cao lên. Đó là *câu hỏi*.”

Nó nuốt đánh ực, hít một hơi, rồi thử lần nữa, lần này là giọng điểm danh cao hơn nửa cung.

“Ở cuối. Lên giọng ở cuối!”

Giờ thì đến lượt một câu điểm danh đều đều như cũ, đột ngột ngắt ra, đổi từ giọng trầm sang kim, ở âm tiết cuối cùng.

Lola đã đến phòng trẻ sáng đó trong lót vỏ người lớn, cô tự coi rằng ở tận sâu thẳm mình đã thực sự là người lớn. Cô vận quần vải flanen chiết li phòng ra ở hông vàloe ở mắt cá chân, kèm một áo ngắn tay may bằng vải cashmere. Những biểu hiện khác của sự trưởng thành bao gồm một chiếc vòng cổ bằng nhung có đính những hạt ngọc trai nhỏ xíu, những lọn tóc đỏ hoe được thu gọn lại nơi gáy, một chiếc cặp bằng ngọc lục bảo giữ chúng lại, ba cái vòng rộng bằng bạc đeo ở cổ tay đầy nốt tàn nhang, và sự thật là mỗi khi cô đi lại, không khí xung quanh cô nức hương dầu thơm hoa hồng. Cái kiêu hạ mình của cô, khi được kiểm chế hoàn toàn, càng có uy lực. Cô điềm tĩnh đáp ứng những gợi ý của Briony, đọc lời thoại của mình, có vẻ cô đã học chúng suốt đêm, mặt biểu cảm vừa đủ, và còn dịu dàng khuyến khích cậu em, mà không hề xâm lấn tí nào quyền hạn của đạo diễn. Như thế Cecilia, hay thậm chí là mẹ em, đã đồng ý dành ít thời gian đóng một vai cùng bọn trẻ con, và quyết tâm không mảy may để lộ sự chán nản.

Cái thiếu vắng chính là không có bất cứ dạng thức biểu hiện nào của sự hào hứng om sòm kiểu trẻ con. Khi Briony cho ba chị em họ xem quầy bán vé và hộp thu tiền buổi tối hôm trước, hai đứa sinh đôi đã đánh nhau để đáng được đứng ở sảnh khán phòng hơn, còn Lola chỉ khoanh tay, cất một lời khen chín chắn, lịch thiệp qua một nụ cười nửa miệng vừa đủ mờ ảo để không ai dò ra được nét giễu cợt nào.

“Thật phi thường. Nghĩ mà xem, Briony, chị mới giỏi khủng khiếp làm sao. Chị tự tay làm hết đây à?”

Briony ngờ rằng đằng sau cách cư xử toàn hảo của cô em họ kia là dụng ý phá hoại. Biết đâu Lola đang dựa vào hai đứa sinh đôi để phá hỏng vở kịch mà chẳng động tay vào, chỉ cần đứng lùi lại mà mục kích.

Những ngày việc không chứng minh được, chuyện Jackson bị giam chân ở phòng giặt, kiểu thoải khoả sở của Pierrot và cái nóng khủng khiếp của buổi sáng làm lòng Briony nặng trĩu. Nhận thấy Danny Hardman đang dòm ngó từ cửa phòng em càng khó chịu. Phải bảo anh ta đi. Em không thể hiểu thấu được sự thờ ơ của Lola hay dỗ ngọt cho Pierrot lên giọng xuống giọng bình thường như những câu giao tiếp thường nhật. Lúc đó, thật là nhẹ cả người khi đột nhiên chỉ còn mình em trong phòng trẻ. Lola bảo cần ngắm nghía lại tóc, còn em trai cô thì lang thang ra ngoài hành lang, đến phòng rửa mặt, hay xa hơn nữa.

Briony ngồi trên sàn, xây lưng lại tủ đựng đồ chơi cao âm trong tường, lấy tập trang bản thảo quạt mặt cho mát. Căn nhà yên tĩnh tuyệt đối - không tiếng người hay tiếng bước chân ở tầng dưới, không tiếng nước chảy rì rầm trong đường ống; trong khoảng trống giữa hai khung kính của cửa sổ trượt đang mở, một con ruồi bị mắc kẹt đã bỏ cuộc, thoi vạt lộn cổ bay ra, và bên ngoài, tiếng chim hót véo von đã bay hơi dưới cái nóng. Em duỗi thẳng chân ra để cho các nếp váy trắng vải muslin và những nếp nhăn trên da đầu gối thân thuộc, thương mến chiếm trọn tầm mắt. Đáng lẽ sáng nay em phải thay váy rồi. Em nghĩ mình nên chăm sóc vẻ ngoài nhiều hơn, như Lola ấy. Không làm vậy thì thật là trẻ con. Nhưng làm vậy mới khó làm sao. Thình lạng rít lên trong tai em và mọi thứ trong tầm mắt em bỗng như thoáng méo mó - đôi bàn tay đặt trên đùi đột nhiên trông to lạ thường, đồng thời lại có vẻ xa xăm, như thể nhìn từ một khoảng cách rất xa. Em giơ một tay lên, gập ngón tay lại và tự vấn, như trước đây thỉnh thoảng vẫn làm, sao cái vật này, cái thiết bị dùng để cầm nắm này, cái hình con nhện nung núc thịt ở cuối cánh tay này, lại có thể là của em, tuyệt đối bị em làm chủ. Liệu nó có cuộc đời nhỏ mọn nào của riêng nó không? Em nắm tay lại rồi xòe ra. Bí ẩn nằm trong phút giây trước khi nó cử động, khoảnh khắc phân chia giữa chưa cử động và cử động, khi ý chí sai khiến của em chờ có hiệu lực. Như ngọn sóng trên đường òa vỡ. Em nghĩ giá như được ở ngọn sóng, em có thể tìm được bí mật của bản thể mình, của cái phần thực sự đóng vai trò làm chủ trong em. Em giơ ngón trở lại gần mặt và chăm chăm nhìn nó, nài nỉ nó cử động. Nó vẫn yên vị vì em đang giả vờ, em không thật sự nghiêm túc, và vì ra lệnh cho nó cử động, hay toan cử động nó, thì không giống với thực sự cử động nó. Và khi cuối cùng em cong ngón tay lại, hành động đó có

vẽ như bắt đầu từ chính ngón tay, chứ không phải từ chỗ nào đó trong tâm trí em. Khi nào nó biết phải cử động, khi nào em biết phải cử động nó? Không gì giúp em rõ ràng được. Hoặc là cái này, hoặc là cái kia. Không đường may, không vết chỉ, ấy vậy mà em biết bên dưới cấu trúc mềm mại bất tận kia là cái tôi đích thực - tâm hồn em chẳng? - và nó đã quyết định thôi giả vờ, và đưa ra mệnh lệnh dứt khoát.

Những ý nghĩ này với em vừa thân thuộc, vừa khiến khuây khỏa như chính hình dạng của đôi đầu gối kia, cái vẻ ngoài hòa hợp nhưng đồng thời cũng cạnh tranh, vừa đối xứng vừa linh động. Sau ý nghĩ đầu tiên luôn là một ý nghĩ nữa, bí ẩn này sản sinh bí ẩn khác: Những người khác có thực sự đang sống như em không? Chẳng hạn, chị gái em có thực sự quan trọng với bản thể của chị, có quý giá với chính bản thân chị như Briony quý giá với em không? Liệu làm Cecilia có cảm giác sống động như làm Briony không? Chị em liệu có một cái tôi thực sự ẩn giấu sau con sóng vỡ, và chị có dành thời gian trăn trở về nó, trong lúc đưa một ngón tay lên sát mặt không? Mọi người, cả cha em, Betty, Hardman có thể không? Nếu câu trả lời là có, vậy thì thế giới, thế giới về phương diện xã hội, sẽ phức tạp đến khôn kham, với hai tỉ tiếng nói, và ý nghĩ của mỗi người sẽ đấu tranh một cách quyết liệt như nhau, và đòi hỏi của mỗi người từ cuộc sống cũng sẽ bạo liệt như thế, rồi ai cũng nghĩ mình là độc nhất vô nhị, mặc dù chẳng ai là thế cả. Người ta có thể chết chìm trong những điều vụn vặt. Nhưng nếu câu trả lời là không, thì Briony sẽ bị những cỗ máy vây quanh, bề ngoài thông minh và tử tế, nhưng *bên trong* lại thiếu vắng những xúc cảm mãnh liệt và thẳm kín như em vẫn có. Như thế thật xấu xa và cô độc, mà cũng bất khả nữa. Vì, dù điều đó có xúc phạm ý niệm về trật tự của em, em vẫn biết khả năng người khác cũng có ý nghĩ như em là vô cùng có thể. Em biết điều này, nhưng chỉ bằng một cách khá chung chung; thực sự em không cảm thấy thế.

Những buổi diễn tập cũng xúc phạm đến ý niệm trật tự của em. Thế giới độc lập mà em vẽ ra bằng những nét vẽ rõ ràng, hoàn hảo, đã bị những nét nguệch ngoạc của các tâm hồn khác, nhu cầu khác bôi xấu; và cả thời gian nữa, thời gian, đã được phân chia trên giấy thành những hồi và cảnh dễ dàng là thế, bây giờ thậm chí lại đang bị rò rỉ đi mà không sao kiểm soát. Hẳn là Jackson sẽ không quay lại tập cho đến sau bữa trưa. Leon và bạn anh chỉ sắp tới là sẽ về, mà thậm chí còn sớm hơn, vở kịch đã được sắp xếp diễn lúc bảy giờ. Ấy vậy mà chưa có nổi một buổi diễn tập ra hồn, hai đứa sinh đôi thì không biết diễn, đến đọc thoại cũng không xong, Lola thì cướp vai diễn đáng ra là của Briony, và em không thể xoay sở được gì nữa, trời thì nóng, nóng không tưởng tượng nổi. Cô bé nén những ức chế lại và đứng dậy. Bụi ở ván ốp chân tường làm bẩn tay em

và đằng sau váy. Mỗi mê nghĩ, em chùi tay vào trước váy khi bước lại cửa sổ. Cách đơn giản nhất để gây ấn tượng với Leon lẽ ra phải là viết tặng anh một câu chuyện, rồi tự mình dúi vào tay anh, và dõi mắt nhìn anh đọc. Tên truyện được viết hoa, bìa minh họa, những trang viết được *đóng lại* - clừ riêng với từ đó thôi em đã cảm thấy sức hấp dẫn của sự ngăn nắp, hình thức được giới hạn và có thể kiểm soát mà em đã bỏ đi để quyết định viết một vở kịch. Một câu chuyện thì trực tiếp và đơn giản, không cho phép bất cứ thứ gì xen vào giữa bản thân em và độc giả - không có gì trung gian giữa em với những tham vọng riêng tư hay sự kém cỏi của họ, không sức ép thời gian, không giới hạn về nguồn lực. Trong câu chuyện ta chỉ cần mong ước, ta chỉ cần viết ra, và thế là ta sẽ có cả thế giới; trong một vở kịch thì phải xoay xở với những gì sẵn có: không ngựa, không đường làng, không bờ biển. Không phong màn. Giờ khi đã quá muộn, có vẻ quá rõ ràng rằng: một câu chuyện là hình thức thể hiện sự giao cảm từ xa. Viết bằng mực những ký hiệu lên trang giấy, em có thể gửi đi ý nghĩ và cảm xúc trong tâm hồn mình đến độc giả. Đó là quá trình kỳ diệu, nhưng lại bình thường đến mức không một ai chịu dừng lại mà tán phục. Đọc một câu cũng giống như hiểu được nó; và như quá trình cong một ngón tay, đều diễn ra liền mạch. Quá trình hiểu những ký tự là liên tục. Ta thấy từ *lâu đài*, và lập tức hình dung ra lâu đài ở kia, thấp thoáng xa xa, phía trước là cánh rừng trải rộng giữa mùa hè, không khí phảng phất màu trời, điều diệu với làn khói từ lò rèn bay lên, và con đường trải đá quanh co khuất dần vào bóng râm xanh non màu lá...

Lúc này em đã tới đứng trước khung cửa sổ phòng trẻ mở toang, và hẳn đã trông những gì hiện ra trước mắt từ vài giây trước khi định hình được. Đó là một cảnh rõ ràng là giống, ít nhất khi nhìn từ xa, một lâu đài Trung cổ. Cách địa phận nhà Tallis vài dặm là khu đồi Surrey Hills và những ngọn đồi nhấp nhô, im lìm bất động mọc san sát dày đặc, sắc xanh của chúng dịu đi dưới làn khí nóng màu trắng sữa. Rồi, gần hơn, công viên rộng thênh thang của khu dinh thự, hôm nay trông khô cằn và thảm hại, nóng giãy như một trảng xavan, nơi những thân cây cách xa nhau chỉ ngã được chút bóng bè bè xơ xác xuống, còn cả bãi cỏ trải dài thì đã bị ánh nắng hung vàng như màu lông sư tử của ngày hè rực nóng đeo bám suốt.

Gần hơn nữa, bao trọn trong hàng bao lơn, là vườn hồng, gần hơn nữa, là đài phun Triton, đứng cạnh thành bể nước là chị gái em, và ngay trước chị là Robbie Turner. Cách anh đứng có gì đó hơi nghiêm trang, hai chân hơi giạng ra, đầu ngả về phía sau. Lờn cầu hôn. Briony sẽ không lấy gì làm ngạc nhiên. Chính em đã từng viết câu chuyện về anh chàng tiểu phu hèn mọn cứu công chúa bị chết đuối rồi đến cuối truyện kết hôn với

nàng. Chuyện đang diễn ra ở đây khớp đến hoàn hảo. Robbie Turner, con trai độc nhất của một người mẹ quét dọn hèn mọn và một người cha không biết mặt biết tên, Robbie chàng trai đã được cha Briony chu cấp ăn học từ phổ thông đến đại học, từng muốn trở thành một người làm vườn, và giờ đây muốn theo đuổi ngành y, đang có tham vọng đầy táo bạo được ở bên Cecilia đến trọn đời. Hợp lý tuyệt đối. Những bước nhảy vượt ranh giới như thế chính là lãng mạn trong cuộc sống thường nhật.

Tuy nhiên, chuyện lại đâm ra hơi khó hiểu khi Robbie giờ đây đột ngột giơ tay lên, như thể ban ra một mệnh lệnh mà Cecilia không dám không tuân theo. Thật lạ thường làm sao khi chị không thể cưỡng lại anh. Trước sự kiên quyết của anh, chị bắt đầu cởi váy áo, rất lạnh lẽo. Chị đã cởi tung áo, giờ thì thả váy tuột xuống đất và bước ra khỏi nó, trong khi anh bồn chồn quan sát, tay chống lên hông. Uy quyền kỳ lạ nào đã khiến anh điều khiển được chị? Tống tiền? Hăm dọa? Briony giơ hai tay lên che mặt rồi bước lùi lại một chút khỏi cửa sổ. Em nghĩ nên nhắm mắt lại, tránh cho mình khỏi phải nhìn thấy nỗi nhục nhã của chị gái. Nhưng như thế là bất khả, vì những ngạc nhiên hơn nữa còn đang chờ đón. Cecilia, may thay vẫn còn bộ đồ lót trên người, đang leo xuống bể, và đứng đó, nước ngập ngang eo, bóp chặt mũi - rồi chị biến mất. Chỉ còn lại Robbie, áo váy trên nền sỏi, và ngoài kia là công viên im lìm, cùng rặng đồi xa xa xanh thẫm.

Phần tiếp theo thật phi lý - cảnh chết đuối, tiếp đó là cứu mạng, đáng lẽ ra phải diễn ra trước lời cầu hôn. Ý nghĩ cuối cùng của Briony là vậy, trước khi em chấp nhận rằng mình không hiểu gì cả, và rằng em chỉ nên dối mắt chứng kiến. Không bị ai nhìn thấy, từ vị trí cách mặt đất hai tầng nhà, với lợi thế mà ánh mặt trời chói chang đem lại, em đã có được đặc quyền vượt trước nhiều năm để đến với hành vi của người lớn, đến với những nghi lễ và lệ thường mà cho đến giây phút đó em vẫn chẳng hiểu gì. Rõ ràng, dưới kia đang xảy ra những chuyện như thế. Cùng lúc đầu chị em ngoi lên khỏi mặt nước - ờn Chúa! - Briony đã có đầu mối đầu tiên yếu ớt rằng từ đây sẽ không còn lâu dài và nàng công chúa cổ tích nào nữa, mà chỉ còn sự kỳ lạ của hiện tại, của điều vừa diễn ra giữa hai người, hai người bình phàm em quen biết, của uy quyền một người có thể tác động lên người kia, và rằng mọi chuyện có thể bị hiểu sai lạc dễ dàng đến mức nào, hoàn toàn sai lạc. Cecilia đã leo ra khỏi bể nước và đang mặc lại váy, khó nhọc tròng chiếc áo lên làn da ướt đẫm. Chị quay ngoắt lại, cầm lên từ trong bóng rợp do thành đài phun hắt ra cái bình hoa mà Briony trước đó không để ý thấy, rồi mang theo nó bước thẳng về phía ngôi nhà. Không nói một lời với Robbie, không một liếc mắt về phía anh. Anh đứng nhìn trần trối vào mặt nước, rồi anh cũng bước đi, rõ ràng

đã mãn nguyện, quàng qua bên hông ngôi nhà. Bất thành linh cảnh kia trở nên vắng lặng; vạt ướt trên đất nơi Cecilia bước ra từ bể nước là bằng chứng duy nhất cho mọi chuyện vừa mới xảy ra.

Briony đứng dựa vào tường, thần thờ nhìn suốt phòng trẻ. Em chợt cảm thấy một cơn cảm sốt trở nên bí ẩn và đầy tính kịch, và coi những gì em chứng kiến là một hoạt cảnh dựng lên dành riêng cho em mà thôi, một bài học đặc biệt dành cho em được bọc trong lớp vỏ bí ẩn. Nhưng em biết rất rõ rằng nếu em không đứng đó vào thời điểm ấy, cảnh kia vẫn sẽ xảy ra, vì nó hoàn toàn không phải về em. Chỉ sự tình cờ mới đưa em đến bên cửa sổ. Đây không phải là truyện cổ tích, đây là đời thực, là thế giới người lớn nơi chàng cóc không chuyện trò với công chúa, và thông điệp duy nhất là thông điệp người ta thực sự gửi đi. Trong em cũng trào dâng niềm cảm sốt chạy đến phòng Cecilia, đòi hỏi một lời giải thích. Briony cưỡng lại vì em muốn rượt đuổi trong đơn độc cảm giác hồi hộp phảng phất trước khả năng có thể xảy ra mà trước kia em từng cảm thấy, sự kích thích khó lòng lý giải trước viễn cảnh mình đã đến rất gần việc định nghĩa nó, ít nhất về mặt cảm xúc. Định nghĩa ấy sẽ tự tình lọc qua tháng năm. Em cần phải thừa nhận rằng có lẽ mình đã thêm vào nhiều suy diễn hơn khả năng của một cô bé mười ba tuổi là em. Còn ngay lúc đó thì hẳn đã không có một dạng thức ngôn từ chính xác nào nảy ra trong em; trên thực tế điều em đã trải qua khi ấy chẳng là gì ngoài sự nóng lòng được bắt đầu viết lại.

Khi đứng trong phòng trẻ đợi ba chị em họ kia quay lại, em linh cảm có thể viết được một cảnh như cảnh đã diễn ra bên đài phun, có thể cho thêm vào đó một người quan sát giấu mặt như chính em nữa. Em tưởng tượng bây giờ mình vội lao xuống phòng, đến bên chồng giấy xếp phẳng phiu có kẻ hàng và cây bút máy Bakelite vỏ cẩm thạch. Em nhìn thấy những câu đơn giản, những ký hiệu truyền cảm xúc đang tích lũy, tràn ra nơi đầu ngòi bút. Em có thể viết đi viết lại cảnh đó ba lần, từ ba cách nhìn khác nhau; điều kích thích em là nỗi khao khát được tự do, được chuyển tải cuộc chiến dữ dội giữa tốt và xấu, giữa những người hùng và đám vô lại. Trong ba cách nhìn ấy không cái nào xấu xa, nhưng cũng chẳng quan điểm nào đặc biệt tốt đẹp. Em không cần phán xét. Sẽ không nhất thiết phải có bài học đạo đức. Em chỉ cần bộc lộ ba tâm hồn riêng biệt, sống động như tâm hồn em, vật lộn với ý tưởng rằng những tâm hồn khác sống động không hề thua kém mình. Không chỉ đòi bại và toan tính khiến con người bất hạnh, nguyên nhân bất hạnh còn vì những hiểu lầm và bối rối; trên hết thấy, là vì không thể nhận thức được một sự thật giản đơn rằng sự tồn tại của những người khác cũng thực như của ta. Chỉ trong truyện kể ta mới đi vào được những tâm hồn khác nhau và cho họ thấy

họ có giá trị bình đẳng. Một câu chuyện chỉ cần truyền tải bài học đạo đức duy nhất ấy.

Sáu thập kỷ sau, em sẽ miêu tả khi ở tuổi mười ba mình đã trải qua những cách viết từng phát triển trong cả một lịch sử văn học như thế nào, bắt đầu từ những câu chuyện dựa trên truyện dân gian truyền thống châu Âu, của thể loại kịch nói với ý định rao giảng đạo đức đơn thuần, rồi đến được với chủ nghĩa hiện thực tâm lý khách quan mà chính bản thân em đã khám phá ra vào một buổi sáng đặc biệt trong làn gió nóng mùa hè năm 1935. Em cũng sẽ nhận rõ mức độ huyền thoại hóa bản thân, và sẽ ban cho những tác phẩm của chính mình giọng điệu tự giễu, hay nửa trào phúng nửa hùng tráng. Tiểu thuyết của em nổi tiếng vì nằm ngoài phạm vi quy kết về luân lý, và như tất cả mọi tác giả bị một câu hỏi lặp đi lặp lại dồn ép, em thấy mình có nghĩa vụ phải viết ra một mạch truyện, một cốt truyện miêu tả quá trình phát triển của bản thân, trong đó bao gồm khoảnh khắc khi em trở thành chính mình với đầy đủ nhận thức. Em biết sẽ không chính xác khi nhắc đến các vở kịch em viết ở dạng số nhiều, khi nói rằng thói thích chế giễu của em đã ngăn em khỏi đưa trẻ biết suy nghĩ, nhiệt thành trong em, rằng thứ mà em vẫn hay hồi tưởng lại nhiều đến thế không phải là bản thân buổi sáng xa xưa ấy, mà là những gì diễn ra sau đó theo cách lý giải của em. Có lẽ những ngày đó trong tâm trí em chỉ có những suy tư về một ngón tay gập cong lại, cái ý tưởng khôn kham về những tâm hồn khác và sự ưu trội của truyện kể so với kịch nói. Em cũng biết rằng dù cho điều gì đã thực sự xảy ra thì nó có ý nghĩa như vậy chỉ bởi nó được rút ra từ tác phẩm đã xuất bản của em và sẽ không được nhớ tới nếu không có tác phẩm ấy.

Mặc dầu vậy, em không thể hoàn toàn bội phản chính mình; chắc chắn đã có một sự tiết lộ nào đó. Khi cô bé bước trở lại cửa sổ và nhìn xuống, cái vạt ướt trên nền sỏi đã bốc hơi. Giờ chẳng còn dấu vết nào còn sót lại của vở kịch câm bên đài phun nước ngoài những gì đã sống sót trong ký ức. Sự thật đã trở nên ma mị như sự sáng tạo. Bây giờ em có thể bắt đầu, viết lại nó như khi em chứng kiến, vấp phải thử thách khi khước từ không lên án hình ảnh gây choáng váng lúc chị gái gần như lửa thể, dưới ánh ngày, ngay cạnh ngôi nhà. Rồi cảnh đó có thể được viết lại, qua mắt Cecilia, và rồi qua mắt Robbie. Nhưng giờ không phải lúc để bắt đầu. Ý niệm về sự tuân phục trong Briony, cũng như bản năng đòi trật tự của em, lấn át tất cả; em phải hoàn thành cái em đã khởi xướng, em còn một buổi diễn tập dang dở, Leon đang trên đường về, cả nhà mong đợi buổi công diễn tối nay. Em nên xuống phòng giặt thêm một lần nữa để xem những gian nan của Jackson đã kết thúc chưa. Sự viết có thể đợi, đến khi em rảnh rỗi.

Bốn

Mãi đến chiều muộn Cecilia mới chắc chắn rằng cái bình đã được sửa xong. Suốt cả buổi chiều nó đã nung mình trong ánh nắng khô nóng trên bàn cạnh cửa sổ trở ra hướng Nam trong thư viện, và bây giờ ba đường gần khúc khuỷu được đánh bóng lại thật mịn, cùng đổ về một điểm như những con sông trong cuốn atlas, là tất cả những gì lộ ra. Sẽ không ai biết. Khi băng qua thư viện, ôm cái bình bằng cả hai tay, nàng nghe tiếng mà nàng nghĩ là bước chân trần trên nền lát đá của hành lang ngoài thư viện. Chủ tâm không nghĩ đến Robbie Turner trong suốt mấy giờ qua, nàng cảm thấy bị xúc phạm khi nghĩ chắc anh đã trở lại lên nhà, lại chơi màn cời tắt ra. Nàng bước ra hành lang, cương quyết đương đầu với sự xấu xược, hay sự nhạo báng của anh, nhưng lại đối diện với em gái mình, rõ ràng buồn rầu. Mí mắt sưng mọng lên và hồng hồng, em đang cấu vào môi dưới mình bằng ngón trỏ và ngón cái, một dấu hiệu thân thuộc cho biết Briony sắp sửa khóc nức nở.

“Kìa cưng! Sao thế em?”

Thực ra mắt em khô ran, và chúng hơi cụp xuống để nhìn rõ cái bình, rồi em xô nàng bước vụt qua, đến chỗ cái giá treo tấm áp phích có dòng nhan đề sắc sảo, vui mắt và một loạt hình ảnh tiêu biểu trích từ vở kịch vẽ kiểu Chagall bằng màu nước rải rác vây quanh những chữ cái viết hoa - mẹ cha mắt nhắm lệ vầy chào, chặng đường rợp bóng trắng đến bờ biển, nữ nhân vật chính trên giường bệnh, đám cưới. Em dừng bước trước tấm áp phích, và rồi, bằng một động tác hung bạo và theo đường chéo, xé toạc hơn một nửa và để rơi xuống sàn. Cecilia vội đặt cái bình xuống chạy lại, quỳ xuống nhặt ngay mảnh giấy trước khi em nàng kịp đạp chân lên. Đây không phải lần đầu tiên nàng đã cứu Briony không tự hủy hoại mình.

“Em gái. Tại mấy đứa em họ à?”

Nàng muốn an ủi em gái, vì Cecilia luôn thích âu yếm đứa bé của gia đình. Khi em còn nhỏ và luôn gặp ác mộng - những tiếng thét dữ dội trong đêm - Cecilia đã luôn đến phòng đánh thức em dậy. *Trở lại đi em*, nàng thường thì thầm. *Chỉ là mơ thôi mà. Trở lại đi em*. Và rồi nàng sẽ bế em sang giường mình. Giờ nàng muốn quàng tay qua vai Briony, nhưng em không còn cấu môi mình nữa, và đã bỏ đi tới cửa trước đặt một tay lên cái nắm đấm cửa vĩ đại hình đầu sư tử bằng đồng thau mà bà Turner đã đánh bóng chiều hôm đó.

“Bọn nó ngu ngốc. Nhưng không phải mỗi chuyện đó. Chuyện là...” Em nghen lại, phân vân không biết có nên kể ra thứ mình vừa nhìn thấy không.

Cecilia vuốt phẳng mảnh giấy tam giác vừa bị xé toạc và nghĩ đũa em bé bông của nàng mới thay đổi làm sao. Nàng sẽ thấy thỏa mãn hơn nếu Briony nức nở và để chị gái an ủi trên chiếc trường kỷ bọc lụa trong phòng khách. Những cái vuốt ve và lời thì thầm dịu dàng như thế với Cecilia sẽ là cả một sự giải thoát sau một ngày bực bội với những dòng cảm xúc chòng chéo mà nàng không thích dò xét kỹ. Giải tỏa các vấn đề của Briony bằng lời nói tử tế và sự quan tâm chăm sóc sẽ hồi phục lại trong nàng cảm giác bình tĩnh. Tuy nhiên, trong sự bất hạnh của cô em gái lại có một yếu tố muốn tự giải quyết. Em đã quay người đi và mở toang cửa ra.

“Nhưng mà có chuyện gì cơ?” Cecilia nghe thấy sự thèm khát trong giọng của chính mình.

Đằng sau em, cách xa cái hồ, đường xe chạy uốn lượn qua công viên, hẹp dần lại rồi kéo qua vùng đất cao đến điểm nơi một hình người bé tí, bị cái nóng đến hoa mắt làm biến dạng, nhưng đang to dần lên, nhấp nháy rồi dường như biến mất. Hẳn là Hardman, ông bảo mình già quá rồi còn học lái ô tô làm sao nổi nữa, đang đánh xe ngựa đưa khách về.

Briony đổi ý và quay lại đối mặt với chị. “Tất cả mọi thứ là một sai lầm. Bị nhầm...” Em hít mạnh một hơi rồi đưa mắt sang chỗ khác, một dấu hiệu, Cecilia nhận thấy, cho một từ trong tự điển sắp sửa được dùng lần đầu. “Bị nhầm genre!” Em phát âm nó, như em nghĩ, theo kiểu tiếng Pháp, từng đơn âm một, nhưng không uồn được lưỡi để nói âm “r”.

“Jean?” Cecilia nhắc lại. “Em đang nói chuyện gì thế?”

Nhưng Briony đã thất thủ bước đi trong đôi giày trắng đế mềm qua đám đá cuội nóng sắp bốc lửa kia.

Cecilia vào bếp đổ nước vào bình, rồi mang lên phòng ngủ cắm lại chỗ hoa đang nằm trong chậu rửa. Khi nàng thả hoa vào bình, chúng một lần nữa lại từ chối không chịu rơi xuống yên vị theo sự lộn xộn nghệ thuật mà nàng ưa thích, mà thay vào đó quay quay trong nước rồi bố trí thành một trật tự đầy chủ ý, thân cao hơn được xếp đều đặn quanh miệng bình. Nàng cầm bó hoa lên rồi lại thả xuống, nhưng chúng rơi xuống thành một kiểu trật tự khác. Mà thôi, cũng chẳng quan trọng gì. Thật khó mà mừng tượng quý ngài Marshall kia sẽ than phiền rằng những bông hoa cạnh giường ngủ của ngài sao mà được cắm cân đối quá mức thế. Nàng đem bình hoa đã cắm lên tầng hai, bước qua hành lang kéo kẹt đến phòng từng là phòng của dì Venus, rồi đặt cái bình lên nóc tủ cạnh cái giường

bốn cọc màn, coi như hoàn thành sứ mệnh nho nhỏ mẹ đã giao phó cho nàng sáng đó, tám tiếng đồng hồ trước.

Tuy nhiên, nàng không bỏ đi ngay, vì căn phòng được sắp đặt thật dễ chịu bằng những đồ đạc cá nhân - thực tế, ngoài phòng Briony ra, đây là phòng ngăn nắp duy nhất. Và giờ khi mặt trời đã đi một vòng quanh nhà, ở đây vẫn mát lạnh. Các ngăn kéo đều trống không, mọi bề mặt trống đều không có đến bóng dáng một dấu vân tay. Dưới khăn phủ giường sắc sỡ họa tiết hoa kia, tấm ga hằn là trắng khiết như vừa mới hồ bột. Nàng bỗng khao khát muốn lùa tay vào giữa những tầng khăn phủ kia mà sờ, nhưng rồi chỉ bước vài bước nữa vào phòng Marshall. Ở chân giường bốn cọc màn, chỗ ngồi trên chiếc sofa Chippendale đã được cẩn thận vuốt phẳng phiu đến nỗi sẽ là cả một sự báng bổ khi đặt mông xuống đó. Không khí thoang thoảng hương nến thơm, và dưới ánh sáng như mật vàng, bề mặt bóng loáng của đồ đạc trong phòng dường như phập phồng thở. Khi quá trình tiến lại làm góc nhìn của nàng thay đổi, hình những người đang chè chén trên nắp chiếc rương hồi môn cổ như đang quẩn quại cựa mình cố thực hiện những bước nhảy. Bà Turner hẳn đã lau chùi ở đây sáng nay. Cecilia giữ ngay đi sự liên hệ đến Robbie. Có mặt ở đây là một sự xâm phạm, khi người sắp ở phòng này chỉ còn cách ngôi nhà vài trăm mét.

Từ chỗ vừa bước đến cạnh cửa sổ, nàng thấy Briony đã băng qua cầu lên đảo, và đang bước dọc bờ sông ngập cỏ, rồi bắt đầu khuấy dạng giữa đám cây cối ven hồ vây quanh cái đền thờ trên đảo. Xa xa, Cecilia chỉ nhìn thấy hai hình hài đội mũ ngồi trên băng ghe sau Hardman. Giờ nàng nhìn thấy một hình người thứ ba mà trước đó nàng không để ý thấy, sải bước trên đường về phía xe ngựa. Chắc chắn là Robbie Turner trên đường về nhà. Anh dừng bước, và khi những vị khách tiến tới, đường nét anh như hòa tan vào với các vị khách. Nàng có thể hình dung ra cảnh đó - những cú đâm vào vai kiểu đàn ông với nhau, những lời đùa nhả. Nàng khó chịu vì anh trai không biết rằng Robbie đang cảm thấy rất nhục nhã, và quay đi khỏi cửa sổ, thốt ra một tiếng cáu giận, rồi bước về phòng tìm điều thuốc.

Nàng còn một bao, và phải sau vài phút lục nháo nhào đến phát điên trong đống hồ lớn, nàng mới tìm thấy nó trong túi bộ váy lụa dài màu thiên thanh trên sàn phòng tắm. Bước xuống cầu thang vào sảnh, nàng châm điều thuốc, biết rằng mình sẽ không bạo gan làm thế nếu cha nàng có mặt ở nhà. Cha luôn khất khe trong chuyện ở đâu và khi nào phụ nữ nên để người khác nhìn thấy mình hút thuốc: không được ở trên phố, hay bất kỳ một nơi công cộng nào, không được khi bước vào phòng, không được khi đang đứng, và chỉ khi được mời, không bao giờ hút thuốc của chính

mình - những ý niệm với cha hiển nhiên như quy luật tự nhiên. Ba năm giữa những kẻ thời lưu ở Girton cũng không đem lại nỗi cho nàng dừng khí đối đầu với cha. Những câu giễu cợt vô tư nàng hay nói giữa đám bạn bè liền bỏ rơi nàng ngay khi cha có mặt, và nàng nghe giọng của chính mình trở nên thẽ thọt khi có ý định cãi lại một cách lễ phép. Thực ra, bất hòa với cha từ những chuyện nhỏ nhặt nhất trở đi, thậm chí những chi tiết vặt vãnh trong nhà, khiến nàng khó chịu, và văn học kinh điển chẳng giúp được nàng khuây khỏa hơn, không bài học phê bình thực hành nào có thể giải thoát nàng khỏi sự phục tùng. Hút thuốc trên cầu thang khi cha làm việc ở một bộ trên đường Whitehall là tất cả nỗi loạn mà những gì nàng được dạy cho phép nàng, ấy vậy mà nàng cũng phải mất ít nhiều can đảm.

Khi nàng bước xuống chân cầu thang rộng chiếm gần hết sảnh, Leon đang dẫn Paul Marshall vào qua cánh cổng trước mở toang. Danny Harman đi đằng sau họ xách hành lý. Già Hardman thì đứng ngay bên ngoài, cầm lặng trăn trối nhìn tờ năm bảng trên tay. Nàng chiều phản chiếu, hất lên từ bãi sỏi và lọt qua cửa sổ con trên cửa chính, đổ đầy tiền sảnh gam vàng đất của một bức ảnh kiểu sepia. Hai chàng trai bỏ mũ ra và đứng đợi nàng, miệng mỉm cười. Cecilia tự hỏi, thỉnh thoảng nàng vẫn làm thế khi lần đầu tiên gặp gỡ một người đàn ông, rằng đây có phải người nàng sẽ lấy làm chồng không, và liệu khoảnh khắc cụ thể này có phải là khoảnh khắc nàng sẽ lưu nhớ đến suốt đời - với lòng biết ơn, hay nỗi tiếc nuối thăm sâu và đặc biệt.

“Em Celia!” Leon cất tiếng gọi. Khi họ ôm chầm lấy nhau, nàng cảm thấy xương đòn của mình tì phải một cây bút máy cộm lên qua làn vải áo jacket của anh, và ngửi thấy mùi khói tẩu thuốc vương vất trong nếp quần áo, khiến nàng hoài niệm trong giây lát những lần đến dự bữa trà chiều trong những căn phòng của trường nam sinh, hầu như lần nào cũng tao nhã và khoan khoái, nhưng cũng không kém phần rộn rã, nhất là những ngày đông.

Paul Marshall bắt tay nàng và khẽ gật đầu. Trên mặt anh ta thoáng một nét trầm ngâm đến khô hài. Câu mở lời của anh ta tẻ ngắt theo lệ thường.

“Tôi được nghe rất nhiều về cô.”

“Tôi cũng vậy.” Thực ra nàng chỉ nhớ được một lần trò chuyện qua điện thoại với anh vài tháng trước, khi đó họ nói chuyện mình đã từng ăn, hay có bao giờ định ăn, ở quán Amo chưa.

“Emily đang nằm nghỉ.”

Thật không nhất thiết phải thông báo điều đó. Khi còn nhỏ, hai anh em thường tuyên bố đứng ở phía bên kia công viên họ cũng biết được khi

nào mẹ bị đau đầu nhờ quan sát cửa sổ phòng nào đang tối đi.

“Còn Ông Già ở lại thành phố à?”

“Cha sẽ về sau.”

Cecilia biết Paul Marshall đang đăm đăm nhìn mình, nhưng trước khi nhìn lại anh ta, nàng cần chuẩn bị gì đó mà nói.

“Bọn trẻ con đang chuẩn bị một vở kịch, nhưng trông có vẻ như tan tành cả rồi.”

Marshall nói, “Hắn cô bé tôi thấy chỗ ven hồ là em gái cô. Cô bé đang quạt cho đám tằm ma một trận nên thân.”

Leon né sang một bên để con trai của già Hardman mang đồng hành lý đi qua. “Mình để Paul ở đâu đây?”

“Tầng hai.” Cecilia nghiêng đầu nói với Hardman con câu đó. Anh ta đã bước đến chân cầu thang và giờ dừng lại, mỗi tay xách một va li da, quay mặt nhìn về phía họ tập trung, ở giữa nền gạch lát kiểu kẻ ô vuông. Mặt anh ta lộ vẻ ngờ ngác không hiểu. Nàng để ý thấy gần đây anh chàng hay xán lại gần lũ trẻ. Có lẽ anh ta để ý Lola. Anh ta mười sáu, và chắc chắn không còn là thằng bé con. Cái má mồm mím nàng vẫn quen thuộc đã biến mất, và vành môi con trẻ nay đã dài ra, trông dữ tợn một cách ngây thơ. Trên trán, một vùng chi chít mụn trứng cá đã mang một vẻ mới toanh, màu đỏ lửng của nó được ánh sáng màu sepia làm dịu bớt. Suốt ngày hôm đó, nàng nhận ra mình cảm thấy thật kỳ lạ, và trông thấy thật kỳ lạ, như thể mọi thứ đều đang ở trong quá khứ rất xa, sau khi chết lại được làm cho sống động hơn như những mĩa mai mà nàng không sao hiểu nổi.

Nàng nhẩn nại nói với anh ta, “Phòng lớn sau phòng trẻ.”

“Phòng của dì Venus,” Leon nói.

Dì Venus từng là người trông trẻ không thể thiếu trong gần nửa thế kỷ trên khắp một miền đất rộng ở Bắc Canada. Bà chẳng phải dì của ai cả, hay đúng hơn, bà là dì của người em họ theo kiểu cháu chú cháu bác đã mất của ông Tallis, nhưng chẳng ai cật vấn chuyện sau khi nghỉ hưu bà được ở trong căn phòng trên tầng hai nơi trong suốt những năm tháng hoa niên của hai anh em, bà đau ốm nằm liệt giường nhưng vẫn dịu dàng, rồi tiêu tụy dần mà chết không một lời ta thán năm Cecilia lên mười. Một tuần sau thì Briony chào đời.

Cecilia dẫn khách vào phòng đón khách, qua cánh cửa sổ Pháp, lướt qua khóm hồng về phía hồ bơi nằm sau khu chuồng ngựa và được một lũy tre dày cao bọc quanh tứ bề, với một khoảng trống như đường hầm làm lối vào. Họ bước qua, khom đầu xuống né những cây lau mọc thấp, rồi lại đi lên bậc thềm bằng đá tảng trắng lóa nơi hơi nóng bốc lên thành luồng. Dưới bóng râm mát, cách xa mép nước, kê một bàn thiếc sơn

trắng trải vuông vải xô bên trên có một bình rượu punch ngâm trong nước đá. Leon mở ghế gấp ra và họ cầm ly của mình ngồi xuống thành một vòng tròn nhỏ trông ra hồ bơi. Ngồi giữa Leon và Cecilia, Marshall điều khiển cả cuộc nói chuyện bằng một đoạn độc thoại mười phút. Anh bày tỏ với họ rằng tuyệt vời làm sao khi được cách xa thành phố, được ở giữa sự thanh bình, giữa không khí điền dã; vì trong suốt chín tháng rông, suốt những phút còn thức của mỗi ngày, làm nô lệ cho một ý tưởng, anh ta chỉ có qua lại như con thoi giữa các trụ sở chính công ty, phòng họp ban giám đốc và nhà máy sản xuất. Anh ta đã mua một dinh thự ở Clapham Common mà hầu như chẳng có thì giờ tạt qua. Ra mắt được Rainbow Amo là một thắng lợi, nhưng chỉ có được sau đủ kiểu thảm họa về mặt phân phối giờ đây đã được chỉnh lại đầu vào đầu ra; chiến dịch quảng cáo đã làm méch lòng vài ba giám mục già nua nên một kế hoạch khác đã được đặt ra; rồi trong thành công cũng sinh chuyện, doanh số bán cao không tin nổi, quota sản xuất mới, và những tranh chấp về tiền làm thêm ngoài giờ, rồi tìm kiếm địa điểm cho nhà máy thứ hai - vụ này đã khiến bốn liên hiệp có liên quan gần như sững sủa và cần được vuốt ve, dỗ ngọt như trẻ con; còn bây giờ, khi tất cả đã khai hoa kết trái, thì lù lù ra đó thách thức còn lớn hơn với Army Amo: bản thân thanh kẹo màu xám nhạt có khẩu hiệu Hãy chuyển Amo!; ý tưởng này dựa trên giả định rằng chi tiêu cho các lực lượng vũ trang sẽ phải tiếp tục tăng lên nếu ngài Hitler không bớt om sòm đi; thậm chí còn có khả năng thanh kẹo có thể trở thành một phần trong gói thực phẩm phát theo tiêu chuẩn; trong trường hợp đó, nếu có một chế độ cưỡng bách toàn dân tòng quân, sẽ cần phải có thêm năm nhà máy nữa; có một vài người trong ban giám đốc tin rằng nên và sẽ dàn xếp được với Đức và rằng Army Amo đã chết hẳn; một thành viên thậm chí còn buộc tội Marshall là tên hiếu chiến; nhưng, dù mệt mỏi, và bị phỉ báng, không gì có thể buộc anh chuyển hướng khỏi mục tiêu của mình, ý tưởng của mình.

Anh ta kết thúc bằng cách nhắc đi nhắc lại rằng thật tuyệt vời làm sao khi được “ở tận đây” nơi mình, đúng là như thế, lại được thờ bình thường.

Nhìn anh ta trong suốt vài phút đầu bài diễn văn, Cecilia cảm thấy một cảm giác nôn nao dễ chịu trong dạ dày, nghĩ rằng thật là một sự tự hủy quyền rũ làm sao, cơ hồ kêu gọi nữa, khi kết hôn với một anh chàng gần như đẹp trai đến thế, giàu khùng khiếm đến thế, ngu xuẩn không hiểu nổi đến thế. Anh ta sẽ cho nàng những đứa con mặt to đùng, tất cả chúng đều là những thằng nhóc to mồm, đầu đất, đam mê súng ống, bóng đá và tàu bay. Nàng quan sát khuôn mặt trông nghiêng của anh ta khi anh ta quay đầu sang phía Leon. Một thớ cơ dài giật giật phía trên viền hàm khi

anh ta nói. Vài ba sợi lông đen dày quấn tít lại cách xa chân mày, và từ lỗ tai những cọng đen tương tự cũng đang lòi ra, xoắn lại trông khô hời như lông mu. Anh ta nên bảo ban tay thợ cắt tóc tận tình.

Dịch mắt đi một chút là nàng nhìn thấy mặt Leon, nhưng anh đang nhìn bạn mình với vẻ lịch sự và dường như cương quyết không nhìn mắt nàng. Khi còn nhỏ hai anh em thường tra tấn nhau bằng “cái nhìn” trong bữa trưa ngày Chủ nhật khi cha mẹ thết đãi những người họ hàng lớn tuổi. Đây là dịp tuyệt vời xứng đáng để đem đồ bạc cổ ra dùng; những ông trẻ bà trẻ, ông bà đáng kính của thời Victoria, đẳng ngoại, những người họ hàng khắt khe và phức tạp, một bộ tộc đã mất lại đặt chân đến cửa nhà trong những tấm áo choàng đen sau khi dẫn dỗi lang thang suốt hai thập niên đầu của một thế kỷ phù phiếm, xa lạ. Họ làm Cecilia mười tuổi và thằng anh trai mười hai sợ chết khiếp, và một tràng cười khúc khích luôn chực buột ra. Đứa bị nhìn thì không thể không cười, đứa nhìn thì, miễn nhiệm. Thông thường Leon mạnh hơn, mắt nhìn chòng chọc giễu cợt, và liên tục vừa trề khẻ miệng xuống vừa đảo mắt tròn tròn. Thằng bé sẽ cất tiếng hỏi Cecilia bằng giọng ngây thơ nhất xin chuyển lọ muối được không, và mặc dù cô bé sẽ đánh mắt đi khi chuyển cho cậu, và mặc dù cô bé quay đầu đi và hít một hơi thật sâu, thật đơn giản để hiểu rằng cậu đang làm cái vẻ mặt ấy để tặng cho cô chín mươi phút tra tấn run rẩy vì phải nín cười. Trong khi đó, Leon sẽ được tự do, chỉ cần làm mỗi việc là thỉnh thoảng bời cho phát nữa khi thấy cô đã bắt đầu bình tĩnh lại. Hiếm khi lắm cô bé mới cưỡng được cậu bằng một cái bĩu môi ngạo mạn. Bởi vì bọn trẻ đôi khi được cho ngồi giữa những người lớn, nhìn nhau kiểu thế có phần mạo hiểm - làm mặt trêu nhau ở bàn ăn có thể bị mắng và bắt đi ngủ sớm. Mánh là mạo hiểm làm thế khi chuyển cái này cái kia, chẳng hạn, liếm môi và cười toét đến mang tai, và đồng thời nhìn vào mắt đứa kia. Có lần cả hai đứa cùng ngẩng lên và cùng lúc ném cái nhìn cho nhau, khiến Leon phì cả xúp qua lỗ mũi lên cổ tay một bà trẻ. Cả hai đứa trẻ bị trục xuất về phòng cho đến hết ngày.

Cecilia khao khát được ngồi cạnh anh trai để bảo với anh rằng quý ông Marshall có lông mu mọc trong tai. Anh ta đang miêu tả cuộc đương đầu trong phòng họp ban giám đốc với gã đã gọi anh ta là tên hiếu chiến. Nàng giơ tay lên lưng chừng như thể để vuốt tóc. Tự động, Leon chú ý ngay đến cử động đó, và trong một phần giây, nàng ném cho anh cái nhìn mà anh đã không thấy hơn mười năm qua. Anh bĩu môi quay đi, và tìm một điểm thú vị gần giày mình mà dòm xuống. Khi Marshall quay sang Cecilia, Leon giơ một bàn tay khum lại lên che mặt, nhưng không thể giấu nổi cô em gái cơn rung nhẹ dọc trên vai. May mắn cho anh, Marshall đã nói đến câu kết luận.

“... nơi mình, đúng là như thế, lại được thờ bình thường.”

Ngay lập tức Leon đứng bật dậy. Anh bước đến mép thành hồ bơi và ngấm một cái khăn bông màu đỏ sũng nước nằm bên trái gần ván nhảy. Rồi anh đi lại chỗ họ, tay đút trong túi, cơ hồ đã bình thường trở lại.

Anh nói với Cecilia, “Đoán xem trên đường về bọn anh gặp ai nào.”

“Robbie.”

“Anh đã bảo cậu ấy đến dùng bữa cùng nhà mình tối nay.”

“Leon! Không phải thế chứ!”

Anh đang có hứng trêu chọc. Trả thù, có lẽ vậy. Anh bảo với bạn, “Con trai của bà lau dọn giành được một suất học bổng ở một trường phổ thông ở đây, giành một suất học bổng học ở Cambridge, cùng đi một lúc với Cee - và con bé thì hầu như không nói với anh ta một lời trong ba năm qua! Nó không để anh ta *lại gần* đám bạn thân của nó ở Roedean.”

“Lẽ ra anh phải hỏi em trước.”

Nàng thực lòng rất khó chịu, và nhìn thấy thế, Marshall bèn dỗ dành, “Tôi biết một số người từng học trường phổ thông ở Oxford và vài ba trong số đó thông minh chết đi được. Nhưng bọn chúng có thể cảm thấy bất mãn, tôi nghĩ thế, mà nhiều là đằng khác.”

Nàng nói, “Anh có thuốc lá không?”

Anh ta mời nàng một điếu trong chiếc hộp bạc, ném một điếu cho Leon và lấy một cho mình. Giờ họ đã đứng cả lên, và khi Cecilia nhào người về phía cái bật lửa của Marshall, Leon nói, “Đầu óc anh ta thuộc dạng số một, vì thế tôi không hiểu anh ta đang làm cái quái gì khi vầy đất ở mấy cái luống hoa ấy.”

Nàng đi tới ngồi xuống ván nhảy và cô tạo ra vẻ đang dễ chịu, nhưng giọng nàng căng lên. “Anh ta đang băn khoăn có nên theo ngành y không. Leon, em ước giá gì anh đừng mời anh ta.”

“Ông Già đồng ý rồi à?”

Nàng nhún vai. “Nghe này, em nghĩ giờ anh nên quanh xuống chỗ cái nhà gỗ đó và bảo anh ta đừng có đến.”

Leon bước đến chỗ cuối bóng râm, đứng đối diện với nàng qua dải nước xanh loang loáng khẽ lặn tẩn.

“Anh làm thế sao được?”

“Em không quan tâm anh làm thế nào. Viện ra một cái có gì đó đi.”

“Giữa hai đứa đã xảy ra chuyện gì đó hả?”

“Không, làm gì có.”

“Nó quấy rầy em à?”

“Vì Chúa lòng lành!”

Nàng giận dữ đứng bật dậy bỏ đi, về phía thủy đình của hồ bơi, một cấu trúc mở với ba cột có đường rãnh làm trụ. Nàng đứng tựa vào cái trụ

giữa, rít thuốc và nhìn anh mình. Mới hai phút trước họ còn hợp cạ với nhau mà giờ đã bất hòa - tuổi thơ đã thực sự trở lại viếng thăm. Paul Marshall đứng giữa họ, quay đầu về phía này rồi phía kia để nói chuyện, như thể trong một trận quần vợt. Ở anh ta có một vẻ trung lập, phẳng phất nét tọc mạch và dường như không bị cuộc cãi cọ của đôi anh em này ảnh hưởng tới. Ít nhất phẩm chất đó, Cecilia nghĩ, cũng có lợi cho anh ta.

Anh nàng nói, “Em nghĩ nó không biết cầm dao nữa à?”

“Leon, thôi đi. Anh không có quyền mời anh ta.”

“Ngớ ngẩn thế!”

Sự im lặng kéo theo sau đó dịu bớt một phần nhờ tiếng vo vo của bơm lọc nước. Nàng không thể làm được gì, nàng không thể bắt Leon làm gì, và đột nhiên nàng thấy cuộc cãi vã mới vô nghĩa làm sao. Nàng uể oải ngã người tựa vào tảng đá nóng, uể oải rít nốt điếu thuốc và đau đầu nhìn cảnh trước mắt - dải nước khử trùng bằng clo đang dần thu lại, cái xăm đen của lớp máy kéo tựa vào cái ghế võng, hai người đàn ông vận vest vải lanh màu kem có sắc khác biệt tí ti, khói thuốc màu xám xanh bốc lên trên nền tán tre xanh lục. Trông như được khắc tạc, bất động, và một lần nữa, nàng cảm thấy: mọi sự đã xảy ra từ lâu, lâu lắm rồi, và tất cả hậu quả, trên mọi cấp độ - từ vi đến vĩ - đều đã nằm đâu vào đây. Dù tương lai có chuyện gì xảy ra, kỳ lạ và đáng kinh ngạc thế nào ở bề ngoài, thì ở chúng cũng có một kiểu quen thuộc, không khiến ngạc nhiên gì, buộc nàng phải nói, nhưng chỉ với riêng mình, À phải, dĩ nhiên rồi. Điều đó. Mình hẳn đã biết.

Nàng khẽ nói, “Anh biết em đang nghĩ gì không?”

“Nghĩ gì?”

“Mình nên vào nhà, và anh pha cho bọn mình một thứ gì uống thật ngon lành.”

Paul Marshall đập hay tay vào nhau và tiếng vỗ nảy bật giữa những cột trụ và tường sau của thủy đình. “Tôi biết chế một món khá ổn,” anh ta nói lớn. “Trộn đá bào, rum, và sôcôla đen nấu chảy.”

Đề xuất này khiến Cecilia và anh trai đưa mắt nhìn nhau, và nhờ vậy mối bất hòa được giải quyết. Leon bước đi, rồi khi Cecilia và Paul Marshall theo chân anh và bắt kịp, sánh bước chỗ khoảng đất trống dưới rặng cây nàng nói, “Tôi thích cái gì đó đắng hơn. Hay thậm chí chua.”

Anh ta mỉm cười, và vì đến chỗ lối đi trước, anh dừng bước chìa tay ra dẫn nàng qua, như thể đây là ngưỡng cửa phòng khách, và khi bước qua, nàng cảm thấy anh khẽ chạm lên tay mình.

Mà biết đâu, đó là một chiếc lá.

Năm

Cả hai đứa sinh đôi lẫn Lola đều không biết chính xác chuyện gì đã khiến Briony từ bỏ buổi diễn tập. Lúc đó, chúng thậm chí còn không biết em đã bỏ. Chúng đang đóng cảnh ốm liệt giường, màn mà nàng Arabella nằm bẹp trên giường lần đầu tiên đón vào căn gác xép chàng hoàng tử cải trang thành một bác sĩ giỏi giang, và cảnh đó diễn khá ổn, hay không tệ hơn mọi khi mấy, hai đứa sinh đôi đọc lời thoại cũng không ngô nghê hơn lúc trước. Còn Lola, cô không muốn làm bản váy cashmere bằng cách nằm xuống sàn, nên ngả người xuống ghế, và đạo diễn không làm sao mà phản đối được. Cô gái lớn hơn kia bước vào trạng thái tự chủ trọn vẹn tách xa sự phức tạp đến nỗi cảm thấy mình nằm ngoài mọi lời chỉ trích. Vừa mới đó Briony còn đang kiên nhẫn chỉ dẫn cho Jackson, rồi em dừng lời và cau mày, như thể toan chữa lại lời mình vừa nói, và rồi bỏ đi. Không có giây phút then chốt thể hiện sự khác biệt mới mẻ, không sầm sầm tức giận hay hối hả lao ra. Em quay người lại, rồi đơn giản là lướt ra, như thể đến phòng rửa mặt. Ba đứa kia đợi, không hề biết rằng cả dự án kia đã tiêu tùng. Hai đứa sinh đôi nghĩ chúng đã cố gắng rất nhiều, nhất là Jackson, vì vẫn thấy mình bị thất sủng trong ngôi nhà Tallis, vậy nó nghĩ mình nên cố cứu vãn bằng cách làm vui lòng Briony.

Trong khi đợi, hai đứa nhóc đá qua đá lại một miếng gỗ, còn chị chúng đăm đăm nhìn ra ngoài cửa sổ, khe khẽ ngân nga. Sau một khoảng thời gian dài như bất tận, cô ra hành lang đi đến cuối nơi có một cánh cửa mở toang dẫn vào phòng ngủ không người sử dụng. Từ đây cô nhìn thấy lối cho xe vào và mặt hồ lung linh một cột lân tinh, ánh sáng trắng lóa phát ra bởi cái nóng ác liệt cuối buổi chiều. Trên nền cột lân tinh kia, cô chỉ nhìn thấy mờ mờ ai kia như Briony sau cái đèn trên đảo, đứng ngay cạnh mép nước. Thực ra, có lẽ em còn đứng dưới nước cơ - dưới ánh sáng lóa mắt như vậy thì thật khó mà biết được. Trông em không có vẻ gì là sẽ quay lại. Bước ra khỏi phòng, Lola nhận thấy cạnh giường đặt một va li bằng da thuộc trông có vẻ của đàn ông, đai lớn nặng nề, và nhãn dán dùng trên tàu đã lợt màu. Chúng khiến cô mơ hồ nhớ đến cha, và cô bước lại bên cạnh, ngửi thấy thoang thoảng mùi muối than của hành lý khi đi tàu hỏa. Cô giơ ngón cái ra sờ lên một cái khóa và đẩy nhẹ. Kim loại sáng bóng mát lạnh, và cái chạm tay đó để lại những vết hơi nước nhỏ đang dần teo lại. Móc khóa làm cô giật nảy mình khi nó tung ra gây một âm thanh to, đục. Cô đẩy nó lại như cũ, rồi vội vã về phòng.

Tiếp đó với ba chị em kia là một khoảng thời gian còn vô định dạng hơn lúc trước. Lola cử hai thằng bé xuống dưới nhà xem hồ bơi có ai không - chúng cảm thấy không thoải mái khi có người lớn ở đó. Hai đứa nhóc trở về thông báo Cecilia ở đó với hai người lớn nữa, nhưng lúc này Lola đã không còn ở trong phòng trẻ. Cô đã về lại phòng ngủ bé tí, vuốt lại tóc trước cái gương tay dựng trên bậu cửa sổ. Hai đứa sinh đôi nằm xuống cái giường nhỏ của chị, cù nhau, vật nhau, gào hét ầm ĩ. Cô cũng chẳng buồn đuổi chúng về phòng. Giờ không còn kịch kiếc gì, mà hồ bơi thì có người, thời gian không cấu trúc đè nặng lên chúng. Nỗi nhớ nhà ập xuống khi Pierrot bảo đói - còn lâu nữa mới đến giờ ăn tối, giờ mà đi xuống xin cái gì đó ăn thì không thích hợp. Hơn nữa, hai thằng bé sẽ không vào bếp vì chúng rất hãi Betty, chúng vừa thấy bà trên cầu thang vẻ mặt sắt đá ôm tấm trải giường bằng cao su đỏ về phòng chúng.

Một lát sau, cả ba đứa thấy mình về lại phòng trẻ, mà trừ phòng riêng của chúng ra, đó là căn phòng duy nhất chúng cảm thấy mình có quyền được vào. Miếng gỗ màu xanh sứt mẻ vẫn ở nơi chúng đá lúc nãy, và mọi thứ hết như cũ.

Chúng đứng vờ vẩn và Jackson nói, “Em không thích ở đây.”

Sự giản dị của lời nhận xét làm rối trí thằng em trai đang đi dọc tường, tìm thấy một thứ gì thú vị trong ván chân tường và cứ liên tục dùng mũi giày đá đá vào đó.

Lola choàng tay lên vai nó nói, “Không sao đâu. Mình sẽ về nhà sớm thôi mà.” Tay cô gầy và nhẹ hơn tay mẹ chúng rất nhiều nên Pierrot bắt đầu nức nở, nhưng khế khàng thôi, bởi nó vẫn nhớ đến việc mình đang ở trong một căn nhà xa lạ nơi lịch sự là tất cả.

Mắt Jackson cũng ngân ngấn lệ, nhưng nó vẫn đủ sức cất tiếng. “Sẽ không sớm đâu. Chị chỉ nói thế thôi. Mình không được về nhà nữa...” Nó dùng lời lấy hết sức bình sinh. “Ly dị rồi!”

Pierrot và Lola sững người. Từ đó chưa bao giờ được dùng trước mặt bọn trẻ, và miệng chúng chưa bao giờ thốt ra. Mấy phụ âm mềm mại kia gọi ra một thứ tục tĩu không tưởng, âm gió ở cuối thì trào nổi nhục của gia đình. Jackson thì trông như quẫn trí sau khi cái từ ấy buột khỏi miệng nó, nhưng không lòng dạ nào mà có ý định rút nó lại lúc này, và với tất cả những gì nó có thể biết được, nói to điều đó ra là một tội ác lớn như chính hành động ấy, dù cho đó là gì. Không đứa nào trong chúng, kể cả Lola, hiểu điều này. Cô bước tới chỗ nó, đôi mắt xanh lá nheo lại như mắt mèo.

“Sao em *dám* nói thế.”

“Sự thật là vậy,” nó làm bầm nhìn ra chỗ khác. Nó biết rằng mình gặp rắc rối to rồi, rằng nó đáng bị rắc rối, và nó toan chạy biến đi thì chị nó

véo ngay tai và rướn mặt sát vào mặt nó.

“Nếu chị đánh em,” nó vội nói, “em sẽ mách bố mẹ.” Nhưng chính nó đã khiến câu thần chú này vô tác dụng, một tôtem bị hủy hoại của một thời vàng son đã mất.

“Em không *bao giờ* được dùng từ đó nữa. Có nghe không?”

Tửu then ngập tràn, nó gật đầu, rồi cô buông ra.

Hai thằng bé thất kinh đến độ không cả dám khóc, và giờ Pierrot, hào hứng như mọi khi chữa cháy cho một tình huống tồi tệ, hân hoan nói, “Giờ mình làm gì đây?”

“Tôi vẫn luôn tự hỏi mình điều đó.”

Một anh chàng cao to vận vest trắng đứng ở ngưỡng cửa có lẽ đã nhiều phút rồi, đủ lâu để nghe Jackson nói cái từ ấy, và chính ý nghĩ này, chứ không phải nỗi ngạc nhiên trước sự xuất hiện của anh ta, khiến Lola cứng miệng không thốt nên câu đáp lời. Anh ta có biết về gia đình chúng không? Chúng chỉ trân trối nhìn và đợi. Anh ta tiến đến và chìa tay ra.

“Paul Marshall.”

Pierrot, đứng gần nhất, lặng thinh bắt tay, anh trai nó cũng làm thế. Khi đến lượt cô gái, cô nói, “Lola Quincey. Đây là Jackson và kia là Pierrot.”

“Tên các cô cậu mới hay làm sao. Nhưng làm thế nào tôi phân biệt được hai cậu đây?”

“Tôi thường được coi là dễ thương hơn,” Pierrot nói.

Đó là câu đùa trong nhà, do cha chúng sáng chế, thường khiến người lạ cười phá lên mỗi khi họ hỏi câu kia. Nhưng anh chàng này thậm chí còn không cười khi nói, “Cô cậu hẳn là ba chị em họ từ miền Bắc về.”

Cả ba ngong ngóng đợi nghe xem anh ta biết gì nữa, và đôi mắt nhìn khi anh ta bước dọc những ván trần trong phòng trẻ, khom người nhặt miếng gỗ, ném lên cao rồi lanh lẹ bắt lại, tiếng gỗ kêu đánh bép khi chạm vào da.

“Tôi ở phòng cùng hành lang.”

“Tôi biết,” Lola nói. “Phòng dì Venus.”

“Chính xác. Phòng trước đây của dì.”

Paul Marshall ngồi xuống cái ghế bành vừa mới đây nàng Arabella đau buồn đã ngồi. Khuôn mặt anh ta trông rất kỳ dị, các đường nét xô lại với nhau quanh lông mày, và một cái cằm to không râu như của Desperate Dan². Một khuôn mặt dữ dằn, nhưng anh ta lại cư xử dễ thương, và đây là một sự kết hợp quyến rũ, Lola nghĩ. Anh ta vừa vuốt li quần vừa nhìn từ Quincey này đến Quincey kia. Mắt Lola bị hút xuống đôi giày da hai màu trắng đen, và anh ta biết cô thán phục chúng nên lắc lắc một chân theo nhịp điệu nhảm trong đầu.

“Tôi rất tiếc khi nghe chuyện vở kịch của các cô cậu.”

Hai thằng sinh đôi dịch lại gần nhau, đi từ vị trí dưới ngưỡng nhận thức đến những thang bậc gần sự suy xét hơn rằng nếu anh ta biết nhiều hơn chúng về buổi diễn tập, anh ta hẳn phải biết thêm rất nhiều chuyện nữa. Jackson cất tiếng hỏi từ trung tâm của nỗi lo lắng ấy.

“Anh có biết cha mẹ chúng tôi không?”

“Ông bà Quincey?”

“Vâng!”

“Tôi có đọc về họ trên báo.”

Hai thằng nhóc nhìn anh ta chăm chú khi hấp thu chuyện này và không mở nổi miệng, vì chúng biết rằng những chuyện báo chí đề cập đến đều là rất trọng yếu: động đất và tai nạn tàu hỏa, việc các chính phủ và quốc gia làm hết ngày này sang ngày khác, và liệu có nên đầu tư thêm tiền trang bị vũ khí phòng khi Hitler tấn công nước Anh. Chúng kính sợ, nhưng không hoàn toàn ngạc nhiên, khi thảm họa của riêng chúng lại được xếp ngang hàng với những sự vụ thần thánh này. Chuyện này có vẻ của một sự thật đang được khẳng định.

Để đứng vững, Lola đặt tay lên hông. Tim cô đập rộn đau nhói và cô không tin nổi vào bản thân mình mà cất lời, mặc dù biết là phải nói. Cô nghĩ người kia đang chơi trò gì đó mà cô không hiểu được, nhưng cô biết chắc là đang tôn tại một sự không phải phép, hay thậm chí cả một sự sỉ nhục. Giọng cô ghen lại khi cô lên tiếng, và cô buộc phải hắng giọng mới bắt đầu lại được.

“Anh đọc được gì về họ?”

Anh ta nhướn mày lên, lông mày dày và giao nhau, rồi bật ra một tiếng thờ ơ qua môi. “Ồ, tôi không biết. Chẳng có gì. Toàn thứ vớ vẩn thôi.”

“Vậy tôi sẽ rất cảm ơn anh nếu không nói ra trước mặt lũ trẻ.”

Đây là một cấu trúc câu hẳn cô đã có lần tình cờ nghe lỏm, và đã thoát ra trong một niềm tin mù quáng, như học trò lẩm bẩm câu thần chú của một Magi.

Có vẻ thành, công. Marshall cau mày nhận lỗi, và nhòai người về phía hai thằng bé. “Giờ hai cậu lắng nghe cẩn thận từng lời tôi nói nhé. Tất cả mọi người đều biết cha mẹ cô cậu là những người vô cùng tuyệt vời, họ yêu các cô cậu rất nhiều và nghĩ đến các cô cậu suốt.”

Jackson và Pierrot nghiêm nghị gật đầu đồng ý. Nhiệm vụ hoàn thành, Marshall lại hướng chú ý sang Lola. Trước đó, sau hai ly cocktail gin mạnh dưới phòng khách với Leon và em gái anh, Marshall đã lên lầu tìm phòng, bỏ đồ đạc ra và thay quần áo dùng trong bữa tối. Không cởi giày, anh nằm thẳng cẳng trên chiếc giường bốn cọc màn khổng lồ và, được sự yên bình của vùng quê, ly cocktail và khí ấm lúc sắp tối vuốt ve,

thiếp đi một lúc, trong giấc mơ các cô em gái nhỏ của anh xuất hiện, cả bốn đứa, đứng cạnh giường, huyền thuyên tán phét, chạm vào và kéo quần kéo áo anh. Anh ta tỉnh giấc, khắp ngực và cổ họng nóng ran, ngồi dậy một cách đầy khó chịu, và bối rối mất một lúc trước khung cảnh xung quanh mình. Chính vào cái lúc anh ta ngồi uống nước ở mép giường thì chợt nghe thấy những giọng nói hắc đã gọi ra giấc mơ ấy. Khi bước dọc theo hành lang cọt két vào phòng trẻ, anh ta nhìn thấy ba đứa trẻ. Và rồi anh thấy cô bé kia gần như đã là thiếu nữ, đỉnh đạc và độc đoán, khá giống công chúa nhỏ trong tranh vẽ theo phong cách Tiền Raphael với mấy lọn tóc và vòng xuyên, móng tay móng chân sơn và cái vòng nhung ôm sát cổ.

Anh bảo cô, “Cô có gu chọn quần áo đấy. Cái quần cực kỳ hợp với cô, tôi nghĩ vậy.”

Cô miễn nguyện nhiều hơn là e thẹn và mấy ngón tay khẽ vuốt lên vải nơi quần phồng ra quanh hông hẹp. “Chúng tôi mua ở cửa hàng Liberty khi mẹ đưa tôi đến London xem kịch.”

“Thế cô đã xem gì?”

“Hamlet.” Thực ra họ đã xem một vở kịch câm diễn vào buổi chiều ở nhà hát London Palladium và Lola đã đánh đổ nước dầu ra áo, còn cửa hàng Liberty thì ở ngay bên kia đường.

“Một trong những vở tôi yêu thích,” Paul nói. May cho cô là anh ta cũng chưa đọc hay xem vở kịch này, vì anh ta học chuyên ngành hóa học. Nhưng anh ta cũng đủ hiểu biết để nói đầy đam mê, “Tồn tại hay không tồn tại.”

“Đó là vấn đề,” cô tiếp lời. “Và tôi thích giày của anh.”

Anh nghiêng chân để nhìn vào nhãn hiệu nhà sản xuất. Vâng. Hiệu Ducker ở phố Turl. Họ làm một cái chân bằng gỗ giống hệt chân mình và đặt vĩnh viễn trên giá. Hàng nghìn đôi chân gỗ đó nằm dưới tầng hầm, và hầu hết trong số này đã chết lâu lắm rồi.”

“Mới thật khủng khiếp làm sao.”

“Em đói,” Pierrot lại nói.

“À rồi,” Paul Marshall nói, vỗ vỗ vào túi. “Tôi có cái này cho cậu nếu cậu đoán được tôi làm nghề gì.”

“Anh là ca sĩ,” Lola nói. “Ít nhất là giọng anh hay.”

“Tử tế quá, nhưng sai. Cô biết không, cô khiến tôi nhớ đến cô em gái mà tôi rất yêu...”

Jackson cắt lời. “Anh làm sôcôla trong một nhà máy.”

Trước khi quá nhiều vinh quang chất đống lên vai anh trai, Pierrot chêm vào, “Chúng tôi nghe thấy anh nói chuyện ở hồ bơi.”

“Thế thì không phải là đoán rồi.”

Anh ta lôi từ trong túi ra một thanh hình chữ nhật gói trong giấy chống thấm dầu bề dài chừng ba inch bề ngang một inch. Anh ta đặt thanh đó lên đùi, cẩn thận bóc ra rồi giơ lên cho chúng xem. Lịch sự, chúng dịch lại gần hơn. Nó có một lớp vỏ trơn màu xanh xám bên ngoài mà anh ta đang nhíp móng tay lên.

“Bọc đường, thấy không? Sôcôla sữa bên trong. Ngon lành trong mọi điều kiện, kể cả có chảy ra.”

Anh ta giơ tay cao lên, nắm chặt lại, và chúng nom thấy mấy ngón tay anh ra run run, những rung động càng rõ hơn vì thanh kẹo.

“Trong ba lô của mỗi người lính trên đất nước này sẽ có một thanh kẹo loại này. Suất tiêu chuẩn.”

Hai đứa sinh đôi đưa mắt nhìn nhau. Chúng biết người lớn không ưa gì đồ ngọt. Pierrot nói, “Lính không ăn sôcôla.”

Anh trai nó chêm thêm, “Họ thích thuốc lá.”

“Mà, sao họ lại được cho không kẹo trong khi trẻ em thì không?”

“Bởi vì họ sẽ chiến đấu cho tổ quốc của họ.”

“Bố em bảo sẽ không có chiến tranh gì cả.”

“Vậy thì ông ấy sai.”

Marshall nói nghe hơi gắt gỏng, nên Lola nói giọng trấn an, “Biết đâu sẽ có.”

Anh ta mỉm cười với cô. “Chúng tôi gọi nó là Army Amo.”

“Amo amas amat³,” cô nói.

“Chính xác.”

Jackson nói, “Em không hiểu sao mọi thứ chị mua cứ phải kết thúc bằng chữ o.”

“Thực sự rất chán,” Pierrot nói. “Như Polo và Aero.”

“Và Oxo và Brillo.”

“Tôi nghĩ chúng đang định bảo tôi là,” Paul Marsall chìa cho cô thanh kẹo và nói, “chúng không muốn ăn.”

Cô nghiêm nghị nhận lấy, và rồi ném cho hai đứa sinh đôi một cái nhìn đáng-đời-lắm. Chúng biết sẽ thế mà. Giờ thì chúng hầu như không thể xin Amo được. Chúng nhìn lười chị mình chuyển sang màu xanh khi nó cuộn quanh rìa vỏ đường. Paul Marshall ngả người ra ghế bành, dõi mắt sát sao nhìn cô qua hình tháp chuông dựng lên bởi hai bàn tay chắp vào nhau trước mặt.

Anh ta vắt chéo chân rồi lại thả ra. Rồi anh ta hít một hơi thật sâu. “Cẩn đi,” anh khẽ nói. “Cô phải cẩn.”

Thanh kẹo vỡ rắc một tiếng khi những chiếc răng cửa sạch bong cắn vào, rồi rìa trắng của lớp vỏ đường lộ ra, và sôcôla đen nằm bên dưới. Đúng lúc đó chúng nghe tiếng một phụ nữ gọi vọng lên cầu thang từ tầng

dưới, rồi bà lại cất tiếng gọi, cương quyết hơn, chỉ ở ngay trên hành lang, và lần này hai đứa sinh đôi nhận ra giọng kia và bất thình lình mặt cả hai biến sắc hoang mang.

Miệng vẫn đầy Amo, Lola bật cười nắc nẻ. “Betty đang tìm hai đứa đấy. Đến giờ tắm rồi! Giờ thì chạy đi. Chạy đi.”

Sáu

Không lâu sau bữa trưa, khi đã chắc chắn lũ con của em gái mình và Briony đã ăn uống hợp lý và sẽ giữ lời hứa tránh xa hồ bơi ít nhất hai tiếng đồng hồ, Emily Tallis rút từ cái nắng trắng lóa gay gắt của buổi chiều vào phòng ngủ âm u, mát rượi. Bà không đau đầu, vẫn chưa,

nhưng muốn rút lui trước hiểm họa đó. Trong mắt bà xuất hiện những điểm chói sáng, khê đậm nhoi nhoi, như thể cả thế giới nhìn thấy được là một tấm vải sòn đang được giơ lên chắn một nguồn sáng chói hơn nó nhiều. Bà cảm thấy ngay góc bên phải não mình một sức nặng, một trọng lượng cỡ cơ thể ù lì của một con vật đang nằm cuộn tròn ngủ; nhưng khi bà sờ lên đầu và ấn, sự hiện hữu đó biến mất khỏi hai trục tọa độ của không gian thực. Giờ nó vẫn nằm ngay ở góc trên bên phải tâm trí bà, và trong tưởng tượng, bà có thể kiễng chân lên mà giơ tay phải lên chạm vào nó. Tuy nhiên, quan trọng là không được khiêu khích nó; sinh vật lười nhác này mà di chuyển từ ngoại vi vào trung tâm thì những cơn đau như dao cứa kia sẽ làm tắc nghẽn mọi suy nghĩ, và sẽ không có cơ hội ăn tối với Leon và toàn thể gia đình tối nay. Nó không thù ghét bà, con vật này, nó thờ ơ trước nỗi khổ sở của bà. Nó di chuyển như một con báo đen bị nhốt trong lồng: vì nó thức giấc, vì nó buồn chán, đi lại chỉ vì thích đi lại, hay chả vì lý do gì cả, mà cũng chẳng ý thức gì. Bà nằm ngửa trên giường đầu không kê gối, một cốc nước trong tầm với, và ngay cạnh, một cuốn sách bà biết sẽ không đọc nổi. Một vệt ánh sáng dài, mờ hắt lên trần phía trên thanh gỗ treo rèm là tất cả những gì phá vỡ bóng tối. Bà nằm bất động sợ hãi, cảm thấy như đang có đầu mũi dao chĩa vào mình, biết rằng nỗi sợ sẽ không cho mình ngủ và hy vọng duy nhất là tiếp tục nằm yên.

Bà nghĩ đến hơi nóng khổng lồ dâng lên phía trên ngôi nhà và công viên, và phủ khắp vùng Home Counties như khói, bóp ngạt các nông trại và thị tứ, và bà nghĩ đến đường ray tàu lửa bị nung nóng đưa Leon và bạn nó về, và toa tàu nóc đen bị quay chín nơi hai đứa ngồi bên cửa sổ mở rộng. Bà đã sai chuẩn bị một bữa tiệc đồ nướng cho tối nay mà trời

ngọt ngọt thế này làm sao ăn nổi. Bà nghe tiếng ngôi nhà cọt két nở ra. Hay những thanh xà và cột trụ khô kiệt đang teo lại trong vôi trong vữa? Teo lại, hết thảy đang teo lại. Tương lai của Leon chẳng hạn, tiêu tán từ cái nắm nó từ chối không nhận lời đề nghị giúp đỡ của cha, một cơ hội khá thơm trong ngạch công chức, mà cam tâm làm một nhân viên bé mọn trong một nhà băng tư, sống chỉ vì ngày cuối tuần và đua thuyền tám. Bà có thể còn giận thẳng con hơn nếu nó không ngoan ngoãn, dễ chịu và được đám bạn bè công thành danh toại vây quanh đến thế. Đẹp trai quá mức, được yêu quý quá mức, không một gợn bất hạnh và tham vọng. Một ngày nào đó nó có thể đưa về nhà một đứa bạn cho Cecilia kết hôn, nếu ba năm ở Girton chưa biến con bé thành một đối tượng chẳng triển vọng gì, với cái kiểu bộ tịch cô độc, rồi hút thuốc trong phòng ngủ, cả cái nỗi hoài mong không tưởng cái thời vừa mới kết thúc ấy cùng mấy cô gái béo ú đeo kính người New Zealand mà con bé từng ở chung một căn phòng như chuồng thú, hay là phòng người hầu? Những biệt ngữ dễ chịu ở Cambridge của Cecilia - Giảng đường lớn, Vũ điệu Maids Dancing, Kỳ thi Little-Go, và tất cả những chuyến khám phá khu ổ chuột mà nàng tự mình thám phục, quần chèn gối phơi trước lò sưởi điện và hai người dùng một bàn chải đánh răng - khiến Emily Tallis phát cáu, mặc dù có chút mơ hồ ghen tị. Bà đã học tại nhà đến khi mười sáu tuổi, được gửi đi Thụy Sĩ trong hai năm, rồi rút lại còn một năm vì kinh tế, và bà thực sự biết rằng toàn bộ màn trình diễn đó, chuyện phụ nữ học Đại học, thực là trò trẻ con, cùng lắm là trò đùa nghịch ngây thơ, cũng như đua thuyền tám dành cho nữ, chỉ là làm dáng một chút bên cạnh đám anh em trai, có điều được khoác lên mình bộ cánh long trọng mang tên tiến bộ xã hội. Người ta thậm chí còn không trao cho phụ nữ một tấm bằng tử tế. Khi tháng Bảy Cecilia về nhà mang theo kết quả kỳ thi cuối kỳ - nó thật không biết điều khi tỏ ra thất vọng với điều đó! - nó không có nghề ngỗng hay kỹ năng gì, vẫn phải tìm lấy một tấm chồng và đối mặt với bốn phận làm mẹ - những chuyện ấy thì đám nữ học giả giáo sư của con bé - đám đàn bà với những biệt hiệu ngớ ngẩn và tiếng tăm khiến người khác “sợ sệt” ấy - thì biết gì mà dạy cho nó kia chứ? Mấy bà tự đại đó trở nên bất hủ ở địa phương bởi những trò lập dị thiển cận nhất, điên khùng nhất - dùng dây buộc chó dắt mèo, lượn lò trên xe đạp đàn ông, vừa đi vừa ăn sandwich trên phá mặc thiên hạ nhìn. Một thế hệ sau, những quý bà ngớ ngẩn, xuẩn ngốc này sẽ nằm sâu dưới ba thước đất mà vẫn được tôn kính quanh High Table⁴ và mỗi lần nhắc đến lại phải xuống giọng.

Cảm thấy con quái vật lông đen bắt đầu ngọ nguậy, Emily tránh xa khỏi những ý nghĩ về cô con gái lớn mà vươn cái tua cuốn lo lắng sang đứa con gái út. Briony đáng yêu tội nghiệp, đứa bé bé bỏng dịu dàng, làm

hết sức mình để chiều lòng ba đứa em họ cứng đầu bằng vở kịch nó đã viết với cả tấm lòng. Bà thấy được xoa dịu khi yêu thương con bé. Nhưng làm sao bảo vệ nó khỏi sự thất bại, khỏi con bé Lola kia, hóa thân của đứa em út của Emily, cũng đã phổng phao và đầy toan tính khi ở vào cỡ tuổi đó, và vừa đây đã bày mưu trốn chạy khỏi cuộc hôn nhân của mình, náu mình vào cái mà nó muốn mọi người gọi là sự suy sụp tinh thần. Bà không đủ sức cho Hermione vào ý nghĩ của mình. Thay vào đó, Emily, thờ nhè nhẹ trong bóng tối, đoán định tình hình trong nhà bằng cách căng tai lắng nghe. Trong hoàn cảnh thế này, đây là đóng góp duy nhất mà bà có thể làm được. Bà đặt lòng bàn tay lên trán, và nghe thấy một tiếng “tách” khác khi căn nhà teo lại nhỏ hơn. Từ xa bên dưới vọng lên tiếng choang của kim loại, có lẽ là tiếng vung chảo rồi; bữa tối đồ nướng chẳng vì cái gì đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tiên. Từ tầng trên, tiếng bước chân uỳnh uych trên sàn gỗ và giọng trẻ con, ít nhất là hai hay ba đứa, nói cùng một lúc, cao giọng, hạ xuống, và lại cao giọng lên, có lẽ là bất đồng quan điểm, hoặc cũng có thể hào hứng đồng ý. Phòng trẻ ở ngay tầng trên, và cách phòng bà thẳng lên chỉ một phòng. *Những gian nan của nàng Arabella*. Nếu không quá mệt, giờ bà sẽ lên trên chỉ bảo hoặc giúp đỡ, vì bà biết như thế kia là quá sức bọn trẻ. Đau ốm đã khiến bà không trao được cho con cái tất cả những gì mà một bà mẹ nên làm. Cảm nhận được điều này, chúng đã luôn gọi bà bằng tên. Lẽ ra Cecilia nên giúp một tay, nhưng nó quá khép mình, quá trí thức đến nơi chẳng buồn bận tâm chuyện trẻ con... Emily cưỡng lại được việc theo đuổi dòng ý nghĩ này, và dường như đã mơ màng thiếp đi, nhưng không hẳn ngủ, mà bước ra khỏi mọi suy nghĩ vào vùng hư vô phi logic, và rất nhiều phút trôi qua cho đến khi bà nghe trong hành lang ngoài phòng mình tiếng bước chân giậm lên cầu thang, và dựa vào âm thanh như bị chặn lại ấy nghĩ đó hẳn là tiếng chân trần và vì vậy là Briony. Trời nóng con bé thường không đi giày. Vài phút sau, lại từ phòng trẻ, tiếng ầu ả ồn ào và một thứ cứng lách cách va khắp sàn gỗ. Buổi diễn tập đã tan tành, Briony dần dỗi bỏ đi, hai đứa sinh đôi thì đùa nghịch, còn Lola, nếu nó giống mẹ nó nhiều như Emily thăm tin, sẽ thần nhiên và đắc thắng.

Bứt rứt khó chịu như lệ thường về chồng con, em gái, việc giúp đỡ, đã làm cho các giác quan của bà trở nên tinh nhạy; chứng đau nửa đầu, tình yêu của người mẹ và, trong suốt bao năm qua, hàng bao nhiêu giờ nằm bất động trên giường đã chưng cất từ sự nhạy cảm này ra được một giác quan thứ sáu, một tua tri nhận vươn ra khỏi bóng tối lờ mờ và trườn đi khắp nhà, vô hình nhưng biết hết thấy. Chỉ có sự thật quay lại với bà, vì những gì bà biết, bà biết. Tiếng lầm rầm mơ hồ của những giọng nói vọng qua sàn nhà trải thảm còn rõ ràng hơn cả một bản ghi đánh máy; một

cuộc chuyện trò xuyên qua một bức tường, hay đúng hơn, hai bức tường, hiện ra dưới hình hài đã lột bỏ tất cả chỉ còn lại những điểm thất gút cốt lõi và sắc thái cơ bản. Cái đối với người khác chỉ là âm thanh nghèn nghệt thì với giác quan luôn cảnh giác của bà, tinh nhạy như bộ thu sóng của một chiếc radio cổ, là sự khuếch âm cơ hồ không sao chịu đựng nổi. Bà nằm trong bóng tối và biết mọi thứ. Càng ít khả năng hoạt động, giác quan của bà càng mạnh. Nhưng mặc dù thỉnh thoảng bà khao khát ngồi dậy và can thiệp, nhất là khi nghĩ Briony cần mình, nỗi sợ hãi bị đau đớn vẫn khiến bà nằm yên. Khi tòi tệ nhất, nếu không bị kiềm tỏa, một bộ dao làm bép sắc lẹm sẽ cửa qua thần kinh thị giác bà, cửa thêm một lần nữa, bằng một lực ép xuống mạnh hơn, thế là bà sẽ bị giam hãm hoàn toàn và cô độc. Ngay cả rên rỉ cũng làm tăng cơn đau thống khổ.

Và thế là bà cứ nằm đó khi chiều muộn trôi đi. Cửa trước mở rồi đóng. Briony tâm trạng như thế hẳn sẽ bỏ ra ngoài, có lẽ ra chỗ có nước, cạnh hồ bơi, hay hồ, hoặc biết đâu con bé đã đi xa ra tận sông. Emily nghe tiếng bước chân cẩn trọng trên cầu thang - cuối cùng Cecilia cũng mang hoa lên phòng của khách, một việc con con sai nó làm không biết bao nhiêu lần ngày hôm ấy. Rồi sau đó, Betty gọi Danny, và tiếng xe ngựa trên sỏi, và Cecilia chạy xuống gặp khách, và chẳng lâu sau, mùi thuốc lá đã phảng phất lan trong bóng tối lơ mờ - đã bảo con bé hàng ngàn lần đừng có hút thuốc trên cầu thang rồi, nhưng hẳn là nó muốn gây ấn tượng với bạn Leon, mà bản thân việc đó cũng chẳng phải là chuyện tòi tệ gì lắm. Những giọng nói vang vọng trong sảnh, Danny vật lộn mang đồng hành lý lên lầu, rồi lại xuống gác, và im lặng - Cecilia hẳn đã đưa Leon và anh Marshall đến hồ bơi uống rượu punch do chính tay Emily pha sáng hôm đó. Bà nghe tiếng một sinh vật bốn chân chạy vụt xuống cầu thang - hai đứa sinh đôi, muốn nhảy xuống hồ bơi và sắp sửa thất vọng vì ở đó đã có người.

Bà rơi vào một giấc ngủ lơ mơ, và bị đánh thức bởi giọng ồm ồm của một người đàn ông trong phòng trẻ, và bọn trẻ trả lời. Chắc chắn không phải Leon, giờ này nó hẳn đang dính lấy em gái sau bao ngày xa cách. Hẳn là anh Marshall phòng sát phòng trẻ, và anh ta đang nói chuyện với hai đứa sinh đôi, bà cả quyết, chứ không phải với Lola. Emily tự hỏi liệu có phải chúng xác xược không, vì đứa nào dường như cư xử như thể những trách nhiệm xã hội của nó bị chia làm đôi vậy. Giờ Betty đang lên cầu thang, vừa đi vừa gọi chúng, có lẽ hơi gay gắt quá, xét đến chuyện Jackson vừa mới chịu trận sáng đó. Giờ đi tắm, giờ uống trà, giờ đi ngủ - các mốc trong ngày: những thánh lễ trẻ thơ với nước, đồ ăn, đi ngủ này đã gần như biến mất hoàn toàn khỏi sinh hoạt thường nhật của gia đình. Sự xuất hiện muộn màng và bất ngờ của Briony giữ cho những điều đó

tồn tại trong ngôi nhà đến tận khi Emily đã ngoại tứ tuần, và chúng đã mang lại cảm giác mới dễ chịu, yên ổn làm sao: xà phòng lanolin và khăn tắm dày màu trắng, tiếng bi bô bé gái vang vọng trong không gian phòng tắm đầy hơi nước; bọc con bé trong chiếc khăn tắm, giữ chặt hai tay và đặt nó lên lòng trong một khoảnh khắc trẻ con yếu ớt mà cách đây không lâu Briony còn lấy làm thích thú tận hưởng; nhưng giờ đứa bé và nước tắm đã biến mất sau cánh cửa khóa chặt, dù thực tế cũng hiếm khi như vậy, vì trông nó lúc nào cũng như cần được tắm rửa và thay quần áo. Nó đã mất dạng vào thế giới nội tâm không gì chạm đến được, nơi việc viết lách chẳng gì hơn về bề ngoài mắt thường vẫn luôn nhìn thấy, lớp vỏ bảo vệ mà thậm chí, hay nhất là, một bà mẹ lòng đầy tình thương yêu sẽ không thể xuyên qua. Con gái bà luôn cách biệt và ở đâu đó xa xôi trong những suy nghĩ của riêng nó, vật lộn với một vấn đề thầm kín mà nó tự đặt ra cho mình, như thể cái thế giới kiệt quệ, hiển nhiên này có thể được một đứa trẻ tái tạo lại. Vô ích nếu hỏi Briony nó đang nghĩ gì. Từng có thời Emily luôn đưa ra được những câu trả lời hay nhất cho các câu hỏi từ nghiêm túc đến ngớ ngẩn sinh ra từ chính những câu trả lời thông thái và phức tạp mà người ta vẫn nhận được; và dù những lời giải thích dài dòng từng làm người nghe thích thú ấy giờ rất khó nhớ lại một cách chi tiết, bà vẫn nhớ mình cũng chưa từng nói được với ai hay như với đứa con út hồi nó mười một tuổi của mình. Không vị khách của buổi tiệc tối nào, không người bạn trong các cuộc chuyện trò dưới bóng râm bên lề sân quần vợt nào từng hiểu bà dễ dàng như nó, liên tưởng phong phú như nó. Nhưng giờ thì những con quỷ của lòng tự tôn và tài năng đã khiến con gái bà trở nên câm lặng, và mặc dù Briony không hề lạnh lùng chút nào – bữa sáng nay nó đã lân la sang đan tay vào tay bà - Emily vẫn thường tiếc cái thời hùng biện trôi chảy đã qua. Bà sẽ không bao giờ nói như thế một lần nữa với bất kỳ ai khác, và đây chính là ý nghĩa của việc muốn có đứa con nữa. Chẳng bao lâu nữa bà sẽ bước sang tuổi bốn mươi bảy.

Tiếng ầm ầm của hệ thống ống nước mơ hồ vọng tới - bà đã không nhận thấy khi nó bắt đầu - ngừng bật hẳn bởi một cú giật chấn động không gian. Giờ chắc hai thằng con của Hermione đang ở trong phòng tắm, hai thân thể nhỏ bé trơ xương ở hai đầu bồn tắm, cũng chiếc khăn tắm trắng ngày trước gấp gọn nằm trên ghế liễu gai xanh da trời đã lột màu, và dưới chân ghế, một tấm thảm khổng lồ bằng vỏ cây bần có một góc bị nhai nát bởi một con chó chết từ lâu lắm; nhưng thay vào tiếng bi bô là sự lặng im chết chóc, và không có bà mẹ nào, chỉ mỗi Betty với tấm lòng nhân hậu mà không đứa trẻ nào khám phá ra được. Làm sao Hermione có thể suy sụp tinh thần được - cái thuật ngữ này dùng cho tay

bạn làm ở đài phát thanh của nó thì có vẻ hợp hơn - làm thế nào nó có thể chọn sự im lặng, sợ hãi và đau buồn cho những đứa con của mình? Emily cho rằng mình nên đích thân trông nom việc tắm tã này. Nhưng bà biết rằng ngay cả khi những con dao ấy không lơ lửng trên trần kính thì giác của bà, bà quan tâm đến ba đứa cháu họ cũng chỉ vì nghĩa vụ. Chúng không phải con bà rút ruột đẻ ra. Đơn giản là vậy. Và chúng là những thằng nhóc, vì thế về cơ bản là không thích nói chuyện, không được ban cho tính dễ làm thân, và tệ hơn, chúng đã đánh lộn nhân dạng của mình, vì bà chẳng bao giờ tìm thấy mẫu tam giác thịt bị khuyết nào cả. Người ta chỉ có thể biết đến chúng một cách chung chung.

Bà thận trọng chống cùi chỏ nhô ra khỏi mình dậy và cầm ly nước đưa lên môi. Nó bắt đầu nhạt dần, sự hiện diện của con quái vật tra tấn bà, và bây giờ bà đã có thể kê hai cái gối vào tấm ván đầu giường để ngồi dậy. Đó là một nỗ lực chậm chạp và vụng về vì bà sợ cử động đột ngột, và vì vậy giắt giường cứ cọt cọt kẹt kẹt mãi, gần như át đi một giọng đàn ông. Nhỏm người lên một bên, bà bắt động, một tay nắm chặt một góc gối, và hướng sự chú ý tinh nhạy của mình tới mọi góc ngách ngôi nhà. Chẳng có gì, và rồi, như một cái đèn bật rồi vụt tắt trong bóng tối đen kịt, có một tiếng cười ré lên rồi tắt lịm. Là Lola, trong phòng trẻ với Marshall. Bà tiếp tục xoay người, và cuối cùng nằm lại, nhấp một ngụm nước âm ỉ. Nhà doanh nghiệp trẻ giàu có này có lẽ cũng không phải thuộc loại tồi, nếu anh ta sẵn lòng tiêu thời giờ trong ngày bằng cách chơi đùa với lũ trẻ. Nhanh thôi, bà sẽ có khả năng mạo hiểm bật cái đèn cạnh giường lên, và trong vòng hai mươi phút, bà có thể tham gia lại vào việc nhà cửa và theo đuổi bao mối lo khác của mình. Việc khẩn cấp nhất là phải xông vào bếp xem thử liệu giờ mà chuyển từ món nướng sang đồ nguội và salad thì có muộn quá không, và rồi bà sẽ đón chào con trai và khen ngợi cậu bạn của con, tạo cho cậu ấy cảm giác như ở nhà. Ngay khi việc này hoàn thành, bà sẽ tự thuyết phục mình rằng hai thằng sinh đôi đã được chăm sóc tử tế, và có lẽ nên cho phép chúng được hưởng thứ gì đó hay cho để đền bù. Rồi đến lúc phải gọi điện thoại cho Jack, thế nào cũng quên báo không về nhà được với bà. Bà sẽ lần lượt nói chuyện với người phụ nữ cộc lốc trên tổng đài, rồi với anh chàng vênh vác ở văn phòng bên ngoài, và bà khiến chồng yên tâm là không cần phải cảm thấy có lỗi. Bà sẽ tìm được Cecilia và đảm bảo rằng con bé đã cắm hoa như được bảo, rằng con bé nên vui vẻ góp phần mình cho buổi tối bằng cách đảm đương một vài trách nhiệm của chủ nhà, rằng nó diện bộ thật đẹp vào và đừng có bỏ phòng nào cũng hút thuốc. Và rồi, quan trọng hơn hết thảy, bà sẽ khởi sự đi tìm Briony vì chuyện vỡ kịch tan tành là một tai họa khủng khiếp và đứa bé cần tất cả những lời an ủi mà một bà mẹ có thể trao. Đi tìm con bé có

nghĩa là bị phơi ra dưới ánh mặt trời thuần khiết, nhưng thậm chí chỉ vài tia nắng dù đã dịu đi lúc sắp tối cũng có thể gây ra một cơn đau nữa. Thế thì sẽ phải tìm cho bằng được đôi kính râm, và việc này, chứ không phải chuyện bếp núc, sẽ phải là ưu tiên số một, vì nó ở đâu đó trong phòng này, trong một ngăn kéo, giữa một cuốn sách, trong một túi áo, mà chút nữa xuống kia rồi lại phải lên lầu để tìm nó thì sẽ rất khó chịu. Bà cũng nên đi vào chân đôi giày để bằng phẳng khi Briony đã đi mãi tận xuống chỗ con sông...

Và thế là Emily nằm lại trên mây cái gối thêm vài phút - con quái vật của bà đã lĩnh đi - kiên nhẫn dự tính, chỉnh sửa kế hoạch, sắp xếp chúng theo trật tự trước sau. Bà sẽ xoa dịu ngôi nhà mà với bà, nhìn từ phòng ngủ mờ mờ bệnh tật, giống như một lục địa dân cư thưa thớt và rối loạn, từ trong khoảng bao la hoang sơ của nó những yếu tố cạnh tranh nhau đang đưa ra các cáo buộc và phản cáo buộc đòi hỏi bà phải không ngừng chú ý đến chúng. Bà không hề ảo tưởng: những kế hoạch cũ, nếu ai đó có thể nhớ nổi, những kế hoạch bị thời gian bắt kịp rồi vượt qua, thường có khuynh hướng phần khích và lạc quan quá mức về các sự kiện. Bà có thể thò các tua cuốn của mình vào mọi căn phòng trong nhà, nhưng bà không thể cử chúng đi đến tương lai. Bà cũng hiểu rằng, rốt cuộc thì, bà chỉ đấu tranh cho chính sự yên bình trong tâm trí mình; sự ích kỷ và lòng nhân hậu tốt nhất là không nên tách biệt. Khẽ khàng, bà vươn thẳng người dậy và thả chân xuống sàn, luồn nhẹ vào đôi dép đi trong nhà. Không mạo hiểm mà kéo rèm vội, bà bật đèn đọc sách lên, và ngáp ngừng bắt đầu đi săn tìm đôi kính râm. Bà đã quyết định phải tìm ở đâu trước rồi.

Bảy

Đền trên đảo, xây theo phong cách Nicholas Revett vào cuối những năm 1780, ban đầu định là một điểm tham quan, một nét bắt mắt đề cao sự lý tưởng đồng quê thôn dã, và dĩ nhiên hoàn toàn chẳng chứa đựng mục đích tôn giáo gì. Nó ở vừa gần mép nước, được dựng trên phần đất nhô ra của bờ đảo, để hắt một hình ảnh phản chiếu kỳ thú xuống hồ, và từ hầu hết mọi góc nhìn, hàng cột và phào tường phía trên bị những cây đu và sồi trồng quanh khi lớn lên che khuất, thấp thoáng nửa bí ẩn nửa hiển hiện đầy quyến rũ. Đến gần hơn, ngôi đền mang một vẻ ngoài tiêu tụy: hơi ẩm bốc xuyên qua lớp vật liệu chống ẩm đã hỏng làm cho các lớp vữa rơi tung tóe. Vào lúc nào đó khoảng cuối thế kỷ mười chín, người ta

đã tiến hành vài tu sửa vụng về bằng xi măng không sơn giờ đã hóa thành màu nâu và khiến cho ngôi đền có vẻ ngoài loang lổ, bệnh hoạn. Rải rác trong đền, những thanh lati trơ ra khỏi vữa tróc, chính chúng cũng đang mục ruỗng, bức tường giờ nhìn xuyên qua được, trông như bộ xương sườn của một con thú đang chết đói. Cái cửa đôi mở vào một phòng rộng hình tròn có mái vòm bao trên đã bị tháo bỏ từ lâu, và sàn đá bị phủ một lớp dày cộm lá cây, đất mùn, và phân của đủ các loại chim thú từng lang thang ra vào đền. Tất cả kính trên những khung cửa sổ xinh xắn kiểu George đều không còn, hồi những năm cuối thập kỷ 1920 Leon và bạn bè của cậu đã đập vỡ sạch. Những hốc tường cao từng đặt tượng giờ trống không chẳng còn gì ngoài lớp lớp tàn tích mạng nhện bần thiêu. Đồ gỗ duy nhất bên trong là một băng ghế được mang vào từ sân chơi cricket trong làng - lại lần nữa, một thành quả của Leon lúc thiếu thời và những thằng bạn quỷ sứ ở trường. Chân ghế bị đá gãy dùng để đập cửa sổ, và giờ nằm ngoài kia, khế khàng vụn tan dần vào đất mẹ giữa đám tầm ma và những mảnh thủy tinh không bao giờ thổi rửa.

Giống như cái thủy đình ở hồ bơi đằng sau khu nhốt ngựa mô phỏng các đặc điểm của ngôi đền, ngôi đền được cho là bao gồm những nét tương đồng với ngôi nhà kiểu Adam ban đầu, mặc dù không ai trong gia đình Tallis biết những nét ấy là gì. Có lẽ đó là kiểu cột, hay phào tường, hay kích thước cửa sổ. Ở những thời điểm khác nhau, nhưng phần lớn là vào Giáng sinh, khi tâm trạng hứng khởi lên cao, các thành viên gia đình đi tản bộ trên cây cầu và hứa sẽ nghiên cứu vấn đề này, nhưng không ai bận tâm bỏ thời gian ra làm khi một năm mới bận rộn bắt đầu. Còn hơn cả sự đồ nát, chính mái liên hệ này, ký ức đã mất về mối quan hệ lớn hơn của ngôi đền, đã khiến công trình nhỏ bé vô dụng phẳng phất vẻ buồn bã. Ngôi đền là đứa con mồ côi của một bậc phu nhân thượng lưu cao quý, và bây giờ, khi không người chăm sóc, không ai ngưỡng phục, đứa trẻ già đi trước tuổi, và để mặc mình tàn tạ. Trên tường ngoài có một vết bõ hóng thuôn dần xuống dưới cao ngang đầu người, nơi hai tên bụi đời từng, một cách trơ tráo, nhóm một đồng cửa để nướng một con cá chép không phải của chúng. Trong một thời gian dài, có một cái bột nhặn nhúm nằm phơi ra trên bãi cỏ được lũ thỏ thường xuyên đến cất tia. Nhưng hôm nay khi Briony đưa mắt nhìn, cái bột đã biến mất, như cuối cùng mọi thứ đều thế. Hình dung rằng ngôi đền, đang đeo băng tang cho chính mình, đau buồn vì thân thể tàn lụi, rằng nó đang khát khao một sự tồn tại vô hình và đường bệ, tạo ra một không khí đượm hơi hướm tôn giáo. Nét bi thảm đã cứu ngôi đền khỏi trở thành một thứ đồ giả hoàn toàn.

Vứt đám tầm ma một lúc lâu mà không nảy ra một câu chuyện nào thì thật là khó, và chẳng mấy chốc Briony đã bị cuốn vào việc đó và thỏa

mãn tuyệt đối, dù với thế giới em có vẻ như là một bé gái đang trong tâm trạng rất tội tệ. Em đã tìm thấy một cành phỉ mảnh và tuốt sạch lá. Có việc cần phải làm, và em khởi sự. Một cây tầm ma cao trông rất tự mãn, ngọn cây làm bộ e lệ rủ xuống và mấy cái lá giữa thân xòe ra như bàn tay cam đoan mình trong trắng - đây chính là Lola, và mặc dù cô ta thút thít xin tha tội, ngọn roi dài chừng một mét cong vút lên đã phạt phẳng ngang đầu gối khiến phần thân vô dụng bắn lên cao. Làm thế này thật thỏa mãn nên em không dừng được, và mấy cây tầm ma tiếp theo cũng là Lola; cái cây này, đang nhào tới thì thăm vào tai cây bên cạnh, bị phạt không thương tiếc xuống ngay môi; và lại cô ta đây, đứng tách khỏi những cây khác, đầu hất lên đầy mưu mô độc địa; ở chỗ kia cô ta lại ra oai giữa một bụi những kẻ ngưỡng mộ non trẻ và thổi đi tin đồn về Briony. Thật đáng tiếc, nhưng bọn ngưỡng mộ kia cũng phải chết cùng cô ta. Giờ cô ta lại đứng bật lên, trơ tráo mang đủ mọi tội lỗi - kiêu ngạo, phạm ăn tục uống, tham lam, không chịu hợp tác - và mỗi tội phải trả bằng một mạng sống. Hành động hiểm độc cuối cùng của cô ta là đổ rạp xuống chân Briony và chọc vào ngón chân em. Khi Lola mất mạng đủ rồi, ba cặp tầm gai non nữa liền bị hiến tế vì sự kém cỏi của hai thằng sinh đôi - trả thù là không có thiên vị và không ban đặc ân nào cho trẻ con. Rồi bản thân việc viết kịch cũng biến thành một cây tầm ma, thực ra là biến thành, một vài cây; sự thiên cận, thời gian bị lãng phí, sự hỗn loạn vì những đầu óc khác, sự tuyệt vọng khi phải giả vờ - trong khu vườn nghệ thuật, nó là cỏ dại và phải chết.

Không còn là một kịch tác gia và nhờ thế cảm thấy hoàn toàn tươi tỉnh trở lại, và cẩn thận tránh các mảnh thủy tinh, em bước ra xa hơn vòng qua ngôi đền, vừa đi vừa vụt dọc chỗ ven rìa nơi đám cỏ nham nhở giao với đám bụi cây thấp lộn xộn tràn ra từ giữa những gốc cây cao. Hành hạ đám tầm ma trở thành một quá trình tự thanh lọc, và giờ em cất bước khỏi thời thơ ấu, em không còn cần đến nó nữa. Chỉ có một mẫu vật khẳng khiu hiện thân cho mọi thứ em theo đuổi cho đến giờ phút này. Nhưng như thế chưa đủ. Giẫm mạnh chân lên cỏ, em tổng khứ con người cũ trong mình từng năm từng năm một bằng mười ba cú vụt. Em kết liễu sự phụ thuộc yếu ớt của giai đoạn bế ảm và những ngày tháng đầu tuổi thơ, giai đoạn đi học ham muốn được phô trương và khen ngợi, và niềm kiêu hãnh xuẩn ngốc của tuổi mười một khi sáng tác những truyện đầu tay rồi tin tưởng vào ý kiến hồ hởi của mẹ. Chúng bay vụt qua vai trái em rơi xuống chân. Đầu cây roi mảnh tạo ra tiếng có hai âm sắc khi nó vụt qua không khí. Không hơn nữa! em buộc nó nói. Thế đủ rồi! Hãy nhận lấy!

Chẳng mấy chốc, em bị chính hành động đó, và thông cáo báo chí mà em mới sửa lại theo nhịp các cú quất, làm cho mê mải: Không ai trên

thế giới này có thể làm điều này giỏi hơn Briony Tallis, cô sẽ đại diện cho tổ quốc tham dự Olympic Berlin vào năm tới và chắc chắn giành huy chương vàng. Mọi người đều chăm chú theo dõi và kinh ngạc trước kỹ thuật của cô, trước việc cô thích đi chân trần vì khi mỗi ngón chân đều thực hiện vai trò của nó, độ cân bằng của cô sẽ được gia tăng - điểm vô cùng quan trọng trong môn thể thao khó nhọc này; phong cách cô vút bằng cổ tay và giật nhanh bàn tay về theo một đường vòng cung ngay khi kết thúc cú vút, kiểu cô phân bổ trọng lượng cơ thể và sử dụng lực xoay của hông để có thêm sức mạnh, thói quen đặc biệt của cô khi xòe rộng bàn tay còn lại - không ai có thể sánh được với cô. Tự học, đứa con gái út của một nhân viên cấp cao trong ngành công chức. Hãy nhìn sự tập trung trên mặt cô mà xem, cân nhắc góc độ, không bao giờ đánh một cú quấy quá, vút phẳng mỗi cây tầm ma bằng sự chính xác phi thường. Để đạt đến tầm cao này cần sự cống hiến cả đời. Vậy mà suýt nữa cô đã lãng phí cuộc đời đó để làm một nhà biên kịch!

Đột nhiên em nghe tiếng chiếc xe ngựa sau lưng mình, lóc cóc trên cây cầu đầu tiên. Cuối cùng Leon đã về. Em cảm thấy ánh mắt anh nhìn mình. Đây có phải đứa em gái bé bỏng lần gần đây nhất anh gặp là ở ga Waterloo mới ba tháng trước, và giờ là một trong số tinh hoa quốc tế? Bướng bỉnh, em sẽ không cho phép bản thân mình quay lại và thể hiện là đã nhận ra anh; anh phải hiểu rằng em bây giờ không phụ thuộc vào ý kiến của người khác, ngay cả của anh. Em đang là một bậc thầy vĩ đại, chìm đắm vào những thứ tinh vi trong nghệ thuật của em. Hơn nữa, nếu thế anh sẽ phải cho xe ngựa dừng lại rồi chạy xuống bờ sông, còn em sẽ phải vui vẻ mà chịu đựng sự làm phiền này.

Tiếng bánh xe và móng ngựa lùi xa dần trên chiếc cầu thứ hai chứng tỏ, em nghĩ thế, rằng anh trai em hiểu ý nghĩa của khoảng cách và sự tôn trọng của một người chuyên nghiệp. Nhưng đồng thời, một chút buồn rầu cũng dâng lên trong lòng khi em tiếp tục vung tay quạt, bước vòng quanh cái đền trên đảo xa thêm nữa cho đến khi từ con đường không trông thấy em đâu. Một hàng dài tả tơi tầm ma bị chặt nằm trên cỏ đánh dấu bước tiến của em, cũng như những vết rộp trắng nhứt nhối trên chân và mắt cá. Đầu ngọn roi làm bằng cành phỉ ca ngân vùn vút qua thân cong của nó, lá và cọng tan tác rời khỏi nhau, nhưng tiếng hoan hô của đám đông thì khó mà triệu đến được. Trí tưởng tượng của em đang phai dần màu sắc, những khoái cảm ái kỷ tìm thấy trong sự chuyển động và cân bằng cũng nhạt dần, tay em thì đau nhứt. Em đang trở thành một con bé cô độc cầm roi quạt đám tầm ma, và cuối cùng em dừng tay ném cây roi về phía đám cây, rồi đưa mắt nhìn quanh mình.

Cái giá phải trả cho giấc mơ tìm quên lãng giữa ban ngày luôn là khoảnh khắc trở lại hiện thực này, sự tái hợp giữa cái trước kia đã có và chính nó bây giờ khi đã có vẻ khá tồi tệ đi. Mong tưởng trong em, trước đây rõ ràng đến từng chi tiết chân thực, đã trở thành một sự ngớ ngẩn thoáng qua trước khối hiện thực đông đặc. Trở về thật khó khăn. *Trở về đi*, chị gái thường thì thảo khi đánh thức em dậy khỏi một giấc mơ tồi tệ. Briony đã mất đi quyền năng sáng tạo thần thánh, nhưng chỉ trong khoảnh khắc trở lại này, mát mát ấy mới trở nên rành rành; một phần cảm dỗ của giấc mơ ban ngày là ảo tưởng với các logic làm em bất lực: bị sự đua tài ở tầm quốc tế buộc phải thi đấu ở hạng cao nhất với các đấu thủ xuất sắc nhất trên thế giới và chấp nhận những lời thách đấu luôn đi kèm với vị trí quá nổi trội trong lĩnh vực của mình - lĩnh vực chém tầm ma - buộc phải vượt qua cực hạn của bản thân để thỏa mãn đám đông đang reo hò cổ vũ, để trở thành người giỏi nhất, và quan trọng hơn cả, độc nhất vô nhị. Nhưng dĩ nhiên, tất cả chỉ là em - do em tưởng tượng ra và xoay xung quanh em - và giờ em quay lại thế giới, không phải là cái thế giới mà em có thể tạo ra, mà là cái đã tạo nên em, và em cảm thấy mình bé lại dưới bầu trời chộp tối. Em đã chán ở ngoài, nhưng cũng chưa muốn về lại nhà. Chẳng lẽ cuộc đời chỉ có ngần ấy thứ, hoặc bên trong hoặc ngoài nhà? Không có chỗ nào khác cho con người đi ư? Em xây lưng lại cái đèn trên đảo và chậm rãi lang thang qua bãi cỏ đều tấp nờ lũ thỏ, về phía cây cầu. Phía trước em, ánh lên dưới ánh mặt trời đang lặn, là một đám mây côn trùng, con nào con nấy nhảy lên rồi lại xuống đầy ngẫu hứng, như thể được gắn với một sợi dây chun vô hình - một vũ điệu ve vãn bí ẩn, hay đơn thuần chỉ là sự sáng động hồ hởi của côn trùng đang thách đố em tìm một ý nghĩa. Trong tinh thần nổi loạn chống đối, em leo lên con dốc thoải thoải cỏ mọc um tùm dẫn lên cầu, và khi đứng ở lối xe chạy, em quyết định sẽ ở lại đó đợi một thứ có ý nghĩa xảy đến với mình. Đây là thử thách em đặt ra - em sẽ không dịch chuyển, kể cả vì bữa tối, thậm chí mẹ có gọi về cũng không. Em sẽ chỉ đứng đợi trên cầu, bình tĩnh và ương ngạnh, cho tới khi những sự kiện, những sự kiện có thực, không phải tưởng tượng của em, chấp nhận thách thức của em, và xua tan đi sự vô nghĩa của em.

Tám

Lúc chập tối, mây tầng cao trên bầu trời phía Tây tạo nên một lớp trắng mỏng màu vàng, sậm dần sau mỗi giờ trôi qua rồi tụ lại thành một quãng

da cam nguyên chất lơ lửng trên những ngọn cây khổng lồ trong công viên; lá đổi sang màu nâu quả hạch, cành cây thấp thoáng giữa nền đen của tán lá mỡ màng, còn cỏ héo khô thì nhuộm màu trời. Một họa sĩ theo trường phái Dã thú đam mê màu phi thực có lẽ đã tưởng tượng ra một phong cảnh như thế này, đặc biệt khi trời và đất cùng nhuộm sắc hồng đỏ và những thân cây to phình của loài sồi cổ thụ tối thẫm lại đến mức chúng bắt đầu trông giống màu lam. Mặc dù khi lặn mặt trời yếu dần đi, nhiệt độ dường như lại tăng lên vì những làn gió mang đến chút cảm giác dễ chịu cả ngày đã dần bật, và giờ không khí ù đọng, nặng nề.

Cảnh vật, hay một phần nhỏ của nó, Robbie Turner sẽ nhìn thấy qua cửa sổ trên mái nhà đã đóng lại nếu anh chịu đứng dậy khỏi bồn tắm, tròng đầu gối thấp người xuống và xoay đầu. Suốt cả ngày, phòng ngủ nhỏ xíu của anh, phòng tắm và căn phòng nhỏ nằm giữa hai phòng mà anh gọi là thư phòng ấy, bị thiêu đốt dưới phần mái dốc về hướng Nam của căn nhà gỗ. Đi làm về, hơn một tiếng qua, anh cứ nằm trong bồn tắm nước ấm, trong lúc máu và, có vẻ như cả, suy nghĩ của anh làm nước nóng lên. Trên đầu anh một mảnh trời đóng khung hình chữ nhật chậm chạp chuyển qua các màu của khúc quang phổ không đầy đủ, chỉ từ vàng đến da cam, trong khi anh thận trọng dò xét những cảm giác không quen thuộc và trở đi trở lại với vài ký ức. Không hề nhầm chán. Thỉnh thoảng, dưới mặt nước một inch, cơ bụng anh vô tình căng cứng khi anh nhớ lại một chi tiết khác. Một giọt nước trên cẳng tay nàng. Ướt. Một hình hoa, một bông cúc đơn giản, thêu giữa hai bầu áo ngực nàng. Ngực nàng cách nhau xa và nhỏ. Trên lưng nàng, một nốt ruồi bị dây áo che một nửa. Khi nàng leo ra khỏi bể, hiện ra loáng thoáng một vật hình tam giác tối thẫm mà quần lót chèn gối của nàng lẽ ra phải che kín. Ướt. Anh nhìn thấy nó, anh buộc mình nhìn thấy nó lần nữa. Cái cách xương chậu của nàng khiến vải quần nàng dãn căng ra để lộ làn da, đường cong eo tuyệt mỹ, trắng ngần đến kinh ngạc. Khi nàng với lấy váy, một chân bắt cần giờ lên để lộ một ít đất trên gan ngón chân nhỏ nhắn xinh xắn. Một nốt ruồi bằng đồng xu trên đùi non của nàng và thứ gì đó hơi đỏ tía trên bắp chân - một cái bớt, một vết sẹo. Không phải nhược điểm. Nét trang điểm.

Anh biết nàng từ hồi còn nhỏ, nhưng chưa một lần nhìn nàng. Ở Cambridge, nàng đến phòng anh một lần với một cô gái người New Zealand đeo kính cận và ai đó nữa cùng trường, khi anh có một đứa bạn từ Downing đến. Họ tiêu một tiếng vào những câu đùa ngượng ngịu, và chuyền tay nhau thuốc lá. Thỉnh thoảng, họ sượt qua nhau trên đường và nhoen cười. Nàng có vẻ luôn thấy ngượng ngùng - Đó là con trai người lau dọn nhà mình, rất có thể là nàng thì thầm với bạn bè như vậy khi bước tiếp. Anh thích mọi người biết anh chẳng bận tâm - Con gái ông chủ

của mẹ tôi đây, anh có lần nói với đứa bạn. Anh có những quan điểm chính trị để bảo vệ mình, cả những lý thuyết dựa trên nền tảng khoa học về giai cấp, và sự tự tin có phần gò ép. Tôi là thứ tôi là. Nàng chỉ như một cô em gái, gần như vô hình. Khuôn mặt thuần dài đó, cái miệng nhỏ đó - nếu có lúc nào từng nghĩ đến nàng, hẳn anh sẽ bảo nàng mặt mũi trông hơi giống ngựa. Giờ anh thấy nó là một vẻ đẹp kỳ khôi - khuôn mặt có nét gì đó như được tạc và tĩnh lặng, đặc biệt là quanh đôi gò má nhô cao, thoải xuống phóng túng về phía lỗ mũi, và làn môi đầy đặn, bóng, mơn mớn như nụ hồng. Mắt nàng đen và sâu thẳm. Đây là một gương mặt như tượng tạc, nhưng cử động của nàng lại nhanh và nồn nóng - cái bình sẽ vẫn còn nguyên nếu nàng không giật phắt khỏi tay anh bất ngờ đến thế. Nàng bồn chồn, đã rõ, buồn chán và cảm thấy bị giam hãm trong nhà Tallis, và chẳng bao lâu nữa, nàng sẽ đi.

Và anh sẽ phải nói chuyện với nàng ngay. Cuối cùng anh đứng dậy khỏi bồn tắm, run rẩy, không hề ngờ rằng một thay đổi lớn đang đến với mình. Anh trần truồng qua thư phòng vào phòng ngủ. Giường chưa dọn, một đồng lõa xộn áo quần thay ra, một cái khăn trên sàn, cái nóng như ở vùng xích đạo của căn phòng gọi nhục cảm đến tuyệt vọng. Anh nằm soài trên giường, mặt sắp xuống gối, rên rỉ. Sự ngọt ngào của nàng, vẻ thanh tú ấy, người bạn từ thơ ấu của anh, tất cả giờ đang có nguy cơ trở nên ngoài tầm với. Trút bỏ y phục như thế - phải, hành động đáng yêu để tỏ vẻ khác biệt ấy của nàng, nỗ lực cố tỏ ra táo bạo ấy của nàng, mang trong nó chút gì cường điệu, tự phát. Giờ nàng hẳn đang khổ sở vì hối hận, và không hề biết mình đã làm gì với anh. Và hết thảy mọi sự lẽ ra đã rất tốt, đã có thể cứu vãn được, nếu nàng không quá giận anh vì cái bình mẻ trong tay anh. Nhưng anh yêu cả cơn thịnh nộ của nàng nữa. Anh trở mình nằm nghiêng, mắt đăm đăm nhìn nhưng chẳng thấy gì, và đắm chìm vào một tưởng tượng như trong phim: nàng đắm vào ve cổ áo anh rồi khẽ nức nở ngã vào vòng tay vững chãi của anh, để mặc anh hôn nàng; nàng không tha thứ cho anh, nàng chỉ mặc kệ. Anh xem cảnh này vài lần rồi trở về hiện thực: nàng giận anh, và nàng sẽ càng giận hơn khi biết anh là khách mời đến ăn tối. Ngoài kia, dưới ánh nắng chói chang, anh đã không kịp nghĩ ra để mà từ chối lời mời của Leon. Theo phản xạ, anh cứ thế đồng ý, và giờ anh phải đối mặt với sự cău giận của nàng. Anh lại rên rỉ, và không quan tâm dưới tầng có người nghe không, khi nhớ lại nàng đã cởi quần áo trước mặt anh như thế nào - hết mức thản nhiên, như thể anh là một đứa trẻ sơ sinh. Đương nhiên rồi. Giờ anh hiểu ra rõ ràng. Nàng muốn sỉ nhục anh. Nó đứng đó, sự thật không thể chối cãi. Sỉ nhục. Nàng muốn anh bị như vậy. Nàng không chỉ thuần túy ngọt

ngào, và anh không tài nào đứng hơn nàng được, vì nàng là một trường lực, nàng có thể lôi anh lên từ đáy sâu rồi chìm anh xuống thấp.

Nhưng có lẽ - anh lại nằm ngửa ra - anh không nên tin cơn thịnh nộ của nàng. Chẳng phải nó cường điệu quá ư? Chắc chắn dụng ý của nàng là một thứ gì đó khá khảm hơn, ngay cả trong giận dữ. Ngay cả trong giận dữ, nàng cũng muốn cho anh thấy nàng đẹp thế nào và buộc anh vào nàng. Nhưng làm sao anh tin nổi một ý tưởng vị kỷ khởi phát từ hy vọng và khao khát? Anh phải tin. Anh bắt treo chân, đan tay sau đầu, cảm thấy da mình mát lạnh khi khô ráo. Freud sẽ nói gì nhỉ? Câu này thì sao: Nàng giấu giếm ham muốn vô thức được bộc lộ bản thân với anh đằng sau một màn trình diễn nóng giận? Hy vọng thảm hại! Nó là một sự hạ nhục gã đàn ông trong anh, một bản án, và đây - điều bây giờ anh cảm thấy - sự tra tấn này là hình phạt dành cho anh khi làm vỡ cái bình vỡ vẫn đó của nàng. Lẽ ra anh không bao giờ nên gặp lại nàng nữa. Mà anh lại phải gặp nàng tối nay. Dù sao anh chẳng còn lựa chọn nào khác - anh sẽ đi. Nàng sẽ khinh bỉ anh vì đã đến. Lẽ ra anh phải từ chối lời mời của Leon, nhưng vào giây phút nghe lời mời, tim anh đập quỳnh lên và lời đồng ý ngớ ngẩn của anh đã bay ra khỏi miệng rồi. Tối nay anh sẽ ở cùng một phòng với nàng, và cái thân thể anh đã nhìn thấy, những nốt ruồi, màu da trắng xanh, cái bốt, sẽ bị quần áo nàng che mất. Chỉ riêng anh biết, và Emily, dĩ nhiên. Nhưng chỉ mình anh nghĩ đến chúng. Và Cecilia sẽ không nói chuyện hay nhìn anh. Thậm chí thế còn dễ chịu hơn nằm đây mà rên rỉ. Không, không dễ chịu hơn. Sẽ tồi tệ hơn, nhưng anh vẫn muốn vậy. Anh phải được thế. Anh muốn nó tồi tệ hơn.

Cuối cùng anh ngồi dậy, mặc quần vào và sang thư phòng, ngồi xuống máy đánh chữ, băn khoăn không biết nên viết thư loại nào cho nàng. Cũng như phòng ngủ và phòng tắm, thư phòng cũng ngột ngạt dưới đỉnh mái nhà gỗ, và chẳng rộng hơn một hành lang giữa hai phòng bao nhiêu, dài chưa đầy mét tám và rộng mét rưỡi. Như hai phòng kia, có một cửa sổ trời làm bằng gỗ thông không đánh bóng. Chất đồng trong một góc là đồ leo núi của anh - bốt, gậy leo núi, ba lô da. Một cái bàn bếp đầy vết dao băm choán gần hết diện tích. Anh ngả ghế ra sau và quan sát cái bàn như người ta quan sát một cuộc đời. Ở một đầu, chồng cao sát trần nhà dộc, là cặp tài liệu và sách bài tập từ mấy tháng trước lúc anh ôn thi cuối khóa. Sau này anh sẽ không cần dùng đến đồng giấy tờ ghi chép đó nữa, nhưng bao nhiêu công sức, bao nhiêu thành công dồn nén trong đó nên anh vẫn chưa nỡ lòng vứt đi. Nằm gần như đối diện đồng sách là những bản đồ leo núi của anh, vùng North Wales, Hampshire, Surrey, và bản đồ định dùng cho chuyến đi tới Istanbul đã bị hủy bỏ. Có một chiếc la

bàn gương nhỏ anh từng dùng khi đi bộ không có bản đồ đến Lulworth Cove.

Đằng sau la bàn là cuốn *Poems* của Auden và *A Shropshire Lad* của Housman. Ở đầu bàn bên kia là các loại sách lịch sử, chuyên khảo lý thuyết và sách hướng dẫn thực hành về trồng vườn cảnh. Mười bài thơ được đánh máy nằm dưới lá thư từ chối của tạp chí *Criterion*, đích thân Eliot ký tên. Gần nơi Robbie ngồi nhất là các cuốn sách thuộc lĩnh vực anh mới quan tâm. Cuốn *Giải phẫu học của Gray* mở cạnh tập bản vẽ của anh. Anh đã đặt ra cho mình nhiệm vụ vẽ và ghi nhớ xương bàn tay. Giờ anh cố làm mình sao nhãng bằng cách nhớ lại vài xương, lẩm bẩm tên chúng: xương cẳng, xương móc, xương tháp, xương bán nguyệt... Bức anh vẽ đẹp nhất đến bây giờ, bằng mực và chì màu, là mặt cắt ngang ông thực quản và khí quản, được đóng đinh treo trên rui nhà phía trên bàn. Một cái ca thiếc không quai đựng tất cả bút chì bút mực. Máy đánh chữ là một chiếc khá hiện đại của hãng Olympia mà anh được Jack Tallis tặng năm hai mốt tuổi vào bữa tiệc trưa tổ chức trong thư viện. Leon đã phát biểu đôi lời cùng với cha mình, và Cecilia dĩ nhiên cũng có mặt. Robbie không thể nhớ nổi dù chỉ một câu mà hai người có thể đã nói với nhau. Đó có phải là lý do giờ nàng giận dữ không, vì anh đã lừa nàng đi biết bao năm qua? Một hy vọng thăm hại nữa.

Ở mép bàn, vô số ảnh chụp: nhóm diễn vở *Twelfth Night*⁵ trên bãi cỏ ở trường, anh trong vai Malvolio, dây nịt bít tất chằng chịt. Mới hợp với anh làm sao. Có ảnh chụp một nhóm khác, anh và ba mươi đứa trẻ người Pháp anh dạy ở một trường nội trú gần Lille. Trong một cái khung kim loại có chữ *belle époque*⁶ ánh sắc xanh là một bức ảnh chụp cha mẹ anh, Grace và Ernest, ba ngày sau khi cưới. Phía sau họ, chỉ dính chút xíu vào bức ảnh, là cửa trước của một cái ô tô - chắc chắn không phải của họ, và xa xa, một nhà sậy mạch nha thấp thoáng trên một bức tường gạch. Một kỳ trăng mật tuyệt vời, Grace luôn nói, hai tuần nhật hoa bia với gia đình chồng và ngủ trong xe moóc kiểu dân gypsy đỗ trên sân nông trại. Cha anh vận áo không cổ. Khăn quàng cổ và dây lưng thắt quanh quần vải ilanen rất có thể là phong cách gypsy nghịch ngợm. Đầu và mặt ông tròn, nhưng lại không hẳn gây cảm giác vui vẻ, vì nụ cười ông nở trước máy ảnh không đủ nhiệt thành để tách môi ông ra, và thay vì nắm tay cô dâu trẻ của mình, ông lại khoanh tay lại. Bà, thì không như vậy, bà dựa vào người ông, ngả đầu lên vai ông và hai tay ngượng ngùng bấu lấy khuỷu tay áo ông. Grace, lúc nào cũng can đảm và nhân hậu, cười cho cả hai. Nhưng đôi tay nhiệt thành và tâm hồn hiền hậu thôi không đủ. Trông như thể tâm trí Ernest ở nơi khác rồi, đã trôi dạt bảy mùa hè sau đó, đến cái buổi tối khi ông thôi không làm người làm vườn cho nhà Tallis nữa, bỏ

căn nhà gỗ đi, không hành lý, không cả một lá thư từ biệt trên bàn bếp, để lại người vợ và thằng con trai sáu tuổi đầu thắc mắc về ông suốt quãng đời còn lại.

Đâu đó, nằm lẫn giữa đồng giấy tờ anh viết ra khi ôn bài, sách vở dạy trồng vườn và giải phẫu, là thư từ và bưu thiếp: phiếu ăn chưa thanh toán, thư từ giáo viên và bạn bè gửi chúc mừng anh tốt nghiệp hạng ưu, mà anh vẫn thấy sung sướng khi đọc lại, và những thư khác lịch sự hỏi anh định làm gì tiếp theo. Lá thư gần đây nhất, viết bằng mực nâu trên giấy viết thư chuyên dùng ở Whitehall, là của Jack Tallis đồng ý giúp chi trả tiền học trường y. Có những đơn xin nhập học, dài hai mươi trang, và những sách chỉ dẫn xin học dày cộp, đặc nghet chữ từ Edinburgh và London mà giọng văn chuẩn xác, đầy logic có vẻ như cho anh ném trước mùi một thể loại chặt chẽ kiểu học thuật mới. Nhưng ngày hôm nay chúng gọi cho anh, không phải cuộc phiêu lưu hay một khởi đầu tỉnh khoi, mà là lưu vong đầy ải. Anh nhìn nó trong viễn tượng - những con phố có mái che ẩm đạm cách xa nơi này, một phòng dán giấy tường hoa với tủ quần áo thấp và ga trải giường vải bông xù, những người bạn mới chân thành hầu hết nhỏ tuổi hơn anh, những hũ phước môn, giảng đường lớn vang vang giọng nói - mọi yếu tố thiếu vắng hình bóng nàng.

Trong chỗ sách dạy trồng vườn, anh lấy cuốn về Versailles mượn về từ thư viện nhà Tallis. Đó là ngày anh lần đầu tiên nhận ra sự ngượng ngịu của mình khi ở trước mặt nàng. Khi quỳ gối xuống cởi giày ở cửa trước, anh nhớ ra tình trạng đôi tất của mình - ngón và gót thủng lỗ và, với tất cả những gì anh biết, bốc mùi - nên một cách bốc đồng anh đã lột phăng chúng ra. Lúc đó anh cảm thấy mình ngu ngốc làm sao, chân không lót tốt đi sau nàng qua sảnh vào thư viện. Anh chỉ nghĩ duy nhất một việc là biến về càng nhanh càng tốt. Anh trốn qua bếp và đã phải nhờ Danny Hardman đi vòng ra cửa trước lấy giày và tất hộ anh.

Nàng chắc hẳn chưa đọc chuyên khảo về thủy lực học của Versailles do một người Đan Mạch vào thế kỷ mười tám viết, tán tụng bằng tiếng Latin thiên tài của Le Nôtre. Với sự giúp đỡ của tự điển, Robbie đã đọc được năm trang trong một buổi sáng rồi chào thua và đành tự bằng lòng lật xem các minh họa. Đây không phải là loại sách nàng thích đọc, mà thực ra chẳng phải loại sách ai thích đọc cả, nhưng nàng đã trao nó cho anh từ bậu cửa thư viện và đâu đó trên bì da kia là dấu tay nàng. Bụng bảo dạ không được làm, nhưng anh vẫn giơ cuốn sách lên mũi mà hít. Bụi, giấy cũ và mùi xa phòng trên tay anh, nhưng không có gì thuộc về nàng. Nó lén lọt vào anh bằng cách nào, cái giai đoạn đỉnh cao tôn thờ những thư người tình chạm vào đến thế? Chắc hẳn Freud có nói gì đó trong *Three Essays on Sexuality*². Và Keats cũng thế, cả Shakespeare

cũng như Petrarch, và hết thảy, và điều này cũng được viết trong *The Romaunt of the Rose*. Anh đã dành ba năm ròng rã ở nghiên cứu các triệu chứng ấy, những thứ có vẻ chẳng khác gì các ước lệ văn học, vậy mà giờ đây, khi cô đơn, như một chàng quý tộc đầu gấu lông chim mặc áo cổ xếp nếp đến bìa rừng nhìn ngắm tín vật bị từ chối, anh đang thờ phụng những dấu vết của nàng - không phải cái khăn tay, mà là vãn tay! - trong khi anh héo mòn vì bị tình nương của mình khinh miệt.

Dù vậy, khi cho giấy vào máy chữ, anh không quên giấy than. Anh gõ ngày và lời chào, rồi ngay lập tức đi thẳng vào lời xin lỗi như thông lệ vì “hành vi khinh suất và vụng về” của mình. Rồi anh dừng lại. Anh có nên tỏ chút cảm xúc nào không nhỉ, và nếu có, thì ở mức độ nào?

“Nếu có lý do nào đó, thì chỉ vừa mới đây thôi tôi mới nhận ra rằng mình khá nông nổi khi đứng trước mặt cô. Ý tôi là, tôi chưa bao giờ đi chân không vào nhà ai trước đây cả. Chắc hẳn là do trời nóng!”

Nghe mới yếu ớt làm sao, cái kiểu bông lơn tự vệ này.

Anh giống một người bị lao nặng giả vờ bị cảm lạnh. Anh đẩy cái cần lười hai lần rồi viết lại: “Khó có thể coi đó là một lý do, tôi hiểu, nhưng vừa đây tôi có vẻ nông nổi kinh khủng khi ở gần cô. Tôi đã làm gì cơ chứ, đi chân không vào nhà cô ư? Và tôi đã khi nào làm vỡ miệng một cái bình cổ trước đây chưa?” Anh ngừng tay trên phím trong khi đương đầu với khao khát gõ tên nàng lần nữa. “Cee, tôi không nghĩ mình có thể đổ lỗi là do trời nóng!” Bây giờ đùa cợt đã nhường đường cho những lời thống thiết, hoặc ai oán. Những câu hỏi tu từ luôn có một vẻ ướm át; dấu chấm than là cách thể hiện kém cỏi của những kẻ phải hét lên để nói rõ ý mình. Anh chỉ chấp nhận dấu chấm câu này chỉ trong lá thư của mẹ mình khi năm dấu liên tục là dấu hiệu của một câu đùa vui vẻ. Anh quay thanh dựng giấy, và gõ một chữ “x”. “Cecilia, tôi không nghĩ mình có thể đổ lỗi là do trời nóng.” Bây giờ hài hước đã bị bỏ đi, và yếu tố tủi thân bò vào. Dấu chấm than phải được phục hồi. Âm lượng rõ ràng không phải là nhiệm vụ duy nhất của nó.

Anh sửa chữa bản nháp thêm chừng mười lăm phút nữa, rồi cho vào vài tờ giấy mới và gõ lại một bản đẹp. Những dòng chủ yếu còn lại bây giờ là: “Tôi tha thứ cho cô vì đã nghĩ tôi điên rồ - đi chân không vào nhà cô, hay làm vỡ cái bình cổ của cô. Sự thật là, tôi thấy khá nông nổi và ngu ngốc khi đứng trước mặt cô, Cee, và tôi không nghĩ mình có thể đổ lỗi là do trời nóng! Cô sẽ tha thứ cho tôi chứ? Robbie.” Rồi, sau một vài giây mơ mộng, ngả ghế ra sau, nghĩ đến cái trang trong cuốn *Giải phẫu học* mà những ngày này anh cứ hay giở ra dù không định thế, anh rướn tới trước và gõ trước khi kịp ngăn mình, “Trong mơ, tôi hôn l. em, cái l. ướm át ngọt ngào của em. Trong suy nghĩ, tôi làm tình với em suốt ngày dài.”

Rồi thế là - hủy. Bản nháp bị hủy. Anh kéo xoẹt tờ giấy ra khỏi máy, đặt sang một bên, và viết thư bằng tay, tự tin rằng chút gì đó cá nhân sẽ hợp với dịp này. Khi nhìn đồng hồ anh nhớ ra trước khi đi phải đánh giày. Anh đứng dậy khỏi bàn, cẩn thận để không cốc đầu vào rui nhà.

Anh không hề thấy tự ti - như thế thật không phải, dưới con mắt của nhiều người. Có lần tại một bữa tối ở Cambridge, giữa một sự khoảng lặng bất ngờ trên bàn ăn, một tay không thích Robbie đã lớn tiếng hỏi về bố mẹ anh. Robbie nhìn thẳng vào mắt gã đó và thoải mái trả lời rằng bố anh đã bỏ đi từ lâu, còn mẹ anh là lao công thỉnh thoảng kiếm thêm chút đỉnh bằng nghề bói toán. Anh nói bằng giọng dung thứ nhẹ nhàng cho sự ngu dốt của kẻ đặt câu hỏi. Robbie kể tỉ mỉ hoàn cảnh của mình, rồi kết thúc bằng cách lịch sự hỏi han về cha mẹ của gã kia. Một số bảo rằng thế là ngây thơ, hay ngờn ngếch về thế giới, rằng điều đó sẽ bảo vệ Robbie khỏi bị cái thế giới này tàn hại, rằng anh là loại ngu ngốc thần thánh có thể bước qua phòng khách khắc nghiệt tương đương than nóng đỏ mà không bị làm sao. Sự thật, như Cecilia biết, giản dị hơn. Anh trải qua thời thơ ấu đi lại tự do giữa căn căn nhà gỗ và nhà chính. Jack Tallis là người bảo trợ của anh, Leon và Cecilia là bạn thân nhất của anh, ít nhất cho đến khi học trung học. Vào đại học, nơi Robbie phát hiện ra anh thông minh hơn rất nhiều người anh gặp, sự tự do của anh được hoàn chỉnh. Ngay cả sự kiêu bạc của mình anh cũng không cần đem ra phô diễn.

Grace Turner sung sướng đảm đương việc giặt giũ cho anh - còn gì khác, ngoài những bữa ăn nóng sốt, để thể hiện tình mẫu tử khi đứa con duy nhất của bà đã hai mươi ba? - nhưng Robbie thích tự đánh bóng giày. Mặc áo may ô trắng và quần của bộ com lê, anh bước xuống đoạn cầu thang ngắn, chân đi tất, cầm một đôi giày đen. Cạnh cửa phòng khách là một khoảng hẹp dẫn đến cửa ra vào kính mờ, một tia sáng màu cam ánh đỏ bị tán sắc khi chiếu xuyên qua đó, chạm nổi lên giấy dán tường màu be và ô liu những hình tổ ong đang ngùn ngụt cháy. Anh dừng lại, một tay trên nắm đấm cửa, kinh ngạc trước sự biến đổi ấy, rồi bước vào. Không khí trong phòng nóng ẩm, phảng phất vị mặn. Chắc hẳn một lượt xem bói vừa mới kết thúc. Mẹ anh ngồi bắt chéo chân trên sofa, dép đi trong nhà lủng lẳng trên chân bà.

“Molly vừa ở đây,” bà nói, và ngồi thẳng người lên cho dễ nói chuyện. “Và mẹ rất mừng được thông báo với con rằng cô ấy sẽ ổn.”

Robbie lấy hộp xi trong bếp ra, ngồi xuống cái ghế bành gần mẹ mình nhất, và trải một trang báo *Daily Sketch* số ra ba hôm trước xuống thảm.

“Mẹ làm tốt lắm,” anh nói. “Con nghe tiếng mọi người nói nên lên tầng đi tắm.”

Anh biết mình nên đi sớm, anh nên đánh giày, nhưng rồi anh chỉ ngả người ra ghế, duỗi mình duỗi mẩy hết cỡ và ngáp.

“Phí hoài! Mình đang làm gì với đời mình thế này?”

Giọng anh hài hước nhiều hơn náo nùng. Anh khoanh tay lại nhìn lên trần nhà trong lúc xoa xoa ngón chân cái của chân này lên mu bàn chân kia.

Mẹ anh dăm dăm nhìn vào khoảng không trên đầu anh. “Nào thôi. Có chuyện rồi. Con bị sao thế? Và đừng có mà nói ‘Không có gì’.”

Grace Turner trở thành người lau dọn của nhà Tallis vào cái tuần sau khi Ernest bỏ đi. Jack Tallis không nỡ lòng đuổi một phụ nữ trẻ và đứa nhỏ đi. Ông tìm được trong làng một người làm vườn và việc vặt thay thế không đòi hỏi có nhà ở. Lúc đó mọi người cho là Grace sẽ giữ căn nhà gỗ trong một hay hai năm rồi vui vẻ trở lại hoặc tái hôn. Bản tính nhân hậu và có biệt tài đánh bóng - sự cống hiến mà bà dành cho bề mặt các đồ vật, một câu đùa trong gia đình - khiến bà được yêu quý, nhưng chính sự kính mến mà bà có được ở cô bé Cecilia sáu tuổi và cậu anh trai Leon tám tuổi là thứ đã cứu bà, và làm nên Robbie. Khi trường học cho nghỉ lễ, Grace được phép mang theo đứa con sáu tuổi của mình khi làm việc. Robbie lớn lên cùng với việc trông nom phòng trẻ và những nơi khác trong ngôi nhà mà trẻ con được phép đến, cả sân ngoài nữa. Chiến hữu cùng trò cây của anh là Leon, Cecilia là cô em gái nhỏ luôn tin cậy nắm tay cậu và khiến cậu cảm thấy mình thông thái vô cùng. Một vài năm sau, khi Robbie giành được học bổng đến trường trung học địa phương, Jack Tallis tiến bước đầu tiên trong việc bảo trợ lâu dài về sau bằng việc trả tiền đồng phục và sách vở. Đây chính là năm Briony chào đời. Sau lần sinh khó ấy là những ngày bệnh tật dai dẳng của Emily. Sự hữu ích của Grace bảo đảm vị trí của bà: vào Giáng sinh năm đó - 1922 - Leon đội mũ chóp cao và vận quần cưỡi ngựa, lợi tuyệt đến căn nhà gỗ cầm theo chiếc phong bì xanh cha cậu gửi. Một lá thư của luật sư báo cho bà biết rằng kể từ bây giờ toàn quyền sở hữu căn nhà gỗ đã thuộc về bà, bất kể bà có làm việc cho gia đình Tallis hay không. Nhưng bà vẫn tiếp tục làm, quay lại làm việc nhà khi lũ trẻ lớn lên, đặc trách việc đánh bóng đồ đạc.

Giả định của bà về Ernest là ông đã xoay sở để được cử ra Mặt trận dưới một cái tên khác, và không bao giờ trở về nữa. Nếu không, việc không tò mò gì về con trai mình thật phi nhân tính. Thường thường, vào những giây phút bà có cho riêng mình mỗi ngày khi đi từ căn nhà gỗ đến nhà chính, bà sẽ ngấm ngội về những chuyện tình cờ tốt lành trong đời mình. Bà đã luôn hơi sợ Ernest. Có lẽ nếu ở với nhau họ sẽ không được hạnh phúc như khi bà sống một mình cùng đứa con trai thiên tài thân yêu trong căn nhà nhỏ của riêng bà. Nếu ông Tallis là một loại người khác...

Một vài phụ nữ, đã đến gặp bà trả một Shilling nhờ đoán vận tương lai, đã bị chồng bỏ, số người có chồng chết ngoài Mặt trận thậm chí còn nhiều hơn. Những người phụ nữ đó thường phải sống cuộc đời cùng khổ, và đời bà đã rất dễ cũng phải giống như thế.

“Không có gì,” anh trả lời câu hỏi của mẹ. “Con chả bị làm sao cả.” cầm bàn chải và hộp xi đánh giày lên, anh nói, “Vậy là tương lai Molly có vẻ xán lạn rồi.”

“Trong vòng năm năm nữa thôi cô ấy sẽ tái hôn. Và cô ấy sẽ rất hạnh phúc. Một người miền Bắc có trình độ.”

“Cô ấy hoàn toàn xứng đáng.”

Họ ngồi trong im lặng dễ chịu khi bà ngắm anh đánh giày bằng một miếng giẻ vàng. Trên gò má điển trai của anh các cơ giật giật theo từng cử động, và dọc theo cẳng tay anh chúng xò ra rồi chuyển vị trí theo một sự tái sắp xếp phức tạp nào đó dưới da. Hẳn phải có điểm gì đó đúng đắn trong cuộc hôn nhân với Ernest nên bà mới có được một thằng con thế này.

“Vậy con sắp ra ngoài à.”

“Leon vừa về tới khi con trên đường về. Cậu ấy đưa bạn về cùng, mẹ biết đây, trùm sôcôla. Họ thuyết phục con cùng dùng bữa tối nay.”

“Ồ, suốt cả chiều nay mẹ ở đó lau đồ bạc đấy. Và lau phòng cho cậu ấy.”

Anh cầm giày lên và đứng dậy. “Tối nay khi con nhìn vào mặt mình trên thìa, con sẽ chỉ thấy mẹ.”

“Chuẩn bị đi. Sơ mi của con treo trong bếp ấy.”

Anh dọn hộp xi mang ra ngoài rồi chọn một sơ mi vải lanh màu kem trong ba cái trên giá. Anh quay lại và chuẩn bị đi ra, nhưng bà muốn giữ anh lại một chút.

“Còn bọn trẻ nhà Quincey đó nữa chứ. Thằng nhỏ đó tè dầm ra giường và đủ thứ. Mấy con cừu non tội nghiệp.”

Anh nắn ná ở bậu cửa và nhún vai. Anh đã nhòm vào và thấy chúng ở hồ bơi, la hét cười đùa trong cái nóng cuối buổi sáng. Chút nữa thì chúng đã lặn cái xe cút kít của anh xuống bể bơi nếu anh không kịp chạy đến. Danny Hardman cũng ở đó, dậm dật liếc mắt nhìn chị gái chúng trong khi lẽ ra gã phải đi làm việc.

“Chúng sẽ sống sót thôi,” anh nói.

Nóng lòng ra ngoài, anh bước ba bậc cầu thang một. Về lại phòng ngủ, anh vội vàng mặc quần áo, vừa huýt sáo vu vơ vừa cúi xuống vuốt keo và chải tóc trước gương trong tủ quần áo. Anh không hề có tai thắm âm, và không tài nào biết được nốt này là cao hay thấp hơn nốt kia. Giờ đã xong xuôi cho buổi tối, anh thấy phấn khích, và thật kỳ lạ, tự do. Mọi

thứ sẽ không thể tệ hơn cái vốn đã tệ trong hiện tại. Theo từng bước một, cùng sự khoan khoái khi thay mình làm mọi chuyện mới nhanh gọn làm sao, như thể đang chuẩn bị cho một hành trình mạo hiểm hay một cuộc viễn chinh quân đội, anh thực hiện xong những việc mọn quen thuộc - lấy chìa khóa, chắc chắn có một tờ mười Shilling trong ví, đánh răng, khum tay lại thở ra ngửi, lấy lá thư trên bàn gấp lại cho vào phong bì, bỏ thuốc lá vào hộp và kiểm tra bật lửa. Một lần cuối cùng, anh ra đứng trước gương. Anh nhe lợi ra, và xoay lưng lại để nhìn phía sau, và nhìn qua vai hình ảnh của mình. Cuối cùng, anh vồ vồ vào túi, hân hoan xuống cầu thang, ba bậc một lần, chào tạm biệt mẹ, và bước ra ngoài con đường lát gạch nhỏ nằm giữa các luống hoa dẫn ra cổng giữa hàng rào cọc gỗ.

Hàng bao năm sau anh vẫn thường nhớ lại thời điểm này, khi anh bước trên lối mòn đi tắt qua góc rừng sồi ra đường chính lượn cong về phía hồ và ngôi nhà. Anh không bị muộn, ấy vậy mà vẫn thấy khó kìm được bước chân. Biết bao nguồn vui sướng, cả ở ngay gần lẫn xa hơn một chút, hòa trộn với sự đẹp đẽ của những phút giây này: hoàng hôn đỏ tía đang nhạt dần, không gian lặng gió âm ẩm đầm mùi cỏ khô và đất cháy, chân tay anh thoải mái sau khi làm việc trong vườn cả ngày, da mềm mại sau khi tắm, cảm giác khi mặc chiếc sơ mi, và cái này nữa, bộ com lê duy nhất của anh. Sự mong chờ kèm với nỗi sợ hãi anh cảm thấy khi gặp nàng cũng là một loại khoái cảm xác thịt, và bao quanh nó, như cái ôm ghì, là niềm hoan hỉ vô bờ bến - nó có thể gây đau đớn, nó khó chịu khủng khiếp, không gì tốt lành có thể sinh ra từ nó, nhưng anh đã tự mình hiểu ra yêu là thế nào, và điều đó làm anh phấn khích. Những nguồn phụ khác đổ đầy thêm hạnh phúc của anh; anh vẫn sung sướng âm ỉ khi nghĩ đến tám bằng hạng ưu của mình - thủ khoa của khóa đó, người ta bảo anh thế. Và giờ đã có lời khẳng định của Jack Tallis rằng sẽ tiếp tục hỗ trợ. Một cuộc phiêu lưu mới mẻ trước mặt, hoàn toàn không phải lưu vong đầy ải, đột nhiên anh chắc vậy. Anh học y là đúng và tốt. Anh đã không giải thích nỗi sự lạc quan trong mình - anh đang hạnh phúc và vì thế chắc chắn sẽ thành công.

Một từ chứa đựng tất cả những gì anh cảm thấy, và giải thích tại sao sau đó anh lại quá chìm đắm vào giây phút này. Tự do. Trong cuộc đời anh cũng như trong cơ bắp anh. Rất lâu trước đây, thậm chí trước khi nghe nói về các trường trung học, anh đã tham gia một kỳ thi để rồi được vào một trong số đó. Cambridge, cho dù anh cũng rất thích, thực ra là lựa chọn của ông hiệu trưởng đầy tham vọng của anh. Ngay cả môn anh theo học cũng được một giáo viên uy tín chọn hộ. Bây giờ, cuối cùng, cùng với việc thực hiện ý muốn riêng, cuộc đời trưởng thành của anh đã bắt đầu. Anh đang phác họa một câu chuyện trong đó anh làm nhân vật chính, và

phần mở đầu đã ít nhiều khiến bạn bè anh kinh ngạc. Trồng vườn thật không hơn gì một ảo tưởng bohemian, cũng là một tham vọng thảm hại - anh đã phân tích điều đó với sự giúp đỡ của Freud - để thay thế hay vượt qua người cha vắng mặt. Giảng dạy - trong vòng mười lăm năm, lên chức Trưởng khoa Anh văn, Ông R. Turner, MA Cantab - cũng không có trong truyện, cả đi dạy ở một trường đại học cũng không. Mặc dù là thủ khoa, giờ khi nhìn lại nghiên cứu văn học Anh có vẻ chỉ là một trò chơi hấp dẫn trong phòng khách, đọc sách rồi nêu ra quan điểm, một thú trang trí đáng ao ước cho một cá thể văn minh. Nhưng nó không phải là cốt lõi, dù cho tiến sĩ Leavis có nói gì trong các bài giảng của ông. Nó không phải là sự tu hạnh cần thiết, cũng không phải là cuộc theo đuổi sống còn một trí tuệ không ngừng kiếm tìm điều mới, cũng không phải là lời biện hộ đầu tiên và cuối cùng chống lại đám man di, không hơn gì so với nghiên cứu hội họa hay âm nhạc, lịch sử hay khoa học. Ở rất nhiều cuộc nói chuyện trong năm cuối, Robbie đã nghe một nhà phân tâm học, một thành viên của công đoàn Cộng sản và một nhà vật lý phát biểu, từng người một đều tuyên bố về lĩnh vực của mình cũng nồng nhiệt, cũng đầy thuyết phục, như Leavis khi nói về lĩnh vực của ông. Những người trong ngành y chắc hẳn cũng có những tuyên ngôn như thế, nhưng với Robbie vấn đề đơn giản và mang tính cá nhân hơn nhiều: bản tính thực tế và tham vọng khoa học không thỏa của anh sẽ tìm được một lối ra, anh sẽ có những kỹ năng phức tạp gấp bội lần những kỹ năng học được trong phê bình thực tiễn, và trên hết anh sẽ được tự mình đưa ra quyết định. Anh sẽ thuê nhà ở một thành phố lạ - và bắt đầu.

Anh đã ra khỏi đám cây và bước tới chỗ nơi đường mòn nhập vào lối xe chạy. Ánh sáng đổ xuống từ bầu trời làm đậm thêm khoảng không gian mờ tối của công viên, và ánh lấp lánh vàng nhạt trên những cửa sổ ở phía bên kia hồ khiến ngôi nhà có vẻ huy hoàng đẹp đẽ. Nàng ở đó, có lẽ trong phòng nàng, sửa soạn cho bữa tối - khuất tầm mắt, ở phần sau của ngôi nhà, trên tầng hai. Trông ra đài phun nước. Anh xua đi những ý nghĩ sống động lúc ban ngày về nàng, không muốn đến đó trong tâm trạng xáo động. Phần đế giày cứng nện lộp cộp trên mặt đường rải đá như tiếng một chiếc đồng hồ khổng lồ, và anh buộc mình nghĩ đến thời gian, kho tích trữ vĩ đại của mình, sự xa xỉ của một gia tài còn nguyên vẹn. Trước đây anh chưa bao giờ tự ý thức mình trẻ đến thế, hay trải nghiệm sự háo hức, sự thèm muốn được bắt đầu câu chuyện của mình đến thế. Ở Cambridge có những người trí óc nhanh nhạy, như các giáo viên, vẫn chơi được một ván tennis ra trò, vẫn chèo thuyền, mà hơn anh những hai mươi tuổi. Ít nhất hai mươi năm nữa mới biết được câu chuyện của anh sẽ ra sao vào thời điểm anh ở mức độ thể chất ấy - gần bằng quãng thời

gian mà anh đã sống. Hai mươi năm sẽ vụt đưa anh tới năm 1955 của tương lai. Khi đó anh sẽ biết được điều quan trọng nào giờ vẫn còn là bí ẩn? Có thể nào ngoài khoảng thời gian đó anh còn có thêm ba mươi năm nữa, để sống đến khi trút hơi thở cuối cùng theo một nhịp trầm tĩnh hơn không?

Anh nghĩ đến mình vào năm 1962, năm mươi tuổi, khi anh hẳn đã già, nhưng không già đến nỗi thành vô dụng, nghĩ đến vị bác sĩ thông thái, lão luyện là chính mình khi ấy, với những câu chuyện bí mật, những thảm kịch và thành công chồng chất phía sau. Và cũng sẽ có hàng ngàn cuốn sách chất chồng, vì sẽ có thư phòng, rộng thênh thang và lờ mờ tối, nhét đầy những chiến lợi phẩm của cả một đời du hành và suy tư - cô hiếm ở rừng rậm nhiệt đới, mũi tên tẩm độc, những sáng chế điện thất bại, tượng nhỏ làm bằng hoạt thạch, các tiêu bản sọ đã teo lại, tranh vẽ thổ dân. Trên giá sách, sách nghiên cứu y học và thiên định, chắc chắn rồi, nhưng cũng có cả loại sách hiện giờ đang lấp đầy cái hốc kín trong gian áp mái căn nhà gỗ - thi ca thế kỷ mười tám đã gần như suýt thuyết phục được anh rằng mình nên là một thợ trồng vườn, Jane Austen ấn bản lần thứ ba của anh, Eliot và Lawrence và Wilfred Owen của anh, toàn tập Conrad, ấn bản vô giá năm 1783 cuốn *The Village*⁸ của Crabbe, Housman của anh, bản *The Dance of Death*⁹ của Auden có chữ ký tác giả. Bởi mục đích chính là thế này, chắc chắn vậy: anh sẽ là một bác sĩ giỏi hơn vì đã đọc văn học. Tri giác hạn hẹp của anh có lẽ sẽ hiểu sâu sắc được biết bao nỗi khổ khổ của con người, sự điên rồ tự hủy hoại hay bất hạnh thuần túy, những điều đã đẩy con người vào cảnh sức khỏe yếu ớt! Sinh, tử và cái mong manh ở giữa, về thăng và trầm – đây là nhiệm vụ bác sĩ, và cũng là của văn học. Anh đang nghĩ đến tiểu thuyết thế kỷ mười chín. Lòng đại lượng và tầm nhìn xa, một tấm lòng nhân hậu kín đáo và đầu óc phán xét tinh táo; anh là loại bác sĩ sẽ hiểu rõ và sẵn lòng đón nhận mọi trò tàn ác của số phận, cả sự phủ nhận nực cười và tuyệt vọng đối với những việc không thể tránh khỏi; anh sẽ bắt mạch nhịp đã yếu, nghe từng hơi thở đang dần tắt, cảm thấy bàn tay nóng bắt đầu lạnh đi và chiêm nghiệm, theo cách mà chỉ có văn học và tôn giáo dạy, về sự yếu ớt và cao quý của loài người...

Anh nhanh chân bước trong buổi tối mùa hạ lặng gió theo nhịp những suy nghĩ hoan hỉ của mình. Phía trước anh, cách khoảng một trăm mét, là cây cầu, và trên đó, anh cho là thế, nổi bật trên con đường tối sẫm, là một hình màu trắng thoạt tiên có vẻ là một phần của đá nhợt màu trên tường chắn. Nhìn chăm chú vào thì các nét của nó như tan ra, nhưng vài bước gần hơn đã khiến nó hiện ra hơi mang dáng dấp con người. Ở khoảng cách này anh không thể biết được nó xoay lưng hay nhìn về phía

anh. Nó đứng bất động và anh cho là nó đang nhìn mình. Trong một hai giây anh cố nghĩ cho vui đó là một con ma, nhưng anh chẳng tin vào chuyện siêu nhiên, ngay cả cái đáng vị tha tốt bậc đang nắm quyền tối cao ở nhà thờ Norman trong làng cũng không. Đó là một đứa nhỏ, giờ anh đã thấy, và vì thế chắc chắn là Briony, trong bộ váy trắng anh đã thấy nó mặc trước đó trong ngày. Giờ anh có thể thấy rõ nó, anh giơ tay lên gọi, và nói, “Anh đây, Robbie, nhưng nó vẫn không cử động.

Khi tiến tới, đầu anh nảy ra một ý rằng sẽ thích hợp hơn khi lá thư đến căn nhà trước anh. Nếu không anh có thể sẽ phải chuyển cho Cecilia khi mọi người có mặt ở đó, có lẽ mẹ nàng sẽ dòm ngó, mà bà thì có phần lạnh nhạt với anh kể từ lúc anh về. Mà cũng có khi anh không thể đưa được lá thư cho Cecilia vì nàng cứ giữ khoảng cách. Nếu Briony đưa thư cho nàng, nàng sẽ có thời gian đọc và ngẫm ngợi khi ở một mình. Một vài phút riêng tư sẽ làm nàng dịu đi.

“Anh tự hỏi không biết em giúp anh một việc được không,” anh nói khi tiến lại gần em.

Em gật đầu và đợi.

“Em chạy về nhà trước và đưa thư này cho chị Cee hộ anh được không?”

Anh vừa nói vừa đặt phong bì vào tay em, và em nhận lấy, không đáp một lời.

“Vài phút nữa anh sẽ có mặt,” anh bắt đầu nói, nhưng em đã quay đi rồi và đang chạy qua cầu. Anh tìm người vào tường chắn, lấy một điều thuốc ra trong lúc nhìn theo dáng người nhấp nhô khi chạy của em lùi xa rồi nhòa vào ráng chiều. Tuổi mới lớn của một bé gái, anh hài lòng nghĩ. Mười hai, hay mười ba nhỉ? Anh không nhìn thấy em trong một hay hai giây, rồi lại thấy khi em chạy qua đảo, nổi bật lên trên khoảng cây màu sẫm. Rồi anh lại không nhìn thấy em, và chỉ đến khi em xuất hiện trở lại, ở phía xa kia trên cây cầu thứ hai, và chạy khỏi lối xe đi đường tắt qua bãi cỏ anh mới đứng bật dậy, bị nỗi kinh hoàng và sự chắc chắn tuyệt đối bóp nghẹt lấy. Một tiếng hét tức thì, không lời bật ra khỏi anh khi anh tiến một vài bước vội vã trên đường xe chạy, ngập ngừng, rồi lại chạy, rồi lại dừng, hiểu rằng có rượt theo cũng vô ích. Khi khum tay quanh miệng và gầm vang tên Briony, anh đã không còn thấy em nữa. Mà thế cũng vô ích. Anh đứng đó, căng mắt ra nhìn em - như thể việc đó có ích - và căng trí nhớ ra nữa, tuyệt vọng cố thuyết phục mình tin rằng đã nhầm. Nhưng không nhầm lẫn gì. Lá thư viết tay anh đặt trên cuốn *Giải phẫu học của Gray* đang mở, phần Tạng phủ học, trang 1546, âm đạo. Lá thư gõ máy, anh để gần máy đánh chữ, chính là cái anh đã lấy gấp lại cho vào phong bì. Không cần sự thông thái kiểu Freud - lời giải thích đơn giản và nhầm

chán hơn nhiều - lá thư vô hại vẫn đang nằm trên hình 1236, với đám lông mu hình tam giác phóng dăng và lộ liễu, trong khi bản nháp bức thư tục tĩu của anh nằm trên bàn, ngay trong tầm với. Anh gào tên Briony lần nữa, mặc dù biết em giờ đã đến cửa trước rồi. Chắc chắn, trong vài giây nữa thôi, một hình thoi ánh sáng màu nâu vàng xa xa bao chứa hình dáng em sẽ mở rộng ra, ngừng giây lát, rồi thu hẹp lại chẳng còn gì khi em bước vào ngôi nhà và cửa khép lại sau lưng.

Chín

Hai lần trong vòng nửa tiếng, Cecilia bước ra khỏi phòng ngủ, nhìn thấy mình trong tấm gương khung thép vàng trên đầu cầu thang và, ngay lập tức bất mãn, quay lại tủ quần áo cân nhắc lại. Phương án đầu tiên của nàng là chiếc váy may bằng vải crêpe de chine đen mà, theo như tấm gương trên bàn trang điểm, có đường cắt khéo léo tạo một vẻ nghiêm nghị nhất định. Cảm giác bất khả xâm phạm của chiếc váy càng được làm nổi rõ nhờ đôi mắt đen của nàng. Thay vì làm dịu bớt ấn tượng đó bằng một chuỗi ngọc trai, nàng lại bắt chột hứng khởi lấy sợi dây chuyền cũng đen tuyền. Đường son môi hoàn hảo ở lần tô đầu tiên. Nhiều lần nghiêng đầu để nhìn được mình trong cả ba mặt gương khiến nàng an tâm là mặt nàng không quá dài, hay ít ra thì nay thì không. Nàng phải thấy mẹ có mặt trong bếp, còn Leon thì đang đợi nàng, nàng biết, trong phòng khách. Dù thế, nàng vẫn tìm được thời gian, ngay lúc sắp sửa rời đi, khi vừa đóng cửa phòng ngủ lại sau lưng, để quay lại bàn trang điểm và thoa nước hoa lên khuỷu tay, một chút nghịch ngợm phù hợp với tâm trạng của nàng.

Nhưng cái nhìn công khai của cái gương trên cầu thang khi nàng vội đi về phía nó cho thấy một phụ nữ trên đường đi dự tang lễ, hơn nữa còn là một phụ nữ rầu rĩ, khổ hạnh, với bộ giáp đen có chút gì đó tương đồng với một loài côn trùng chuyên sống trong hộp diêm. Một con bọ vùng! Đấy chính là nàng tương lai, tám mươi lăm tuổi, trong tang phục của một quả phụ. Không chút lưỡng lự - nàng nhìn xuống đôi giày, cũng màu đen, và lập tức trở lại phòng.

Nàng hoài nghi, vì nàng biết tâm trí có thể chơi trò lờm. Đồng thời, tâm trí nàng - trong mọi khía cạnh - đều nghĩ rằng nàng phải tham dự buổi tối ấy, và nàng phải thoải mái. Nàng bước ra khỏi cái váy crêpe đen nằm trên sàn, vẫn đi giày và mặc nguyên đồ lót, xem xét các thứ có thể mặc trên giá quần áo trong tủ, hiểu rằng từng phút đang qua. Nàng ghét

cái ý nghĩ mình có vẻ ngoài khổ hạnh. Thoải mái mới là điều nàng muốn cảm thấy, và đồng thời, cả độc lập nữa. Trên hết, nàng muốn trông như thể nàng không hề mảy may bận tâm đến chuyện này, mà muốn thế thì lại mất thời gian. Dưới tầng, cái nút thắt sột ruột đang siết chặt lại trong bếp, còn những giây phút nàng định dành để ở riêng với anh trai đang cạn dần.

Chẳng mấy chốc mẹ nàng sẽ xuất hiện và muốn bàn bạc việc sắp xếp chỗ ngồi, Paul Marshall sẽ từ phòng xuống và cần có người tiếp anh ta, và rồi Robbie sẽ xuất hiện ngay trước cửa. Làm thế nào nàng nghĩ cho rành mạch được đây?

Nàng lướt tay qua một đoạn lịch sử cá nhân, biên niên sử vắn tắt những thứ nàng thích. Đây là những cái váy suôn nàng mặc lúc mười mấy tuổi, giờ trông chúng mới lố bịch, ẻo lả và thiếu gợi cảm làm sao, và mặc dù trên một cái có vết rượu, còn cái khác là một lỗ thủng do điều thuốc lá đầu tiên của nàng gây ra, nàng cũng không nỡ vứt đi. Còn đây là cái váy đầu tiên hờ vai một cách rụt rè, và những cái khác theo sau càng lúc càng mạnh bạo hơn, như những bà chị gái đầy sức sống khi vứt bỏ những năm tháng trẻ con, thêm vào những đường may khoe eo và đường cong, giảm bớt độ dài của chân váy với sự phớt lờ đầy tự mãn những hy vọng của đám đàn ông. Cái váy đẹp nhất và gần đây nhất của nàng, mua để ăn mừng kết thúc kỳ thi tốt nghiệp, trước khi nàng biết về tấm bằng hạng ba tồi tệ của mình, là chiếc váy dạ tiệc màu xanh lá cây sẫm ôm sát cắt chéo hở lưng có dây buộc cổ. Lần đầu tiên ra mắt ở nhà mà mặc thế này thì hơi diện quá. Nàng luồn tay vào sâu hơn nữa và lấy ra một chiếc váy lụa bông bành với phần áo xếp nếp và chân váy có gấu cắt lượn sóng - một lựa chọn an toàn vì màu hồng đủ nhã nhặn và cổ điển để mặc buổi tối. Cái gương ba mặt cũng nghĩ như thế. Nàng thay giày, đổi dây chuyền đen lấy chuỗi ngọc trai, dặm lại phấn, bới lại tóc, thoa thêm một chút nước hoa ở chỗ cổ giờ đã lộ ra nhiều hơn, và chưa đầy mười lăm phút sau đã có mặt trên hành lang.

Trước đó, nàng đã thấy già Hardman cầm giỏ mây đi khắp nhà thay bóng điện. Có lẽ giờ trên đầu cầu thang đã sáng chói hơn, vì trước đây nàng chưa bao giờ thấy khó khăn đến thế với cái gương ở đó. Ngay cả khi bước tới từ cách đó cả chục bước chân, nàng đã thấy nó sẽ không cho nàng qua; thực ra cái màu hồng này trông thật nhạt nhẽo xoàng xĩnh, đường chiết eo quá cao, cái váy lờ xờ như bộ đầm dự tiệc của một con bé tám tuổi. Chỉ thiếu mỗi bộ khay hình thỏ. Khi nàng lại gần hơn, bề mặt không hoàn toàn bằng phẳng của cái gương cổ làm hình nàng ngắn lại và nàng đối mặt với đứa trẻ của mười lăm năm trước. Nàng đứng lại và thử đưa tay lên đầu túm tóc lại thành hai bím. Cũng chính cái gương này hẳn

đã nhìn nàng chạy xuống cầu thang như thế hàng chục lần, trên đường đến tiệc sinh nhật buổi chiều sôi động của một đứa bạn nào đó. Thế này sẽ không thể làm tâm trí nàng dễ chịu hơn, khi đi xuống mà trông như, hay tin rằng trông mình như Shirley Temple¹⁰.

Cam chịu hơn là cúi kính hay hoang mang, nàng quay về phòng. Tâm trí nàng không hề rối loạn: những ấn tượng giả tạo, quá sống động này, sự hoài nghi vào bản thân, sự rõ ràng mà mắt thường cũng nhìn thấy hiển hiện và những khác biệt kỳ quái bao bọc ngoài cái thân thuộc, chính là sự tiếp nối, là những biến thể của những gì nàng đã trông thấy và cảm thấy suốt ngày hôm đấy. Cảm thấy, nhưng không muốn nghĩ đến. Hơn nữa, nàng biết mình phải làm gì và nàng vẫn luôn biết điều đó. Nàng chỉ có một bộ duy nhất mà nàng thực lòng thích, và đó là bộ nàng nên mặc. Nàng thả chiếc đầm hồng rơi xuống chiếc màu đen, khinh khỉnh bước qua đồng ấy, với tay lấy chiếc váy dài, cái váy đầm xanh hồ lửng hậu-thi-tốt-nghiệp của nàng. Khi kéo váy lên, nàng hài lòng với cái mơn trớn mạnh bạo của vật vải cắt chéo của váy lót lụa, và nàng có cảm giác mạnh mẽ một cách mềm mại, tha thướt và đầy tự tin; trong cái gương dài kia chính là mỹ nhân ngư hiện ra để gặp nàng. Nàng bỏ chuỗi ngọc trai lại chỗ cũ, đổi lại đôi giày gót cao màu đen, một lần nữa chỉnh lại tóc và trang điểm, thôi không chấm thêm nước hoa, và rồi, khi nàng mở cửa, rú lên kinh hãi. Một khuôn mặt và một nắm tay giơ lên cách nàng chỉ vài inch. Hình ảnh lập tức hiện ra trong đầu nàng, trong cơn choáng váng, là một cảnh phối cực đoan kiểu Picasso trong đó nước mắt, mắt thâm quầng sưng mọng, môi ướm và mũi không hỉ, tẩy đỏ hòa vào nhau thành một mảng màu đỏ thâm sũng đau buồn. Rồi nàng bình tĩnh lại, đặt tay lên bờ vai xương xương và nhẹ nhàng quay cả người để có thể nhìn thấy cái tai bên trái. Đó là Jackson, toan gõ cửa phòng nàng. Trên tay kia là một chiếc tất màu xám. Khi lùi lại, nàng nhận ra thằng bé đang mặc quần soóc màu xám và áo sơ mi trắng đã là phẳng phiu, nhưng lại đi chân không.

“Anh bạn nhỏ! Có chuyện gì thế?”

Trong một giây, nó không đủ tự tin cất tiếng. Thay vì thế, nó giơ cái tất lên và chỉ tay ra hành lang. Cecilia nhòai ra và thấy Pierrot đứng cách một đoạn, cũng chân không, cũng cầm tất, và nhìn.

“Vây là mỗi đứa có một cái tất nhỉ.”

Thằng bé gật đầu và nuốt khan, rồi cuối cùng nó cũng nói được, “Cô Betty bảo bọn em sẽ bị ăn đòn nếu không xuống dùng trà ngay bây giờ, nhưng chỉ có một đôi tất.”

“Và hai đứa tranh nhau đôi *tất*.”

Jackson gật đầu lia lịa.

Khi nàng cùng hai thằng bé đi trên hành lang về phòng chúng, thằng thứ nhất rồi thằng thứ hai nắm lấy tay nàng và nàng ngạc nhiên khi thấy mình hài lòng như thế. Nàng không thể không nghĩ đến bộ váy của mình.

“Sao hai em không nhờ chị gái giúp?”

“Hiện giờ chị ấy không nói chuyện với bọn em.”

“Nhưng sao lại không?”

“Chị ấy *ghét* bọn em.”

Phòng chúng là một đồng lộn xộn đáng thương những quần vớ áo, khăn ướt, vỏ cam, những mẩu truyện tranh bị xé nhỏ xếp lại trên một tờ giấy, một đồng chăn đệm lấp gần hết những cái ghế bị lật ngược lại. Giữa hai giường là một vết ướt lớn trên tấm thảm, giữa tấm thảm là một bánh xà phòng và giấy vệ sinh ướt. Một tấm rèm treo xộc xệch dưới hộp rèm, và mặc dù cửa sổ mở, không khí trong phòng ẩm thấp, như thể thứ không khí người ta thở ra rất nhiều lần. Tất cả các ngăn kéo tủ quần áo đều mở toang và rỗng không. Có cảm giác là nỗi buồn chán trong phòng kín chỉ tạm ngưng nhờ các trò thi đấu và chiến thuật - nhảy từ giường này sang giường kia, dựng trại, suýt sáng chế ra các trò chơi trên bàn rồi bỏ dở. Không ai trong nhà Tallis trông nom hai đứa sinh đôi Quincey, và để che giấu cảm giác tội lỗi, nàng vui vẻ nói, “Chúng ta sẽ chẳng bao giờ tìm được gì khi phòng thế này cả.”

Nàng bắt đầu sắp xếp lại, dọn giường, đá giày cao gót ra leo lên ghế chỉnh lại rèm, và giao cho hai thằng nhóc những việc nhỏ vừa sức. Chúng nghe lời, nhưng im lặng và khom vai mà làm, cứ như thể nàng định trừng phạt chứ không phải cứu giúp, quờ máng chứ không phải đang tỏ ra tử tế. Chúng xấu hổ về căn phòng. Khi đứng trên ghế trong chiếc váy xanh sẫm lá cây bó sát người, nhìn hai cái đầu hoe vàng nhô lên nhô lên cúi xuống làm việc, một ý nghĩ giản dị đến với nàng: không có được tình yêu chúng sẽ thấy kinh khủng và sợ hãi đến mức nào, dựng xây sự tồn tại từ hư không trong một ngôi nhà lạ hoắc.

Vương vướ, vì không cúi được gối xuống thấp, nàng bước xuống, ngồi ở mép giường và vỗ vào chỗ cạnh nàng. Tuy nhiên, hai thằng nhóc vẫn đứng, nhìn nàng hy vọng. Nàng dùng cái giọng như khế hát của một cô giáo trông trẻ mà nàng từng yêu quý.

“Mình đâu cần phải khóc lóc vì mấy cái tát bị mất, phải không nào?”

Pierrot nói, “Thực ra, bọn em muốn về nhà hơn.”

Nghiêm nghị, nàng lấy lại giọng nói chuyện của người lớn. “Lúc này thì không được. Mẹ em ở Paris với... à đang đi nghỉ ở Paris, còn cha em thì bận ở trường đại học, vì thế các em sẽ phải ở lại đây một thời gian. Chị xin lỗi vì đã bỏ mặc hai em. Nhưng hai em đã rất vui khi ở bể bơi...”

Jackson nói, “Bọn em muốn diễn kịch nhưng rồi Briony bỏ đi mà vẫn chưa quay lại.”

“Có thật không?” Lại thêm một đứa nữa cần phải để mắt đến. Lẽ ra Briony phải về lâu rồi. Chi tiết này đến lượt nó lại khiến nàng nhớ ra mọi người đang đợi ở dưới tầng: mẹ nàng, đầu bếp, Leon, vị khách, Robbie. Ngay cả cái nóng của buổi tối tràn vào căn phòng qua các cửa sổ mở toang tới trên lưng nàng cũng áp đặt trách nhiệm; đây là một buổi tối mùa hạ mà ta đã mơ ước suốt cả năm, và giờ cuối cùng nó đã đến với mùi hương nồng nàn, trĩu nặng niềm khoan khoái, vậy mà nàng lại bị những đòi hỏi và lo lắng không đâu làm cho sao nhãng đến mức không hưởng ứng được. Nhưng đơn giản là nàng sẽ phải hưởng ứng. Không làm thế là sai. Được uống gin & tonic với Leon trên hiên nhà ở ngoài kia sẽ là thiên đường. Chẳng phải là lỗi của nàng khi dì Hermione chạy trốn với một tay đỡ người chuyên đọc mấy bài nói chuyện thân mật lê thê trên đài truyền thanh hàng tuần. Buồn rầu đủ rồi. Cecilia đứng dậy và vỗ tay.

“Phải, chuyện vở kịch tệ quá, nhưng mình đâu làm gì được. Đi tìm tất cho hai đứa rồi xuống thôi.”

Tìm kiếm một hồi thì biết được đôi tất chúng đi đến đây đang được giặt, và trong cơn yêu đương dữ dội, dì Hermione quên bồng chỉ xếp thêm mỗi một đôi dự phòng. Cecilia vào phòng ngủ của Briony và tỉ mỉ tìm trong ngăn kéo một đôi có vẻ ít nữ tính nhất - cao đến mắt cá chân, trắng, với những quả dâu màu đỏ và xanh lá cây quanh cổ tất. Nàng đoán giờ thể nào hai đứa cũng giành nhau đôi màu xám, hóa ra lại ngược lại, và để tránh khiến chúng buồn thêm nàng đành quay lại phòng Briony tìm một đôi nữa. Lần này nàng dừng lại nhòm trời chiều qua cửa sổ và bắn khoăn không biết em gái ở đâu. Chết đuối dưới hồ, bị bọn gypsy bắt cóc, bị một chiếc xe hơi chạy qua đâm phải, nàng nghĩ theo phong tục, một nguyên tắc đáng tin rằng không có gì sẽ xảy ra như người ta tưởng tượng, và đây là cách hiệu quả để loại trừ điều tệ hại nhất.

Quay lại với hai đứa nhóc, nàng dùng lược nhúng vào nước cắm hoa chải tóc Jackson, ngón trở và ngón cái túm chặt lấy cằm nó, chẻ trên da đầu nó một đường thẳng tap, đẹp đẽ. Pierrot kiên nhẫn đợi đến lượt, rồi không một lời chúng cùng nhau chạy xuống lầu đối mặt với Betty.

Cecilia chậm rãi bước theo sau, đi qua cái gương hay phê phán, liếc vào và hoàn toàn hài lòng với thứ mình nhìn thấy. Hay đúng hơn, nàng đã bớt để tâm hơn, vì tâm trạng nàng đã thay đổi kể từ lúc đi cùng hai đứa sinh đôi, và suy nghĩ của nàng đã mở rộng ra để bao chứa một quyết tâm mơ hồ đang dần thành hình dù không hàm chứa cụ thể điều gì hay đưa tới một kế hoạch cụ thể nào; nàng phải đi khỏi đây. Ý tưởng này hay ho và làm nàng dễ chịu, mà không tuyệt vọng chút nào. Nàng xuống đến

chiếu nghỉ trước tầng trệt và dừng bước. Dưới kia, mẹ nàng, bị tội lỗi hành hạ vì vắng mặt trong việc nhà, sắp rã sự lo lắng và bối rối khắp nơi. Thêm vào hỗn hợp này chắc chắn là tin, nếu đúng thế thật, Briony mất tích. Thời gian và lo lắng sẽ bị vắt kiệt trước khi tìm ra con bé. Sẽ có điện thoại từ bộ báo ông Tallis phải làm việc muộn nên ở lại thành phố. Leon, với tài tránh né trách nhiệm thiên bẩm, sẽ không đảm nhiệm thay vai trò của cha mình. Trên danh nghĩa, nó sẽ chuyển sang bà Tallis, nhưng rốt cuộc thì thành công của buổi tối sẽ phụ thuộc vào sự quán xuyến của Cecilia. Mọi thứ đều rõ ràng và không đáng phải chống đối - nàng sẽ không được buông mình vào một đêm mùa hạ thơm ngát, sẽ không được nói chuyện lâu với Leon, nàng sẽ không được chân trần đi bộ trên cỏ dưới những vì sao khuya. Nàng cảm thấy dưới tay mình thành cầu thang gỗ thông đánh véc ni đen bóng, hơi có kiểu neo Gothic, rắn chắc và giả tạo. Trên đầu nàng là một chức đài lớn bằng gang treo trên ba sợi dây xích, suốt từ khi nàng còn bé đến giờ nó chưa được thắp sáng một lần. Thay vào đó, ánh sáng tỏa ra từ một cặp đèn tường được trang trí bằng núm tua với chụp đèn hình nón bằng giấy da giả. Nhờ luồng sáng màu vàng tù mù, nàng nhón chân đi qua chiếu nghỉ để nhìn sang phòng mẹ nàng. Cửa chỉ khép hờ, đèn phòng hắt ra thắp ngoài hành lang, cho thấy chắc chắn Emily Tallis đã ra khỏi giường. Cecilia quay lại cầu thang và lại chần chừ, ngại không muốn xuống. Nhưng không còn lựa chọn nào khác.

Bố trí trong nhà chẳng có gì mới và nàng cũng không thấy khó chịu. Hai năm trước, cha nàng mất hút vào việc chuẩn bị tài liệu tư vấn mật cho Bộ Nội vụ Anh. Mẹ nàng thì luôn sống trong vùng đất tối của người bệnh tật, Briony lúc nào cũng cần đến sự chăm sóc của người mẹ từ chị gái, Leon thì luôn tự do bay nhảy, còn nàng thì luôn yêu anh vì thế. Nàng không hề nghĩ đảm đương lại những vai trò cũ lại dễ dàng đến vậy. Cambridge đã thay máu cho nàng và nàng nghĩ mình trở nên mạnh mẽ. Tuy nhiên, không ai trong gia đình nhận thấy sự biến đổi ở nàng, và nàng không thể cưỡng lại sức mạnh của những kỳ vọng theo thói quen của họ. Không đổ lỗi cho ai, nhưng nàng nấn ná ở lại nhà suốt mùa hè, được ý niệm mơ hồ rằng mình đang tái thiết lập mối dây liên hệ quan trọng với gia đình cổ vũ. Nhưng giờ nàng nhận ra những mối liên hệ đó chưa bao giờ bị phá vỡ, và dù sao cha mẹ nàng cũng vẫn luôn vắng mặt theo cách riêng của họ, Briony thì mãi mê trong những tưởng tượng của nó, còn Leon thì ở thành phố. Bây giờ là lúc để nàng tiến lên. Nàng cần một cuộc phiêu lưu. Cậu và dì mời nàng đi cùng họ sang New York. Dì Hermione ở Paris. Nàng có thể đi London và tìm việc làm - đó chính là điều mà cha mong đợi ở nàng. Nàng cảm thấy niềm phấn khích, chứ không phải sự bồn chồn, và nàng sẽ không cho phép buổi tối hôm nay làm nàng thoái

chí. Những buổi tối thế này sẽ còn nữa, và để tận hưởng, nàng sẽ phải ở một nơi khác.

Được sự chắc chắn mới mẻ này thổi thêm sinh khí - việc chọn được bộ đầm phù hợp hẳn đã đóng góp một phần - nàng băng qua sảnh, đẩy cánh cửa bọc vải len tuyết và sải bước trên hành lang lát gạch vuông vào bếp. Nàng bước vào một đám khói mù mịt gồm những khuôn mặt không có cơ thể lơ lửng ở các chiều cao khác nhau, như những hình vẽ nháp trong sổ phác thảo của họa sĩ, và mọi con mắt đều nhìn xuống đồng hồ bày trên bàn bếp, Cecilia chỉ thấy làn mờ từ sau tấm lưng to bản của Betty. Ánh đỏ lờ mờ ở tầm ngang mắt cá chân là lửa than trong cái lò nướng đôi, cửa của nó ngay sau đó liền được một cú đá đóng lại, kêu đánh choang cùng với một tiếng quát bực tức. Hơi nước bốc lên mù mịt từ một vạc nước sôi to không người trông. Phụ bếp, Doll, một cô gái người làng gầy nhom với mái tóc búi lại đơn giản, đang ở bồn rửa cọ vung chảo, gây ra những tiếng loảng xoảng âm ỉ như đang hăm hực điều gì, nhưng cả cô nữa cũng quay nửa người lại nhìn thứ Betty cho lên bàn. Một trong các khuôn mặt là của Emily Tallis, mặt kia của Danny Hardman, mặt thứ ba của cha cậu ta. Bồng bênh bên trên, có lẽ là đứng trên ghế đầu, là Jackson và Pierrot, mặt nghiêm nghị. Cecilia cảm nhận được Hardman con đang nhìn nàng chằm chằm. Nàng trừng mắt nhìn lại, và hài lòng khi cậu ta quay đi. Công việc trong bếp nặng nhọc và kéo dài suốt cả ngày dưới cái nóng, và những gì còn lại của nó đang ở khắp mọi nơi: nền lát đá phiến nhóp nhép đầy mỡ của thịt nướng chảy ra và be bét vỏ trái cây bị giẫm; khăn lau bát đĩa ướt sũng, những tặng phẩm cho công sức lao động anh hùng bị lãng quên, rũ xuống trên bếp lò như lá cờ quân đội đang mục ra trong nhà thờ; thúc vào cẳng chân Cecilia, một giỏ rau thừa đầy ngập mà Betty sẽ mang về nhà cho con lợn giống Gloucester Old Spot của bà ăn, vỗ béo chờ đến tháng Chạp. Đầu bếp ngoái đầu liếc nhìn người mới vào, và trước khi bà quay đi thì đã có đủ thời gian để kịp nhìn thấy cơn thịnh nộ trong đôi mắt đã bị gò má nung núc thịt làm cho híp tịt lại như hai lát thạch jelly.

“Bắc ra!” bà hét. Không nghi ngờ gì sự cáu tiết ấy là dành cho bà Tallis. Doll lao từ bồn rửa sang bếp, trượt chân suýt ngã, cầm hai miếng giẻ lên bắc cái vạc xuống. Trong tầm nhìn giờ đang rõ hơn hiện ra Polly, cô tớ gái ai cũng bảo là chất phác, và ở lại rất muộn mỗi khi có việc.

Đôi mắt to và ngây thơ cũng dán vào bàn bếp. Cecilia dịch khỏi chỗ sau lưng Betty để xem thứ mà ai cũng thấy - một cái khay lớn đen thui vừa được lôi ra khỏi lò nướng đựng một mẻ lớn khoai tây nướng vẫn đương xèo xèo. Để phải có đến một trăm củ, nằm thành những hàng xộc xệch màu vàng nhạt được cái xẻng kim loại của Betty xục, nạo, rồi lật.

Mặt bên dưới vàng rộm, dính dính, và điểm xuyết giữa màu nâu bóng như xà cừ có thể nhận ra những đường viền lấp lánh, và thỉnh thoảng lại xuất hiện những hoa văn tinh xảo trở ra quanh một chỗ vỏ khoai bị nứt. Chúng thật tuyệt hảo, hoặc là sẽ được như vậy.

Hàng cuối cùng đã được lật xong và Betty nói, “Bà muốn lấy cái này, thưa bà, làm salad khoai tây?”

“Chính xác. Cắt những mẩu bị cháy đi, chùi mỡ đi, cho vào tô Tuscany to rồi rưới đầm dầu oil lên, rồi...” Emily khoát tay mơ hồ về chỗ bày hoa quả cạnh cửa chạn, nơi có thể có hoặc không một quả chanh.

Betty ngẩng lên trần nhà nói, “Có phải bà muốn salad cải Brussels không ạ?”

“Đúng rồi, Betty.”

“Salad súp lơ rắc vụn bánh mì bỏ lò? Hay salad cải ngựa rưới nước xốt?”

“Bà cứ nặng cả lên vì chuyện không đâu.” “Bánh mì và salad pudding bơ?” Một trong hai đứa sinh đôi khịt mũi.

Khi Cecilia vừa đoán được cái gì sẽ đến tiếp theo thì nó đã bắt đầu xảy ra. Betty quay sang nàng, tóm chặt lấy cánh tay nàng, và khấn khoản. “Cô Cee, nhà mình yêu cầu làm món nướng và chúng tôi đã mất cả ngày chuẩn bị trong nhiệt độ trên cả nhiệt độ sôi của *máu*.”

Cảnh tượng thật mới mẻ, kèm theo nhân tố bất thường là có khán giả, nhưng tình huống nan giải này khá quen thuộc: làm thế nào gìn giữ được yên bình mà không xúc phạm mẹ. Thêm nữa, Cecilia đã cương quyết là sẽ ở cùng anh nàng ngoài hiên; chính vì thế việc ở bên với phe thắng và đẩy nhanh quyết định cuối cùng là rất quan trọng. Nàng kéo mẹ qua một bên, và Betty, hiểu ý, ra lệnh cho mọi người quay lại làm việc của mình. Emily và Cecilia Tallis đứng ở chỗ cánh cửa dẫn ra vườn rau lúc đó đang mở.

“Con yêu, có đợt nóng bất thường nên mẹ sẽ không đồng ý hủy món salad đâu.”

“Emily, con biết là trời rất nóng, nhưng Leon muốn ăn món nướng của Betty chết đi được. Anh ấy cứ ra rả về nó suốt. Con nghe anh ấy khoe với anh Marshall về món này.”

“Ồi trời ơi,” Emily nói.

“Con đồng ý với mẹ. Con cũng không muốn ăn đồ nướng. Nhưng tốt nhất là cho mọi người lựa chọn. Bảo Polly đi cắt ít rau diếp. Trong chạn có củ cải đường. Betty có thể làm món khoai tây mới và dễ nguội.”

“Con yêu, con nói đúng. Con biết mà, mẹ không thích làm Leon bé bỏng thất vọng.”

Và thế là chuyện giải quyết xong và món nướng được bảo lưu. Với một vẻ duyên dáng lịch thiệp, Betty sai Doll đi cạo vỏ ít khoai tây mới, còn Polly cầm một con dao ra ngoài.

Khi họ ra khỏi bếp, Emily đeo kính râm vào và nói, “Mẹ mừng là chuyện này đã giải quyết xong vì điều thực sự làm mẹ phiền lòng là Briony cơ. Mẹ biết là nó buồn. Con bé đang dần dỗi lang thang ngoài kia và mẹ định đi đưa nó về.”

“Ý kiến hay. Con cũng lo cho nó,” Cecilia nói. Nàng không hề có ý định ngăn mẹ đi xa khỏi hàng hiên.

Phòng khách từng làm Cecilia sửng sờ sáng hôm đó bằng những thoi ánh sáng hình bình hành giờ đây âm u, được mỗi một ngọn đèn đặt gần lò sưởi thấp sáng. Những cửa sổ Pháp mở toang đóng khung một khoảng trời xanh nhạt, và trên nền trời đó, như một hình chiếu bóng ở phía xa, là cái đầu và đôi vai quen thuộc của anh trai nàng. Khi bước qua phòng, nàng nghe tiếng những viên đá va lanh canh vào thành cốc, và khi bước ra ngoài nàng ngửi thấy mùi bạc hà hăng, cúc la mã và cúc thơm thanh nhiệt bị giẫm nát dưới chân, giờ còn gắt nồng hơn cả lúc sáng. Không ai nhớ tên, hay thậm chí diện mạo, của người làm vườn mướn tạm, vài năm trước ông đã thực hiện kế hoạch trồng cây giữa kẽ các viên đá lát. Vào lúc ấy, không ai hiểu ông nghĩ gì. Có lẽ đó là lý do vì sao ông bị đuổi.

“Em gái! Anh đã ở ngoài này đến bốn mươi phút và bị hầm chín đến nơi rồi đấy.”

“Xin lỗi. Ly của em đâu?”

Trên bàn gỗ thấp kê sát tường nhà có một cái đèn dầu tròn và xung quanh là một quầy bar giản dị. Cuối cùng thì gin & tonic cũng ở trong tay nàng. Nàng chum điếu thuốc của mình vào điếu của anh châm lửa và họ cùng ly.

“Anh thích cái váy này.”

“Anh ngắm nó không?”

“Xoay một vòng nào. Xinh lắm. Anh đã quên mất em có cái nốt ruồi đó.”

“Ngân hàng thế nào?”

“Buồn tẻ nhưng hoàn toàn dễ chịu. Bọn anh sống vì các buổi tối và ngày cuối tuần. Khi nào thì em mới định đến?”

Họ tha thẩn bước khỏi hàng hiên xuống con đường sỏi giữa hai luống hồng. Đài phun Triton hiện lên trước mặt họ, một khối đen như mực với những đường nét phức tạp sắc cạnh nổi bật trên nền trời đang chuyển sang màu xanh lá khi ánh sáng dần tắt. Họ có thể nghe thấy tiếng

nước tí tách và Cecilia nghĩ nàng nghĩ thấy cả mùi nó nữa, bằng bạc và gắt. Cũng có thể là mùi của ly rượu trong tay nàng.

Nàng cất lời sau một lúc im lặng, “Ờ đây em sẽ điên mất.”

“Lại là mẹ của tất cả mọi người. Em có biết là, giờ có các cô gái làm đủ loại việc. Thậm chí cả tham gia thi ngạch công chức. Ông Già sẽ vui lòng lắm.”

“Họ sẽ chẳng bao giờ nhận em với cái bằng hạng ba này đâu.”

“Một khi cuộc đời em bắt đầu rồi, em sẽ thấy cái thứ đó chẳng có nghĩa quái gì cả.”

Họ tới đài phun và quay lại đối mặt với ngôi nhà, im lặng trong một lúc, thì người vào thành bể, ngay chỗ nàng chịu ô nhục. Liền lĩnh, lồ bịch và trên tất cả là nhục nhã. Chỉ có thời gian, tám mạng vờ đoan trang dẹt nên từ nhiều giờ nhiều phút, mới ngăn anh trai khỏi thấy nàng đã như thế nào. Nhưng nàng không được bảo vệ như vậy khỏi Robbie. Anh đã thấy nàng, anh luôn luôn có thể thấy nàng, ngay cả khi thời gian làm nhạt nhòa ký ức thành một chuyện kể ở quán rượu. Nàng vẫn bực anh trai vì đã mời Robbie, nhưng nàng cần anh, nàng muốn được chia sẻ một phần tự do của anh. Háo hức, nàng giục anh kể nàng nghe chuyện của mình.

Trong cuộc sống của Leon, hay nói đúng hơn, trong câu chuyện anh kể về đời mình, không ai hèn hạ, không ai mưu toan, dối trá, hay phản bội. Ai cũng được ca tụng ít nhất ở một mức độ nào đó, như thể đó là một lý do đáng kinh ngạc giải thích cho sự tồn tại của tất cả mọi người. Anh nhớ tất cả những câu nói hay nhất của bạn bè mình. Tác dụng của các câu chuyện phiếm của Leon là làm cho người nghe có thiện cảm với nhân loại và những khuyết điểm của nó. Ai ai, ở mức tối thiểu, cũng là “người tốt” hay “loại tử tế”, và động cơ bên trong không bao giờ bị đánh giá mâu thuẫn với vẻ bên ngoài. Nếu xuất hiện sự khó hiểu hay bất đồng với bạn bè, Leon nhìn ra xa và tìm thấy một lời giải thích tốt lành. Văn học và chính trị, khoa học và tôn giáo không làm anh buồn chán - đơn giản là chúng không có chỗ đứng trong thế giới của anh, cũng như bất cứ vấn đề nào làm con người bất hòa nghiêm trọng với nhau. Anh đã có một bằng luật và sung sướng quên sạch những gì đã học. Rất khó hình dung ra có lúc nào anh cô đơn, hay buồn chán, hay thoái chí; sự bình thản trong anh là vô hạn, cũng ngang ngửa với sự thiếu tham vọng của anh, và anh cho rằng mọi người khác cũng giống hệt mình. Bất chấp tất cả những điều này, sự ôn tồn của anh là hoàn toàn chấp nhận được, thậm chí còn có tác dụng xoa dịu.

Đầu tiên anh kể chuyện câu lạc bộ chèo thuyền. Vừa đây anh đã làm người giữ nhịp chèo cho đội đua thuyền tám, và mặc dù mọi người đều rất tốt, anh nghĩ mình sẽ vui hơn nếu như được chèo theo nhịp của ai đó

khác. Cũng như thế, ở ngân hàng có lời bóng gió việc thăng chức và khi không có gì xảy đến anh nhẹ nhõm cả người. Rồi chuyện các cô gái: Mary diễn viên, cô này rất tuyệt vời trong *Private Lives*, tự dung chuyển đến Glasgow không một lời giải thích mà cũng chẳng ai hiểu tại sao. Anh chỉ ngờ rằng cô bạn phải chăm sóc một người thân sắp chết. Francine, cô này nói một thứ tiếng Pháp đẹp đẽ và khiến cả thế giới điên tiết lên khi đeo kính một mắt, tuần trước đã đi cùng anh tới xem một vở opera của Gilbert và Sullivan, và trong lúc giải lao họ thấy Đức Vua dường như liếc về phía họ. Nàng Barbara dễ thương, đáng tin cậy, quảng giao trong giới thượng lưu mà Jack và Emily nghĩ anh nên lấy làm vợ, đã mời anh đến ở một tuần trong lâu đài của cha mẹ nàng ở vùng Highlands. Anh nghĩ nếu từ chối thì khiếm nhã quá.

Mỗi khi anh có vẻ sắp cạn chuyện, Cecilia lại ném cho anh một câu hỏi khác. Không hiểu sao tự dung tiền thuê nhà của anh ở Albany lại hạ. Một đứa bạn cũ đã làm cho một em gái nói ngọng dính bầu, buộc phải lấy em ấy rồi cũng hạnh phúc vui vẻ cả. Một thằng bạn khác vừa mua xe gắn máy. Bố thằng bạn thân vừa mua nhà máy sản xuất máy hút bụi và kể rằng nó là tấm vé kiếm ra bộn tiền. Bà một đứa can đảm ghê gớm, chân gãy mà đi bộ được đến nửa dặm. Êm đềm như không khí buổi đêm, cuộc nói chuyện xuyên qua nàng, bao bọc quanh nàng, gọi lên một thế giới của những hảo tâm và kết quả dễ chịu. Vai kề vai, nửa đứng, nửa ngồi, họ đối diện với ngôi nhà ấu thơ của mình, nơi những điểm lộn xộn bất chước kiến trúc thời Trung cổ dường như giờ lại tạo cảm giác thư thái kỳ quặc; chứng đau nửa đầu của mẹ họ là màn giải lao vui nhộn giữa một vở opera hài, nỗi buồn của hai đứa sinh đôi sến quá đà, sự vụ trong bếp không hơn gì cuộc va chạm vui vẻ của những tâm hồn sôi nổi.

Khi đến lượt nàng kể chuyện những tháng vừa qua, gần như không thể nào không bị giọng điệu của Leon anh hưởng, mặc dù giọng điệu ấy qua cách nói của nàng, không thể tránh được, là sự mỉa mai. Nàng chế nhạo những nỗ lực của mình khi vẽ bảng phả hệ; cây gia hệ ảm đạm và không cành lá, rễ cũng không. Ông nội Harry Tallis là con trai một nông dân làm thuê, ông, vì lý do nào đó, đã đổi không dùng tên Cartwright nữa và cả ngày sinh lẫn việc cưới xin đều không được ghi chép lại. Còn *Clarissa* - suốt cả ngày cuộn tròn trên giường với cánh tay tê rần - chắc chắn chứng minh quan điểm ngược lại với *Paradise Lost* - nữ nhân vật chính trở nên đáng ghê tởm hơn khi đức hạnh bị cái chết ám ảnh của cô ta lộ ra. Leon gật đầu và bậm môi; anh sẽ không giả vờ hiểu nàng đang nói chuyện gì, cũng không ngắt lời. Nàng tạo một sắc mỉa mai cho những tuần buồn chán và cô đơn của mình, cho việc nàng đã quay về ở với gia đình, đã đền bù cho thời gian mình ở xa thế nào, và phát hiện cha mẹ và

em gái mình luôn vắng mặt theo cách riêng của họ ra sao. Được thứ gần như tiếng cười rộng lượng của anh trai khích lệ, nàng cô tạo ra những bức phác thảo khôi hài từ chuyện nàng thèm hút thêm thuốc mỗi ngày, việc Briony xé tấm áp phích của nó, việc hai thằng sinh đôi đứng ngoài phòng nàng mỗi đứa cầm một chiếc tất, và mẹ họ ao ước có phép lạ ở bữa tiệc - biến khoai tây nướng thành salad khoai tây. Leon không hiểu lời ám chỉ liên quan đến Kinh Thánh ở đây. Trong tất cả những gì nàng nói có một sự cùng quẫn, sự trống rỗng ở hạt nhân của nó, hay thứ gì bị gạt đi không nhắc đến hoặc không xác định đến khiến nàng nói nhanh hơn, và cường điệu hơn đồng thời ít thuyết phục đi. Sự vô dụng dễ chịu của cuộc đời Leon là một món đồ nhân tạo được đánh bóng, cái vẻ giả tạo thoải mái của nó, những giới hạn của nó đạt tới nhờ lao động chăm chỉ vô hình và những ưu điểm ngẫu nhiên trong bản tính, không gì trong những thứ này nàng hy vọng cạnh tranh nổi. Nàng luồn tay qua tay anh và siết chặt. Đó là một đặc điểm nữa của Leon: mềm mỏng và dịu dàng khi ở bên người khác, dù qua lớp áo jacket, cánh tay anh vẫn có sự rắn chắc của gỗ rừng nhiệt đới. Nàng cảm thấy hoàn toàn dễ chịu, và mọi thứ sáng sủa. Anh nhìn nàng triu mến.

“Sao thế, Cee?”

“Không sao. Không sao hết.”

“Thực sự em nên đến ở với anh và nhìn thế giới bên ngoài.”

Có một người đang đi lại trên hiên, và trong phòng khách dần sáng đèn. Briony gọi anh trai và chị gái.

Leon đáp lại. “Bọn anh ở ngoài này.”

“Mình nên vào thôi,” Cecilia nói, vẫn tay khoác tay, họ bắt đầu đi về phía ngôi nhà. Khi họ bước qua khóm hồng, nàng tự hỏi không biết thực sự còn có gì đó mà nàng muốn kể anh nghe không. Thú nhận hành vi của nàng sáng này chắc chắn là không thể rồi.

“Em rất thích lên thành phố?” Ngay khi nói ra những lời đó, nàng đã tưởng tượng ra có gì đó đang kéo ngược mình lại, không đóng gói nổi đồ đạc hay đến kịp giờ tàu chạy. Có lẽ nàng hoàn toàn không muốn đi chút nào, nhưng nàng lặp lại câu ấy dứt khoát hơn một chút.

“Em rất thích.”

Briony đang bồn chồn trên hiên nhà chờ đón anh trai. Ai đó đang nói với em từ trong phòng khách và em ngoái đầu lại đáp lời. Khi Cecilia và Leon tiến tới, họ lại nghe giọng nói đó - mẹ họ đang cố tỏ ra nghiêm khắc.

“Mẹ chỉ nói một lần nữa thôi. Con phải đi lên, tắm rửa và thay quần áo ngay bây giờ.”

Vẫn lưỡng lự nhìn về phía họ, Briony tiến lại phía mấy cửa sổ Pháp. Trên tay em cầm thứ gì đó.

Leon nói, “Bọn anh có thể thu xếp cho em ngay lập tức.”

Khi họ bước vào phòng, dưới ánh sáng của vài ngọn đèn, Briony vẫn ở đó, vẫn chân trần, mặc cái váy trắng bẩn thỉu, còn mẹ em thì đứng cạnh cửa phía bên kia căn phòng, mỉm cười bao dung. Leon dang tay ra và giả giọng Cockney khôi hài anh dành riêng cho em.

“Đây trả phải nà iem gái bí bồng của eng seo!”

Lúc chạy nhào tới, Briony dúi vào tay Cecilia một mẩu giấy gấp làm đôi, hét ré lên tên anh trai mình và nhảy vào vòng tay anh.

Ý thức được mẹ đang nhìn mình, Cecilia tỏ vẻ tò mò thích thú khi mở tờ giấy ra. Thật đáng tán dương, nàng có khả năng giữ được vẻ mặt đó khi nhìn vào khối chữ đánh máy nhỏ nhỏ và trong một cái liếc mắt đã thấu hiểu toàn bộ - một đơn vị nghĩa mà sức mạnh và màu sắc có nguồn gốc từ một từ được lặp lại duy nhất. Ngay bên khuỷu tay nàng, Briony đang kể Leon nghe về vở kịch em đã viết dành cho anh và than vãn chuyện không diễn được *Những gian nan của nàng Arabella*, em cứ nhắc đi nhắc lại *Những gian nan của nàng Arabella*. Chưa bao giờ em có vẻ linh hoạt đến thế, phấn khích kỳ lạ đến thế. Em vẫn vòng tay quanh cổ anh trai, và đứng nhón chân cọ má vào má anh.

Thoạt đầu, một cụm từ đơn giản cứ xoay vòng vòng trong đầu Cecilia: *Đương nhiên rồi, đương nhiên rồi*. Sao nàng không nhìn ra chứ? Mọi thứ được giải thích. Cả ngày hôm nay, hàng bao tuần trước đó, cả tuổi thơ của nàng. Một đời. Giờ mọi thứ với nàng thật rõ ràng. Còn vì lý do gì nữa mà mất nhiều thời gian đến thế chỉ để chọn một cái váy, hay cãi nhau vì một cái bình hoa, hay thấy mọi thứ sao mà khác biệt, hay không thể nào rời khỏi đây? Điều gì đã khiến nàng mù quáng đến thế, đàn độn đến thế? Nhiều giây đã trôi qua, và nếu cứ tiếp tục cầm mặt cắm mũi vào mẩu giấy thì thật không bình thường. Khi gấp nó lại, nàng nhận ra một chuyện hiển nhiên: nó không thể nào gửi đến mà không được cho vào phong bì. Nàng quay sang nhìn em gái.

Leon đang nói với em, “Thế này nhé? Anh giả giọng rất cừ, em thậm chí còn siêu hơn. Mình sẽ cùng nhau đọc to vở kịch ấy lên.”

Cecilia đi vòng quanh anh, để Briony nhìn thấy.

“Briony? Briony, em đọc cái này rồi à?”

Nhưng Briony, còn bận hú hét đáp lại lời đề nghị của anh trai, búi chặt lấy tay anh, quay đầu đi, gần như vùi mặt vào jacket của Leon.

Từ bên kia phòng Emily dịu dàng nói, “Bình tĩnh nào.”

Lại một lần nữa, Cecilia chuyển vị trí để đứng cạnh anh trai. “Phong bì đâu?”

Briony lại quay mặt đi và cười rú lên khi Leon nói gì đó với em.

Rồi Cecilia cảm nhận thấy có một người nữa cùng ở đó, ngoài rìa tầm mắt nàng, đang đi đến phía sau nàng, và khi quay lại nàng thấy mình đối diện với Paul Marshall. Một tay anh ta nâng khay bạc đựng năm ly cocktail, mỗi ly chứa phân nửa một thứ sền sệt màu nâu. Anh ta cầm một ly lên đưa cho nàng.

“Tôi năn nỉ cô ném thử.”

Mười

Trạng thái cảm xúc rất phức tạp khẳng định với Briony theo cách nhìn của em rằng em đang bước vào vũ đài của cảm xúc người lớn và đang giả dối, những thứ mà việc viết lách của em buộc phải dựa vào để khai thác. Liệu bằng cách đối lập tốt xấu rõ ràng, đã từng có truyện cổ tích nào chứa đựng nhiều điều đến thế? Sự tò mò vô tâm nhưng dữ dội xúi em xé phong bì lấy lá thư ra - em đọc ngay trong sảnh sau khi Polly mở cửa cho vào - và mặc dù nội dung gây sốc của lá thư đã hoàn toàn bào chữa cho hành động này của em, nó cũng không ngăn được em cảm thấy có lỗi. Là sai trái khi mở thư của người khác, nhưng là đúng đắn, là cần thiết, khi em biết tất cả. Em rất vui sướng được gặp lại anh trai, nhưng chuyện này không ngăn em khỏi việc cường điệu cảm xúc quá đà để né tránh câu hỏi buộc tội của chị gái. Rồi sau đây, em chỉ giả vờ tỏ vẻ háng hái nghe lời mẹ bằng cách chạy biến lên phòng; cũng là muốn chạy khỏi Cecilia, em cần ở một mình để xem xét lại toàn bộ con người Robbie, và để lên sườn đoạn mở đầu của một câu chuyện tràn đầy cuộc sống thực. Không công chúa công chiếc gì nữa! Cảnh bên đài phun nước, không khí đầy đe dọa xấu xa, và cuối cùng, khi họ đã đường ai nấy đi, sự vắng vẻ lóng lánh tỏa sáng trên nền sỏi ướt nhẹp - tất cả những chuyện này cần phải được nghiền ngẫm lại. Cùng với lá thư, một thứ gì mãnh liệt, tàn bạo, có lẽ cả tội ác đã lộ ra, một quy tắc tà ác nào đó, mà thậm chí trong con phần khích trước các khả năng khác nhau, em không hề nghi ngờ gì rằng chị gái em đang bị nguy hiểm và cần em giúp đỡ.

Cái từ đó: em cố ngăn nó vang lên trong suy nghĩ mình, ấy vậy mà nó cứ tục tũn nhảy múa trong đầu em, con quỷ chữ đánh máy, phép đảo chữ đầy bóng gió, mập mờ đánh lận - cậu và quả hạch, “tiếp theo” trong tiếng Latin, vị vua người Anh ngày xưa từng muốn đẩy lùi sóng biển¹¹). Những cụm từ thơ mộng thì em học được từ truyện thiếu nhi - chú lợn bé nhất trong ổ, bầy chó săn rượt đuổi con cáo, thuyền đáy phẳng trên sông

Cam bên đồng cỏ Grantchester. Đương nhiên, em chưa bao giờ nghe cái từ

đó được phát âm lên, hay thấy trong sách, hay tình cờ gặp giữa hai dấu hoa thị. Trước mặt em không ai từng nhắc đến sự tồn tại của từ đó, và hơn thế nữa, không ai, ngay cả mẹ em, từng nói gì đến sự tồn tại của phần cơ thể em mà - Briony chắc chắn - từ đó chỉ đến. Em không nghi ngờ gì chuyện nó chính là chỉ cái đó. Ngữ cảnh giúp em luận ra, nhưng còn hơn thế, từ đó đồng nhất với nghĩa của nó, và gần như là một từ tượng thanh. Ba chữ cái đầu có hình thuôn lõm, hơi khép lại, rõ ràng như một hình vẽ giải phẫu học. Ba hình này hội lại dưới chân thánh giá. Việc từ ấy được viết ra bởi một người đàn ông đang xưng tội trước một hình ảnh trong đầu anh ta, giải bày nỗi ám ảnh duy nhất, làm em vô cùng kinh tởm.

Em đã trân tráo đứng đọc lá thư ngay giữa sảnh và ngay lập tức cảm nhận được mối nguy hiểm chứa đựng trong sự khiếm nhã ấy. Một thứ không thể phạm tục hơn, hay đàn ông hơn, là mối đe dọa cho trật tự trong căn nhà của họ, và Briony biết nếu em không giúp chị gái, tất cả họ sẽ phải khổ sở. Cũng rất rõ ràng sẽ phải giúp chị một cách khéo léo, tế nhị. Nếu không, từ kinh nghiệm thực tế của Briony, Cecilia sẽ giận em.

Trong lúc em rửa tay và mặt rồi chọn một bộ váy sạch sẽ, những ý nghĩ đó choán hết tâm trí em. Em không thấy đôi tất em muốn đi ở đâu cả, nhưng em không tốn thời giờ lòng sục. Em đi đôi khác, buộc dây giày, rồi ngồi vào bàn. Dưới tầng, mọi người đang uống cocktail và em còn ít nhất hai mươi phút ở một mình. Tóc có thể chải trên đường xuống. Phía ngoài cửa sổ đang mở, một con dế đang gáy. Một tệp giấy lấy ở văn phòng của cha ở trước mặt em, đèn bàn hắt xuống một mảng sáng vàng dễ chịu, em cầm bút trên tay. Đàn động vật nông trại trật tự xếp hàng trên bậu cửa sổ và đám búp bê mặc váy đăng ten kiểu cổ đứng yên trong các phòng căn biệt thự trở nhiều cửa bên của chúng đợi câu vàng ngọc đầu tiên của em. Vào giây phút đó, khao khát viết mạnh hơn bất cứ ý nghĩ nào về việc mình sẽ viết gì. Em muốn chìm đắm vào việc diễn đạt ra một ý tưởng khôn cưỡng, được thay dòng mực đen nhả ra từ đầu bút bằng bạc miết trên giấy sin sét và quán thành từ ngữ. Nhưng làm thế nào diễn đạt đúng những đổi thay cuối cùng đã biến em thành một văn sĩ thực thụ, và vô số ấn tượng lộn xộn của em, và cả sự kinh tởm và mê hoặc mà em cảm thấy? Trật tự phải được thiết lập. Em nên bắt đầu, như đã quyết định lúc trước, kể một cách giản dị những gì em thấy ở đài phun nước. Nhưng trường đoạn này lúc ban ngày không hấp dẫn mấy so với lúc chạng vạng, những phút lang thang trên cầu chìm đắm trong mơ mộng, rồi Robbie

xuất hiện trong cảnh tranh tối tranh sáng, gọi em, trong tay cầm một phong bì trắng nhỏ chứa lá thư có chứa từ đó. Và từ đó chứa điều gì?

Em viết, "Có một bà già nuốt phải con ruồi."

Chắc chắn sẽ không trẻ con quá khi nói phải có một câu chuyện; và đây là câu chuyện về một chàng trai được mọi người quý mến, nhưng nữ nhân vật chính luôn nghi ngờ anh ta, và cuối cùng nàng lật tẩy được hắn là hiện thân của quỷ. Nhưng chẳng phải em - đúng vậy, văn sĩ Briony - giờ đã thạo đời đến mức đứng trên mọi ý tưởng cổ tích thơ ngây về thiện và ác rồi sao? Hắn phải có một nơi nào đó cao quý, siêu phàm, nhìn từ đó ta có thể phán xét hết thấy loài người như nhau, không đối đầu với nhau như trong một trận hockey kéo dài suốt đời, mà xô đẩy nhau âm ỉ trong toàn bộ sự bất toàn huy hoàng của chính họ. Nếu quả tồn tại một nơi như thế, em sẽ không xứng đáng được lên đó. Em sẽ không bao giờ tha thứ cho Robbie với trí óc đáng tôn của anh ta.

Mắc kẹt giữa khao khát được viết một đoạn nhật ký giản dị kể về những trải nghiệm trong ngày hôm đó, và tham vọng biến chúng thành thứ gì đó lớn hơn, bóng bẩy, độc lập và khó hiểu, em ngồi nhiều phút liền cau mày nhìn mảnh giấy và cái câu trẻ con kia mà không viết thêm một từ nào nữa. Em nghĩ mình có thể miêu tả hành động khá tốt, và em có khả năng đặc biệt về viết đối thoại. Em có thể tả cánh rừng trong mùa đông, và sự vững chãi của một bức tường lâu đài. Nhưng cảm xúc thì làm thế nào đây? Viết, *Nàng cảm thấy buồn*, hay miêu tả một người đang buồn thì làm gì, thì cũng ổn thôi, nhưng bản thân nỗi buồn là gì, chuyển tải thế nào để người khác cảm nhận được toàn bộ sự gần gũi tăm tối của nó? Sự đe dọa còn khó hơn, hay sự bối rối khi cảm thấy các thứ mâu thuẫn nhau. Bút trong tay, em trân trối nhìn qua căn phòng về phía những con búp bê mặt Cling đơ, những người bạn xa lạ của một tuổi ấu thơ mà em coi như đã kết thúc. Thật ớn lạnh, quá trình lớn lên ấy. Em sẽ không bao giờ ngồi lên lòng Emily hay Cecilia nữa, hoặc chỉ ngồi lên khi đùa. Hai mùa hè trước, vào sinh nhật mười một tuổi của em, cha mẹ, anh trai, chị gái và người thứ năm em không nhớ được là ai đã đưa em ra ngoài bãi cỏ và dùng một tấm bạt tung em lên cao mười một lần, rồi một lần nữa cho may mắn. Giờ em có thể tin được nó không, sự tự do vui vẻ của chuyến bay lên cao ấy, niềm tin mù quáng vào cái nắm tay chắc chắn tử tế của những người lớn ấy, khi người thứ năm đó dễ là Robbie lắm?

Khi nghe thấy tiếng hắng giọng khê khàng của phụ nữ, em nhìn lên, giật bắn mình. Đó là Lola. Cô đang ló đầu đầy vẻ hối lỗi vào phòng, và ngay khi mắt chúng gặp nhau cô nhẹ nhàng gõ cửa bằng đốt ngón tay.

"Em vào được không?"

Dù sao thì cô cũng vào, đi lại không uyển chuyển lắm vì cái đầm xanh da trời đang mặc. Tóc xõa và chân trần. Khi cô tiến tới, Briony bỏ bút xuống và che câu mignh vừa viết bằng góc một quyển sách. Lola ngồi xuống mép giường và thở ra phồng cả má lên. Cứ như thể chúng đã luôn trò chuyện kiểu chị em gái với nhau lúc cuối ngày vậy.

“Em đã trải qua một tối kinh khủng nhất đời.”

Khi Briony bị ánh mắt dữ dội của cô em họ buộc phải nhượng mảy lên, cô nói tiếp, “Hai đứa sinh đôi hành hạ em.”

Em nghĩ đó là một kiểu nói khoa trương cho đến khi Lola xoay vai để lộ ra, chỗ cao trên cánh tay, một vết xước dài.

“Kinh khủng quá!”

Cô chìa cổ tay ra. Trên mỗi tay là những nốt trầy xước phồng rộp lên.

“Bầm tím!”

“Chính xác.”

“Chị sẽ lấy ít thuốc sát trùng cho em.”

“Em tự làm tất rồi.”

Đúng thế, hương nước hoa phụ nữ của Lola không thể che được mùi thuốc chống nhiễm trùng Germolene dành cho trẻ em. Rồi khỏi bàn viết lại ngồi cạnh em họ là điều ít nhất Briony có thể làm.

“Tội nghiệp em!”

Lòng thương của Brinoy khiến mắt Lola rưng rưng và giọng cô nghẹn khàn.

“Ai cũng nghĩ chúng là thiên thần vì trông chúng giống nhau, nhưng chúng là những *con thú* nhỏ.”

Cô nén một tiếng nấc, dường như cắn chặt nó lại, cầm run lên bàn bật, rồi thở sâu vài lần qua cánh mũi phập phồng. Briony cầm tay cô và nghĩ mình đã hiểu được một người có thể bắt đầu quý Lola như thế nào. Rồi em lại chỗ ngăn kéo tủ, lấy ra một chiếc khăn tay, mở ra và đưa cho cô. Lola toan dùng rồi, nhưng khi nhìn thấy họa tiết vui mắt hình những nữ cao bồi và dây thòng lọng cô khẽ rít lên, ở một âm sắc cao, tiếng mà bọn trẻ hay phát khi giả ma. Dưới tầng chuông cửa kêu, và vài giây sau, nghe rất rõ, tiếng lộp cộp hồi hả của giày cao gót trên nền đá trong sảnh. Đó là Robbie, và đích thân Cecilia chuẩn bị ra mở cửa. Lo sợ dưới tầng có người nghe thấy tiếng Lola khóc lóc, Briony đứng lên khép cửa phòng mình lại. Nỗi khốn khổ của cô em họ làm nảy sinh trong em một trạng thái bồn chồn, một sự kích động gần giống niềm vui. Em vào lại giường và vòng tay ôm Lola đang giơ tay lên mặt bật khóc. Việc một cô gái hay cáu và độc đoán như thế có thể bị hai thằng nhóc chín tuổi khiến cho buồn bã tới mức này làm Briony thấy kỳ lạ, và khiến em cảm thấy quyền lực của chính mình. Đây chính là thứ nằm sau cái cảm giác gần niềm vui này. Có

lẽ em không yếu đuối như mình vẫn tưởng; rốt cuộc, ta phải đánh giá chính em qua người khác - chính thế. Đôi khi, khá vô tình, ai đó lại dạy cho ta một điều về chính bản thân mình. Không tìm nổi lời, em nhẹ nhàng xoa vai cô em họ và nghĩ chỉ hai đứa Jackson và Pierrot thôi thì không thể nào gây ra niềm khổ đau đến thế này; em nhớ đến nỗi đau buồn khác trong đời Lola. Gia đình ở miền Bắc - Briony hình dung ra những con phố với các nhà máy ám khói, và những người đàn ông dữ tợn lê bước đi làm tay cầm hộp thiếc đựng sandwich. Cửa nhà Quincey đã đóng chặt và có lẽ chẳng bao giờ mở ra nữa.

Lola dần bình tĩnh lại. Briony dịu dàng hỏi, “Đã xảy ra chuyện gì?”

Cô hỉ mũi và nghĩ một lúc. “Em đang chuẩn bị đi tắm. Chúng ủa đến và đâm bổ vào em. Chúng vật em xuống sàn...” Nhớ đến chi tiết này, cô dừng lại cố nén một tiếng nức nở đang trào lên.

“Nhưng sao chúng lại làm thế chứ?”

Cô hít một hơi thật sâu và bình tĩnh lại. Cô bắt đầu nhìn lơ đãng qua căn phòng. “Chúng muốn về nhà. Em bảo không được. Chúng nghĩ em chính là người giữ chúng lại đây.”

Hai đứa sinh đôi vô cớ đổ nỗi thất vọng lên chị chúng - với Briony tất cả những điều này nghe có vẻ hợp lý. Nhưng vào giây phút này thứ làm tinh thần kỷ luật của em lo lắng là ý nghĩ chẳng mấy chốc sẽ bị gọi xuống nhà và cô em họ cần phải thực sự bình tĩnh trở lại.

“Chúng chỉ không hiểu được thôi,” Briony nói vẻ hiểu biết khi bước lại chậu rửa và đổ đầy nước nóng vào. “Chúng chỉ là hai đứa nhóc vừa phải trải qua chuyện kinh khủng.”

Buồn bã vô hạn, Lola cúi đầu xuống và gật theo một kiểu khiến Briony đột ngột cảm thương cô. Em dắt Lola ra chậu rửa và đặt tấm khăn vải flanen lên tay cô. Và rồi, lẫn lộn nhiều động cơ - nhu cầu thực sự muốn đổi chủ đề, khao khát được chia sẻ bí mật và cho cô gái lớn hơn kia thấy em cũng có những trải nghiệm cuộc đời, nhưng trên hết bởi vì em cảm thấy quý Lola và muốn kéo cô lại gần hơn - Briony kể cho cô nghe việc gặp Robbie trên cầu, và lá thư, và em đã mở thư ra như thế nào, và trong thư có gì. Không nói lớn từ đó ra, như thế thật không tưởng, em đánh vắn nó cho cô, từ sau ra trước. Hiệu quả với Lola thật hơi cả lòng dạ. Cô ngẩng khuôn mặt còn nhỏ nước tong tong từ bồn rửa lên và há hốc miệng. Briony chìa khăn lau cho cô. Vài giây trôi qua trong khi Lola giả vờ đang lựa lời để nói. Cô hơi cường điệu một chút, nhưng không sao, và lời thì thâm giả tạo của cô cũng cường điệu.

“Nghĩ đến nó *suốt á?*”

Briony gật đầu và quay mặt đi, như thể vật lộn với bi kịch. Em học được cách diễn hơn một chút từ em họ, giờ đến phiên cô này đặt bàn tay

an ủi lên vai Briony.

“Khốn khổ cho chị quá. Gã đó là một kẻ điên.”

Một kẻ điên. Từ này có sự tinh lọc, và cả sức nặng của lời chẩn đoán y học. Em đã biết anh ta suốt bao năm qua thế mà hóa ra đó mới là con người thật của anh ta. Khi em còn nhỏ, anh ta thường cồng em trên vai và giả vờ là quái vật. Em đã ở một mình với anh ta không biết bao nhiêu lần ở những vũng sâu dễ bơi, nơi vào một mùa hè anh đã dạy em cách bơi đứng và bơi ếch. Giờ căn bệnh của anh ta đã được định rõ, em cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng, tuy nhiên sự bí ẩn của trường đoạn dài phim nước càng bị khắc sâu hơn. Em đã quyết định không kể chuyện đó vì cho rằng lời giải thích rất đơn giản và tốt hơn hết là không nên phơi bày sự ngờ nghệch của em.

“Chị gái chị sẽ làm gì?”

“Chị không biết nữa.” Một lần nữa, em không đề cập gì đến việc em sợ phải gặp Cecilia sau đây.

“Chị biết không, từ buổi chiều đầu tiên ở đây em đã nghĩ anh ta là quái vật khi nghe thấy anh ta quát hai đứa sinh đôi ở hồ bơi.”

Briony cố nhớ lại những giây phút tương tự để phát hiện các triệu chứng tương tự của bệnh điên. Em nói, “Anh ta luôn giả vờ tỏ ra khá là tử tế. Anh ta lừa dối chúng ta suốt bao năm qua.”

Việc thay đổi chủ đề đã có tác dụng, vì vùng quanh mắt Lola vừa rồi đỏ tấy giờ đã nhạt đi và lại đầy tàn nhang như cũ, giờ cô ta lại đúng là con người khi trước. Cô cầm tay Briony. “Em nghĩ cảnh sát nên biết về anh ta.”

Viên cảnh sát trong làng là một người tốt bụng với hàng ria bôi sáp thơm, có bà vợ nuôi gà mái và đạp xe đi giao trứng tươi. Kể lại lá thư và cái từ đó, dù có đánh vần ngược lại cho ông, là không tưởng. Em định bỏ tay Lola ra nhưng cô đã siết mạnh thêm và dường như đọc được ý nghĩ của cô gái nhỏ.

“Chúng ta chỉ cần cho họ xem lá thư thôi.”

“Chị ấy có thể đồng ý thế.”

“Em cá là có. Kẻ điên có thể tấn công bất cứ ai.”

Đột nhiên trông Lola dăm chiêu và có vẻ toan kể cho cô em họ một tin mới. Nhưng cô chỉ giật lùi lại, cầm lược của Briony lên và đứng trước gương sung sướng chải tóc. Chưa chải chuốt được gì thì hai đứa nghe tiếng bà Tallis gọi xuống ăn tối. Ngay lập tức Lola lại hờn dỗi, và Briony nghĩ tâm trạng thay đổi nhanh đến thế là một phần trong nỗi buồn bực vừa xong của cô.

“Tuyệt vọng rồi. Em còn chưa đâu ra đâu cả,” cô nói, nước mắt lại lưng tròng. “Thậm chí em còn chưa trang điểm.”

“Giờ chị xuống trước,” Briony an ủi cô. “Chị sẽ bảo mọi người là em xuống sau một chút.” Nhưng Lola đã trên lối ra khỏi phòng rồi, và có vẻ không nghe thấy cô nói.

Sau khi vuốt gọn lại tóc, Briony lưu lại trước gương, chăm chú nhìn mặt mình, tự hỏi sẽ làm gì khi bắt đầu trang điểm, em biết chẳng chóng thì chầy một ngày sẽ phải thế thôi. Lại một việc nữa đòi hỏi thời gian của em. Ít ra thì em không bị tàn nhang cần phải che đi hay làm dịu bớt màu, và thế chắc là đỡ tốn công sức rồi. Trước đây lâu lâu, hồi mười tuổi, em đã nhận thấy son sẽ làm mình trông như hề. Quan điểm đó sớm muộn cũng phải xét lại. Nhưng chưa đến lúc, khi còn bao thứ khác phải xem xét. Em đứng cạnh bàn và lơ đãng thay ngòi bút máy. Viết truyện trở thành một việc làm đầy mạo hiểm đáng thương, vô vọng khi những sức mạnh đầy quyền năng và hỗn loạn đến vậy cứ xoay quanh em, và khi những sự kiện liên tục trong suốt ngày dài đã hút trọn hay chuyển hóa điều đã xảy ra trước đó. Có một bà già nuốt phải con ruồi. Em tự hỏi mình có phạm phải sai lầm khủng khiếp khi giải bày tâm sự với đứa em họ không - Cecilia sẽ chẳng hài lòng chút nào nếu con bé Lola để kích động kia bắt đầu vênh váo phô rằng mình biết chuyện lá thư của Robbie. Và giờ làm sao mà xuống nhà ngồi cùng bàn với một kẻ điên được? Nếu cảnh sát bắt hấn, em, Briony, sẽ buộc phải ra trước tòa, và nói to từ đó lên, để chứng minh.

Ngần ngại, em ra khỏi phòng bước đi trên hành lang lát gỗ ẩm đạm tới đầu cầu thang rồi dừng chân dỏng tai lên. Tiếng nói chuyện vẫn ở trong phòng khách - em nghe tiếng mẹ và anh Marshall, và rồi, riêng rẽ, hai đứa sinh đôi nói chuyện với nhau. Vậy là không có Cecilia, không có kẻ điên. Khi bắt đầu miễn cưỡng bước xuống, Briony thấy tim mình đập rộn lên. Cuộc đời em đã thôi không còn đơn giản nữa. Chỉ mới ba ngày trước em vừa viết xong *Những gian nan của nàng Arabella* và đợi ba đứa em họ tới. Em đã muốn mọi thứ khác đi, và giờ thì thế này đây: không chỉ xấu đi, mà còn sắp sửa tệ hại hơn nữa. Em lại dừng ở chiếu nghỉ đầu tiên để lên một kế hoạch, em sẽ tránh thật xa cô em họ hay kích động, không cả đưa mắt nhìn - em không đủ sức để bị lôi kéo vào một âm mưu ỉm chuyện đi, em cũng không muốn gây ra một cơn bùng phát xúc cảm dữ dội. Còn Cecilia, người em nên bảo vệ, em lại không dám lại gần. Robbie, rõ như ban ngày, em sẽ tránh xa vì an toàn của bản thân. Mẹ em với cái tính nặng nề của bà sẽ chẳng ích gì. Có mặt bà thì không thể nào mà suy nghĩ cho mạch lạc được. Em nên lại chỗ hai đứa sinh đôi - chúng là nơi trú ẩn của em. Em nên ở gần và chăm nom chúng. Bữa tối mùa hạ kiểu này luôn bắt đầu muộn - đã mười giờ hơn rồi - và hai đứa nhỏ hẳn sẽ mệt. Hoặc nếu không, em nên tỏ ra thân thiện với anh Marshall và hỏi

anh về kẹo - ai nghĩ ra kẹo, làm kẹo thế nào. Đó là kế hoạch của một kẻ hèn nhát nhưng em không nghĩ được gì hơn. Bữa tối sắp sửa được bưng ra, đây không phải là thời điểm để gọi cảnh sát Vockins ở làng đến.

Em tiếp tục xuống cầu thang. Lẽ ra em nên khuyên Lola thay đồ để che vết xước trên cánh tay. Bị bảo thế thể nào cô cũng lại bật khóc. Nhưng nghĩ lại, chắc cũng không thể bảo cô ta thay cái váy cản trở đi lại ấy ra. Toàn bộ chuyện trở thành người lớn chỉ là sẵn sàng chấp nhận những trở ngại như vậy. Chính bản thân em cũng đang nhận lấy chúng. Không phải em bị xước, nhưng em thấy mình phải chịu trách nhiệm về chuyện đó, và về tất cả mọi chuyện sắp sửa xảy đến. Khi cha em có mặt ở nhà, cả gia đình ổn định quanh một điểm cố định. Ông chẳng sắp xếp gì, ông không đi quanh quẩn khắp nhà lo lắng hộ người khác, hiếm khi ông bảo ai phải làm gì - thực tế, hầu như ông chỉ ngồi trong thư viện. Nhưng sự hiện diện của ông áp đặt trật tự đồng thời vẫn cho phép tự do. Gánh nặng được nhắc bỏ. Khi ông ở đó, việc mẹ rút về phòng bà không còn quan trọng nữa; ông chỉ cần ở dưới nhà, sách đặt trên đùi là đủ. Khi ông ngồi vào bàn ăn, trầm tĩnh, hòa nhã, tự tin tuyệt đối, cơn khủng hoảng trong bếp sẽ không là gì ngoài một bức phác họa khô hài; còn không có ông, mọi chuyện trở thành một vở kịch bóp nghẹt tim. Ông biết hết những điều đáng biết, và khi không biết; ông biết rõ nên tham khảo ở đâu, và sẽ dắt em vào thư viện giúp ông tìm kiếm. Nếu ông không phải là, như ông mô tả, nô lệ của Bộ và của việc Lên kế hoạch Dự phòng Bất trắc, nếu ông có mặt ở nhà, sai Hardman xuống hầm lấy rượu, điều khiển cuộc trò chuyện, quyết định dưới một vẻ tự nhiên thời điểm nên “chuyển đề tài”, thì giờ em sẽ không phải băng qua sảnh với bước chân nặng nề thế này.

Chính những suy nghĩ như thế về ông đã làm em bước chậm lại khi đi ngang qua cửa thư viện đóng kín một cách bất thường. Em dừng lại đồng tai nghe. Từ bếp vọng lên tiếng lanh canh của kim loại va vào đồ sứ, từ phòng khách mẹ em khe khẽ trò chuyện, và gần ngay đó, một đứa sinh đôi nói giọng trong veo, the thé, “Có một chữ *u* trong đó, thật mà,” và anh nó đáp lời, “Không cần biết. Cho vào phong bì đi.” Và rồi, từ sau cửa thư viện, một tiếng cọ xát, theo sau là huych rồi tiếng thì thầm rất có thể là của một người đàn ông, hay một phụ nữ. Trong ký ức, em đã không hề trông đợi gì - và điều đó sau này khiến em suy nghĩ - khi đặt tay lên nắm ấm cửa đồng thau mà xoay. Nhưng em đã đọc thư Robbie, em đã tự coi mình là người bảo vệ chị gái, và em đã được đưa em họ dạy dỗ: điều em nhìn thấy chắc hẳn được hình thành một phần từ điều mà em đã biết, hay cho là mình biết.

Lúc đầu, khi đẩy cửa bước vào, em không nhìn thấy gì cả. Chỉ một ngọn đèn duy nhất nằm trên bàn kính xanh lá cây, rọi sáng không quá khoảng mặt bàn bọc da dưới chân nó. Khi bước vài bước nữa, em thấy họ, hai hình người tối sẫm trong góc xa kia. Mặc dù họ bất động, ngay lập tức em hiểu ra rằng mình vừa làm gián đoạn một cuộc tán công, một cuộc vật lộn tay đôi. Cảnh tượng này đã hiện thực hóa những nỗi sợ hãi tệ hại nhất của em đến nỗi em có cảm giác rằng chính trí tưởng tượng lo lắng thái quá của mình đã phóng chiếu hai hình thể ấy lên những gáy sách ken dày kia. Ảo ảnh này, hay cái em hy vọng là ảo ảnh ấy, tan biến khi mắt em vừa quen với bóng tối. Không ai cử động. Briony trân trối nhìn qua vai Robbie vào đôi mắt kinh hoàng của chị gái em. Anh đã quay lại nhìn kẻ xâm nhập, nhưng không thả Cecilia ra. Anh ép cơ thể mình lên người chị, vén váy chị lên trên đầu gối và chặn chị lại ngay chỗ giá sách giao nhau. Tay trái anh đặt đằng sau cổ chị, túm tóc chị, còn tay phải anh cầm tay chị, đang giơ lên để chống trả, hay tự vệ.

Trông anh thật cao lớn và hoang dại, còn Cecilia với đôi vai trần và cánh tay khẳng khiu thật mỏng manh đến nỗi Briony không biết mình sẽ biết được điều gì khi bắt đầu tiến về phía họ. Em muốn hét toáng lên, nhưng lại thở không ra hơi, và lười em lơ đãng, nặng nề. Cách Robbie chuyển động làm em hoàn toàn không nhìn thấy chị nữa. Rồi Cecilia vật lộn giằng ra, và anh ta buông chị ra. Briony dừng lại gọi tên chị. Khi chị chạy vụt qua Briony, ở Cecilia chẳng có dấu hiệu nào thể hiện sự biết ơn hay nhẹ nhõm. Mặt chị vô cảm, gần như điềm tĩnh, và chị nhìn thẳng ra cánh cửa mình sắp sửa bước qua. Rồi chị đi, còn lại mình Briony với anh ta. Anh ta cũng không nhìn vào mắt em. Thay vì thế anh ta quay mặt vào góc, mãi vuốt thẳng áo khoác và thắt lại cà vạt. Cảnh giác, em bước lùi xa khỏi anh ta, nhưng anh ta không hề tiến tới tán công em, thậm chí cả không nhìn lên. Vậy là em quay bước chạy khỏi phòng tìm Cecilia. Nhưng sảnh vắng tanh, không rõ chị đã đi lối nào.

Mười một

Mặc dù đã cho thêm bạc hà tươi thái nhỏ vào hỗn hợp sôcôla nấu chảy, lòng đỏ trứng, cốt dừa, rum, gin, chuối nghiền và đường cát mịn, món cocktail cũng không giúp khoan khoái mấy. Cảm giác ngon miệng vốn đã bị cái nóng đêm hè làm cho phát ngấy giờ càng biến mất hẳn. Gần như tất cả người lớn bước vào phòng ăn ngọt ngào đều cảm thấy buồn nôn khi ngửi viễn cảnh bữa tối toàn món nướng, ngay cả là thịt nướng kèm salad,

và có lẽ sẽ thấy sung sướng nếu có được một ly nước mát. Nhưng nước chỉ dành riêng cho trẻ con, những người còn lại sẽ phải tự làm tỉnh người bằng rượu khai vị nóng ngang nhiệt độ căn phòng. Ba chai rượu mở sẵn trên bàn - khi Jack Tallis vang mặt Betty thường phát huy năng lực suy đoán sáng tạo. Không cánh cửa sổ cao nào mở được ra vì khung cửa đã cong vênh từ rất lâu, và mùi bụi bị hâm nóng từ tấm thảm Ba Tư xộc lên chào thực khách khi họ bước vào. May mà xe tải của người bán cá mang theo món thịt cua khai vị đã hỏng giữa đường.

Cảm giác ngọt ngào càng tăng thêm do thứ ván ốp tối màu phủ từ chân sàn bao trọn cả trần, và do bức tranh duy nhất trong phòng, một bức vẽ trên bạt khổng lồ treo trên cái lò sưởi chưa nhóm bao giờ kể từ hồi mới xây - một lỗi trong bản vẽ thiết kế đã không để thừa chỗ nào mà xây ống hơi hay ống khói. Bức chân dung, theo phong cách Gainsborough, vẽ một gia đình quý tộc - bố mẹ, hai thiếu nữ và một trẻ sơ sinh, tất cả đều môi mỏng, và nhợt nhạt như ma cà rồng - đứng trước một khung cảnh có hơi hướm Tuscany. Không ai biết những người này là ai, nhưng có vẻ Harry Tallis nghĩ họ sẽ tạo ra ấn tượng về sự gắn bó cho ngôi nhà.

Emily đứng ở đầu bàn chỉ chỗ ngồi cho thực khách khi họ vào phòng. Bà sắp xếp cho Leon ngồi bên phải mình, và Paul Marshall bên trái. Bên phải Leon là Briony và cặp sinh đôi, bên trái Marshall là Cecilia, rồi Robbie, cuối cùng là Lola. Robbie đứng sau ghế, bám chặt nó cho vững, kinh ngạc khi có vẻ không ai nghe thấy tiếng tim vẫn nện thình thịch của anh. Anh đã thoát được món cock-tail, nhưng cả ăn anh cũng không muốn. Anh khẽ nghiêng người để không nhìn vào Cecilia, và khi những người khác ngồi vào chỗ, anh nhẹ nhõm nhận ra mình được cho ngồi giữa bọn trẻ.

Làm theo cái gật đầu của mẹ, Leon thì thảo một đoạn cầu nguyện ngắn - Vì những thứ chúng con được nhận - mà tiếng amen đáp lại chỉ là tiếng ghế xè dịch. Sự im lặng nổi bật khi họ yên vị và mở khăn ăn ra vẫn thường dễ dàng bị xua tan đi ngay khi Jack Tallis mở vài chủ đề không mấy thú vị trong khi Betty đi vòng quanh bàn phục vụ món thịt bò. Nhưng giờ thì, thực khách chỉ nhìn và lắng nghe bà khi bà khom người làm bầm ở mỗi ghế, vét thìa và rửa trên cái đĩa bạc. Họ còn có thể chú ý vào cái gì khác, khi việc duy nhất khác đang diễn ra trong căn phòng này là sự im lặng của chính họ? Emily Tallis vẫn luôn không có khả năng bắt đầu những cuộc trò chuyện nhỏ và cũng không quan tâm lắm. Leon, hoàn toàn dễ chịu với chính mình, ngả người trên ghế, chai rượu cầm tay, sẫm soi nhãn hiệu. Cecilia chìm đắm vào những sự kiện mười phút trước đó và không thể mở miệng nói nổi một câu đơn giản. Robbie đã quen thuộc với cả gia đình và hẳn có thể khơi chuyện gì đó, nhưng cả anh nữa cũng

đang rối bời. Riêng chuyện anh có thể vờ lơ đi cánh tay trần của Cecilia đang đặt bên tay mình - anh có thể cảm thấy hơi nóng của nó - và tia nhìn hằn học của Briony ngồi chếch xéo đối diện đã là giỏi lắm rồi. Và ngay cả khi nếu việc trẻ con mở chuyện được coi là thích hợp, chúng cũng không thể: Briony trong đầu chỉ nghĩ mỗi đến việc mình vừa chứng kiến, Lola thì trầm hấn vì cả cú sốc khi vừa bị tấn công thân thể lẫn hàng loạt cảm xúc ngổn ngang, còn hai đứa sinh đôi thì mãi mê lên một kế hoạch.

Paul Marshall là người phá tan bầu không khí im lặng đến ngạt thở kéo dài hơn ba phút. Anh ngả người ra sau ghế nói với Robbie sau đầu Cecilia.

“Tôi bảo này, mai mình vẫn chơi tennis đấy chứ?”

Có một vết xước hai inch, Robbie nhận thấy, từ khóe mắt Marshall chạy song song với mũi, khiến người ta chú ý đến cái kiểu mũi và miệng trên mặt anh ta đều tập trung hết ở phần trên, túm tụm lại ngay dưới mắt. Chỉ một tí ti nữa thôi là anh ta sẽ đạt tới vẻ đẹp trai nham hiểm. Nhưng thay vì thế, vẻ ngoài anh ta lại có vẻ lố bịch - một vùng cằm lớn nhấn thín như để trả giá cho cái trán rậm rạp tóc, đầy nếp nhăn. Vì lịch sự, Robbie cũng phải ngả người sau ghế để nghe anh ta nói, nhưng ngay cả trong tình trạng này, anh cũng thấy ngán ngại. Thật là khiếm nhã, khi ngay đầu bữa ăn, Marshall lại quay khỏi chủ nhà và cất tiếng trò chuyện riêng.

Robbie đáp ngắn gọn, “Tôi nghĩ vậy,” và rồi, để chữa thẹn cho anh ta, nói thêm để mọi người có chuyện, “Nước Anh mình đã bao giờ nóng hơn chưa nhỉ?”

Ngả người tránh vùng hơi ấm của cơ thể Cecilia, và đánh mắt tránh cái nhìn của Briony, anh thấy mình ném phần cuối câu hỏi vào đôi mắt kính hải của Pierrot đang ngồi chéo phía trái anh. Thằng nhỏ há hốc mồm, và khở sở, như thể đang ở trong lớp học với bài kiểm tra môn lịch sử. Hay địa lý? Hay khoa học?

Briony nhào qua người Jackson chạm vào vai Pierrot, trong suốt lúc đó vẫn chăm chăm nhìn Robbie. “Xin để nó yên,” em gần tiếng thì thầm, và rồi với thằng nhỏ, dịu dàng, “Em không phải trả lời đâu.”

Emily lên tiếng từ đầu bàn mình. “Briony, chỉ là một câu nói hoàn toàn dễ chịu về thời tiết. Con sẽ xin lỗi, hoặc về phòng ngay bây giờ.”

Mỗi khi bà Tallis thực thi quyền hành lúc chồng vắng mặt, bọn trẻ cảm thấy có nghĩa vụ phải bảo vệ bà khỏi cảnh gần như nói không ai nghe. Briony, trong bất cứ trường hợp nào cũng không bỏ rơi chị gái không ai bảo vệ, cúi đầu nói với khăn trải bàn, “Em thành thực xin lỗi. Em ước gì mình đã không nói thế.”

Rau trong đĩa có nắp, hay trên đĩa sứ Spode đã xỉn màu, được chuyển quanh bàn, và một việc như thế là hiện thân của sự lơ đãng tập

thể hay mong muốn lịch sự giấu đi cảm giác thiếu ngon miệng, thứ cảm giác gần như hết hẳn nhờ món khoai tây chiên và salad khoai tây, cải Brussels và củ cải đường, và lá rau diếp rưới nước sốt thịt

“Ông Già sẽ không vui đâu,” Leon đứng lên, nói. “Là một chai Barsac 1921, nhưng giờ mở rồi.” Anh rót đầy ly mẹ, rồi ly em gái và Marshall, và khi đứng cạnh Robbie anh nói, “Và một ngụm rượu trị thương cho vị bác sĩ tài năng. Tôi muốn nghe về kế hoạch mới này đây.”

Nhưng anh không đợi nghe câu trả lời. Vừa quay lại ghế anh vừa nói, “Tôi yêu nước Anh trong cơn nóng hè. Nó là một đất nước khác. Mọi quy tắc đều thay đổi.”

Emily Tallis cầm dao nĩa lên và mọi người làm theo.

Paul Marshall nói, “Vớ vẩn. Kể ra một quy tắc đã thay đổi xem.”

“Được thôi. Ở câu lạc bộ nơi duy nhất được phép cởi áo khoác là bàn bi-a. Nhưng nếu nhiệt độ lên đến hơn ba mươi hai độ C trước ba giờ, thì hôm sau có thể cởi áo khoác ra ở ngay bar trên tầng.”

“Hôm sau! Một đất nước thực sự khác đấy.”

“Anh hiểu tôi định nói gì mà. Mọi người dễ chịu hơn - vài ngày nắng ấm và thế là mình thành dân Ý. Tuần trước ở phố Charlotte họ ăn tối trên bàn dọn ngoài vỉa hè.”

“Cha mẹ của mẹ cũng luôn nghĩ thế,” Emily nói, “rằng trời nóng khiến bọn trẻ phóng túng hơn. Ít quần ít áo đi, có thể gặp gỡ ở cả nghìn nơi nữa. Ra khỏi nhà, ra khỏi kiểm soát. Bà con đặc biệt khó chịu vào mùa hè. Bà sẽ bịa ra hàng nghìn lý do để bắt mẹ và các dì ở trong nhà.”

“Vậy thì,” Leon nói. “Em nghĩ sao, Cee? Hôm nay em có cư xử còn tệ hơn bình thường không?”

Mọi cặp mắt đổ vào nàng, và màn trêu đùa của anh trai vẫn không dừng lại.

“Ồi trời ơi, em đỏ mặt. Câu trả lời hẳn là có rồi.”

Cảm thấy mình nên chữa lời hộ nàng, Robbie cất tiếng, “Thực ra...”

Nhưng Cecilia mở lời. “Em nóng kinh khủng, thế thôi. Và câu trả lời là phải. Em cư xử rất tệ. Em thuyết phục Emily mặc dù mẹ không muốn rằng chúng ta nên ăn món nướng vì anh, mặc cho trời nóng thế nào. Giờ thì anh lại chăm chăm ăn salad trong khi tất cả ở đây đang phải khổ sở vì anh. Vì thế chuyển rau cho anh ấy đi, Briony, và có lẽ anh ấy sẽ bớt om sòm.”

Robbie nghĩ mình nghe thấy trong giọng nói của nàng sự run rẩy.

“Em Cee giỏi lắm. Nhất hạng đấy,” Leon nói.

Marshall nói, “Thế mới cho anh thấy mình là ai chứ.”

“Tôi nghĩ mình nên chọn ai đấy nhỏ hơn.” Anh nhướn cười với Briony ngồi cạnh mình. “Hôm nay em có làm gì tệ vì trời nóng kinh dị này không?”

Em có phá luật nào không? Xin em đấy, bảo với bọn anh là có đi.” Anh cầm tay em giả vờ van xin, nhưng em giật lại.

Em vẫn còn là một đứa nhóc, Robbie nghĩ, hoàn toàn có thể thú nhận hay buột ra rằng đã đọc thư của anh, mà khi đó thì nó buộc phải miêu tả lại sự kiện nó vừa làm gián đoạn. Anh quan sát em từng li từng tí khi em dần dừ, cầm khăn ăn, chấm chấm môi, nhưng anh không hề hoảng sợ. Nếu phải thế, thì để nó xảy ra. Dù kinh khủng đến đâu, bữa tối cũng sẽ không kéo dài vĩnh viễn, và anh sẽ tìm cách lại được ở bên Cecilia tối đó, và cùng nhau họ sẽ đối mặt với một hiện thực mới kỳ khôi trong đời - cuộc đời đã đổi thay của họ - và khởi phục cái bị bỏ dở. Nghĩ đến điều này, dạ dày anh quặn lên. Cho đến lúc đó, mọi thứ đều chẳng có gì liên quan đến nhau một cách rõ ràng và anh không sợ gì hết. Anh nhấp một ngụm rượu âm ỉ ngọt ngào và đợi.

Briony nói, “Em thì chán lắm, nhưng hôm nay *em* không làm gì sai cả.”

Anh đã đánh giá thấp em. Từ nhún mạnh đó chỉ có thể là dành cho anh và chị gái em.

Jackson ở cạnh khuỷu tay em lên tiếng. “Có, chị có. Chị không cho diễn vở kịch. Bọn em muốn được diễn kịch.” Thằng bé nhìn quanh bàn, đôi mắt xanh ánh lên nỗi bất bình. “Mà chị đã bảo là chị muốn bọn em diễn.”

Em trai nó gật đầu. “Phải. Chị muốn bọn em tham gia diễn.” Không ai có thể hiểu được nỗi thất vọng của chúng đến đâu.

“Đấy, thấy chưa,” Leon nói. “Quyết định nóng nảy của Briony. Chúng ta sẽ vào thư viện xem các buổi diễn nghiệp dư vào một ngày mát mẻ hơn vậy.”

Những lời vớ vẩn vô hại này, thú vị hơn rất nhiều so với sự im lặng, cho phép Robbie rút vào sau chiếc mặt nạ tập trung thích thú. Tay trái Cecilia khum trên má nàng, chừng như để loại anh ra khỏi tầm nhìn của nàng. Làm ra vẻ lắng nghe Leon giờ đang kể lại lần thoáng thấy Đức Vua ở một rạp hát vùng West End, Robbie có thể ngắm nhìn vai và tay trần của nàng, và trong khi làm thế anh nghĩ nàng có thể cảm thấy hơi thở của anh trên da thịt nàng, một ý tưởng kích thích anh. Trên vai nàng là một vết hõm nhỏ, lõm vào xương, đúng hơn là chơi vơi giữa hai xương, với một quãng mờ tối chạy dọc quanh đường viền của nó. Lưỡi anh chẳng bao lâu nữa sẽ lần theo đường viền hình ovan rồi rúc vào cái hõm ấy. Sự phấn khích trong anh lên đến mức gần như đau đớn và được mài sắc bởi sức ép của những điều trái ngược: nàng thân thuộc như một cô em gái, nàng kỳ lạ như một người tình; anh vẫn luôn quen biết nàng, anh không biết gì về nàng; nàng xoàng xĩnh, nàng xinh đẹp; nàng mạnh mẽ - nàng

tự vệ trước anh trai dễ dàng biết bao - vậy mà hai mươi phút trước nàng từng khóc; lá thư ngu ngốc của anh đã làm nàng kinh tởm nhưng cũng cởi trói cho nàng. Anh hối hận vì nó, nhưng anh lại hoan hỉ vì lỗi lầm đó. Nhanh chóng thôi họ sẽ được ở lại cùng nhau, cùng nhiều điều trái ngược hơn - niềm vui và nhục cảm, vừa ham muốn vừa sợ hãi vì sự liều lĩnh của chính mình, vừa sợ hãi vừa bồn chồn muốn bắt đầu. Trong một căn phòng trống nào đó trên tầng hai, hay ở cách xa ngôi nhà, dưới gốc cây ven sông. Cái nào đây? Mẹ bà Tallis quả là không ngờ nghếch. Ngoài nhà. Họ sẽ bọc mình trong tấm xa tanh màn đêm và bắt đầu lại. Và đây không phải là tưởng tượng, đây là thực, đây là tương lai gần của anh, đáng khát khao và không thể tránh khỏi. Đó chính là những gì Malvolio khốn khổ đã nghĩ, anh đã đóng vai ấy một lần trên bãi cỏ trường đại học - “không gì có thể xen vào giữa ta và viễn cảnh viên mãn đầy hy vọng của ta.”

Chỉ nửa tiếng trước vẫn hoàn toàn không có hy vọng nào. Sau khi Briony mất dạng vào ngôi nhà cùng lá thư của anh, anh tiếp tục bước, dù muốn đến khổ sở được quay lại. Ngay cả khi anh bước tới cửa trước, tâm trí anh vẫn chưa quyết định hoàn toàn, và anh chần chừ vài phút dưới cái đèn hiên và con nhậy trung thành duy nhất của nó, cố chọn giải pháp ít thảm khốc hơn trong hai lựa chọn thảm hại. Vấn đề chỉ còn lại thế này: giờ đi vào và đôi mắt với sự giận dữ và ghê tởm của nàng, đưa ra lời giải thích sẽ không được chấp nhận, và hầu như chắc chắn sẽ bị đuổi ra – nhục nhã khôn kham; hoặc giờ lẳng lặng đi về nhà, để lại ấn tượng rằng anh đã cố ý gửi lá thư ấy, bị giày vò suốt đêm và hang bao ngày sắp tới bởi nỗi sợ hãi bí ẩn, không biết nàng phản ứng ra sao – thậm chí còn khôn kham hơn. Và nhu nhược nữa. Anh nghĩ đi nghĩ lại cái ý đó mà vẫn hết như cũ. Không có cách nào thoát, anh sẽ phải nói chuyện với nàng. Anh đặt tay lên nút nhấn chuông. Dù vậy, anh vẫn khao khát được quay bước. Anh có thể viết thư xin lỗi nàng từ thư phòng an toàn của mình. Hề nhất! Núm sứ mát lạnh nằm dưới đầu ngón trỏ, và trước khi sự tranh cãi lại bắt đầu, anh buộc mình phải nhấn nó. Anh đứng lùi lại khỏi cửa, cảm thấy như một người vừa nuốt viên thuốc độc – không còn gì mà làm ngoài chờ đợi. Từ phía trong anh nghe tiếng bước chân, tiếng bước chân ngắt quãng của phụ nữ bang qua sảnh.

Khi nàng mở cửa anh thấy lá thư gấp lại trong tay nàng. Trong vài giây họ cứ trân trối đứng nhìn nhau mà không ai lên tiếng. Vì quá lưỡng lự trước đó, anh đã không chuẩn bị gì để nói. Ý nghĩ duy nhất của anh là nàng thậm chí còn đẹp hơn so với nàng trong tưởng tượng của anh. Chiếc váy lụa nàng mặc dường như tôn sùng từng đường cong ra và thất lại trên cơ thể mềm mại của nàng, nhưng cái miệng gợi cảm nhỏ xinh kia

lại đang mím lại bất bình, hay thậm chí có thể là kinh tởm. Đèn trong nhà đang sau nàng chói gắt trong mắt anh, làm anh khó lòng hiểu được biểu cảm chính xác trên mặt nàng.

Cuối cùng anh nói, “Cee, đó là một sự nhầm lẫn.”

“Nhầm lẫn?”

Tiếng người nói qua sảnh vang tới chỗ anh từ cánh cửa phòng khách mở toang. Anh nghe tiếng Leon, rồi Marshall. Hẳn nỗi sợ có người làm gián đoạn khiến nàng lùi lại và mở rộng cửa ra cho anh. Anh theo sau nàng qua sảnh vào thư viện tối om, và đứng đợi ở cửa trong khi nàng mò mẫm tìm công tắc đèn bàn. Khi đèn bật sáng, anh đóng cửa lại sau mình. Anh đoán trong vài phút nữa mình sẽ bước qua công viên về lại căn nhà gỗ.

“Đó không phải là bản tôi định gửi.”

“Ừ”

“Tôi bỏ nhầm thư vào phong bì.”

“Ừ”

Anh không phán đoán được gì qua những lời đáp gọn lỏn này và anh vẫn không thể nhìn được rõ nét mặt nàng. Nàng dịch chuyển vào phía tối, về phía giá sách. Anh tiến vài bước vào phòng, không hẳn theo sau nàng, nhưng không muốn để nàng đứng quá xa. Đáng lẽ nàng đã có thể tổng khứ anh từ lúc ở cửa trước, vậy mà giờ anh lại có cơ hội để đưa ra lời giải thích trước khi ra về.

Nàng nói, “Briony đã đọc thư.”

“Ồi Chúa ơi. Tôi xin lỗi.”

Anh đã định sẽ vẽ lên cho nàng thấy đó là một giây phút cao hứng riêng tư, sự khó chịu thoáng chốc với câu từ công thức, ký ức sau khi đọc bản đầy đủ của cuốn *Lady Chatterley's Lover*¹² mà anh đã mua chui tại một tiệm ở Soho. Nhưng nhân tố mới này - đứa trẻ ngây thơ - khiến sai sót của anh không cách nào bào chữa được nữa. Tiếp tục nói sẽ thật phù phiếm. Anh chỉ có thể lặp lại chính mình, lần này là thì thầm.

“Tôi xin lỗi...”

Nàng bước xa hơn, về phía góc phòng, vào khoảng tối sâu hơn nữa. Mặc dù anh nghĩ nàng đang chùn lại khỏi anh, anh vẫn bước thêm vài bước về phía nàng.

“Một việc ngu xuẩn. Lẽ ra em không bao giờ nên đọc. Không ai nên đọc cả.”

Nàng vẫn thu mình khỏi anh. Một khuỷu tay đặt trên giá sách, và dường như nàng trượt dọc theo nó, như thể sắp mất dạng giữa đám sách. Anh nghe một tiếng ụt át, mềm mại, loại âm thanh vang ra khi một người chuẩn bị cất tiếng và lưỡi tách khỏi vòm miệng. Nhưng nàng không

nói gì. Chỉ đến lúc đó anh mới nảy ra ý rằng có thể nàng không thoát lui khỏi anh, mà là kéo anh vào sâu hơn với nàng trong bóng tối. Từ khoảnh khắc nhấn chuông, anh đã chẳng còn gì để mất. Vì thế anh bước về phía nàng chậm rãi trong khi nàng lùi lại, cho đến khi nàng đứng hẳn trong góc và dừng lại nhìn anh tiến tới. Anh cũng dừng lại, cách nàng chưa đầy bốn bước chân. Giờ thì anh đứng đủ gần, và ở đó cũng vừa đủ ánh sáng, để thấy mắt nàng đắm lệ và đang cố cất lời. Hiện tại thì điều đó là bất khả nên nàng lắc đầu ra dấu bảo anh chờ một chút. Nàng quay nghiêng và khum hai bàn tay che mũi và miệng, ngón tay nhấn vào khoe mắt.

Nàng bình tĩnh trở lại và nói, “Nó đã ở đó bao tuần nay...” cổ họng nàng nghẹn cứng và nàng buộc phải dừng lại. Ngay lập tức, anh hiểu ra nàng định nói gì, nhưng anh gạt đi. Nàng hít một hơi thật sâu, rồi tiếp tục trầm ngâm nói, “Có khi đã hàng tháng. Em không biết nữa. Nhưng hôm nay... suốt ngày đã rất lạ. Ý em là, em thấy mọi thứ đều rất lạ, như thể lần đầu tiên ấy. Trông mọi thứ rất khác - quá sắc nét, quá thật. Ngay cả tay em trông cũng khác. Có nhiều lúc dường như em cứ nhìn mọi việc như thể chúng đã xảy ra từ lâu lắm. Và cả ngày hôm nay em giận anh điên cuồng - và giận chính mình nữa. Em nghĩ mình sẽ cực kỳ sung sướng khi không bao giờ gặp lại anh hay nói chuyện với anh nữa. Em nghĩ anh sẽ đi học trường y và em sẽ sung sướng. Em giận anh vô cùng. Em nghĩ đó là một cách không nghĩ về nó. Thực sự khá tiện...”

Nàng cười nhỏ, căng thẳng.

Anh nói, “Nó?”

Đến lúc này, nàng vẫn găm găm nhìn xuống. Khi nói tiếp, nàng nhìn anh. Anh chỉ nhìn thấy ánh lấp lánh từ lòng trắng mắt nàng.

“Anh biết trước em. Điều gì đó đã xảy ra, phải không? Và anh biết trước em. Giống như là khi rất gần một thứ quá lớn thì mình sẽ không thấy được nó. Ngay cả bây giờ, em không chắc mình thấy. Nhưng em biết nó ở đó.”

Nàng nhìn xuống và anh đợi.

“Em biết nó ở đó vì nó khiến em cư xử lố bịch. Cả anh nữa, dĩ nhiên... Nhưng sáng nay, trước đây em chưa bao giờ làm bất cứ điều gì như thế. Sau đó thì em giận vô cùng. Mà ngay cả khi nó đang xảy ra em cũng vô cùng giận. Em tự nhủ em đã đưa vũ khí cho anh chống lại em. Rồi, tối nay, thì em bắt đầu hiểu ra - ôi, sao em có thể ngờ nghếch về chính mình đến thế? Và ngu xuẩn đến thế?” Nàng bắt đầu, bị một ý tưởng không mấy dễ chịu cuốn lấy. “Anh thực sự hiểu em đang nói gì. Bảo với em là anh hiểu đi.” Nàng sợ giữa hai người không hề có gì chung, sợ rằng hết thấy những giả định của nàng đều là lầm lẫn và sợ bằng những

lời nói ấy mà nàng càng tách biệt hơn, còn anh thì sẽ nghĩ nàng là con cóc.

Anh tiến đến gần hơn. “Anh hiểu. Anh hiểu chính xác. Nhưng sao em khóc? Còn chuyện gì khác ư?”

Anh nghĩ nàng sắp tung ra một trở ngại không thể vượt qua, và dĩ nhiên ý anh là, *ai đó*, nhưng nàng không hiểu. Nàng không biết phải trả lời anh thế nào và nàng nhìn anh, rối bời. Sao nàng lại khóc? Làm sao nàng có thể mở lời mà nói với anh khi biết bao tình cảm, biết bao cảm xúc, đơn giản là đang nhận chìm nàng? Đến lượt mình, anh lại cảm thấy câu hỏi của mình là không đúng đắn, không thích hợp, và anh chặt vật nghĩ cách diễn đạt cho đúng. Họ đau đầu nhìn nhau bối rối, không cất nổi lời, cảm nhận một thứ gì đó vừa mơ hồ thiết lập có thể vượt mất khỏi mình. Việc họ là bạn thanh mai trúc mã giờ lại là một chương ngại - họ thẹn thùng trước con người trước kia của họ. Tình bạn của họ đã trở nên nhạt nhòa và thậm chí gượng ép trong những năm gần đây, nhưng nó vẫn là một thói quen cũ, và giờ để phá bỏ nó để trở thành những người dưng khác giới thân mật đòi hỏi phải làm rõ mục đích, mà việc đó tạm thời họ không thể. Trong khoảnh khắc ấy, dường như ngôn từ không tìm được lối ra.

Anh đặt tay lên vai nàng, làn da trần của nàng mát rượi khi chạm vào. Khi mặt họ dịch lại gần hơn anh vẫn còn ngờ vực đến nỗi nghi rằng nàng có thể vụt quay đi, hay tát anh, giống trong phim, ngay vào má bằng bàn tay xòe rộng. Miệng nàng có vị son và muối. Họ dứt ra một giây, anh vòng tay ôm nàng và họ lại hôn nhau, tự tin hơn. Liều lĩnh, họ chạm vào đầu lưỡi nhau, và chính lúc đó nàng thốt ra một tiếng thở dài, nhỏ dần, mà sau này anh nhận ra, chính là cái đánh dấu sự chuyển hóa. Đến tận khoảnh khắc đó, vẫn có gì đó buồn cười khi một khuôn mặt quen thuộc gì sát vào mặt mình. Họ cảm thấy bị chính con người thuở ấu thơ đang bối rối của mình quan sát. Những cú chạm của hai đầu lưỡi, thói cơ sống động và trơn trượt ấy, phần thịt mềm ẩm ướt đặt trên nhau ấy, và âm thanh kỳ lạ khiến nàng bật ra ấy, đã thay đổi điều đó. Âm thanh này dường như nhập vào anh, xé toạc anh từ trên xuống dưới để toàn bộ cơ thể anh mở toang ra và anh có thể bước ra khỏi chính mình mà hôn nàng thoải mái. Điều trước kia vốn là ý thức về bản thân giờ trở thành vô nghĩa, gần như trừu tượng. Tiếng thở của nàng đầy ham muốn và khiến anh cũng ham muốn. Anh ấn chặt nàng vào góc, giữa các cuốn sách. Khi họ hôn, nàng kéo quần áo anh, giật sơ mi, thất lưng của anh một cách vô vọng. Đầu họ sát vào nhau, cuốn lấy nhau khi nụ hôn trở nên ngẫu nhiên. Nàng cắn vào má anh, không hẳn là đùa. Anh dứt ra, rồi dịch lại và nàng cắn vào môi dưới anh mạnh hơn. Anh hôn cổ nàng, ấn đầu nàng

dựa vào giá sách, nàng kéo tóc anh và dúi mặt anh xuống vực vào ngực nàng. Mất một lúc lóng ngóng vụng về anh mới tìm thấy núm vú nàng, nhỏ và cứng, và đặt miệng mình vào. Sóng lưng nàng cứng đờ, một cơn rung mình chạy dọc theo chiều dài của nó. Trong một lúc anh nghĩ nàng đã ngất. Cánh tay nàng riết quanh đầu anh và khi nàng siết chặt hơn anh trôi lên qua vòng tay ấy, thở hổn hển, đứng thẳng lên và quẩn lấy nàng, ép đầu nàng vào ngực mình. Nàng lại cắn anh và lật áo sơ mi của anh. Khi nghe tiếng một chiếc cúc rớt xuống sàn nhà, họ phải cố nhin cười mà quay mặt đi. Hải hước sẽ hủy hoại họ. Nàng nhốt núm vú anh giữa hàm răng. Cảm giác ấy thật không sao chịu đựng. Anh nâng mặt nàng lên, và siết chặt nàng vào xương sườn mình, hôn mắt nàng và luồn lưỡi vào tách môi nàng ra. Bất lực lại làm bật ra từ nàng một tiếng như tiếng thở dài thất vọng.

Cuối cùng họ đã trở thành người lạ, quá khứ bị lãng quên. Họ cũng là người lạ với chính con người họ, đã quên mất mình là ai, mình ở đâu. Cửa thư viện dày và không một âm thanh bình thường nào, những âm thanh có thể gọi họ nhớ, có thể níu họ lại, lọt được qua. Họ vượt ra ngoài hiện tại, ra ngoài thời gian, không ký ức, không tương lai. Không gì cả ngoài nhục cảm xóa mờ mọi thứ, run rẩy và phập phồng, và tiếng vải sợi cọ lên vải sợi, và da thịt chà trên vải sợi khi chân tay họ trượt qua trượt lại trên nhau trong một cuộc vật lộn liên tục, đầy khoái cảm. Kinh nghiệm anh có hạn và anh chỉ biết từ những lời đồn đại rằng họ không cần phải nằm xuống. Phần nàng, ngoài tất cả những phim đã xem, và thấy những tiểu thuyết và thơ tình đã đọc, nàng cũng không hề có kinh nghiệm gì. Mặc cho những hạn chế này, họ không hề ngạc nhiên khi biết ham muốn của mình rõ ràng đến thể nào. Họ lại hôn nhau, tay nàng siết chặt sau đầu anh. Nàng liếm tai anh, rồi cắn dái tai. Tích tụ dần, những miếng cắn kia đánh thức anh, làm anh thấy giận dữ, kích thích anh. Anh lần tìm móng nàng dưới lớp váy và bóp mạnh, và xoay người nàng lại một chút để phát một cái trả đũa, nhưng không đủ chỗ cho lắm. Mắt vẫn dán chặt vào mắt anh, nàng cúi xuống cởi giày. Giờ thì càng lóng ngóng hơn, với những cái cúc và vị trí đặt chân tay. Nàng hoàn toàn không có kinh nghiệm. Không một lời, anh chỉ nàng đặt chân lên cái giá thấp nhất. Họ vụng về, nhưng giờ cái tôi đã tan biến nên chẳng còn ngượng ngùng nữa. Khi anh lại kéo cái váy lụa mềm dính sát vào người của nàng lên, anh nghĩ về mặt không chắc chắn của nàng phản chiếu chính về mặt anh. Nhưng chỉ có một kết thúc duy nhất không thể tránh khỏi, và họ chẳng thể làm được gì khác ngoài tiến thẳng đến đó.

Được cơ thể anh nâng lên tì vào góc, nàng một lần nữa vòng tay sau cổ anh, và đặt khuỷu tay lên vai anh, tiếp tục hôn mặt anh. Giây phút đó

thì dễ dàng. Họ nín thở trước khi màng môi mở ra, và khi nó mở nàng vội quay đi, nhưng không thốt ra tiếng nào - dường như đó là một điểm khiến nàng tự hào. Họ dịch lại gần hơn, sâu hơn và rồi, trong một vài giây cuối, mọi thứ dừng lại. Thay vì một cơn khoái cảm điên cuồng, ở đó chỉ còn tĩnh lặng. Họ im lặng bất động không phải bởi kinh ngạc khi thực sự đã tới, mà bởi một cảm giác run sợ phải quay về - họ mặt đối mặt trong bóng tối, dăm dăm nhìn vào đôi mắt hầu như không thể trông thấy hết của nhau, và giờ cái vô ngã ấy biến mất. Dĩ nhiên, chẳng có gì trừu tượng ở một khuôn mặt. Con trai của Grace và Ernest Turner, con gái của Emily và Jack Tallis, bạn từ thuở ấu thơ, đến thời đại học chỉ còn là người quen biết, trong một trạng thái hân hoan thanh bình căng tràn, đối mặt với thay đổi hệ trọng mà họ vừa đạt tới. Sự gần gũi của một khuôn mặt thân thuộc chẳng có gì buồn cười mà thật kỳ diệu. Robbie không rời mắt khỏi người phụ nữ, cô gái mà anh đã từng luôn biết, nghĩ sự đổi thay ấy hoàn toàn ở trong con người mình, và cơ bản, mang tính sinh học một cách cơ bản, như sự ra đời. Chưa từng có gì phi thường hay quan trọng đến thế xảy ra từ ngày anh chào đời. Nàng đáp lại cái nhìn ấy của anh, chần động vì sự chuyển đổi trong chính mình, và choáng ngợp bởi vẻ đẹp ở một khuôn mặt mà thói quen suốt đời đã dạy nàng phải lờ đi. Nàng thì thầm tên anh bằng sự cẩn trọng khoan thai của một đứa trẻ cố phát âm những âm riêng biệt. Khi anh đáp gọi tên nàng, nó nghe như một từ mới - những âm tiết vẫn y hệt, nhưng nghĩa đã khác đi. Cuối cùng anh nói lên ba từ đơn giản mà không một thứ nghệ thuật tồi tệ hay niềm tin tồi tệ nào từng có thể làm giảm giá trị đi. Nàng nhắc lại chúng, hơi nhấn mạnh vào từ thứ hai hết như anh, như thể nàng chính là người nói trước. Anh không tin vào tôn giáo nào cả, nhưng thật là bất khả khi không nghĩ đến một sự hiện diện hay chứng nhân vô hình nào đó trong căn phòng này, và rằng ba từ được nói to lên đó như những chữ ký trên một hợp đồng không trông thấy.

Họ bất động đến chừng nửa phút. Muốn lâu hơn thì phải sở hữu được sự thành thạo của nghệ thuật tình dục Mật tông ghê gớm nào đó. Họ bắt đầu làm tình, tựa vào giá sách thư viện, cái giá cột kệ theo mỗi chuyển động của họ. Sẽ là bình thường khi vào những lúc thế này mà tưởng tượng ra mình đang tới được một vùng cao và hẻo lánh. Anh tưởng tượng mình đi tản bộ trên một đỉnh núi tròn, bằng phẳng, chơi vui giữa hai đỉnh cao hơn. Anh trong một tâm trạng thông thả, thăm dò, thừa thời gian để đi đến một rìa đá và hé mắt nhìn sườn núi đầy đá nhỏ gần như dốc đứng dưới kia, nơi chẳng mấy chốc nữa sẽ phải quăng mình xuống. Gieo mình vào một khoảng không trống trải bây giờ là điều rất cảm dỗ, nhưng anh là một người lịch duyệt nên có thể quay bước đi, và

chờ đợi. Không dễ dàng gì, vì anh đang bị kéo lại và anh phải kháng cự. Chừng nào anh còn không nghĩ đến cái rìa, chừng đó anh không lại gần nó, và sẽ không bị nó cám dỗ. Anh buộc mình nhớ đến những thứ buồn chán nhất anh biết - người đánh giày, đơn xin nhập học, khăn bông ướt trên sàn phòng tắm. Có cả nắp thùng rác lật ngược với một inch nước mưa bên trong, và vết ố trà hình tròn đang vẽ dở trên bìa cuốn thơ Housman của anh. Danh sách kỳ quặc này bị giọng nàng ngăn lại. Nàng đang gọi anh, mời anh, thì thảo vào tai anh. Chính xác là như vậy. Họ sẽ nhảy xuống cùng nhau. Giờ anh đang ở bên nàng, hé nhìn vực thẳm, và họ nhìn thấy sườn núi kia hun hút lao xuống qua lớp mây che. Tay trong tay, họ quay lưng lại mép vực rồi buông mình rơi. Nàng nhắc lại, lẩm bẩm vào tai anh, và lần này anh nghe rõ.

“Có người vào.”

Anh mở mắt. Nhận ra đây là trong thư viện, ở một căn nhà, tuyệt đối yên lặng. Anh đang mặc bộ vest diện nhất. Phải, tất thảy trở lại với anh khá dễ dàng. Anh căng mắt ngoái lại nhìn và chỉ thấy một cái bàn sáng lờ mờ, vẫn nằm đó như trước kia, như thể nhớ lại sau một giấc mơ. Từ chỗ họ đứng trong góc không thể nào thấy được cửa. Nhưng không có tiếng động gì, không một tiếng. Nàng nhăm, anh khao khát đến tuyệt vọng rằng nàng lằm và nàng thực sự lằm. Anh quay lại nàng, và toan bảo nàng vậy, thì nàng bấu chặt hơn vào tay anh và anh ngoái đầu thêm lần nữa. Briony chậm chậm bước vào tầm mắt họ, dừng lại chỗ cái bàn và trông thấy họ. Nó đồ dẫn đứng đó, trần trụi nhìn họ, cánh tay buông thõng bên người, như một tay súng chuyên nghiệp trong một cuộc đấu súng cao bồi. Trong khoảnh khắc rùng mình đó anh phát hiện ra cho đến tận giờ mình chưa từng ghét một ai cả. Ghét là một cảm giác cũng tinh khôi như tình yêu, nhưng nhạt nhẽo và lý trí lạnh lùng. Không có gì cá nhân ở đây, vì anh sẽ ghét bất cứ ai vừa bước vào. Có đồ uống ở phòng khách hay ngoài hiên, và lẽ ra Briony phải ở ngoài đó - với mẹ nó, và người anh trai mà nó ngưỡng mộ, và hai đứa em họ nhỏ. Chẳng có lý do chính đáng nào mà nó lại ở trong thư viện, trừ việc để tìm anh và tước khỏi tay anh cái vốn thuộc về anh. Anh thấy rõ ràng chuyện đó đã xảy ra như thế nào: nó mở một cái phong bì đã niêm lại để đọc thư của anh và thấy kinh tởm, rồi cảm thấy bị phản bội theo cái kiểu khó hiểu của nó. Nó đến đây tìm chị gái - hiển nhiên là với cái ý niệm hồ hởi rằng mình phải bảo vệ chị, hay cảnh báo chị, và đã nghe thấy tiếng động từ sau cánh cửa thư viện đóng kín. Bị thúc đẩy từ sâu thẳm sự ngu dốt, trí tưởng tượng ngớ ngẩn và lòng chính trực kiểu trẻ con, nó đến để lên tiếng đòi dừng chuyện này lại. Nhưng nó cũng không nhất thiết phải làm thế - lập tức không ai bảo ai, họ

tách nhau ra, quay đi, rồi cả hai kín đáo chỉnh trang lại quần áo. Đã kết thúc.

Đĩa đựng món chính đã hết sạch từ lâu và Betty quay lại với bánh mì và pudding bơ. Là do anh tưởng tượng, Robbie băn khoăn, hay do bà có ý định ma lạnh, mà khẩu phần của người lớn to gấp đôi của trẻ con? Leon đang rót rượu từ chai Barsac thứ ba. Anh đã cởi áo ngoài, qua đó cho phép cả hai người kia cũng làm theo. Có tiếng gõ khe khẽ trên cửa sổ, đủ loại sinh vật bay đêm lao mình vào kính. Bà Tallis dùng chiếc khăn ăn chấm chấm lên mặt và trù mền nhìn hai đứa sinh đôi. Pierrot đang thì thầm vào tai Jackson.

“Ở bàn ăn không được có bí mật gì, hai cháu. Tất cả chúng ta đều muốn nghe, nếu cháu không phiền.”

Jackson, người đại diện, nuốt khó nhọc. Anh trai nó đắm đắm nhìn xuống đùi mình.

“Chúng cháu xin phép được đứng lên, bác Emily. Chúng cháu có thể vào phòng vệ sinh được không ạ?”

“Dĩ nhiên rồi. Nhưng phải dùng từ được phép, chứ không phải có thể. Và không cần thiết phải nói cụ thể đến vậy.”

Hai đứa sinh đôi trượt xuống ghế. Khi chân chúng tới sàn, Briony ré lên chỉ tay theo.

“Tất của con! Chúng đang đi tất quả dâu tây của con!”

Cả hai đứa sững người rồi quay lại, và xấu hổ nhìn từ mắt cá chân chúng lên bà bác. Briony gần như đứng bật dậy. Robbie nghĩ cảm xúc mạnh mẽ trong người con bé đang tìm lối xả ra.

“Tụi mày đã vào phòng tao và lấy đồ từ ngăn kéo của tao.”

Cecilia lên tiếng lần thứ hai trong suốt bữa ăn. Nàng cũng đang tìm chỗ xả thông những cảm xúc sâu thẳm trong mình.

“Im mồm đi, vì Chúa! Em đúng là bà cô phiền phức. Hai đứa nhỏ không có đôi tất sạch nào nên chị đã lấy của em.”

Briony chăm chăm nhìn chị, kinh ngạc. Bị tấn công, bị phản bội, do người mà em chỉ một lòng khao khát bảo vệ. Jackson và Pierrot vẫn đắm đắm nhìn bà bác giờ đang bảo hai đứa rút đi bằng một cái nghiêng đầu khó hiểu và khẽ gật đầu. Chúng đóng cửa lại sau lưng với sự cẩn thận quá đáng, thậm chí có lẽ là mỉa mai, và đúng giây phút chúng buông lầy nắm cửa ra Emily liền cầm thìa lên và những người còn lại làm theo bà.

Bà ôn tồn nói, “Con có thể dùng từ nhẹ nhàng hơn với em mà.”

Khi Cecilia quay sang mẹ, Robbie ngửi thấy phàn phất mùi mồ hôi dưới nách nàng, làm anh liên tưởng mùi cỏ vừa cắt. Chẳng mấy chốc nữa họ sẽ ở ngoài nhà. Anh khẽ chớp mắt lại. Một bình hai pint sữa trứng đặt bên cạnh anh, và anh tự hỏi mình có đủ sức nhấc lên không.

“Con xin lỗi, Emily. Nhưng cả ngày nay nó đã khá quá quắt rồi.”

Briony nói với sự bình tĩnh của người lớn. “Chị mà cũng hùng hồn nhỉ.”

“Nghĩa là sao?”

Đó, Robbie hiểu, không phải là câu nên hỏi. Ở giai đoạn này trong đời, Briony ở trong khoảng không chuyển biến mập mờ giữa thế giới trẻ con và người lớn mà em đã băng qua rồi lại bắt chùng băng qua tiếp. Trong tình huống hiện tại, là một bé gái phần nộ em sẽ bớt nguy hiểm hơn.

Thực ra, bản thân Briony không ý thức rõ mình định nói gì, nhưng Robbie không thể hiểu điều này khi anh vội tham gia để thay đổi chủ đề. Anh quay sang Lola ngồi bên trái, và nói sao cho cả bàn nghe, “Hai chú bé ngoan ghê, em trai cô ấy.”

“Hah!” Briony giận dữ, và không để cho cô em họ có thời gian mở mồm. “Thế mới thấy anh biết ít ỏi thế nào.”

Emily đặt thìa xuống. “Con yêu, nếu cứ tiếp tục thế, mẹ buộc phải mời con rời khỏi bàn.”

“Nhưng nhìn xem chúng đã làm gì em ấy. Cào mặt em ấy, và làm em ấy bầm tím!”

Mọi con mắt đổ dồn vào Lola. Nước da cô co lại sạm hơn dưới những nốt tàn nhang, khiến những vết xước trông nhạt đi.

Robbie nói, “Trông không nặng lắm.”

Briony lườm anh. Mẹ em nói, “Tại móng tay mấy đứa nhỏ đây mà. Mình nên bôi ít dầu cho cháu.”

Lola tỏ ra dũng cảm. “Thực ra, cháu đã bôi rồi ạ. Giờ thì đỡ hơn rất nhiều rồi.”

Paul Marshall hắng giọng. “Chính mắt tôi thấy - phải can rời ghế chúng ra khỏi người cô bé. Phải nói là tôi ngạc nhiên, hai thằng bé nhỏ như thế. Chúng tấn công cô bé...”

Emily đã đứng dậy khỏi ghế. Bà lại chỗ Lola và cầm tay con bé lên. “Nhìn tay cháu này! Đâu chỉ có trầy da. Bầm tím lên tận khuỷu tay này. Sao tự dưng chúng lại làm thế?”

“Cháu không biết, bác Emily.”

Một lần nữa, Marshall ngả người ra sau ghế. Anh ta nói sau đầu Cecilia và Robbie với cô thiếu nữ đang nhìn anh ta nước mắt lưng tròng. “Làm to chuyện một chút thì chả làm sao cả, cô bé ạ. Cô vô cùng dũng cảm, nhưng cô đã bị đau lắm mà.”

Lola đang cố không khóc. Emily kéo đứa cháu vào lòng và xoa đầu nó.

Marshall nói với Robbie, “Anh nói đúng, chúng là hai thằng nhỏ ngoan. Nhưng tôi nghĩ gần đây chúng đã phải chịu đựng nhiều chuyện.”

Robbie muốn nói tại sao Marshall không đề cập đến chuyện này trước nếu đã biết Lola bị thương nặng đến thế, nhưng giờ cả bàn đang rối lên. Leon gọi với sang mẹ, “Mẹ có muốn con gọi bác sĩ không?” Cecilia đang đứng lên khỏi bàn. Robbie chạm vào cánh tay nàng và nàng quay lại, và lần đầu tiên kể từ lúc trong thư viện, mắt họ gặp nhau. Không có thời gian để thiết lập bất cứ điều gì vượt ngoài bản thân ánh mắt đó, rồi nàng vội vòng qua bàn lại chỗ mẹ, người giờ đang hướng dẫn cách chườm lạnh. Emily cúi xuống đầu đưa cháu gái, thì thầm những lời an ủi. Marshall vẫn ngồi yên trên ghế và rót đầy ly mình. Briony cũng đứng dậy, và khi đứng lên, lại thét lên một tiếng chói tai lạnh lạnh. Em nhặt từ ghế Jackson lên một phong bì và giơ lên cho mọi người thấy.

“Một lá thư!”

Em toan mở ra. Robbie không thể ngăn mình hỏi, “Gửi cho ai thế?”

“Nó viết, Gửi mọi người.”

Lola nhoài ra khỏi người bác và dùng khăn ăn lau mặt. Emily tìm được một nguồn, uy quyền mới đầy ngạc nhiên. “Con không được mở thư. Con phải làm như mẹ bảo và mang lại đây cho mẹ.”

Briony nhận ra sắc thái bất thường trong giọng nói của mẹ và ngoan ngoãn đi vòng qua bàn cầm theo lá thư. Rút ra một mẫu giấy trắng có kẻ hàng, Emily bước khỏi Lola một bước. Khi bà đọc thư, Robbie và Cecilia cũng đọc được.

Bọn cháu xẽ bỏ trốn zì Lola và Betty ấc nghiệt với bọn cháu và bọn cháu muốn về nhà. Sin lỗi vì bọn cháu lấy ít chái cây Và không diễn kịch được.

Mỗi đứa ký tên mình bằng những nét bay bướm ngoan ngoèo.

Im lặng bao trùm sau khi Emily đọc to lá thư. Lola đứng dậy và bước vài bước về phía cửa sổ, rồi đổi ý tiến lại về phía cuối bàn. Cô thần thờ nhìn từ trái sang phải, luôn miệng lẩm bẩm, “Ôi trời, ôi trời...”

Marshall tiến lại và đặt tay lên tay cô. “Sẽ ổn cả thôi. Chúng ta sẽ tổ chức vài nhóm tìm kiếm và tìm thấy chúng ngay thôi.”

Chính xác,” Leon nói. “Chúng chỉ mới đi có vài phút.”

Nhưng Lola không nghe và dường như đã quyết định. Vừa sải bước về phía cửa cô vừa nói, “Mẹ sẽ giết tôi.”

Khi Leon cố với lấy vai cô, cô rút vai lại tránh, rồi tiến qua cửa. Họ nghe tiếng cô chạy vụt qua sảnh.

Leon quay sang em gái. “Cee, em với anh sẽ đi cùng nhau.”

Marshall nói. “Trời không trắng. Ngoài kia khá tối.”

Cả nhóm tiến về phía cửa và Emily nói, “Nên có người đợi ở đây và có lẽ nên là tôi.”

Cecilia nói, “Sau cửa hầm có đèn pin.”

Leon bảo mẹ, “Con nghĩ mẹ nên gọi cảnh sát.”

Robbie là người cuối cùng rời khỏi phòng ăn và người cuối cùng, anh nghĩ, thích nghi được với tình huống mới này. Cảm giác đầu tiên của anh, cái cảm giác vẫn không tan đi khi anh bước vào sảnh tương đối mát mẻ, là anh đã bị lừa. Anh không thể tin là hai đứa sinh đôi đang gặp nguy hiểm. Lũ bò sẽ làm chúng sợ mà mò về nhà. Màn đêm mênh mông bên ngoài ngôi nhà, đám cây cối đen thẫm, những cái bóng mời gọi, cỏ vừa cắt mát rượi - tất cả những thứ này được dành sẵn, anh đã chỉ định phải dành riêng cho anh và Cecilia. Màn đêm ấy đang đợi họ, là của họ, để họ sử dụng và chiếm hữu. Ngày mai, hay bất cứ lúc nào không phải bây giờ, sẽ không được. Nhưng đột nhiên căn nhà lại đổ hết những ở bên trong nó vào một màn đêm giờ đã thuộc về một cơn náo loạn gia đình khá nực cười. Họ sẽ ở ngoài đó hàng giờ, hú gọi và vẫy đèn pin, cuối cùng tìm được hai đứa sinh đôi, một lữ và bản thiêu, Lola sẽ bình tĩnh lại, và sau vài ly rượu tự chúc mừng trước khi đi ngủ, buổi tối sẽ chấm hết. Trong vài ngày, hay thậm chí chỉ vài giờ, nó sẽ trở thành kỷ niệm buồn cười được lôi ra kể lại những dịp sum họp gia đình: cái đêm hai đứa sinh đôi bỏ nhà đi.

Nhóm tìm kiếm đã khởi sự khi anh bước tới cửa trước. Cecilia khoác tay anh trai và họ bắt đầu đi thì nàng liếc ra sau và thấy anh đứng dưới đèn. Nàng nhìn anh, nhún vai, như bảo - Giờ mình có thể làm gì chứ. Trước khi anh kịp đáp lại nàng bằng cử chỉ lộ sự đồng tình đầy yêu thương, nàng đã quay đi, cùng Leon tiến bước, gọi to tên hai thằng bé. Marshall thậm chí còn đi trước xa hơn, đang tiến về lối chính cho xe vào, chỉ nhìn thấy được nhờ có chiếc đèn mà anh ta cầm. Không thấy Lola đâu. Briony đang đi vòng quanh nhà. Nó, dĩ nhiên, sẽ không muốn đi cùng Robbie, và thế là nhẹ nhõm cả người, vì anh đã quyết định: nếu không thể ở bên Cecilia, nếu không có nàng riêng cho mình, thì anh cũng, như Briony, đi tìm một mình. Quyết định này, như sau này anh sẽ rất nhiều lần công nhận, đã biến đổi đời anh.

Mười hai

Dù căn nhà cổ xây theo kiểu Adam từng tao nhã thế nào, dù nó từng bao quát ngoạn mục cả vùng cây cối công viên ra sao, tường của nó

cũng không thể vững chắc bằng tường của công trình kiểu Baronial Scotland đã thay thế nó, và các phòng của nó cũng không bao giờ sở hữu được tính kiên cố như của sự tĩnh lặng đôi khi vẫn bóp nghẹt nhà Tallis. Giờ sau khi nhóm tìm kiếm đi khỏi, đóng cửa lại và quay bước băng qua sảnh, Emily mới cảm thấy sự hiện diện chêm chệch của nó. Bà cho rằng Betty và những người giúp việc vẫn còn ăn tráng miệng trong bếp và sẽ không biết rằng phòng ăn đã trống sạch. Không một tiếng động. Tường, gỗ lát nhà, sự nặng nề lan tỏa của đồ đạc gần như mới, vì lò khổng lồ, những lò sưởi đồ sộ bằng đá mới sáng màu làm liên tưởng qua hàng thế kỷ đen thò của những lâu đài đơn độc trong các khu rừng câm lặng. Bố chồng bà định, bà nghĩ, tạo nên không khí gần bó và truyền thống gia đình. Một người đàn ông dành cả đời chế then và khóa sắt luôn hiểu giá trị của sự riêng tư. Tiếng ồn bên ngoài ngôi nhà bị chặn tuyệt đối, và thậm chí những âm thanh trong nhà cũng như bị bịt lại, thậm chí thỉnh thoảng bằng cách nào đó còn bị làm cho mất hẳn.

Emily thở dài, không nghe được rõ lắm tiếng của chính mình, rồi lại thở dài lần nữa. Bà đứng cạnh chiếc điện thoại nằm trên cái bàn bán nguyệt làm bằng sắt uốn cạnh cửa thư viện, và tay bà đặt trên ống nghe. Để nói chuyện với cảnh sát Vockins, trước tiên bà sẽ phải nói với vợ ông ta, một người phụ nữ lắm mồm thích chuyện phiếm về trứng gà và những đề tài liên quan - giá thịt gà, bọn cáo, túi giấy bây giờ dễ rách thế nào. Chồng bà ta từ chối thể hiện sự tôn trọng mà người ta có thể mong đợi từ một cảnh sát. Ông có cái vẻ thật thà khi thể hiện sự tẻ nhạt, cố tạo ra cho nó âm hưởng hùng tráng như của sự uyên thâm khó khăn lắm mới giành được trong bộ ngực mặc sơ mi gài khuy thít chặt: trời không bao giờ chỉ mưa mà phải là mưa như trút nước, nhân cư vi bất thiện, con sâu làm rầu nồi canh. Trong làng đồn rằng trước khi gia nhập lực lượng cảnh sát và nuôi ría, ông là một thành viên công đoàn. Có người thấy ông, hỏi còn tham gia Tổng Bãi công, mang truyền đơn trên một con tàu.

Hơn nữa, bà sẽ yêu cầu cảnh sát làng làm gì? Trước khi ông bảo với bà rằng trẻ con là trẻ con thôi, và dựng nửa chục trai làng dậy khỏi giường đi tìm, thì hẳn đã một giờ trôi qua, và hai đứa sinh đôi có thể đã tự mình mò về rồi, vì sợ phát khiếp cái thế giới rộng lớn trong đêm tối. Thực ra, bà không nghĩ đến hai thằng bé, mà đến mẹ chúng, em bà, hay đúng hơn là sự hiện thân của cô em trong dáng người săn chắc của Lola. Khi Emily đứng dậy khỏi bàn ăn để an ủi con bé, bà ngạc nhiên khi thấy mình giận dữ. Càng cảm thấy cơn giận, bà càng làm ra vẻ cuống lên lo cho Lola để che giấu đi. Vết xước trên mặt con bé là không thể phủ nhận, vết thâm tím trên cánh tay nó thì thực kinh hoàng, nếu là do hai thằng bé con gây ra. Nhưng một cảm giác thù địch cũ dần vật Emily. Người mà bà đang

xoa dịu là cô em gái Hermione của mình - Hermione, vai phụ bất ngờ chiếm hết chú ý dành cho ngôi sao, cô chủ nhỏ của vở kịch, người mà bà đang ghì vào ngực mình ấy. Như hồi xưa, càng giận dữ, Emily càng tỏ ra ân cần. Và khi Briony tội nghiệp tìm thấy lá thư của hai thằng bé, chính cảm giác thù địch đó đã kích động Emily trở nên khắc nghiệt bất thường. Mới bắt công làm sao! Nhưng viễn cảnh con gái bà, hay bất cứ cô gái nào trẻ tuổi hơn bà, mở phong bì, và khiến căng thẳng tăng lên bằng cách mở ra một cách từ từ đầy chủ ý, rồi đọc to lên cho mọi người nghe, tung tin và biến mình thành trung tâm của vở kịch, đều khơi lại ký ức xưa và những ý nghĩ ích kỷ.

Suốt thời thơ ấu của họ, Hermione từng luôn lú lo nhún nhảy trong một vũ khúc ba lê hạnh phúc, luôn phô trương bất cứ khi nào có thể mà không suy nghĩ gì - cô chị gái lạng lẽ, cáu kỉnh tin như vậy - đến việc như thế có vẻ lố bịch và thậm hại ra sao. Luôn luôn có người lớn vây quanh khuyến khích cái kiểu làm dáng không ngừng này. Và khi, một cách xuất sắc, cô bé Emily mười một tuổi làm cả phòng khách choáng váng khi lao vào cửa kính và tay bị đứt sâu đến nỗi một tia máu phun thành bó hoa đỏ thắm trên chiếc váy đầm vải muslin trắng của đứa bé đứng cạnh đó, thì con bé Hermione chín tuổi đã chiếm lĩnh sân khấu chính bằng tiếng hét cuồng loạn. Trong khi Emily nằm không ai đoái hoài trên sàn, sau sofa, được một ông chú học y buộc cho một cái ga nô chuyên nghiệp, hàng chục họ hàng lại tập trung cố gắng đỡ cho con em gái bình tĩnh. Và giờ thì nó ở Paris tung tẩy với một gã làm ở nhà đài trong khi Emily này *phải chăm lo cho con nó*. *Plus ça change*¹³, cảnh sát Vockins có lẽ sẽ nói thế.

Và Lola, giống hệt mẹ nó, không ai giữ lại được. Ngay khi lá thư được đọc to lên, nó cũng chơi trội hơn hai thằng em bỏ trốn của mình bằng cú lao bỏ ra ngoài đầy kịch tính. Mẹ sẽ giết mình mất. Nhưng chính nó đang nuôi sống linh hồn mẹ nó. Khi hai đứa sinh đôi quay về, bà dám cá là sẽ vẫn chưa tìm thấy Lola. Bị nguyên tắc ái kỷ sắt đá bó buộc, nó sẽ ở ngoài lâu hơn trong bóng đêm, bọc mình bằng một sự bất hạnh tự thêu dệt nào đó, để sự nhẹ nhõm của mọi người khi nó xuất hiện sẽ càng được đậm hơn, và mọi sự chú ý lại dồn hết cho nó. Buổi chiều đó, không cần nhõm người dậy khỏi giường, Emily cũng đoán được Lola đã ngấm hủy hoại vở kịch của Briony, một nghi ngờ được khẳng định khi nhìn thấy tờ poster trên khung bị xé toạc theo một đường chéo. Và đúng như bà dự đoán, Briony đã ra ngoài lang thang, dấn dỗi và không ai tìm được nó. Lola mới giống Hermione làm sao, vừa vẫn ngây thơ vô tội vừa khiến những người khác tự hủy hoại mình.

Emily phân vân đứng trong sảnh, không muốn vào phòng nào cả, căng tai nghe tiếng gọi của đám người đang tìm kiếm bên ngoài và - nếu

bà thật lòng với chính mình - nhẹ cả người khi không nghe thấy gì hết. Vụ mất tích của hai thằng bé này là một vở kịch không về cái gì cả; đây chính là cuộc đời của Hermione áp đặt lên cuộc đời bà. Không việc gì phải lo lắng cho hai thằng sinh đôi. Chúng sẽ không đời nào lại gần bờ sông. Chắc chắn chúng sẽ mệt lử rồi mò về nhà. Bà bị bao quanh bởi những bức tường dày làm bằng sự im lặng đang rít lên trong tai bà, lên cao và xuống thấp theo kiểu riêng của nó. Bà bỏ tay khỏi điện thoại và day day trán - không có dấu vết nào của con quái vật đau nửa đầu, ờn Chúa vì điều đó - rồi bước về phía phòng khách. Một lý do nữa để không gọi cảnh sát Vockins là Jack sắp gọi điện xin lỗi. Cuộc gọi sẽ đến thông qua nhân viên tổng đài của Bộ; rồi bà sẽ nghe tiếng tay trợ lý trẻ nói giọng mũi hí như ngựa, và cuối cùng là giọng chồng bà từ sau bàn làm việc dội vang trong căn phòng mênh mông có trần kiểu ketxon. Việc ông phải làm việc muộn bà không nghi ngờ gì, nhưng bà biết ông không ngủ lại ở cơ quan, và ông biết bà biết. Nhưng không có gì để nói. Hay đúng hơn, có quá nhiều điều. Họ giống hệt nhau ở điểm đều rất sợ hãi phải xung đột, và việc tồi tệ nhất ông gọi điện thoại về nhà, dù bà có nghi ngờ nhiều thế nào, chính là sự an ủi cho cả hai người. Nếu sự giả vờ này có là đạo đức giả thông thường thì bà cũng phải thừa nhận nó có giá trị của nó. Bà có những nguồn thỏa nguyện trong đời mình - ngôi nhà, công viên, trên hết, bọn trẻ - và bà muốn bảo vệ chúng bằng cách không gây chuyện với Jack. Và bà không nhớ sự có mặt của ông nhiều bằng giọng ông trên điện thoại. Ngay cả việc bị nói dối không ngừng, mặc dù không hề giống tình yêu, cũng mang trong nó sự chú ý liên tục; ông hẳn phải quan tâm đến bà thì mới thêu dệt tỉ mỉ đến thế và trong suốt cả một quãng thời gian dài đặc tới vậy. Sự giả dối của ông là dấu hiệu chứng tỏ tầm quan trọng của cuộc hôn nhân giữa họ.

Vài đứa con bị đối xử bất công, rồi người vợ bị đối xử bất công. Nhưng bà không bất hạnh như phải thế. Vai này đã khiến bà sẵn sàng cho vai kia. Bà dừng lại trên lối vào phòng khách và để ý thấy những ly cocktail dính vết sôcôla vẫn chưa được dọn đi, và cửa dẫn ra vườn vẫn mở toang. Giờ một làn gió thoảng cũng làm xào xạc đám cây lách được trưng trước lò sưởi. Hai hay ba con ngài núc ních bay vòng quanh cái đèn nằm trên đàn clavico. Bao giờ sẽ có người chơi lại nó đây? Việc những con sinh vật đêm kia bị thu hút về phía ánh sáng, nơi chúng dễ bị những con vật khác làm thịt nhất, là một trong những điều kỳ bí đem lại cho bà niềm hân hoan giản dị. Bà không thích phải giải thích tường tận điều này. Có lần tại một bữa tối trang trọng, một ông giáo sư khoa học gì đó, muốn mở một cuộc trò chuyện nhỏ, đã chỉ ra vài loại côn trùng bay quanh đèn chúc đài. Ông đã bảo bà rằng chính ấn tượng thị giác về một vùng tối

thậm chí còn sâu thẳm hơn bên ngoài vùng sáng đã hút chúng lao vào. Ngay cả khi chúng có thể bị ăn thịt, chúng cũng phải tuân theo bản năng, thứ bản năng bắt chúng tìm kiếm nơi tối tăm nhất, ở phía kia ánh sáng - và trong trường hợp này là ảo ảnh. Với bà nghe như lời ngụy biện, hay một lời giải thích chỉ để giải thích. Làm sao ai đó lại có thể tự phụ rằng mình hiểu thế giới trong mắt một loài côn trùng cơ chứ? Không phải mọi thứ đều có nguyên nhân, và vờ như không phải thế là một cách can thiệp vào lối vận hành của thế giới phù phiếm này, và có thể còn dẫn đến khổ sở. Một số thứ chỉ đơn giản là vậy.

Bà không mong muốn biết tại sao Jack lại ở lại London nhiều đêm liên tiếp nhau đến thế. Hay đúng hơn, bà không mong ai nói cho mình biết. Bà cũng không muốn biết gì nhiều hơn về công việc khiến ông luôn phải ở lại làm muộn ở Bộ. Vài tháng trước, không lâu sau Giáng sinh, bà vào thư viện đánh thức ông dậy khỏi một giấc ngủ chiều và thấy một cặp tài liệu mở để trên bàn. Chỉ là sự tò mò nhẹ nhàng nhất của người vợ đã khiến bà liếc mắt dòm, vì bà chẳng mấy quan tâm đến chuyện quản lý quốc gia. Ở một trang bà thấy một danh sách các tiêu đề: kiểm soát ngoại hối, chế độ phân phối, di tản hàng loạt ở các thành phố lớn, cưỡng bức lao động. Trang ngoài viết tay. Cứ vài đoạn văn bản lại chen vào một phép tính số học. Kiểu chữ viết ngay ngắn với các nét vòng liên vào nhau bằng mực nâu của Jack bảo bà cứ giả định một cấp số nhân năm mươi. Cứ mỗi tấn chất nổ thả xuống, cứ cho là năm mươi người bị thương vong. Giả sử 100.000 tấn bom thả xuống trong hai tuần. Kết quả: năm triệu thương vong. Bà vẫn chưa đánh thức ông dậy, và hơi thở nhẹ nhẹ, như huyết gió của ông quyện với tiếng chim hót mùa đông vắng tới từ đâu đó bên ngoài bãi cỏ. Anh nắng lóng lánh gợn lăn tăn trên gáy sách và mùi bụi ẩm ở khắp nơi. Bà bước lại chỗ cửa sổ và nhìn ra ngoài, cố gắng tìm con chim giữa những cành sồi trụi chĩa lên đen thẫm trên nền trời vỡ nát màu xám và phớt thiên thanh. Bà hiểu rõ là phải có các dạng thức phỏng đoán quan liêu như thế. Và phải, luôn có những nhân viên quản lý lo xa phải tiến hành lo liệu đảm bảo cho chính mình trước mọi kết cục có thể xảy ra. Nhưng những con số ngông cuồng kia chắc chắn là một dạng tự phóng đại, và thiếu suy nghĩ đến mức vô trách nhiệm.

Jack, người bảo vệ cho căn nhà này, người bảo lãnh cho sự bình yên của nó, được đặt lên vai trọng trách phải có tầm nhìn xa. Nhưng xa đến thế này thì thật ngớ ngẩn. Khi bà đánh thức ông dậy, ông lau bầu và đột ngột vội nhoài người tới đóng cặp tài liệu lại, và rồi, vẫn ngồi, kéo tay bà đưa lên miệng và hôn một cách lạnh nhạt.

Bà quyết định không đóng cánh cửa sổ Pháp, mà ngồi xuống ở một đầu chiếc ghế Chesterfield. Bà nhận thấy không hẳn mình đang đợi. Bà

không biết ai khác có được sở trường ngồi yên vị như bà, thậm chí không cần một cuốn sách trên đùi, sở trường di chuyển nhẹ nhàng qua những ý nghĩ của mình, như thể một người đi khám phá khu vườn mới. Bà đã học được cách kiên nhẫn trong suốt những năm tháng tránh né chứng đau nửa đầu. Cáu kỉnh, suy nghĩ tập trung, đọc, nhìn, muốn - tất cả đều phải tránh, thay vào đó là dòng liên tưởng lơ lửng trôi, trong khi từng phút tụ lại như tuyết dồn thành đống và im lặng thăm sâu hơn quanh bà. Giờ ngồi đây bà cảm thấy hơi đêm khẽ mơn man gấu chiếc váy khiến nó khẽ chạm lên cẳng chân bà. Tuổi thơ bà bỗng trở nên hữu hình như lớp vải lụa óng ánh của chiếc váy - vị, thanh, mùi, tất cả những cái đó, quện thành một thực thể rõ ràng hơn nhiều một trạng thái cảm xúc. Có một sự hiện diện trong căn phòng: cái tôi mười tuổi phiến não không ai đoái hoài của bà, một bé gái thậm chí còn kiêu hơn cả Briony, con bé thường bắn khoăn về sự trống rỗng vô tận của thời gian và kinh ngạc khi thế kỷ mười chín sắp kết thúc. Mới giống bà làm sao, nó cũng ngồi trong phòng như thế này, không “tham gia”. Bóng ma này được triệu đến không phải bởi việc Lola giống hệt Hermione, hay do hai đứa sinh đôi khó hiểu biến mất trong đêm tối. Nó được triệu đến bởi sự thu mình từ từ khỏi mẹ, cái thoát bước vào sự độc lập của Briony, báo hiệu thời thơ ấu của con bé đang sắp sửa kết thúc. Một lần nữa nó lại ám ảnh Emily. Briony là con út của bà, và từ giờ đến khi bà xuống mồ sẽ chẳng có gì quan trọng giản đơn hay sung sướng bằng việc chăm lo cho một đứa trẻ. Bà không phải đồ ngốc. Khi ngẫm nghĩ đến cảnh trông hệt như sự tàn lụi của chính mình: Briony chắc chắn sẽ đi học trường của chị nó, trường Girton, còn bà, Emily, đến ngày ấy tứ chi bà sẽ dần cứng đờ và càng ngày càng vô dụng; tuổi tác và mỗi mết sẽ đưa Jack trở lại vòng tay bà; và sẽ chẳng ai nói gì nữa, hay không có gì cần phải nói, bà vẫn biết cảm giác thoải mái dịu ngọt viễn cảnh ấy mang lại thực ra chỉ là nỗi thương thân. Và giờ thì cái bóng ma của thời thơ ấu bà, khuếch tán khắp căn phòng, đã buộc bà nhớ đến cái vòng cung hiện sinh hữu hạn. Câu chuyện kết thúc mới nhanh làm sao. Không hề lớn lao và vô nghĩa, mà vội vã. Tàn nhẫn.

Tinh thần bà không hẳn ảm đạm đi vì những suy nghĩ thông thường này. Bà trôi bồng bềnh bên trên chúng, vô cảm nhìn xuống, lơ đãng bện chúng lại với những mối bận tâm khác. Bà định trồng một khóm tử đinh hương dọc lối vào hồ bơi. Robbie đang muốn thuyết phục bà làm giàn dây leo và trồng loài đậu tía mọc chậm cho uốn lên giàn, anh thích hoa và hương của nó. Nhưng bà và Jack có khi đã nằm sâu dưới ba thước đất trước khi hoa kịp trở bông. Câu chuyện sẽ kết thúc. Bà nghĩ đến Robbie trong bữa tối, trong mắt anh có vẻ gì đó man dại và đờ đẫn. Có thể nào anh lại đang hút thứ cần sa mà bà đọc thấy trên tạp chí không, thứ thuốc khiến thanh

niên có khuynh hướng phóng túng vượt qua ranh giới điên rồ ấy? Bà quý anh vừa phải, và mừng cho Grace Turner khi hóa ra anh lại thông minh sáng sủa. Nhưng thực ra, anh là sở thích của Jack, là bằng chứng sống của cái nguyên tắc công bằng nào đó mà ông đã theo đuổi hàng bao năm qua. Khi nhắc đến Robbie, không thường xuyên lắm, trong giọng ông có chút gì đó thể hiện bằng chứng rằng ông đã đúng. Một điều gì đó được thiết lập và Emily coi đó là sự chỉ trích chính bà. Bà đã phản đối khi ông đề nghị cho thằng bé tiền học, một việc theo bà có hơi hướng vác tù và hàng tổng, và không công bằng với Leon và hai đứa con gái. Bà không coi mình đã bị chứng minh là sai đơn giản chỉ vì Robbie tốt nghiệp Cambridge với bằng hạng nhất. Thực ra, chuyện đó đã khiến mọi thứ khó khăn hơn với Cecilia khi nó chỉ là hạng ba, mặc dù nó thật lố bịch khi vờ tỏ ra thất vọng. Sự nâng cao phẩm giá của Robbie. “Sẽ chẳng đem lại gì tốt lành đâu” là câu bà thường nói, còn Jack sẽ phản ứng một cách tự mãn rằng hàng đồng thứ tốt lành đã đến rồi còn gì.

Nhưng dù sao, Briony vẫn vô cùng bất lịch sự trong bữa tối khi nói chuyện kiểu đó với Robbie. Nếu con bé có những mối oán giận riêng, Emily sẽ thông cảm. Chuyện đó bà đã nghĩ đến. Nhưng bộc lộ chúng ra thì thật không đúng đắn. Lại nghĩ đến bữa tối - anh chàng Marshall kia làm mọi người dễ chịu mới tài tình làm sao chứ. Anh ta có phù hợp không nhỉ? Bề ngoài anh ta thì quả là đáng tiếc thật, nửa khuôn mặt trông như một phòng ngủ trang hoàng quá đáng. Có lẽ chẳng mấy chốc nữa nó sẽ lồm chồm, cái cằm như miếng pho mát này. Hay sôcôla. Nếu thực sự sắp sửa được cung cấp kẹo Amo cho toàn bộ Quân đội Anh thì anh ta sẽ giàu sụ. Nhưng Cecilia, đã học được dạng hiện đại của tính kiêu kỳ ở Cambridge, coi một người đàn ông có bằng hóa học là một con người không hoàn thiện. Máy từ này đặc sệt nó. Nó lang thang ba năm ở Girton với cái loại sách nó hoàn toàn có thể đọc ở nhà - Jane Austen, Dickens, Conrad, tất cả trong thư viện dưới tầng, trọn bộ. Làm sao cái việc theo đuổi đó, đọc những cuốn tiểu thuyết mà người khác chỉ coi là tiêu khiển, lại khiến nó nghĩ mình cao hơn mọi người khác? Ngay cả một nhà hóa học cũng có giá trị của anh ta chứ. Và nhà hóa học này đã tìm cách làm sôcôla từ đường, các chất hóa học, phẩm màu nâu và dầu thực vật. Mà không hề có bơ cacao. Để sản xuất ra một tấn cái thứ này, anh ta giải thích trong khi dùng món cocktail đáng kính ngạc của mình, gần như chẳng mất xu nào. Anh ta có thể hạ giá mặt hàng so với đối thủ và tăng lợi nhuận biên. Nghe thì thô tục, nhưng hàng bao năm sung *sướng*, *hàng bao năm* nhàn hạ sẽ tuôn ra từ những bể nguồn rẻ mạt này.

Hơn ba mươi phút trôi qua không hay biết khi những mẩu vụn này - ký ức, phán xét, quyết định không rành mạch, hoài nghi - lặng lẽ trải ra

trước bà, trong khi bà hầu như không thay đổi vị trí và không nghe tiếng đồng hồ điểm mỗi lần sau mười lăm phút. Bà ý thức được gió đã mạnh lên, làm sập một cánh cửa kính lại, rồi lại lịm dần. Sau đó bà bị Betty và những người phụ giúp làm phiền khi họ dọn dẹp phòng ăn, rồi những âm thanh đó cũng tắt dần và, một lần nữa, Emily lại thả mình lang bạt trên những ngã đường mơ màng, trôi bồng bềnh nhờ liên tưởng, và với sự thành thạo có được sau hàng nghìn cơn đau đầu, tránh tất tậ mọi thứ đột ngột hay dữ dội. Khi cuối cùng điện thoại đổ chuông, bà ngay lập tức đứng dậy, không hề tỏ ra ngạc nhiên, quay lại sảnh, nhắc ông nghe lên và nói to như mọi khi bằng ngữ điệu lên giọng của một câu hỏi, “Nhà Tallis nghe?”

Rồi tiếng tổng đài điện thoại, viên trợ lý nói giọng mũi, im lặng một lúc và tiếng rè rè của đường thoại đường dài, rồi giọng trung tính của Jack.

“Em yêu. Muộn hơn mọi khi. Anh vô cùng xin lỗi.” Đã mười một rưỡi. Nhưng bà không bận tâm, vì cuối tuần ông sẽ về, và ngày nào đó ông sẽ về nhà vĩnh viễn nên bà sẽ không thốt ra một lời tồi tệ nào cả.

Bà nói, “Tuyệt đối không sao mà.”

“Do bản sửa đổi Tuyên bố Liên quan đến Quốc phòng¹⁴. Sẽ phải in lại lần hai. Rồi cái này dẫn tới cái kia.”

“Tái vũ trang,” bà dịu dàng nói.

“Anh e là vậy.”

“Anh biết đấy, ai cũng phản đối nó.”

Ông cười khùng khục. “Văn phòng này thì không.”

“Cả em cũng phản đối.”

“Ồ, em yêu. Anh hy vọng ngày nào đó sẽ thuyết phục được em.”

“Còn em sẽ thuyết phục được anh.”

Đoạn đối thoại mang chút dấu âu yếm, và sự thân thương của nó thật dễ chịu. Như lệ thường, ông hỏi bà ngày hôm nay thế nào. Bà kể cho ông chuyện trời nóng ghê gớm, vở kịch của Briony tan tành, và Leon về cùng một anh bạn mà theo bà, “Anh ta theo phe anh. Nhưng anh ta muốn có nhiều binh sĩ hơn nữa để có thể bán cho chính phủ kẹo sôcôla của mình.”

“Anh hiểu rồi. Lưỡi cày thành giấy thiếc¹⁵.”

Bà miêu tả bữa tối, và ánh mắt man dại của Robbie ở bàn ăn. “Mình có nhất thiết phải cho nó học trường y không?”

“Có chứ. Đó là một bước táo bạo. Đúng kiểu nó. Anh biết nó sẽ thành công.”

Rồi bà kể bữa tối kết thúc vì lá thư của hai thằng sinh đôi thế nào, và nhóm tìm kiếm đang sục sạo ngoài kia.

“Bọn quỷ nhỏ. Mà rốt cuộc bọn chúng đi đâu nhỉ?”

“Em không biết. Em vẫn đang đợi tin.”

Im lặng bao trùm, chỉ bị một tiếng tích tắc đều đều xa xăm phá vỡ. Rồi cuối cùng ngài công chức cấp cao lên tiếng bảo ông đã quyết rồi. Việc ông đặc biệt dùng tên riêng của bà cho thấy ông nghiêm túc.

“Giờ anh sẽ dập máy, Emily ạ, vì anh sẽ gọi cảnh sát.”

“Có thực sự cần thiết không? Đến khi họ về được đây...”

“Nếu nghe được tin gì em báo cho anh ngay lập tức nhé.”

“Khoan đã...”

Nghe tiếng động bà quay lại. Leon đang bước qua cửa chính. Ngay sau lưng anh là Cecilia mặt mày hoảng hốt không thốt lên lời nào. Rồi đến Briony cánh tay choàng qua vai cô em họ. Mặt Lola trắng bệch và cứng đờ, như một cái mặt nạ đất sét, khiến Emily, dù chưa hiểu được nét mặt ấy, cũng ngay lập tức hiểu ra chuyện tệ nhất. Hai đứa sinh đôi đâu?

Leon băng qua sảnh về phía bà, tay vớ ra cầm điện thoại. Từ gấu quần anh lên đến đầu gối có một vệt đất. Bùn, mà lại trong cái thời tiết khô cong thế này. Anh thở nặng nhọc vì đã ráng sức, một vạt tóc bóng nhẫy rủ xuống trước mặt khi anh vồ lấy ống nghe từ tay bà và xây lưng lại.

“Bố phải không ạ? Vâng. Thế này, con nghĩ bố nên về. Không, vẫn chưa, và có chuyện còn tệ hơn. Không, không, bây giờ con không nói được. Nếu được thì tối nay đi. Bọn con sẽ gọi họ ngay đây. Tốt nhất là bố về đi ạ.”

Bà đặt tay lên ngực, bước vài bước lại chỗ Cecilia và hai đứa con gái đang đứng nhìn. Leon đã hạ giọng xuống và lẩm bẩm rất nhanh vào ống nghe đang được bàn tay khum lại che. Emily không nghe được lời nào, và không muốn nghe. Bà thích lui vào phòng mình ở trên lầu hơn, nhưng Leon đã nói chuyện xong với một tiếng cạch vang vang của nhựa tổng hợp Bakelite và quay sang bà. Mắt trợn trừng, và bà tự hỏi có phải mình vừa trông thấy sự giận dữ. Anh đang cố hít thật sâu, và môi căng ra trên hàm răng trong một điệu nhăn nhó kỳ dị.

Anh nói, “Mình sẽ vào ngồi trong phòng khách.”

Bà hiểu chính xác anh định nói gì. Anh không nói cho bà ngay bây giờ, anh sẽ không để bà ngã khụy xuống nền gạch mà vỡ sọ. Bà nhìn anh đăm đăm, nhưng không dịch chân.

“Đi nào, Emily,” anh nói.

Tay con trai bà nóng và nặng trĩu đặt lên vai bà, và bà cảm thấy sự ẩm ướt của nó qua làn lụa. Bất lực, bà để anh dẫn về phía phòng khách, toàn bộ nỗi khiếp sợ trong bà tập trung vào một sự việc đơn giản là anh muốn bà ngồi xuống trước khi nói ra tin đó.

Mười ba

Trong vòng nửa tiếng nữa Briony sẽ phạm phải tội ác của chính mình. Ý thức rằng mình đang chung một không gian đêm với tên điên, thoát đầu em cố đi sát vào những bức tường tối của ngôi nhà, rồi cúi thật thấp dưới bậc cửa sổ mỗi khi đi qua một cửa sổ sáng đèn. Em biết hẳn sẽ đi xuống lối cho xe chạy chính bởi chị gái em và Leon đã đi theo lối đó. Ngay khi nghĩ rằng đã cách xa một khoảng an toàn, Briony liền lĩnh rẽ khỏi ngôi nhà theo một đường vòng cung lớn tới khu chuồng ngựa và hồ bơi. Sẽ là hợp lý, chắc chắn thế, khi thử xem hai đứa sinh đôi có ở đó không, đang nghịch mấy cái ống nước, hay đã chết nổi lênh bênh rồi, mặt úp xuống nước, cho đến phút cuối vẫn không phân biệt được đứa này với đứa kia. Em nghĩ đến việc sẽ miêu tả thế nào, cái cách chúng dập dềnh trên mặt nước lấp lánh khẽ cồn sóng, tóc chúng xỏa xượi ra như những tua dây leo, còn thi thể còn nguyên quần áo của chúng khẽ va vào nhau rồi lại tách ra. Không khí buổi đêm khô ráo luồn vào giữa váy và da em, và em cảm thấy nhẹ nhàng và lạnh lẽo trong bóng đêm. Không có gì em không miêu tả được: tiếng bước chân khẽ khàng của tên điên khi bước đi ngoằn ngoèo theo lối xe chạy, bám sát lề để làm khuất bớt đi tiếng mình đang tiến đến. Nhưng anh trai em đang đi cùng Cecilia, nên một gánh nặng được nhắc đi. Em có thể miêu tả cả không khí quẩn rũ này nữa, cỏ đang phả ra mùi gia súc ngọt ngào, mặt đất từng bị thiêu đốt dữ dội vẫn còn giữ dấu vết âm ỉ của cái nóng ban ngày và phả ra mùi khoáng chất của đất sét, làn gió nhẹ thổi đến từ hồ mang theo hương vị của màu xanh lá và ánh bạc.

Em cất bước chạy vụt qua bãi cỏ và nghĩ mình có thể chạy miết suốt đêm, vút qua không khí óng mềm, được đẩy lao đi nhờ nền đất cứng như thép cuộn dưới chân, và nhờ cái cách mà bóng đêm tạo cảm giác chạy nhanh gấp đôi bình thường. Em từng mơ mình chạy thế này, rồi chúi người ra trước, dang rộng tay, và ngừng chống lại niềm tin của mình - phần khó khăn duy nhất, nhưng trong giấc ngủ thì khá dễ dàng - rời khỏi mặt đất bằng cách đơn giản là bước khỏi nó, sà xuống hàng rào, cổng và mái nhà, rồi bay vút lên, hân hoan chao liệng dưới tầng mây, trên những cánh đồng, trước khi lại nhào xuống lần nữa. Giờ em đã cảm nhận được rằng có thể đạt được điều này bằng cách nào: chỉ thuần túy nhờ khao khát; thế giới mà em chạy qua yêu em, sẽ cho em thứ em muốn và sẽ cho phép điều đó xảy ra. Và rồi, khi nó xảy ra thật, em sẽ mô tả nó.

Chẳng phải viết lách là một cách để vút bay, một hình thái có thể đạt được của sự bay bổng, của ảo tưởng, của trí tưởng tượng sao?

Nhưng có một tên điên rón rén trong đêm với trái tim đen tối chưa thỏa thèm khát - em đã khiến hắn bực tức - và em cần xuống mặt đất để miêu tả cả hắn nữa. Trước tiên em phải bảo vệ chị gái khỏi hắn, rồi tìm nhiều cách để tái hiện hắn một cách an toàn trên mặt giấy. Briony chậm lại thành nhịp đi bộ, và nghĩ hắn chắc phải ghét em ghê gớm vì đã cản trở hắn trong thư viện. Và mặc dù điều đó làm em hoảng sợ, nó vẫn là một lối vào, một khoảnh khắc vào đời, một lần đầu tiên nữa: bị một người lớn ghét. Trẻ con chỉ ghét một cách chung chung, thất thường. Chẳng quan trọng mấy. Nhưng trở thành đối tượng thù ghét của người lớn là bước khởi đầu vào một thế giới trang nghiêm mới. Đó là một bước tiến. Có thể hắn đang khom mình, và rình đợi em với những ý nghĩ sát nhân đằng sau khu nhà ngang. Nhưng em đang cố không sợ hãi. Em đã nhìn chằm chằm vào mắt hắn trong thư viện khi chị gái em vụt qua, mặt không hề biểu lộ là mình vừa được cứu nguy. Đó không phải là chuyện cảm ơn, em biết, cũng không phải chuyện đền ơn. Đã là tình yêu vị tha thì không cần phải nói gì, và em sẽ bảo vệ chị, ngay cả nếu Cecilia không thừa nhận chị biết ơn em. Và giờ Briony không thể sợ Robbie; cho đến lúc này tốt hơn hết là để hắn trở thành đối tượng của nỗi ghê tởm và căm ghét của em. Họ đã cho hắn mọi thứ sung túc, gia đình Tallis: gia đình êm ấm nơi hắn lớn lên, vô số chuyến du lịch Pháp, rồi sách và đồng phục đi học phổ thông, và rồi Cambridge - vậy mà đền đáp lại, hắn đã viết một từ kinh khủng để gửi cho chị gái em và, lạm dụng lòng hiếu khách đến không thể tin nổi, hắn dùng sức mạnh chống lại cả em, và xác xược ngồi tại bàn ăn vờ như chẳng có chuyện gì xảy ra. Sự giả dối, em khao khát được vạch trần nó biết nhường nào! Cuộc đời thực, cuộc đời em hiện mới đang bắt đầu, đã cử đến cho em một tên ác đồ trong hình dáng một người bạn cũ của gia đình với đôi tay khỏe mạnh, vụng về và một khuôn mặt lờm chờm râu thân thiện từng cõng em trên vai, và bơi cùng em dưới sông, giữ em giúp bơi ngược dòng nước. Như vậy có vẻ đúng - sự thật luôn kỳ lạ và dối lừa, phải vật lộn mới giành được, đi ngược lại dòng chảy của những gì thường nhật. Đây chính xác là điều không ai ngờ nổi, và dĩ nhiên - trên sân khấu những kẻ ác không lộ diện ngay bằng giọng rít hung tợn hay những màn độc thoại tự nhận - chúng không xuất hiện trong bộ áo choàng đen, gương mặt xấu xí. Bỗng qua phía bên kia ngôi nhà, đi mỗi lúc một xa em, là Leon và Cecilia. Có thể chị đang kể cho anh nghe chuyện mình bị tấn công. Nếu chị kể, anh sẽ choàng tay qua vai chị. Sánh bước cùng nhau, những đứa con nhà Tallis sẽ tách con quái thú này ra, tiễn biệt hắn ra khỏi cuộc đời họ một cách an toàn. Họ sẽ phải đổi đầu và

làm cha thay đổi niềm tin, và an ủi ông khi ông giận dữ và thất vọng. Khi người được ông che chở hóa ra lại là một kẻ điên! Từ cửa Lola cời lớp bụi của những từ khác quanh nó - người, điên, riu, tấn công, buộc tội¹⁶ - và xác nhận lời chẩn đoán.

Em đi vòng qua khu chuồng ngựa và dừng lại dưới cổng vòm, dưới tháp đồng hồ. Em gọi to tên hai đứa sinh đôi, nhưng đáp trả lại chỉ là tiếng khua và cọ xuống mặt đất của móng guốc, cùng tiếng thịch của tấm thân nặng nề ép sát vào chuồng. Em mừng vì mình chưa từng thích cả ngựa lớn lẫn ngựa con, vì chắc chắn đến giai đoạn này trong đời em sẽ lờ nó đi. Giờ em không lại gần những con vật ấy, dù chúng cảm thấy sự hiện diện của em. Theo cách nói của chúng, một vị chúa, một vị thần, đang lảng vảng ở rìa ngoài thế giới của chúng, và chúng cố gắng hết sức để được đáng thánh thần ấy để ý tới. Nhưng em không quay lại mà tiếp tục tiến về phía hồ bơi. Em tự hỏi liệu việc chịu trách nhiệm suốt đời với một người, thậm chí một sinh vật như ngựa hay chó, có phải là đi ngược lại một cách cơ bản hành trình hướng nội và tự do của việc viết lách hay không. Lo lắng muốn bảo vệ, gắn kết với tâm trí người khác khi mình bước vào đó, đảm nhiệm vai trò chủ đạo là người dẫn dắt số phận kẻ khác, hầu như không phải là tự do tinh thần. Có lẽ em sẽ trở thành một trong những người phụ nữ ấy - đáng thương hại hay đáng ghen tị - chọn cách không sinh con để cái. Em theo con đường lát gạch chạy vòng quanh rìa ngoài khu chuồng ngựa. Như mặt đất, những viên gạch đầy cát cũng tỏa ra hơi nóng còn lưu giữ lại từ ban ngày. Em cảm thấy hơi nóng trên má mình và dưới bắp chân trần khi bước qua. Em loạng choạng chạy vội qua lối đi như một đường hầm tối thui dưới rặng tre, và bước ra khỏi đó đặt chân lên những đường nét hình học tạo cảm giác vững dạ của những viên đá lát.

Đền dưới nước, được lấp vào mùa xuân năm đó, vẫn còn mới toanh. Ánh lấp lánh màu xanh lơ hắt ngược lên khiến cho mọi thứ quanh hồ bơi có một vẻ mơ hồ, như dưới ánh trăng, như một bức ảnh. Một bình thủy tinh, hai cốc vại và một tấm vải nằm trên bàn thiếc cũ. Một cái cốc thứ ba đựng vài miếng quả nhỏ đứng thẳng bằng ở cuối ván nhảy. Trong hồ hơi không có thi thể nào, không tiếng cười rúc rích từ trong thủy đình tối đen, không tiếng sụt từ trong bóng rặng tre ken dày. Em chậm chậm đi quanh hồ, thôi tìm kiếm, nhưng bị mặt nước lặng như tờ sáng như gương thu hút. Bất chấp việc chị gái đang bị nguy hiểm vì tên điên, em vẫn thấy ra ngoài muện thế này thật sung sướng, mà lại được phép. Em thực sự nghĩ hai đứa sinh đôi chẳng bị nguy hiểm gì. Ngay cả khi chúng đã thấy bản đồ khu vực lồng khung để trong thư viện, và đủ thông minh mà hiểu nó vẽ gì, và định rời khỏi đây đi bộ về phía Bắc suốt đêm, chúng cũng sẽ buộc phải

đi theo đường xe vào rừng chạy dọc bên đường ray xe lửa. Vào thời điểm này trong năm, khi tán cây che rợp con đường, lối đi sẽ chìm hoàn toàn trong màu đen. Còn mỗi một đường nữa để đi là qua cổng, về phía mạn sông. Nhưng cả ở đây nữa cũng không có ánh sáng, không cách nào đi được trên đường mòn hay cúi xuống tránh cành cây đâm ra, hay né đám tầm ma mọc rậm rạp hai bên đường. Chúng sẽ không đủ can đảm mà đặt mình vào nguy hiểm.

Chúng an toàn, Cecilia thì đi cùng Leon, còn em, Briony, tự do lang thang trong bóng tối và thường ngoạn cái ngày kỳ lạ của mình. Khi đi xa khỏi hồ bơi, em quyết định rằng tuổi thơ của mình đã chấm dứt vào cái giây phút em xé toạc tấm áp phích. Truyện cổ tích đã ở đằng sau em, và mới chỉ trong vài giờ em đã chứng kiến những điều kỳ bí, nhìn thấy một từ không thể nói to lên được, làm gián đoạn một hành vi tàn bạo, và bằng cách tự mình gánh chịu sự căm ghét của một người lớn mà ai ai cũng tin tưởng, em đã trở thành người tham dự vào tấn trò đời bên ngoài phòng trẻ. Giờ tất cả những gì em phải làm là khám phá những câu chuyện, không chỉ chủ đề, mà còn là cách kể ra chúng, như thế mới xứng đáng với trí thức mới của em. Hay ý em là, hiểu thấu sự ngờ nghệch của chính em một cách khôn ngoan hơn?

Cứ dăm dăm nhìn mặt nước vài phút liên tục, hình ảnh cái hồ in vào tâm trí em. Có khi hai đứa kia đang trốn trong ngôi đền trên đảo. Nó nằm khuất nẻo, nhưng không quá tách biệt khỏi ngôi nhà, một nơi nhỏ nhắn dễ chịu có nước để giải khát cho vui mà lại không quá nhiều bóng cây bóng nhà. Những người khác có thể đi thẳng qua cầu mà không đảo mắt xuống đó. Em quyết định tiếp tục đi đường cũ và tiến đến cái hồ bằng cách vòng qua phía sau nhà.

Hai phút sau em đã băng qua luống hồng và lối đi lát sỏi trước đài phim Triton, nơi diễn ra một cảnh kỳ bí rõ ràng đã dự báo trước những cảnh tàn bạo sau đó. Khi băng qua em nghĩ mình nghe thấy một tiếng hét yếu ớt, và nghĩ em thấy từ khóe mắt mình một tia sáng vụt lên rồi tắt ngấm. Em dừng lại, và căng tai ra nghe trên nền tiếng nước tí tách. Tiếng hét và ánh sáng đến từ khu rừng cạnh con sông, cách đó khoảng vài trăm mét. Em đi về hướng đó trong nửa phút rồi lại dừng lại nghe. Nhưng không có gì, không gì ngoại trừ khối bóng tối đặc quánh bao la của khu rừng hiện ra mồn một trên nền trời phía Tây xanh xám. Sau khi đợi một lúc em quyết định quay lại. Để trở lại đường mòn, em tiến thẳng về phía ngôi nhà, về phía hiên nơi một ngọn đèn dầu hỏa tròn tỏa sáng giữa những ly, chai và xô đá. Cánh cửa sổ Pháp của phòng khách vẫn mở toang vào đêm tối. Em có thể nhìn thẳng vào trong phòng. Và dưới ánh sáng của chỉ một cây đèn, bị tấm rèm nhung che khuất một phần, em

nhìn thấy ở phía bên kia phòng, trên một đầu sofa, một vật thể hình trụ nằm ở tư thế kỳ lạ, dường như đang trôi lơ lửng. Chỉ sau khi bước thêm năm mươi mét nữa em mới hiểu rằng cái mình thấy là một cái chân người tách ra khỏi cơ thể. Tiếp tục lại gần hơn, và em hiểu ra; dĩ nhiên chính là chân mẹ em, và bà hẳn đang đợi hai đứa sinh đôi. Bà bị mấy tấm rèm gần như che khuất, một chân đi tất vắt trên đầu gối chân kia, tạo cho nó cái vẻ lơ lửng, nghiêng nghiêng, lạ lùng.

Briony dịch đến gần một cửa sổ bên trái rồi mới tiến thẳng đến ngôi nhà để tránh bị Emily nhìn thấy. Em đang đứng quá xa sau lưng mẹ nên không thể nhìn thấy mắt bà. Em chỉ thấy mờ mờ chỗ trũng xuống của hốc mắt trên gò má. Briony chắc chắn mắt bà đang nhắm. Đầu bà ngả ra sau, còn tay nắm hờ đặt trên đùi. Vai phải bà nâng lên và hạ xuống khê khàng theo nhịp thở. Briony không nhìn thấy miệng mẹ, nhưng em chắc nó trễ xuống, để nhằm tưởng thành có ý - tượng hình cho - chê trách. Nhưng không phải thế, vì mẹ em tốt bụng và ngọt ngào và tử tế vô cùng. Nhìn mẹ ngồi đó một mình, đêm khuya, thật buồn, nhưng cũng thật dễ chịu. Briony tự cho phép mình tận hưởng cảm giác ấy thêm nữa bằng cách nhìn qua cửa sổ trong tinh thần từ biệt. Mẹ đã bốn mươi sáu, già một cách buồn bã. Một ngày nào đó bà sẽ chết. Lễ tang sẽ tổ chức trong làng, tại tang lễ ấy sự trầm mặc cao quý của Briony sẽ ngụ ý một nỗi buồn đau tột độ. Khi bạn bè em tới thì thắm những lời chia buồn, họ sẽ cảm thấy kính sợ trước mức độ nỗi bi thương của em. Em thấy mình đứng cô độc trong một vũ đài lớn, trong một đại hý trường sừng sững, trước con mắt của không chỉ tất cả những người em đã quen biết mà còn tất cả những ai em sẽ quen biết, toàn bộ dàn diễn viên của vở kịch cuộc đời em, tụ tập lại để yêu thương em trong sự mất mát này. Và tại nghĩa địa, tại nơi người ta gọi là góc dành cho ông bà, em, Leon và Cecilia sẽ đứng ghì siết lấy nhau tưởng chừng mãi mãi trên dải cỏ dài cạnh bia mộ mới, một lần nữa được người khác dõi theo. Việc này phải được chứng kiến. Chính lòng thương xót của những người đầy thiện ý ấy đã khiến mắt em cay cay.

Khi đó em đã có thể lại chỗ mẹ, ôm chặt bà từ phía sau và bắt đầu kể lại chuyện trong ngày. Nếu làm thế thì hẳn em đã không phạm tội ác của mình. Rất nhiều thứ sẽ không xảy ra, sẽ không có gì xảy ra, và bàn tay mềm mại của thời gian sẽ khiến buổi tối ấy hầu như chìm vào quên lãng: cái đêm hai đứa sinh đôi bỏ nhà đi. Là năm ba mươi tư, ba lăm hay ba sáu? Nhưng chẳng vì lý do cụ thể nào, ngoài cái nghĩa vụ mơ hồ là đi tìm và cảm giác sung sướng được ở ngoài muện, em lại quay đi, và khi làm thế vai em va phải rìa một cánh cửa sổ Pháp đang mở, làm nó đóng lại. Tiếng động rất đanh - gõ thông lâu năm đập lên gỗ cứng của cây lá rộng -

và vang vọng như một lời khiển trách. Nếu ở lại em sẽ phải giải thích cho mình, vì thế em nhẹ nhàng rút vào trong bóng tối, nhanh nhẹn nhón chân qua những phiến đá và đám cỏ thơm mọc ở giữa. Rồi em ra đến bãi cỏ giữa luống hồng nơi em có thể chạy mà không gây ra tiếng động nào. Em vòng qua hồng ngôi nhà tới phía trước, lên bãi sỏi mà em đã chân không bước thấp bước cao qua lúc chiều.

Tại đây em đi chậm lại khi quay xuống lối xe chạy về phía cầu. Em quay lại điểm ban đầu và nghĩ mình chắc chắn sẽ gặp những người khác, hay nghe tiếng gọi của họ. Nhưng chẳng có ai. Những hình khối đen kịt của cây coi đứng cách xa nhau khắp công viên làm em ngán ngại. Có kẻ ghét em, phải nhớ điều đó, hấn khó lường và hấn hung tợn. Leon, Cecilia và anh Marshall giờ chắc đi xa lắm rồi. Những cây gần hơn, hay ít nhất thân của chúng, có hình dáng người. Hay có thể che khuất một người. Ngay cả nếu có ai đứng trước thân cây em cũng không thể trông thấy. Giờ em mới nhận thấy rõ làn gió từ ngọn cây ủa xuống, và âm thanh quen thuộc ấy làm em bất an. Hàng triệu cảm giác khó chịu riêng rẽ nhưng rõ rệt đổ dồn dập xuống giác quan em. Khi gió chột mạnh lên rồi lịm tắt, âm thanh đó dịch khỏi em, lướt qua công viên tối đen như một sinh thể. Em dừng lại và tự hỏi không biết mình có đủ can đảm mà bước tiếp về phía cầu, băng qua, và rời khỏi nó, xuống bờ dốc ra chỗ đèn trên đảo hay không. Đặc biệt là khi thực sự chẳng có gì nhiều dưới đó - chuyện hai thằng bé có thể đã lang thang xuống dưới đó chỉ là linh cảm của em. Không giống người lớn, em không có đèn pin. Mọi người không hy vọng em sẽ làm được gì, sau rốt em chỉ là một đứa nhỏ trong mắt họ. Hai đứa sinh đôi không gặp nguy hiểm.

Em đứng trên bãi sỏi chừng một hai phút, không hẳn là sợ quá đến mức phải quay lại, cũng không đủ tự tin để bước tiếp. Em có thể quay về với mẹ và ngồi cùng mẹ trong phòng khách mà đợi. Em có thể chọn lối đi an toàn hơn, theo đường xe chạy trở lại, trước khi nó dẫn tới khu rừng - và vẫn tạo ra ấn tượng mình có đi tìm hấn hoi. Nhưng rồi, chính xác là do ngày hôm đó đã chứng tỏ với em rằng em không phải là một đứa nhỏ, và rằng giờ em là một nhân vật trong một câu chuyện lớn lao hơn và phải chứng tỏ rằng mình xứng đáng với nó, em buộc mình bước tiếp và băng qua cầu. Từ bên dưới em, được vòm cầu bằng đá khuếch đại, vọng lên tiếng rít của gió lùa qua đám lách, và một tiếng đập cánh trên nước rồi đột ngột lịm đi. Đây là những âm thanh thường nhật được phóng đại nhờ bóng đêm. Và bóng đêm không là gì cả - nó không phải là vật chất, nó không phải là một sự hiện diện, nó không là gì ngoài sự vắng mặt của ánh sáng. Cây cầu không dẫn tới đâu ngoài một hòn đảo nhân tạo trên một cái hồ nhân tạo. Nó ở đó đã gần hai trăm năm, vị trí cách biệt khiến

nó nổi bật lên trên khoảng đất, và nó thuộc về em nhiều hơn thuộc về bất kỳ ai. Em là người duy nhất từng đến đây. Với những người khác, nó không là gì ngoài một hành lang dẫn ra hay vào nhà, một cây cầu giữa hai cây cầu, một vật trang trí quen thuộc đến mức vô hình. Hardman cùng con trai ông một năm hai lần đến cắt cỏ quanh đền. Những kẻ lang thang đã mò đến đây. Lũ ngỗng di trú lạc đường thỉnh thoảng sà xuống làm vinh dự bờ hồ đầy cỏ. Ngoài thế ra nó chỉ là một vương quốc cô độc của lũ thỏ, chim nước và chuột nước.

Vậy nên sẽ thật đơn giản khi chọn đi xuống bờ sông và băng qua cỏ về phía đền. Nhưng một lần nữa, em lại do dự, và chỉ nhìn, thậm chí không gọi to tên hai đứa bé. Về nhột nhột mờ mịt của ngôi đền hơi ánh lên trong bóng tối. Khi em nhìn thẳng vào, nó tan biến hoàn toàn. Nó nằm cách em chừng ba mươi mét, và gần hơn, ở giữa trăng cỏ, là một bụi cây mà em không nhớ là có. Hay đúng hơn, em nhớ là nó ở gần bờ hơn. Đám cây cối khác cũng có gì đó không đúng, theo em thấy thì thế. Cây sồi phình to ra quá, cây du um tùm quá, và trong sự kỳ quái của chúng, có vẻ chúng đang thông đồng với nhau. Khi em giơ tay chạm vào thành cầu, một con vịt làm em giật nảy mình khi kêu lên một tiếng giận dữ, khó chịu, gần giống tiếng người ở cái điệu trầm khàn hỏn hỏn. Bờ hồ dốc, dĩ nhiên, và sự thật rằng xuống cũng chẳng được ích gì, làm em chùn bước, chùn ý nghĩ đi xuống. Nhưng em đã quyết định. Em quay lưng trượt xuống từ từ, túm vào cỏ cho vững, và ở chân dốc chỉ dừng lại để chùi tay vào váy.

Em bước thẳng về phía đền, vừa bước được bảy tám bước, đang định gọi tên hai đứa bé, thì bụi cây nằm ngay trên đường - cái bụi cây mà em nghĩ lẽ ra phải nằm gần bờ - bắt đầu rẽ ra trước mặt em, hay to gấp đôi lên, hay rung rinh, rồi phân nhánh. Nó đang thay đổi hình dạng theo một kiểu phức tạp, ở dưới gốc thu lại như một cái cột cao chừng mét bảy, mét tám. Em sẽ dừng lại ngay lập tức nếu không nghĩ quá chắc chắn rằng đây là một bụi cây, và rằng em đang chứng kiến vài trò đùa của bóng tối và luật xa gần. Một hai giây sau, tiến thêm vài bước, thì em thấy đây không phải cây. Rồi em dừng lại. Cái vệt tối hình cột kia là một dáng người, một người đang đi xa khỏi em và bắt đầu mất dạng vào trong cái nền cây tối hơn. Cái khối đen còn lại trên đất cũng là một người, thay đổi hình dạng khi nó ngồi dậy và gọi tên em.

“Briony?”

Em nghe giọng yếu ớt của Lola - nó là âm thanh mà em đã nghĩ là của một con vịt - và ngay tức khắc, Briony hiểu toàn bộ. Em buồn nôn vì kinh tởm và sợ hãi. Giờ hình người lớn hơn kia xuất hiện trở lại, đi vòng bên phải rìa khoảng đất tiến về phía bờ hồ mà em vừa từ đó tiến tới. Em

biết mình nên chăm sóc Lola, nhưng em không thể không nhìn theo khi hắn ta lạnh lẽo, không vất vả gì leo lên dốc, và biến mất lên đường. Em nghe tiếng bước chân của hắn khi hắn bước về phía ngôi nhà. Em không hề nghi ngờ gì. Em có thể mô tả hắn. Không có gì mà em không thể mô tả. Em quỳ xuống cạnh đứa em họ.

“Lola. Em có sao không?”

Briony chạm vào vai cô, và mò mẫm tìm tay cô nhưng không thấy. Lola đang ngồi nhào người tới trước, tay bắt chéo quanh ngực, ôm mình và khẽ run run. Giọng nói yếu ớt và méo xệch, như thể bị một thứ như bong bóng, nước nhầy gì đó trong cổ họng chặn lại. Cô cần phải hắng giọng. Cô nói, mơ hồ, “Em xin lỗi, em không, em xin lỗi...”

Briony thì thầm, “Là ai thế?” và trước khi nghe được câu trả lời, em nói thêm, với tất cả sự bình tĩnh mình có được, “Chị thấy hắn. Chị *thấy* hắn.”

Ngoan ngoãn, Lola nói, “Vâng.”

Lần thứ hai trong buổi tối đó, Briony thấy cảm giác trồi mẩn với đứa em họ bừng nở trong mình. Chúng đã cùng nhau đối mặt với những nỗi kinh hoàng đích thực. Em và cô em họ thật gần gũi. Briony quỳ gối, co vòng tay qua người Lola kéo cô vào lòng, nhưng người cô to xương và cứng đờ, cô ôm chặt lấy chính mình như một cái vỏ sò. Một con ốc nút. Lola quảng tay tự ôm lấy mình và run rẩy.

Briony nói, “Là hắn ta, phải không?”

Em cảm thấy trên ngực mình, chứ không hẳn nhìn rõ, cái gập đầu của cô em, chậm chậm, trầm ngâm. Có lẽ là kiệt quệ.

Sau nhiều giây, Lola nói, cũng bằng cái giọng yếu ớt, ngoan ngoãn ấy, “Vâng. Chính là hắn.”

Đột nhiên, Briony muốn cô nói ra tên hắn. Để niêm phong tội ác, đóng khung nó bằng lời nguyện của nạn nhân, chấm dứt số phận của hắn bằng phép màu của việc chỉ đích danh hắn.

“Lola,” em thì thầm, và không thể phủ nhận sự hoan hỉ kỳ lạ mình cảm thấy. “Lola. Là ai thế?”

Cơ run rẩy ngưng lại. Hòn đảo trở nên tĩnh lặng. Gần như không thay đổi vị trí, Lola dường như dịch đi, hay dịch vai, nửa nhún, nửa xoay người, rút mình ra khỏi bàn tay thương cảm đang chạm vào người cô của Briony. Cô quay đầu đi và nhìn ra khoảng trống là cái hồ phía trước. Rất có thể cô đã chực lên tiếng, rất có thể cô đã chực mở miệng thú nhận một tràng dài mà trong khi làm thế cô sẽ tìm thấy cảm xúc của mình và dặt mình ra khỏi sự dờ dẫm về phía một thứ giống cả nỗi kinh hoàng lẫn niềm vui. Quay mặt đi rất có thể không phải là để tạo khoảng cách, mà là một hành động thể hiện tình thân, một cách để tự bình tĩnh mà bắt đầu nói ra

cảm xúc của mình với người duy nhất cô nghĩ, khi ở rất xa nhà, có thể tin tưởng mà nói chuyện. Có lẽ cô đã hít thật sâu và tách môi ra. Nhưng không quan trọng vì Briony sắp sửa chen ngang cô và cơ hội sắp vụt mất. Rất nhiều giây đã trôi qua - ba mươi? bốn mươi lăm? - và cô gái nhỏ hơn không còn tìm được mình nữa. Mọi thứ kết nối lại. Đây là phát hiện của riêng em. Nó là câu chuyện của em, câu chuyện đang được tự viết ra ở quanh em.

“Là Robbie, phải không?”

Kẻ điên. Em muốn nói từ đó.

Lola không nói gì, cũng không cử động.

Briony lại nói lần nữa, lần này không có dấu hiệu của một câu hỏi. Nó là lời tuyên bố sự thật. “Là Robbie.”

Mặc dù cô không hề quay lại, hay dịch chuyển chút nào, nhưng rõ ràng có điều gì đó đang thay đổi trong Lola, một làn hơi ấm tỏa ra từ da cô cùng một tiếng nuốt khan, cơ ở cổ họng cô giãn giật lên xuống nghe như một loạt tiếng lách tách mạnh mẽ.

Briony lại nói lần nữa. Đơn giản. “Robbie.”

Từ ngoài hồ xa vắng lại một tiếng tõm to, tròn của một con cá nhảy lên, một âm thanh rõ ràng, duy nhất, vì gió đã tắt hoàn toàn. Giờ không có gì đáng sợ trên những ngọn cây hay giữa đám lách cã. Cuối cùng Lola chậm chậm quay mặt lại phía em.

Cô nói, “Chị đã thấy hấn.”

“Sao hấn có thể,” Briony rên rỉ. “Sao hấn dám.”

Lola đặt tay lên cẳng tay của em, siết lại. Từng từ khế khàng của cô rời nhau ra một quãng khá xa. “Chị đã thấy hấn.”

Briony dịch lại gần cô hơn và đặt tay mình lên tay Lola. “Em vẫn chưa biết chuyện gì đã xảy ra trong thư viện đầu, trước bữa tối, ngay sau khi chị em mình nói chuyện. Hấn tấn công chị gái chị. Nếu chị không bước vào, chị không biết hấn sẽ làm gì nữa...”

Dù ngồi rất gần, chúng cũng không thể đọc được nét mặt nhau. Khuôn mặt tròn tối thẫm của Lola không thể hiện gì cả, nhưng Briony cảm thấy cô chỉ đang nghe một cách lơ đãng, và điều này được khẳng định khi cô cất lời em mà lặp lại câu, “Nhưng chị thấy hấn. Chị thực sự đã thấy hấn.”

“Dĩ nhiên chị thấy. Rõ như ban ngày. Chính là hấn.”

Mặc cho trời đêm ấm nóng, Lola bắt đầu run lẩy bẩy và Briony khao khát có thứ gì đó cởi ra được mà choàng lên vai cô.

Lola nói, “Hấn đến phía sau em, chị thấy đấy. Hấn vật em xuống đất... và rồi... hấn ấn đầu em ra sau, còn tay hấn bịt mắt em. Em thực sự không thể, em không có khả năng...”

“Ồi Lola.” Briony giơ tay ra chạm vào mặt em họ và tìm được má cô. Nó khô, nhưng sẽ không, em biết, sẽ không khô được lâu. “Nghe chị này. Chị không thể nhầm hấn được. Chị đã biết hấn suốt cả đời. Chị thấy hấn.”

“Vì em không nói chắc được. Ý em là, em nghĩ nghe giọng thì có thể là hấn.”

“Hấn nói gì?”

“Không nói gì. Ý em là, là âm của giọng hấn, tiếng thờ, tiếng ồn. Nhưng em không nhìn thấy. Em không nói chắc được.”

“Nhưng chị thì có thể. Và chị sẽ nói.”

Và vậy là vị trí lần lượt của chúng, vị trí sẽ được công khai hóa trong những tuần và tháng tới, và rồi sẽ âm thầm đeo đuổi cả hai như những con quỷ trong nhiều năm sau, đã được thiết lập trong giây phút bên hồ này, với việc mỗi khi thấy đứa em họ có vẻ ngờ hoặc bản thân Briony lại tăng mức độ chắc chắn của mình lên. Sau đó Lola cũng chẳng cần phải làm gì nhiều, vì cô có thể rút vào sau cái vẻ rối loạn bị tổn thương, và với tư cách một bệnh nhân được nâng niu, nạn nhân đang hồi phục, đứa trẻ bị làm hại, cho phép suốt đời mình được tắm trong lo lắng và tội lỗi của những người lớn. Sao chúng ta có thể để chuyện này xảy đến cho một đứa trẻ? Lola không thể, và không cần phải, giúp họ. Briony trao cho cô cơ hội, và theo bản năng cô tóm lấy; thậm chí còn không hấn tóm lấy - cô cứ để nó tự đậu xuống mình. Chẳng có gì nhiều nhận mà cô phải làm ngoại trừ tiếp tục im lặng sau sự sốt sắng của chị họ. Lola không cần nói dối, hay nhìn thẳng vào mắt kẻ được cho là đã tấn công cô và thu hết can đảm buộc tội hấn, bởi vì tất cả những việc đó đã được cô gái nhỏ hơn kia làm hộ, một cách ngây thơ, và không hề xảo trá. Lola chỉ cần phải im lặng không nói ra sự thật, xua đuổi nó, quên hấn nó đi, và thuyết phục mình tin không phải vào một câu chuyện ngược lại nào đó, mà đơn giản vào sự không chắc chắn của chính mình. Cô không thể thấy, tay hấn bịt mắt cô, cô kinh sợ, cô không nói chắc được.

Briony luôn ở đó giúp cô trong mọi giai đoạn. Theo như em biết, mọi thứ đều khớp; hiện tại khủng khiếp này làm trọn vẹn quá khứ vừa xong. Những sự kiện em tận mắt trông thấy đã báo trước với em về thảm họa này của cô em họ. Giá mà em, Briony, ít ngây thơ hơn, ít ngu ngốc hơn. Giờ em thấy, sự việc quá nhất quán, quá cân xứng, không thể là thứ gì đó khác với thứ em khẳng định là nó. Em buộc tội mình vì đã giả định đầy trẻ con rằng Robbie sẽ giới hạn sự chú ý của mình vào Cecilia. Em nghĩ gì thế không biết? Sau rốt hấn là một kẻ điên cơ mà. Với hấn thì ai mà chẳng được. Và hấn sẽ tấn công kẻ yếu đuối nhất - một cô gái mảnh khảnh, mò mẫm trong bóng tối ở một nơi xa lạ, dững cảm tìm kiếm hai thằng em trai khắp ngôi đền trên đảo. Y hệt như điều chính Briony định

làm. Việc chính mình rất có thể là nạn nhân của hắn làm cơn giận dữ và sự hăng hái của Briony tăng lên. Nếu đứa em họ tội nghiệp của em không có khả năng nói ra sự thật, thì em sẽ làm thay cho nó. *Chị có thể. Và chị sẽ làm.*

Ngay đầu tuần tiếp theo, bề mặt nhẵn bóng của lời buộc tội không phải không có những chỗ rạn và kẽ nứt. Mỗi khi em nhận ra chúng, dù không thường xuyên, em lại bị đẩy trở lại, cùng cảm giác chột nhói lên trong dạ dày, với nhận thức rằng điều em biết không thực sự, hoặc không chỉ, dựa trên những gì em nhìn thấy. Sự thật đó em rút ra không chỉ bằng đôi mắt. Trời thì quá không thể nhìn rõ được. Ngay cả mặt Lola ở cách mười tám inch cũng chỉ là một hình ôvan trống không, mà kẻ kia còn cách đó rất nhiều bước chân, lại còn quay lưng về phía em khi hắn vòng qua khoảnh đất lủi mất. Nhưng hắn cũng không vô hình, và khổ người cũng như cách di chuyển em nhìn rất quen. Mắt em đã xác nhận dựa trên tổng số tất cả những gì em biết và vừa mới trải qua. Sự thật luôn cân xứng, hay có thể nói, nó có nền tảng trong lương thức. Sự thật chỉ dẫn cho mắt em. Vì thế khi em nói, lặp đi lặp lại, tôi thấy hắn, em nói thực lòng, tuyệt đối trung thực, và nhiệt thành. Điều em muốn nói phức tạp hơn khá nhiều so với điều mọi người nhiệt tình hiểu, và những khoảnh khắc khó chịu liên đến khi em cảm thấy mình chẳng thể diễn tả những sắc thái khác biệt này. Em thậm chí còn không thử cố gắng một cách nghiêm túc. Không có cơ hội, không có thời gian, không được cho phép. Chỉ trong vài ngày, không, chỉ trong vài giờ, câu chuyện đã diễn biến quá nhanh và vượt quá tầm kiểm soát của em. Lời của em đã triệu đến những thế lực khủng khiếp từ cái thị trấn nên thơ và thân thuộc ấy. Cứ như thể những nhà chức trách dễ sợ này, những đặc vụ mặc đồng phục này, đã nằm sẵn sau mặt tiền các tòa nhà xinh xắn đợi một thảm họa mà họ biết sẽ phải đến. Họ hiểu đầu óc mình nghĩ gì, họ hiểu mình muốn gì và tiến hành thế nào. Em được thẩm vấn đi thẩm vấn lại, và khi em lặp lại những gì mình đã nói, gánh nặng phải nhất quán đè nặng lên em. Điều em đã nói sẽ phải nói lại lần nữa. Những sai lệch nhỏ nhất khiến em nhận được từ người nghe những nét cau lại trên đôi mày thông thái, hay ít nhiều lạnh nhạt và sự thông cảm bị giám sát. Em trở nên khao khát được làm cho họ hài lòng, và nhanh chóng hiểu ra rằng những đặc điểm nhỏ nhất em có thể chêm vào sẽ phá vỡ quá trình mà chính em đã khởi sự ra.

Em như một cô dâu tương lai bắt đầu cảm thấy nôn nao khi ngày cưới đến gần, và không dám nói ra suy nghĩ của mình vì người ta đã chuẩn bị quá nhiều vì em. Niềm hạnh phúc và sự thoải mái của quá nhiều người tốt có thể bị đe dọa. Đó là những khoảnh khắc bất an riêng tư ngăn ngủi, chỉ bị xua tan bằng cách thả mình vào niềm vui và sự phấn khởi của

những người xung quanh em. Nhiều người tử tế đến thế thì không thể sai làm được, và mỗi nghi ngờ như em đang có, em được mách bảo, cũng là bình thường thôi. Briony không muốn hủy hoại toàn bộ sự dàn xếp này. Em không nghĩ mình đủ can đảm, sau bằng ấy sự chắc chắn ban đầu và hai ba ngày thẩm vấn kiên nhẫn, tử tế, để mà rút lại lời chứng của mình. Tuy nhiên, em thích giải thích rõ, hay làm phức tạp, cách em sử dụng từ “Thấy”. Ít giống nghĩa “nhìn thấy” hơn, giống nghĩa “biết” nhiều hơn. Rồi em có thể dễ mặc cho những người thẩm vấn quyết định xem họ có tiếp tục cùng nhau điều tra nhân danh những gì em đã trông thấy theo cách đó hay không. Họ dừng dừng mỗi khi em dao động, và cứng răn gọi em nhớ đến những lời chứng đầu tiên của mình. Cung cách của họ ngụ ý rằng không biết em có phải là một con bé ngu ngốc đang làm mất thời gian của mọi người? Và họ chọn một cách nhìn đơn giản về chuyện có thể trông thấy hay không. Có đủ ánh sáng, họ quyết định như vậy, từ sao, và từ chân mây phản chiếu đèn đường của thị trấn gần đó. Hoặc em có thấy, hoặc em không thấy. Không có gì ở giữa; họ không nói nhiều đến thế, nhưng sự cộc cằn của họ ngụ ý vậy. Chính trong những giây phút này, khi em cảm thấy sự lạnh lùng của họ, mà hồi phục nhiệt huyết ban đầu và nói lại một lần nữa. Em thấy hắn. Em biết đó là hắn. Rồi thật là dễ chịu khi cảm thấy em đang khẳng định điều mà họ đã biết.

Em sẽ không bao giờ có thể an ủi chính mình rằng em bị sức ép hay ép buộc. Em chưa bao giờ bị. Em tự làm mình mắc kẹt, em tiến thẳng vào mê cung do chính em xây dựng, và quá trẻ, quá khiếp sợ, quá ham muốn được làm thỏa mãn người khác, để kiên quyết lật lại lời khai của mình. Em không được ban cho, hay đủ lớn để sở hữu, sự độc lập đến thế về mặt tinh thần. Một giáo đoàn oai nghiêm đã tụ họp quanh những chắc chắn đầu tiên của em, và bây giờ họ đang chờ đợi và em không thể làm họ thất vọng ngay trước điện thờ. Những nghi ngờ của em bị vô hiệu hóa chỉ bằng cách dẫn xuống sâu hơn nữa. Bằng cách bám riết lấy cái em tin là mình biết, thu hẹp suy nghĩ lại, lặp lại lời khai, em có thể giữ cho đầu óc mình không nghĩ tới sự tổn hại mà em lơ mơ cảm nhận được là mình đang gây ra. Khi sự việc kết thúc, khi bản án được tuyên và giáo đoàn giải tán, một sự quên lãng đầy tàn nhẫn của tuổi trẻ, một sự xóa sạch đầy chủ tâm, đã bảo vệ em chắc chắn cho đến khi lớn lên thành thiếu nữ.

“Chị có thể. Và chị sẽ làm.”

Chúng ngồi im lặng một lúc, và Lola bắt đầu hết run.

Briony nghĩ mình nên đưa cô em họ về nhà, nhưng em ngại phá vỡ sự gần gũi trong lúc này - em vòng tay ôm vai cô gái lớn hơn và giờ dường như cô đã chấp nhận cho Briony chạm vào. Từ phía xa bên kia hồ chúng nhìn thấy một tia sáng chập chờn - một cái đèn pin đang di chuyển

dọc theo đường xe chạy - nhưng chúng không nói gì về nó cả. Khi cuối cùng Lola cũng lên tiếng, giọng cô về trầm ngâm, như thể đang cân nhắc kỹ lưỡng một loạt các phản biện tinh tế.

“Nhưng không hợp lý. Hẳn là bạn thân với gia đình chị. Có thể không phải là hẳn.”

Briony lẩm bẩm, “Em sẽ không nói thế nếu em ở cùng chị trong thư viện.”

Lola thở dài và chậm chậm lắc đầu, như thể cố bắt mình cam chịu sự thật không thể chấp nhận được.

Chúng lại im lặng và chúng có thể sẽ ngồi lâu hơn nếu không phải do hơi ẩm - chưa kịp đông thành sương - đang bắt đầu tụ lại trên lá cỏ khi mây tan và nhiệt độ giảm.

Khi Briony thì thầm với em họ, “Em nghĩ mình có đi được không?” cô gật đầu đầy can đảm. Briony đỡ cô đứng dậy, và đầu tiên là tay khoác tay, sau đó trọng lượng của Lola dồn lên vai Briony, và chúng đi qua khoảng đất về phía cây cầu. Chúng đến chân dốc và tại đây cuối cùng Lola bật khóc.

“Em không thể lên đó được,” phải cố lắm cô mới nói được. “Em yếu quá.” Sẽ tốt hơn, Briony quyết định, nếu em chạy về nhà gọi người giúp, và khi em sắp sửa giải thích điều này cho Lola và đỡ cô ngồi xuống đất thì chúng nghe thấy tiếng người vọng tới từ con đường phía trên, rồi ánh đèn pin rơi vào mắt chúng. Thật là phép màu, Briony nghĩ, khi em nghe tiếng anh trai. Như một anh hùng đích thực, anh tiến xuống bờ sông chỉ bằng vài bước sải chân dễ dàng và thậm chí không hề hỏi có chuyện gì, ôm lấy Lola bế cô lên như thể cô là một đứa trẻ nhỏ xíu. Cecilia đang gọi xuống bằng một giọng nghe khàn đặc vì lo lắng. Không ai trả lời chị. Leon đã bước lên dốc với tốc độ phải cố sức mới theo kịp được. Dù có thế, trước khi họ lên được đường xe chạy, trước khi anh có cơ hội đặt Lola xuống, Briony bắt đầu kể cho anh việc đã xảy ra, chính xác như em đã nhìn thấy.

Mười bốn

Ký ức về cuộc thẩm vấn, lời chứng và lời khai có ký tên, hay về nỗi khiếp sợ của em bên ngoài phòng xét xử nơi vì còn bé quá em không được vào, trong những năm sau đó sẽ không khiến em đau khổ bằng những hồi tưởng đứt đoạn về chính cái đêm khuya khoắt và buổi rạng đông mùa hè đó. Tội lỗi đã tinh luyện nên phương thức tự tra tấn mới tài

tình làm sao, xâu các hạt chi tiết thành một cái vòng vô tận, một tràng hạt để lần tay cho cả một đời người.

Cuối cùng cũng vào lại nhà, thế là bắt đầu một khoảng thời gian như trong mơ với những người mặt mũi nghiêm trọng kéo tới, nước mắt và giọng nói thì thảo và những bước chân khấn cấp qua sảnh, và sự phấn khích hèn hạ đã giữ chân cơn buồn ngủ của chính em ở đằng xa. Dĩ nhiên, Briony đủ lớn để biết rằng giây phút này hoàn toàn là của Lola, nhưng rất nhanh chóng cô đã được những bàn tay phụ nữ thương cảm dẫn vào phòng ngủ đợi bác sĩ đến khám. Briony nhìn từ chân cầu thang khi Lola đi lên, nức nở rên rĩ, Emily và Betty đi sát bên, còn Polly thì theo sau mang chậu và khăn. Đưa em họ biến mất để lại cho Briony sân khấu chính - vẫn chưa thấy Robbie đâu - và cái cách em được lắng nghe, được chiều theo ý muốn, và dịu dàng thúc giục ấy dường như đồng nhất với sự trưởng thành mà-em nghĩ mình mới vừa đạt được.

Hắn là cũng vào khoảng lúc này một chiếc Humber đã tới đậu bên ngoài nhà và hai thanh tra cùng hai cảnh sát được dẫn vào. Briony là nguồn tin duy nhất của họ, và em buộc mình nói thật bình tĩnh. Vai trò chính yếu của em củng cố thêm sự chắc chắn trong em. Cảnh này đã diễn ra trong một khoảng thời gian phi cấu trúc trước những cuộc thẩm vấn chính thức: em đứng đối mặt với các sĩ quan trong sảnh, Leon một bên, còn mẹ em bên kia. Nhưng sao mẹ em lại xuất hiện từ giường của Lola nhanh đến thế? Mặt viên thanh tra lớn tuổi hơn nặng như chì, đầy sẹo chằng chịt, như thể được chạm ra từ đá granit có nếp rãnh. Khi kể câu chuyện của mình cho cái mặt nạ bất động đầy cảnh giác ấy, Briony thấy sợ ông ta; nhưng đồng thời em cũng cảm thấy một gánh nặng được nhấc khỏi mình và một cảm giác phục tùng ấm áp lan từ bụng xuống chân. Nó giống như là tình yêu, một tình yêu bất thần dành cho người đàn ông cảnh giác đang đấu tranh, một cách kiên định, cho căn nguyên của cái thiện, người luôn có mặt bất cứ thời điểm nào để chiến đấu nhân danh điều đó, và người được toàn bộ sức mạnh và sự sáng suốt từng tồn tại của loài người hậu thuẫn. Dưới ánh mắt vô cảm của ông ta, cổ họng em nghẹn lại và giọng em bắt đầu méo xệch đi. Em muốn viên thanh tra ôm em, an ủi và tha thứ cho em, dù cho em hoàn toàn vô tội. Nhưng ông ta chỉ nhìn em và nghe. *Chính là hắn. Cháu thấy hắn.* Nước mắt của em là bằng chứng cao hơn cho sự thật mà em cảm thấy và nói lên, và khi tay mẹ vuốt ve gáy em, em hoàn toàn suy sụp và được đưa vào phòng khách.

Nhưng nếu em ở đó được mẹ an ủi trên chiếc ghế Chesterfield, làm thế nào em lại nhớ được bác sĩ McLaren đã đến, vận áo gilê đen và cái sơ mi kiểu cũ với cổ áo dựng, mang cái túi Gladstone hai quai xách từng

chứng kiến sự ra đời của ba đứa trẻ và những lần ốm đau bệnh tật hồi chúng còn bé của gia đình Tallis? Leon bàn bạc với bác sĩ, chú người tới phía ông lăm lăm tóm tắt các sự kiện theo kiểu đàn ông. Về khinh khoái vô tư lự của Leon giờ đâu rồi? Kiểu thì thảo bàn bạc này diễn ra liên tục trong những giờ sau đó. Người nào mới đến cũng được tóm tắt theo cùng một lối; mọi người - cảnh sát, bác sĩ, thành viên trong nhà, người hầu - đứng thành tốp rã ra rồi tụ lại ở góc phòng, sảnh và hiên bên ngoài cửa sổ Pháp. Không gì được tổng hợp hoàn chỉnh, hay trình bày một cách công khai. Ai cũng biết thông tin về vụ hãm hiếp khủng khiếp, nhưng nó cũng lại là bí mật của mỗi người, được chia sẻ trong những lời thì thầm của từng nhóm lúc họp lúc tan rồi trịnh trọng tản ra, ra về ta đây có việc khác để làm. Thậm chí nghiêm trọng hơn, có khả năng xảy ra hơn, là việc hai đứa trẻ mất tích. Nhưng quan điểm chung, được lặp lại liên tục như một bùa chú, là chúng đang an toàn ngủ ở chỗ nào đó trong công viên. Bằng cách ấy, sự chú ý vẫn chủ yếu tập trung vào cảnh ngộ của cô gái trên lầu.

Paul Marshall đi tìm về và nghe tin từ hai viên thanh tra. Anh ta bước tới bước lui trên hàng hiên với họ, mỗi người một bên, và mời họ thuốc lá từ cái hộp bằng vàng. Khi nói chuyện xong, anh ta vỗ vai tay thanh tra lớn tuổi và có vẻ như bảo họ làm tiếp việc của mình. Rồi anh ta vào trong bàn bạc với Emily Tallis. Leon dẫn bác sĩ lên tầng, một lúc sau ông ta đi xuống và trong con mắt những người đứng dưới bỗng mơ hồ trở nên vĩ đại bởi ông vừa có một cuộc chạm trán đầy tính chuyên môn với trung tâm mối quan tâm lo lắng của họ. Ông ta đứng bàn thảo lâu lắc với hai viên cảnh sát mặc thường phục kia, rồi với Leon, và cuối cùng với cả Leon và bà Tallis. Trước khi ra về một lúc, ông bác sĩ đến đặt bàn tay nhỏ nhắn khô ráo quen thuộc lên trán Briony, xem mạch và tỏ vẻ hài lòng. Ông cầm túi lên, và trước khi ông đi lại có một màn hỏi han thăm thì cuối cùng bên cửa trước.

Cecilia đâu? Nàng quanh quất đi ngoài nhà, không nói chuyện với ai, rít thuốc liên tục, đưa điều thuốc lên môi bằng một động tác nhanh, thèm khát, và rút nó ra đầy kinh tởm giận dữ. Lúc khác nàng vò cái khăn tay khi bước qua bước lại trên sảnh. Bình thường, với một tình huống thế này Cecilia hẳn đã nắm quyền kiểm soát, chỉ đạo chăm sóc Lola, an ủi mẹ, nghe lời khuyên bác sĩ, bàn bạc với Leon. Nhưng giờ, khi Leon qua nói chuyện với Cecilia, Briony ở gần đó, nàng chỉ quay đi, không lòng dạ nào mà giúp, hay thậm chí là nói. Còn mẹ nàng, khá là bất thường khi bà lại đứng ra đương đầu với thảm họa, không bị đau đầu cũng như không cần được ở một mình. Thực sự vai trò của bà đang lớn dần lên khi đứa con gái lớn của bà rút vào trong nỗi đau riêng. Có những lần khi được gọi ra

để kể lại chuyện, hay một vài chi tiết nào đó, Briony nhìn thấy chị gái mình tiến lại đứng trong khoảng cách vừa đủ nghe thấy và nhìn em bằng một ánh mắt căm hờn, không sao hiểu nổi. Briony trở nên sợ mòng và ở sát bên mẹ mình. Mắt Cecilia đỏ ngầu. Trong khi những người khác tụ tập thành nhóm thì thầm, nàng bồn chồn đi đi lại lại trong phòng, hay từ phòng này sang phòng khác, hay, ít nhất là hai lần, ra đứng ở ngoài cửa trước. Căng thẳng, nàng đổi cái khăn tay từ tay này sang tay kia, cuộn nó lại giữa các ngón tay, tháo ra, quấn nó thành một quả tròn, chuyển sang tay kia, châm điếu thuốc nữa. Khi Betty và Polly mang trà tới, Cecilia không buồn đựng đến.

Trên tầng báo xuống là Lola, được bác sĩ cho uống thuốc an thần, cuối cùng đã ngủ, và tin này tạm thời làm mọi người nhẹ nhõm. Một cách bất thường, những người đã tụ tập trong phòng khách uống trà bỗng chìm trong im lặng mệt mỏi. Không ai nói ra, nhưng họ đang đợi Robbie. Thêm nữa, ông Tallis sẽ từ London về bất cứ lúc nào. Leon và Marshall đang nhào người ra vẽ tám bản đồ khu nhà cho tay thanh tra. Ông ta cầm lên, nhìn và đưa cho tay trợ lý. Hai cảnh sát được cử ra ngoài tham gia cùng những người đang đi tìm Pierrot và Jackson, và chắc hẳn nhiều cảnh sát nữa cũng đang trên đường xuống căn nhà gỗ phòng khi Robbie về đó. Như Marshall, Cecilia ngồi tách riêng, trên ghế đầu của đàn clavico. Có một lúc, nàng đứng dậy để xin anh trai lửa, nhưng tay chánh thanh tra ngăn nàng lại bằng cách dùng bật lửa của ông ta bật cho nàng. Briony ngồi cạnh mẹ trên sofa, còn Betty và Polly cầm khay trà đi quanh. Briony thực sự không nhớ thứ gì đột nhiên thúc giục em. Một ý tưởng rõ ràng mạch lạc và đầy thuyết phục không hiểu từ đâu đến, và em không cần phải tuyên bố mục đích của mình, hay hỏi xin sự cho phép của chị gái. Bằng chứng bất khả bác bỏ, hoàn toàn độc lập với những gì em vừa khai. Bằng chứng xác nhận tội ác đó. Hay thậm chí xác nhận một tội ác khác, riêng rẽ. Em làm cả phòng giật mình bằng tiếng thốt ra khi ý nghĩ ấy nảy tới, và khi đứng dậy suýt làm đổ cốc trà của mẹ lên đùi bà.

Tất cả nhìn theo khi em vội vã lao ra khỏi phòng, nhưng không ai hỏi em, cái mệt mỏi chung đã hiện hình đến thế. Còn em, ngược lại, bước hai bậc cầu thang một, được tiếp thêm năng lượng từ ý thức rằng mình là người tốt và đang làm việc đúng đắn, sắp sửa tung ra một ngạc nhiên chắc chắn sẽ mang lại cho em lời khen ngợi. Nó khá giống như cảm giác buổi sáng Giáng sinh khi chuẩn bị tặng một món quà chắc chắn sẽ đem lại niềm vui sướng, một cảm giác hân hoan của lòng ái kỷ vốn không có lỗi gì.

Em chạy dọc hành lang tầng hai đến phòng Cecilia. Chị em sống mới bản thủ và luộm thuộm làm sao! Cả hai cánh cửa tủ quần áo đều đang

mở tung. Bao váy áo treo lệch nghiêng trên giá, vài cái còn sắp sửa tuột khỏi móc. Trên sàn hai cái váy, một đen, một hồng, đều bằng lụa và trông đất tiền, nằm lộn xộn, quanh đồng này là đôi giày đã bị đá văng ra nằm chổng chơ. Briony bước tới, vòng qua đồng bừa bãi ấy tới bàn trang điểm. Sức mạnh bản năng nào đã ngăn Cecilia không đẩy lại nắp, nút của đồ trang điểm và lọ nước hoa? Sao chị không bao giờ đổ cái gạt tàn hôi hám ấy đi? Hay dọn giường, hay mở cửa sổ cho không khí trong lành tràn vào? Ngăn kéo đầu tiên em mở thử chỉ được vài inch - nó kẹt cứng, đầy chật những chai và hộp các tông. Cecilia có thể lớn hơn em mười tuổi, nhưng ở chị thực sự có gì đó vô cùng vô vọng và yếu ớt. Dù Briony có sợ ánh mắt hoang dại của chị gái nhìn em ở dưới tầng, thì - em nghĩ trong khi kéo mở một ngăn kéo nữa - việc em có mặt ở đây vì chị, suy nghĩ sáng suốt thay cho chị vẫn là đúng đắn.

Năm phút sau, khi em đắc thắng bước lại vào phòng khách, không ai để ý gì đến em, và mọi thứ vẫn hết như cũ - người lớn mệt mỏi, khổ sở nhấp trà và hút thuốc trong im lặng. Trong cơn phấn khích, em đã không cân nhắc xem mình nên đưa lá thư cho ai; trí tưởng tượng của em theo thói quen muốn mọi người phải cùng đọc một lúc. Nhưng rồi em quyết định nên để Leon đọc trước. Em băng qua phòng về phía anh trai, nhưng khi em tới trước ba người đàn ông, em đổi ý và dúi tờ giấy gấp lại đó vào tay viên cảnh sát có khuôn mặt đá granit. Nếu mặt ông ta có biểu hiện gì, nó cũng không thay đổi khi ông nhận lá thư cũng như khi đọc rất nhanh, gần như chỉ liếc qua. Mặt ông ta gặp mắt em, rồi đảo sang nhìn Cecilia đang xây lưng lại. Bằng một chuyển động cơ hồ không nhận thấy của cổ tay, ông ra hiệu cho tay cảnh sát kia cầm lấy lá thư. Khi ông đọc xong, nó được chuyển sang cho Leon, anh đọc, rồi gấp lại, và chuyển lại cho viên thanh tra lớn tuổi. Briony ngỡ ngàng trước phản ứng không lời này - đúng là sự trần tục của ba người đàn ông. Chỉ đến lúc này Emily Tallis mới để ý thấy họ đang để tâm chuyện gì. Trả lời cho câu hỏi đều đều của bà, Leon nói, “Chỉ là một lá thư thôi.”

“Mẹ sẽ đọc nó.”

Lần thứ hai trong buổi tối hôm đó Emily buộc phải đòi quyền của mình với một lá thư viết tay đang chuyển tay trong gia đình mình. Cảm thấy không ai cần mình phải làm gì nữa, Briony đi đến ngồi xuống cái ghế Chesterfield và từ chỗ mẹ nhìn thấy sự ngại ngần kiêu lịch thiệp đang chuyển qua chuyển lại giữa Leon và hai viên thanh tra.

“Mẹ sẽ đọc nó.”

Nghe khá đáng ngại, bà không hề thay đổi ngữ điệu. Leon nhún vai và buộc phải nở một nụ cười hồi lỗi - anh còn phản đối được gì cơ chứ? - và ánh mặt dịu dàng của Emily chuyển sang hai viên thanh tra. Bà thuộc

về một thể hệ đối xử với cảnh sát như họ là đầy tớ, dù họ mang cấp bậc gì. Tuân theo cái gật đầu từ cấp trên, tay thanh tra trẻ bước qua bên kia phòng đưa lá thư cho bà. Cuối cùng Cecilia, người hắc đã chìm đắm rất sâu trong những suy nghĩ của mình, cũng tỏ ra quan tâm. Rồi lá thư mở ra trên đùi mẹ nàng, và Cecilia đứng bật dậy khỏi cái ghế đầu ngồi chơi đàn clavico đi về phía họ.

“Sao em dám! Sao các người dám!”

Leon cũng đứng dậy và chìa bàn tay ra làm một động tác xoa dịu. “Cee...”

Khi lao tới giật lá thư khỏi mẹ, nàng thấy không chỉ anh trai mà cả hai tay cảnh sát đứng ngáng đường. Marshall cũng đang đứng đó, nhưng không can dự.

“Nó là của con,” nàng hét. “Mẹ tuyệt đối không có quyền!”

Emily thậm chí còn không buồn rời mắt khỏi lá thư đang đọc, và bà tự cho phép mình thông thả đọc đi đọc lại lá thư vài ba lần. Khi đọc xong, bà đối đầu với cơn thịnh nộ của con gái bằng cơn thịnh nộ của chính mình, chỉ lạnh lẽo hơn.

“Nếu cô đã hành động đúng đắn, thưa quý cô, khi được học hành tử tế như thế, và đến gặp tôi đưa cái này, thì ta đã kịp làm một thứ gì đó, và em họ của cô sẽ không phải trải qua cơn ác mộng này.”

Cecilia đứng một mình giữa căn phòng trong một lúc, ngón tay phải run rẩy bất lực, trần trối nhìn mặt từng người, không thể tin nổi mình lại có liên quan đến những kẻ như thế, không thể mở lời mà nói cho họ biết mình biết gì. Và mặc dù Briony cảm thấy mình được chứng minh là đúng qua phản ứng của người lớn, và đang trải qua bước đầu của trạng thái mê li ngọt ngào tận thâm tâm, em vẫn thấy dễ chịu hơn khi được ngồi ở sofa với mẹ, được những người đàn ông đang đứng kia che chắn bớt khỏi ánh mắt khinh bỉ đồ ngẫu của chị gái. Nàng siết chặt họ trong ánh mắt ấy vài giây rồi quay đi bước ra khỏi phòng. Khi băng qua sảnh, nàng hét lên một tiếng của lòng phẫn nộ thuần túy, tiếng hét được khuếch đại nhờ hệ thống truyền âm thô sơ là sàn lát đá trần. Trong phòng khách, một cảm giác nhẹ nhõm, gần như là dễ chịu lan tỏa, khi họ nghe tiếng nàng đi lên tầng. Khi sau đó Briony nhớ ra nhìn lên, thì lá thư nằm trong tay Marshall và anh ta đang đưa lại cho viên thanh tra, ông này để nguyên nó đang mở như vậy đặt vào một bìa hồ sơ mà tay cảnh sát trẻ mở ra cho ông ta.

Buổi đêm trôi qua thêm vài tiếng nữa mà em vẫn không thấy mệt. Không ai nghĩ đến chuyện đưa em về giường ngủ. Sau một khoảng khắc như dài vô tận sau khi Cecilia về phòng mình, Briony cùng mẹ vào thư viện để được thăm vấn chính thức lần đầu tiên với cảnh sát. Bà Tallis vẫn

đứng, còn Briony ngồi ở một bên bàn viết và hai viên thanh tra ngồi ở đầu kia. Người với khuôn mặt đá cổ, chính là người đặt câu hỏi, hóa ra lại vô vàn tử tế, hỏi những câu chậm rãi bằng một giọng cộc cằn nghe vừa dịu dàng vừa buồn bã. Vì em có thể chỉ cho họ địa điểm chính xác nơi Robbie tấn công Cecilia, cả hai bước lại chỗ góc giá sách đó nhìn cho kỹ càng hơn. Briony chen vào, lưng tì vào sách chỉ cho họ thấy chị gái mình đứng ở tư thế như thế nào, và thấy những tia rạng đông xanh nhạt đầu tiên chạm đến kính cửa sổ cao trong thư viện. Em bước ra và quay lại để thể hiện tư thế của kẻ tấn công và chỉ nơi em đã đứng.

Emily nói, “Nhưng sao con không kể cho mẹ?”

Hai tay cảnh sát nhìn Briony, chờ đợi. Một câu hỏi hay, nhưng em chưa bao giờ nghĩ đến chuyện quấy rầy mẹ. Việc đó sẽ chẳng đem lại điều gì ngoài những cơn đau đầu của bà.

“Bọn con bị gọi xuống ăn tối, rồi đến chuyện hai thằng nhỏ bỏ đi.”

Em giải thích mình nhận lá thư như thế nào, trên cây cầu lúc xế chiều. Điều gì đã khiến em mở nó ra? Miêu tả cái khoảnh khắc bốc đồng đó thật khó, khoảnh khắc khi em không cho phép mình nghĩ đến những hậu quả trước khi hành động, hay chuyện em-văn sĩ, vào riêng ngày hôm ấy, đột nhiên thấy cần phải biết, phải hiểu mọi thứ xảy đến với mình đến nhường nào.

Nên em chỉ nói, “Con không biết. Con đã tò mò khủng khiếp. Con ghét chính mình.”

Đến đúng lúc này, một viên cảnh sát thò đầu vào cửa báo tin có vẻ rất hợp với tai họa của đêm đó. Lái xe của ông Tallis gọi điện thoại từ một bộ điện thoại gần sân bay Croydon. Xe của Bộ, vốn báo một cái là sẵn sàng ngay nhờ sự tốt bụng của bộ trưởng, đã bị hỏng ở ngoại ô. Jack Tallis đắp mền ngủ ở ghế sau và có lẽ phải đi tiếp về bằng chuyến tàu sáng đầu tiên. Khi những sự kiện này đã được mọi người tiêu hóa và than vãn xong, người ta nhẹ nhàng đưa Briony trở lại với bản thân tai họa đó, với những sự việc ở đảo trên hồ. Ở giai đoạn đầu này, viên thanh tra thận trọng không thúc ép cô bé bằng những câu hỏi thăm dò, vậy là trong cái không gian được tạo tác một cách tinh tế ấy, em có thể xây dựng và khuôn hình chuyện kể của mình bằng ngôn từ riêng và thiết lập những sự kiện chủ chốt; có vừa đủ ánh sáng cho em nhận ra một khuôn mặt quen thuộc; khi hần quay đi khỏi em và vòng qua khoảng đất, cử động và chiều cao của hần với em cũng quen thuộc.

“Khi đó cháu trông thấy hần.”

“Cháu biết chính là hần.”

“Quên chuyện cháu biết đi. Cháu đang nói cháu thấy hần.”

“Vâng, cháu thấy hần.”

“Như là cháu thấy ta.”

“Vâng.”

“Cháu thấy hẳn bằng chính mắt cháu.”

“Vâng. Cháu thấy hẳn. Cháu thấy hẳn.”

Lần thẩm vấn chính thức đầu tiên kết thúc như thế. Khi em ngồi trong phòng khách, cuối cùng cũng cảm thấy mệt mỏi, nhưng không muốn đi ngủ, thì mẹ em được thẩm vấn, rồi Leon và Paul Marshall. Già Hardman và con trai lão, Danny, cũng được gọi vào thẩm vấn. Briony nghe Betty bảo rằng Danny đã ở nhà suốt cả tối với bố, ông có thể làm chứng cho anh ta. Rất nhiều cảnh sát nữa sau khi tìm kiếm hai thằng sinh đôi về đến cửa trước liền được dẫn thẳng vào bếp. Trong thời khắc rối mù và không có gì đáng nhớ lúc rạng sáng ấy, Briony được biết Cecilia từ chối ra khỏi phòng, từ chối xuống nhà để thẩm vấn. Những ngày sau đó nàng không còn được lựa chọn và khi cuối cùng nàng miễn cưỡng tiết lộ lời kể của riêng nàng về chuyện đã xảy ra trong thư viện - theo cách của nó, còn gây choáng váng hơn nhiều chuyện của Briony, dù cuộc chạm trán giữa họ và nó có thống nhất đến mức nào - thì cũng chỉ khẳng định quan điểm chung đã hình thành: Turner là một kẻ nguy hiểm. Cecilia liên tục gợi ý rằng họ nên nói chuyện với Danny Hardman, nhưng người ta chỉ nghe rồi bỏ đấy. Hoàn toàn đáng thông cảm, dù dưới hình thức thương hại, khi cô gái trẻ này muốn bao che cho bạn bằng cách đổ vấy nghi ngờ lên một cậu trai vô tội khác.

Lúc nào đó sau năm giờ, khi có người bảo đang chuẩn bị bữa sáng, ít nhất là cho cảnh sát, vì ngoài ra không ai đói cả, khắp nhà bỗng lan truyền một tin rằng một dáng người có thể là Robbie đang băng qua công viên. Có lẽ đã có người quan sát từ cửa sổ tầng trên. Briony không biết bằng cách nào mà tất cả mọi người đều quyết định ra ngoài đợi hẳn ta. Đột nhiên, tất cả đều ở đó, gia đình, Paul Marshall, Betty và đám người giúp việc của bà, cảnh sát, cả một đội hình đón tiếp đứng túm tụm chen chúc trên lối vào. Chỉ có Lola là mê man ngủ vì thuốc, và Cecilia đang giận điên cuồng là ở lại trên lầu. Có thể là do bà Tallis không muốn linh hồn ô uế đó bước vào nhà mình. Cũng có thể do viên thanh tra e ngại sẽ xảy ra bạo lực, mà thứ này thì dễ dàng xử lý hơn khi ở bên ngoài, không gian rộng rãi hơn nếu phải tiến hành bắt bớ. Giờ tất cả sự kỳ diệu của buổi rạng đông đã biến mất, và thay vào đó là buổi sáng sớm xám xịt, chỉ được nhận ra duy nhất nhờ làn sương mù mùa hạ chắc chắn sẽ nhanh chóng hoàn toàn tan biến.

Thoạt đầu họ không thấy gì, mặc dù Briony nghĩ mình có thể nhận rõ tiếng giày nện trên lối xe chạy. Rồi mọi người đều nghe thấy, một loạt tiếng rì rầm cùng tiếng rục rịch chuyển tư thế nổi lên khi họ nhìn thấy một

hình dạng không xác định, không hơn một vết màu xám trên nền trắng, cách đó chừng trăm mét. Khi cái dáng đó định hình, nhóm người đang đợi lại rơi vào im lặng. Không ai tin nổi vào cái đang hiện ra. Chắc chắn đây là trò lừa gạt của sương mù và ánh sáng. Không ai vào cái thời đại của điện thoại và ô tô này lại có thể tin được rằng người khổng lồ cao tới hai mét, hai mét một lại tồn tại ở ngay vùng Surrey đông đúc. Nhưng nó đây, một bóng ma đúng kiểu phi nhân như mục đích của nó. Thứ đó không thể có trên đời nhưng lại không thể phủ nhận, và đang tiến về phía họ. Betty, một tín đồ Công giáo ai cũng biết, làm dấu thánh khi đám đông nhỏ ấy túm tụm lại gần lối vào hơn. Chỉ có viên thanh tra lớn tuổi tiến vài bước về phía trước, và khi ông làm vậy mọi thứ trở nên rõ ràng. Manh mối là một hình dạng thứ hai nhỏ xíu nhấp nhô bên cạnh hình đầu tiên. Rồi nó hiện ra rõ ràng - đây là Robbie, với một thằng nhỏ ngồi trên vai còn thằng kia nắm tay anh và tụt lại phía sau một chút. Khi còn cách chưa đầy chục mét, Robbie dừng bước, và có vẻ chuẩn bị lên tiếng, nhưng lại đợi vì viên thanh tra và mấy cảnh sát kia đang tiến tới. Thằng nhỏ trên vai anh có vẻ đã ngủ gật. Thằng kia ngả đầu vào hông Robbie và kéo tay anh ra trước ngực để bảo vệ hoặc cho ấm.

Ngay lập tức Briony cảm thấy nhẹ nhõm thấy hai thằng bé an toàn. Nhưng khi nhìn Robbie đứng đó điềm tĩnh đợi, em giận điên lên. Hẳn tin là có thể che giấu tội ác của mình sau cái vẻ tử tế bề ngoài, sau cái màn phô bày là một người chần chừ tốt bụng ư? Đây chắc chắn là một nỗ lực bất chấp đạo lý nhằm giành được sự tha thứ cho việc không bao giờ có thể tha thứ. Quan điểm của em rằng cái ác rất phức tạp và lừa mị lại được khẳng định thêm lần nữa. Đột nhiên, tay mẹ an mạnh lên vai em rồi đưa em quay vào nhà, cho Betty chăm. Emily muốn con gái mình tránh thật xa Robbie Turner. Cuối cùng thì giờ đi ngủ cũng tới. Betty nắm chặt lấy tay em rồi dẫn em vào trong khi mẹ và anh trai tiến tới đón hai đứa sinh đôi. Briony ngoái lại nhìn lần cuối khi em bị dẫn đi và thấy Robbie của em giơ hai tay lên, như thể đầu hàng. Hẳn nhắc một thằng nhỏ qua khỏi đầu và nhẹ nhàng đặt xuống đất.

Một giờ sau em nằm trên cái giường bốn cọc màn trong bộ váy ngủ cô tông trắng tinh mà Betty tìm cho. Rèm kéo xuống, nhưng những tia nắng ban ngày ở rìa rèm rất chói, và bất chấp toàn bộ cảm giác mệt mỏi xáo trộn, em không ngủ được. Những giọng nói và hình ảnh trùng trùng điệp điệp quanh giường em, những sự hiện diện cáu kỉnh, mè nheo, chen lan và nhập với nhau, cưỡng lại các nỗ lực của em nhằm sắp xếp chúng theo trật tự. Có thật là tất cả chỉ gói gọn trong một ngày duy nhất, một khoảng thời gian liền mạch khi giấc ngủ hoàn toàn vắng bóng, từ màn diễn tập vở kịch ngây thơ đến sự xuất hiện của tên khổng lồ từ trong màn

sương mù? Mọi chuyện diễn ra giữa hai điểm nút đó thật quá âm ỉ, quá bất định đến mức không sao hiểu nổi, mặc dù em cảm thấy mình đã thành công, thậm chí đã thắng. Em đá chần ra để hờ chân và tìm một góc mát hơn trên gối cho má. Trong trạng thái choáng váng này em không thể nói cho chính xác mình đã thành công trong việc gì; nếu đó là việc giành được sự trưởng thành mới mẻ, thì em hầu như không cảm nhận được nó, vì lúc này đây em thấy mình quá yếu ớt, thậm chí vô cùng trẻ con, lại còn thiếu ngủ, đến mức em nghĩ mình có thể dễ dàng bật khóc. Nếu vạch mặt một kẻ hoàn toàn xấu là một việc dũng cảm, thì việc hấn xuất hiện với hai thằng sinh đôi như thế thật bất công, và em cảm thấy mình bị lừa. Giờ ai sẽ tin em đây, khi Robbie làm ra vẻ một người tốt bụng giải cứu hai đứa trẻ bị mất tích? Toàn bộ việc làm của em, toàn bộ lòng can đảm và sự sáng suốt của em, tất cả những gì em đã làm để đưa Lola về nhà - chẳng để làm gì cả. Họ sẽ quay lưng lại với em, mẹ em, cảnh sát, anh trai, rồi đi với Robbie Turner áp ủ một mưu đồ người lớn nào đó. Em muốn mẹ, em muốn vòng tay ôm cổ mẹ và kéo khuôn mặt duyên dáng của bà lại sát mặt mình, nhưng giờ mẹ sẽ không đến, giờ sẽ không ai đến với Briony, sẽ không ai trò chuyện với em. Em úp mặt vào gối và để cho nước mắt thấm đẫm nó, cảm thấy mát mát nhiều hơn nữa khi chẳng có ai chứng kiến nỗi buồn khổ của em.

Em nằm trong phòng trẻ tối mờ với nỗi buồn dịu ngọt ấy được chừng nửa tiếng thì nghe tiếng xe cảnh sát đỗ dưới cửa sổ phòng em nổ máy. Nó chạy qua lối sỏi, rồi dừng lại. Có tiếng người và vài tiếng chân bước lạo xạo. Em ngồi bật dậy rẽ rèm ra xem. Sự sương mù vẫn còn đó, nhưng trời sáng hơn, như thể được chiếu sáng tự bên trong, và em khẽ khép mắt lại chờ mắt thích nghi với ánh trời chói chang. Bốn cánh cửa của chiếc xe cảnh sát hiệu Humber đều mở toang, bên nó là ba cảnh sát đứng đợi. Tiếng người vọng lên từ một nhóm đứng ngay bên dưới phòng em, ngay chỗ cửa trước, khuất tầm mắt. Rồi tiếng bước chân lại vang lên, và họ xuất hiện, hai thanh tra, Robbie đi giữa. Và bị còng tay! Em nhìn thấy tay hấn bị buộc phải quặt ra đằng trước, và từ điểm nhìn thuận lợi này em thấy một ánh kim loại lóe lên từ dưới cổ tay áo hấn. Sự ô nhục của nó khiến em kinh khiếp. Đây là một sự khẳng định cao hơn về tội lỗi của hấn, và khởi đầu hình phạt cho hấn. Nó mang vẻ của sự đọa đày miên viễn.

Họ đến chỗ xe và dừng lại. Robbie hơi quay người lại, nhưng em không hiểu được nét mặt của hấn. Hấn đứng thẳng, cao hơn tay thanh tra vài inch, đầu ngẩng cao. Có lẽ hấn tự hào về những gì mình đã làm. Một cảnh sát ngồi vào ghế lái xe. Viên thanh tra trẻ đi vòng ra cửa sau phía bên kia còn sếp anh ta đang sắp sửa cho Robbie ngồi vào ghế sau. Chợt

có âm thanh náo loạn ngay dưới cửa sổ phòng Briony, và giọng Emily quát lớn, rồi đột nhiên một người trong bộ váy bó sát cổ hết sức chạy ra chỗ chiếc xe. Cecilia chậm bước lại khi đến gần hơn. Robbie quay lại và bước nửa bước về phía chị và, thật kinh ngạc, viên thanh tra lùi lại. Cái còng tay nhìn rõ mòn một, nhưng Robbie không có vẻ gì là xấu hổ hay thậm chí để ý đến chuyện có nó ở đó khi đối mặt với Cecilia và nghiêm trang lắng nghe những gì chị nói. Mấy tay cảnh sát dừng dừng kia nhìn lên. Nếu chị đang đưa ra một bản cáo trạng gay gắt mà Robbie đáng phải nghe, thì điều đó cũng không hiện ra trên mặt hắn. Mặc dù Cecilia xây lưng lại với em, Briony cho rằng chị đang nói không hăng hái cho mấy. Lời buộc tội của chị hẳn sẽ mạnh mẽ hơn rất nhiều khi bị kìm lại như thế. Họ đã dịch lại gần hơn, và giờ Robbie nói vài từ ngắn gọn, khế giờ hai tay bị còng lên rồi lại buông cho nó rơi xuống. Chị lấy tay mình chạm vào tay hắn, và vuốt ve ve áo hắn, rồi nắm chặt lấy nó và khế giật giật. Có vẻ như đây là một cử chỉ tử tế và Briony cảm động trước khả năng tha thứ của chị gái, nếu đó là điều mà em nghĩ. Lòng tha thứ. Trước đây từ này không hề có nghĩa gì cả, mặc dù Briony đã nghe nó hoan hỉ vang lên ngàn lần ở trường học và nhà thờ. Vậy mà suốt bấy lâu nay, chị gái em đã hiểu. Dĩ nhiên, có rất nhiều điều em không biết về Cecilia. Nhưng sẽ có thời gian, vì bất kịch này chắc chắn sẽ kéo hai chị em lại gần nhau hơn.

Viên thanh tra tốt bụng có khuôn mặt đá granit hẳn phải nghĩ mình đã khoan dung đủ rồi, vì ông ta bước tới giằng tay Cecilia ra và đứng vào giữa. Robbie nói gì đó với nàng thật nhanh qua vai viên sĩ quan, và quay về phía xe. Thận trọng, tay thanh tra đưa tay lên đầu Robbie và ấn mạnh xuống, để anh không bị va đầu khi chúi xuống chui vào băng ghế sau. Hai tay thanh tra ngồi hai bên kẻ bị bắt giữ. Cửa xe đóng sầm, và viên cảnh sát được cử ở lại đưa tay chạm mũ chào khi xe chạy đi. Cecilia vẫn đứng yên tại chỗ, mặt hướng theo đường xe chạy, lặng lẽ nhìn chiếc xe chạy xa dần, nhưng đôi vai đang run lên bần bật cho thấy chị đang khóc, và Briony hiểu mình chưa bao giờ yêu chị gái nhiều hơn giây phút này.

Lẽ ra nó phải kết thúc ở đó, cái ngày liền mạch bao trọn buổi đêm mùa hạ này, lẽ ra nó nên chấm dứt ở đó với cảnh chiếc Humber khuất dần về cuối đường xe chạy. Nhưng còn một màn đương đầu cuối cùng nữa. Chiếc xe chạy được hơn hai mươi mét thì chậm dần lại. Một hình người mà trước đó Briony không để ý thấy đi xuống giữa đường và không hề có ý định sẽ đứng sang một bên. Đó là một phụ nữ, khá thấp, chân bước liêu xiêu, mặc váy in hoa và cầm một cái ban đầu trông giống cây gậy nhưng hóa ra là một cái dù đàn ông có chuôi như cái đầu ngỗng. Chiếc xe dừng lại và bấm còi khi người phụ nữ tiến tới đứng ngay chỗ lưới tản nhiệt. Đó là mẹ của Robbie, Grace Turner. Bà giờ cây dù lên và

hét. Viên cảnh sát ngồi ở ghế trước phải ra khỏi xe nói chuyện với bà, rồi túm lấy khuỷu tay bà. Viên cảnh sát còn lại kia, kẻ đã giơ tay lên mũ chào ban nãy, vội chạy đến. Bà Turner giằng tay ra, lại giơ cây dù lên, lần này bằng hai tay, và đập xuống, cái chuôi đầu ngỗng trước, với tiếng rắc như một phát súng lục, lên nắp capô bóng loáng của chiếc Humber. Khi hai viên cảnh sát nửa đẩy, nửa kéo bà ra lề đường, bà bắt đầu hét một từ duy nhất lớn đến nỗi Briony có thể nghe được từ phòng ngủ.

“Dối trá! Dối trá! Dối trá!” Bà Turner gầm lên.

Cửa trước vẫn mở toang, chiếc xe từ từ chạy qua bà và dừng lại để tay cảnh sát chui vào lại. Chỉ có một mình, đồng nghiệp của ông rất khó ngăn giữ được bà. Bà nện dù một phát nữa nhưng cú đập lại chệch xuống mui xe. Ông ta giằng cái dù khỏi tay bà rồi ném ra sau xuống bãi cỏ.

“Dối trá! Dối trá!” Grace Turner lại hét, rồi lùi lại vài bước tuyệt vọng sau cái xe đang chạy xa dần, rồi dừng lại, tay chống hông, nhìn nó khi nó chạy qua cái cầu đầu tiên, qua đảo, rồi cái cầu thứ hai, và cuối cùng mất dạng vào trong màu trắng lóa.

PHẦN HAI

Đã đủ chuyện kinh hoàng rồi, nhưng chính chi tiết bất ngờ đó mới xôn xā anh và sau đó không buông tha anh. Lúc họ đến được chỗ giao đường tàu, sau khi đi bộ ba dặm trên một con đường hẹp, anh thấy lối mòn mình tìm kiếm, nó chạy quanh co bên phải, xuống dốc rồi dẫn lên bãi trồng cây phủ kín một ngọn đồi thấp ở phía Tây Bắc. Họ dừng lại để anh xem bản đồ. Nhưng nó không nằm ở nơi anh nghĩ. Nó không nằm trong túi, cũng không nhét ở thắt lưng. Anh đã đánh rơi nó hay là đặt nó xuống chỗ dừng chân vừa rồi nhỉ? Anh thả rơi áo choàng xuống đất, thò tay vào trong áo khoác thì nhận ra: Tấm bản đồ đang nằm trong tay trái anh và chắc nó phải ở đó hơn một tiếng rồi. Anh liếc nhìn hai người kia nhưng họ quay mặt lại anh, đứng cách xa, im lặng rít thuốc. Nó vẫn nằm trong tay anh. Anh đã nạy nó ra từ tay một viên đại úy thuộc trung đoàn Tây Kent nằm dưới hào chiến đấu bên ngoài - bên ngoài chỗ nào nhỉ? Bản đồ hậu phương như thế này rất hiếm. Anh cũng lấy cả khẩu súng lục của viên đại úy đã chết. Anh không định giả làm sĩ quan. Anh bị mất súng trường và chẳng qua là anh muốn sống sót.

Đường mòn anh quan tâm bắt đầu chạy xuống từ hông một ngôi nhà từng bị bom tàn phá, còn khá mới, có lẽ là nhà của nhân viên đường sắt xây dựng lại sau lần vừa rồi. Có dấu chân thú trong bùn quanh một vũng nước trong rãnh vết bánh xe. Có lẽ là dê. Nhiều mảnh vải vụn viên đen rải rác xung quanh, phần còn lại của rèm hoặc quần áo, một khung cửa sổ tan tành nằm chỏng chơ vắt ngang một bụi cây, và khắp mọi nơi là mùi bồ hóng ẩm. Đây là đường mòn của họ, lối tắt của họ. Anh gấp bản đồ lại cất đi, và lúc đứng thẳng người lên sau khi nhặt áo khoác vắt qua vai, anh trông thấy nó. Hai người kia, cảm nhận động tác của anh, quay lại, và nhìn theo mắt anh. Đó là một cái chân mắc trong tán cây. Một cây tiêu huyền trưởng thành, toàn lá là lá. Cái chân cách mặt đất chừng sáu mét, mắc vào chạc đầu tiên, trần trụi, bị cắt gọn gàng ngay trên đầu gối. Từ nơi họ đứng không nhìn thấy máu hay da thịt bị rách. Nó là một cái chân hoàn hảo, trắng xanh, mềm mịn, nhỏ nhắn như chân trẻ em. Tư thế của nó trên chạc khiến nó trông như thể được trưng bày, cho họ thấy hoặc hiểu ra: đây là một cái chân.

Hai hạ sĩ thốt lên một tiếng kinh tởm thờ ơ và nhặt đồ lên. Họ từ chối dây vào. Vài ngày qua, họ đã chứng kiến đủ rồi.

Nettle, lái xe tải, vừa lây điếu nữa vừa nói, “Vây, đường nào đây, Cha nội?”

Họ gọi anh như thế để giải quyết vấn đề khó khăn là cấp bậc. Anh vội vàng xuống con đường mòn, gần như rảo bước. Anh muốn tiến tới trước, khuất khỏi mắt họ, để có thể nôn, hay ỉa, anh không biết cái nào. Đằng sau một kho thóc, cạnh một đồng đá phiến vỡ nát, cơ thể anh chọn giải pháp thứ nhất. Anh khát quá, anh không thể mất thêm nước được. Anh uống nước trong bi đông, rồi đi quanh kho thóc. Anh tận dụng khoảnh khắc chỉ có một mình này để nhìn vết thương. Nó nằm phía bên phải, ngay dưới lồng ngực, to cỡ đồng nửa Curon. Trông không tệ lắm sau khi anh rửa sạch máu khô hồi hôm. Mặc dù lớp da quanh vết thương vẫn đỏ, nó không sưng tấy nhiều lắm. Nhưng có gì đó ở đó. Anh có thể cảm thấy nó nhúc nhích khi anh đi. Một mảnh đạn cũng nên.

Lúc hai hạ sĩ Ida đuổi kịp, anh đã nhét sơ mi vào lại và vờ đang nghiên cứu bản đồ. Khi có họ đi cùng, bản đồ là sự riêng tư duy nhất anh có được.

“Làm gì vội thế?”

“Chắc lại vừa thấy vài em xinh tươi.”

“Là bản đồ thôi. Anh ta lại đang *ngghi ngờ cái* chết mẹ gì đấy.”

“Không nghi ngờ gì, thưa quý ông. Đây là đường mòn của chúng ta.”

Anh lấy một điều thuốc và Hạ sĩ Mace châm cho anh. Rồi, để giấu bàn tay đang run run, Robbie Turner bước đi, còn họ theo sau anh, như vẫn theo kể từ hai hôm trước. Hay là ba nhỉ? cấp bậc anh thấp hơn, nhưng họ theo anh và làm mọi thứ anh đề xuất, và để bảo tồn lòng tự tôn, họ chế nhạo anh. Những khi họ cuộc bộ trên đường hay băng qua cánh đồng mà anh im lặng quá lâu, Mace bèn nói, “Ông lại đang nghĩ đến mấy em xinh tươi nữa đấy hả Cha nội?” Và Nettle sẽ hòa theo, “Đúng con bà nó rồi, đúng con bà nó rồi.” Họ là dân thành phố không thích nông thôn và cảm thấy mình lạc lõng nơi đây. La bàn với họ chả là gì. Cái phần thuộc chương trình huấn luyện cơ bản này đã trôi tuột qua đầu họ. Họ quyết định rằng để đến bờ biển, họ cần anh. Thật khó khăn cho họ. Anh hành xử như một sĩ quan, nhưng anh còn không có nổi một vạch trên quân hàm. Trong đêm đầu tiên, khi trú trong nhà để xe đạp của một ngôi trường bị đốt cháy rụi, Hạ sĩ Nettle nói, “Sao một Binh nhì như ông lại nói năng như một gã thượng lưu vậy?”

Anh thấy không việc gì phải giải thích cho họ. Anh muốn sống sót, anh có lý do chính đáng để sống sót, và anh bắt cần biết họ có bám theo hay không. Cả hai người kia nãy giờ vẫn giữ kè kè súng bên mình. Ít nhất như thế cũng có ý nghĩa gì đó, và Mace là một tay to con, vai đồ, đôi bàn tay co thể rướn tới một quãng tám rưỡi trên cây dương cầm mà gã bảo mình có biết chơi. Turner cũng không để bụng những lời trêu chọc. Bây giờ tất cả những gì anh muốn khi họ lần theo đường mòn tách khỏi lộ

chính là quên cái chân kia đi. Con đường nhập vào một con hẻm chạy giữa hai bên tường đá rồi xuôi thẳng xuống một thung lũng mà từ lộ chính thì không thấy được. Ở cuối đường là một dòng suối đục mà họ băng qua bằng cách xéo lên những hòn đá nằm sâu trong tấm thảm làm từ thứ gì trông giống như mùi tây nước tí hon.

Khi họ ra khỏi thung lũng thì đường ngoặt sang hướng Tây, vẫn kẹp giữa hai bức tường cổ. Phía trước họ, bầu trời dần rõ hơn một chút và rực sáng như một lời hứa hẹn. Mọi thứ khác đều màu xám. Khi họ lên đến đỉnh ngang qua bãi trồng cây hạt dẻ, mặt trời đang lặn bỗng thả mình xuống dưới lớp mây che và trùm lên khung cảnh, làm cho ba người lính chói lòa cả mắt khi họ leo dần lên, nhập vào khung cảnh đó. Kết thúc một ngày lang bạt ở miền quê nước Pháp bằng cách đi vào giữa cảnh mặt trời đang lặn mới tuyệt vời làm sao. Luôn là một hành động đầy hy vọng.

Khi ra khỏi bãi, trồng cây, họ nghe tiếng máy bay ném bom, thế là họ lại trở vào và hút thuốc trong khi đợi dưới tán cây. Từ nơi này họ không thể thấy đám tiêu huyền, nhưng quang cảnh khá đẹp. Những ngọn đồi trải ngút ra trước mắt họ khó mà gọi được là đồi. Chúng chỉ là những nét gợn lăn tăn trong cảnh vật nơi đây, sự lặp lại kém cỏi những dãy núi sừng sững ở nơi nào đó khác. Mỗi rặng phía sau lại nhạt nhòa hơn rặng trước. Anh nhìn thấy một dải xám và lam nhạt dần vào mảng mờ mờ ở phía mặt trời đang lặn, như một thứ lấp lánh trên đĩa trong buổi tiệc tối.

Nửa giờ sau họ vượt mãi mới qua được một sườn núi dốc cao chạy miết về phía Bắc và cuối cùng đến một thung lũng khác, một dòng suối nhỏ khác. Dòng này chảy xiết hơn và họ băng qua nhờ một cây cầu đá ngập đầy phân bò. Hai viên hạ sĩ không mệt như anh, đùa nghịch, vờ khó chịu. Một gã ném một cục phân khô vào lưng anh. Turner không quay lại nhìn. Những mảnh vải ấy, anh bắt đầu nghĩ, có thể là bộ pyjama của một đứa nhỏ. Một thằng bé. Máy bay thả bom vẫn thỉnh thoảng đến ngay sau rặng đông. Anh cố xua ý nghĩ đó đi, nhưng nó không chịu buông tha anh. Một thằng bé người Pháp ngủ say trên giường. Turner muốn tách mình xa khỏi căn nhà bị đánh bom kia. Giờ không phải chỉ mỗi không quân và lục quân Đức truy kích anh. Nếu trời có trăng anh sẽ rất sung sướng đi bộ suốt đêm. Hai hạ sĩ kia sẽ không thích thế. Có lẽ đến lúc tổng khứ họ đi rồi.

Xuôi theo cầu là một hàng dương, ngọn dập dờn ánh lên trong những tia sáng cuối cùng. Ba người lính quành sang hướng khác và chẳng mấy chốc lại đi vào đường mòn, bỏ dòng suối lại phía sau. Họ cố người len qua những bụi cây lá to bản sáng bóng. Có cả những cây sồi còi cọc, trụi lá. Cây cỏ dưới chân tỏa hương ngọt ngào ẩm ướt, và anh

nghĩ hẳn nơi này phải có gì đó không ổn thì mới khiến nó quá khác với những thứ họ đã thấy.

Phía trước họ là tiếng rền rền như cửa máy móc. Nó to dần lên, giận dữ hơn, gọi nghĩ đến những vòng quay của bánh đà hay tua bin điện quay với tốc độ kinh hoàng. Họ đang bước vào một sảnh lớn gồm toàn những âm thanh và năng lượng.

“Omg!” anh hét lớn. Anh phải quay đầu nói lần nữa thì họ mới nghe thấy. Không gian đã tối sầm lại. Anh biết loài này khá rõ. Nếu một con dính vào tóc mình mà đốt thì khi chết, nó sẽ phát ra một tín hiệu hóa học và tất cả những con khác nhận tín hiệu đó sẽ buộc phải đến đốt và chết cùng chỗ đó. Tổng động viên cường bách! Sau bao nguy hiểm đã qua, chuyện này thật là một thứ sỉ nhục. Họ kéo áo măng tô lên trùm đầu và chạy xuyên qua bầy ong. Ong vẫn vây xung quanh, họ chạy tới được một cái hào bùn than bốc mùi hôi thối rồi băng qua nó nhờ một tấm ván lác la lác lư. Họ chạy tới nắp sau kho thóc, ở đó đột nhiên yên bình. Phía trước nó là sân nhà. Ngay khi họ vào được trong, bầy chó sủa ầm ĩ và một bà già chạy vụt ra đập tay đen đét về phía chúng, như thể chúng là bầy gà mái bà có thể xuyt đi được. Hai viên hạ sĩ nhờ cậy vào vốn tiếng Pháp của Turner. Anh bước tới trước và đợi bà lại gần. Từng có giai thoại kể rằng có người dân bán chai nước giá mười Franc, nhưng anh chưa bao giờ gặp cả. Những người Pháp anh gặp đều hào phóng, hoặc nếu không thì chìm đắm trong nỗi khốn khổ của bản thân họ. Người đàn bà kia trông mong manh nhưng sung mãn. Bà có khuôn mặt tròn vành vạnh, nhãn nheo, ánh mắt hoang dại. Giọng bà sắc lẹm.

“C’est impossible, M’sieur. Vous ne pouvez pas Tester ici.”¹⁷

“Chúng tôi sẽ ở lại trong kho thóc. Chúng tôi cần nước, rượu, bánh mì, pho mát và bất cứ thứ gì bà có thể cho.”

“Không được!”

Anh dịu dàng nói với bà, “Chúng tôi đang chiến đấu vì nước Pháp.”

“Các ông không ở lại đây được.”

“Rạng sáng chúng tôi sẽ đi ngay. Bọn Đức vẫn...”

“Không phải bọn Đức, Ông ơi. Mà là các con trai tôi.”

“Chúng là lũ súc sinh. Mà chúng về ngay bây giờ.”

Turner đẩy người đàn bà qua bên rồi đi thẳng tới cái máy bơm ở góc sân, gần bếp. Nettle và Mace theo sau anh. Trong khi anh uống, một bé gái chừng mười tuổi và một thằng nhóc còn chập chững nắm tay nó nhìn anh từ bậc cửa. Khi uống xong và đổ đầy nước vào bi đông, anh mỉm cười với chúng, còn chúng bỏ chạy. Hai hạ sĩ cùng nhau đứng dưới máy bơm, uống cùng một lúc. Bà già đột nhiên đứng sau anh, túm lấy khuỷu

tay anh. Trước khi bà lại lên tiếng, anh nói, “Xin làm ơn mang cho chúng tôi cái chúng tôi xin, nếu không chúng tôi sẽ tự vào trong lấy.”

“Mấy thằng con tôi cục súc lắm. Chúng sẽ giết tôi.”

Lẽ ra anh đã nói, Vậy kệ thôi, nhưng thay vì thế anh bỏ đi rồi ngoái đầu lại nói, “Tôi sẽ nói chuyện với họ.”

“Vậy thì, thưa ông, chúng sẽ giết ông. Chúng sẽ xé tan xác ông ra.”

Hạ sĩ Mace là đầu bếp cũng trong Lực lượng Hậu cần Quân đội Hoàng gia như Hạ sĩ Nettle. Trước khi tòng quân gã giữ chân thủ kho tại cửa hàng Heal’s trên đường Tottenham Court. Gã bảo mình biết chút ít thế nào là thoải mái, và bắt đầu thu xếp chỗ nằm cho cả bọn trong kho thóc. Turner thì chỉ muốn quảng ngay người xuống đồng rơm. Mace tìm thấy một chõng bao bố và, nhờ có Nettle giúp, gã nhồi rơm vào làm thành ba cái nệm. Gã làm gối từ mấy kiện cỏ mà chỉ bằng một tay gã đã nhấc xuống được. Gã đặt một cánh cửa lên đồng gạch làm thành cái bàn. Gã lấy nửa cây nến trong túi ra.

“Cũng ngon lành,” gã liên tục lẩm bẩm. Đó là lần đầu tiên họ nói những chuyện khác ngoài lời bóng gió về tình dục. Ba người đàn ông nằm trên giường, hút thuốc và đợi. Giờ khi đã hết khát, họ nghĩ đến đồ ăn mình sắp có và nghe tiếng dạ dày của nhau rền rĩ quặn siết trong trời chiều âm đạm, và chuyện đó khiến họ cười phá lên.

Turner kể cho họ nghe cuộc nói chuyện giữa anh với bà già và điều bà nói về lũ con trai mình.

“Bọn nội gián, chúng dám là thế lắm,” Nettle nói. Gã chỉ trông bé nhỏ khi so với tay bạn gã, nhưng mặt gã có nét sắc nhọn của một người đàn ông nhỏ con và dáng vẻ thân thiện, như loài gặm nhấm, dáng vẻ mà cái lồi gã bập rững hàm trên lên môi dưới càng làm nổi rõ.

“Hoặc Phát xít Pháp. Bọn ủng hộ Đức. Như Mosley¹⁸ ở mình ấy,” Mace nói.

Họ lặng im một lúc, rồi Mace nói thêm, “Hoặc như tất cả bọn ở quê, loạn óc vì kết hôn với họ hàng gần quá.”

“Dù là cái quái gì thì tôi nghĩ giờ ông nên kiểm tra vũ khí và để trong tầm với đi,” Turner nói.

Họ làm như được bảo. Mace thấp nền, và họ làm như thường lệ vẫn làm. Turner kiểm tra súng lục và đặt trong tầm với. Xong xuôi, hai hạ sĩ dựng khẩu Lee-Enfield dựa vào một thùng gỗ rồi nằm lại xuống giường. Ngay sau đó, đưa bé gái cầm giỏ tới. Nó đặt giỏ xuống cạnh cửa kho rồi chạy biến. Nettle với lấy cái giỏ và họ bày ra bàn những gì người ta vừa đem đến cho mình. Một ổ bánh mì nâu tròn, một miếng pho mát mềm nhỏ, một củ hành và một chai rượu. Bánh mì cứng khó cắt và có mùi mốc. Pho mát thì ngon, nhưng chỉ vài giây là hết. Họ chuyền nhau chai

rượu và chẳng mấy chốc nó cũng cạn sạch. Vậy là họ nhai bánh mì mốc và ăn hành tây.

Nettle nói, “Đến con chó mắc dịch của tôi tôi cũng không cho ăn cái này.”

“Tôi sẽ lên đó kiểm thử gì ngon hơn,” Turner nói.

“Bọn tôi cũng đi.”

Nhưng họ cứ im lặng nằm trên giường một lúc. Không ai vội đương đầu với bà già.

Rồi họ nghe tiếng bước chân, liền quay lại thì thấy hai người đàn ông đứng ở cửa. Cả hai cầm thứ gì đó trên tay, có lẽ là cây gậy, hay khẩu súng. Trong ánh sáng mờ mờ thì không thể biết được. Mà họ cũng chẳng nhìn rõ mặt anh em người Pháp kia.

Giọng dịu dàng. “Bonsoir, Messieurs.”^{[19](#)}

“Bonsoir.”^{[20](#)}

Nhỏm người dậy từ cái giường rơm, Turner vớ lấy khẩu súng lục. Hai hạ sĩ với tay lấy súng trường. “Bình tĩnh,” anh thì thầm.

“Anglais? Belges?”^{[21](#)}

“Anglais.”^{[22](#)}

“Chúng tôi có thứ này cho các anh.”

“Thứ gì?”

“Hắn ta nói gì thế?” một hạ sĩ nói.

“Hắn ta bảo có cái này cho chúng ta.”

“Mẹ kiếp.”

Người kia bước lại gần hơn và giờ thứ họ đang cầm lên. Súng lục, chắc chắn rồi. Turner tháo chốt an toàn. Anh nghe Mace và Nettle cũng làm như vậy. “Bình tĩnh,” anh lầm bầm.

“Bỏ súng xuống, Messieurs.”

“Các ông bỏ súng xuống.”

“Đợi một chút.”

Người đang nói cho tay vào túi. Anh ta móc ra một cái đèn pin nhưng không soi vào ba người lính mà vào anh trai mình, vào thứ anh ta đang cầm. Một ổ bánh mì Pháp. Và vào cái ở tay bên kia, một túi vải. Rồi anh ta giờ cho họ xem hai cái bánh mì dài chính mình đang cầm nơi tay.

“Chúng tôi còn có quả ôliu, pho mát, patê, cà chua và thịt xông khói. Và đương nhiên, rượu nữa. Vive l’Angleterre”.^{[23](#)}

“Er, Vive la France.”^{[24](#)}

Họ ngồi xuống bàn của Mace; hai tay người Pháp, Henri và Jean-Marie Bonnet, đều lịch sự thán phục cái bàn ấy, cả ba tấm nệm nữa. Họ thấp lùn, chắc nịch, trong độ tuổi năm mươi. Henri đeo kính, Nettle bảo nông dân mà đeo kính trông kỳ quặc lắm. Turner không dịch lại. Không

chỉ rượu, họ còn mang theo cả ly thủy tinh. Năm người đàn ông nâng ly chúc cho quân đội Pháp và Anh, và sự thảm bại của quân Đức. Hai anh em nhìn ba người lính ăn. Qua Turner, Mace bảo rằng gã chưa bao giờ ăn thử, thậm chí chưa bao giờ nghe đến patê gan ngỗng, và từ giờ trở đi gã sẽ không ăn bất cứ thứ gì khác nữa. Hai người Pháp mỉm cười, nhưng cung cách họ e dè, họ có vẻ không có bụng dạ nào mà say xỉn. Họ bảo đã chạy cả quãng đường dài tới một thôn gần Arras trên chiếc xe tải nông trại sàn phẳng để tìm cô em họ và con của cô ta. Một trận chiến lớn đã diễn ra để giành thị trấn nhưng họ không biết ai đang muốn chiếm thị trấn, ai đang bảo vệ nó, hay ai đang thắng thế. Họ đi đường phụ để tránh đám tị nạn hỗn loạn. Họ thấy những căn nhà đang cháy, rồi thì gặp chừng chục lính Anh chết trên đường. Họ phải ra khỏi xe kéo những cái xác qua một bên để khỏi cản đề lên. Nhưng một vài thi thể gần như đã lìa đôi. Hẳn là một trận tấn công lớn bằng súng máy, có lẽ từ trên không, hoặc là phục kích. Trở lại xe tải, Henri nôn thốc tháo, còn Jean-Marie đang cầm lái hoảng loạn quá đâm xe xuống mương. Họ cuốc bộ về làng, mượn hai con ngựa của một nông dân mà kéo chiếc Renault lên. Mất trọn hai giờ. Khởi hành lại, họ thấy những chiếc xe tăng và xe bọc sắt bị thiêu rụi, của Đức cũng như Anh và Pháp. Nhưng họ không thấy lính. Chiến trận đã chuyển sang vùng khác.

Khi họ đến được thôn thì đã chiều muộn. Nơi này đã bị thiêu hủy hoàn toàn và trống không. Nhà cô em họ tan hoang, vết đạn lỗ chỗ khắp tường, nhưng còn nguyên mái. Họ vào từng phòng và nhẹ cả lòng khi không tìm thấy ai trong đó. Cô ấy hẳn đã đem bọn trẻ nhập vào hàng ngàn người trên khắp các ngã đường. Sợ phải lái xe về trong đêm, họ đỗ xe trong rừng và cố ngủ trong xe. Suốt đêm dài họ nghe tiếng pháo giã xuống Arras. Dường như không thể nào có chuyện bất cứ ai, hay bất cứ cái gì, sống sót nổi ở đó. Họ lái xe về theo đường khác, xa hơn rất nhiều, để tránh phải đi qua những xác lính. Giờ, Henri giải thích, ông và anh trai ông rất mệt. Khi nhắm mắt, họ lại thấy những thi thể bị băm nát kia.

Jean-Marie lại rót rượu vào ly. Câu chuyện, cộng cả lời dịch liên tục của Turner, chiếm mất một tiếng. Toàn bộ thức ăn hết sạch. Anh nghĩ đến chuyện kể cho họ nghe chi tiết duy nhất ám ảnh mình. Nhưng anh không muốn chắt thêm vào nỗi kinh hoàng sẵn có đó, cũng không muốn làm sống dậy cái hình ảnh đó một khi nó đã được giữ cách xa một đoạn nhờ có rượu và tình bằng hữu. Thay vì thế, anh kể họ nghe chuyện mình bị tách khỏi đơn vị khi bắt đầu rút lui, trong một trận không kích bằng Stuka. Anh không đề cập đến việc mình bị thương vì không muốn hai hạ sĩ kia biết. Rồi anh giải thích họ băng qua vùng quê đến Dunkirk để tránh bị không kích trên đường chính như thế nào.

Jean-Marie nói, “VẬY NHỮNG ĐIỀU NGƯỜI TA NÓI LÀ THỰC. CÁC ANH ĐANG ĐÀO NGŨ.”

“Chúng tôi sẽ quay lại.” Anh nói ra điều này, nhưng không tin.

Rượu đang làm Hạ sĩ Nettle chuẩn choáng. Gã bắt đầu huyền thuyên tán dương cái gã gọi là “Gái Phốp” - nhiều làm sao, sẵn làm sao, ngon làm sao. Nhưng tất cả chỉ là tưởng tượng. Hai anh em nhìn Turner.

“Anh ta bảo phụ nữ Pháp đẹp nhất thế giới.”

Họ nghiêm nghị gật đầu rồi nâng ly lên.

Tất cả im lặng một lúc. Buổi tối của họ gần như đi đến hạ màn. Họ lắng nghe những âm thanh trong đêm mà họ đã dần quen - tiếng pháo nổ đì đoàng, tiếng súng rải rác xa xa, một tiếng nổ âm vang xa tí - chắc hẳn công binh cho nổ cầu trên đường rút.

“Hỏi họ về mẹ của họ đi,” Hạ sĩ Mace gợi ý. “Chuyện này phải làm rõ mới được.”

“Chúng tôi có ba anh em,” Henri giải thích. “Anh cả, Paul, con đầu lòng của bà, chết gần Verdun năm 1915. Bị đạn pháo nổ trực diện. Không còn gì chôn cất ngoài mũ sắt. Hai bọn tôi, thì gặp may. Chúng tôi sống sót không bị trầy xước gì. Kể từ đó, bà luôn ghét quân lính. Nhưng giờ đây bà tám mươi ba tuổi và mất trí thì nó trở thành nỗi ám ảnh. Quân Pháp, Anh, Bỉ, Đức. Bà không phân biệt được. Với bà các anh như nhau cả. Chúng tôi lo là khi quân Đức đến, bà sẽ đem bồ cào nhón ra chĩa vào chúng rồi chúng sẽ bắn bà.”

Mệt mỏi, hai anh em đứng dậy. Ba người lính cũng đứng lên.

Jean-Marie nói, “Chúng tôi rất muốn tỏ lòng mến khách với các anh ở bàn ăn nhà mình. Nhưng làm thế thì chúng tôi lại buộc phải nhốt bà trong phòng.”

“Thế này là một bữa thịnh soạn lắm rồi,” Turner nói.

Nettle thì thào vào tai Mace và gã gật đầu. Nettle lấy từ trong túi mình ra hai bao thuốc lá. Dĩ nhiên, làm thế là phải. Hai ông người Pháp lịch sự từ chối, nhưng Nettle đi vòng qua bàn, dúm món quà vào tay họ. Anh muốn Turner dịch.

“Lẽ ra hai ông phải chứng kiến, lúc ấy có lệnh tiêu hủy kho quân trang. Hai mươi nghìn liều thuốc lá. Chúng tôi lấy bất cứ thứ gì mình muốn.”

Toàn bộ quân đội chạy trốn đến bờ biển, vũ trang bằng thuốc lá để quên đi cái đói.

Hai ông người Pháp nhã nhặn cảm ơn, khen Turner giỏi tiếng Pháp, rồi cúi xuống bàn cầm mấy cái chai rỗng và ly cho vào túi bạt. Chắc chắn họ sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa.

“Chúng tôi sẽ đi ngay lúc rạng ngày,” Turner nói. “Vì vậy xin tạm biệt.”

Họ bắt tay.

Henri Bonnet nói, “Sau ngàn ấy trận chiến chúng tôi từng tham gia hai mươi lăm năm trước. Sau khi ngàn ấy người đã chết. Giờ bọn Đức lại trở lại Pháp. Hai ngày nữa chúng sẽ có mặt ở đây, chiếm lấy mọi thứ của chúng tôi. Ai mà tin được chứ?”

Lần đầu tiên, Turner cảm thấy trọn vẹn sự đê hèn của hành động rút lui. Anh xấu hổ. Nhưng anh vẫn nói, dù thậm chí còn ít tin tưởng hơn lần trước, “Chúng tôi sẽ quay lại đánh bật chúng đi, tôi hứa với các ông.”

Hai anh em gật đầu và, với nụ cười tạm biệt cuối cùng nở trên môi, rời khỏi quầng ánh nến mờ mờ, băng qua bóng tối đi về phía cánh cửa kho mở toang, mấy cái ly va lanh canh vào chai khi họ bước đi.

Anh nằm hút thuốc một lúc lâu, đăm đăm nhìn lên khoảng đen của vòm mái. Tiếng ngáy của hai hạ sĩ lên xuống nhịp nhàng. Anh kiệt sức, nhưng không buồn ngủ. Vết thương nhói lên khó chịu theo từng nhịp, nhịp nào cũng thất lại như nhau. Dù là cái gì trong đó, nó cũng sắc và ở gần bề mặt da, và anh muốn dùng đầu ngón tay chạm vào. Nỗi mệt mỏi khiến anh dễ bị tổn thương vì những ý nghĩ chính anh chẳng hề mong muốn. Anh đang nghĩ đến thằng bé người Pháp ngủ trên giường, về sự dừng đọng của những kẻ có thể rút đạn cối xuống một vùng phong cảnh đẹp thế này. Hay trút bom lên một ngôi nhà đang say ngủ cạnh đường ray, không cần biết hay quan tâm có ai đang ở trong đó. Nó là một quá trình mang tính công nghiệp. Anh đã thấy các đơn vị Pháo binh Hoàng gia của chính phe họ làm việc, những đội liên kết chặt chẽ, lao động cả ngày, tự hào mình có thể ghép pháo đạn vào một lô nhanh đến thế nào, tự hào về kỷ luật, sự trui rèn, huấn luyện, phối hợp ăn ý của họ. Họ cần không bao giờ thấy kết quả cuối cùng - một thằng bé biến mất. Biến mất. Khi từ này thành hình trong suy nghĩ, giấc ngủ vỗ lấy anh, nhưng chỉ trong vài giây. Rồi anh lại tỉnh, trên giường, nằm ngửa, nhìn vào bóng tối đen kịt trong xà lim của mình. Anh có thể cảm thấy mình trở lại nơi đó. Anh có thể ngửi thấy mùi sàn bê tông, mùi nước giải trong xô, sơn bóng trên tường, và nghe tiếng ngáy của những người nằm thành dãy. Ba năm rưỡi chỉ toàn những đêm như thế này, không ngủ được, nghĩ đến thằng bé biến mất khác, một cuộc đời biến mất khác vốn từng là cuộc đời anh, và đợi bình minh, rồi đổ phân và rồi lại một ngày hoài phí nữa. Anh không biết làm cách nào mình có thể sống sót qua nỗi sự ngu xuẩn thường nhật của nó. Sự ngu xuẩn và nỗi sợ những không gian chật hẹp. Bàn tay bóp chặt cổ họng anh. Ở đây, nấu trong một kho thóc, với một đám quân đang rút chạy, nơi chân một đứa trẻ nằm trên cây là thứ gì đó mà người bình

thường có thể lờ đi, nơi cả một quốc gia, một nền văn minh sắp sửa tan rã thì vẫn tốt hơn ở đó, trên cái giường hẹp dưới ánh đèn điện mờ mờ, chờ đợi không gì cả. Ở đây có những thung lũng đầy cây cối, dòng suối, ánh nắng trên hàng dương, những thứ họ không thể lấy đi trừ phi họ giết anh. Và ở đây có hy vọng.

Em sẽ đợi anh. Trở về với em. Có một cơ hội, chỉ một cơ hội, để quay về. Anh cất lá thư gần đây nhất và địa chỉ mới của nàng trong túi. Đây là lý do tại sao anh phải sống sót, và khôn ngoan tránh lộ chính nơi những máy bay ném bom nhào lộn trên không chực chờ như bầy chim ăn thịt.

Rồi, anh ngồi dậy từ dưới chiếc măng tô, xỏ boot vào, mò mẫm trong kho thóc để ra ngoài đi tiểu. Anh hoa mắt vì mệt, nhưng vẫn chưa sẵn sàng ngủ được. Lờ đi những con chó gầm gừ, anh đi men theo con đường nhỏ đến một gò cao rậm rịt cỏ để nhìn những tia lóe lên trên bầu trời phía Nam. Xe bọc sắt quân Đức đang đổ về như sấm. Anh đưa tay lên sờ túi trên, nơi có bài thơ nàng gửi kèm với lá thư. Trong cơn ác mộng của bóng đêm, Tất cả bầy chó châu Âu sửa²⁵. Những thư khác của nàng được cất kỹ vào túi trong áo choàng. Đứng trên bánh xe một chiếc móc bị vứt không, anh có thể thấy những phần khác của bầu trời. Súng lóe lên khắp nơi trừ phía Bắc. Quân đội bại trận đang tháo chạy đến một đường rút chắc chắn rồi sẽ co lại và chẳng mấy chốc bị cắt đứt. Sẽ không có cơ hội chạy thoát cho những kẻ bị tụt lại. Với họ thì may mắn nhất sẽ là bị tổng vào tù tiếp. Trại tù. Lần này, anh sẽ không thoát được nữa. Khi Pháp bại trận, sẽ không sao biết được chừng nào cuộc chiến tranh này kết thúc. Không thư từ gì của nàng, và không còn đường quay lại. Không cách gì thương lượng để được thả sớm đổi lại là gia nhập bộ binh. Cánh tay lại siết cổ họng anh. Viễn cảnh mở ra sẽ là một ngàn, hoặc nhiều ngàn đêm giam hãm, mắt mở trừng trừng mà lật lại quá khứ, đợi chờ cuộc đời mình tái hồi, bắn khoản liệu có bao giờ được nữa không. Có lẽ sẽ hợp lý nếu bỏ đi ngay bây giờ trước khi quá muộn, và cứ đi mãi, suốt đêm thâu, suốt ngày dài, cho đến khi đến được biển. Lẻn đi, để mặc hai hạ sĩ cho định mệnh của họ. Anh quay người bắt đầu xuống dốc nhưng rồi lại nghĩ lại. Anh hầu như không thấy được mặt đất phía trước. Tối tăm thế này anh sẽ chẳng đi được bao xa, chưa kể còn dễ bị gãy chân nữa. Mà có khi hai hạ sĩ kia không phải là hai tên ngu hoàn toàn - Mace với cái đệm bằng rơm, Nettle với món quà cho hai anh em nhà kia.

Nhờ tiếng ngáy của họ dẫn lối, anh lê bước vào giường lại được. Nhưng giấc ngủ vẫn không đến, hay chỉ ập xuống rất nhanh, rồi anh lại ngoi lên khỏi nó, chống chọi với những ý nghĩ anh không có khả năng chọn hay quyết định. Chúng rượt đuổi anh, những chủ đề xưa cũ. Lại nó

đây, lần gặp mặt duy nhất giữa anh và nàng. Ra tù được sáu ngày, một ngày trước khi anh nhận nhiệm vụ gần Aidershot. Cho đến lần hẹn gặp tại quán trà Joe Lyons ở Strand năm 1939, họ đã không hề gặp nhau trong ba năm rưỡi. Anh đến quán sớm và chọn một góc ngồi nhìn ra cửa. Tự do vẫn còn mới mẻ quá. Bước chân, tiếng ồn ào, màu những chiếc áo khoác, jacket, váy, cuộc trò chuyện rôm rả vui vẻ của mấy người đi mua sắm ở West End, sự thân thiện của cô gái phục vụ cho anh, sự vắng mặt toàn diện của hiểm họa - anh ngả lưng ra sau mà tận hưởng cái ôm ghì của những thứ thường nhật. Nó có một vẻ đẹp mà riêng mình anh mới biết tận hưởng.

Trong suốt thời gian ở tù, khách phụ nữ duy nhất anh được phép gặp là mẹ anh. Phòng khi anh bị lên cơn kích động, họ nói. Cecilia tuần nào cũng viết thư. Yêu nàng, nhưng buộc mình phải thật lý trí với nàng, nên một cách tự nhiên anh phải lòng từng từ nàng viết. Khi hồi đáp, anh vờ như vẫn là con người cũ, nói dối để giữ cho mình lý trí. Vì sợ bác sĩ tâm thần, ông này cũng là người kiểm duyệt thư của họ, họ không bao giờ được lá lợi, hay thậm chí đa cảm quá. Nhà tù nơi anh bị giam được coi là một nơi hiện đại, đã được khai sáng, dù vẫn lạnh giá như ở thời Victoria. Anh đã được chẩn đoán, với sự chính xác y học, là có khát vọng tình dục quá độ đến bệnh hoạn, cần phải được chữa trị cũng như chỉnh đốn. Anh không được để bị kích thích. Vài lá thư - cả của anh và nàng - bị tịch thu vì vài từ ngữ rụt rè bộc lộ tình cảm. Vì vậy họ viết cho nhau về văn học, và sử dụng các nhân vật làm mặt mã. Hồi ở Cambridge, họ chỉ đi lướt qua nhau trên đường phố. Tất cả những cuốn sách kia, những đôi hạnh phúc hay bi kịch kia, họ chưa bao giờ gặp nhau mà cùng bàn luận. Tristan và Isolde, Công tước Orsino và Olivia (và Malvolio nữa), Troilus và Criseyde, anh Knightley và Emma, Venus và Adonis. Turner và Tallis. Có một lần, tuyệt vọng, anh nói đến Prometheus, người bị xích vào tảng đá, bị một con kền kền hàng ngày đến ăn gan. Thỉnh thoảng nàng là Griselde kiên nhẫn. Đề cập tới “một góc yên tĩnh trong thư viện” là mặt mã cho khoái cảm tình dục. Họ cũng kể lại đời sống thường nhật cho nhau, bằng những chi tiết tẻ nhạt nhưng đầy chăm chú. Anh miêu tả những việc thường ngày trong tù ở mọi khía cạnh, nhưng chưa bao giờ kể nàng nghe về sự ngu xuẩn của nó. Thế là đủ rõ ràng. Anh chưa bao giờ bảo với nàng rằng anh sợ có khi mình gục ngã mất. Cả điều đó nữa cũng rõ rệt. Nàng chưa bao giờ viết rằng nàng yêu anh, mặc dù nàng sẽ viết nếu nàng nghĩ câu ấy có thể đến được tay anh. Nhưng điều đó anh biết.

Nàng kể anh nghe đã cắt đứt với gia đình. Nàng sẽ không bao giờ nói chuyện với cha mẹ, anh trai hay em gái nữa. Anh theo sát từng bước chân nàng trên con đường học để thành y tá. Khi nàng viết, “Hôm nay em

đi thư viện để lấy cuốn sách giải phẫu em có kể với anh. Em tìm thấy một góc yên tĩnh và vờ ở đó đọc,” anh biết nàng cũng đang sống bằng những ký ức vẫn nghiêng ngả anh hàng đêm, bên dưới lớp chăn tù mòng mành.

Khi nàng bước vào quán cà phê, mặc chiếc áo choàng y tá không tay, làm anh giật mình thoát khỏi một cơn mê dễ chịu, anh bật dậy nhanh quá đến nỗi đánh đổ cả trà.

Anh nhận thấy rõ sự quá cỡ của bộ com lê mẹ anh đã để dành cho anh. Chiếc áo ngoài dường như không chạm vào vai anh ở bất kỳ điểm nào. Họ ngồi xuống, nhìn nhau, mỉm cười, rồi đưa mắt đi chỗ khác. Robbie và Cecilia đã làm tình với nhau bao năm qua - bằng thư. Trong những trao đổi bằng mật mã họ đã dịch lại gần nhau, nhưng bây giờ sự gần gũi đó mới có vẻ giả tạo làm sao khi họ bắt đầu cất tiếng trò chuyện, nói những câu vắn đáp lịch sự yếu ớt. Khi khoảng cách mở ra giữa hai người, họ hiểu rằng trong thư họ đã vượt quá chính mình đến mức nào. Giây phút này đã được mừng rỡ và khao khát quá lâu, mà giờ lại không thể nào viên mãn. Anh đã ra khỏi thế giới, và không đủ tự tin để mà lùi lại, mà vươn tới cái ý nghĩ lớn hơn ấy. *Anh yêu em, em đã cứu đời anh.* Anh hỏi nàng về chỗ trọ của nàng. Nàng kể anh nghe.

“Thế em có hòa thuận với bà chủ nhà không?”

Anh không nghĩ được gì khá khẩm hơn, và sợ sự im lặng có thể sẽ tràn xuống, sợ sự ngưng ngập có thể sẽ là màn mở đầu cho việc nàng bảo anh rằng thật vui được gặp lại nhau. Rằng nàng phải về làm việc đây. Tất cả những gì họ có, tất cả đều dựa trên vài phút trong một thư viện cách đây bao năm rồi. Nó có mỏng manh quá không? Nàng có thể dễ dàng rút lại thành ai đó như kiểu em gái. Nàng có thất vọng không? Anh đã gầy đi. Anh đã teo tóp lại theo mọi nghĩa. Nhà tù đã khiến anh ghê tởm chính mình, trong khi trông nàng vẫn đáng tôn thờ như anh nhớ, nhất là trong bộ đồng phục y tá. Nhưng nàng cũng đang căng thẳng đến khổ sở, không thể nào bước tránh khỏi những câu nói tầm phào. Nàng đang cố tỏ ra vui vẻ kể chuyện tính khí bà chủ nhà. Sau một vài trao đổi như thế, nàng đã thực sự nhìn cái đồng hồ nhỏ lủng lẳng trên ngực trái nàng, và bảo anh rằng giờ nghỉ trưa của nàng sắp hết rồi. Họ đã có nửa tiếng đồng hồ.

Anh bước cùng nàng đến đường Whitehall, về phía bến xe buýt. Trong những giây phút quý giá cuối cùng anh viết địa chỉ của mình cho nàng, một dãy lộn lạo những con số và từ ngữ. Anh giải thích rằng chỉ khi nào khóa huấn luyện cơ bản kết thúc thì anh mới rời đi. Sau đó, anh sẽ được cho hai tuần phép. Nàng nhìn anh, lắc đầu như thể giận dữ, và rồi, cuối cùng, anh nắm lấy tay nàng siết chặt. CỬ CHỈ ẤY ĐÃ PHẢI BAO CHỨA TẤT CẢ NHỮNG GÌ KHÔNG ĐƯỢC NÓI, và nàng đáp lại bằng một cái siết

từ chính tay nàng. Xe buýt đến, song nàng không thả tay anh ra. Họ đứng đối mặt nhau. Anh hôn nàng, khẽ khàng lúc đầu, nhưng họ kéo nhau lại gần hơn, và khi lưỡi họ chạm nhau, một phần linh hồn anh cảm thấy biết ơn một cách hèn hạ, vì anh biết giờ đây mình đã có ký ức gửi trong ngân hàng và sẽ rút dần ra cho những tháng ngày tiếp tới. Giờ anh đang rút nó đây, trong một kho thóc ở Pháp, trong thời khắc khốn khổ này. Họ ôm chặt lấy nhau và tiếp tục hôn trong khi hàng người đứng đợi xe cứ nhích tới dần ngang qua họ. Một gã nào đó quang quác vào tai anh. Nàng khóc, nước mắt rơi lên má anh, và nỗi đau đớn của nàng làm môi nàng căng ra trên môi anh. Một xe buýt nữa đến. Nàng dứt ra, siết cổ tay anh, và lên xe không nói một lời cũng không nhìn lại. Anh nhìn theo nàng khi nàng tìm chỗ ngồi, và khi xe bắt đầu chuyển bánh thì nhận ra đáng lẽ mình nên đi cùng nàng, trên suốt quãng đường đến bệnh viện. Anh đã ném mắt đi mấy phút được có nàng ở bên. Anh phải học lại cách nghĩ và hành động vì chính bản thân mình. Anh bắt đầu chạy dọc đường Whitehall, hy vọng đuổi kịp nàng ở bên tiếp theo. Nhưng xe nàng đã ở cách một đoạn khá xa, và nhanh chóng biến mất về phía Quảng trường Parliament.

Trong giai đoạn anh được huấn luyện, họ tiếp tục viết thư cho nhau. Được tự do không bị kiểm duyệt và cũng thoát khỏi nhu cầu cần phải sáng tạo, họ thận trọng tiến tới. Sốt ruột vì phải sống trên giấy, lưu tâm tới những khó khăn, họ thận trọng không dám đi quá cái nắm tay và nụ hôn duy nhất ở bến xe buýt. Họ nói họ yêu nhau, dùng “anh yêu” và “thân yêu”, và biết trong tương lai mình sẽ được ở bên nhau nhưng họ kiềm chế tránh những gần gũi bạo liệt hơn. Nhiệm vụ của họ bây giờ là duy trì liên lạc cho tới hai tuần lễ ấy. Qua một người bạn học ở Girton, nàng tìm được một căn nhà ở Wiltshire mà họ có thể mượn tạm, và mặc dù trong những giây phút rảnh rỗi họ ít nghĩ đến thứ gì khác, họ vẫn cố không mơ mộng quá xa trong những lá thư. Thay vì thế, họ nói những chuyện thường nhật. Giờ nàng làm việc ở khu sản khoa, và ngày nào cũng mang đến những điều kỳ diệu bình thường, cũng như những giây phút kịch tính hay vui nhộn. Cũng có những thảm kịch, so với chúng những khó nhọc của họ nhạt nhòa như không: những đứa trẻ chết non, những bà mẹ chết, những chàng trai khóc than trong hành lang, những bà mẹ mười mấy tuổi đầu bàng hoàng bị gia đình từ, những đứa trẻ ra đời bị dị dạng gọi nên cả hổ thẹn lẫn yêu thương, không biết cái nào nhiều hơn. Khi nàng miêu tả một ca đẻ thành công, cái khoảnh khắc khi trận chiến đã kết thúc và bà mẹ mệt lử lần đầu tiên ôm đứa con vào lòng, mê mẩn nhìn vào khuôn mặt mới, đó là lời mời gọi không lời cho tương lai của chính Cecilia, tương lai mà nàng sẽ chia sẻ cùng anh, là điều khiến cho những lời nàng viết có

quyền năng giản dị, mặc dù thực sự là, suy nghĩ của anh ngụ ở phần sinh con không nhiều bằng ở phần thụ thai.

Đến lượt anh mô tả thao trường, nơi tập bắn súng trường, luyện tập quân sự, kỷ luật thép đối với cả những chuyện vớ vẩn nhất, trại lính. Anh không đủ điều kiện tham gia đào tạo sĩ quan, mà cũng chẳng sao, vì chẳng sớm thì muộn anh sẽ gặp ai đó trong phòng ăn tập thể sĩ quan có biết quá khứ của anh. Về mặt cấp bậc anh không là gì cả, nhưng hóa ra chuyện đã từng vô khảm đem lại cho anh một vị thế nhất định. Anh phát hiện ra mình đã thích nghi khá tốt với kỷ luật quân đội, với nỗi kinh hoàng của việc xếp quân trang và gấp chăn thành hình vuông vuông thành sắc cạnh, với những lần điểm danh xếp hàng. Không giống đồng đội, anh nghĩ thức ăn chẳng tệ chút nào. Các ngày, dù mệt nhọc, lại có vẻ phong phú đa dạng. Những chuyến hành quân qua vùng quê cho anh niềm thích thú mà anh không dám lộ ra với những tân binh khác. Anh tăng cân và khỏe lên. Tuổi tác và học vấn làm anh bị hạ thấp, nhưng quá khứ của anh bù đắp lại và không ai gây khó dễ cho anh. Thay vào đó, anh được coi như là một con chim già thông thái biết kiểu cách của “họ”, là người luôn có ích mỗi khi phải điền một tờ đơn. Như nàng, anh khuôn những lá thư của mình vào những chuyện thường nhật, xen vào những mẩu chuyện vui nhộn hoặc gây hoang mang: chú tân binh đi tập trận mà thiếu một cái bớt; cừu chạy điên loạn vào trại lính và không tài nào đuổi ra được, tay trung sĩ giáo viên suýt nữa ăn đạn ở nơi tập bắn.

Nhưng có một diễn biến bên ngoài, một bóng đen mà anh phải nhắc đến. Sau sự kiện Munich năm ngoái, anh tin chắc chắn, như mọi người khác, rằng sẽ có chiến tranh. Đợt tập huấn của họ được đơn giản hóa đi và đẩy nhanh, một trại mới được mở rộng để lấy thêm tân binh. Anh lo lắng không phải vì chuyện mình sẽ phải tham gia chiến đấu, mà lo vì giấc mơ Wiltshire của họ có nguy cơ không thành. Nàng phản chiếu những nỗi sợ hãi của anh bằng việc miêu tả những chuẩn bị bất ngờ ở bệnh viện - thêm giường, các khóa học đặc biệt, thực tập cấp cứu. Nhưng đồng thời cả hai vẫn thấy toàn bộ chuyện này có cái gì đó không thực, vẫn còn xa xôi mặc dù có khả năng xảy ra. Chắc chắn chiến tranh sẽ không xảy ra nữa, người ta tiếp tục nói thế. Thành thử họ tiếp tục bám víu vào hy vọng của mình.

Còn một vấn đề khác, bức thiết hơn, ám ảnh anh. Cecilia đã không nói chuyện với cha mẹ, anh trai hay em gái từ tháng Mười một năm 1935 khi Robbie bị kết án. Nàng không viết thư cho họ, cũng không cho họ biết địa chỉ. Thư đến tay nàng qua mẹ anh, bà đã bán căn bunga-low và chuyển sang làng khác. Thông qua Grace mà nàng cho gia đình biết mình vẫn ổn và không muốn liên lạc gì. Leon đã đến bệnh viện một lần, nhưng

nàng không nói chuyện với anh. Anh đợi ngoài cổng suốt cả chiều. Khi thấy anh, nàng trốn vào trong cho đến khi anh bỏ đi. Sáng hôm sau anh ở ngoài khu nội trú của y tá. Nàng đi lướt qua anh và thậm chí không nhìn về phía anh. Anh níu khuỷu tay nàng, nhưng nàng giật mạnh tay ra bước tiếp, không hề tỏ ra động lòng bởi sự nài xin của anh.

Robbie biết rõ hơn ai hết nàng yêu anh trai mình thế nào, nàng thân thiết với gia đình thế nào, và căn nhà và công viên có ý nghĩa thế nào với nàng. Anh có thể không bao giờ quay lại, nhưng anh khổ sở khi nghĩ đến việc nàng đang hủy hoại một phần trong nàng vì anh. Sau một tháng huấn luyện, anh nói với nàng mình đang nghĩ gì. Đó không phải lần đầu tiên họ đã động đến chuyện này, nhưng vấn đề đã trở nên rõ ràng.

Nàng viết trả lời, "Họ quay lưng lại với anh, tất cả họ, ngay cả cha em. Khi họ hủy hoại cuộc đời anh, họ hủy hoại đời em. Họ quyết định tin bằng chứng của một con oắt loạn trí, ngớ ngẩn. Trên thực tế, họ đã khuyến khích nó bằng cách không cho nó đường nào mà quay lại. Nó mới mười ba tuổi đầu, em biết, nhưng em không bao giờ muốn nói chuyện với nó nữa. Còn với những người còn lại, em không bao giờ có thể tha thứ cho việc họ đã làm. Giờ đây khi cắt đứt, em bắt đầu hiểu sự trưởng giả nằm sau sự ngu xuẩn của họ. Mẹ em không bao giờ tha thứ cho anh vì anh đã tốt nghiệp thủ khoa. Cha em thích trốn mình vào công việc. Leon hóa ra lại là một tên ngốc không xương sống, lúc nào cũng tí ta tí toét hòa hợp với tất cả mọi người. Khi Hardman quyết định che giấu cho Danny, không ai trong gia đình em muốn cảnh sát thẩm vấn ông ta những câu hỏi rõ ràng rành rành. Cảnh sát truy tố anh. Họ không muốn vụ của họ bị rối tung lên. Em biết nghe thật chua chát, nhưng anh thương yêu của em, em không muốn thế. Em thực lòng hạnh phúc với cuộc đời mới và bạn bè mới. Bây giờ em cảm thấy mình có thể hít thở. Trên hết thấy, em có anh làm mục đích sống. Một cách thực tế, phải chọn lựa - anh hoặc họ. Làm sao có được cả hai? Em chưa bao giờ hồ nghi một giây phút nào: Em yêu anh. Em tin anh hoàn toàn. Anh là người thương nhất đời của em, lý do của đời em. Cee."

Anh thuộc lòng những câu cuối cùng này và giờ đây nhắm đi nhắm lại trong bóng tối. Lý do của đời em. Không phải lý do để em sống, mà là lý do của cả đời em. Thật cảm động. Và nàng là lý do của đời anh, và lý do anh phải sống sót. Anh nằm nghiêng, nhìn ra nơi anh nghĩ là cửa kho thóc, đợi ánh ngày đầu tiên. Giờ anh bồn chồn đến mức không chớp mắt nổi. Anh chỉ muốn bước đi mãi cho đến biển.

Không có căn nhà tranh nào ở Wiltshire cho họ. Ba tuần sau khi đợt huấn luyện kết thúc, người ta tuyên chiến. Quân đội phản ứng một cách tự động, giống như phản xạ của con trai trước ánh sáng. Mọi kỳ phép bị

hủy bỏ. Sau đó ít lâu, người ta định nghĩa lại là “tạm hoãn”. Ngày tháng được ấn định, rồi thay, rồi hủy. Và rồi, bằng một thông báo trước hai mươi tư giờ, lệnh lên đường bằng tàu hỏa được ban ra. Họ có bốn ngày trước khi trình diện nhận nhiệm vụ ở trung đoàn mới. Có tin đồn họ sẽ lại di chuyển. Nàng phải cố gắng sắp xếp lại ngày nghỉ, và trong chừng mực nào đó đã thành công. Khi cố lần nữa, nàng không được chấp thuận. Đến lúc thư anh đến, báo với nàng là anh về, nàng đã trên đường đi Liverpool để tập huấn chăm sóc chấn thương nghiêm trọng tại Bệnh viện Alder Hey. Hôm sau ngày về đến London, anh khởi sự theo nàng tới phía Bắc, nhưng tàu xe chậm không tưởng tượng nổi. Người ta dành ưu tiên cho quân đội đi về phía Nam. Tại ga Birmingham New Street, anh bị nhờ tàu chuyển tiếp còn chuyển tiếp theo bị hủy. Lẽ ra anh đã đợi đến sáng hôm sau. Anh đi đi lại lại trên sân ga nửa tiếng đồng hồ, rồi tình không biết quyết định thế nào. Cuối cùng, anh quyết định quay về. Trình diện muộn là một vấn đề nghiêm trọng.

Đến lúc nàng lữ Liverpool về, anh đang xuống tàu ở Cherbourg và mùa đông âm đạm nhất đời anh trải ra phía trước. Dĩ nhiên cả hai đều thấy khổ sở, nhưng nàng cảm thấy nghĩa vụ của mình là phải lạc quan và an ủi. “Em không đi đâu cả,” nàng viết trong lá thư đầu liên sau khi từ Liverpool về. “Em sẽ đợi anh. Trở lại với em.” Nàng đang trích dẫn lại mình. Nàng biết anh sẽ nhớ. Kể từ đó trở đi, đây là câu nàng dùng để kết mỗi lá thư gửi cho Robbie ở Pháp, từ lá đầu tiên đến lá cuối cùng, đến tay anh ngay trước khi có lệnh rút lui về Dunkirk.

Đó là một mùa đông dài nghiệt ngã cho Quân đội Viễn chinh Anh quốc ở miền Bắc nước Pháp. Không nhiều chuyện xảy ra lắm. Họ đào hào, bảo vệ đường tiếp tế, và được lệnh đi tập luyện ban đêm, chuyện này thật lố bịch với lính bộ binh vì mục đích không bao giờ được giải thích, đạn dược thì lại thiếu. Khi không làm nhiệm vụ, mỗi người đều là tướng hết. Ngay cả anh binh nhì cấp bậc thấp nhất cũng nói như đinh đóng cột rằng chiến tranh sẽ không diễn ra trong hào nữa. Nhưng vũ khí chống tăng họ mong đợi đã không bao giờ đến. Trên thực tế, họ chẳng có thứ vũ khí hạng nặng nào. Đó là thời gian của sự chán chường, những trận đấu bóng giữa các đơn vị, đeo ba lô nặng trịch hành quân suốt ngày trên các con đường quê, và không có việc gì làm suốt hàng giờ liên tục ngoại trừ vừa bước đều vừa mơ mộng theo tiếng boots nện lên mặt nhựa đường. Anh thường chìm đắm trong suy nghĩ về nàng, và hoạch định lá thư tiếp theo, trau chuốt câu từ, cố tìm ra hài hước trong sự ảm đạm này.

Có lẽ nhờ nhìn thấy cây cối xanh tươi dọc những con đường nhỏ ở Pháp và dải hoa chuông mờ mờ thấp thoáng trong rừng mà anh cảm thấy cần có sự hòa giải và những khởi đầu tươi mới. Anh quyết định mình nên

cổ thuyết phục nàng liên lạc với cha mẹ. Nàng không cần phải tha thứ họ, hay khơi lại những mâu thuẫn cũ. Nàng chỉ nên viết một lá thư ngắn gọn, giản dị, cho họ biết nàng đang ở đâu và song thế nào. Ai biết được những năm tới đây sẽ có những đổi thay gì chứ? Anh biết rằng nếu nàng không làm hòa với cha mẹ trước khi một trong hai người chết, nàng sẽ ăn năn day dứt khôn nguôi. Anh sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân mình nếu không khuyến khích nàng.

Vì vậy anh viết vào tháng Tư, và mãi giữa tháng Năm thư hồi âm của nàng mới đến tay anh, khi họ đã rút lui dần dần rồi, không lâu trước khi có lệnh rút lui tới tận Channel²⁶. Dưới hỏa lực của địch không liên lạc nào diễn ra được. Lá thư giờ nằm trong túi trên của anh. Đó là lá thư cuối cùng của nàng đến tay anh trước khi hệ thống chuyển phát thư tan vỡ.

... Em không định kể anh nghe chuyện này bây giờ đâu. Em vẫn không biết phải nghĩ gì và em muốn đợi đến khi mình bên nhau. Giờ em nhận thư anh rồi, không kể cho anh thì thật không nên. Ngạc nhiên đầu tiên là giờ Briony không phải ở Cambridge. Mùa thu vừa rồi nó không học lên tiếp, nó không nhận chỗ của mình. Em kinh ngạc vì có nghe bác sĩ Hall nói nó được nhận vào học y tá. Ngạc nhiên nữa là nó đang được huấn luyện ở bệnh viện cũ của em. Anh có tưởng tượng nổi Briony cầm cái bô không? Em nghĩ họ đều nói cùng một điều về em. Nhưng nó là một đứa hoang tưởng, như mình đều biết bằng cái giá mình đã trả. Em thấy thương bệnh nhân nào bị nó tiêm. Thư nó gửi khó hiểu và rối tinh rối mù. Nó muốn gặp. Nó bắt đầu ngộ ra hoàn toàn điều nó đã làm và thế có nghĩa là thế nào. Rõ ràng, chuyện nó không đi học tiếp có ít nhiều liên quan đến chuyện ấy. Nó bảo muốn là người hữu ích theo một cách thực tế. Nhưng em có ấn tượng rằng nó học làm y tá như một kiểu ăn năn. Nó muốn đến gặp em nói chuyện. Có thể em đã hiểu sai, và đó là lý do tại sao em đợi khi nào gặp anh thì sẽ bàn trực tiếp chuyện này, nhưng em nghĩ nó muốn công khai rút lại lời chứng. Em nghĩ nó muốn thay đổi bằng chứng và làm việc đó một cách chính thức hay hợp pháp. Chuyện này thậm chí còn không thể xảy ra, xét vì đơn chống án của anh bị bác. Mình cần hiểu thêm về luật pháp. Có khi em sẽ đi gặp cố vấn. Em không muốn chúng mình nuôi hy vọng để rồi chẳng được gì cả. Cũng có thể nó không có ý như em nghĩ, hoặc có thể nó chưa được chuẩn bị để hiểu hết mọi chuyện. Hãy nhớ con bé là một đứa hão huyền thế nào.

Em sẽ không làm gì cả chừng nào chưa nghe ý kiến của anh. Lẽ ra em không nên kể anh nghe chuyện gì cả, nhưng khi anh lại viết thư bảo em nên liên lạc với cha mẹ (em ngưỡng mộ tinh thần bác ái của anh), em phải nói cho anh biết vì tình huống có thể thay đổi. Nếu về mặt pháp lý Briony không thể đến trước mặt quan tòa mà bảo ông ta rằng nó đã nghĩ

lại, ít nhất nó cũng có thể đi nói với cha mẹ bọn em. Rồi họ có thể quyết định họ muốn làm gì. Nếu họ có thể buộc mình viết một lá thư xin lỗi tử tế cho anh thì may ra gia đình em có thể có khởi đầu mới.

Em cứ nghĩ mãi đến con bé. Đi học làm y tá, cắt đứt với hoàn cảnh xuất thân của mình, chuyện đó với nó là một bước lớn hơn nhiều so với em. Ít nhất em đã có ba năm tại Cambridge, và em có lý do rõ ràng để từ gia đình. Hẳn là nó cũng có lý do. Em không chối rằng em rất tò mò muốn biết. Nhưng em đợi anh, anh yêu, nói em nghe anh nghĩ gì. Với cả, nó cũng bảo rằng tác phẩm của nó bị Cyril Connolly ở tờ *Horizon* từ chối. Vậy là ít nhất cũng có người nhìn thấu được những tưởng tượng méo mó của nó.

Anh có nhớ hai đứa sinh đôi dễ non mà em kể không? Đứa em chết rồi. Chuyện đó xảy ra vào đúng đêm em trực. Bà mẹ tiếp nhận tin đó thật khó nhọc. Bọn em nghe bảo ông bố làm nghề phụ nề, thế mà chắc bọn em cứ đinh ninh đó là một thằng cha nhỏ con thô lỗ với một điệu thuốc trề nải trên môi. Anh ta ở tận East Anglia với các nhà thầu giúp việc cho quân đội, xây hàng rào phòng thủ bờ biển, đó là lý do vì sao anh ta đến bệnh viện muộn như vậy. Hóa ra anh ta lại là một người cực kỳ đẹp trai, mười chín tuổi, cao hơn mét tám, tóc vàng lò xo phủ trán. Anh ta bị tật bẩm sinh ở chân như Byron, thành thử anh ta mới không tòng quân. Jenny bảo trông anh ta như một vị thần Hy Lạp. Anh ta rất đáng yêu và dịu dàng, kiên nhẫn an ủi cô vợ trẻ. Tất cả bọn em đều cảm động. Chuyện buồn nhất là anh ta vừa mới nói được vài câu an ủi vợ thì thời gian thăm bệnh hết và Y tá trưởng đến buộc anh ta phải ra về cùng với mọi người khác. Thế là bọn em là người phải đi hàn gắn các mảnh vỡ. Cô gái tội nghiệp. Nhưng đã bốn giờ rồi, và luật là luật.

Em sẽ cầm thư này chạy vội xuống phòng phân loại thư ở Balham, hy vọng nó sẽ qua được Channel trước cuối tuần. Nhưng em không muốn kết thư buồn thế. Em thực sự rất phấn khích trước tin về em gái em và ý nghĩa của điều đó đối với hai đứa mình. Em rất thích chuyện anh kể về nhà xí của các trung sĩ. Em đọc chuyện đó cho các bạn nghe, họ cười như điên. Em rất mừng khi sĩ quan liên lạc đã phát hiện ra khả năng tiếng Pháp của anh và giao cho anh nhiệm vụ để dùng được nó. Sao mãi họ mới phát hiện ra anh nhỉ? Anh ản mình à? Anh nói rất đúng về bánh mì Pháp - ăn xong chỉ mười phút là lại thấy đói luôn. Toàn là không khí chứ chả có chất gì cả. Balham không tệ như em kể, nhưng lần sau em sẽ nói nhiều hơn. Em kèm đây một bài thơ của Auden về cái chết của Yeats lấy ra từ một số *London Mercury* hồi năm ngoái. Cuối tuần này em sẽ về quê thăm Grace và sẽ tìm trong các hộp máy bài thơ của Housman cho anh.

Em phải chạy đây. Từng giây từng phút em đều nghĩ đến anh. Em yêu anh. Em sẽ đợi anh. Trở lại với em. Cee.

Có ai đó dùng bột đá vào thắt lưng khiến anh tỉnh dậy.

“Dậy đề, Cha nội. Dậy mà đi thôi.”

Anh ngồi dậy nhìn đồng hồ. Cửa kho thóc là một hình chữ nhật màu đen pha ánh xanh. Anh cho là mình đã ngủ chưa đến bốn mươi phút. Mace miệt mài dốc hết rơm từ mấy cái bao ra và dỡ cái bàn gãi tự chế. Họ im lặng ngồi trên cỏ khô hút thuốc đầu tiên trong ngày. Khi bước ra ngoài, họ thấy một bình đất sét đầy bằng nắp gỗ dày. Bên trong, bọc vải muslin, là một ổ bánh mì và một mẫu pho mát. Turner chia phần thực phẩm ngay tại đó bằng một cái mác.

“Phòng khi chúng ta bị tách lẻ,” anh lẩm bẩm.

Đèn trong nhà đã bật và lũ chó sủa điên loạn khi họ đi ra. Họ leo qua cổng và bắt đầu băng cánh đồng hướng về phía Bắc. Một tiếng sau, họ dừng chân trong một cánh rừng trồng cây làm củi để uống nước trong bi đông và hút thuốc. Turner nghiên cứu bản đồ. Máy bay ném bom đầu tiên đã bay trên đỉnh đầu, đội hình khoảng năm mươi lăm chiếc Heinkel, cùng hướng về phía bờ biển. Mặt trời đang lên và trời quang mây. Một ngày hoàn hảo cho đám Luftwaffe²⁷. Họ im lặng đi một giờ nữa. Không có đường, vì vậy anh phải mở đường theo la bàn, băng qua những cánh đồng bò và cừu, củ cải và lúa mì non. Họ không được an toàn như anh tưởng, khi cách xa khỏi lộ chính. Một cánh đồng chăn gia súc có chục hố bom, và những mẫu thịt, xương, da cháy đen bị hất bay hơn trăm mét. Nhưng ai cũng đắm chìm vào suy nghĩ của mình và không ai nói gì. Turner bị bản đồ làm cho bối rối. Anh đoán họ cách Dunkirk hai mươi lăm dặm. Càng đến gần, càng khó tránh khỏi đường chính. Mọi thứ hội tụ lại một điểm. Khi tiến đến cầu, nếu lại băng qua vùng quê nữa thì họ sẽ chỉ mất thời giờ mà thôi.

Lúc mười giờ hơn họ dừng lại nghỉ lần nữa. Họ leo qua hàng rào tới một đường mòn, nhưng anh không tìm thấy nó trên bản đồ. Dù sao thì nó cũng chạy đúng hướng, qua một vùng đất bằng, gần như trọc không cây. Họ đi tiếp nửa giờ nữa thì nghe tiếng hỏa lực phòng không cách đó một vài dặm phía trước, họ thấy được chớp thắp nhà thờ ở đó. Anh lại dừng để xem bản đồ.

Hạ sĩ Nettle nói, “Nó chả cho thấy mấy em xinh tươi đâu, cái bản đồ đó.”

“Suyt. Hấn lại nghi ngờ đấy.”

Turner dựa người vào trụ hàng rào. Bên hông đau nhói mỗi khi anh giẫm chân phải xuống. Cái vật sắc nhọn kia dường như đang chòi ra thọc vào áo anh. Không thể cưỡng lại việc dùng ngón trở sờ vào xem thế nào. Nhưng anh chỉ cảm thấy da thịt mềm mại, bị rách. Sau đêm qua, nếu anh cứ phải nghe những lời trêu chọc của hai tay hạ sĩ kia thì thật không hợp lý. Mệt mỏi và đau đớn làm anh cáu bẳn, nhưng anh không nói gì và cố tập trung. Anh tìm thấy ngôi làng trên bản đồ, nhưng không thấy con đường mòn họ đang đi, mặc dù chắc chắn nó dẫn đến đó. Đúng như anh đã nghĩ. Họ sẽ phải đi vào đường chính, và họ sẽ cần phải đi trên nó đến tận tuyến phòng thủ ở kênh đào Bergues-Fumes. Không còn đường nào khác. Hai tay hạ sĩ vẫn không thôi giễu cợt. Anh gấp bản đồ lại bước tiếp.

“Kế hoạch thế nào, Cha nội?”

Anh không trả lời.

“Ôi, ôi. Giờ ông làm nàng ấy giận rồi.”

Ngoài tiếng súng cao xạ, họ nghe tiếng pháo, của quân họ, đâu đó xa xa về phía Tây. Khi đến sát làng, họ nghe tiếng xe tải chạy rì rì. Rồi họ thấy chúng, dàn thành một hàng dài về phía Bắc, chạy chậm như đi bộ. Rất thêm đi nhờ một chuyến, nhưng kinh nghiệm cho anh biết làm như vậy họ sẽ trở thành mục tiêu dễ đến thế nào với kẻ địch từ trên không. Đi bộ thì ta có thể thấy và nghe được cái gì đang tới.

Đường mòn nhập vào đường chính khi nó ngoặt góc sang bên phải ra khỏi làng. Họ nghỉ chân mười phút, ngồi trên mé máng nước bằng đá. Những chiếc xe tải ba và mười tấn, xe cứu thương và xe háp-trắc đang nghiêng ken kết quanh một khúc cua hẹp với tốc độ chưa đến một dặm một giờ, rồi ra khỏi làng xuôi xuống một con đường thẳng dài với những cây tiêu huyền phòng vệ sườn bên trái. Con đường dẫn thẳng về phía Bắc, hướng về một đám khói dầu cháy đen kịt sừng sững trên đường chân trời, đánh dấu rõ Dunkirk. Giờ thì không cần la bàn nữa. Rải rác trên đường là những chiếc xe quân đội đã bị phá hỏng. Không để lại gì cho kẻ thù sử dụng. Từ sau những chiếc tải đang chạy xa dần, những người bị thương còn tỉnh ngây mắt nhìn ra. Còn có cả xe thiết giáp, xe chở ban tham mưu, xe bọc thép chở quân, xe máy. Lẫn chung với chúng, nhồi nhét hoặc chồng cao ngất đồ dùng gia đình và va li, là xe dân, xe buýt, xe tải nhà nông và xe ngựa người đẩy hoặc ngựa kéo. Không gian xám xịt bởi khói diesel, và mệt mỏi cuộc bộ trong cái mùi khét đó, vào thời điểm này di chuyển nhanh hơn xe cộ, là hàng trăm binh lính, hầu hết bọn họ đều mang súng trường và vận những chiếc măng tô kỳ dị - một gánh nặng trong tiết trời buổi sáng mỗi lúc mỗi nóng này.

Đi cùng với lính là các gia đình đang kéo va li, túi xách, em bé, hoặc cầm tay trẻ con dắt đi. Âm thanh con người duy nhất mà Turner nghe

thấy, xuyên qua tiếng động cơ inh ỏi, là tiếng trẻ con khóc. Có cả người già đơn độc bước đi. Một ông già vận bộ vest vải batit mới toanh, thắt cà vạt, đi dép rơm, lê bước nhờ hai cây gậy, tiến chậm đến nỗi xe cộ vượt qua ông. Ông thở hổn hển. Dù có đi đâu, ông cũng chắc chắn không đến nơi nổi. Ở phía xa bên kia đường, ngay góc, là một tiệm giày mở cửa bán hàng. Turner thấy một phụ nữ với một bé gái đứng cạnh đang nói chuyện với người bán hàng, cô này mỗi tay giơ ra một chiếc giày. Cả ba không để ý gì đến đoàn người phía sau họ. Đi ngược lại dòng người, giờ đang cố lách qua ngay chỗ góc đó là một dãy xe bọc sắt, lớp sơn không bị sây sát gì sau trận đánh, tiến về phía Nam dần vào tiền tuyến của quân Đức. Tất cả những gì họ có thể mong đợi khi đánh lại sư đoàn Panzer là giành thêm một hai giờ cho binh lính rút lui.

Turner đứng dậy, uống nước trong bi đông và bước vào dòng người, len vào sau một vài người của trung đoàn Bộ binh Highland Light (HLI). Hai hạ sĩ theo chân anh. Giờ anh không còn cảm thấy phải có trách nhiệm với họ nữa, khi cả ba đã nhập vào đoàn rút lui chính. Vì thiếu ngủ, anh càng trở nên cáu bẳn. Hôm nay những lời giễu cợt của họ làm anh khó chịu và dường như đã phản bội lại tình đồng chí của đêm qua. Thực ra, anh cảm thấy thù ghét mọi người quanh mình. Suy nghĩ của anh rút lại còn một điểm nhỏ nhoi: làm sao để mình sống sót được

Muốn rũ bỏ hai gã hạ sĩ, anh bước nhanh chân, chen lẩn vượt qua mấy người Scotland và len qua một nhóm nữ tu đang dẫn khoảng hơn hai chục đứa trẻ vận áo dài lam. Trông họ như một nhóm còn sót lại của một trường nội trú, như trường anh đã dạy gần Lille mùa hè trước khi đến Cambridge. Giờ với anh đó giống như là một cuộc đời khác. Một nền văn minh đã chết. Đầu tiên là cuộc đời anh bị hủy hoại, giờ thì đến cuộc đời của mọi người. Anh giận dữ sải bước, biết rằng kiểu bước này mình sẽ không giữ được lâu. Trước kia, anh đã từng ở trong dòng người như thế này, vào ngày đầu tiên, và anh biết mình đang tìm gì. Ngay phía bên phải anh là một cái hào, nhưng nó nông choẹt và rất lộ. Hàng cây ở phía bên trái. Anh chen qua đường, trước một chiếc Renault. Khi anh làm thế, lái xe liền bấm còi. Tiếng còi rít đỉnh óc khiến Turner đột ngột lên cơn thịnh nộ. Đủ lắm rồi! Anh nhảy ngược lại cửa xe và giật toang ra. Bên trong là một gã nhỏ thó ăn mặc chỉnh chu trong bộ vest xám và đội mũ phớt mềm, va li da chất thành chồng bên cạnh còn gia đình gã ngồi lèn ở băng ghế sau. Turner túm lấy cà vạt của gã và đã toan bạt vào cái mặt đàn độn kia bằng bàn tay phải xòe rộng thì một bàn tay khác, rất mạnh, túm lấy cổ tay anh.

“Hắn đâu phải kẻ thù, Cha nội.”

Không thả tay ra, Hạ sĩ Mace kéo xệch anh đi. Nettle, ngay phía sau, đá cánh cửa xe Renault đóng lại mạnh đến độ gương bên rụng xuống. Máy đưa bé mặc áo dài lam ồ lên vỗ tay.

Cả ba bước lại phía bên kia đường và đi bộ dưới tán cây. Mặt trời bây giờ đã lên đến đỉnh và trời nóng, mà bóng râm vẫn chưa phủ kín con đường. Một vài chiếc xe bị bắn tan tành trong đợt không kích nằm vắt qua hào. Quanh những chiếc xe tải bị bỏ lại mà họ đi qua, quân nhu đã bị đám lính tìm thức ăn, nước uống hoặc xăng làm phân tán sạch. Turner và hai hạ sĩ nặng nề lê bước qua những cuộn ruy băng máy chữ lòi ra từ các hộp, sổ kế toán vạch làm hai cột, đồ ký gửi gồm những bàn sắt và ghế quay, đồ dùng nhà bếp và phụ tùng động cơ, yên ngựa, bàn đạp ngựa và cương, máy may, cúp bóng đá, ghế chông, cả máy chiếu phim và máy phát điện chạy xăng - hai thứ này đã bị ai đó dùng xà beng nằm ngay cạnh đạp cho méo mó. Họ đi qua một xe cứu thương sụp một nửa trong hào, mất một bánh. Một tấm bảng đồng gắn trên cửa xe viết, "Xe cứu thương này là quà tặng của người dân Anh sống ở Brazil".

Turner phát hiện ra là hoàn toàn có thể ngủ gật lúc đang bước đi. Tiếng gầm rú inh ỏi của xe tải sẽ đột nhiên chấm dứt, rồi cơ cổ anh giãn ra, đầu gục xuống, và anh sẽ giật mình tỉnh dậy đi ngoẹo cả chân. Nettle và Mace định đi nhờ xe. Nhưng hôm trước anh đã kể cho họ mình nhìn thấy gì ở dòng người đầu tiên đó - hai mươi người ngồi sau xe tải ba tấn bị giết chỉ bằng một quả bom. Lúc đó anh đang co rúm lại trong một cái hào, đầu gị xuống nước và chỉ bị một mảnh bom găm vào người.

"Hai người cứ làm đi," anh nói. "Tôi thì tiếp tục đi bộ."

Vậy là chuyện đó bị bỏ qua. Họ sẽ không đi mà không có anh - anh là bùa may mắn của họ.

Họ đi sau vài lính HLI nữa. Một người đang chơi kèn túi, khiến hai tay hạ sĩ cũng huýt âm mũi nhại theo. Turner làm như thể sắp băng qua đường.

"Nếu các anh gây sự, tôi không đi cùng đâu."

Có hai tay Scotland quay lại rồi lằm bằm gì đó với nhau.

"Giờ đêm giăng điệp hết con bà nó sảy²⁸," Nettle gọi to bằng giọng Cockney. Rất có thể sẽ có chuyện rầy rà nếu họ không nghe tiếng súng lục trên đầu. Khi họ lùi lại, tiếng kèn túi tắt bật. Trên một cánh đồng mênh mông, kỵ binh Pháp đã tập trung đội hình và dàn thành một hàng dài. Đứng đầu là một viên sĩ quan bắn chết từng con ngựa bằng một phát súng vào đầu, rồi chuyển sang con tiếp theo. Mỗi binh lính đứng nghiêm cạnh ngựa của mình, mũ long trọng ôm ở ngực. Những con ngựa kiên nhẫn đợi đến phiên mình.

Việc tuyên bố bại trận khiến tinh thần mọi người càng sa sút. Hai hạ sĩ chẳng lòng dạ nào chòng ghẹo mấy gã Scotland nữa, mấy tay này cũng chẳng bận tâm tới họ. Vài phút sau họ đi qua năm thi thể trong hào, ba phụ nữ, hai trẻ em. Va li của họ nằm rải rác xung quanh. Một phụ nữ đi dép rơm, như lão ông mặc bộ vest vải batit. Turner nhìn đi chỗ khác, cương quyết không bị hút hồn vào đấy. Nếu muốn sống sót, anh phải liên tục nhìn lên trời. Anh mệt quá, cứ quên mãi. Mà giờ trời đã nóng. Một số người thả áo măng tô xuống đất. Một ngày rục rờ. Vào thời điểm khác, trời như hôm nay sẽ được gọi là một ngày rục rờ. Đường đang dốc dần lên, đủ khiến anh phải kéo lê chân và làm sườn anh đau nhói. Mỗi bước là một quyết định có ý thức. Chỗ rộp da đang sưng tấy lên ở gót chân trái buộc anh phải đi bằng mép boot. Không dừng bước, anh lấy bánh mì và pho mát trong túi ra, nhưng anh khát quá không nhai nổi. Anh châm một điều thuốc để kích cơn đói và cố giảm thiểu nhiệm vụ xuống mức cơ bản: mình đi qua vùng đất này cho tới khi ra đến biển. Còn gì có thể đơn giản hơn, một khi yếu tố xã hội bị loại bỏ? Anh là người duy nhất trên trái đất và mục tiêu của anh rõ ràng. Anh đi qua vùng đất này cho đến khi ra được đến biển. Hiện thực thì toàn mang tính xã hội, anh biết; những kẻ khác đang truy đuổi anh, nhưng anh có được niềm an ủi vờ vịt, và ít nhất một nhịp bước cho đôi chân anh. Anh đi/ hết qua/ vùng đất/ đến khi/ anh ra/ được đến biển²⁹. Một câu thơ sáu nhịp. Năm iambơ và một anapet là nhịp anh lê bước lúc này.

Đi thêm hai mươi phút nữa thì đường bắt đầu bằng phẳng. Ngoái qua vai anh thấy ở đằng sau đoàn xe hộ tống kéo dài cả dặm dưới chân đồi. Phía trước, anh không thấy được đầu tận cùng đoàn xe ấy. Họ băng qua đường ray. Theo như bản đồ, họ còn cách kênh đào mười sáu dặm nữa. Họ đang đi vào một quãng nơi dọc theo đường là những phương tiện hư hỏng nằm nối đuôi nhau hầu như bất tận. Nửa chục khẩu pháo hai mươi lăm pound nằm chật đống cạnh cái mương, như thể do xe ủi đất hạng nặng đẩy ùn lại đó. Phía trên kia, nơi bắt đầu xuống dốc, có một chỗ giao cắt với đường phụ và đang xảy ra một vụ ồn ào. Tiếng cười của lính ở chân dốc và giọng nói oang oang ở hai bên đường. Khi lên đến nơi, anh thấy một thiếu tá của Trung đoàn Hoàng gia Đông Kent, một tay mặt hồng hào theo trường phái cũ, khoảng ngoại tứ tuần, hò hét và chỉ tay về phía khu rừng nằm bên kia hai cánh đồng cách đó chừng một dặm. Gã đang kéo, hay cô kéo mọi người ra khỏi hàng. Hầu hết lờ gã đi mà tiếp tục bước, một số cười nhạo, nhưng vài người thì sợ cấp bậc của gã mà dừng lại, mặc dù bản thân gã chẳng có chút uy nào. Họ tập trung quanh gã, vẫn ôm súng trường, vẻ ngần ngại.

“Anh. Phải, anh. Anh sẽ làm.”

Gã thiếu tá đặt tay lên vai Turner. Anh dừng lại chào rồi mới biết mình đang làm gì. Hai hạ sĩ ở sau anh.

Gã thiếu tá có bộ ria kiêu Hitler vắt trên đôi môi nhỏ mím chặt, đôi môi cắt những lời gã nói ra thành từng từ đứt khoát. “Bọn tôi đã dồn được bọn Đức vào trong rừng đằng kia. Chắc chắn là chúng thuộc nhóm tiền trạm. Nhưng giờ chúng lặn trong đó với vài khẩu súng máy. Chúng ta sẽ vào đó xua chúng ra.”

Turner cảm thấy nỗi sợ hai làm chân anh cứng đờ và nhũn ra. Anh chìa hai bàn tay trắng ra cho tay thiếu tá.

“Bằng cái gì, thưa ngài?”

“Bằng trí khôn và một ít tính thần đồng đội.”

Cãi lại một gã ngốc như thế nào đây nhỉ? Turner mệt quá chẳng nghĩ nổi, tuy nhiên anh biết mình sẽ không đi.

“Giờ tôi có phần còn lại của hai trung đội đang từ phía Đông tới...”

“Phần còn lại” là từ nói rõ sự tình, và khiến Mace, với tất cả kỹ năng chế giễu của mình, ngắt lời.

“Xin lỗi, thưa ngài. Xin được phép nói.”

“Không cho phép, Hạ sĩ.”

“Cám ơn ngài. Sở chỉ huy đã ra lệnh. Tiến tới gấp rút, nhanh chóng, khẩn trương, không chậm trễ, không trệch đường hay lạc hướng khỏi Dunkirk vì mục đích di tản ngay lập tức vì chúng ta đang bị tấn công một cách ‘khủng khiếp’ và dữ dội từ mọi ngả. Thưa ngài.”

Thiếu tá quay lại xỉa ngón trở vào ngực Mace.

“Nghe này anh bạn. Đây là cơ hội cuối cùng của chúng ta để chứng tỏ...”

Hạ sĩ Nettle mớ màng nói, “Chính Lord Gort³⁰ đã viết mệnh lệnh đó và đích thân gửi nó xuống, thưa ngài.”

Với Turner, dường như thật phi thường khi nói với một sĩ quan theo kiểu này. Và cũng mạo hiểm nữa. Tay thiếu tá vẫn chưa hiểu ra là mình bị móc. Gã có vẻ nghĩ rằng người vừa nói là Turner, vì gã lại chĩa sang anh mà thuyết.

“Cuộc rút lui này là một sự vô tổ chức chết tiệt. Vì Chúa lòng lành, anh bạn. Đây là cơ hội ngon lành cuối cùng để chúng ta thể hiện mình có thể làm gì khi đứt khoát và cương quyết. Hơn nữa...”

Hắn tiếp tục huyền thuyên, nhưng với Turner thì một sự tĩnh lặng ngạt thở đã hạ xuống buổi sáng muộn rõ ràng này. Lần này anh không ngủ gật. Anh nhìn qua vai tay thiếu tá về phía đầu dòng người. Nằm ở đó, xa xa, khoảng chín mét phía trên đường, bị hơi nóng càng lúc càng tăng làm quán lại, là cái gì đó trông như một tấm ván gỗ vắt ngang lơ lửng, ở giữa lời lên. Những lời của tay thiếu tá không chạm đến anh, cả những

suy nghĩ tỉnh táo của chính anh cũng không. Áo ảnh nằm ngang kia lửng lơ trên trời mà không to lên, và mặc dù bắt đầu hiểu ý nghĩa của nó, thế nhưng, giống như trong mơ, anh không thể phản ứng hay nhúc nhích tứ chi. Anh chỉ mở được miệng, nhưng không thốt ra được tiếng nào, và đầu thốt ra được thì cũng không biết phải nói gì.

Rồi, ngay giây phút khi âm thanh ào ào đổ ập trở lại, anh mới có thể thét lên, “Chạy đi!” Anh bắt đầu chạy thẳng về chỗ trú gần nhất. Đó là một kiểu lời khuyên mơ hồ nhất, ít chất quân nhân nhất, nhưng anh cảm thấy hai hạ sĩ không xa mấy sau lưng anh. Chân anh không sao đủ nhanh được, cũng y hệt trong mơ. Không phải anh thấy đau ở dưới sườn, mà là thứ gì đó đang cạo vào xương. Anh thả áo măng tô xuống. Phía trước năm mươi mét là một chiếc xe tải ba tấn lật nghiêng. Cái gầm bóng dầu mỡ màu đen đỏ, bộ phận tốc phòng lên ấy là tổ ấm duy nhất của anh. Anh còn cách chỗ đó không xa. Một máy bay chiến đấu đang vãi đạn súng máy dọc dòng người. Dải đạn rộng đang lia xuống con đường với tốc độ hai trăm dặm một giờ, rồi một tràng loảng xoảng như mưa đá khi những mảnh đạn pháo đâm trúng kim loại và thủy tinh. Người ngồi trong những chiếc xe đang chạy chậm rì ấy, không ai có phản ứng gì. Tài xế chỉ vừa mới tiếp nhận được cảnh ấy qua kính chắn gió. Họ đang ở nơi anh vừa đứng trước đó mấy giây. Đám người phía sau xe tải không biết gì. Một trung sĩ đứng giữa đường mà chĩa súng trường lên. Một phụ nữ hét toáng lên, và rồi súng nã xuống đầu họ ngay lúc Turner lao mình vào bóng chiếc xe tải lật úp. Khung sắt rung lên bần bật khi bị đạn bắn vào với tốc độ dữ dội như tiếng trống đập dồn. Rồi pháo ập tới, lao vun vút xuống dòng người, tiếng gầm của máy bay chiến đấu và cái bóng lập lòe của nó vụt theo sau. Anh nép mình vào trong gầm xe đen kịt cạnh bánh trước. Chưa bao giờ dầu cặn lại có mùi ngọt ngào hơn thế. Trong lúc đợi một máy bay khác, anh gập người lại, tay ôm đầu, mắt nhắm chặt, và chỉ nghĩ đến chuyện sống sót.

Nhưng không có gì đến nữa. Chỉ có tiếng côn trùng kiên quyết thi hành sự vụ cuối xuân, và tiếng chim hót trở lại sau một khoảng dừng vừa vắn. Và rồi, như thể lấy tiếng chim làm dấu hiệu, những người bị thương bắt đầu rên rỉ và thét gọi, và lũ trẻ kinh hoàng bắt đầu khóc. Ai đó, như mọi khi, đang nguyên rửa Lực lượng Không quân Hoàng gia. Turner đứng dậy và đang phải đất thì Nettle và Mace chui lên, và họ cùng nhau đi về phía tay thiếu tá đang ngồi trên mặt đất. Toàn bộ sắc hồng hào đã biến mất khỏi mặt gã, và gã đang ôm tay phải.

“Đạn bay xuyên lẹm qua nó,” gã nói khi họ tới. “Thật sự cũng hên phết.”

Họ giúp gã đứng dậy và đề nghị đưa gã tới xe cứu thương nơi một đại úy thuộc Lực lượng Quân y Hoàng gia (RAMC) và hai hộ lý đang khám cho những người bị thương. Nhưng gã lắc đầu và đứng ở đó không ai giúp đỡ. Trong cơn hoảng loạn, gã nói luôn miệng và giọng khê khàng hơn.

“ME 109. Chắc là súng máy của hắn. Đại bác thì đi toi cái tay hồng hào của tôi rồi. Hai mươi lăm li, các anh biết đấy. Hắn chắc hẳn đã lạc nhóm. Phát hiện thấy chúng ta trên đường về và không cưỡng được. Thực sự không trách hắn được. Nhưng thế có nghĩa là bọn chúng sẽ đến thêm rất nhanh thôi.”

Nửa tá đàn ông gã tập trung lúc trước đang vừa lồm cồm ra khỏi hào vừa nhặt súng ra theo rồi mỗi người bỏ đi một ngã. Nhìn thấy họ, tay thiếu tá bình tĩnh lại.

“Được rồi, các chú. Tập hợp.”

Dường như họ không có khả năng chống lại gã nên liền đứng thành một hàng. Lúc này hơi run run, gã nói với Turner.

“Cả ba anh kia nữa. Ngay lập tức.”

“Thực ra, anh già ạ, nói cho ngay, tôi nghĩ bọn tôi không làm đâu.”

“Ồ, tôi hiểu rồi.” Gã liếc nhìn vai Turner, dường như nhìn thấy ở đó biểu hiện của cấp bậc cao. Gã đưa tay trái lên chào ra vẻ đôn hậu. “Nếu thế, thưa ngài, nếu ngài không phiền, chúng tôi xin rút. Hãy chúc chúng tôi may mắn.”

“Chúc may mắn, Thiếu tá.”

Họ nhìn gã bước cùng biệt đội bắt đắc dĩ của gã về phía cánh rừng nơi những khẩu súng máy đang đợi.

Trong nửa tiếng đồng hồ, dòng người không dịch chuyển. Turner để viên đại úy RAMC sai bảo mình và giúp đội khiêng cáng mang những người bị thương vào. Sau đó anh tìm chỗ cho họ trên xe tải. Không thấy bóng dáng hai hạ sĩ đâu cả. Anh đi kiểm mang về và giúp khuân đồ tiếp tế từ phần sau một xe cứu thương. Nhìn viên đại úy làm việc, khâu một vết thương ở đầu, Turner cảm thấy những ước vọng cũ lại chộn rộn lên trong người. Lượng máu nhìn thấy ở đây che mờ những chi tiết trong sách giáo khoa mà anh còn nhớ. Dọc đoạn đường họ đang dừng có năm người bị thương và, thật đáng ngạc nhiên, không ai chết cả, mặc dù viên trung úy có khẩu súng trường bị bắn trúng mặt và không hy vọng gì sống sót. Ba chiếc xe có đầu trước bị bắn nát và bị người ta đẩy khỏi mặt đường. Xăng bị phụt ra hết và, thêm vào đó, lốp bị đạn bắn xuyên qua.

Khi mọi chuyện xong xuôi, ở phía đầu dòng người cũng không có tiến triển nào. Turner lượm áo măng tô lên bước tiếp. Anh khát quá không chờ được. Một bà già người Bỉ bị trúng đạn ở đầu gối đã uống miếng

nước cuối cùng của anh. Lưỡi anh to phồng trong miệng và tất cả những gì anh có thể nghĩ đến bây giờ là tìm nước uống. Việc đó, và liên tục quan sát bầu trời. Anh đi qua các khu như khu của anh, nơi xe cộ bị phá hỏng và người bị thương được đưa lên xe tải. Anh đi được mười phút thì thấy đầu Mace trên cỏ cạnh một đồng đất. Chỗ đó cách khoảng hai mươi lăm mét, trong bóng râm xanh rì của một hàng dương. Anh bước lại đó, mặc dù ngờ rằng bước tiếp thì tốt hơn cho tâm trí. Anh thấy Mace và Nettle đứng trong một cái hố sâu đến vai. Họ đang ở công đoạn cuối cùng của việc đào một cái huyệt. Bên ngoài đồng đất, một thằng bé chừng mười lăm tuổi đang nằm úp mặt. Một vệt đỏ thẫm trên lưng áo sơ mi trắng muốt kéo dài từ cổ xuống eo.

Mace tì vào xẻng và nhại lại một cách khá xuất sắc.

Tôi nghĩ chúng tôi sẽ không đi. Khá lắm, Cha nội. Lần tới tôi sẽ nhớ câu đó.”

“Lạc đề hay đấy. Ông lấy câu đó ở đâu ra thế?”

“Hắn nuốt nguyên một quả từ điển chết tiệt mà,” Hạ sĩ Nettle tự hào nói.

“Tôi hồi xưa thích chơi ô chữ lắm.”

“Còn ‘bị tấn công một cách ‘khủng khiếp’ và dữ dội?’”

“Giáng sinh vừa rồi tại nhà ăn tập thể có nhóm nhạc lưu diễn.”

Vẫn đứng trong huyệt, gã và Nettle hát không theo giai điệu gì cho Turner nghe.

‘Nói chung có vẻ thật đáng ngại

Khi ‘bị tấn công một cách ‘khủng khiếp’ và dữ dội’

Sau họ, dòng người bắt đầu dịch chuyển.

“Tốt hơn là chôn nó đi,” Hạ sĩ Mace nói.

Ba người khiêng thằng bé xuống và cho nó nằm ngửa ra. Trên túi áo nó cài một dây bút mực. Hai hạ sĩ không dừng lại làm nghi thức gì. Họ bắt đầu hát đất xuống và chẳng mấy chốc thằng bé mất dạng.

Nettle nói, “Thằng nhỏ xinh ghê.”

Hai hạ sĩ đã dùng dây bện buộc hai thanh chống lều lại với nhau làm thánh giá. Nettle dùng mặt sau xẻng nện thánh giá xuống đất. Ngay sau khi xong việc, họ quay trở lại đường.

Mace nói, “Nó đi cùng ông bà. Họ không muốn nó bị bỏ lại trong hào. Tôi nghĩ họ sẽ đến tiễn biệt nó, nhưng họ đang trong tình trạng hết sức tệ hại. Tốt hơn là chúng ta nói cho họ biết nó nằm ở đâu.”

Nhưng không có chuyện đi gặp ông bà thằng nhỏ. Khi họ bước tiếp, Turner lấy bản đồ ra nói, “Nhớ nhìn trời nhé.” Tay thiếu tá nói đúng - sau chuyến bay tình cờ của chiếc Messerschmitt, chúng sẽ quay lại. Mà giờ chắc chúng quay lại rồi. Kênh Bergues-Fumes được đánh dấu màu xanh

đậm trên bản đồ. Nỗi nóng lòng muốn đến con kênh đã quện làm một với cơn khát của anh. Anh muốn gí mặt vào cái màu xanh đó mà uống cho thật đã. Ý nghĩ này khiến anh nhớ đến những lần bị sốt hồi còn bé, cái logic hoang dại và đáng sợ của chúng, khiến anh cứ phải tìm kiếm góc nào đó mát trên gối, và rồi tay mẹ sờ lên trán anh. Grace thân thương. Khi anh sờ lên trán mình, da ở đó mỏng tang và khô cong. Cảm giác nóng rát quanh vết thương, anh cảm thấy, đang bùng dần lên, và da mỗi lúc một căng ra, rát hơn, với thứ gì đó, không phải máu, đang từ đó rỉ ra áo anh. Anh muốn được ở một mình xem xét, nhưng nơi này thì không thể nào được. Đoàn xe đang chuyển động với nhịp cũ không gì lay chuyển được. Đường chạy thang đến biển - giờ thì chả còn đường tắt tiếc gì nữa. Khi họ tiến lại gần hơn, khói đen, chắc chắn là bốc lên từ nhà máy lọc dầu đang bị cháy ở Dunkirk, bắt đầu ngự trị bầu trời phía Bắc. Không còn gì khác ngoài việc bước về phía nó. Vì thế một lần nữa anh cúi đầu xuống đất im lặng lê bước.

Con đường không còn làn cây tiêu huyền che chắn nữa. Dễ bị tấn công và không có bóng râm, nó duỗi mình ra qua một vùng đất mấp mô thành những hình chữ S dài hẹp. Anh đã hao tổn năng lượng quý giá vào những cuộc nói chuyện và gặp gỡ không cần thiết. Mệt mỏi đã khiến anh có vẻ hoan hỉ và hào hiệp một cách giả tạo. Bây giờ anh giảm tốc độ xuống theo nhịp của đôi boots - anh đi/ hết qua/ vùng đất/ đến khi/ anh ra/ được đến biển. Toàn bộ những gì thôi thúc anh bước tiếp nhất định phải nặng hơn mọi thứ cản bước anh, dù chỉ nặng hơn một chút thôi. Trên một đĩa cân là vết thương, cơn khát, vết rộp da, mệt mỏi, nóng bức, bàn chân và cẳng chân đau nhói, đám Stuka, khoảng cách, Biển Manche; đĩa bên kia, Em sẽ đợi anh, và ký ức về lúc nàng nói câu đó, vùng ký ức mà anh đã bắt đầu coi như thánh địa. Cả nỗi sợ bị bắt nữa. Những ký ức nhục cảm nhất của anh - vài phút của họ trong thư viện, nụ hôn ở Whitehall - đã bạc phếch cả màu vì được dùng nhiều quá. Anh thuộc nằm lòng từng đoạn một trong những lá thư của nàng, anh đã ghé thăm lại cuộc tranh giành cái bình ở đài phun, anh nhớ hơi ấm của cánh tay nàng trong bữa tối khi hai đứa sinh đôi mắt tích. Những ký ức đó nuôi sống anh, nhưng không quá dễ dàng. Chúng luôn nhắc anh nhớ mình đang ở đâu vào lúc anh triệu chúng đến lần gần đây nhất. Chúng nằm ở rìa xa của sự phân chia rạch ròi về mặt thời gian, có ý nghĩa như sự phân chia giữa trước Công nguyên và Công nguyên. Trước khi vào tù, trước chiến tranh, trước khi việc nhìn thấy một xác chết trở thành chuyện quá tầm thường.

Nhưng những thứ dị giáo này tàn lụi hết khi anh đọc lá thư cuối cùng của nàng. Anh chạm vào túi áo ngực. Nó như một dạng quỳ gối. vẫn ở đó. Đây là thứ mới trên đĩa cân. Việc anh có thể được thanh minh mang trong nó tất cả sự giản dị của tình yêu. Chỉ nếm nấp khả năng đó thôi cũng khiến anh nhớ đến biết bao điều đã bị thui chột dần và chết. Lòng yêu cuộc đời, chính thế, tất cả những tham vọng và khoái lạc xa xưa. Viễn cảnh trước mắt anh giờ là một sự tái sinh, một cuộc khai hoàn vinh quang. Một lần nữa anh có thể trở thành người đàn ông từng băng qua công viên Surrey lúc hoàng hôn trong bộ vest bảnh nhất, kiêu hãnh bước đi trước cuộc đời đầy hứa hẹn, người đã bước vào nhà chính và với niềm đam mê sáng rõ đã làm tình với Cecilia - không, hãy để anh dùng từ của hai tay hạ sĩ: họ đã đụ trong khi những người khác uống cocktail ngoài hiên. Chuyện có thể tái hồi, điều mà anh đã dự định trong khi bước đi vào buổi tối hôm đó. Anh và Cecilia sẽ không còn bị chia cắt. Tình yêu của họ sẽ có không gian và một xã hội để phát triển. Anh sẽ không đi đây đi đó mũ trên tay nhận lời xin lỗi của bạn bè, những kẻ đã lảng tránh anh. Anh cũng sẽ không ngồi yên, kênh kiệu và dử tợn, tránh mặt họ để trả đũa. Anh biết chính xác mình sẽ hành xử thế nào. Đơn giản là anh chỉ tái hồi. Với lý lịch phạm tội được xóa bỏ, anh có thể nộp đơn vào trường y khi chiến tranh kết thúc, hay thậm chí có thể tham gia luôn Lực lượng Quân y. Nếu Cecilia làm lành với gia đình, anh sẽ giữ khoảng cách mà không có vẻ là khó chịu. Anh không bao giờ có thể thân thiết với Emily hay Jack. Bà ấy đã đeo đuổi việc khởi tố anh với một sự tàn bạo lạ lùng, trong khi Jack quay lưng đi, mắt hút vào cái Bộ của ông đứng lúc cần.

Chẳng có chuyện gì trong số đó là quan trọng. Từ đây mọi thứ trông thật đơn giản. Họ đang đi qua nhiều thi thể trên đường, trong rãnh nước hay vĩa hè, hàng chục người, quân nhân và dân thường. Mùi hôi thối nồng nặc, len lỏi vào trong kẻ quần áo anh. Đoàn xe đã đi vào một làng bị đánh bom, hay có lẽ khu ngoại ô của một thành phố nhỏ - nơi này giờ đây là gạch nát rồi, khó mà biết được. Mà ai quan tâm? Ai có thể miêu tả nỗi sự hỗn loạn này, rồi tìm ra tên làng và ngày tháng cho sách sử chứ? Và đứng ở một điểm nhìn hợp lý mà bắt đầu đổ tội? Không ai có thể biết được nếu ở ngay nơi đây thì sẽ thấy thế nào. Không có chi tiết thì không thể có bức tranh lớn hơn. Những cửa hàng, đồ dùng và xe cộ bị vứt bỏ tạo thành cả một đại lộ phế liệu tràn ngập đường họ đi. Những thứ này, và các thi thể, buộc họ phải đi vào giữa đường. Chuyện đó chả quan trọng vì đoàn xe giờ không dịch chuyển nữa. Binh lính đang leo ra khỏi các xe chuyển quân và đi bộ, lúi chúi vì vấp phải gạch ngói. Những người bị thương bị bỏ lại nằm đơ trong xe tải. Nhiều thi thể hơn bị dón vào một

khoảng hẹp hơn, nên khó chịu hơn. Turner cứ giữ đầu cúi như thế mà theo người đi trước, đắm vào suy nghĩ của mình để tự vệ.

Anh sẽ được thanh minh. Từ cảnh tượng ở đây, nơi ta cơ hồ không buồn nhắc chân bước qua cánh tay một phụ nữ đã chết, anh không nghĩ mình sẽ cần lời xin lỗi hay tưởng mộ. Được thanh minh là một trạng thái tinh khiết. Anh mơ đến nó như một tình nhân, với nỗi khát khao giản dị. Anh mơ đến nó theo kiểu những quân nhân khác mơ đến tổ ấm hay mảnh đất trồng rau hay nghề dân sự trước kia của họ. Nếu sự vô tội quan trọng đến thế, thì không có lý do gì mà không nên mau trở về lại Anh. Hãy để tên anh được thanh minh, rồi để mọi người khác điều chỉnh suy nghĩ của họ. Anh đã đầu tư thời gian, giờ đến lượt họ phải làm nốt phần còn lại. Nhiệm vụ của anh rất giản dị. Tìm Cecilia, yêu nàng, lấy nàng, và sống không hổ thẹn.

Nhưng còn một phần trong tất cả những chuyện này mà anh không thể nghĩ cho thông, một hình hài mờ ảo mà cảnh giết chóc hỗn loạn mười hai dặm bên ngoài Dunkirk không thể thu lại còn một nét phác đơn giản được. Briony. Ở đây anh va phải rìa ngoài của cái mà Cecilia gọi là tinh thần độ lượng của anh. Và lý tính của anh. Nếu Cecilia tái hợp với gia đình nàng, nếu hai chị em lại thân thiết, sẽ không cách nào tránh mặt con bé. Nhưng anh có chấp nhận nó không? Anh có thể ngồi cùng phòng với nó không? Giờ nó xuất hiện, đưa ra một khả năng xá tội. Nhưng không phải là cho anh. Anh chẳng làm gì sai. Đó là cho chính nó, cho tội ác của nó mà giờ lương tri nó không tài nào chịu đựng nổi nữa. Chẳng lẽ anh phải cảm thấy biết ơn ư? Và phải, dĩ nhiên, năm 1935 nó là một đứa trẻ. Anh đã phải tự bảo lòng, anh và Cecilia đã bảo nhau, suốt như thế. Phải, nó chỉ là một đứa trẻ. Nhưng không phải đứa trẻ nào cũng tổng một người vào tù chỉ bằng một lời nói dối. Không phải đứa trẻ nào cũng đầy chủ tâm và ma lạnh như thế, cũng nhất quán suốt như thế, chưa bao giờ dao động, chưa bao giờ nghi ngờ. Một đứa trẻ, nhưng điều đó không ngăn anh mơ mộng trong xà lim về việc sẽ hạ nhục nó, về hàng chục cách trả thù anh có thể nghĩ ra. Có một lần ở Pháp, trong cái tuần đông giá lạnh nghiệt ngã nhất, say cognac bí tỉ, thậm chí anh còn tưởng tượng ra nó trên đầu lưỡi lê của mình. Briony và Danny Hardman. Thật không hợp lý hay công bằng nếu anh ghét Briony, nhưng điều đó có ích.

Làm thế nào để bắt đầu hiểu tâm trí của đứa trẻ này đây? Chỉ một lý thuyết là trụ lại được. Từng có một ngày tháng Sáu năm 1932, một ngày bội phần đẹp đẽ do nó đến bất ngờ, sau một đợt mưa gió dài dặc. Đó là một trong những buổi sáng hiếm hoi tự phô diễn chính mình, bằng một sự phung phí đến hóm hỉnh sức ảm và ánh sáng và những chiếc lá non, như sự khởi đầu đích thực, cánh cổng lớn mở vào hè, và anh bước qua nó

với Briony, qua đài phun Triton, xuống qua hàng rào và đám đồ quây, qua cánh cổng sắt rồi ra con đường rừng hẹp ngoằn ngoèo. Nó rất hưng phấn và nói luôn miệng. Khi đó chắc nó mười tuổi, chỉ mới bắt đầu viết vài truyện nhỏ. Cũng như mọi người khác, anh đã được nhận những câu chuyện viết về chính anh được minh họa và đóng thành tập, chuyện tình ái, vượt qua nghịch cảnh, đoàn viên và đám cưới. Họ đang trên đường ra sông tập bơi như anh đã hứa với nó. Khi họ đi khỏi nhà một đoạn, có lẽ nó đang kể anh nghe một truyện vừa viết xong hay cuốn sách nó vừa đọc. Có lẽ nó đang nắm tay anh. Nó là một cô bé nội tâm, ít nói, hơi nghiêm nghị theo kiểu của nó, và sự dạt dào thổ lộ thể này thật là bất thường. Anh sung sướng lắng nghe. Đạo ấy anh cũng tinh thần phấn chấn. Anh mười chín, thi cử đã gần xong xuôi, và anh nghĩ mình làm bài tốt. Chẳng chóng thì chầy anh sẽ không còn là học sinh. Anh đã phỏng vấn rất cừ ở Cambridge và hai tuần nữa anh sẽ đi Pháp, tại đây anh dạy tiếng Anh ở một trường dòng. Ngày hôm đó có vẻ gì đó huy hoàng, những cây sồi vạm vỡ hầu như không xao động lá, và ánh sáng rõ xuống như ngọc xuyên qua những tán lá non mơn, tạo thành những vũng sáng giữa lớp lá khô nằm ngoái, vẻ lộng lẫy này, anh cảm nhận trong lòng tự cao tuổi trẻ của mình, phản ánh xung lượng huy hoàng của đời anh.

Nó huyền thuyên nói, còn anh thì nửa nghe nửa không một cách hài lòng. Con đường xuyên qua rừng dẫn ra bờ sông rộng lớn xanh rì cỏ. Họ đi ngược lên nửa dặm và lại vào rừng. Ở đây, nơi khúc quanh dòng sông, dưới những tán cây lơ lửng bên trên, là bể bơi, được đào vào thời ông của Briony. Một đập nước bằng đá làm chậm dòng chảy và là nơi lặn và nhảy cầu được nhiều người ưa thích. Nhưng ngược lại, nó không phải là chỗ lý tưởng cho người mới bắt đầu. Dù từ trên đập nước hay trên bờ nhảy xuống, nước đều sâu gần ba mét. Anh lao xuống và đập nước, đợi nó. Họ đã bắt đầu học một năm trước, khi sông cạn và dòng chảy chậm vào cuối hè. Bây giờ, ngay cả trong bể bơi nước cũng xoáy liên tục. Nó chỉ dừng lại một giây, hét lên một tiếng rồi từ trên bờ nhảy xuống vòng tay anh. Nó tập đập nước cho đến khi dòng chảy mang nó ngược lại cái đập, rồi anh kéo nó qua bể bơi để nó bắt đầu lại. Khi nó thử bơi ếch sau một mùa đông sao nhãng chả tập tành gì, anh đã phải đỡ nó, không dễ gì khi chính anh cũng đang đập nước. Nếu anh rút tay khỏi dưới người nó, nó chỉ bơi được ba bốn nhịp là chìm ngấm. Nó thích thú với việc nếu ngược dòng thì có bơi mấy nó cũng ở nguyên một chỗ. Nhưng nó không ở nguyên một chỗ. Thay vì thế, mỗi lần nó lại bị đẩy lại chỗ cái đập, nó bám vào cái vòng sắt gỉ, đợi anh, khuôn mặt trắng trẻo của nó rạn rở trên nền những bức tường đầy rêu bám xanh rì và xi măng xanh lục. Bơi lên dốc đi, nó gọi thế. Nó muốn được bơi thêm lần nữa, nhưng nước lạnh nên

sau mười lăm phút thì anh chịu hết nổi. Anh kéo nó lại bờ và, mặc kệ nó phản đối, anh kéo nó ra khỏi nước.

Anh lấy quần áo trong giỏ rồi vào trong rừng một quãng để thay. Khi anh quay lại nó vẫn đứng ngay chỗ anh để nó lại, trên bờ, nhìn xuống nước, khăn tắm quàng qua vai.

Nó nói, “Nếu em rơi xuống sông, anh có cứu em không?”

“Đương nhiên rồi.”

Anh vừa cúi xuống giỏ vừa nói thế, và anh nghe, chứ không thấy, tiếng nó nhảy xuống. Khăn tắm của nó nằm trên bờ. Ngoài những gợn sóng lăn tăn đồng tâm đang tỏa ra trên mặt nước bề bơi, không thấy nó đâu cả. Rồi nó ngoi lên, đớp hơi một cái rồi chìm xuống lại. Cuống cuống, anh nghĩ mình sẽ chạy đến cái đập để lôi nó lên từ đó, nhưng nước xanh đục ngầu bùn. Anh chỉ có thể tìm thấy được nó dưới nước bằng cách quờ quạng. Không còn lựa chọn nào khác - anh bước xuống nước, để nguyên giày, áo khoác và các thứ trên người. Gần như ngay lập tức anh thấy tay nó, bèn luồn tay vào dưới vai nó và nâng nó lên. Anh ngạc nhiên thấy nó đang nín thở. Và rồi nó cười như nắc nẻ mà bám chặt lấy cổ anh. Anh đẩy nó lên bờ và, vô cùng khó khăn do quần áo sưng nước, tự mình bò lên.

“Cám ơn anh,” nó luôn miệng. “Cám ơn anh, cám ơn anh.”

“Sao em lại làm một việc dại dột ngu xuẩn thế!”

“Em muốn anh cứu em.”

“Em có biết là em suýt nữa thì chết đuối đến nơi không?”

“Anh đã cứu em.”

Lo lắng và nhẹ nhõm làm cơn giận anh thêm sôi sục. Anh suýt hét lên. “Cái đồ ngu ngốc. Em đã suýt giết chết cả hai.”

Con bé im bặt. Anh ngồi trên cỏ, dốc nước trong giày ra. “Em mà chìm xuống nước là anh không thấy em đâu. Quần áo kéo anh xuống. Chúng ta lẽ ra đã chết đuối, cả hai. Em nghĩ đó là chuyện đùa à? Hả, phải không?”

Không còn gì nói nữa. Nó mặc quần áo và họ quay lại con đường, Briony đi trước, còn anh theo sau, tiếng bước chân lép nhép. Anh muốn đi dưới ánh nắng trong công viên. Rồi anh còn phải đi một đoạn dài về bungalow thay quần áo. Con giận vẫn chưa tan. Nó chả bé bỏng gì nữa, anh nghĩ, để mà không nghĩ ra nổi một lời xin lỗi. Nó im lặng bước, mặt cúi gằm, có lẽ đang dằn dỗi, anh không thấy được. Khi họ ra khỏi rừng và lại đi qua cổng, nó dừng chân quay lại. Giọng nó thẳng thừng, thậm chí thách thức. Chẳng phải sưng sứa giận dỗi gì, nó đang tỏ ra bằng vai phải lứa với anh.

“Anh có biết vì sao em muốn anh cứu em không?”

“Không.”

“Chả rõ như ban ngày ư?”

“Không, chả rõ.”

“Vì em yêu anh.”

Em nói câu đó một cách dũng cảm, cầm hếch lên, và mắt chớp rất nhanh khi nói, hoa mắt vì sự thật tồi tệ mà mình vừa tiết lộ.

Anh nén lại tiếng cười muốn bật ra. Anh là đối tượng cho cơn say nắng của một nữ sinh. “Em nói thế nghĩa là thế quái gì?”

“Ý em cũng hết như ý mọi người khi họ nói thế. Em yêu anh.”

Lần này những lời kia vút lên thống thiết. Anh hiểu ra mình nên cưỡng lại ham muốn được mĩa mai nó. Nhưng thật khó. Anh nói, “Em yêu anh, vì thế em nhảy xuống sông.”

“Em muốn biết anh có cứu em không.”

“Giờ thì em biết rồi đấy. Anh liều cả mạng sống vì em. Nhưng thế không có nghĩa là anh yêu em.”

Nó hơi nhón thẳng người lên. “Em muốn cảm ơn anh vì đã cứu mạng em. Em sẽ đời đời biết ơn anh.”

Những câu này chắc chắn là ở trong cuốn sách nào đó của nó, cuốn nó vừa đọc gần đây, hay cuốn nó đã viết.

Anh nói, “Được rồi. Nhưng đừng có làm thế nữa, vì anh hay bắt cứ ai. Hứa nhé?”

Nó gật đầu, và nói lúc chia tay, “Em yêu anh. Giờ anh biết rồi.”

Nó bỏ đi về phía nhà chính. Run rẩy trong nắng trời, anh nhìn nó cho đến khi khuất dạng, rồi anh bước về nhà. Anh không gặp riêng nó trước khi đi Pháp, và lúc anh quay về đợt tháng Chín, nó đã vào trường nội trú rồi. Không lâu sau đó anh đến Cambridge, và tháng Chạp thì đón Giáng sinh với bạn bè. Anh không gặp Briony cho mãi đến tháng Tư năm sau, và đến lúc đó, chuyện kia đã chìm vào quên lãng.

Mà có phải thế không?

Anh đã có rất nhiều thời gian một mình, quá nhiều thời gian, để suy ngẫm. Anh có thể nhớ mình không hề nói chuyện gì bất thường với nó, không có một hành vi kỳ lạ nào, không một ánh mắt đầy ý nghĩa hay sự hờn dỗi nào cho thấy tình cảm nữ sinh của con bé có thể tồn tại quá cái ngày tháng Sáu đó. Hầu như kỳ nghỉ nào anh cũng về Surrey và nó đã có rất nhiều cơ hội tìm anh ở bungalow, hay gửi cho anh một lá thư. Khi đó anh bận rộn với cuộc đời mới của mình, chìm đắm trong những thú mới mẻ của cuộc sống sinh viên, và đúng lúc đó cũng định giữ khoảng cách ít nhiều với gia đình Tallis. Nhưng hẳn phải có những dấu hiệu mà anh không nhận thấy. Trong ba năm nó hẳn đã nuôi dưỡng tình cảm dành cho anh, giấu kín, ấp ủ nó bằng ảo tưởng hoặc thêm thắt vào những câu

chuyện của mình. Nó là loại con gái sống trong suy nghĩ riêng. MÀN kịch cạnh con sông là đủ để nuôi dưỡng nó trong suốt thời gian đó.

Lý thuyết này, hay sự kết án này, nằm ở ký ức trong lần đụng mặt duy nhất - cuộc gặp gỡ dưới hoàng hôn chỗ cây cầu. Bao năm qua anh đã day đi day lại cái cuộc đi bộ qua công viên ấy. Nó hẳn đã biết anh được mời đến ăn tối. Nó ở đó, chân không, vạt váy trắng ó bần. Thế là đủ kỳ lạ rồi. Chắc nó đã đợi anh, có khi còn chuẩn bị sẵn một bài nói nhỏ, thậm chí còn tập dượt thành tiếng khi ngồi trên cái tường chắn bằng đá. Cuối cùng khi anh đến, nó cứng lưỡi. Đó có thể coi là một loại bằng chứng. Ngay cả vào lúc ấy, anh nghĩ nó không nói chuyện với anh thì thật kỳ quặc. Anh đưa thư cho nó và nó chạy biến đi. Vài phút sau, nó mở thư. Nó kinh hoàng, và không chỉ bởi một từ. Trong tâm trí nó, anh đã phản bội tình yêu của nó khi thích chị gái nó hơn. Rồi, trong thư viện, sự chứng thực điều tồi tệ nhất, chính khi đó toàn bộ ảo tưởng của nó tan tành. Đầu tiên, thất vọng và tuyệt vọng, rồi đến cay đắng dâng trào. Cuối cùng, một cơ hội tuyệt đỉnh trong bóng đêm, khi đi tìm hai đứa sinh đôi, báo thù cho mình. Nó chỉ đích danh anh - mà không ai ngoại trừ chị gái nó và mẹ anh nghi ngờ nó. Sự bốc đồng, giây phút ác tâm, cảm giác muốn hủy hoại đầy ấu trĩ mà anh có thể hiểu được. Cái khiến anh băn khoăn là độ sâu của cơn giận nơi đứa bé gái đó, sự cương quyết của nó khi cứ khẳng khẳng kể đã nhìn thấy anh trên suốt con đường đến nhà tù Wandsworth. Giờ anh có thể được thanh minh, và việc đó đem lại niềm vui cho anh. Anh công nhận sự dũng cảm nó cần phải có để quay lại tòa án đăng phủ nhận bằng chứng mà chính nó đã thề rồi mới đưa ra. Nhưng anh không nghĩ một ngày nào do sự oán giận anh dành cho nó có thể xóa bỏ được. Phải, khi đó nó còn là một đứa trẻ, nhưng anh không tha thứ cho nó. Anh sẽ không bao giờ tha thứ cho nó. Đó là tổn thương vĩnh viễn.

Phía trước tình hình còn rối loạn hơn, nhiều tiếng gào thét hơn. Thật kinh ngạc, một đoàn xe bọc sắt đang lấn đường tiến của đoàn xe cộ binh lính, người tị nạn. Đám đông miễn cưỡng tề ra. Mọi người len vào những chỗ trống giữa xe cộ bỏ không hoặc nép mình vào những bức tường và cửa nhà đổ nát. Đó là một đội quân Pháp, không đông hơn một phân đội là mấy - ba xe bọc sắt, hai háp-lắc và hai xe chở quân. Không có vẻ gì là ở cùng phe với họ. Lính Anh luôn cho rằng người Pháp đã làm họ thất vọng. Không có ý chí chiến đấu cho tổ quốc của chính mình. Tức giận vì bị đẩy sang bên, lính Anh chửi thề, và chế giễu đồng minh của mình bằng những tiếng hét “Maginot!³¹” về phần mình, *lính Pháp* hẳn là đã nghe tin đồn di tản. Và giờ họ đây, được cử đi yểm hộ phía sau. “Ồ hèn! Lên tàu

đi! Đi mà binh ra quần bọn mày!” Rồi họ di hết, và đám đông lại quần tụ dưới một đám khói diesel, bước tiếp.

Họ đang tiến tới những ngôi nhà cuối cùng trong làng. Trong cánh đồng phía trước, anh thấy một ông cùng với con chó collie bước sau một cái cày ngựa kéo. Như những bà trong cửa hàng, tay nông dân này dường như không biết là có đoàn xe. Họ như sống những cuộc đời song song - chiến tranh là thú vui với những kẻ hăng hái tham gia, song chẳng phải vì vậy mà kém phần nghiêm túc. Giống như ta đang đi săn và cố sống cố chết theo kịp bầy chó săn, trong khi ngoài hàng giậu liền kề, nơi băng sau chiếc ô tô chạy vụt qua, một phụ nữ vẫn đang mê mải đan, và trong khu vườn trơ trụi của một ngôi nhà mới xây, một người đàn ông đang dạy con trai đá bóng. Phải, cày cấy vẫn tiếp tục và sẽ có vụ mùa, ai đó sẽ gặt lúa và xay lúa, người khác thì ăn, và không phải rồi ai cũng chết...

Turner đang nghĩ thế thì Nettle tóm lấy tay anh và chỉ. Đoàn quân Pháp di chuyển đã át mất tiếng động, nhưng chúng dễ thấy. Ít nhất có đến mười lăm cái, ở độ cao khoảng hơn ba nghìn mét, những chấm nhỏ trên trời xanh, lượn vòng bên trên đường. Turner và hai tay hạ sĩ dừng lại nhìn, mọi người bên cạnh cũng đã trông thấy chúng.

Một giọng mệ mồm lẩm bẩm gần tai anh, “Đù mẹ. Đám RAF³² đâu rồi chứ?”

Một người khác nói về hiểu biết, “Chúng sẽ chỉ tấn công đám ếch Phốp thôi.”

Như thể bị khích phải chứng minh là không phải vậy, một trong những đốm nhỏ kia tách đàn và bắt đầu cú lao gần như thẳng đứng, ngay xuống đầu họ. Trong vài giây tiếng động không đến được chỗ họ. Im lặng tăng dần giống như sức ép trong tai họ. Ngay cả những tiếng hét gào man dại khắp trên đường cũng không làm mất đi sự im lặng đó. Tìm chỗ trốn! Tản ra! Tản ra! Ngay lập tức!

Di chuyển rất khó khăn. Anh có thể cố lê bước đều đặn, và anh có thể dừng lại, nhưng thật là cả một nỗ lực, một nỗ lực ký ức, để hiểu ra những mệnh lệnh không quen thuộc, để tránh khỏi con đường và chạy. Họ đã dừng lại bên căn nhà cuối cùng trong làng. Đằng sau ngôi nhà là kho thóc và hai bên hông nhà là cánh đồng nơi gã nông dân kia đang cày ruộng. Giờ gã đứng dưới tán cây với con chó, như thể trú một cơn mưa rào. Ngựa của gã, vẫn đóng yên cương, gặm cỏ ở chỗ đất chưa cày. Lính và dân thường đang tán loạn lao khỏi đường, tủa ra tứ phía. Một phụ nữ ôm đứa con đang khóc chạy sượt qua anh, rồi cô đổi ý quay lại và đứng đó, tần ngần quay ngả quay nghiêng trên đường. Lối nào đây? Sân trại hay cánh đồng? Cảnh cô đứng bất động khiến anh bưng tỉnh. Khi anh đẩy

vai cô về phía cánh cổng, tiếng rít khủng khiếp liền nổi lên. Ai đó đã biến ác mộng thành khoa học. Ai đó, chỉ là một con người bình thường, đã dành thời gian tưởng tượng ra tiếng rít ma quỷ này. Và mới thành công làm sao! Nó là âm thanh của chính sự hoảng loạn, mỗi lúc một to hơn và căng ra về phía sự tuyệt diệt mà họ đều hiểu, từng người một hiểu, là của chính họ. Nó là tiếng động ta buộc phải riêng phần mình nhận lấy. Turner dắt người đàn bà qua cổng. Anh muốn cô chạy với anh ra giữa cánh đồng. Anh đã chạm vào cô, và quyết định hộ cô, vì thế bây giờ anh cảm thấy mình không thể bỏ rơi cô. Nhưng thằng bé ít ra cũng sáu tuổi và rất nặng, và đi cùng nhau thì họ chẳng tiến được chút nào.

Anh giằng đưa bé khỏi tay cô. “Nhanh nào,” anh hét.

Một chiếc Stuka mang theo một quả bom hạng nặng. Cái chính là phải tránh khỏi nhà cửa, xe cộ và những người khác. Tên phi công sẽ không hoài phí quả bom quý giá của hắn lên một người đơn lẻ trên cánh đồng. Nhưng khi hắn đã quay lại bắn phá thì lại là chuyện khác. Turner đã chứng kiến chúng truy đuổi một người đàn ông học tốc chạy chỉ để chơi cho vui. Bàn tay không bận của anh kéo tay người phụ nữ. Thằng bé tè ướt quần và gào thét âm ỉ vào tai Turner. Người mẹ có vẻ không chạy nổi. Cô rút tay ra, la hét. Cô muốn đòi lại đứa con. Thằng nhỏ ngoặt ngoẹo về phía cô, qua vai anh. Giờ thì tiếng bom rơi rú rít. Người ta bảo nếu nghe tiếng rít đó dừng lại trước khi bom nổ là ta tiêu đời. Khi nằm gục xuống cỏ, anh kéo người phụ nữ xuống cùng mình và cúi đầu cô xuống. Anh đang nằm đè một nửa trên đứa trẻ khi mặt đất rung lên bần bật với tiếng âm không tưởng tượng nổi. Sức ép hất họ lên khỏi mặt đất. Họ che mặt lại tránh trận mưa cát bụi đầu rất như có ngòi châm. Họ nghe tiếng chiếc Stuka bay vút lên sau khi bổ nhào xuống, ngay cùng lúc đó họ nghe tiếng than khóc của nữ thần báo tử cho đợt tấn công kế tiếp. Quả bom rơi xuống đường cách đó chưa đầy tám mươi mét. Anh cắp thằng nhỏ dưới tay và cố kéo người phụ nữ đứng dậy.

“Mình lại phải chạy thôi. Mình ở gần đường quá.”

Người phụ nữ trả lời nhưng anh không hiểu cô nói gì. Họ lại nhào chạy qua cánh đồng. Anh thấy cơn đau bên sườn như một vết màu lóe lên. Thằng bé trong tay anh, và một lần nữa có vẻ như cô đang kéo anh lùi lại, và cố giằng đưa bé khỏi tay anh. Giờ thì cả ba đã chạy được hơn trăm mét trên cánh đồng, tất cả là để có chạy về phía khu rừng ở phía xa kia. Khi bom rín rít đổ, mọi người nằm rạp xuống đất. Nhưng cô kia không hề có bản năng cảm nhận nguy hiểm và anh lại phải kéo cô xuống. Lần này họ gí mặt vào đất vừa bị lật lên. Khi tiếng rít lớn hơn, cô kia hét lên tiếng gì đó như một lời cầu nguyện. Khi đó anh nhận ra cô ta không nói tiếng Pháp. Bom nổ ở đầu xa của con đường, cách đó hơn một

trăm năm mươi mét. Nhưng giờ chiếc Stuka đầu tiên đang quay lại làng và oanh tạc. Thằng bé im bất vì sợ. Mẹ nó không đứng lên. Turner chỉ về chiếc Stuka đang bay vào làng trên những nóc nhà. Họ đang nằm đúng đường bay của nó và không có thời gian tranh cãi. Cô không nhúc nhích. Anh lao mình vào luống cà.

Tiếng đạn súng máy nã thịch thịch vào đất cà và động cơ gào rú vụt qua họ. Một người lính bị thương kêu thét. Turner đứng lên. Nhưng cô kia không chịu nắm tay anh. Cô ngồi trên mặt đất mà siết chặt đứa con. Cô đang nói tiếng xứ Flander với nó, an ủi nó, chắc chắn đang bảo với nó rằng mọi thứ sẽ ổn cả thôi. Mẹ sẽ lo hết. Turner không biết một từ nào của thứ tiếng này. Mà có biết cũng sẽ chẳng thay đổi được gì. Cô không để ý gì đến anh. Thằng bé đờ đẫn nhìn anh qua vai mẹ.

Turner bước lùi lại. Rồi anh chạy. Khi anh loạng choạng qua những luống cà, trận tấn công lại đổ xuống. Đất màu mỡ bám chặt vào boots anh. Chỉ trong ác mộng chân mới nặng như thế. Một quả bom rơi xuống đường, cách đó khá xa về phía giữa làng, nơi những chiếc xe tải đỗ. Nhưng một tiếng rít luôn che giấu trong nó một tiếng nữa, và nó rơi xuống cánh đồng trước khi anh kịp nằm xuống. Trận nổ làm anh văng tới trước khoảng chừng một mét, mặt đập xuống đất. Khi anh tỉnh lại, miệng mũi tai anh đầy đất. Anh cố nhổ ra, nhưng miệng không có chút nước bọt nào. Anh dùng một ngón tay, nhưng còn tệ hơn. Anh cố khạc ra đất, rồi anh nôn lên ngón tay bẩn thỉu của mình. Anh hỉ đất ra khỏi mũi. Nước nhầy ở mũi dính đầy bùn và làm nghẹt miệng anh. Nhưng rừng gần ngay đó, sẽ có suối và thác và hồ. Anh tưởng tượng ra thiên đường. Khi lại nghe tiếng hú rít càng lúc càng to của một chiếc Stuka đang lao xuống, anh cố gắng nghe ngóng xem âm thanh từ đâu. Hết nguy hiểm rồi ư? Đầu óc anh cũng bị tắc nghẽn. Anh không thể nhổ hay nuốt, anh gần như không thở nổi, và anh không nghĩ được. Rồi, khi nhìn thấy tay nông dân với con chó vẫn kiên nhẫn đợi dưới gốc cây, mọi thứ quay lại với anh, anh nhớ ra mọi thứ và quay đầu nhìn lại. Chỗ người phụ nữ và thằng con trai là một hố bom. Ngay cả khi nhìn thấy nó, anh nghĩ mình đã luôn biết thế. Đó là lý do tại sao anh phải bỏ họ. Việc của anh là sống sót, mặc dù anh đã quên tại sao phải làm vậy. Anh tiếp tục chạy về phía rừng.

Anh đi bộ vài bước dưới tán cây, rồi ngồi dưới một bụi cây thấp mới mọc, lưng dựa vào cây phong non. Anh chỉ nghĩ đến nước. Có hơn hai trăm người trốn trong rừng, gồm cả những người bị thương đã lết được vào. Có một gã, dân thường, cách đó không xa, khóc lóc và kêu gào đau đớn. Turner đứng dậy dịch ra xa. Tất cả những cây non này đều nói với anh duy nhất một điều là nước. Trận tấn công tiếp diễn trên đường và cả làng. Anh gạt lá khô ra và dùng mũi để đào. Đất ẩm nhưng không có nước

rỉ vào cái lỗ anh vừa đào, ngay cả khi đã sâu đến gần năm mươi phân. Vậy là anh ngồi đó nghĩ đến nước, và cố dùng tay áo lau sạch lưỡi. Khi một chiếc Stuka lao xuống, anh gần như không thể không căng thẳng và co rúm người lại, mặc dù lần nào anh cũng nghĩ là mình không đủ sức. Đến lúc cuối chúng quay lại oanh tạc trong rừng, nhưng không hiệu quả gì. Lá cây và cành con từ ngọn cây đổ xuống. Rồi mấy chiếc máy bay bay đi, và trong sự im lặng khủng khiếp bao trùm khắp cánh đồng, cây cối, ngôi làng, thậm chí không có đến một tiếng chim hót. Sau một lúc, từ phía đường cái vọng đến tiếng huýt sáo báo hiệu đã hết nguy hiểm. Nhưng không ai cử động. Anh nhớ chuyện này lần trước cũng thế. Họ quá sợ hãi, họ chờ đến khi hết lần này lượt khác bị kinh hồn táng đờm. Mỗi đợt máy bay bổ xuống lại khiến từng người, bị dồn vào đường cùng và co rúm lại, đối mặt với án tử hình. Khi nó không đến, cuộc thử thách sẽ lại lặp lại từ đầu và nỗi sợ không hề thuyên giảm. Với những người còn sống, kết thúc trận oanh tạc của một chiếc Stuka là tình trạng tê liệt vì kinh sợ, những nỗi kinh sợ lặp đi lặp lại. Những trung úy và sĩ quan trẻ có thể đến hò hét và đá mọi người đứng dậy. Nhưng họ đã kiệt quệ và, mãi một lúc lâu, là những quân nhân vô dụng.

Vậy là anh ngồi đó thẫn thờ như mọi người, hết như lần đầu tiên, ở ngoài một ngôi làng mà anh không nhớ rõ tên nữa. Những ngôi làng Pháp mang tên Bỉ. Khi anh bị tách khỏi đơn vị và, còn tồi tệ hơn cho một lính bộ binh, tách khỏi khẩu súng trường. Đã bao nhiêu ngày rồi? Không cách nào biết được. Anh kiểm tra khẩu súng lục đầy đất là đất. Anh bóc đạn ra và quăng súng vào bụi cây. Một lúc sau, sau lưng anh có một tiếng động và một bàn tay đặt lên vai anh.

“Cầm lấy này. Đồ cứu trợ từ trung đoàn Green Howards.”

Hạ sĩ Mace đang đưa cho anh chai nước của một người chết nào đó. Vì nó gần như còn đầy nên anh dùng tọp đầu tiên để súc miệng, nhưng làm thế thì lãng phí quá. Phần còn lại anh uống luôn, cả đất.

“Mace, ông là một thiên thần.”

Tay hạ sĩ chìa tay ra kéo anh lên. “Phải di chuyển thôi. Có tin đồn là đám quân Bỉ mắc dịch đã bại trận. Chúng ta phải đi tắt từ phía Đông. Đường đất còn dài.”

Khi họ băng qua lại cánh đồng, Nettle nhập bọn. Gã có một chai rượu và một thanh Amo, họ chia cho nhau.

“Yến tiệc ra trò,” Turner vừa nói vừa tu ừng ực.

“Đúng kiểu Phốp.”

Tay nông dân và con chó collie lại quay về luống cày. Ba người lính lại chỗ hố bom bốc mùi thuốc nổ nồng nặc. Cái hố là một hình nón ngược cân đối hoàn hảo, các bên nhẵn thín, như thể được sàng và giần rất kỹ.

Không có dấu hiệu con người, không một mảnh áo quần hay giày dép. Bà mẹ và đứa trẻ đã bốc hơi. Anh dừng lại để tiêu hóa sự thực này, nhưng hai tay hạ sĩ vội vàng đẩy anh đi tiếp và chẳng mấy chốc họ nhập cùng những người lang thang trên đường. Giờ thì dễ hơn rồi. Sẽ không có xe cộ gì cho tới khi công binh mang xe ủi đất vào làng. Phía trước, đám khói dầu đốt vẫn lơ lửng trên không như một ông bố giận dữ. Máy bay ném bom tầm cao vù vù phía trên, một dòng bay hai chiều cứ bay tới mục tiêu rồi lại quay về. Turner phát hiện ra có thể là mình đang bước vào một trận thảm sát. Nhưng ai cũng đi đường đó, và anh không nghĩ ra cách nào khác. Đường đi đưa họ thẳng sang bên phải đám khói, về phía Đông Dunkirk, tới biên giới Bỉ.

“Bray Dunes,” anh nói, nhớ tên này từ trên bản đồ.

Nettle nói, “Nghe âm mấy chữ này thích nhỉ.”

Họ đi qua những người bị bỏng rộp đến hầu như không bước nổi nữa. Vài người đi chân không. Một tay lính ngực bị thương đổ lòm nằm gục trong một cái xe đẩy cỏ lỗ sĩ do đồng đội đẩy đi. Một trung sĩ dắt một con ngựa, trên lưng nó là một viên sĩ quan vắt qua thống thẹo, bất tỉnh hoặc đã chết, chân và cổ tay từng buộc chặt. Một vài lính cưỡi xe đạp, hầu hết là đi bộ theo nhóm hai ba. Một liên lạc viên của Bộ binh Highland Light chạy qua trên một chiếc Norton. Đôi chân anh ta nhầy nhụa máu buông thông, còn người đi cùng ngồi yên sau, hai tay băng bó chẳng chặt, thì đang đập pê đan. Khắp đường ngổn ngang những mảnh tô bị người ta vứt lại vì nóng quá không muốn mang theo. Turner cũng đã bảo hai tay hạ sĩ vứt lại áo của họ.

Họ đi được một giờ thì nghe sau lưng mình một âm thanh thành thịch thịch đều đều, như tiếng tích tắc của một cái đồng hồ khổng lồ. Họ quay đầu nhìn. Thoạt tiên trông nó như một cánh cửa nằm ngang kèch xù đang bay trên đường về phía họ. Nó là một trung đội Vệ binh xứ Wales hàng lối trật tự, súng trường vác trên vai, do một thiếu úy dẫn đầu. Họ bước đều qua, mắt đăm đăm nhìn thẳng phía trước, tay đánh cao. Mọi người dạt sang hai bên cho họ qua. Đây đúng là lúc để giẫm cọt, nhưng không ai liều huýt sáo. Màn trình diễn kỷ luật và đoàn kết thật đáng hổ thẹn. Thật nhẹ cả người khi đội Vệ binh này nện bước đi khỏi và mọi người có thể tiếp tục cầm cúi lê bước tiếp.

Cảnh tượng thì quen thuộc, các chi tiết thì y hệt, nhưng giờ có nhiều thứ hơn; xe cộ, hố bom, cát sỏi. Nhiều thi thể hơn. Anh bước đi cho đến khi gặp vị của biển lẫn trong làn gió mát rượi thổi qua những cánh đồng bằng phẳng nhiều đầm lầy. Dòng người một chiều với mục tiêu duy nhất, máy bay vẫn liên tục nghênh ngang trên không, đám khói khổng lồ báo hiệu nơi họ cần đến, khiến tâm trí mệt mỏi nhưng lại bị kích thích quá

mức của anh nghĩ đến một niềm sung sướng từ thuở ấu thơ vốn đã chìm vào quên lãng, một lễ hội hay sự kiện thể thao nơi tất cả thiên hạ đều hội tụ về. Có một kỷ ức anh không tài nào nhớ nổi đã xảy ra khi nào, anh được cha công kênh trên vai, lên đồi về phía một cái gì đó hết sức hấp dẫn, về nguồn của một niềm phấn khích khổng lồ. Giờ anh muốn thấy lại đôi vai đó. Người cha mất tích của anh để lại không nhiều kỷ niệm. Một chiếc khăn quàng cổ quấn nhiều vòng, một mùi nhất định, nét mờ mờ của một bộ dạng có vẻ cáu kỉnh, buồn bã. Ông trốn không tham gia Thế chiến thứ nhất, hay ông chết đâu đó gần đây dưới một cái tên khác? Có lẽ ông còn sống. Grace tin chắc rằng ông ta quá hèn nhát, quá gian xảo nên sẽ không tòng quân, nhưng bà có lý do riêng để mà cay nghiệt. Gần như ai ở đây cũng có một người cha vẫn còn nhớ miền Bắc nước Pháp, hoặc bỏ lại xác ở đó. Anh muốn một người cha như thế, dù còn sống hay đã chết. Cách đây rất lâu, trước chiến tranh, trước Wandsworth, anh thường say mê niềm tự do gây dựng đời của riêng mình, viết nên câu chuyện riêng của mình nhờ sự giúp đỡ từ xa duy nhất của Jack Tallis. Giờ anh hiểu điều đó mới đúng là một ảo tưởng dối lừa làm sao. Không có rồi, thế thì không đơm hoa kết trái. Anh muốn một người cha, và cũng vì lý do đó, anh muốn trở thành một người cha. Chẳng có gì nghịch thường khi người ta nhìn thấy quá nhiều chết chóc và muốn có một đứa trẻ. Bình thường, vì thế rất con người, và anh muốn còn hơn thế nữa. Khi những người bị thương kêu gào, ta mơ tưởng một ngôi nhà nhỏ đâu đó nơi ta có người để sống cùng, mơ cuộc sống thường nhật, dòng dõi gia đình, mối dây liên kết. Khắp xung quanh anh, những con người lặng lẽ bước đi cùng những suy nghĩ của mình, cải tạo đời mình, đi đến những quyết định. Giá tôi có bao giờ thoát khỏi được cái đận này... Chẳng bao giờ đếm được chúng có bao nhiêu đứa, những đứa trẻ trong mơ kia, được thụ thai bằng tinh thần trên con đường cuộc bộ về Dunkirk, và sau đó được đắp da đắp thịt. Anh sẽ tìm Cecilia. Địa chỉ nàng trên lá thư trong túi áo, cạnh bài thơ. *Trong hoang mạc con tìm/ Hãy để nguồn chữa thương khởi dòng.* Anh cũng sẽ tìm cha mình. Họ rất giỏi truy tìm những người mất tích, Đội quân Cứu thế ấy. Một cái tên hoàn hảo. Anh sẽ tìm được dấu vết cha, hay câu chuyện về người cha đã chết - dù thế nào, anh cũng sẽ trở thành con trai của cha mình.

Họ đi cả buổi chiều đến khi, cuối cùng, cách hơn cây số rưỡi, nơi một quảng khói xám vàng cuộn cuộn bốc lên từ những cánh đồng xung quanh, họ thấy cây cầu bắc qua kênh Bergues-Fumes. Giờ thì suốt cả con đường, không một ngôi nhà hay kho thóc nào còn đứng vững. Cùng với khói, chướng khí sinh ra từ thịt rữa dật dờ trôi về phía họ - thêm nhiều ngựa kỵ binh bị giết, hàng trăm con, chất thành ụ lớn trên đồng. Cách họ

không xa là một núi đồng phục và chắn màn cháy âm ỉ. Một tay cai quyền lực lưỡng cầm búa tạ nện xuống một loạt máy đánh chữ và máy roneo. Hai xe cứu thương đỗ bên lề đường, cửa sau mở toang. Từ trong xe vọng ra tiếng rên rỉ và gào rú của những người bị thương. Một người thét lớn, hết lần này lần khác, giận dữ hơn là đau đớn, “Nước, cho tôi uống nước!” Như những người khác, Turner đều chân bước.

Đám đông lại đang ứ lại. Trước cầu dẫn qua kênh là một ngã tư, và từ hướng đi Dunkirk, trên con đường chạy dọc kênh, một đoàn xe tải ba tấn đi qua, quân cảnh đang cố hướng nó vào cánh đồng phía trước nơi có xác đàn ngựa. Nhưng binh lính nhung nhúc qua đường buộc đoàn xe phải dừng lại. Tài xế bấm còi và chửi bới âm ỉ. Đám đông dồn tới. Những người mệt mỏi vì phải chờ đợi từ sau xe tải trườn xuống. Có tiếng hét, Tìm chỗ tránh! Và trước khi mọi người kịp nhìn quanh, một núi đồng phục lại được cho nổ. Những mảnh vải xé xanh lục bé xíu rơi lả tả như mưa. Gần hơn, một phân đội pháo thủ đang dùng búa nện xuống ống ngắm và tấm thép đóng nòng những khẩu súng của mình. Một người, Turner nhận thấy, vừa khóc vừa hủy bích kích pháo của mình. Ở lối vào cũng cánh đồng đó, một cha tuyên úy và thư ký của ông ta đang đổ dầu lên những hòm đựng sách cầu nguyện và Kinh Thánh. Mọi người băng qua đồng về phía một kho của Quân tiếp vụ NAAFI đang tìm thuốc lá và rượu. Khi có tiếng hét gọi, hàng chục người nữa rời khỏi đường nhập bọn cùng. Một nhóm ngồi cạnh cổng trang trại, thử mấy đôi giày mới. Một tay lính má phúng phình tay ôm một hộp kẹo dẻo màu hồng trắng sượt qua vai Turner. Cách kho bột Wellington một trăm mét, người ta đốt mặt nạ chống độc và áo choàng không tay, khói cay sè phủ khắp dòng người đang dồn đẩy nhau về phía cầu. Cuối cùng thì đoàn xe tải cũng chuyển bánh chạy vào cánh đồng lớn nhất nằm ngay phía Nam con kênh. Quân cảnh đang tổ chức chỗ đậu xe, xếp theo hàng, như ủy viên ban tổ chức một cuộc trình diễn ở địa phương. Xe tải nhập cùng xe háp-trắc, xe máy, xe bọc thép chở quân và xe bếp di động. Phương pháp phá hủy, như mọi khi, đơn giản - cho một viên đạn vào bộ tản nhiệt, và để mặc động cơ chạy cho đến khi cháy máy.

Cây cầu được trung đoàn Vệ binh Coldstream chiếm giữ. Hai ụ súng máy làm bằng nhiều túi cát chất gọn gàng bao quát lối vào. Những người râu ria nhẵn nhụi, mắt lạnh lùng, im lặng tỏ vẻ khinh bỉ đám rách rưới lộn xộn bắn thủ đang lê bước qua. Phía bên kia kênh, những phiến đá sơn trắng đặt cách nhau đều đặn chỉ đường tới một cái lán dùng làm phòng chỉ huy. Ở phía bờ xa, về hướng Đông và Tây, trung đoàn Vệ binh Coldstream được phân ra trấn thủ theo đơn vị của mình. Nhà trên bến tàu được quân đội trưng dụng, ngói bị dỡ ra, cửa sổ chất đầy túi cát để làm ụ

súng máy. Một trung sĩ mặt mày bặm trợn đang giữ trật tự trên cầu. Hắn bắt một trung úy cưỡi xe máy quay lại. Tuyệt đối không dụng cụ hay xe cộ nào được cho qua. Một gã ôm lồng vệt buộc phải quay lại. Tay trung sĩ này cũng điều động người làm nhiệm vụ phòng hộ vòng ngoài, và hắn làm việc đó với vẻ uy quyền gấp bội tay thiếu tá thảm hại kia. Một phân đội đang tăng dần quân số uể oải khổ sở đứng cạnh lán chỉ huy. Turner thấy những gì đang xảy ra đồng thời với hai hạ sĩ, khi họ vẫn còn cách đó một đoạn khá xa.

“Bọn nó sẽ tóm mẹ nó lấy ông cho mà coi, chiến hữu ạ,” Mace nói với Turner. “Tôi nghiệp bọn bộ binh. Nếu ông còn muốn về nhà với mấy em xinh tươi thì len vào giữa hai bọn tôi mà khập khiễng mau.”

Cảm thấy nhục nhã, nhưng cũng kiên quyết không kém, anh quàng tay qua vai hai hạ sĩ và cả ba loạng choạng bước tới.

“Chân trái đấy nhé, nhớ chưa, Cha nội,” Nettle nói. “Ông có muốn tôi xuyên lười lê qua chân ông không?”

“Cảm ơn ghê gớm. Tôi nghĩ mình tự xoay xở được.”

Turner gục đầu xuống khi họ qua cầu vì thế anh không hề thấy tia nhìn hung tợn của tay trung sĩ đang thực thi nhiệm vụ kia, mặc dù cảm thấy độ nóng của nó. Anh nghe tiếng lệnh quát, “Ê, anh kia!” Một kẻ không may nào đó ngay sau anh bị kéo ra để tham gia chống đỡ trận tấn công chắc hẳn sẽ đến trong hai ba ngày tới, trong khi người cuối cùng của Lực lượng Viễn chinh Anh quốc đang leo lên tàu. Khi cúi đầu như vậy, anh thấy một chiếc sà lan dài đen chạy dưới cầu về phía Fumes ở Bỉ. Người lái sà lan ngồi ở chỗ bánh lái hút tẩu, lãnh đạm nhìn về phía trước. Phía sau anh, cách đó mười dặm, Dunkirk đang bùng bùng cháy. Phía trước, trên mũi tàu, hai thằng nhóc đang cúi xuống một chiếc xe đạp lật ngược lên, có lẽ đang vá lốp. Một dây quần áo có cả đồ lót phụ nữ chằng lên phơi cho khô. Mùi nấu nướng, mùi hành tỏi, bốc lên từ con tàu. Turner và hai hạ sĩ đi qua cầu, qua những tảng đá quét vôi trắng, một thứ khiến họ nhớ đến trại huấn luyện và tất cả thứ kỷ luật nhảm nhí đó. Trong lán chỉ huy, điện thoại đang réo chuông.

Mace lầm bầm, “Ông cứ khập khiễng thật ác chiến vào cho đến khi mình đi cho khuất mắt.”

Nhưng đất bằng phẳng kéo dài hàng dặm và không cách nào biết tay trung sĩ kia đang nhìn theo hướng nào, và họ cũng không muốn quay lại xem thử. Sau nửa tiếng họ ngồi xuống một máy gieo hạt gỉ sét nhìn đội quân bại trận đi qua. Họ nảy ra ý sẽ trà trộn vào đám đông vừa mới tụ lại này, để việc Turner tự nhiên hồi phục không thu hút sự chú ý của một tay sĩ quan nào đó. Rất nhiều người đi qua cầu kính vì không thấy biển sau kênh đào. Có vẻ như họ nghĩ đó là do người ta lên kế hoạch sai. Dựa vào

bản đồ Turner biết là còn những bảy dặm nữa, và một khi họ tiếp tục bước, nó sẽ là chặng đường gian khổ nhất, thê lương nhất mà họ đã đi ngày hôm đó. Vùng đất rộng thênh thang chẳng cây cối gì không tạo cảm giác là ta đang tiến tới. Mặc dù mặt trời chiều muộn đang trượt qua rìa đám khói dầu, trời vẫn nóng hơn bao giờ hết. Họ thấy máy bay trên cảng đang thả bom. Tệ hơn, còn thấy cả những chiếc Stuka tấn công ngay trên bãi biển nơi họ đang tiến tới. Họ bước qua những người bị thương đang lê chân mà không đi xa hơn được nữa. Họ ngồi xuống như ăn mày bên vệ đường, cầu xin giúp đỡ, hay ngậm nước. Những kẻ khác thì nằm cạnh mương, bất tỉnh, hoặc chìm đắm vào vô vọng. Chắc chắn sẽ có xe cứu thương từ vành đai phòng hộ đến, thường xuyên chạy đến bãi biển. Nếu người ta đã có thời gian để sơn trắng đá thì hẳn cũng phải có thời gian bố trí cho việc đó. Không có nước. Họ đã uống sạch rượu và giờ cơn khát càng dữ dội hơn. Họ không mang theo thuốc. Họ mong đợi gì chứ? Cũng một chục người trên lưng trong khi chính họ còn không nhấc nổi chân ư?

Tự dừng nổi cáu, Hạ sĩ Nettle ngồi xuống đường, cởi bớt ném ra đồng. Anh ta bảo anh ta ghét chúng, anh ta ghét chúng bỏ mẹ, nhiều hơn tất cả cái bọn Đức chết mẹ đó gộp lại. Và chỗ rộp bị đau đến nỗi anh ta thà vứt mẹ nó đi.

“Đi về Anh mà mang mỗi tất thì đường dài lắm đấy,” Turner nói. Anh thấy mình nông nổi một cách kỳ quặc khi xuống đồng tìm. Chiếc thứ nhất tìm thấy ngay, còn chiếc thứ hai phải mất một lúc. Cuối cùng anh thấy nó nằm trong cỏ gần một hình thù lông lá màu đen mà dường như, khi anh lại gần, đang cử động hay co đập. Đột nhiên một bầy nhặng bay vù lên không trung vo ve giận dữ, để lộ ra một thi thể đang thối rữa bên dưới. Anh nín thở, chộp lấy chiếc bớt, và khi anh vội chạy đi đàn nhặng lại sà xuống và rồi chỉ còn im lặng.

Dễ ngon dễ ngọt mất một lúc, Nettle mới chịu cầm lại bớt, dùng dây cột hai chiếc lại với nhau rồi quàng qua cổ đeo đi. Nhưng gã làm thế, gã nói, chỉ là vì Turner thôi đấy.

Trong những giây phút tỉnh táo anh lại thấy khó chịu.

Không phải vì vết thương, mặc dù cứ mỗi bước chân nó lại nhói đau, và cũng không phải vì máy bay thả bom vùn vù trên bãi biển cách vài dặm về phương Bắc. Mà là tâm trí anh. Một cách định kỳ, thứ gì đó cứ tuột đi. Nguyên tắc thường nhật nào đó về sự tiếp diễn, cái nhân tố lặp đi lặp lại cho anh biết mình đang ở đâu trong câu chuyện của chính mình, đã bạc thếp đi vì dùng quá nhiều, bỏ lại anh với cơn mộng du trong đó những suy nghĩ có tồn tại, nhưng chẳng thể nào thấy được ai đang mang những

suy nghĩ ấy. Không trách nhiệm, không ký ức về những giờ trước đó, không biết mình đang định làm gì, mình đang đi đâu, kế hoạch thế nào. Và không tò mò về những chuyện đó. Chừng đó anh thấy mình kẹt trong cái siết chặt của những điều chắc chắn phi logic.

Anh ở trong trạng thái này khi họ vòng qua rìa phía Đông khu nhà nghỉ sau ba giờ cuộc bộ. Họ đi xuống một con đường đầy những mảnh vụn thủy tinh và gạch nát nơi bọn trẻ con đang chơi đùa và xem lính đi qua. Nettle đã xô bật lại, nhưng gã để dây lòng thòng. Đột nhiên, như một con rối trong hộp đồ chơi, một trung úy từ Trung đoàn Dorset thò lên từ hầm một tòa nhà công sở bị trưng dụng thành sở chỉ huy. Hắn tiến về phía họ với vẻ ngạo mạn, tay cấp cấp. Khi hắn dừng lại trước họ, họ chào. Ngửa mặt, hắn ra lệnh cho Nettle buộc dây giày lại ngay lập tức nếu không sẽ nhận hình phạt.

Khi tay hạ sĩ quỳ xuống làm theo, tay trung úy - vai tròn, xương xâu, dáng vẻ của kẻ suốt ngày cạo giấy và một mớ ria hoe vàng - nói, "Mày đúng là một nỗi ô nhục mắc dịch."

Trong sự tự do tỉnh táo của trạng thái mơ màng, Turner định bắn xuyên ngực tay sĩ quan này. Sẽ tốt hơn cho tất cả mọi người. Cũng chẳng đáng phải bàn bạc chuyện này trước. Anh thò tay lấy súng, nhưng nó đã rơi mất - anh không nhớ nổi chỗ nào - và tên trung úy đã bỏ đi khá xa rồi.

Sau vài phút lạo xạo trên thủy tinh, dưới giày họ đột ngột yên tĩnh khi cuối đường là cát mịn. Khi đi lên qua những chỗ nhấp nhô trên cồn cát, họ nghe tiếng biển và nếm đầy miệng vị mặn rồi mới nhìn thấy nó. Mùi vị của những kỳ nghỉ. Họ rời khỏi con đường và leo lên những đụn cỏ đến chỗ cao nhất và lặng thinh đứng đó suốt mấy phút liền. Gió ẩm mát lành thổi từ Channel làm sống lại sự tỉnh táo trong anh. Có lẽ không gì hơn ngoài nhiệt độ trong người anh lên rồi xuống theo từng đợt.

Anh đã tưởng mình không hề trông mong gì - cho đến khi nhìn thấy biển. Anh đã nghĩ rằng cái tinh thần lì lợm của cái đội quân khi đối mặt với khả năng bị hủy diệt vẫn có thể đi sơn đá trắng rồi sẽ thắng thế. Giờ anh cố áp trật tự lên chuyển động ngẫu nhiên trước mặt anh, và suýt thành công: những trung tâm tổ chức, những chuẩn úy đằng sau mấy cái bàn tạm bợ, những con dấu cao su và biên lai, những đường phân cách bằng dây thừng dẫn về phía những con tàu nằm đợi; những trung úy quát nạt âm ỉ, những hàng người mệt mỏi quanh các căng tin dã chiến. Nhìn chung, chỗ kết cho mọi khởi đầu riêng tư. Dẫu anh không hề biết, đó mới là bãi biển mà anh đã đi bộ hàng bao ngày trời mong đến được. Nhưng bãi biển thực sự, bãi biển mà giờ anh và hai tay hạ sĩ đang nhìn đắm đắm xuống, không gì hơn là một biển thể của tất cả những thứ đã diễn ra trước đó: có một thất bại thảm hại, và đây là trạm cuối của nó. Giờ họ

nhìn thấy rồi thì đã quá rõ ràng - đây là điều sẽ xảy ra khi một cuộc rút lui hỗn loạn không thể tiến xa hơn được nữa. Chỉ cần vài giây để thích nghi lại. Anh thấy hàng ngàn người, mười, hai mươi ngàn, có khi hơn, tản khắp bãi biển rộng mênh mông. Nhìn xa xa, họ như những hạt cát đen. Nhưng không có tàu, ngoài một cái thuyền săn cá voi lật úp dập dềnh ngoài sóng đằng xa. Thủy triều thấp và còn đến một dặm nữa mới tới mép nước. Không thuyền bè gì chỗ cầu tàu dài. Anh chớp mắt rồi nhìn lần nữa. Cầu tàu đó được tạo nên từ dòng người, một dòng người dài, bề ngang cũng phải đến sáu hay tám hàng, lội xuống nước ngang đầu gối, ngang hông, ngang vai, kéo dài đến năm trăm mét trên vùng nước nông. Họ đợi, nhưng trước mắt chả có gì, trừ phi ta tính cả những vết lờ mờ trên đường chân trời kia - tàu thuyền cháy sau một trận không kích. Trong vài giờ tới sẽ không gì có thể vào đến bờ. Nhưng binh lính đứng đó, đối diện với đường chân trời, đầu đội mũ thiếc, súng nâng cao lên khỏi sóng. Từ khoảng cách này trông họ đầm đìa như bầy gia súc.

Và những người đó chỉ là một phần nhỏ trong toàn thể. Đa phần là ở trên bãi biển, thờ thần không mục đích. Vài nhóm nhỏ quây lại quanh những người bị thương trong cuộc tấn công vừa đầy của Stuka. Cũng tha thần như con người, nửa chục ngựa kỵ binh phi nước đại theo bầy cạnh mép nước. Một vài tay lính định lật chiếc thuyền đánh cá voi kia lại. Vài người đã cởi quần áo ra để bơi. Phía Đông đang có một trận bóng đá, và cũng từ hướng đó vẳng đến giai điệu yếu ớt một bài thánh ca do nhiều người hợp xướng nhưng rồi lặng dần đi. Bên ngoài nơi diễn ra trận bóng đá là dấu hiệu duy nhất cho thấy hoạt động của nhà chức trách. Trên bãi biển, xe tải đang xếp hàng và nối lại với nhau thành một cầu tàu tạm. Nhiều xe tải hơn đang tiếp tục chạy tới. Gần hơn, ngược lên trên bãi cát, một số người đang dùng mũ xúc cát làm hố cá nhân. Trên cồn cát, gần nơi Turner và hai hạ sĩ đứng, một số người đã đào hố cho riêng mình, từ đó họ nhòm ra, vẽ ông chủ và tự mãn. Như con mácmôt, anh nghĩ. Nhưng đa phần quân đội thì tha thần vô mục đích trên bãi cát, như công dân của một thành phố Ý trong giờ *passeggio*³³. Họ chả thấy trước mắt có lý do gì phải nhập vào cái dòng người khổng lồ kia, nhưng họ không chịu đi khỏi bãi biển vì biết đâu tự dưng có thuyền xuất hiện.

Bên trái là khu nghỉ dưỡng Bray, một mặt tiền nhộn nhịp những quán cà phê và cửa hàng nhỏ vào mùa bình thường sẽ cho thuê ghế ngồi bãi biển và xe đạp. Trong một công viên hình tròn cỏ được cắt tỉa cẩn thận là một bức dàn nhạc và một vòng quay ngựa gỗ sơn đỏ, trắng, xanh. Giữa cảnh ấy, một đại đội khác, thờ ơ hơn, đã bắt tay vào việc. Binh lính đã mở vài hàng cà phê cho riêng họ và say xỉn ở mấy cái bàn ngoài trời, nói ông ông và cười đùa. Người ta nô giỡn trên xe đạp dọc vỉa hè đầy vết nôn

mưa. Một đoàn những kẻ say túa ra trên bãi cỏ cạnh bụi dàn nhạc mà ngủ gục. Một tay tắm nắng lẻ loi mặc độc quần lót, mặt úp xuống khăn tắm, vai và chân loang lổ vết cháy nắng - hồng và trắng như kem dâu tây với vani.

Chọn gì trong những vòng đày đoạ này thì không khó - biển, bãi biển, mặt tiền toàn tiệm cà phê và cửa hàng nhỏ ấy. Hai hạ sĩ dợm bước bỏ đi. Riêng cái khát thôi đã quyết định điều ấy. Họ tìm thấy một con đường bên dải đất liền cạnh những cồn cát, rồi họ băng qua bãi cỏ lộn nhộn cát vương đầy chai vỡ. Khi họ đi vòng qua những bàn khăn khăn những giọng, Turner thấy một nhóm lính hải quân đang tiến dọc mặt tiền ấy, liền dừng chân nhìn. Có năm người, hai sĩ quan, ba hạ sĩ quan, một nhóm sáng chói những trắng, lam, vàng. Không chịu nguy trang. Lưng thẳng tắp, nghiêm, súng lục giắt thắt lưng, họ đi với nét uy quyền lặng lẽ xuyên qua đồng quân phục ẩm đăm và khuôn mặt cáu bẳn, nhìn hết bên này bên kia cứ như đang đếm. Một tay sĩ quan ghi chép lên một cái bảng. Họ tiến về phía bãi biển. Với cảm giác bị bỏ rơi rất trẻ con trời dậy, Turner nhìn cho đến khi họ mất dạng.

Anh theo sau Mace và Nettle tiến vào không khí hôi hám sặc khói cùng tiếng ồn đình tai nhức óc của quán bar đầu tiên nơi mặt tiền. Trên quầy bar có hai va li mở toang đầy thuốc lá, nhưng không có gì để uống. Máy cái giá chạy dọc theo tấm gương đánh bóng bằng cát đằng sau quầy bar trống không. Khi Nettle chúi vào sau quầy rượu lục lọi, chỉ có lời giễu cợt. Ai vào đây cũng đã làm y hết thế. Đồ uống đã bị mấy tay bợm nhậu ngoài kia nốc sạch từ lâu. Turner chen qua đám đông xuống một bếp nhỏ phía sau. Nơi này hoang tàn, vòi nước khô cong. Bên ngoài là chỗ đi tiểu và sọt không chồng thành đống. Một con chó đang cố thò lưỡi vào trong hộp cá xác đỉn rỗng, đẩy cái hộp đi cả một đoạn trên nền bê tông. Anh quay vào lại phòng chính và những giọng nói ầm ĩ ở đó. Không có điện, chỉ ánh sáng mặt trời ố nâu, như thể do màu của thứ bia không có kia. Không có gì uống, nhưng quán bar vẫn nghẹt người. Người ta vào, thất vọng, vậy mà vẫn ở lại, bị cầm chân bởi thuốc lá hút miễn phí và vết tích của cuộc túy lúy vừa xong. Máy rót bia trống không treo vẹo vẹo trên tường, những chai lộn ngược đã bị giật đi mất. Mùi còn ngòn ngọt bốc lên từ sàn xi măng nhóp nhúa. Tiếng ồn cùng những cơ thể người chen chúc và mùi thuốc lá ẩm ướt làm thỏa mãn cơn nhớ nhà thêm muốn một tối thứ Bảy nơi quán rượu. Đây là đường Mile End, là phố Sauchiehall, và mọi chốn giữa hai nơi đó.

Anh đứng trong tiếng ồn ả, không biết phải làm gì. Chen ra khỏi đám đông này cũng mất khá công sức. Hôm qua đã có tàu, anh nghe được vậy từ một mẫu nói chuyện, và có khi mai cũng có. Kiễng chân trên bậu

cửa bếp, anh nhún vai ý bảo “xui-rồi” về phía hai hạ sĩ ở phía bên kia đám đông. Nettle hát đầu về phía cửa và họ bắt đầu cùng hướng về đó. Được một cốc rượu thì cũng ngon, nhưng thứ họ muốn bây giờ là nước. Chen lần qua đám người đông nghẹt này mà tiến thì thật quá chậm, thế rồi, ngay khi họ gặp được nhau, lối ra lại bị chặn bởi một bức tường lưng vây kín nghịt quanh một người.

Hắn ta hẳn là lùn tịt - chưa đến mét sáu tám - và Turner không thấy phần nào của hắn trừ phía sau đầu.

Có người nói, “Mày trả lời cái câu hỏi chết mẹ đó đi, thằng lỏi con chết dấp kia.”

“Phải, trả lời đi.”

“Này, thằng quân tử đều. Lúc đó mày ở đâu?”

“Mày ở đâu khi bọn nó giết đồng đội của tao?”

Một miếng nước bọt văng vào phía sau đầu tay kia và rớt xuống ở chỗ sau tai. Turner đi vòng sang để nhìn. Đầu tiên anh thấy áo khoác xanh xám, rồi vẻ sợ hãi chết lặng trên mặt người đàn ông. Đó là một tay nhỏ người săn chắc, đeo kính dày cộp bám bản khiến cho ánh mắt sợ hãi càng bị khuếch đại. Trông anh ta như một nhân viên văn thư, hay điện thoại viên, có lẽ từng làm việc tại một tòa nhà chỉ huy nào đó đã bị giải tán từ lâu. Nhưng anh ta là người của RAF và lính Anh coi anh ta phải có trách nhiệm giải thích. Anh ta từ từ xoay người, nhìn vào vòng tròn những kẻ đang tra hỏi. Anh ta không có lời đáp cho câu hỏi của họ, nhưng cũng chẳng nỗ lực chối bỏ trách nhiệm của mình về sự vắng mặt của những chiếc spitfire và Hurricane trên bãi biển. Tay phải anh ta bấu chặt vào mũ đến nỗi khớp ngón run lẩy bẩy. Một pháo thủ đứng cạnh cửa xô mạnh vào lưng khiến anh ta loạng choạng nhào từ phía này sang phía kia vòng người rồi ngã dúm dọi vào ngực một tay lính, tay này ném anh ta bật ngửa ra sau bằng một cú đấm ngay đầu. Tiếng tán thưởng vang lên. Ai cũng đã phải chịu khổ sở, và giờ có kẻ phải trả giá.

“Thế RAF đâu?”

Một bàn tay vụt ra tát bốp vào mặt anh ta, đập văng kính xuống sàn. Tiếng cú đánh chính xác như một tiếng roi quất. Đây là tín hiệu cho một giai đoạn mới, một mức độ nhập cuộc mới. Đôi mắt trần của anh ta co rút lại thành hai chấm nhỏ xíu chớp liên hồi khi anh ta ngồi thụp xuống mò mẫm quanh chân mình. Một sai lầm. Một cú đá từ một cái bót nhà binh bọc thép giáng ngay vào mông anh ta, làm anh ta bật dậy chùng dăm phân. Tiếng cười nắc nẻ rộ lên khắp xung quanh. Cảm giác một thứ gì đó ngon lành đang sắp xảy ra lan khắp quây bar và hút thêm lính tới. Khi đám đông phình to lên quanh vòng tròn, bất cứ cảm giác trách nhiệm cá nhân nào còn lại đều rơi tuột mất. Sự liều lĩnh vênh vang dần thống trị.

Tiếng hô vang dậy khi có người dúi thuốc lá lên đầu anh chàng kia. Họ cười phá lên khi nghe tiếng kêu ăng ăng tức cười của anh ta. Họ ghét anh ta, mà anh ta cũng đáng phải chịu mọi thứ đang xảy đến với mình. Anh ta phải chịu trách nhiệm cho việc Không quân Đức tự do bay trên trời, cho mỗi đợt Stuka tấn công, cho cái chết của từng người bạn. Cái khung người yếu ớt kia chứa đựng mọi nguyên nhân khiến một đội quân bại trận. Turner nghĩ mình chẳng thể làm được gì giúp người kia mà không có nguy cơ chính mình bị đem xử đẹp. Nhưng không thể không làm gì. Tham gia thì tốt hơn là không gì cả. Phấn khích một cách khó chịu, anh nhào người tới trước. Giờ, một giọng xứ Wales vút lên câu hỏi.

“RAF đâu?”

Thật kỳ quái khi người kia không hề kêu gào giúp đỡ, hay van xin, hay cam đoan mình vô tội. Sự im lặng của anh ta cứ hết như anh ta đã thông đồng với số phận mình. Anh ta ngờ nghech đến nỗi không nghĩ ra nỗi là mình có thể sắp chết ư? Đây ý thức, anh ta gập kính cho vào túi. Không có kính mặt anh ta trống rỗng. Như con chuột chũi dưới ánh sáng chói lòa, anh ta hé mắt nhìn quanh những kẻ hành hạ mình, môi hé ra, lộ vẻ hoài nghi nhiều hơn là cố nói một tiếng. Vì không thể thấy chuyện gì sắp tới, anh ta hứng trọn một cú đánh vào mặt. Lần này là một cú đấm. Khi đầu anh ta oặt ra sau, một cái bốt khác nện vào ống quyển anh ta và tiếng cổ vũ nho nhỏ vang lên, lác đác vài tiếng vỗ tay, như thể dành cho một cú nhào người bắt bóng chuẩn xác trên bãi cỏ xanh của làng. Thật điên rồ nếu đứng ra bảo vệ người kia, nhưng sẽ thật kinh tởm nếu không làm thế. Đồng thời, Turner cũng hiểu cơn phấn khích đang lan giữa những kẻ hành hạ kia và cũng hiểu nó có thể lấy mạng anh bằng cách quỷ quyệt đến thế nào. Chính anh cũng có thể làm gì đó tàn bạo bằng cây mác của mình và giành được sự sùng ái của một trăm con người. Để tránh xa khỏi ý nghĩ ấy, anh buộc mình phải ngó chừng hai hay ba tay lính khác trong vòng tròn mà anh nghĩ là to con hoặc khỏe hơn mình. Nhưng nguy hiểm thật sự lại đến từ chính đám đông, cái não trạng tự cho mình chính nghĩa của nó. Không gì có thể ngăn cản khoái cảm của nó được.

Tình hình bây giờ lên đến mức bất cứ ai tung cú đánh tiếp theo sẽ phải giành được sự ủng hộ của mọi người bằng cách tỏ ra khéo léo hoặc vui nhộn. Có một bầu không khí háo hức muốn làm hài lòng mọi người bằng cách tỏ ra sáng tạo. Không ai muốn làm gì lạc điệu. Trong vài giây, điều kiện này có phần khiến mọi người ngần ngại. Nhưng rất nhanh, chỉ một chút nữa, Turner hiểu điều này từ những ngày ở Wandsworth, một cú đánh thôi là sẽ trở thành một trận đòn như thác đổ. Rồi sẽ không có đường mà quay lại, và với tay RAF kia chỉ có một kết cục duy nhất. Một cục sưng màu hồng đã nổi trên gò má dưới mắt phải anh ta. Anh ta đã

giơ tay lên che dưới cằm - anh ta vẫn níu chặt lấy cái mũ đội trên đầu - và vai anh ta rút lại. Đó có thể là thế tự vệ, nhưng nó cũng là một động tác biểu thị sự yếu ớt và khuất phục càng làm dấy thêm bạo lực. Nếu như anh ta nói gì đó, bất cứ cái gì, binh lính quanh anh ta may ra còn nhớ anh ta là một con người, không phải con thỏ sắp sửa bị lột da. Tay người Wales đã cất tiếng hỏi kia là một tên lùn tịt, chắc nịch, người của lực lượng công binh. Giờ gã rút thắt lưng ra giờ lên cao.

“Các chú nghĩ sao đây?”

Giọng điệu chính xác, đầy ẩn ý của hắn gọi đến sự ghê rợn mà Turner ngay tức thời không hiểu ra được. Giờ là cơ hội hành động cuối cùng của anh. Khi anh nhìn quanh quất tìm hai hạ sĩ, có một tiếng gầm ngay cạnh đó, như tiếng một con bò mộng bị giáo đâm. Đám đông ngã nghiêng và loạng choạng khi Mace xông qua họ vào trong vòng tròn. Với giọng hét hoang dại chuyển từ trầm sang kim, như Tarzan do Johnny Weissmuller đóng, gã bế anh chàng vắn thư từ phía sau kiểu gấu ôm, nâng anh ta lên cách khỏi mặt sàn gần nửa mét, và lắc cái sinh vật đang khiếp đảm kia từ bên này sang bên kia. Có tiếng hoan hô và huýt sáo, chân giẫm ầm ầm và tiếng hò reo kiểu cao bồi.

“Tôi biết mình muốn xử thằng này thế nào,” Mace gầm vang. “Tôi muốn dìm chết mẹ nó xuống biển!”

Đáp lại, ầm vang lên một trận giẫm chân và huýt sáo nữa. Nettle đột nhiên đứng ngay cạnh Turner và họ liếc nhau. Họ đoán Mace sắp sửa làm gì và họ bắt đầu dịch ra phía cửa, biết rằng mình phải nhanh lên. Không phải ai cũng ham hồ chuyên dìm người xuống biển. Ngay cả vào lúc điên loạn nhất, vài người vẫn có thể nhớ ra là mép nước cách đó đến một dặm. Riêng tay người Wales cảm thấy mình bị xỏ mũi. Hắn giờ đai nịt lên mà gào. Có tiếng huýt sáo lẫn với êu êu và hoan hô. Vẫn ôm nạm nhân trong tay, Mace lao ra cửa. Turner và Nettle đi phía trước gã, rẽ đường qua đám đông. Khi họ tới lối ra - rất có ích, cửa đơn chứ không phải đôi - họ cho Mace qua, rồi đứng chắn lối, vai kề vai, mặc dù tỏ vẻ là không làm như vậy, vì họ cũng gào hét và dứ dứ nắm đám lên như mọi kẻ khác. Họ cảm thấy những thân người phấn khích áp vào lưng mình với sức nặng khổng lồ mà họ chỉ chống đỡ được trong vài giây. Thế là đủ thì giờ cho Mace chạy, không phải ra biển, mà ngoặt phát sang trái, lại trái, lên một con đường hẹp vòng vèo sau các cửa hàng và quán rượu, cách xa khỏi mặt tiền.

Đám đông hoan hỉ đổ ào từ quán bar ra như rượu sâm banh, gạt Turner và Nettle sang bên. Ai đó nghĩ mình thấy Mace chạy xuống bãi cát, và trong vòng nửa phút, đám đông đi theo hướng này. Đến lúc đám đông

nhận ra không phải thế mà bắt đầu quay lại, thì không còn dấu vết nào của Mace và kẻ kia nữa. Turner và Nettle cũng bốc hơi nốt.

Bãi biển mênh mông, hàng ngàn người đợi chờ, và biển không một con tàu đầy những tay lính Anh trở về nghịch cảnh của họ. Họ tỉnh lại từ một giấc mơ. Đàng Đông xa nơi đêm đang dâng lên, tuyến vành đai đang bị pháo oanh tạc dữ dội. Kẻ thù đang đến gần còn nước Anh thì còn xa đây lắm. Trong cái ánh sáng tù mù này không còn nhiều thời gian tìm một chỗ mà ngả lưng. Gió lạnh từ eo Channel thổi vào, mà mằng tồ thì nằm mãi sâu trong nội địa bên lề đường. Đám đông bắt đầu giải tán. Tay RAF đã bị quên lãng.

Với Turner có vẻ như anh và Nettle đã khởi sự đi tìm Mace, rồi lại quên mất. Họ hẳn đã lang thang khắp đường một lúc, muốn chúc mừng gã vì pha giải cứu và cười đùa chút đỉnh. Nhưng rồi Turner không biết làm thế nào mình và Nettle lại đến đây, ở cái con đường hẹp này. Anh không nhớ khoảng giữa thế nào, chân đau ra sao - nhưng giờ anh ở đây, dùng những từ ngữ lịch sự nhất nói chuyện với một bà già đứng ở bậc cửa hiên trước một căn nhà. Khi anh nhắc đến nước, bà ngơ vực nhìn anh, như thể bà biết anh không chỉ muốn mỗi nước. Bà khá đẹp lão, da nâu, ánh mắt kiêu hãnh và mũi dọc dừa, một cái khăn hoa lá trùm lên mái tóc bạc. Ngay lập tức anh hiểu bà là một người Digan không bị tiếng Pháp của anh lừa mị. Bà nhìn thẳng vào anh và thấy hết sở đoản của anh, biết anh đã từng ở tù. Rồi bà khó chịu liếc Nettle, rồi cuối cùng chỉ ra dọc theo con đường đến chỗ một con lợn đang sục mũi trong máng nước.

“Mang nó lại đây,” bà nói, “rồi tôi xem có gì cho các anh.”

“Mẹ nó,” Nettle nói ngay khi Turner dịch lại. “Chúng ta chỉ xin một cốc nước mắc dịch thôi mà. Chúng ta sẽ vào trong lấy.”

Nhưng Turner, cảm thấy mình bị một ảo tượng quen thuộc ngự trị, không thể phủi đi khả năng rằng bà già này mang trong mình ít nhiều quyền năng. Dưới ánh đèn tù mù không gian trên đầu bà đang đập theo nhịp trái tim anh. Anh dựa vào vai Nettle cho vững. Bà ta đang đặt bẫy thử anh, anh thừa từng trải, thừa cẩn trọng để mà cự tuyệt. Anh là một tay lão luyện, về gần đến nhà thế này rồi, anh sẽ không sập cái bẫy nào cả. Tốt nhất là cứ cẩn thận làm theo.

“Mình sẽ mang con lợn đến,” anh nói với Nettle.

“Một phút chứ mấy.”

Nettle đã quá quen việc làm theo những đề xuất của Turner, vì nói chung là chúng hợp lý, nhưng khi họ bắt tay vào việc tay hạ sĩ này làm bầm, “Ông có gì đó không ổn, Cha nội ạ.”

Chân bị rộp nên họ đi rất chậm. Ắ lợn nái còn tơ, nhanh nhẹn và yêu cái tự do ả đang hưởng. Mà Nettle thì sợ ả. Khi họ dồn được ả vào bậu

cửa một cửa hàng, ả chạy xô vào gã và gã nhảy qua một bên gào toáng lên hoàn toàn không có vẻ tự giấu chút nào. Turner quay lại chỗ bà già định lấy một đoạn dây thừng, nhưng không ai ra mở cửa, mà anh cũng không chắc mình có vào đúng nhà không. Tuy nhiên, giờ anh chắc rằng nếu không bắt được con lợn, họ sẽ chẳng bao giờ về được nhà. Anh lại đang ngây ngấy sốt, anh biết, nhưng điều ấy không khiến anh sai lầm. Con lợn đồng nghĩa với thành công. Khi còn nhỏ, Turner từng cố thuyết phục mình rằng ngăn cho mẹ không đột tử bằng cách tránh những viên gạch nứt ở ngoài sân trường là một điều vớ vẩn. Nhưng anh cũng chưa bao giờ giẫm lên chúng và bà đã không chết.

Khi họ ra lại ngoài đường, vẫn không tài nào mà bắt lại ả lợn cho được.

“Mẹ kiếp,” Nettle nói. “Mình không thể làm thế này được.”

Nhưng chả còn lựa chọn nào khác. Turner cắt một sợi cáp từ cột điện đổ và buộc một cái thòng lọng. Họ đuổi theo ả lợn nái dọc con đường men theo rìa khu nghỉ dưỡng với những căn bungalow phía trước có những mảnh vườn nho nhỏ rào kín. Họ đi mở cổng trước từng nhà cả hai bên đường. Rồi họ đi xuống một đường nhánh để dụ con lợn và đuổi nó về lại theo đường cũ. Đúng như dự đoán, nó chạy vào vườn và bắt đầu dũi cây. Turner khép cửa lại, nhào người qua hàng rào, thả thòng lọng qua đầu con lợn.

Phải mất toàn bộ sức lực còn lại họ mới kéo được ả lợn nái kêu eng éc kia về lại nhà. May mắn thay, Nettle biết nó sống ở nhà nào. Khi cuối cùng họ cũng buộc được nó trong cái chuồng tin hìn ở vườn sau, bà già mang ra hai bình nước bằng đá. Bà nhìn họ, còn họ sung sướng đứng uống trong cái sân bé tí cạnh cửa bếp. Ngay cả khi bụng gần như bực toác ra, miệng họ còn thèm thuồng được uống nữa và họ tiếp tục. Rồi bà già mang cho họ xà phòng, giẻ chùi bằng vải nỉ và hai cái chậu men để rửa ráy. Khuôn mặt nóng bừng của Turner làm nước biến sang màu nâu xỉn. Mấy vết máu khô đóng ở môi trên buột hẳn đi thật dễ chịu. Khi rửa xong, anh cảm thấy trong không khí quanh mình một sự nhẹ nhõm dịu dàng đang trượt mềm mại như lụa lên da anh và qua lỗ mũi. Họ đổ nước bắn vào góc bụi hoa mồm chó mà, Nettle nói, làm gã nhớ nhà, nhớ vườn sau nhà cha mẹ gã. Bà già Digan đổ đầy bi đông nước của họ và mang đến cho mỗi người một lít rượu đỏ, nút chai đã kéo ra một nửa và một cái xúc xích lớn mà họ nhét vào túi dệt. Khi họ toan đi khỏi, bà nảy ra một ý và vào lại trong nhà. Bà trở ra, tay cầm hai túi giấy nhỏ, mỗi túi đựng nửa chục quả hạnh bọc đường.

Nghiêm nghị, họ bắt tay nhau.

“Chúng tôi sẽ nhớ lòng tốt của bà đến tận cuối đời,” Turner nói.

Bà gạt đầu, và anh nghĩ bà nói, “Con lợn của ta sẽ luôn khiến ta nhớ đến các cậu.” Nhưng vẻ lạnh lùng trên mặt bà không đổi, nên không thể biết được trong lời bà có ý lảng mạ, hay hài hước, hay một ẩn ý gì. Bà có nghĩ họ không đáng hưởng lòng tốt của bà? Anh ngượng ngùng quay lưng đi, và rồi họ bước đi trên con đường và anh dịch lại lời bà nói cho Nettle. Tay hạ sĩ chẳng ngờ hoặc gì hết.

“Bà ấy sống một mình và yêu con lợn. Theo đúng lý mà nói. Bà ấy biết ơn bọn mình.” Rồi gã nghi ngờ thêm, “Ông vẫn thấy trong người ổn đấy chứ, Cha nội?”

“Cực kỳ ổn, cảm ơn.”

Bị vết rộp hành hạ, họ khập khiễng quay lại hướng bãi biển với ý nghĩ sẽ tìm Mace và chia đồ ăn thức uống. Nhưng sau khi bắt được con lợn, Nettle nghĩ, giờ mà có khui một chai ra thì cũng công bằng thôi. Niềm tin của gã vào khả năng nhận định của Turner đã phục hồi. Họ vừa đi vừa chuyền chai rượu cho nhau. Ngay cả trong bóng chiều chạng vạng, vẫn nhìn thấy được đám khói đen phía trên Dunkirk. Ở hướng khác, giờ họ đã có thể thấy lần đạn chớp lóe lên. Ở vành đai phòng thủ tình hình chiến sự không dịu đi chút nào.

“Tội nghiệp mấy gã khốn khổ,” Nettle nói.

Turner biết gã đang nói đến những kẻ ở ngoài lán chỉ huy tạm thời kia. Anh nói, “Phòng tuyến không chịu được lâu nữa.”

“Chúng ta sẽ bị xéo nát.”

“Vì thế tốt hơn mai chúng ta nên lên tàu.”

Giờ họ không còn khát nữa, tâm trí bắt đầu nghĩ đến bữa tối. Turner đang nghĩ đến một căn phòng yên ắng và một cái bàn vuông phủ khăn vải bông xanh lá cây, có những ngọn đèn dầu bằng sứ kiểu Pháp treo trên ròng rọc rủ từ trần xuống. Và bánh mì, rượu, pho mát và xúc xích lớn cắt ra trên thớt gỗ.

Anh nói, “Tôi nghĩ bãi biển không phải là nơi hoàn hảo nhất để ăn tối.”

“Bọn mình có thể bị cướp mà không biết gì,” Nettle đồng ý.

“Tôi nghĩ tôi biết loại nơi mình cần rồi.”

Họ trở lại trên đường sau quán bar. Khi liếc vào cái ngõ họ đã chạy vào, họ thấy những dáng người di động trong bóng nhập nhoạng hằn rõ trên ánh lấp lánh cuối cùng của biển, và cách xa phía họ, về một phía, là một khối sẫm hơn có lẽ là đám lính trên bãi biển hay cồn cỏ hay thậm chí chính là những cồn cát. Tìm Mace khi trời còn sáng đã khó, giờ thì bất khả. Thế là họ tiếp tục lang thang, tìm kiếm một nơi nào đó. Trong phần này của khu nghỉ dưỡng giờ có hàng trăm lính, rất nhiều trong số họ tụ tập thành từng toán âm ỉ, vạ vật khắp đường phố, hát hò và la hét ồm ồm.

Nettle thả chai rượu vào túi đất. Không có Mace họ thấy dễ bị tấn công hơn.

Họ đi qua một khách sạn bị đánh bom. Turner tự hỏi có cái phòng khách sạn nào như anh đã nghĩ đến không. Nettle thì bị ý nghĩ lồi từ đó ra một bộ chân gối choán hết đầu óc. Họ vào qua một lỗ trên tường, mò mẫm trong bóng tối, qua gạch vụn và kéo cột đổ, và tìm thấy cầu thang. Nhưng hàng đông người cũng nghĩ hết như thế. Quả thực có cả một hàng người đang tụ lại dưới chân cầu thang, và lính tráng lặc lè bên những tấm đệm lông ngựa nặng trĩu xuống. Ở chiều nghĩ phía trên - Turner và Nettle chỉ có thể thấy những đôi bốt và phần chân bên dưới khó nhọc chuyển từ bên này sang bên kia - đang có va chạm dẫn tới đánh nhau, tiếng gầm gừ giằng co và tiếng khớp xương nện vào da thịt kêu răng rắc. Sau một tiếng hét bất ngờ, vài người ngã ngửa xuống cầu thang vào những người đang đợi bên dưới. Tiếng cười rộ lên lẫn với tiếng chửi thề, rồi mọi người lại đứng dậy, chân tay lại bình thường. Một người không đứng lên, nằm vắt qua cầu thang một cách kỳ quái, chân cao hơn đầu, thét giọng khàn khàn gần như không nghe nổi, như thể trong một cơn mơ hoảng loạn. Ai đó giơ bật lửa trên mặt gã và họ thấy hàm răng nhe nhõn cùng hai bên mép sùi bọt trắng. Anh ta bị gãy lưng rồi, có người nói, nhưng chẳng ai làm được gì, và giờ người ta đang ôm chân gối bước qua gã, còn những người khác chen lấn đi lên.

Họ ra khỏi khách sạn và lại đi vào sâu trong đất liền, lại chỗ bà già và con lợn. Nguồn cung cấp điện cho Dunkirk hẳn đã bị cắt, nhưng quanh mép những cửa sổ phủ rèm che kín họ vẫn thấy lấp lóe ánh nến và đèn dầu vàng vọt. Phía bên kia đường binh lính đang gõ cửa các nhà, nhưng giờ không ai mở nữa. Đây là giây phút Turner chọn để miêu tả cho Nettle nơi thích hợp để ăn tối mà lúc trước anh nghĩ đến. Anh tô vẽ thêm để làm rõ điều cần nói, thêm vào cửa sổ Pháp mở ra ban công có lan can thép uốn với những dây đậu tía cổ luồn qua, rồi thì máy hát và bàn tròn phủ khăn viền xanh lá cây, và một tấm thảm Ba Tư trải trên ghế dài. Càng miêu tả, anh càng chắc chắn là căn phòng ở ngay gần đó. Những lời của anh đang đưa nó vào sự sống.

Nettle, rằng cửa bật lên môi dưới lộ vẻ bối rối hiền lành của loài gặm nhấm, để anh nói nốt rồi bảo, “Tôi biết, Tôi biết chết mẹ đi chứ.”

Họ đứng bên ngoài một ngôi nhà bị ném bom, hầm chứa gần như mở toang lên trời và trông như một cái động khổng lồ. Túm lấy áo khoác anh, Nettle kéo anh xuống một cái khe toàn gạch vụn. Thận trọng, gã dẫn anh qua sàn hầm vào bóng tối. Turner biết đây không phải là nơi kia, nhưng anh không thể cưỡng lại sự cương quyết bất thường của Nettle.

Phía trước, một đốm sáng xuất hiện, rồi một đốm nữa, và đốm thứ ba. Thuốc lá của mấy tay đàn ông đã nướng nấu ở đó từ trước.

Một giọng cất lên, “Này. Đi chỗ khác đi. Bọn tôi đủ người rồi.”

Nettle quệt một que diêm giờ lên. Khắp bốn bức tường toàn là người, họ ngồi dựa, hầu hết đã ngủ. Vài người nằm ở giữa sàn, nhưng vẫn còn chỗ, và khi que diêm tắt, anh đề vai Turner bắt ngồi xuống. Khi phải cho sạch những vụn gạch vỡ dưới móng, Turner thấy áo mình ướt đầm. Hẳn là máu, hoặc chất lỏng nào khác, nhưng lúc này thì không đau. Nettle sắp áo choàng quanh vai Turner. Giờ sức nặng đã được cất khỏi chân, một cảm giác dễ mê nhẹ nhõm lan lên qua đầu gối và anh biết đêm đó mình sẽ không đi đâu nữa, dù Nettle có thất vọng chừng nào. Cái cảm giác đúng đưa do cả ngày đi lại chuyển xuống sàn. Turner thấy sàn nhà bên dưới mình nghiêng đi và dịch chuyển dữ dội khi anh ngồi đó trong bóng tối hoàn toàn.

Giờ thì vấn đề là ăn mà không phải san sẻ. Muốn sống sót thì phải ích kỷ. Nhưng hiện tại thì anh không làm gì và đầu anh trống rỗng. Sau một lát Nettle thúc anh tỉnh và luồn chai rượu vào tay anh. Anh cho được miệng lên miệng chai, nghiêng rồi uống. Có người nghe tiếng anh nuốt.

“Anh có gì đây?”

“Sữa cừu,” Nettle nói. “Vẫn còn ấm đấy. Làm ít đi.”

Có tiếng khạc nhỏ, và thứ gì đó âm ẩm nhom nhóp rơi vào mu bàn tay Turner. “Đồ bẩn thỉu.”

Một giọng nói khác, dọa nạt hơn, cất lên, “Im mồm đi. Tôi đang cố ngủ đây.”

Cử động không phát ra tiếng, Nettle mò mẫm trong túi dệt tìm xúc xích, cắt làm ba và đưa một miếng cho Turner cùng một khoanh bánh mì. Anh nằm duỗi ra trên sàn xi măng, kéo áo choàng trùm kín đầu để ngăn mùi thịt cũng như tiếng nhai, và trong mùi hôi rình của chính hơi thở mình, cùng với những mảnh gạch và mặt đá chọc vào cổ, bắt đầu ăn bữa ăn ngon nhất đời mình. Có mùi xà phòng thơm trên mặt anh. Anh ăn miếng bánh mì có vị vải lều của lính, rồi xé và mút xúc xích. Khi thức ăn xuống đến bụng anh, một cơn nóng lan ra chạy khắp ngực và cổ họng. Anh đã đi trên khắp các con đường ấy suốt cả đời mình, anh nghĩ. Khi nhắm mắt lại anh thấy mặt đường nhựa chuyển động và đôi bốt của chính mình chập chờn thoát ẩn thoát hiện. Ngay cả khi nhai, anh cảm thấy mình rơi thụt vào một giấc ngủ vài giây liên tục. Anh bước sang một khoảng thời gian khác, và giờ, nằm gọn gàng dễ chịu trên lười anh là một quả hạnh bọc đường, vị ngọt của nó thuộc về một thế giới khác. Anh nghe tiếng những người khác phàn nàn hầm lạnh quá và anh mừng vì có

áo choàng quanh mình, và cảm thấy một niềm tự hào cha chú khi mình đã ngăn hai tay hạ sĩ vứt áo đi.

Một nhóm lính vào tìm chỗ trú và quẹt diêm, như anh và Nettle lúc này. Anh cảm thấy không thiện cảm với họ và khó chịu với cái giọng West Country. Như mọi kẻ khác trong hầm, anh muốn họ biến đi. Nhưng họ tìm được chỗ đầu đó ngay cách chân anh một chút. Anh ngửi được mùi brandy và càng không ưa họ. Họ sắp xếp chỗ ngủ ầm ĩ cả lên, và khi một giọng nói từ chỗ tường cất lên, “Bọn nhà quê chết dịch,” một trong những kẻ mới đến lão đảo đi về phía đó và trong khoảnh khắc tưởng như sẽ có đánh nhau to. Nhưng bóng tối và những lời phản đối mệt mỏi của mọi người ở đó đã giữ được an bình.

Chẳng mấy chốc chỉ còn tiếng thở và ngáy đều đặn. Dưới người anh sần nhà dường như vẫn nghiêng, rồi đổi sang nhịp bước đều, và một lần nữa Turner thấy mình quá ưu phiền vì những ấn tượng, quá bồn chồn, quá mệt mỏi không ngủ nổi. Qua làn vải áo choàng anh sờ tìm chồng thư. *Em sẽ đợi anh. Trở về với em.* Những lời đó không phải là vô nghĩa, nhưng giờ chúng không làm anh cảm động. Thế là đủ rõ - một người chờ một người khác thì cũng như là một phép cộng số học, cũng trống rỗng không chút cảm xúc như thế. Đợi. Đơn giản là một người chẳng làm gì cả, qua thời gian, trong khi người kia tiến tới. Đợi là một từ nặng nề. Anh cảm thấy nó ép xuống, nặng như cái áo choàng. Ai trong hầm này cũng đang đợi, ai trên bãi biển cũng đang đợi. Nàng đang đợi, phải, nhưng rồi sao? Anh cố để giọng nàng nói lên những từ đó, nhưng chỉ nghe thấy mỗi giọng mình, ngay bên dưới tiếng tim đập nặng nề. Thậm chí anh còn không hình dung ra được mặt nàng. Anh buộc mình nghĩ đến tình huống mới, tình huống sẽ làm cho anh hạnh phúc. Với anh những gì phức tạp đã mất đi rồi, sự khẩn thiết đã tiêu tan. Briony sẽ đổi bằng chứng, nó sẽ viết lại quá khứ để có tội trở thành vô tội. Nhưng trong những ngày này tội lỗi là gì cơ chứ? Rẻ tiền. Ai cũng có tội cả, chẳng ai không. Không ai được hoàn nguyên nhờ một sự thay đổi bằng chứng, vì không có đủ người, không đủ giấy và bút, không đủ kiên nhẫn và hòa bình, để ghi lại tất cả lời khai của các nhân chứng và tổng hợp sự kiện. Các nhân chứng cũng có tội. Chúng ta chứng kiến tội ác của nhau suốt ngày. Hôm nay ta không giết ai ư? Nhưng ta đã để mặc bao nhiêu người chết rồi? Trong hầm ở dưới này chúng ta sẽ giữ im lặng không nói về chuyện đó. Chúng tôi sẽ ngủ mà quên đi, Briony ạ. Quả hạnh bọc đường của anh có vị của tên con bé, một vị có vẻ phi thực kỳ quặc đến nỗi anh tự hỏi mình nhớ có đúng không. Cả tên của Cecilia. Phải chăng anh vẫn luôn coi sự lạ lùng của những cái tên này là hiển nhiên? Ngay cả câu hỏi này cũng khó mà giữ được lâu. Ở đất Pháp này anh còn nhiều việc chưa làm xong đến nỗi

với anh dường như là dễ hiểu khi trì hoãn chuyến khởi hành trở về Anh, mặc dù hành trang anh đã xếp, những hành trang kỳ lạ, nặng nề. Không ai có thể nhìn thấy chúng nếu anh bỏ lại đây và quay lại. Những hành trang vô hình. Anh phải quay lại đưa thằng bé trên cây xuống. Trước đây anh đã làm thế rồi. Anh đã quay lại nơi không ai có ở đó và tìm thấy hai thằng nhỏ dưới cây rồi công kênh Pierrot trên vai còn Jackson thì dắt tay, qua công viên. Mới nặng làm sao! Hồi ấy anh đang yêu, yêu Cecilia, yêu hai đứa sinh đôi, yêu sự thành đạt, yêu buổi rạng đông và màn sương lấp lánh gợi trí tò mò của nó. Và một buổi tiệc đón mừng mới hoành tráng làm sao! Giờ anh đã quen với những thứ như thế này, một nơi bình thường bên vệ đường, nhưng hồi đó, trước khi anh trở nên thô thiển và hoàn toàn chai lì thế này, khi nó còn là một thứ mới lạ và khi mọi thứ mới toanh, anh cảm thấy nó rõ ràng. Anh để tâm khi nàng chạy vụt qua bãi sỏi và nói với anh qua cửa xe cảnh sát để mở. *Ôi, khi anh yêu em, Thì anh trong sạch và can đảm*³⁴. Vì thế anh sẽ quay lại theo lối anh đã đến, đi ngược lại tất cả những gì họ đã đi qua, qua những đầm lầy khô cạn và thê lương, qua tay trung sĩ hách dịch trên cầu, qua ngôi làng bị đánh bom, và theo con đường hẹp ngoằn ngoèo hàng dặm qua những vùng đất nông trại gợn sóng nhấp nhô, tìm con đường mòn bên trái nơi rìa làng, đối diện tiệm giày, và tiếp hai dặm nữa, đi qua hàng rào thép gai, qua khu rừng và cánh đồng tới nơi ngủ qua đêm ở trang trại của mấy anh em kia, và ngày tiếp theo, trong ánh nắng buổi sáng vàng tươi, dựa trên cái kim la bàn xoay xoay, rảo chân qua vùng quê rực rỡ với những thung lũng nhỏ suối nước và bầy ong, rồi đi theo con đường hẹp dốc ngược lên căn nhà buồn thảm cạnh đường ray. Và cái cây. Lượm lặt từ bùn những mảnh quần áo te tua chấy xém, những mẫu pyjama của thằng bé, rồi bế nó xuống, thằng bé xanh lét tội nghiệp, và chôn cất tử tế. Một thằng nhỏ điển trai. Hãy để người có tội chôn người vô tội và để không ai thay đổi bằng chứng. Thế Mace ở đâu để giúp đào hố đây? Con gấu dưng cảm, tay Hạ sĩ Mace đó. Ở đây còn nhiều việc chưa làm xong và thêm một lý do nữa vì sao anh không thể bỏ đi. Anh phải tìm Mace. Nhưng trước tiên anh lại phải đi hàng dặm, và quay lại hướng Bắc tới cánh đồng nơi tay nông dân và con chó của hắn vẫn đi sau cái cày, và hỏi cái cô người xứ Flander kia cùng con trai cô xem họ có buộc anh chịu trách nhiệm cho cái chết của họ không. Bởi đôi khi một người có thể tự nhận vào mình quá nhiều, trong những cơn tự trách bản thân đầy giả dối. Cô ấy có thể nói không - người xứ Flander thích nói không. Anh đã cố giúp mẹ con tôi. Anh đâu thể nào mang chúng tôi qua cánh đồng chứ. Anh đã mang hai đứa sinh đôi, chứ không phải chúng tôi, không. Không, anh không có tội. Không.

Có tiếng thì thầm, và anh thấy hơi thở trên khuôn mặt nóng bừng của mình. “Ồn ào quá đấy, Cha nội.”

Sau đầu Hạ sĩ Nettle là một dải trời xanh thẳm và, khắc lên nó là đường rìa màu đen nham nhở của trần hầm đổ nát.

“Ồn ào? Tôi có làm gì đâu?”

“Hét ‘không’ và đánh thức mọi người dậy. Có mấy gã hơi cáu rồi đấy.”

Anh có nhắc đầu lên và nhận thấy mình không nhắc nổi. Hạ sĩ quẹt một que diêm.

“Chúa ời. Trông ông tệ khủng khiếp. Nào. uống đi.”

Gã nâng đầu Turner dậy và ghé bi đồng vào môi anh.

Nước có vị kim loại. Khi uống xong, một nỗi kiệt lực giống như cơn sóng dài, lưng lững cõn lên nhấn anh chìm xuống. Anh bước qua vùng đất cho đến khi rơi xuống biển. Để không làm Nettle kinh động, anh cố tỏ ra lý trí hơn mình đang thực sự cảm thấy.

“Nghe này, tôi quyết định sẽ lưu lại. Còn vài chuyện cần lo.”

Bằng một bàn tay bần, Nettle đang lau trán Turner. Anh không hiểu tại sao Nettle nghĩ là cần thiết phải cúi mặt gã, cái mặt như mặt chuột đầy lo lắng ấy, xuống sát mặt anh.

Tay hạ sĩ nói, “Cha nội này, ông nghe tôi nói không? Ông có đang nghe không? Một giờ trước tôi ra ngoài đi tè. Đoán xem tôi thấy gì. Có lính hải quân đi trên đường mà gọi các sĩ quan. Họ đang tập trung trên bãi biển. Tàu đã quay lại. Chúng ta sắp về nhà, bạn ạ. Có một tay đại úy từ Trung đoàn Hoàng gia Đông Kent đến đây sẽ đưa chúng ta hành quân xuống đó lúc bảy giờ. Vì thế cố ngủ đi và đừng có mà la hét ầm ĩ nữa.”

Giờ anh đang rơi và giấc ngủ là tất cả những gì anh muốn, ngủ một nghìn giờ. Như thế dễ dàng hơn. Nước thì vô giá trị, nhưng nó có ích, tin vừa rồi và những lời thì thầm an ủi của Nettle cũng vậy. Họ sẽ tập trung trên con đường ngoài kia và hành quân về phía bãi biển. Lấy bên phải làm chuẩn, xếp thẳng hàng. Trật tự sẽ ngự trị. Không ai ở Cambridge dạy cho biết những lợi ích khi hành quân thành hàng lối trật tự. Họ tôn sùng tinh thần tự do, bất kham. Những thi sĩ. Nhưng thi sĩ thì biết gì về chuyện sống sót chứ? Về chuyện sống sót với tư cách một tập hợp con người. Không phá hàng lối, không lao về phía tàu, không có chuyện kể đến trước được phục vụ trước, không khôn sống mong chết. Không tiếng bắt khi bước qua bãi cát đến mép nước. Trong cơn sóng vỗ tới, những cánh tay sẵn lòng giơ ra giữ vững mạn tàu cho đồng đội trèo lên. Nhưng biển cả lặng sóng, và giờ chính anh bình thản, dĩ nhiên anh thấy việc nằng đợi anh mới thực sự tốt đẹp biết bao. Số học chết tiệt. *Em sẽ đợi anh* là cơ bản. Đó là lý do anh đã sống sót. Đó là cách thông thường để nói rằng

nàng sẽ từ chối mọi kẻ khác. Chỉ mình anh. *Trở lại với em.* Anh nhớ cảm giác những viên sỏi dưới đế giày mỏng, giờ anh có thể cảm thấy nó, và cái lạnh cứng của còng số tám trên cổ tay mình. Anh và viên thanh tra dừng lại cạnh xe mà quay lại khi nghe tiếng chân nàng. Làm sao anh quên được bộ váy màu lá cây ấy, cái cách nó ôm lấy đường cong của hông nàng, làm nàng vương vãi khi chạy và lộ ra bờ vai tuyệt đẹp của nàng. Trắng hơn màn sương mù sáng ấy. Anh không ngạc nhiên khi viên cảnh sát cho họ nói chuyện. Thậm chí anh còn không nghĩ đến điều đó. Anh và Cecilia cư xử như thể chỉ có mình họ. Nàng không cho phép mình khóc khi nàng bảo với anh rằng nàng tin anh, nàng cậy anh, nàng yêu anh. Anh đơn giản nói với nàng rằng anh sẽ không quên điều đó, bằng câu ấy anh muốn nói với nàng anh biết ơn nàng đến mức nào, đặc biệt là khi đó, đặc biệt là bây giờ. Rồi nàng đặt một ngón tay lên cái còng và nói nàng không hổ thẹn, không có gì phải hổ thẹn cả. Nàng cầm một bên ve áo anh khẽ giật giật và đây chính là lúc nàng nói, “Em sẽ đợi anh. Trở lại với em.” Nàng thực lòng. Thời gian sẽ cho thấy nàng thực sự thực lòng. Sau đó họ đẩy dúi anh vào xe, và nàng vội vã nói, trước khi òa khóc vì không thể nén hơn được nữa, và nàng bảo rằng chuyện xảy ra giữa hai người là của hai người, riêng mình họ mà thôi. Nàng muốn nhắc đến thư viện ấy, dĩ nhiên, nó là của họ. Không ai có thể tước đoạt. “Đó là bí mật của chúng mình”, nàng gọi lớn, ngay trước mặt tất cả, ngay trước khi cửa xe đóng sầm lại.

“Tôi sẽ không nói một lời,” anh nói, mặc dù đầu Nettle từ lâu anh đã không còn nhìn thấy. “Đánh thức tôi trước lúc bảy giờ nhé. Tôi hứa, ông sẽ không nghe một lời nào nữa đâu.”

PHẦN BA

Cảm giác bất ổn không chỉ giới hạn trong bệnh viện. Đường như nó dâng lên cùng với dòng sông nâu cuộn cuộn phình lên vì mưa tháng Tư, và trong những buổi tối phủ khắp thành phố tắt điện đen kịt như một bóng tối tinh thần mà cả đất nước có thể cảm thấy, dày đặc một cách câm lặng và thâm hiểm, bất khả tách ly khỏi xuân muộn giá lạnh, giấu kín mình trong từ tâm đang tỏa rộng của mùa xuân. Có thứ gì đó đang đi đến kết cục. Đám bác sĩ lâu năm, nhăm nháy nhau trong những nhóm ta-đây-quan-trọng ở đoạn giao nhau giữa các hành lang, đang áp ủ một bí mật. Những bác sĩ trẻ cao lên một chút, sải chân hùng hổ hơn, còn bác sĩ tham van trở nên đáng trí mỗi khi đi thăm bệnh, và có một buổi sáng đã đi lại bên cửa sổ đưa mắt dăm dăm nhìn ra sông mất đến vài phút, trong khi phía sau ông đám y tá đứng nghiêm đợi cạnh giường bệnh. Những người đẩy xe già có vẻ chán nản khi đẩy bệnh nhân qua lại các khu, và đường như quên mất những câu pha trò học từ chương trình hài kịch trên đài, và thậm chí lòng Briony sẽ còn thấy dễ chịu nếu được nghe lại cái câu mà cô vốn vô cùng khinh miệt - Vui lên cưng, chuyện có thể chẳng bao giờ xảy ra cả.

Nhưng nó sắp xảy ra. Bệnh viện đã bắt đầu vắng dần, một cách vô hình, trong nhiều ngày qua. Thoạt tiên có vẻ thuần túy tình cờ, một cơn dịch sức khỏe tốt mà những thực tập sinh ít thông minh cứ muốn cho là tại những kỹ năng đang dần cải thiện của mình. Duy từ từ người ta mới nhận ra một ý đồ. Giường trống lan khắp khu, và qua các khu khác, như cái chết vào ban đêm. Briony hình dung tiếng chân rút lui trên hành lang sáng bóng rộng lớn vang lên vẻ nghiền ngệt, hồi lỗi, trong khi ngày xưa từng lạnh lạnh và dồn dập. Thợ đến lắp đặt thùng mới cho vòi chữa cháy trên chiếu nghỉ ngoài thang máy, và gắn những xô đựng cát dập lửa mới, làm suốt ngày không nghỉ, và chẳng nói chuyện với ai trước lúc ra về, cả với người đẩy xe cũng không. Trong khu bệnh, chỉ tám trong số hai mươi giường có người nằm, và mặc dù công việc còn nặng nhọc hơn lúc trước, có một sự bất an, một sự kinh hãi cơ hồ mê tín, làm cho đám y tá thực tập không còn dám phàn nàn khi ở riêng với nhau trong bữa trà. Nói chung họ bình tĩnh hơn, chấp nhận hơn. Họ không còn xò tay ra mà so các nốt cước nữa.

Thêm vào đó là một sự lo lắng dai dẳng và lan tràn mà các thực tập sinh truyền tai nhau về việc phạm sai lầm. Họ đều sống trong nỗi sợ hãi Y tá trưởng Marjorie Drummond, sợ nụ cười mím miệng đe dọa của bà, sợ

cái kiêu bà chột diu đi trước mỗi cơn thịnh nộ. Briony biết gần đây mình đã tích tụ cả đống lỗi lầm. Bốn hôm trước, mặc dù đã được hướng dẫn kỹ càng, một bệnh nhân cô chăm sóc đã nốc một hơi nước súc miệng phenol - theo lời người đẩy xe chứng kiến, làm một hơi như là vại bia Guinness - và nôn thốc tháo ra khắp chăn màn. Briony cũng ý thức được rằng mình bị Y tá Drummond nhìn thấy khi chỉ mang mỗi lần ba cái xô, khi mà đến lúc này các y tá lẽ ra phải đi khắp khu một cách vững chắc tay cầm chông sáu cái, như một bồi bàn bận rộn ở La Coupole. Còn rất nhiều lỗi khác nữa, mà cô hẳn đã mệt nhọc quên bống đi, hay thậm chí chẳng bao giờ biết. Cô dễ phạm lỗi trong cách cư xử - trong những phút giây lơ đãng cô thường đổi từ chân này sang chân kia theo cái cách làm cấp trên giận điên. Lỗi vặt và thất bại nhiều khi tích lại một cách bất cẩn suốt vài ngày: một cái chổi dựng không tử tế, một cái chăn gấp mà nhả lại ngửa lên trên, một cổ áo hồ cứng dựng không thẳng dù chỉ tí ti, bánh xe chân giường xếp không thẳng hàng và quay vào trong, đi về khu bệnh tay không - tất cả đều bị lãng lạng để ý, cho đến khi tới hạn, và rồi, nếu ta không đọc được các dấu hiệu, cơn thịnh nộ sẽ ập xuống bất ngờ. Và đúng ngay vào lúc ta nghĩ mình đang làm mọi thứ rất ổn.

Nhưng gần đây, Y tá trưởng không mỉm cười lạnh lẽo với những y tá thực tập nữa, cũng không hay nói với họ bằng giọng trầm xuống khiến họ kinh hoàng. Bà không thêm quan tâm đến đám y tá dưới quyền. Bà lơ đãng, và thường đứng ở sân trong cạnh khu ngoại khoa nam, thảo luận rất lâu với đồng nghiệp, hoặc có lần biến mất luôn hai ngày.

Trong một hoàn cảnh khác, một nghề nghiệp khác, bà sẽ có vẻ mẹ hiền bởi vẻ đầy đặn của mình, hay thậm chí gọi cảm, với đôi môi không tô son đỏ tự nhiên và cong lên đầy ngọt ngào, cùng khuôn mặt với hai gò má tròn trịa và màu da hồng khỏe mạnh như búp bê cho thấy một bản tính tốt bụng. Ấn tượng này bị thủ tiêu từ sớm vào ngày một thực tập sinh cùng năm với Briony, một cô gái đậm người, tốt bụng, đi lại chậm rãi, ánh mắt bỏ cái lơ đãng, gặp phải cơn giận có khả năng xé tan hoang mọi thứ của y tá trưởng khu. Y tá Langland làm phụ tá trong khu phẫu thuật nam, và được cử giúp đỡ chuẩn bị cho một anh lính trẻ cắt ruột thừa. Ở lại một mình với anh ta trong chừng một hai phút, cô trò chuyện với anh và cam đoan rằng phẫu thuật sẽ thành công. Anh ta hẳn đã hỏi cái câu hỏi hiển nhiên ấy, và đó là lúc cô vi phạm quy định thiêng liêng. Nó được ghi rõ ràng trong sách hướng dẫn, mặc dù chưa ai đoán nổi nó được coi là quan trọng đến mức nào. Vài giờ sau, anh lính tỉnh lại sau khi thuốc mê hết tác dụng và thì thầm tên cô y tá thực tập trong khi y tá trưởng khu mổ đứng ngay bên cạnh. Y tá Langland bị đuổi về khu của mình trong ô nhục. Các y tá khác được gọi tập trung lại và nhắc nhở cẩn thận. Nếu Susan

Langland tội nghiệp có vì bất cẩn hay độc ác mà giết chết hai chục bệnh nhân thì mọi sự cũng không đến nỗi tệ hơn thế. Cho tới lúc Y tá Drummond nói xong với cô rằng cô là nỗi ô nhục cho truyền thống chăm sóc bệnh nhân của Nightingale mà cô say mê đến vậy, và cô nên coi mình đã may mắn lắm khi tháng tới được đi phân loại khăn bẩn, không chỉ mình Langland mà nửa số cô gái có mặt ở đó đã sụt sùi khóc. Briony không nằm trong số này, nhưng đêm đó trên giường, vẫn còn hơi run rẩy, cô mở sách hướng dẫn ra đọc lại, để xem liệu có điểm quy ước nào mà cô đã bỏ qua không. Cô đọc lại và khắc sâu vào tâm trí điều răn: trong bất cứ hoàn cảnh nào, y tá cũng không được nói cho bệnh nhân biết tên thánh của mình.

Các khu bệnh trống không, nhưng công việc lại tăng thêm. Mỗi sáng giường bị đẩy vào giữa phòng để thực tập sinh có thể đánh bóng sàn bằng một thanh sắt lớn nặng mà riêng một cô gái thôi thì không đủ sức đẩy từ bên này sang bên kia. Sàn phải được cọ ba lần một ngày. Tủ trống được lau, đệm được xông thơm, móc áo khoác bằng đồng, tay nắm cửa và ổ khóa được đánh bóng. Đồ gỗ - cửa cũng như gờ - được lau bằng dung dịch phenol, và giường cũng thế, khung sắt cũng như lò xo. Đám thực tập sinh cọ, lau bồ và chai lọ rồi phơi khô cho đến khi chúng sáng bóng lên như đĩa ăn. Xe tải quân đội loại ba tấn tập hợp ở sân chất tải, chở đến nhiều giường hơn, những cái cũ rách bẩn thì cần cọ rửa nhiều lần trước khi được đưa vào trong khu và đẩy sát lại thành hàng, rồi lau dung dịch phenol. Giữa các loại nhiệm vụ, có lẽ một ngày đến chục lần, các thực tập sinh rửa những bàn tay nứt nẻ và xước đến chảy máu dưới nước lạnh như băng. Cuộc chiến chống vi trùng không bao giờ ngưng. Thực tập sinh được thu nhận vào thứ đạo sùng bái vệ sinh sạch sẽ. Họ học được rằng không có gì đáng ghê tởm bằng một mẫu bông ruột chần nắp dưới giường, giấu trong nó một tiểu đoàn, cả một sư đoàn vi khuẩn. Thông lệ hàng ngày đun sôi, cọ rửa, đánh bóng và lau chùi trở thành huy hiệu lòng tự hào nhà nghề của các học viên, vì nó mà tất cả sự dễ chịu cá nhân phải bị hy sinh.

Người đẩy xe mang lên từ sân chất tải một khối lượng lớn những nhu yếu phẩm mới cần phải mở ra, nhập kho và sắp xếp - đồ băng bó, khay y tế, kim tiêm dưới da, ba nồi hấp mới và rất nhiều gói có ghi "Túi Bunyan" mà chưa ai giải thích cách sử dụng. Một tủ thuốc mới được lắp đặt và xếp đầy thuốc, sau khi được cọ ba lần. Nó được khóa lại, chìa khóa do Y tá Drummond cầm, nhưng một sáng Briony thấy bên trong là những hàng chai lọ có dán nhãn moócphin. Khi được sai đi làm việc vặt, cô thấy các khu khác cũng ở trong trạng thái chuẩn bị tương tự. Một khu đã hết sạch

bệnh nhân, và bóng loáng lên trong im lặng rộng rãi mà chờ đợi. Nhưng chưa đến lúc đặt câu hỏi.

Năm trước, ngay sau khi tuyên bố chiến tranh, các khu tầng trên cùng đã bị đóng cửa hoàn toàn để khỏi bị bom đánh. Phòng mổ giờ ở dưới tầng hầm. Cửa sổ tầng trệt được bịt bằng bao cát, và mọi cửa sổ mái đều chít xi măng.

Một tướng quân đội đã tới thăm bệnh viện với nửa tá bác sĩ tham vấn hộ tống. Không có lễ đón rước, thậm chí bệnh viện cũng chẳng trật tự lại khi họ đến. Thông thường vào những dịp thăm viếng quan trọng như vậy, như người ta bảo, mũi của mỗi bệnh nhân phải thẳng hàng với vết gấp chính giữa ga trải giường. Nhưng không có thời gian chuẩn bị. Ông tướng và bầu đoàn bước qua khu bệnh, thì thảo và gặt đầu, rồi họ ra về.

Cảm giác bất ổn tăng dần, nhưng chẳng có cơ hội mà suy đoán, mà chẳng nào việc này cũng chính thức bị cấm. Khi không phải trực ca, các thực tập sinh học bài trong thời gian rảnh rỗi, hoặc nghe giảng, hoặc tập tập hoặc học một mình. Bữa ăn và giờ ngủ bị giám sát như thể họ là những học trò mới ở trường nữ sinh Roedean. Khi Fiona, cô gái ngủ cạnh giường Briony, đẩy đĩa đi và tuyên bố chẳng với ai cả rằng cô “không có khả năng về phương diện lâm sàng” để ăn rau luộc với một viên Oxo, y tá nhà Nightingale tới đứng canh chừng cô cho đến khi cô ăn hết mẩu cuối cùng. Fiona là bạn của Briony, theo định nghĩa; ở ký túc, đêm đầu tiên trong đợt huấn luyện sơ bộ, cô nhờ Briony cắt hộ móng tay phải, giải thích rằng tay trái không thể cầm kéo cắt được và rằng mẹ cô luôn cắt hộ cô. Cô tóc hoe và có tàn nhang, khiến Briony lập tức đề phòng. Nhưng không như Lola, Fiona to mồm và nhắng, trên mu bàn tay có những chỗ lúm và một bộ ngực khổng lồ khiến các cô gái khác bảo cô ngày nào đó nhất định sẽ thành y tá trưởng khu. Gia đình cô sống ở Chelsea. Một đêm cô thì thầm từ trên giường rằng cha cô sắp sửa được mời gia nhập nội các thời chiến của Churchill. Nhưng khi thành phần nội các được tuyên bố, cái họ đó chẳng thấy đâu mà cũng không ai nói gì, và Briony nghĩ tốt hơn là không nên hỏi. Trong những tháng đầu tiên sau đợt tập huấn sơ bộ, Fiona và Briony có ít cơ hội để hiểu ra mình có thực sự quý người kia hay không. Cứ giả sử là có đi thì thuận lợi hơn. Họ thuộc số ít ỏi những người hoàn toàn chưa học hành gì về y tế. Hầu hết các cô khác đã học xong khóa sơ cứu, một số người đã qua VAD³⁵ và đã quen với máu và thi thể, hay ít nhất là họ bảo thế.

Nhưng tình bạn không dễ nuôi dưỡng. Thực tập sinh làm việc theo ca tại các khu, học ba giờ một ngày lúc rảnh rỗi, và ngủ. Thói quen xa xỉ duy nhất là giờ uống trà, từ bốn đến năm giờ, khi họ lấy từ những giá gỗ mỏng những ấm trà nâu nhỏ xíu có ghi tên mình và ngồi với nhau trong

phòng công cộng nhỏ ở ngoài khu bệnh. Các cuộc nói chuyện luôn gò bó. Y tá nhà cũng có mặt ở đó giám sát và đảm bảo sự đúng mực. Hơn nữa, ngay khi họ ngồi xuống, mặt mỗi trần đến, nặng nề như ba cái chần gấp lại. Một cô ngủ gật tay cầm tách trà và đĩa và bị bỏng đùi - một cơ hội tốt để luyện tập chữa bỏng, Y tá Drummond nói khi bà đến xem làm sao mà âm ỉ lên thế. Và bản thân cô cũng tạo thành rào cản cho tình bạn. Những tháng đầu này, Briony thường nghĩ rằng mối quan hệ duy nhất của cô là với Y tá Drummond. Bà ta luôn ở đó, mới giầy trước ở cuối hành lang, đang tiến tới với một quyết tâm khủng khiếp, giầy tiếp theo đã ở bên vai Briony, lằm bằm vào tai cô rằng cô đã không chú ý trong đợt tập huấn sơ bộ những nghi thức đúng cách khi tắm cho các bệnh nhân nam ốm liệt giường: chỉ sau lượt thay nước tắm *lần thứ hai* thì mới được đưa khăn cọ mình và khăn thấm vừa xát xà phòng cho bệnh nhân để anh ta “tự làm nốt”. Trạng thái tinh thần của Briony phần lớn phụ thuộc vào việc giờ đó cô được đánh giá thế nào theo ý kiến của y tá trưởng khu. Cô cảm thấy lạnh ngắt trong bụng mỗi khi ánh mắt của Y tá Drummond đặt vào cô. Không thể biết được mình có làm tốt hay không. Briony kinh sợ bị bà đánh giá thấp. Chẳng khi nào nghe lời khen. Ý kiến hay nhất có thể trông mong được ở bà là sự lãnh đạm.

Trong những giờ phút có cho riêng mình, thường là trong bóng tối, những phút trước khi chìm vào giấc ngủ, Briony nhăm nháp một cuộc sống song tồn ma mị trong đó cô đang ở trường Girton, nghiên cứu Milton. Cô lẽ ra có thể đến đại học của chị mình, chứ không phải là bệnh viện của chị. Briony đã nghĩ mình gia nhập lực lượng phục vụ chiến tranh. Trên thực tế, cô đã khuôn hẹp đời mình vào mối quan hệ với một phụ nữ lớn hơn cô mười lăm tuổi mang quyền lực đối với cô lớn hơn quyền lực của một bà mẹ với đứa con sơ sinh.

Việc thu hẹp cuộc đời này, mà trên hết là bị tước đi tư cách cá nhân, đã bắt đầu vài tuần trước khi cô nghe đến cái tên Y tá Drummond. Ngày đầu tiên trong đợt tập huấn sơ bộ kéo dài hai tháng, sự nhục nhã của Briony trước toàn thể lớp đã làm bài học cho tất cả. Mọi chuyện diễn ra như thế này. Cô đi tới trước mặt y tá để nhả nhận chỉ ra rằng bằng hiệu tên của cô bị viết nhầm. Cô là B. Tallis, chứ không phải, như được viết trên cái ghim cài hình chữ nhật con con, Y. Tallis.

Câu đáp rất bình thản. “Cô là, và sẽ là, như cô được chỉ định. Tên riêng của cô tôi không quan tâm. Nào giờ xin mời ngồi xuống, Y tá Tallis.”

Những cô gái khác chắc hẳn đã cười rú lên nếu họ dám, vì họ đều bị viết tắt hết như thế, nhưng họ cảm thấy một cách đúng đắn rằng không được phép như vậy. Đây là giai đoạn dành cho những bài giảng về vệ sinh, và luyện tập tắm cho những hình nộm có kích cỡ to như thật - bà

Mackintosh, Phu nhân Chase, và bé George với cơ thể bị tật nguyên một cách tinh tế cho phép đóng luôn vai bé gái. Đây là lúc để làm quen việc vâng lệnh không suy nghĩ, học cách mang một chồng bô, và nhớ một quy tắc cơ bản: không bao giờ đi lên khu mà không mang theo một thứ gì đó về. Sự khó chịu về mặt thể xác giúp khép lại chân trời tâm hồn của Briony, cổ áo cao hồ cứng cọ vào cổ đau nhói. Rửa tay hàng chục lần một ngày dưới nước lạnh như kim châm bằng một bánh xà phòng khiến tay cô nổi những nốt cườm đầu tiên. Giày cô phải tự mua bằng tiền của chính mình thít vào ngón chân đau điếng. Bộ đồng phục, như mọi loại đồng phục, ăn mòn dần từ cách cá nhân, và những đòi hỏi chú ý thường nhật - là li, kẹp mũ, vuốt thẳng đường may, đánh bóng giày, đặc biệt là gót - bắt đầu một quá trình theo đó những lo toan khác dần dần bị loại trừ. Đến lúc các cô gái sẵn sàng bắt đầu khóa học thực tập sinh, và làm việc trong các khu (họ sẽ không bao giờ nói "phụ trách các khu") dưới quyền của Y tá Drummond, và tuân theo những công việc hàng ngày "từ bô đến viên bô Bovril," cuộc đời trước kia của họ đang dần nhạt nhòa. Tâm trí họ đã trở nên trống rỗng đến một mức nào đó, sự chống trả của họ suy giảm đi, vì thế họ dễ dàng bị khuất phục trước quyền lực tuyệt đối của y tá khu. Không thể nào có sự kháng cự một khi bà đã choán hết tâm trí trống không của họ.

Chưa bao giờ có ai nói ra, nhưng hình mẫu đằng sau quá trình này là quân đội. Cô Nightingale, mà không ai được phép gọi tên là Florence, đã ở Crimea đủ lâu để thấy giá trị của kỷ luật, những nghiêm lệnh và đạo quân được huấn luyện tử tế. Vì thế khi nằm trong bóng tối nghe Fiona bắt đầu ngáy suốt cả đêm - cô ấy ngủ nằm ngửa - Briony đã cảm thấy cuộc đời song tồn kia, mà cô có thể mừng rỡ vô cùng dễ dàng từ những lần ghé Cambridge hỏi cô còn nhỏ để gặp Leon và Cecilia, sẽ rất nhanh chóng bắt đầu xa rời khỏi cuộc đời cô lúc này. Giờ đây là cuộc đời sinh viên của cô, bốn năm kể từ đây, chế độ quản thúc này, và cô không hề mong muốn, cũng không có quyền rời bỏ. Cô phó mặc chính bản thân mình vào một cuộc đời của những quy tắc, luật lệ, sự tuân phục, việc nhà, và nỗi sợ không ngừng bị chê trách. Cô là một thành viên trong khóa những thực tập sinh - vài tháng lại có một đợt tuyển - và cô không có tư cách gì ngoài bằng hiệu tên của mình. Ở đây không có dạy dỗ gì, không ai mất ngủ vì lo cho quá trình phát triển trí tuệ của cô. Cô đổ và rửa bô, lau và đánh bóng sàn nhà, pha ca cao và chuẩn bị Bovril, đi lấy và mang về - và được giải thoát khỏi sự tự vấn nội tâm. Ở một thời điểm nào đó trong tương lai, cô biết khi nghe những sinh viên năm thứ hai nói chuyện, cô sẽ bắt đầu thấy thích thú ở khả năng của mình. Vừa đây cô đã ném nấp vị của nó, khi được tin tưởng giao cho đo nhịp tim và nhiệt độ dưới

sự giám sát và đánh dấu trên bảng theo dõi. Về mặt điều trị y tế, cô đã chấm thuốc tím lên chỗ bị bệnh ecpet mảng tròn, vết mung mủ trên một chỗ bị rách, và kem bôi cho chỗ thâm tím. Song, phần lớn cô là một tờ giấy, một người hầu và, trong những giờ được nghỉ, một kẻ nhồi nhét những sự kiện thuần túy. Cô sung sướng vì không có mấy thời gian nghỉ đến bất cứ gì khác. Nhưng khi cô đứng trên chiếu nghỉ trong bộ áo ngủ, việc cuối cùng vào buổi đêm, và nhìn qua dòng sông ngắm thành phố tắt đèn, cô nhớ cảm giác bất ổn nằm ở ngoài kia trên những con phố cũng như trong khu bệnh và giống như chính bóng tối vậy. Không gì trong những việc làm thường nhật của cô, cả Y tá trưởng Drummond, có thể bảo vệ cô khỏi nó.

Trong nửa tiếng trước lúc tắt đèn, sau khi uống ca cao, các cô gái thường ra vào phòng nhau, ngồi trên giường viết thư về nhà, hay cho người thương. Một vài người vẫn thút thít vì nhớ nhà, và sẽ có rất nhiều màn an ủi diễn ra lúc này, với những cánh tay vòng qua vai và những lời dịu dàng. Với Briony làm vậy có vẻ điệu bộ, và lố bịch, những cô gái đã lớn khóc lóc nhớ mẹ, hay như một bạn vừa nói vừa nức nở, nhớ mùi ống tẩu của bố. Những đứa làm việc an ủi đó có vẻ tự thỏa mãn hơi quá đáng. Trong bầu không khí ngọt đến ghê người này đôi khi Briony viết những lá thư ngắn gọn về nhà, thư truyền đạt không nhiều hơn việc cô không ốm, không bất hạnh, không cần tiền tiêu vặt và sẽ không thay đổi ý định như mẹ cô đã dự đoán. Những cô gái khác tự hào viết ra chính xác thời khóa biểu làm việc và học hành thường nhật của mình để khiến bố mẹ yêu quý sửng sốt. Briony chỉ kể những chuyện này trong nhật ký, và kể cả lúc đó thì cũng không chi tiết cụ thể. Cô không muốn mẹ cô biết tới thứ công việc hạ đẳng cô làm. Cô quyết tâm trở thành y tá một phần là bởi cô muốn làm việc để được độc lập. Với cô, điều quan trọng là cha mẹ cô, đặc biệt là mẹ, biết càng ít về đời cô càng tốt.

Ngoài một loạt câu hỏi lặp đi lặp lại vẫn không được trả lời, những lá thư của Emily phần lớn là về những người tản cư. Ba bà mẹ với bảy đứa con, tất cả đều từ khu Hackney của London, đã trú ngụ ở gia đình Tallis. Một trong mấy bà mẹ đã làm điều nhục nhã trong quán rượu làng và giờ bị cấm chỉ. Một bà khác là tín đồ sùng đạo Thiên Chúa giáo đi bộ bốn dặm cùng ba đứa con đến thị trấn gần đó dự lễ mixa Chủ nhật. Nhưng Betty, bản thân cũng là tín đồ Thiên Chúa giáo, không nhạy cảm mấy về những khác biệt này. Bà ghét tất cả các bà mẹ và con cái của họ như nhau. Họ nói với bà ngay buổi sáng đầu tiên là không thích thức ăn bà nấu. Bà tuyên bố đã chứng kiến cái bà đi nhà thờ kia nhổ ra sà n ở hành

lang. Đứa con lớn nhất, thằng nhóc mười ba tuổi trông không lớn hơn một đứa lên tám, đã nhảy xuống đài phun nước, leo lên tượng, rồi bẻ gãy tù và vỏ ốc và cánh tay của thần Triton, ngay chỗ khuỷu. Jack bảo sẽ gắn lại, không phiền phức gì nhiều đâu. Nhưng rồi cái phần bị bẻ, sau khi đem vào nhà bỏ ở phòng rửa bát, đã biến mất. Được nghe già Hardman kể lại, Betty tố thằng bé đã ném nó xuống hồ. Thằng nhỏ nói nó không biết gì. Người ta bàn chuyện sẽ tháo nước ở hồ đi, nhưng lại lo cho đôi uyên ương thiên nga. Bà mẹ bảo vệ thằng con ác liệt, bảo là khi có trẻ con mà để đài phun như thế thì nguy hiểm, và rằng bà ta sẽ viết thư báo cho quân cảnh. Ngài Arthur Ridley là cha đỡ đầu của Briony.

Tuy vậy, Emily nghĩ họ nên coi mình may mắn khi có những người tản cư vì đã có một lúc tưởng như toàn bộ căn nhà sẽ bị quân đội trưng dụng. Nhưng rồi họ chọn nhà của Hugh van Vliet vì bên đó có bàn bi-a. Một tin nữa là em gái Hermione của bà vẫn ở Paris nhưng đang nghĩ đến chuyện chuyển đến Nice, và đàn bò đã được chuyển sang ba cánh đồng ở phía Bắc để cày xới công viên trồng ngũ cốc. Hàng rào sắt dài một dặm rưỡi có từ hồi những năm 1750 đã bị dỡ đi nung chảy làm máy bay. Ngay cả những người thợ dỡ đi cũng bảo thứ kim loại này không hợp. Một công sự gạch và xi măng được xây cạnh con sông, ngay ở khúc ngoặt, giữa đầm lau lách, phá tan ổ mòng két và chim chìa vôi xám. Một công sự ngầm khác đang xây chỗ đường chính dẫn vào làng. Họ lưu trữ tất cả các thứ dễ vỡ ở dưới hầm, gồm cả đàn clavico. Betty khốn khổ đã đánh rơi cái bình của bác Clem khi mang nó xuống và nó vỡ tan thành từng mảnh trên bậc cầu thang. Bà bảo các mảnh vỡ tự động rời ra ngay trong tay bà, nhưng nghe rất khó tin. Danny Hardman đã gia nhập hải quân, còn tất cả trai tráng khác trong làng thì vào East Surrey. Jack đang làm việc quá nhiều. Ông dự một buổi họp đặc biệt và khi quay về trông ông mệt mỏi gầy gò, và không được phép nói cho bà biết ông đã ở đâu. Ông giận điên lên vì chuyện cái bình và quát tháo Betty âm ỉ, xưa nay ông chẳng hề như vậy. Thêm vào tất cả những chuyện đó, bà đã mất một cuốn sổ lương thực và đã hai tuần rồi họ phải ăn uống mà không có đường. Cái bà mẹ bị cấm chỉ khỏi quán Red Lion đã đến mà không mang theo mặt nạ khí và sẽ không được phát đồ thay thế. Người giám sát phòng không, chính là anh trai của cảnh sát Vockins, đã đến lần thứ ba kiểm duyệt xem nhà có chịu tất điện không. Ông ta hóa ra lại là một tay khá độc tài. Chả ai thích ông.

Đọc những lá thư này vào cuối một ngày quần quật, Briony cảm thay một sự hoài nhớ mơ hồ, một sự mong mỏi mờ mờ cái cuộc đời đã mất từ lâu. Cô khó có thể cảm thấy thương hại chính mình. Chính cô mới là người đã cắt đứt với gia đình. Trong kỳ nghỉ một tuần sau đợt huấn luyện

sơ bộ, trước khi năm thực tập bắt đầu, cô tới ở với chú và dì ở Primrose Hill và đã lảng tránh mẹ trên điện thoại. Sao Briony không thể về thăm, dù chỉ một ngày, khi mọi người đều mong ngóng được gặp cô và khao khát nghe cô kể chuyện về cuộc đời mới của mình? Và sao cô lại ít viết thư về đến thế? Thật khó mà có một câu trả lời thẳng thắn. Hiện giờ tránh xa là một việc cần thiết.

Trong ngăn kéo tủ cạnh giường, cô giữ một cuốn sổ khổ to bìa cứng có vân cẩm thạch. Gáy sổ buộc một sợi dây dài có cây bút chì ở cuối. Không được phép dùng bút và mực trên giường. Cô bắt đầu ghi nhật ký vào cuối ngày đầu tiên của đợt tập huấn sơ bộ, và cố gắng viết ít nhất mười phút hàng đêm trước giờ tắt đèn. Các ghi chép của cô bao gồm những tuyên ngôn nghệ thuật, những phàn nàn nhỏ nhặt, những phác họa nhân vật và những đoạn tường thuật đơn giản về ngày đã qua, càng ngày càng lấn sang thế giới tưởng tượng. Cô hầu như không đọc lại những gì mình đã viết, nhưng cô thích lật giở những trang kín đặc chữ. Đây, đằng sau thẻ tên và đồng phục, là con người thật của cô, tích trữ bí mật, im lặng gom góp. Cô chưa bao giờ đánh mất lạc thú tuổi thơ khi nhìn những trang giấy đầy chữ viết của mình. Cô viết cái gì cơ hồ không quan trọng. Vì ngăn kéo không được khóa, cô cẩn thận ngụy trang những miêu tả của mình về Y tá trưởng Drummond. Cô đổi tên cả các bệnh nhân nữa. Và khi đã đổi tên rồi, thì thay đổi các tình huống và phát minh ra thêm cũng dễ hơn nhiều. Cô thích viết ra những suy nghĩ vớ vẩn của họ theo như cô tưởng tượng. Cô chẳng bị bắt buộc phải nói sự thật, cô chẳng hứa với ai là sẽ viết sử biên niên. Đây là nơi duy nhất cô có thể tự do. Cô dựng lên những câu chuyện nhỏ - không thuyết phục lắm, hơi quá đà - về những người trong khu. Có lúc cô đã nghĩ mình là một Chaucer thời Trung cổ làm nghề y, có các khu khám bệnh đông ních đủ loại người, bọn trai trẻ, đám ma men, lũ khộm già, người tử tế với những bí mật xấu xa muốn kể. Những năm sau này cô hối hận vì không chú trọng thực tế hơn, không tự xây cho mình một kho tư liệu thô. Sẽ rất có ích nếu biết được điều gì đã xảy ra, trông nó như thế nào, đã có ai ở đó, đã nói những gì. Vào lúc ấy, nhật ký giữ gìn phẩm giá của cô: cô có thể trông giống và cư xử như và sống cuộc đời của một y tá thực tập, nhưng thực ra cô là một nhà văn lớn đang giấu mình. Và trong lúc cô đã bị cắt đứt khỏi những thứ mình quen thuộc - gia đình, tổ ấm, bè bạn - chỉ có việc viết lách là sợi chỉ liên mạch. Đây chính là thứ cô vẫn luôn làm từ trước tới giờ.

Những giây phút như thế rất hiếm, những giây phút khi tâm trí cô có thể lang bạt tự do. Thình thoảng cô được sai tới phòng phát thuốc và sẽ phải đợi được sĩ quay lại. Rồi cô sẽ đi dọc hành lang tới một cầu thang nơi có cửa sổ trông ra dòng sông. Vô tình, cô sẽ nhón mình trên chân

phải khi nhìn ra phía tòa nhà Hạ viện mà không thấy nó, rồi nghĩ không phải về cuốn nhật ký, mà là một truyện dài cô đã viết và gửi cho một tạp chí. Trong những ngày lưu lại ở Primrose Hill cô đã mượn máy đánh chữ của ông cậu, chiếm lấy phòng ăn và mỗ cò bản thảo cuối cùng của mình. Cô gõ hơn tám tiếng một ngày suốt cả tuần, đến khi lưng và cổ đau nhừ, và mắt hoa lên những ký hiệu linh tinh rời rạc. Nhưng cô không nhớ nổi đã bao giờ có được cảm giác sung sướng vô tận như khi kết thúc, lúc cô gom lại chồng giấy đã gõ xong - một trăm lẻ ba trang! - và cảm thấy ở đầu những ngón tay đau nhừ sức nặng sự sáng tạo của mình. Chỉ riêng mình cô. Không ai khác có thể viết ra được. Giữ lại bản sao giấy than cho mình, cô gói cuốn truyện (một từ mới không thỏa đáng làm sao) bằng giấy nâu, bắt xe buýt đi Bloomsbury, đi bộ đến địa chỉ ở Lansdowne Terrace, văn phòng của tạp chí mới, *Horizon*, và trao bản thảo cho một phụ nữ dễ thương ra mở cửa.

Điều làm cô phấn khích về thành công của mình là bố cục của nó, cấu trúc hình học thuần túy, và sự không chắc chắn quy định toàn bộ tính chất câu chuyện, mà theo cô nó phản ánh một tâm thế hiện đại. Thời đại của những câu trả lời rõ ràng đã kết thúc rồi. Thời đại của nhân vật và cốt truyện cũng vậy. Mặc cho những phác thảo nhân vật trong nhật ký, cô không còn thực sự tin vào nhân vật nữa. Chúng là những phương tiện lỗi thời thuộc về thế kỷ mười chín. Ngay khái niệm nhân vật cũng được hình thành trên những sai lầm mà tâm lý học hiện đại đã vạch trần. Cả cốt truyện cũng như cỗ máy gở sét bánh xe không còn quay được nữa. Một tiểu thuyết gia hiện đại không còn có thể viết nhân vật và cốt truyện được, cũng như một nhà soạn nhạc hiện đại không thể viết một bản giao hưởng Mozart. Chính suy nghĩ, cảm nhận, cảm giác mới làm cô thích thú, nhất là ý thức như một dòng sông chảy qua thời gian, và làm thế nào để diễn tả những con sóng lẫn ập vào bờ của nó, cũng như tất cả những sông nhánh nhập mình vào khiến nó đầy lên, và những chướng ngại khiến nó đổi dòng. Giá như cô có thể tái tạo ánh sáng trong vắt của một buổi sáng mùa hạ, cảm giác của một đứa trẻ đứng cạnh cửa sổ, nét cong và lượn xuống của đường bay một con chim nhạn trên mặt nước. Tiểu thuyết của tương lai sẽ không giống với bất cứ thứ gì trong quá khứ. Cô đã đọc *The Waves*³⁶ của Virginia Woolf ba lần và nghĩ rằng đang có một sự chuyển hóa lớn lao hình thành trong chính bản chất con người, và rằng chỉ tiểu thuyết, một loại tiểu thuyết mới, mới có thể bắt được bản chất của sự thay đổi đó. Thâm nhập vào một đầu óc và thể hiện nó hoạt động thế nào, hay bị điều động ra sao, và thực hiện điều đó trong một bố cục cân đối - đây sẽ là một thành tựu nghệ thuật. Đây là những ý nghĩ trong đầu Y tá Tallis khi cô lần lữa gần trạm thuốc, đợi được sĩ quay lại, và nhìn qua sông

Thames, quên bém đi nguy hiểm mình có thể gặp, khi bị Y tá trưởng Drummond phát hiện đang đứng trên một chân.

Ba tháng đã trôi qua, và Briony không nghe gì từ *Horizon* cả.

Một tác phẩm viết nữa cũng không có hồi âm nào. Cô đã đến phòng hành chính bệnh viện và hỏi địa chỉ Cecilia. Đầu tháng Năm cô viết thư cho chị. Giờ cô bắt đầu nghĩ rằng im lặng là câu trả lời của Cecilia.

Những ngày cuối tháng Năm, nhiều thiết bị y tế được chuyển đến hơn. Thêm nhiều ca không khẩn cấp lắm được cho về nhà. Nhiều khu lễ ra đã trống hoàn toàn nếu không phải nhận thêm bốn mươi thủy thủ - một loại bệnh vàng da hiếm hoi đã quét qua Hải quân Hoàng gia. Briony không còn thời gian để ý. Những khóa học mới về làm y tá trong bệnh viện và dẫn nhập cơ thể học đã bắt đầu. Những sinh viên năm một vội vã chuyển từ ca trực sang lớp giảng, tới bữa ăn rồi sang tự học. Sau khi đọc ba trang sách, tỉnh táo được là một việc khó khăn. Chuông Big Ben điểm từng thay đổi trong ngày, và có những lần tiếng chuông long trọng duy nhất lúc mười lăm phút làm bật ra những tiếng rên rỉ trong kinh hoàng bị kìm nén khi các cô gái nhận ra giờ này mình đáng lẽ phải ở nơi khác.

Nằm bẹp trên giường tự nó được coi là một cách chữa trị. Hầu hết bệnh nhân, dù tình trạng thế nào, bị cấm dù chỉ đi vài bước ra phòng rửa mặt. Vì thế ngày bắt đầu với những chiếc bô. Y tá trưởng không cho phép cầm bô “như cầm vợt tennis” mà đi lại trong khu. Bô phải được mang “như để vinh danh Chúa,” và đem đồ, kỳ cọ, rửa sạch và xếp chồng trước bảy rưỡi, khi đến giờ uống trà buổi sáng. Suốt cả ngày, bô, giặt chần màn, cọ sàn. Các cô gái cảm rằm đau lưng vì phải dọn giường, và chân đau nhức vì phải đứng cả ngày. Thêm một nhiệm vụ cho y tá là kéo màn che kín các cửa sổ lớn trong khu để ngăn ánh sáng lọt ra ngoài. Đến cuối ngày, rửa nhiều bô hơn, đồ ca đựng đờm dãi, pha ca cao. Hầu như không có thời gian trống giữa lúc kết thúc một ca và bắt đầu lớp học để mà quay về ký túc xá lấy vở và sách giáo khoa. Một ngày nọ, có hai lần Briony bị y tá khu mắng khi chạy trên hành lang và ở cả hai bận đó lời quở trách đều được thốt ra bằng giọng đều đều. Chỉ có trong trường hợp xuất huyết và hỏa hoạn thì y tá mới được phép chạy.

Nhưng địa phận chính yếu của các thực tập sinh năm thứ hai là phòng giặt rửa. Mọi người bảo là máy rửa bô và rửa chai tự động đang được lắp đặt, nhưng đây thuần túy chỉ là tin đồn về một miền đất hứa. Còn bây giờ, họ phải làm như những người đi trước đã làm. Vào cái ngày cô bị mắng vì chạy hai lần, Briony được sai đến phòng giặt rửa để làm thêm một phiên nữa. Đó hẳn là một sự cố trong bảng phân công không

được viết ra, nhưng cô nghi ngờ lắm. Cô kéo cửa phòng giặt rửa đóng lại sau lưng mình, và buộc tạp dề cao su nặng nề quanh hông. Bí quyết đổ bột, thực ra là cách duy nhất cô có thể làm việc đó, là nhắm mắt lại, nín thở và quay đầu đi. Rồi đến việc cọ bằng dung dịch phenol. Nếu lười mà để mặc không kiểm tra xem tay cầm bột đã sạch và khô chưa, cô sẽ gặp phiền phức lớn với y tá trưởng.

Xong nhiệm vụ này cô chuyển thẳng sang việc dọn dẹp khu đã gần như trống vào cuối ngày - sắp xếp tủ khóa, đổ gạt tàn, thu báo trong ngày. Một cách tự động, cô liếc qua một trang gấp lại của tờ *Sunday Graphic*. Cô đã theo dõi thời sự bằng những mẩu tin nhỏ rời rạc. Chẳng bao giờ đủ thời gian ngồi xuống mà đọc một tờ báo cho ra đọc. Cô biết việc chọc thủng phòng tuyến Maginot, việc đánh bom Rotterdam, quân Hà Lan đầu hàng, và đêm hôm trước vài cô gái đã nói chuyện Bỉ sắp bại trận. Chiến tranh diễn ra càng lúc càng tồi tệ, nhưng chiến sự sẽ được cải thiện. Giờ đây điều khiến cô chú ý là một câu nói xoa dịu - không phải vì nội dung câu nói, mà vì điều nó trắng trợn cố giấu đi. Quân đội Anh ở miền Bắc Pháp đang “rút lui theo chiến lược về lại vị trí đã chuẩn bị trước đó.” Ngay cả cô, người không biết gì về chiến lược quân đội hay ngôn ngữ báo chí, cũng hiểu rằng đây là uyển ngữ cho việc bại trận. Có lẽ cô là người cuối cùng trong bệnh viện hiểu chuyện gì đang xảy ra. Khu này khu khác cứ trống dần, đồ tiếp tế liên tục chuyển về, cô đã nghĩ đây chỉ là một phần của sự chuẩn bị chiến tranh thông thường. Cô đã quá thu mình trong những lo lắng cón con của mình. Giờ cô thấy những mẩu tin tức rời rạc nối kết với nhau thế nào, và hiểu ra điều có lẽ mọi người khác đều biết cả, và là điều ban điều hành bệnh viện đang chuẩn bị để đối phó. Quân Đức đã đến Biển Manche, quân Anh đang gặp khó khăn. Tình hình đã trở nên hết sức tồi tệ ở Pháp, mặc dù không ai biết tệ đến mức nào. Linh cảm ấy, sự sợ hãi căm lặng ấy, chính là thứ cô đã cảm thấy xung quanh mình.

Đúng lúc này, vào cái ngày những bệnh nhân cuối cùng được tiễn ra khỏi khu, có một lá thư cha cô gửi đến. Sau vài câu chào hỏi và hỏi han vắn tắt việc học hành và sức khỏe của cô, ông kể lại thông tin nghe được từ một đồng nghiệp và được gia đình khẳng định: Paul Marshall và Lola Quincey sẽ thành hôn vào ngày thứ Bảy tuần tới ở Nhà thờ Thánh Ba ngôi tại Clapham Common. Ông không nói lý do vì sao ông lại nghĩ là cô sẽ muốn biết, và bản thân cũng không bình luận gì về chuyện đó. Ông chỉ đơn giản ký nguệch ngoạc cuối thư – “luôn yêu con”.

Suốt buổi sáng, khi thực thi nhiệm vụ, cô nghĩ đến tin đó. Cô đã không gặp Lola từ mùa hè ấy, vì thế cô mừng tượng ra ở bàn thờ là một cô gái dong dong mười lăm tuổi. Briony giúp một bệnh nhân sắp chuyển

đi, một cụ bà ở Lambeth, gói ghém va li, và cố tập trung nghe những lời phàn nàn của bà. Bà bị gãy ngón chân và được hứa là sẽ được nằm nghỉ mười hai ngày, thế mà mới nằm có bảy ngày. Bà được đỡ vào xe đẩy và một người đẩy xe đưa bà đi. Khi làm nhiệm vụ trong phòng rửa Briony nhẩm tính. Lola hai mươi, Marshall hai mươi chín. Không ngạc nhiên gì; sự kinh ngạc là ở lời chứng thực. Briony không chỉ dính líu vào cuộc hôn nhân này. Chính cô đã làm cho nó xảy ra.

Suốt cả ngày, đi qua lại trong khu, dọc các hành lang, Briony cảm thấy tội lỗi quen thuộc lại đeo đuổi mình với một sức cộng hưởng mới mẻ. Cô cạo những tủ không, giúp rửa khung giường bằng dung dịch phenol, quét và cạo sàn, đến phòng phát thuốc và người phát chẩn với tốc độ gấp đôi mà vẫn không phải là chạy, được sai đi cùng một thực tập sinh khác giúp băng nhọt trong khu ngoại khoa nam, và làm thay việc cho Fiona khi cô này đi khám nha sĩ. Vào cái ngày đầu tháng Năm thực sự đẹp để này cô đổ mồ hôi dưới lớp đồng phục hồ cứng của mình. Tất cả những gì cô muốn là làm việc, rồi tắm và ngủ cho đến lúc phải làm việc lại. Nhưng tất cả đều vô ích, cô biết. Dù cô có làm công việc của người tớ gái hay y tá hèn mọn thế nào, và dù cô có làm nặng nhọc hay hoàn hảo đến mức nào, dù cô đã từ bỏ bất cứ sự khai sáng gì trong việc học hành, hay khoảnh khắc để đời trên bãi cỏ một trường đại học, cô sẽ không bao giờ cứu vãn được thiệt hại. Cô không thể được tha thứ.

Lần đầu tiên trong bao năm qua cô nghĩ mình muốn nói chuyện với cha. Cô đã luôn coi sự xa cách của ông là tự nhiên và không trông đợi gì. Cô tự hỏi liệu khi gửi một lá thư với thông tin cụ thể như thế, có phải ông đang cố nói với cô là ông biết sự thật. Sau bữa trà, còn lại quá ít thời gian, cô đi ra quầy điện thoại bên ngoài cổng vào bệnh viện gần Cầu Westminster và cố gọi cho ông ở chỗ làm. Tổng đài nối máy cho cô đến một giọng mũi tốt bụng, rồi đường dây bị chết và cô phải bắt đầu lại. Rồi cũng lại bị như thế, và lần cố gắng thứ ba đường dây chết cứng ngay khi có giọng nói - Đang cố kết nối.

Lúc này cô hết tiền lẻ và đã đến lúc phải quay lại khu. Cô dừng chân lại bên ngoài quầy điện thoại để chiêm ngưỡng đám mây khổng lồ chất chồng trên nền trời xanh trướng sáo. Dòng sông mang con nước mùa xuân đổ ra biển phản chiếu màu trời xen những vệt xanh lá cây và xám. Big Ben dường như không ngừng ngã về phía trước trên nền bầu trời không yên ả kia. Mặc cho khói xe cộ, vẫn có một mùi hương cây cối mơn mớn, cỏ mới cắt có lẽ từ vườn bệnh viện, hoặc từ những cây non ven sông. Mặc dù mặt trời chói rực, trong không khí vẫn có sự mát mẻ dịu ngọt. Cô đã không nhìn thấy hay cảm thấy cái gì dễ chịu đến thế suốt bao ngày qua, có lẽ hàng tuần rồi. Cô đã ở trong nhà quá nhiều, hít thở chất tẩy uế.

Khi cô ra về, hai sĩ quan trẻ, quân y sĩ từ bệnh viện quân đội ở Millbank, mỉm cười thân ái với cô khi họ lướt qua. Tự động, cô nhìn xuống đất, rồi ngay lập tức hối hận mình đã không nhìn vào mắt họ. Họ đi ngược chiều với cô, băng qua cầu, quên tiệt mọi thứ trừ câu chuyện của riêng mình. Một trong hai làm điệu bộ vươn lên cao, như thể mò mẫm tìm thứ gì đó trên giá, và anh bạn cười phá lên. Được nửa đường họ dừng lại ngẩng nhìn một pháo hạm lướt dưới cầu. Cô nghĩ những bác sĩ ở RAMC trông mới sinh động và tự tại làm sao, và ước giá chi mình cười đáp lại họ. Có những phần trong con người cô mà cô đã lãng quên hoàn toàn. Cô đã bị muộn và có rất nhiều lý do để chạy, mặc cho giày đang sát vào ngón chân. Ở đây, trên vỉa hè bẩn thỉu, lệnh của Y tá Drummond “không được rửa bằng nước phenol” không được áp dụng. Không có xuất huyết hay hỏa hoạn, nhưng đây là một lạc thú thể xác bất ngờ, nếm trải tự do chóng vánh, khi được chạy hết sức mình trong cái tạp dề hồ cứng về cổng bệnh viện.

Giờ đây sự chờ đợi uể oải lan khắp bệnh viện. Chỉ những thủy thủ bị vàng da là còn lưu lại. Các y tá nói rất nhiều chuyện vui nhộn và hấp dẫn về họ. Các hạ sĩ quan dẻo dai này ngồi trên giường mạng sắt của họ, và khăng khăng đòi tự tay giặt quần áo lót, rồi đem phơi trên những dây phơi tự chế, treo dọc trên các lò sưởi. Những anh còn buộc phải nằm trên giường thà chịu đau đớn còn hơn là nhờ người mang chai tiểu đến. Mọi người còn bảo rằng các thủy thủ còn khỏe cổ còn nài để tự họ chăm sóc khu và đã đảm nhiệm việc quét dọn và đẩy cái thanh đẩy nặng nhọc. Các cô gái chưa từng chứng kiến đàn ông biết làm những chuyện nhà như thế, và Fiona bảo cô sẽ không lấy anh nào chưa từng phục vụ trong Hải quân Hoàng gia.

Không vì lý do cụ thể nào, các thực tập sinh được cho nghỉ nửa ngày, không phải học hành gì, tuy nhiên vẫn phải mặc đồng phục. Sau bữa trưa Briony đi cùng Fiona qua sông, băng ngang Nhà Nghị viện vào Công viên St. James. Họ tản bộ quanh hồ, mua trà ở một quán rong, và thuê ghế dựa dài để nghe những ông già thuộc Đội quân Cứu thế chơi nhạc Elgar chuyển thể cho nhạc cụ đồng và bộ gõ. Trong những ngày tháng Năm này, trước khi câu chuyện về nước Pháp được hiểu một cách cặn kẽ, trước khi thành phố bị đánh bom vào tháng Chín, London có những dấu hiệu bên ngoài của thời chiến, nhưng tâm thế thích hợp thì chưa. Đồng phục, bích chương cảnh báo chống bọn nội phản, hai hàm tránh máy bay lớn đào dưới bãi cỏ công viên, và khắp mọi nơi, bộ máy hành chính gắt gỏng. Trong khi các cô gái ngồi trên ghế dựa, một người

đàn ông đeo băng tay và đội mũ tiến tới đòi xem mặt nạ phòng độc của Fiona - nó bị áo choàng của cô che mất một phần. Trừ những thứ đó, đây vẫn là thời gian yên bình. Trong một khoảnh khắc, những lo lắng về tình trạng ở Pháp đã lan khắp đất nước cho đến lúc đó chợt tan biến trong nắng chiều. Người chết vẫn chưa xuất hiện, những người vắng mặt được coi là còn sống. Cảnh tượng như trong giấc mơ bởi quá bình thường. Những xe nôl lướt trên con đường, rèm hạ xuống che nắng chói, và những em bé trắng trẻo sọ còn mềm há hốc miệng nhìn thế giới bên ngoài lần đầu tiên. Những đứa bé hình như trốn tản cư chạy trên cỏ hò hét cười đùa, ban nhạc vật lộn với thứ âm nhạc vượt ngoài khả năng của mình, và ghế tựa vẫn giá hai xu một chiếc. Thật khó tin được rằng chỉ cách đó chưa đến trăm dặm là một thảm họa chiến tranh.

Suy nghĩ của Briony vẫn dính chặt vào những chủ đề của cô. Có lẽ London sẽ ngập trong khí độc, hay bị giày xéo dưới chân lính dù Đức được đám nội phản trên mặt đất giúp đỡ, trước khi đám cưới của Lola có thể diễn ra. Briony đã nghe một người đẩy xe biết tuốt bảo, nghe giọng khá là thỏa mãn, rằng giờ thì không gì có thể ngăn nổi bọn Đức. Chúng có chiến thuật mới còn mình thì không, chúng hiện đại hóa, còn mình chưa. Lẽ ra các ông tướng phải đọc cuốn sách của Liddell Hart³⁷, hoặc đến phòng người đẩy xe ở bệnh viện trong bữa trà và căng tai nghe như nuốt từng câu.

Ngồi cạnh cô, Fiona nói về thằng em trai bé bỏng đáng yêu của mình và những thứ hay ho thằng bé nói lúc ăn tối, còn Briony giả vờ nghe mà nghĩ đến Robbie. Nếu đang chiến đấu ở Pháp, rất có thể anh đã bị bắt. Hay còn tệ hơn. Làm sao Cecilia chịu đựng nổi cái tin ấy? Khi âm nhạc, sống động lên nhờ những âm nghịch tai không có trong tổng phổ, lên đến đỉnh cao khàn đặc, cô bóp chặt tay vịn ghế gỗ, nhắm mắt lại. Nếu có chuyện gì xảy đến với Robbie, nếu Cecilia và Robbie không bao giờ được ở bên nhau... Nỗi đau khổ bí mật của cô và cơn chinh chiến làm đảo lộn cả đất nước trước nay luôn có vẻ như là hai thế giới tách biệt, nhưng giờ cô hiểu rằng chiến tranh có thể làm cho tội ác của cô nặng nề hơn đến mức nào. Giải pháp duy nhất có thể tưởng tượng được là quá khứ chưa bao giờ xảy ra. Nếu anh không quay về... Cô khao khát được có quá khứ của một ai khác, được là một ai khác, như Fiona nồng nhiệt với cuộc đời không vết chàm trải dài phía trước, và gia đình đầm ấm đông đúc của cô, có chó và mèo đặt tên theo tiếng Latin, nhà là nơi tụ họp nổi tiếng cho dân nghệ sĩ ở Chelsea. Tất cả những gì Fiona phải làm là sống đời mình, đi theo con đường phía trước và khám phá những điều sẽ xảy ra. Với Briony, có vẻ như cả đời cô sẽ sống trong một căn phòng, không cửa.

“Briony, cậu ổn chứ?”

“Sao cơ? Ừ, dĩ nhiên. Tớ ổn, cảm ơn cậu.”

“Tớ không tin. Tớ lấy cho cậu ít nước nhé?”

Khi tiếng vỗ tay dồn dập vang lên - dường như không ai quan tâm ban nhạc này chơi dở thế nào - cô nhìn Fiona băng qua bãi cỏ, qua đám nhạc công và người đàn ông vận áo choàng nâu cho thuê ghé, tới chỗ quán cà phê nhỏ giữa đám cây. Đội quân Cứu thế đang bắt đầu chơi bài “Bye Bye Blackbird” mà họ có vẻ thành thạo hơn hẳn. Mọi người ngồi trên ghế cất giọng hát cùng, một số còn vỗ tay nhịp theo. Hát cùng nhau có nét gì đó hơi gượng ép - khi những người chưa từng quen biết lại cố tìm mắt nhau trong lúc trời giọng hát lên - mà cô cương quyết cưỡng lại. Tuy thế, nó vẫn làm tinh thần cô phấn chấn, và khi Fiona quay lại tay cầm một tách nước, còn ban nhạc bắt đầu một liên khúc những bài yêu thích thuở xưa với “It’s a Long Way to Tipperary”, họ bắt đầu nói về công việc. Fiona kéo Briony vào buôn chuyện - họ thích ai trong số đám y tá chuyên nghiệp, và ghét những ai, về Y tá trưởng Drummond mà Fiona có thể giả giọng, và bà quản lý vừa bệ vệ vừa lãnh đạm chẳng kém gì bác sĩ tham vẩn. Họ điểm lại các kiểu lập dị của bệnh nhân, và họ chia sẻ những chuyện cần than thở - Fiona cáu tiết vì mình không được phép để cái này cái nọ lên bậu cửa sổ, Briony ghét việc cứ đến mười một giờ là phải tắt đèn - nhưng họ buôn chuyện với sự thích thú e dè và càng lúc càng cười như nắc nẻ, đến nỗi mấy cái đầu bắt đầu quay về hướng họ, và những ngón tay đặt lên môi ra hiệu một cách khoa trương. Nhưng những cử chỉ đó chỉ nghiêm nghị nửa vờ thôi, và hầu hết họ đều ngồi trên ghế quay lại mỉm cười bao dung, vì có gì đó ở hai cô y tá trẻ - y tá trong thời chiến - vận váy dài đeo thắt lưng màu trắng và tím, áo choàng màu lam thẫm và mũ trắng tinh, khiến họ không thể chê trách được, như là những ma xơ. Hai cô gái cảm nhận được mình là bất khả xâm phạm và cười lớn tiếng hơn, đến thành tiếng rinh rích vừa vui nhộn vừa ché giễu. Fiona hóa ra lại có khiếu bắt chước rất tài, và dù vui vẻ cách mấy, sự hài hước của cô có một nét ác nghiệt mà Briony lại thích. Fiona có thổ ngữ Lambeth riêng của mình, và với sự cường điệu nhấn tâm cô diễn tả sự dốt nát của vài bệnh nhân, những nài xin của họ bằng giọng rầu rĩ ỉ ôi van vãn. Tiêm tôi đấy, Y tá. Nó luôn nằm sai bên. Mẹ tôi cũng hết thế. Có thật là em bé chui ra khỏi mông mình không, Y tá? Zì tôi không biết bé của tôi làm sao mà vừa đây, khi mà cái của tôi núc nào cũng bị bịt lại. Tôi có sáu đứa nhỏ, rồi tôi đi và bỏ quên một đứa trên xe buýt, chiếc tám mươi tám từ Brixton. Hẳn nà bỏ quên ló trên ghế rồi. Chẳng bao giờ thấy lại ló nữa, Y tá ạ. Buồn ghê gớm, thật đấy. Khóc hết cả nước mắt.

Khi họ đi bộ về lại Parliament Square Briony vẫn vui như khướu và đầu gối rùn ra muốn khuyu vì cười dữ quá. Cô bắn khoăn, khi thấy tâm

trạng mình chuyển biến chóng vánh đến vậy. Những nỗi lo của cô không biến mất, chỉ tuột lại sau, năng lượng cảm xúc của chúng bị vắt kiệt tạm thời. Tay khoác tay hai cô gái bước qua cầu Westminster. Nước rút ra xa, và dưới ánh đèn rực sáng đến thế có một lớp óng ánh màu tía trên bờ sông đầy bùn cát nơi hàng ngàn những đụn giun đùn hất những cái bóng sắc cạnh nhỏ xíu. Khi Briony và Fiona rẽ phải vào đường Lambeth Palace họ nhìn thấy một đoàn xe tải quân đội tập trung bên ngoài cổng chính. Các cô gái rên rĩ theo kiểu đùa cợt trước viễn cảnh nhiều đồ đạc sắp sửa lại phải dỡ xuống và sắp xếp.

Rồi họ nhìn thấy những xe cấp cứu đã chiến giữa các xe tải, và đến gần hơn họ thấy cáng, vô số cáng, ngổn ngang khắp trên mặt đất, và chồng đống những quần áo lính xanh lục bẩn thỉu và băng dính máu. Cũng có cả lính đứng thành nhóm, bàng hoàng, bất động, và băng bó cũng như những người nằm trên mặt đất bằng thứ băng bẩn thỉu. Một hộ lý đang thu thập súng trường từ phía sau một xe tải ra. Vô số người đẩy xe, y tá, bác sĩ đang đi lại trong đám đông. Năm hay sáu xe đẩy đã được đưa ra phía trước bệnh viện - rõ ràng là không đủ. Trong một giây, Briony và Fiona dừng lại nhìn, và rồi, cùng khoảnh khắc đó, họ bắt đầu chạy.

Chưa đầy một phút họ chạy tới giữa đám người kia. Khí xuân trong lành không làm tan nổi mùi xăng dầu và những vết thương thối rữa. Mặt và tay đám lính đen sì, và với hàm râu lởm chởm lâu ngày không cạo, mái tóc đen xỉn màu, những nhãn dán được buộc tạm vào từ trạm tiếp nhận người bị thương, trông họ y hệt nhau, một giống người hoang dã từ một thế giới khủng khiếp. Những người đang đứng có vẻ đã ngủ. Thêm nhiều y tá và bác sĩ đổ ra từ lối vào. Một bác sĩ tham vấn đang chỉ huy và người ta đã sơ khai hình thành thứ tự chữa trị theo mức độ vết thương. Một vài ca khẩn cấp đang được đưa lên xe đẩy. Lần đầu tiên trong đợt tập huấn của mình, Briony thấy mình được một bác sĩ chỉ đạo, một bác sĩ thực tập chuyên khoa cô chưa bao giờ thấy trước đó.

“Cô, cầm lấy đầu kia cáng.”

Đích thân người bác sĩ cầm lấy đầu còn lại. Cô chưa bao giờ khênh cáng và sức nặng của nó khiến cô ngạc nhiên. Họ mới đi qua lối vào được mười thước trên hành lang thì cô biết cổ tay trái mình không nâng nổi nữa. Cô cầm đầu cáng phía chân. Người lính mang lon hạ sĩ. Anh ta không đi bớt còn ngón chân xanh tái thì bốc mùi. Đầu anh quần băng ướt sũng máu đỏ thẫm và đen kịt. Trên bắp đùi, bộ quân phục dính lút vào trong vết thương. Cô nghĩ mình có thể thấy đầu xương trắng lòi ra. Mỗi bước họ đi lại làm anh đau đớn. Mắt anh nhắm tịt, nhưng anh há rồi ngậm miệng trong đau đớn không lời. Nêu tay trái cô buông, cái cáng chắc chắn sẽ nghiêng. Những ngón tay của cô đang lỏng dần thì họ đến

thang máy, bước vào trong và hạ cánh xuống. Trong khi họ từ từ đi lên, viên bác sĩ bắt mạch người lính, và lút mạnh vào qua mũi. Anh ta quên mất là có mặt Briony ở đó. Khi tầng hai từ từ hạ xuống trước mắt, cô chỉ nghĩ đến ba mươi mét hành lang tới khu, và liệu mình có nâng nổi đó không. Bồn phẫn của cô là phải bảo với bác sĩ mình không làm nổi. Nhưng anh ta quay lưng lại cô khi mở giạt cửa thang máy ra, và bảo cô cầm lấy đầu cánh. Cô dồn thêm sức lên tay trái, và cô mong tay bác sĩ đi nhanh hơn. Cô sẽ không chịu nổi sự ô nhục nếu không làm được. Anh lính mặt đen há miệng ra rồi lại ngậm vào như đang nhai. Lưỡi anh ta đầy những đốm trắng. Yết hầu đen sì trời lên rồi xuống, và cô buộc mình phải nhìn vào đó. Họ rẽ vào khu, và may cho cô một giường cấp cứu trống nằm ngay cạnh cửa. Ngón tay cô đã tuột ra rồi. Một y tá trưởng khu và y tá đã tốt nghiệp đang đợi. Khi thận trọng chuyển cánh vào song song với giường, những ngón tay của Briony chùng lại, cô không cử động nổi chút nữa, liền nâng đầu gối trái lên vừa kịp lúc để đỡ sức nặng. Tay cán bằng gỗ nện vào chân cô. Cái cánh nghiêng ngả, và chính y tá khu đã ghé vào giữ cho vững. Viên hạ sĩ bị thương thối qua môi một tiếng hoài nghi, như thể anh ta chưa bao giờ nghĩ cái đau lại có thể lớn đến vậy.

“Vì Chúa lòng lành, cô gái,” viên bác sĩ lầm bầm. Họ đặt bệnh nhân lên giường.

Briony đợi xem họ có cần mình không. Nhưng giờ ba người kia đang bận rộn và lờ cô đi. Y tá đang tháo băng đầu, y tá khu thì cắt quần của anh lính ra. Tay bác sĩ quay ra chỗ có ánh đèn để đọc các ghi chú viết vội trên cái nhãn dán anh ta đã giạt ra từ áo người kia. Briony khẽ hắng giọng và cô y tá khu nhìn quanh tỏ vẻ khó chịu khi thấy cô vẫn ở đó.

“Đừng có đứng không ở đó, Y tá Tallis. Xuống tầng mà giúp một tay đi.”

Cô nhục nhã bỏ đi, cảm thấy một cảm giác trống rỗng lan khắp bụng. Khoảnh khắc chiến tranh chạm vào đời cô, vào khoảnh khắc sức ép đầu tiên ấy, cô đã thất bại. Nếu bị buộc phải khiêng thêm một cái cánh nữa, cô sẽ không đi nổi nữa đường tới chỗ thang máy. Nhưng nếu bị sai làm, cô sẽ không dám từ chối. Nếu làm rơi cánh cô sẽ lẳng lặng ra đi, thu thập đồ đạc trong phòng cho vào va li, và sang Scotland làm nghề nông. Sẽ tốt hơn cho tất cả mọi người. Khi vội vã đi trên hành lang tầng trệt, cô gặp Fiona đang đi ngược lại khênh đầu trước một cái cánh. Cô khỏe hơn Briony. Khuôn mặt người đàn ông cô đang khênh bị băng che phủ hoàn toàn, với một cái hốc màu đen ở chỗ miệng. Mắt hai cô gái gặp nhau và một cảm giác chạy qua qua giữa họ, kinh hoàng, hay xấu hổ vì đã cười vui vẻ trong công viên khi mà ở đây thì thế này.

Briony ra ngoài và nhẹ nhõm thấy cái cang cuối cùng đã được nâng lên xe đẩy mới đưa tới, và người đẩy xe đang đợi đẩy đi. Một chục y tá tốt nghiệp đang đứng sang một bên cạnh va li của họ. Cô nhận ra vài người trong khu của mình. Không có thời gian hỏi họ được cử đi đâu. Chuyện gì đó thậm chí còn tệ hơn đang diễn ra ở đâu đó. Ưu tiên bây giờ là những người bị thương còn đi lại được, vẫn còn hơn hai trăm người bọn họ. Một y tá khu bảo cô dẫn mười lăm người lên khu Beatrice. Họ theo sau cô xếp hàng một dài khắp hành lang, như trẻ con chơi rồng rắn ở một trường tiểu học. Một số tay đeo băng, một số khác đầu hay ngực bị thương. Ba người đi nạng. Không ai nói gì. Chỗ thang máy đường đi bị tắc lại vì những xe đẩy đưa vào phòng phẫu thuật dưới hầm, và những người vẫn đang cố đi lên các khu. Cô tìm thấy một phòng con cho mấy người đi nạng ngồi, bảo họ đừng đi đâu, và đưa số còn lại lên bằng đường cầu thang. Hàng người đi rất chậm và đến chiếu nghỉ nào họ cũng dừng chân.

“Giờ không còn xa đâu,” cô cứ nói thế, nhưng họ dường như không biết là có cô.

Khi họ lên đến khu, quy tắc bắt buộc cô phải báo cáo với y tá trưởng. Bà ta không có ở văn phòng. Briony quay lại bày học sinh đứng túm tụm lại sau lưng cô. Họ không nhìn cô. Họ trần trối nhìn qua cô, về khoảng không mang dáng dấp thời Victoria rộng lớn trong khu, những cây cột sừng sững, những cây cọ trồng trong chậu, những cái giường đều tăm tắp và khăn trải giường tinh khiết, lật úp xuống.

“Mọi người đợi ở đây,” cô nói. “Y tá trưởng sẽ phân giường cho tất cả.”

Cô rảo chân đi về đầu bên kia nơi y tá trưởng và hai y tá đang chăm sóc một bệnh nhân. Có những tiếng chân lê bước sau lưng Briony. Đoàn lính đang theo vào khu.

Kinh hoàng, cô vẫy tay ra hiệu cho họ. “Quay lại, xin hãy quay lại và đợi.”

Nhưng giờ họ đã tản ra khắp khu. Mỗi người đều đã tìm thấy cái giường của mình. Không đợi phân định, không cả cời bớt, không tắm rửa không bắt chấy rận và không mặc pyjama bệnh viện, họ đang leo lên giường. Đầu tóc bần thỉu của họ, khuôn mặt đen kịt của họ ngã xuống gối. Từ đầu kia khu y tá trưởng đang sầm sập bước tới, giày cao gót nện vang trong khoảng không thiêng liêng. Briony lại đứng cạnh một giường giật tay áo một người lính nằm ngửa mặt, ôm cánh tay bị tuột khỏi băng đỡ. Khi duỗi thẳng chân ra, anh làm dây một vết ố dầu lên khắp chân. Tất cả là lỗi của cô.

“Anh phải ngồi dậy,” cô nói khi y tá trưởng đã tới bên cô. Cô yếu ớt chêm vào, “Phải có thủ tục.” ‘

“Mọi người cần ngủ. Thủ tục để sau.” Giọng Alien. Y tá trưởng đặt một tay lên vai Briony và xoay người cô lại để có thể đọc được bảng hiệu tên cô. “Cô sẽ quay về khu của mình bây giờ, Y tá Tallis. Mọi người sẽ cần cô ở đó, tôi nghĩ vậy.”

Với một cú đẩy nhẹ nhàng, Briony được cho đi. Khu có thể hoạt động mà không cần người chấp hành kỷ luật như cô. Những người xung quanh cô đã chìm vào giấc ngủ, và một lần nữa cô bị chứng tỏ là kẻ ngu ngốc. Dĩ nhiên họ cần ngủ. Cô chỉ muốn làm điều mà cô nghĩ là người ta đòi hỏi. Suy cho cùng đây đâu phải là quy định của cô. Chúng đã được lái nhai vào tai cô trong suốt mấy tháng qua, hàng ngàn chi tiết cần làm khi đón nhận một bệnh nhân mới. Làm sao cô biết được trên thực tế chúng chẳng có ý nghĩa gì? Những ý nghĩ căm phẫn này làm cô khổ sở cho đến khi về gần đến khu của mình, thì cô mới nhớ ra nhóm người đi nặng ở tầng dưới, đợi thang máy đưa lên. Cô vội vã xuống cầu thang. Phòng nhỏ trống không, và không có dấu hiệu nào của họ trong hành lang cả. Cô không muốn phơi bày sự yếu kém của mình khi đi hỏi các y tá hay người đẩy xe. Ai đó hẳn đã tập trung những người bị thương lên trên. Trong những ngày sau đó, cô chẳng bao giờ thấy lại họ nữa.

Khu của cô đã được cải tạo làm phòng phụ cho phẫu thuật cấp tính, song những định danh này đầu tiên chẳng có nghĩa gì cả. Nó chẳng khác gì một trạm phân cấp thương binh ở tiền tuyến. Các y tá trưởng và y tá cao cấp cũng được huy động tới để giúp đỡ, và năm sáu bác sĩ đang phẫu thuật những ca khẩn cấp nhất. Có hai cha cố, một người ngồi nói chuyện với người nằm cạnh ông, người kia đang cầu nguyện cạnh một cơ thể dưới lớp chăn. Tất cả các y tá đều đeo khẩu trang, và họ cùng các bác sĩ đã xắn hết tay áo lên. Các y tá trưởng lạnh lẽo di chuyển giữa các giường, tiêm - chắc là moócphin - hay lấp kim truyền cho người bị thương đang nói với những chai đựng máu và bình plasma màu vàng treo lủng lẳng như kỳ hoa dị thảo trên giá di động. Các y tá thực tập đi lại trong khu với hàng chong chai nước nóng. Tiếng vang khe khẽ của những giọng nói, giọng y tế, tràn ngập trong khu, và thường xuyên bị xé toang bằng những tiếng rên rỉ gào thét đau đớn. Tất cả các giường đều đã có người nằm, những người mới thì phải để lại trên cáng và đặt nằm giữa hai giường để tận dụng giá truyền máu. Hai hộ lý sẵn sàng chờ chuyển người chết đi. Ở rất nhiều giường, các y tá đang tháo băng băng ra. Luôn là tùy họ quyết, hoặc làm nhẹ nhàng và chậm rãi, hoặc chắc chắn và nhanh chóng, cho mọi sự kết thúc ngay trong khoảnh khắc đau đớn duy nhất. Khu này nghiêng về cách sau, chính vì vậy mới có vài tiếng gào thét. Khắp nơi, một thứ hỗn hợp mùi - mùi chua chua nhầy nhầy của máu tươi, và cũng của quần áo bẩn, mồ hôi, dầu, thuốc tẩy uế, còn y tế,

và lơ lửng trên tất cả, mùi hoại tử. Hai ca chuyển xuống phòng phẫu thuật hóa ra là phải cắt chi.

Bởi các y tá cấp cao đã chuyển đến các bệnh viện tiếp nhận những ca bị thương ở rất xa khuôn viên bệnh viện, và càng nhiều ca đổ đến, các y tá tốt nghiệp được ra lệnh thoải mái, và các thực tập viên trong khóa của Briony được giao những trách nhiệm mới. Một y tá sai Briony tháo băng và rửa vết thương ở chân cho một hạ sĩ nằm trên cang cạnh cửa. Cô sẽ không băng lại mà chờ một bác sĩ đến khám xem. Hạ sĩ nằm úp mặt xuống, và nhăn nhó khi cô quỳ xuống nói vào tai anh.

"Tôi hết thì đừng để ý," anh lầm bầm. "Rửa sạch nó đi, Y tá. Tôi không muốn mất nó."

Ông quần đã được cắt gọn ghẽ. Lớp băng bên ngoài trông còn khá mới. Cô bắt đầu tháo ra, và khi không thể nào luồn tay xuống dưới chân anh, cô dùng kéo cắt phăng lớp băng đi.

"Chúng nện tôi cú ấy chỗ cạnh cang ở Dover."

Giờ chỉ còn lớp gạc, đen kịt vì máu đông, dọc theo vết thương chạy từ đầu gối đến mắt cá chân. Bản thân cái chân thì không có lông và màu đen. Cô sợ sẽ gặp điều tệ nhất và thở qua miệng.

"Này sao anh có thể bị một thứ như thế này chứ?" Cô buộc mình nói về hoạt bát.

"Đạn pháo tới, hát tôi bật ra sau lên cái hàng rào tôn mui."

"Rủi gớm. Giờ anh biết là cái băng này phải tháo ra nhé."

Cô khẽ bóc một đầu lên và tay hạ sĩ nhăn mặt.

Anh ta nói, "Đếm cho tôi, kiểu một hai ba ấy, rồi giật thật nhanh vào."

Viên hạ sĩ siết chặt nắm tay lại. Cô cầm đầu gạc đã tháo, túm chặt lấy bằng ngón trỏ và cái, rồi đột ngột giật một cái kéo phất miếng gạc ra. Một ký ức ấu thơ tràn đến với cô, khi nhìn thấy trong bữa tiệc sinh nhật chiều màn ảo thuật giật khăn bàn nổi tiếng. Lớp băng tháo ra hoàn toàn, với tiếng rẹt chói tai như có dính keo.

Viên hạ sĩ nói, "Tôi nôn mất."

Cô đưa khay y tế. Anh ta ọe, nhưng không nôn ra cái gì. Những nếp da sau cổ anh lấm tấm mồ hôi. Vết thương dài nửa mét, có lẽ hơn, và vòng tận sau đầu gối. Những vết khâu vụng về không đều. Đây đó một rìa da bị rách nhô lên cao hơn rìa kia, để lộ ra những lớp mỡ, và những chỗ da ép lại như những chùm nho màu đỏ nhỏ xíu bị đẩy dồn từ dưới chỗ rách lên.

Cô nói, "Nằm yên. Tôi sẽ rửa xung quanh, nhưng sẽ không chạm vào." Cô sẽ chưa chạm vào nó. Cái chân đen và mềm như một quả chuối chín nẫu. Cô nhúng bông vào cồn. Sợ rằng da sẽ cứ thế sượng đi, cô rửa nhẹ nhàng, quanh bắp chân, trên vết thương chừng năm phân. Rồi cô

chùi lại, mạnh hơn một chút. Da rất chắc, vì thế cô ấn bông xuống cho đến khi anh ta rút người. Cô bỏ tay ra và thấy khoảng da trắng trẻo nhờ có cô lau sạch mới được lộ ra. Miếng bông đen sì. Không phải hoại tử. Cô không kìm nổi thở hắt ra vì nhẹ nhõm. Thậm chí cô còn thấy họng mình nghẹt lại.

Anh ta nói, “Sao thế, Y tá? Cô có thể nói cho tôi biết.” Anh nhòm dậy và cố nhìn qua vai. Giọng anh nghe có vẻ sợ hãi.

Cô nuốt nước bọt rồi bình thần nói, “Tôi nghĩ nó đang lành lại khá ổn.”

Cô lấy thêm bông. Đó là dầu, hay dầu nhờn, trộn với cát biển, và nó không chịu để lau đi một cách dễ dàng. Cô lau một khoảng mười lăm phân trở lại, chỉ ở vùng xung quanh vết thương.

Cô đang lau được vài phút thì một bàn tay đặt lên vai cô và một giọng phụ nữ vang lên trong tai cô, “Tốt lắm, Y tá Tallis, nhưng cô phải nhanh tay hơn.”

Cô đang quỳ gối, cúi bên trên cánh, áp sát vào giường, và không dễ quay đầu lại. Đến khi quay, cô chỉ thấy dáng hình quen thuộc đang xa dần. Anh hạ sĩ đã ngủ mất khi Briony bắt đầu lau quanh những vết khâu. Anh rút người và nhúc nhích nhưng không tỉnh dậy hẳn. Một mũi là thuốc mê hữu hiệu. Khi cuối cùng cô đứng thẳng lên, thu thập khay y tế và đóng bông thấm bẩn, một bác sĩ đến và cô được cho đi.

Cô kỳ cọ tay và được giao cho một nhiệm vụ khác. Với cô giờ mọi thứ đều rất khác khi cô đã đạt được một thành tựu nho nhỏ. Cô được giao đi tiếp nước cho các binh lính đã ngất xỉu vì kiệt sức trong trận chiến. Không để họ bị mất nước là điều rất quan trọng. Nào uống nào, Binh nhì Carter, uống cái này rồi anh có thể ngủ tiếp. Giờ ngồi dậy... Cô cầm một ấm trà tráng men nhỏ màu trắng và cho họ mút nước từ vòi trong khi cô đỡ cái đầu bần thiêu của họ cho ngã vào tạp dề mình, như những em bé khổng lồ. Cô lại đi cọ rửa, và lần này đi vòng quanh thu bột. Cô chưa bao giờ thấy việc này ít khó chịu như thế. Cô được sai đi chăm sóc một người lính bị thương ở bụng, anh ta cũng bị mất một phần mũi. Cô có thể thấy xuyên qua chỗ sụn đầy máu vào thẳng miệng anh ta, cả mặt trên cái lưới rách nát nữa. Nhiệm vụ của cô là lau mặt cho anh. Lại một lần nữa, là dầu trộn với cát ăn vào da vì sức ép. Anh vẫn tỉnh, cô đoán, nhưng nhắm chặt mắt lại. Móc phin đã khiến anh nằm yên, và anh khẽ xoay từ bên này sang bên kia, như thể đồng đưa theo tiếng nhạc trong đầu. Khi những đường nét trên mặt bắt đầu hiện ra sau lớp mặt nạ đen, cô nghĩ đến những cuốn sách bằng giấy bóng trắng trơn mà hồi nhỏ cô dùng một cây bút chì cùn tô lên để làm cho bức tranh hiện ra. Cô cũng tưởng tượng một trong những người này rất có thể là Robbie, cô sẽ băng vết thương

cho anh mà không biết anh là ai, và dùng miếng bông nhẹ nhàng lau mặt anh cho đến khi những đường nét quen thuộc của anh hiện lên, và anh sẽ quay nhìn cô biết ơn, nhận ra cô là ai, và cầm tay cô, và im lặng siết chặt, tha thứ cho cô. Rồi anh sẽ để cô ngã anh nằm xuống chìm vào giấc ngủ.

Nhiệm vụ của cô khó khăn lên. Cô được cử cầm kẹp phoóc xếp và khay y tế đến một khu gần đó, tới giường một phi công bị mảnh trái phá găm vào chân. Anh cảnh giác nhìn cô khi cô đặt dụng cụ xuống.

“Nếu phải lấy hết ra, tôi thà phẫu thuật còn hơn.”

Tay cô run run. Nhưng cô ngạc nhiên khi nó đến với cô lại dễ dàng đến vậy, cái giọng nhanh nhẹn của cô y tá không-vớ-va-vớ-vẫn. Cô kéo mảnh lại quanh giường anh.

“Đừng ngốc nghếch. Mình sẽ lấy hết ra trong nháy mắt thôi. Sao lại bị thế này hở?”

Trong khi anh ta giải thích cho cô rằng nhiệm vụ của anh là xây dựng đường băng trên những cánh đồng miền Bắc nước Pháp, mắt anh vẫn nhìn cái kẹp phoóc xếp bằng thép mà cô lấy từ nôi hấp ra. Nó nằm nhỏ nước trong khay y tế có cạnh xanh da trời.

“Bọn tôi cứ thế làm việc thôi, rồi Jerry đến và thả bom của hắn xuống. Bọn tôi rút đi, bắt đầu lại từ đầu trên một cánh đồng khác, rồi lại Jerry và chúng tôi lại lùi ra sau. Cho đến khi chúng tôi rơi xuống biển.”

Cô mỉm cười và kéo chăn đắp của anh ra.

“Xem một cái thế nào nhé?”

Dầu và bụi bẩn đã được rửa sạch khỏi chân anh để lộ ra một khoảng dưới bắp đùi nơi những mảnh bom găm vào thịt. Anh cúi tới, lo lắng nhìn cô.

Cô nói, “Nằm lại đi để tôi xem ở đó có gì.”

“Chúng không làm phiền tôi chút nào đâu.”

“Nào nằm ngửa ra.”

Mảnh bom nằm khắp một vùng ba mươi phân. Quanh mỗi chỗ rách trên da đều có những khoảng sưng và hơi viêm tấy lên.

“Tôi không phiền gì đâu, Y tá. Tôi sẽ rất sung sướng để chúng nguyên ở đó.” Anh cười không chút thuyết phục. “Có thứ mà cho cháu chất coi chứ.”

“Chúng sẽ nhiễm trùng,” cô nói. “Và có thể lặn vào.”

“Lặn à?”

“Vào trong thịt anh. Vào máu anh và dẫn lên tim. Hoặc não.”

Anh ta có vẻ tin cô. Anh nằm lại và thờ dài nhìn trần nhà trên cao. “Mẹ nó chứ. Ý tôi là, xin cô thứ lỗi, Y tá. Tôi nghĩ hôm nay mình chưa làm được.”

“Đếm cùng nhau, nhé?”

Họ làm thế, đếm to. Tám cái. Cô nhẹ nhàng đẩy vào ngực anh.

“Chúng phải được lấy ra ngoài. Giờ nằm lại đi. Tôi sẽ làm càng nhanh càng tốt. Nếu thấy có ích, cứ túm lấy thanh đầu giường phía sau anh ấy.”

Chân anh căng ra và run lẩy bẩy khi cô cầm cái kẹp lên.

“Đừng nín thở nhé. Cố thư giãn.”

Anh phì ra một tiếng khịt mũi, giấu cợt. “Thư giãn!”

Cô dùng tay trái cầm chặt tay phải. Sẽ dễ hơn cho cô nếu ngồi xuống mép giường, nhưng thế là không chuyên nghiệp và bị cấm tuyệt đối. Khi cô đặt tay trái lên một phần chân không bị thương của anh, anh rụt lại. Cô chọn mẫu bé nhất nằm ở ngoài rìa đám mảnh đạn. Phần lõi ra là một mũi hình tam giác xiên. Cô nhíp lấy nó, dừng lại một giây, rồi kéo ra chắc chắn, dứt khoát, nhưng không giật mạnh.

“Đù má!”

Cái từ vô tình buột ra bật nảy khắp trong khu và dường như tự lặp lại vài lần. Sau lớp màn hình chợt im lặng, hay ít nhất là tiếng động giảm đi. Briony vẫn giữ mảnh kim loại dính đầy máu giữa đầu kẹp. Nó dài chừng hai phân và thuôn thành một đầu nhọn. Những bước chân cả quyết đang tiến đến gần. Cô thả mảnh đạn xuống khay y tế đúng lúc Y tá trưởng Drummond kéo tấm màn qua một bên. Bà tuyệt đối bình tĩnh khi liếc nhìn chân giường để biết tên người này và, có lẽ, tình trạng của anh ta, rồi bà đứng cạnh anh ta và dăm dăm nhìn vào mặt anh.

“Sao anh dám,” Y tá trưởng khẽ nói. Và bắt đầu lại, “Sao anh dám ăn nói như thế trước mặt y tá của tôi.”

“Tôi xin lỗi bà, Y tá trưởng. Buột mồm bay ra thôi.”

Y tá trưởng Drummond khinh khỉnh nhìn xuống cái khay. “So sánh với những ca chúng tôi đã tiếp nhận trong vài giờ qua, Phi công Young, vết thương của anh chả là cái gì cả. Vì thế anh hãy tự coi mình là may mắn đi. Và anh hãy thể hiện chút ít lòng dũng cảm xứng đáng với bộ quân phục của anh. Làm tiếp đi, Y tá Tallis.”

Trong khoảng im lặng sau khi bà đi khỏi, Briony rạng rỡ nói, “Mình tiếp tục nhé? Chỉ còn bảy miếng thôi. Khi nào xong, tôi sẽ mang cho anh một cốc Brandy.”

Anh đổ mồ hôi, toàn thân run rẩy, và những khớp ngón tay trắng bợt ra quanh thanh đầu giường bằng sắt, nhưng anh không phát ra một tiếng nào khi cô tiếp tục rút các mẫu đạn ra.

“Anh biết đấy, anh có thể hét lên, nếu muốn.”

Nhưng anh không muốn Y tá trưởng Drummond đến thăm lần thứ hai, và Briony hiểu. Cô để mảnh lớn nhất lại cuối cùng. Nó không ra luôn

trong một lần rút. Anh vùng vẫy trên giường, và rít qua hàm răng nghiến chặt. Lần thứ hai, mảnh đạn lòi ra khỏi thịt anh năm phân. Cô giặt được nó ra trọn vẹn trong lần thứ ba, và giờ lên cho anh xem, một mẫu kim loại lờm chờm đầu nhọn mười phân đâm máu.

Anh trần trối nhìn nó kinh ngạc. “Rửa nó đi, Y tá. Tôi sẽ mang thẳng này về nhà.” Rồi anh gục đầu vào gối và bắt đầu nức nở. Có thể là do từ *nhà*, cũng có thể là do chỗ đau. Cô lướt đi lấy Brandy cho anh, và tạt vào phòng giặt rửa để nôn.

Trong một khoảng thời gian dài cô đi tháo băng, rửa và băng bó những vết thương nhẹ hơn. Rồi cái mệnh lệnh mà cô sợ hãi đổ đến.

“Tôi muốn cô đi bằng mặt Bình nhì Latimer.”

Trước đó cô đã cố cho anh ăn bằng một cái muỗng trà đút vào phần còn lại của miệng anh, cố tránh cho anh sự nhục nhã khi mọi thứ cứ nhều ra khỏi miệng. Anh hất tay cô đi. Chỉ nuốt thôi cũng đã là việc rất hành xác. Một nửa khuôn mặt anh đã bị bắn tan. Điều cô sợ, còn hơn cả thay băng, là ánh mắt trách móc trong đôi mắt nâu to kia của anh. Các người đã làm gì tôi thế này? Hình thức giao tiếp của anh là một tiếng aaa khê khàng từ dưới họng, một tiếng rên rĩ thất vọng.

“Chúng tôi sẽ chữa cho anh rất nhanh thôi”, cô cứ liên tục lặp đi lặp lại, và không thể nghĩ ra điều gì khác.

Và giờ, tiến đến giường của anh trên tay cầm các thứ, cô hồ hởi nói, “Xin chào, Bình nhì Latimer. Lại là tôi đây.”

Anh nhìn cô không nhận ra. Cô nói khi tháo cái băng ghim chặt trên đỉnh đầu anh, “Sẽ ổn cả thôi. Một hai tuần nữa thôi là anh sẽ nghênh ngang bước đi ngoài kia, rồi anh thấy. Và thế là nhiều hơn những gì chúng tôi có thể nói với rất nhiều người ở đây rồi đây.”

Đó là một điều an ủi. Luôn luôn có ai đó nặng hơn. Nửa tiếng trước họ đã phẫu thuật cắt bỏ tứ chi của một đại úy từ East Surrey - trung đoàn mà trai tráng làng cô đã tham gia. Và rồi còn có cả người chết.

Dùng một cái kẹp phẫu thuật, cô bắt đầu cẩn thận kéo dài băng đã đông cứng lại vì máu ra khỏi lỗ hổng trên nửa mặt anh. Khi phần cuối cùng kéo xong, anh chỉ còn hơi giống giống phần đầu không có mặt trước của mô hình người dùng trong lớp phẫu thuật. Mặt anh đã nát bầy, đỏ thẫm và sống sít. Cô có thể nhìn xuyên qua gò má bị mất của anh đến tận răng hàm trên và dưới, và cái lưỡi sáng bóng, dài một cách gớm ghiếc. Lên trên một chút, nơi cô không dám đưa mắt nhìn, là những chỗ thịt bị bóc trần ra quanh hố mắt. Riêng tư quá, và lẽ ra không bao giờ để người khác nhìn vào. Bình nhì Latimer đã trở thành một con quái vật, và hẳn anh cũng đã đoán được như vậy. Trước đây có cô gái nào yêu anh chưa? Liệu cô ấy có thể tiếp tục không?

“Chúng tôi sẽ chữa cho anh sớm thôi,” cô lại nói dối.

Cô bắt đầu băng mắt anh lại bằng một miếng gạc sạch thấm nước khử trùng với clorua. Khi cô gài những cái ghim lên, anh phát ra một tiếng buồn bã.

“Tôi mang cho anh thuốc giảm đau nhé?”

Anh lắc đầu và lại phát ra tiếng đó.

“Anh khó chịu à?”

Không.

“Nước?”

Một cái gạt đầu. Chỉ còn lại một góc nhỏ môi anh. Cô cho cái vôi ấm vào miệng anh và dốc. Mỗi lần nuốt anh lại nhăn mặt, mà thế thì lại khiến vùng xung quanh chỗ thịt bị mất trên mặt đau đớn. Anh không thể chịu đựng thêm nữa, nhưng khi cô bỏ ấm nước ra, anh giờ tay lên về phía cổ tay cô. Anh phải uống thêm. Thà đau hơn khát. Và cứ như thế trong vài phút - anh không chịu được đau, anh cần phải uống nước.

Cô muốn ở lại với anh, nhưng lúc nào cũng có những việc khác, luôn là một y tá yêu cầu giúp hay một người lính gọi từ giường mình. Cô được tạm rời khỏi các khu khi một người tình thuốc mê nôn lên đùi cô và cô phải đi tìm một cái tạp dề sạch. Cô ngạc nhiên khi từ cửa sổ hành lang thấy ngoài trời tối đen. Năm tiếng đã trôi qua kể từ lúc họ từ công viên quay về. Cô đang đứng cạnh phòng để đồ giặt mà buộc tạp dề thì Y tá trưởng Drummond xuất hiện. Thật khó nói điều gì đã thay đổi - phong cách vẫn lãnh đạm kiêu ngạo, những mệnh lệnh không thể phản đối. Có lẽ bên dưới sự kiềm chế xúc cảm kia là một sự lẩn tránh và thấu hiểu trong nghịch cảnh.

“Y tá, cô sẽ đi giúp gắn túi Bunyan cho chân và tay Hạ sĩ MacIntyre. Cô sẽ dùng axit tanic để rửa phần còn lại cơ thể anh ta. Nếu có khó khăn gì, đến gặp thẳng tôi.”

Bà quay đi ra lệnh cho một y tá khác. Briony đã thấy lúc họ đưa hạ sĩ vào. Anh là một trong số rất nhiều người bị bỏng dầu nặng trên một cái phà đang chìm ở Dunkirk. Anh được một tàu trong vùng vớt lên khỏi nước. Dầu sền sệt bám vào da và cháy thấu vào mô. Cái họ đã nâng lên giường là phế tích cháy rụi của một con người. Cô đã nghĩ anh không bao giờ sống sót nổi. Tìm ven để tiêm moócphin cho anh không dễ. Trong hai giờ qua có lúc cô đã giúp hai y tá khác nâng anh ngồi lên bô và anh đã gào lên khi tay họ vừa chạm vào anh.

Túi Bunyan là những túi lớn bằng giấy bóng kính cel-lophe. Cái chân bị thương bỏng bên trong, xung quanh là dung dịch nước muối phải ở chính xác nhiệt độ chuẩn. Sai lệch một độ là không thể chấp nhận được. Khi Briony tới, một y tá thực tập mang lò Primus trên xe đẩy đang

chuẩn bị nước mới. Túi phải được thay thường xuyên. Hạ sĩ MacIntyre nằm ngửa dưới một cái khung chống giường vì anh không thể chịu nổi khi ga chạm vào da. Anh rên rỉ một cách thảm hại xin nước. Các ca bông luôn bị thiếu nước trầm trọng. Mỗi anh cũng bị bông nặng, sưng phồng lên, còn lưỡi thì rộp nặng đến nỗi không uống được nước bằng miệng. Bình nước muối của anh đã bị tuột ra. Kim không nằm yên được một chỗ vì mạch đã nát hết. Một y tá tốt nghiệp cô chưa từng gặp trước đây đang gắn một túi mới lên kệ. Briony chuẩn bị axit tanic trong một cái khay và lấy cuộn bông. Cô nghĩ sẽ bắt đầu từ chân anh hạ sĩ để không làm vướng víu chị y tá đang bắt đầu sờ cánh tay đen sì của anh, tìm ven.

Nhưng y tá đó bảo, “Ai bảo cô đến đây?”

“Y tá trưởng Drummond.”

Y tá nói ngắn gọn, và không nhìn lên trong lúc đang tìm ven. “Anh ta bị đau quá. Tôi muốn truyền nước cho anh ta xong rồi mới bắt đầu chữa trị. Đi tìm việc gì khác mà làm đi.”

Briony làm theo. Cô không biết bao lâu sau - có lẽ vào khoảng một hai giờ sáng khi cô được sai đi lấy khăn mới, cô mới quay lại. Cô thấy cô y tá đó đứng cạnh lối vào phòng trực ban, khóc rầm rức. Hạ sĩ MacIntyre đã chết. Giường của anh đã được dùng cho một ca khác.

Y tá thực tập và sinh viên năm thứ hai làm việc mười hai giờ không nghỉ. Những thực tập sinh và các y tá tốt nghiệp khác tiếp tục làm việc, và không ai nhớ mình đã làm việc bao lâu trong các khu. Tất cả những huấn luyện mà cô đã qua, sau này Briony cảm thấy, là một sự chuẩn bị hữu ích, đặc biệt là chuyện vâng lệnh, nhưng mọi thứ cô hiểu về nghề y tá cô học được là trong đêm hôm đó. Cô chưa bao giờ thấy đàn ông khóc trước đây. Thoạt đầu nó khiến cô kinh ngạc, và trong một giờ cô đã quen. Mặt khác, sự khắc kỷ của vài người lính khiến cô ngạc nhiên, thậm chí ghê tởm. Những người bị cắt cụt tay chân dường như buộc phải nói những câu đùa khùng khiếp. Giờ tôi phải đá bu nhà tôi bằng cái gì đây? Mọi bí mật của cơ thể bị phơi bày ra - xương lòi qua thịt, những cái nhìn mạo phạm vào ruột hay dây thần kinh thị giác. Từ góc nhìn mới mẻ và riêng tư này, cô học được một điều giản dị, hiển nhiên mà cô đã luôn biết, và ai ai cũng biết: rằng con người, bất chấp mọi định nghĩa khác, là một sản phẩm vật chất, dễ dàng bị xé nát, không dễ dàng vá lại. Cô đã tiếp cận chiến trường hơn hết trong cả cuộc đời mình, vì mỗi ca cô tham gia đều có những yếu tố căn bản của nó - máu, dầu, cát, bùn, nước biển, đạn, mảnh bom, dầu máy, hay mùi thuốc nổ, hay bộ quần áo chiến trận sũng mồ hôi, các túi đựng thức ăn ôi thiu cùng với những vụn chảy mềm của thanh Amo. Thường thường, khi quay trở lại bồn rửa có vòi cao và bánh xà phòng, chính cát biển là thứ cô đang cọ đi giữa những ngón tay

mình. Cô và các y tá thực tập cùng nhóm chỉ nhận ra nhau là y tá, không phải bạn bè: cô hầu như không để ý thấy trong số những cô gái giúp đưa Hạ sĩ MacIntyre lên bô đặt trên giường có cả Fiona. Thỉnh thoảng, khi một người lính Briony đang chăm sóc bị đau đớn dữ dội, cô chợt cảm thấy một sự dịu dàng phi con người tách cô khỏi nỗi đau đớn, để cô có thể làm việc hiệu quả hơn và không kinh sợ. Đó là khi cô hiểu được nghề y tá nghĩa là gì, và cô khao khát được tốt nghiệp, được có huy hiệu đó. Cô hoàn toàn hình dung được mình có thể từ bỏ các tham vọng viết lách và tận hiến đời mình để được đáp đền lại bằng những giây phút tình yêu hoan hỉ, không phân biệt này.

Lúc ba rưỡi sáng, cô được bảo đi gặp Y tá trưởng Drummond. Bà đang ở một mình, dọn giường. Trước đó, Briony đã gặp bà trong phòng giặt rửa. Bà dường như có mặt khắp mọi nơi, làm mọi loại công việc. Tự động, Briony bắt đầu giúp bà.

Y tá trưởng nói, “Hình như tôi nhớ cô có biết một chút tiếng Pháp.”

“Chỉ là tiếng Pháp học ở trường thôi, thưa Y tá trưởng.”

Bà gật đầu về phía cuối khu. “Cô thấy người lính ngồi kia, ở cuối dãy không? Phẫu thuật cấp tính, nhưng không cần phải đeo khẩu trang đâu. Cô tìm một cái ghế, đến ngồi với cậu ấy. Nắm tay cậu ấy và nói chuyện với cậu ấy.”

Briony không thể nén được cảm giác bị xúc phạm. “Nhưng tôi chưa mệt, thưa Y tá trưởng. Thực tình đấy, tôi chưa mệt.”

“Cô sẽ làm theo lời tôi.”

“Vâng, thưa Y tá trưởng.”

Trông cậu như một thằng nhóc mười lăm, nhưng nhìn bằng theo dõi của cậu thì cô biết cậu bằng tuổi cô, mười tám. Cậu đang ngồi, được mấy cái gối đỡ lên, nhìn mọi người đi lại quanh mình với vẻ băn khoăn lo lắng con trẻ. Thật khó mà nghĩ cậu là một người lính. Khuôn mặt cậu thanh tú, xinh xắn, lông mày đen, mắt xanh lục, và một cái miệng đầy tròn mềm mại. Mặt cậu rất trắng và có một độ sáng bất thường, đôi mắt thì sáng rực một vẻ không khỏe mạnh. Đầu cậu quấn đầy băng. Khi cô mang ghế tới và ngồi xuống cậu mỉm cười như thể đã đợi cô, và khi cô cầm tay cậu, cậu không có vẻ ngạc nhiên.

“Te voilà enfin.”³⁸ Nguyên âm tiếng Pháp có độ bật rất du dương, nhưng cô chỉ vừa đủ hiểu cậu. Tay cậu lạnh và nhợt khi cô sờ vào.

Cô nói, “Chị bảo tôi đến chuyện vãn với anh.” Không biết từ, cô dịch từ “chị” theo nghĩa đen.

“Chị em rất tốt bụng.” Rồi cậu héch đầu lên nói thêm, “Mà chị ấy lúc nào chả thế. Mọi thứ với chị ấy ổn chứ? Độ này chị ấy làm gì?”

Trong mắt cậu có cả một sự thân mật và quyến rũ, sự nhiệt thành trai trẻ muốn cuốn cô vào câu chuyện, đến nỗi cô chỉ biết thuận theo.

“Chị ấy cũng là y tá.”

“Đương nhiên rồi. Em đã kể cho tôi rồi. Chị ấy vẫn hạnh phúc chứ? Chị ấy lấy cái anh mà chị ấy yêu ghê gớm chưa? Em biết không, tôi không nhớ nổi tên anh đó. Tôi hy vọng em sẽ tha thứ cho tôi. Vì bị thương mà trí nhớ tôi kém quá. Nhưng họ bảo là nó sẽ sớm quay lại thôi. Tên anh ấy là gì nhỉ?”

“Robbie. Nhưng...”

“Giờ thì họ lấy nhau rồi và hạnh phúc chứ?”

“Ừm, tôi hy vọng họ sẽ sớm lấy nhau.”

“Tôi rất mừng cho chị ấy.”

“Anh vẫn chưa nói cho tôi biết tên của anh.”

“Luc. Luc Comet. Còn em?”

Cô ngập ngừng. “Tallis.”

“Tallis. Tên đẹp quá.” Cách cậu phát âm nó, đúng là đẹp thật.

Cậu không nhìn mặt cô nữa mà nhìn quanh khu, chậm chậm quay đầu, kinh ngạc trong im lặng. Rồi cậu nhắm mắt lại và bắt đầu bên tục nói, khẽ khàng trong họng. Từ vụng của cô không đủ tốt để hiểu được cậu một cách dễ dàng. Cô nghe được, “Em đếm nó rất chậm, nắm trong tay, trên các ngón tay... khăn quàng của mẹ anh... anh chọn màu và anh sẽ phải sống với nó.”

Cậu rơi vào im lặng trong vài phút. Tay cậu siết chặt tay cô hơn. Khi nói lại, mắt cậu vẫn nhắm.

“Em có muốn biết một điều kỳ quặc không? Đây là lần đầu tiên tôi đến Paris.”

“Luc, anh đang ở London. Chẳng mấy chốc chúng tôi sẽ cho anh về nhà.”

“Họ bảo rằng người dân ở đây lạnh lùng và không thân thiện, nhưng ngược lại thì có. Họ rất tử tế. Và em rất tử tế, vì đã đến gặp tôi lần nữa.”

Trong một lúc cô nghĩ có lẽ cậu đã ngủ rồi. Lần đầu tiên được ngồi sau hàng giờ liền, cô cảm thấy cơn mệt mỏi của chính mình tụ sau hốc mắt.

Rồi cậu nhìn quanh mình, đầu vẫn quay chậm chạp như lúc nãy, rồi cậu nhìn cô nói, “Đương nhiên, em là cô gái nói giọng Anh đó.”

Cô nói, “Kể tôi nghe anh làm gì trước chiến tranh. Anh sống ở đâu? Anh có nhớ được không?”

“Em có nhớ lễ Phục sinh năm đó không, khi em đến Millau?” Yếu ớt, cậu lắc tay cô từ bên này sang bên kia khi nói, như thể để khuấy động trí nhớ của cô, và đôi mắt xanh lục lướt nhìn mặt cô hy vọng.

Cô nghĩ lừa dối cậu là không phải. “Tôi chưa bao giờ đến Millau...”

“Em có nhớ lần đầu tiên đến cửa hàng nhà tôi không?”

Cô kéo ghế lại gần giường. Khuôn mặt bóng nhẫy nhợt nhạt của cậu rạn lên và phập phồng trước mắt cô. “Luc, anh nghe tôi nói này.”

“Tôi nghĩ mẹ tôi đã bán hàng cho em. Hay có lẽ là một cô em gái của tôi. Tôi đang làm việc với cha bên lò sau nhà. Tôi nghe giọng em và đến nhìn em thử...”

“Tôi muốn nói cho anh biết anh đang ở đâu. Anh không ở Paris...”

“Rồi hôm sau em quay trở lại, lần này thì tôi ở đó và em nói...”

“Anh sẽ ngủ rất nhanh thôi. Mai tôi sẽ đến gặp anh, tôi hứa.”

Luc đưa tay lên đầu và cau mặt. Anh nói thấp giọng, “Tôi muốn nhờ em một việc nhỏ, Tallis.”

“Dĩ nhiên được.”

“Băng này chặt quá. Em nói ra cho tôi một chút được không?”

Cô đứng lên ngó xuống đầu cậu. Băng thắt thành nơ để tháo ra cho dễ. Khi cô nhẹ nhàng kéo hai đầu dây ra cậu nói, “Em út của tôi, Anne, em có nhớ nó không? Nó là đứa xinh gái nhất Millau. Nó thi đậu kỳ thi chuẩn âm nhạc bằng một khúc nhạc ngắn tí của Debussy, đầy ánh sáng và vui nhộn. Ít nhất đấy là Anne nói thế. Nó cứ râm ran trong đầu tôi. Có lẽ em biết.”

Cậu ngâm một vài nốt bất chừng. Cô đang tháo lớp gạc ra.

“Không ai biết nó hưởng tài năng đó ở đâu. Toàn thể gia đình tôi đều tuyệt đối không có khả năng. Khi chơi đàn lưng nó thẳng tắp. Nó không bao giờ cười cho đến khi chơi hết. Đấy dễ chịu hơn rồi đấy. Tôi nghĩ chính Anne là người bán hàng cho em khi lần đầu em đến cửa hàng.”

Cô không định bỏ gạc ra, nhưng khi nới lỏng nó, lớp băng vô trùng dày cộp bên dưới tuột ra, kéo theo một phần băng đầy máu. Một bên đầu Luc đã mất. Tóc cạo nhẵn một khoảng rộng xung quanh phần sọ không còn. Dưới mép xương lõm chõm là một mảng não lộ rõ đỏ thẫm, rộng khoảng chục phân, chạy từ đỉnh đầu đến tận chóp tai. Cô bắt được miếng băng trước khi nó rơi xuống sàn, và cô nắm nó một lúc trong khi đợi cơn buồn nôn qua đi. Chỉ đến lúc này cô mới nhận ra mình đã làm một việc ngu ngốc và không chuyên nghiệp đến mức nào. Luc ngồi im lặng, đợi cô. Cô nhìn ra khu bệnh. Không ai để ý. Cô thay băng vô trùng, cố định lại gạc và buộc lại nút thắt. Khi ngồi xuống lại, cô tìm tay cậu, và cố làm mình vững vàng bằng cái siết tay lạnh nhớp nháp.

Luc lại tiếp tục nói. “Tôi không hút. Tôi hứa đưa khẩu phần mình cho Jeannot... Nhìn kìa, nó ở trên bàn cả đấy... giờ dưới mấy bông hoa... con thỏ không nghe được anh đâu, ngốc ạ...” Rồi lời lẽ cuộn cuộn trào ra, và cô không hiểu được cậu nữa. Sau đó cô nghe được rằng cậu nhắc

đến một ông thầy hiệu trưởng cực kỳ nghiêm khắc, hay có lẽ là một sĩ quan quân đội. Cuối cùng cậu im lặng. Cô lau mồ hôi trên mặt cậu bằng một cái khăn ướt rồi đợi.

Khi mở mắt ra, cậu tiếp tục câu chuyện của họ như thể chưa hề bị gián đoạn.

“Em thấy bánh mì dài và bánh mì mỏng của chúng tôi thế nào?”

“Ngon lắm.”

“Vì thế ngày nào em cũng đến.”

“Vâng.”

Cậu dừng lại ngẫm nghĩ. Rồi cậu thận trọng nói, nhắc đến một vấn đề tế nhị, “Thế bánh sừng bò của nhà tôi?”

“Ngon nhất Millau.”

Cậu mỉm cười. Khi cậu nói, sau cổ họng cậu có một tiếng rin rít mà cả hai đều lơ đi.

“Công thức đặc biệt của cha tôi đấy. Tất cả đều phụ thuộc vào chất lượng bơ.”

Cậu mê mẩn nhìn cô. Cậu úp tay còn lại lên tay cô.

Cậu nói, “Em biết là mẹ anh rất quý em đấy.”

“Thật à?”

“Bà nói về em suốt. Bà nghĩ chúng mình nên lấy nhau vào hè tới.”

Cô đáp trả cái nhìn của cậu. Cô đã hiểu tại sao mình được bảo đến đây. Cậu nuốt khó khăn, và từng giọt mồ hôi đang chảy trên lông mày cậu, dọc miếng băng và môi trên của cậu. Cô lau mồ hôi đi, và toan lấy nước cho cậu, thì cậu nói,

“Em có yêu anh không?”

Cô ngập ngừng. “Có.” Không còn cách trả lời nào khác. Hơn nữa, vào giây phút đó, cô có yêu. Cậu là một cậu bé đáng yêu ở rất xa gia đình và sắp chết.

Cô cho cậu uống ít nước. Khi cô lau mặt cậu lần nữa cậu nói, “Em đến Causse de Larzac lần nào chưa?”

“Chưa. Em chưa tới đó bao giờ.”

Nhưng cậu không bảo sẽ đưa cô đi. Cậu chỉ úp mặt vào gối, và rồi chốc sau lại lầm bầm những lời không hiểu được. Tay cậu vẫn nắm chặt tay cô như thể cậu ý thức được sự hiện diện của cô.

Khi tỉnh táo trở lại, cậu quay đầu về phía cô.

“Em sẽ không đi chứ.”

“Đương nhiên không rồi. Em sẽ ở lại với anh.”

“Tallis...”

Vẫn mỉm cười, cậu nhắm hờ mắt lại. Đột nhiên, cậu bật thẳng dậy như thể có một dòng điện đã chạy qua tứ chi. Cậu kinh ngạc nhìn cô,

miệng há hốc ra. Rồi cậu nhoài về phía trước, như thể nhào tới cô. Cô nhảy bật khỏi ghế để ngăn cậu khỏi bỏ nhào xuống sàn. Tay cậu vẫn nắm tay cô, còn tay kia thì vòng quanh cổ cô. Trán cậu tì vào vai cô, má cậu tì lên má cô. Cô sợ tấm băng vô trùng sẽ tuột khỏi đầu cậu. Cô nghĩ mình sẽ không đủ sức đỡ cậu hay không tài nào nhìn nổi vào vết thương của cậu lần nữa. Tiếng rin rít từ sâu trong cổ họng cậu lại vang vọng trong tai cô. Loạng choạng, cô dìu cậu lên lại giường và cho cậu nằm ngả ra gối.

“Tên là Briony,” cô nói, để chỉ mình cậu có thể nghe thấy.

Mắt cậu mở to như kính ngạc và làn da nhợt nhạt của cậu sáng rực lên dưới ánh đèn điện. Cô dịch lại gần hơn và đặt môi lên tai cậu. Đằng sau cô có một ai đó, và rồi một cánh tay đặt lên vai cô.

“Không phải là Tallis. Anh hãy gọi em là Briony,” cô thì thầm, khi cánh tay giờ ra chạm vào tay cô, và gỡ những ngón tay cô ra khỏi tay cậu bé.

“Giờ đứng dậy đi, Y tá Tallis.”

Y tá trưởng Drummond nắm lấy khuỷu tay cô và giúp cô đứng dậy. Gò má của bà tươi tắn, và trên gò má mỏng da hồng và trắng giao nhau thành một góc thẳng tắp.

Phía bên kia giường, một y tá đang kéo ga trùm mặt Luc Comet.

Bặm môi lại, y tá vuốt thẳng cổ áo Briony. “Cô gái ngoan lắm. Giờ thì đi rửa máu dính trên mặt đi. Chúng ta không muốn các bệnh nhân khác lo sợ.”

Cô làm như được bảo và vào phòng vệ sinh rửa mặt bằng nước lạnh, vài phút sau quay lại làm nhiệm vụ trong khu.

Lúc bốn giờ ba mươi sáng các y tá thực tập được cho về phòng ngủ, và được lệnh có mặt lúc mười một giờ. Briony đi cùng Fiona. Không ai nói gì, và khi khoác tay nhau dường như họ đang nói tiếp, sau cả một cuộc đời đầy trải nghiệm, chuyến tản bộ qua cầu Westminster. Họ không thể cất tiếng miêu tả những gì đã xảy ra với mình ở khu trong thời gian qua hay nó đã làm họ đổi thay thế nào. Còn có thể tiếp tục đi trên hành lang trống theo sau những cô gái khác đã là đủ lắm rồi.

Sau khi chúc ngủ ngon và bước vào căn phòng bé tí của mình, Briony thấy một lá thư trên sàn. Cô không nhận ra nét chữ viết tay trên phong bì. Một y tá hẳn đã nhận thư từ chỗ phòng thường trực và đút vào phòng qua khe cửa. Không mở thư ngay lập tức, cô cởi quần áo và chuẩn bị đi ngủ. Cô ngồi trên giường trong bộ đồ ngủ, thư để trên đùi mà nghĩ đến cậu bé. Góc trời trong khung cửa sổ đã chuyển sang màu trắng. Cô vẫn nghe được giọng nói của cậu, cách cậu gọi Tallis, biến nó thành một cái tên con gái. Cô tưởng tượng ra một tương lai phi khả thể - cửa hàng bánh mì trên con phố nhỏ đầy bóng râm nhưng nhúc nhúc những con mèo giơ xương, tiếng đàn dương cầm từ cửa sổ tầng trên, các cô chị em

chồng rúc ra rúc rích trên chóc cái giọng lơ lớ của cô, và Luc Comet yêu cô nồng nhiệt. Lẽ ra cô có thể khóc thương anh, và khóc thương gia đình anh ở Millau đang chờ ngóng tin. Nhưng cô không thể cảm thấy gì cả. Đầu cô trống rỗng. Cô ngồi đến gần nửa tiếng đồng hồ, đầu óc quay cuồng, rồi cuối cùng, mệt mỏi mà vẫn chưa buồn ngủ, cô buộc tóc lại bằng sợi ruy băng vẫn hay dùng, chui xuống dưới chăn và mở thư ra.

Cô Tallis thân mến,

Cảm ơn cô đã gửi tập *Hai hình hài cạnh Đài phun*, và xin chấp nhận lời xin lỗi của chúng tôi vì đã trả lời chậm trễ thế này. Hẳn cô đã biết, chúng tôi thường không có thói quen xuất bản trọn vẹn một truyện dài của một tác giả vô danh, hay ngay cả với một nhà văn đã nổi tiếng đi nữa. Tuy nhiên, chúng tôi đã thực sự đọc với con mắt cầu thị nhằm tìm một đoạn trích để đăng. Đáng tiếc là, chúng tôi không thể đăng phần nào cả. Tôi gửi lại bản đánh máy trong một phong bì khác.

Mặc dù thế, chúng tôi thấy mình (thoạt đầu đi ngược lại tiếng nói của lý trí, vì còn rất nhiều việc phải làm trong văn phòng này) đọc toàn bộ truyện với một sự thích thú lớn. Mặc dù không thể đề nghị xuất bản phần nào, chúng tôi nghĩ cô nên biết rằng trong phòng này có những người khác cũng như chính tôi rất lấy làm quan tâm những thứ cô sẽ viết trong tương lai. Chúng tôi không lấy độ tuổi trung bình của cộng tác viên ra để tự làm cao giá, mà rất thích thú được xuất bản các cây viết trẻ có triển vọng. Chúng tôi rất mong được đọc bất cứ thứ gì cô viết, đặc biệt là nếu cô có viết một hai truyện ngắn.

Chúng tôi thấy *Hai hình hài cạnh Đài phun* đủ lôi cuốn để đọc hết sức chú tâm. Tôi không nói điều này một cách hời hợt. Chúng tôi loại bỏ rất nhiều bản thảo gửi đến, một vài trong số đó là của các nhà văn danh tiếng. Có một vài hình ảnh đẹp - tôi thích “cổ dài bị ánh sáng vàng rộm như bờm sư tử của ngày hè rực nóng rình rập” - và cô vừa biết cách bắt được dòng suy nghĩ, vừa mô tả nó với sự khác biệt tế vi để cố tạo nên cá tính riêng. Đã thấu tóm được một cái gì đó khác thường và mơ hồ. Tuy nhiên, chúng tôi tự hỏi liệu nó có chịu ảnh hưởng kỹ thuật của bà Woolf hơi nhiều quá mức không. Khoảnh khắc hiện tại kết tinh dĩ nhiên bản thân nó là một chủ đề quý báu, đặc biệt trong thơ ca; nó cho tác giả bộc lộ tài năng, lặn sâu xuống những huyền bí của sự tri kiến, miêu tả mô hình kết tinh của quá trình suy nghĩ, cho phép những thất thường và bất khả đoán của một cá thể riêng tư được phơi bày và vân vân. Ai có thể nghi ngờ giá trị của thử nghiệm này? Tuy nhiên, kiểu viết như vậy có thể trở nên quý giá khi không có cảm giác về chuyển động tiến tới. Nói cách khác, sự chú ý của chúng tôi sẽ được duy trì hữu hiệu hơn nữa nếu có một luồng trần thuật giản dị làm lực kéo ngầm cho câu chuyện. Sự phát triển là cần thiết.

Vì thế, thí dụ như, đứa trẻ đứng ở cửa sổ, trong câu chuyện chúng ta đọc đầu tiên - việc em không thấu hiểu ở mức căn bản tình huống hiện tại đã được nắm bắt một cách tinh tế. Quyết tâm ngay tiếp đó của em, và cả cảm giác mình gia nhập vào những huyền bí của thế giới người lớn, cũng vậy. Chúng ta bắt gặp cô bé này ở ngay giai đoạn bình minh của tồn tại cá nhân. Người đọc bị lôi cuốn vào sự cương quyết của em trong việc từ bỏ truyện cổ tích và truyện dân gian tự sáng tác và cả những vở kịch em đang viết (nếu chúng tôi được thưởng thức một trong số đó thì sẽ tuyệt vời hơn rất nhiều) nhưng khi đồ thứ nước dân gian đi rất có thể em đã đồ bỏ luôn cả đứa bé sơ sinh là kỹ thuật hư cấu. Mặc dù có bao nhiêu nhịp văn uyển chuyển và quan sát tinh tế, sau một mở đầu đầy hứa hẹn đến vậy lại không có gì xảy ra nhiều cho lắm. Một chàng trai và cô gái cạnh đài phun, giữa họ rõ ràng là cả một trời xúc cảm nhằng nhịt, giành nhau một cái bình đời nhà Minh và làm vỡ. (Không chỉ một người trong chúng tôi ở đây nghĩ liệu một cái bình đời nhà Minh thì có quá quý giá không thể mang ra ngoài không? Bình Sevres hay Nymphenburg thì có hợp với mục đích của cô hơn không?) Cô gái mặc nguyên cả quần áo lao xuống đài phun để nhặt lại các mảnh vỡ. Không có ích cho cô hơn sao nếu cô bé đang đứng nhìn không thực sự hiểu ra rằng cái bình đã bị vỡ? Với cô bé sẽ càng trở nên bí hiểm khi cô gái bỗng dưng lặn xuống nước. Có biết bao điều có thể đâm chồi nảy lộc từ những thứ cô đã có - nhưng cô lại dành một cơ sở trang rất lớn cho ánh sáng và bóng râm, và những ấn tượng rời rạc. Rồi chúng ta được nghe chuyện từ điểm nhìn của chàng trai, rồi của cô gái - mặc dù chúng ta không thực sự thấy rằng chúng có gì quá mới mẻ. Chỉ thêm một chút về vẻ ngoài và cảm giác về sự vật, và vài ký ức chẳng liên quan. Chàng trai và cô gái chia tay, bỏ lại một khoảng đất ướt nhanh chóng bốc hơi - và chúng ta đã đi đến chỗ kết. Đặc trưng tĩnh tại này không tương ứng lắm với tài năng rõ rệt của cô.

Nếu cô bé này đã tuyệt đối hiểu nhầm như thế hay bị cảnh tượng kỳ lạ bày ra trước mắt làm rối trí hoàn toàn đến thế, chuyện đó có thể ảnh hưởng tới cuộc đời của hai người lớn kia như thế nào? Em có thể xen vào giữa họ bằng một cách thảm khốc nào không? Hay đưa họ lại gần hơn, hoặc cố tình hoặc ngẫu nhiên? Em có thể bằng cách nào đó gây thơ vạch trần họ, với cha mẹ cô gái kia chẳng hạn? Chắc chắn họ không chấp nhận quan hệ của cô con gái lớn và con trai bà quét dọn. Có thể nào đôi trẻ cuối cùng lại dùng em làm người đưa tin không?

Nói cách khác, thay vì nhấn vào một cách khá dài dòng cách cảm nhận của mỗi người trong cả ba nhân vật kia, liệu có thể cho họ xuất hiện trước chúng ta một cách súc tích kiệm lời hơn, mà vẫn giữ lại ít nhiều những dòng đầy hình ảnh về ánh sáng, đá và nước mà cô đã viết rất tốt -

nhưng rồi tiến tới tạo ra ít căng thẳng, ít ánh sáng và bóng tối nằm chính trong giọng kể. Những độc giả sành nhất của cô rất có thể bị cuốn vào lý thuyết về ý thức kiểu Bergson mới nhất, nhưng tôi chắc họ vẫn lưu giữ một ham muốn con trẻ được nghe một câu chuyện, được ở trong trạng thái căng thẳng, để biết chuyện gì sẽ xảy ra. Tình cờ là, từ miêu tả của cô, Bernini mà cô nhắc đến là ở Quảng trường Barberini, chứ không phải Quảng trường Navona.

Nói một cách giản dị, cô cần xương sống cho câu chuyện. Cô có thể lấy làm thích thú khi biết rằng một trong những độc giả háo hức của cô là bà Elizabeth Bowen. Bà ấy đã cầm tập đánh máy lên trong một phút lơ đãng khi tạt ngang văn phòng trên đường đi ăn trưa, đề nghị cầm về nhà đọc, và đọc xong chiều hôm đó. Thoạt đầu, bà nghĩ văn “quá nhiều hình ảnh, ngọt sắc,” nhưng có “*những bóng dáng của Dusty Answer để đền bù lại*” (tôi hoàn toàn không nghĩ ra điều này). Rồi bà “mê mải mất một lúc” và cuối cùng bà cho chúng tôi vài nhận xét, mà, thực tế là, chúng tôi đã cài xen vào đoạn viết bên trên. Cô có thể cảm thấy thỏa mãn tuyệt đối với những trang viết của mình như hiện tại, hay sự e dè của chúng tôi có thể khiến cô tràn ngập sự tức giận khinh khi, hay thất vọng đến nỗi không bao giờ muốn nhìn đến nó một lần nữa. Chúng tôi thành thực hy vọng là không. Chúng tôi mong muốn rằng cô sẽ coi những lời nhận xét của chúng tôi - được đưa ra với lòng nhiệt thành thẳng thắn - là nền tảng cho một bản thảo khác.

Lá thư mở đầu của cô ngắn gọn đáng ngưỡng mộ, nhưng cô có cho chúng tôi hiểu rằng hiện tại cô không hề có chút thời gian rảnh rỗi. Nếu tình hình thay đổi, và cô có đi qua lối này, chúng tôi sẽ còn hơn cả sung sướng được chạm cốc cùng cô và thảo luận vấn đề này kỹ càng hơn với cô. Chúng tôi hy vọng cô sẽ không thoái chí. Có thể sẽ có ích với cô khi biết rằng thư từ chối của chúng tôi thường không quá ba câu.

Cô có xin lỗi, tiện thể, vì không viết về chiến tranh. Chúng tôi sẽ gửi cô một bản số mới nhất của chúng tôi, có bài xã luận về việc này. Như cô sẽ thấy, chúng tôi không tin rằng nghệ sĩ có nghĩa vụ phải nêu thái độ với chiến tranh. Thật ra, họ rất khôn ngoan và đúng khi lờ nó đi và tập trung vào những chủ đề khác, vốn yếu đuối về mặt chính trị, nghệ sĩ phải sử dụng thời điểm này để phát triển những tầng sâu hơn về mặt xúc cảm. Bồn phận của cô, bồn phận thời chiến của cô, là trau dồi tài năng, và đi theo hướng nó đòi hỏi. Chiến tranh, như chúng tôi có nói, là kẻ thù của hoạt động sáng tạo.

Địa chỉ của cô cho thấy cô có thể là bác sĩ hoặc đang chịu một căn bệnh lâu dài. Nếu phỏng đoán thứ hai là đúng, thì tất cả chúng tôi chúc cô mau chóng lành bệnh.

Cuối cùng, một trong chúng tôi ở đây muốn hỏi liệu có phải cô có một chị gái đã học ở Girton sáu hay bảy năm trước hay không.

Trân trọng,

CC

Những ngày tiếp theo, việc trở lại chế độ trực ca nghiêm ngặt đã xua tan cảm giác phi thời bồng bình của hai mươi tư giờ đầu tiên kia. Cô tự cho mình may mắn được phân công ca ngày, từ bảy giờ sáng đến tám giờ tối với những bữa ăn trong nửa tiếng đồng hồ. Khi đồng hồ báo thức kêu lúc năm giờ bốn mươi lăm, cô lơ mơ trỗi dậy từ vực sâu êm ả của sự mệt mỏi, và trong vài giây ở vùng giao thoa giữa giấc ngủ và tỉnh táo hoàn toàn, cô dần ý thức được một sự phấn khích đang chờ đợi, một món quà, hay một thay đổi lớn lao. Ngủ dậy khi còn nhỏ vào ngày Giáng sinh cũng như thế này - cảm giác phấn chấn trong khi vẫn mơ màng buồn ngủ, khi chưa nhớ ra tại sao. Mắt vẫn nhắm tịt lại dưới ánh sáng buổi sáng hè trong phòng, cô sờ soạng tìm nút tắt đồng hồ và nằm ềnh ra lại trên gối, rồi nó quay lại với cô. Cái thực tế rất trái ngược với Giáng sinh. Trái ngược với tất cả mọi thứ. Quân Đức sắp sửa xâm lược. Ai ai cũng nói thế, từ những người đẩy xe đang thành lập đơn vị Tự vệ Tình nguyện địa phương của bệnh viện, đến cả Churchill, ông ta tưởng tượng ra hình ảnh đất nước bị chiếm đóng và chết đói chỉ mỗi Hải quân Hoàng gia là vẫn còn tự do. Briony biết mọi sự rồi sẽ kinh hoàng, biết sẽ có giáp lá cà trên đường phố và treo cổ giữa công chúng, một sự xuống dốc trở về chế độ nô lệ và sự hủy hoại tất cả mọi thứ tốt đẹp. Nhưng khi ngồi trên cạnh giường nhàu nhĩ, vẫn còn ấm, đi tắt vào, cô không thể kìm nén hay khước từ sự hồ hởi khủng khiếp của mình. Như mọi người cứ luôn miệng bảo, đất nước giờ đứng một mình, và như thế là tốt hơn.

Trông mọi thứ đều đã khác đi rồi - hoa văn bách hợp trên túi đựng đồ tắm của cô, khung kính bằng thạch cao sứt miệng, mặt cô trong gương khi chải tóc, tất cả trông đều sáng hơn, sắc nét hơn. Nắm đấm cửa trong tay khi cô xoay gậy cảm giác cứng và lạnh một cách khó chịu. Khi đặt chân vào hành lang và nghe văng vẳng tiếng bước chân nặng nề trên cầu thang, cô nghĩ đến những đôi ủng Đức, và dạ dày cô quặn lên. Trước bữa sáng cô có một hai phút cho riêng mình thả bộ trên đường cạnh dòng sông. Ngay cả vào giờ này, khi trời đã sáng rõ, trong dòng chảy tinh khôi lướt qua bệnh viện cũng lấp lánh tia hoang bạo. Thực sự có khả năng là người Đức sẽ chiếm cả sông Thames ư?

Sự rõ ràng của mọi thứ cô nhìn, chạm, hay nghe thấy chắc chắn không được khơi ra từ những khởi đầu thanh tân hay vẻ sum suê của

chớm hè, nó là một sự ý thức đầy cảm phần về kết cục đang dần đến, những sự kiện đồng quy về một điểm cuối cùng. Đây là những ngày cuối cùng, cô cảm thấy, và chúng sẽ sáng rực lên trong ký ức một cách đặc biệt. Sự rõ ràng này, cái chuỗi ngày đầy nắng dài đặc này, là cú chơi xả dàn cuối cùng của lịch sử trước khi một quãng thời gian mới bắt đầu. Những nhiệm vụ đầu ngày, phòng giặt rửa, lượt cho uống trà, thay băng, và sự gặp gỡ được làm mới lại với tất cả những thương tổn không chữa lành được không làm mờ nhạt đi cảm nhận mạnh mẽ này. Nó tác động lên mọi thứ cô làm và là một hậu cảnh bất biến. Và nó khiến các kế hoạch của cô trở nên khẩn bách. Cô cảm thấy mình không còn nhiều thời gian. Nếu chậm trễ, cô nghĩ, quân Đức có thể tới và cô không bao giờ còn có cơ hội nữa.

Mỗi ngày đều có các ca mới đến, nhưng không còn dồn dập nữa. Hệ thống đang cân bằng, và ai cũng có giường nằm. Các ca cần phẫu thuật được chuẩn bị đưa về phòng phẫu thuật dưới hầm. Sau đó, hầu hết bệnh nhân được chuyển sang các bệnh viện xa trung tâm để hồi phục. Tỷ lệ tử vong cao, và với các y tá thực tập giờ thì chẳng có bị kịch gì nữa, chỉ có thủ tục: màn kéo lại quanh tiếng mục sư lẩm nhẩm cạnh giường, ga kéo lên, người kéo xe triệu đến, giường lật nệm và sắp xếp lại. Người chết nhặt nhòa vào nhau mới nhanh làm sao, nhanh đến nỗi mặt của Hạ sĩ Mooney trở thành Bình nhì Lowell, và hai người trao đổi những vết tử thương với những người khác họ không còn nhớ nổi tên.

Giờ Pháp đã sụp đổ thì việc Đức đánh bom London, hòng làm suy yếu nước Anh, chóng chầy phải bắt đầu. Sẽ không ai ở lại trong thành phố nếu không cần thiết. Bao cát ở các cửa sổ tầng trệt được gia cố, và thợ xây leo lên mái nhà kiểm tra xem ống khói và cửa sổ đúc xi măng có chắc chắn không. Có nhiều buổi diễn tập di tản các khu, với rất nhiều tiếng hét và tràng còi nghiêm nghị. Cũng có cả những buổi tập chữa cháy, và nghi thức tập trung, và đeo mặt nạ khí cho các bệnh nhân bất tỉnh hay không tự đeo được. Các y tá được nhắc là phải đeo mặt nạ của mình trước. Họ không còn sợ Y tá trưởng Drummond. Giờ họ đã dạn dày, bà không còn nói với họ như với đám nữ sinh nữa. Giọng bà khi hướng dẫn lạnh lùng, trung tính một cách chuyên nghiệp, và họ rất hãnh diện. Trong môi trường mới này, Briony tương đối dễ dàng sắp xếp đổi một ngày nghỉ với Fiona, cô này thì hào hiệp từ bỏ ngày thứ Bảy của mình đổi lấy thứ Hai.

Vì một lộn xộn về mặt hành chính, vài người lính đã bị để lại hồi phục ở bệnh viện. Một khi đã ngủ đến hết cả mệt mỏi, và quen trở lại với các bữa ăn thường lệ và bắt đầu tăng cân, tâm trạng họ trở nên cảm cái hay dần dỗi, thậm chí ở cả những người không bị thương tật gì vĩnh viễn. Họ

phần lớn là lính bộ binh. Họ nằm trên giường hút thuốc, trầm ngâm nhìn lên trần nhà, nghiền ngẫm những ký ức vừa qua. Hay họ tụ tập thành những nhóm nhỏ kích động mà nói chuyện. Họ tự ghê tởm chính mình. Vài người bảo Briony họ chưa bao giờ bắn một phát súng. Nhưng hầu hết họ tức giận với “đám đeo lon”, và với những sĩ quan của chính đơn vị mình đã bỏ mặc họ mà rút lui, và với nước Pháp chưa đánh trận nào đã quy. Họ còn chua chát hơn với những ngợi ca trên báo chí dành cho cuộc rút quân thần kỳ và kỳ tích anh hùng của các con tàu bé xíu.

“Chẳng qua là đám lộn xộn mắc dịch,” cô nghe họ lầm bầm. “Bọn RAF mắc dịch.”

Một vài người còn tỏ ra thù hận, và bất hợp tác không chịu uống thuốc, đánh đồng đám tướng lĩnh với đội ngũ y tá. Một bày quan liêu không đầu óc, họ nghĩ vậy. Y tá trưởng Drummond phải đích thân đến chinh cho họ một trận.

Một sáng thứ Bảy, Briony bỏ ăn sáng rời khỏi bệnh viện lúc tám giờ và đi bộ với con sông chảy phía bên phải cô, ngược lên trên. Khi cô qua cổng Cung điện Lambeth, ba chiếc xe buýt chạy qua. Tất cả biển ghi điểm đến giờ đều bỏ trong. Làm cho kẻ xâm lược bối rối. Cũng không quan trọng vì cô đã quyết định sẽ đi bộ. Việc cô đã nhớ được vài tên đường cũng không ích lợi gì. Tất cả các biển hiệu đã bị gỡ xuống hoặc sơn đen. Cô mù mờ biết mình phải đi dọc sông vài dặm rồi rẽ trái, là đi về phía Nam. Hầu hết các bản đồ và chỉ dẫn thành phố đều bị tịch thu theo lệnh. Cuối cùng cô xoay xở tìm được một bản đồ tuyến xe buýt nhàu nhĩ từ hồi 1926. Những chỗ gấp lại giờ đã rách, ngay đúng tuyến đường cô muốn đi. Mở ra là có nguy cơ làm nó rời thành từng mảnh. Và cô căng thẳng sợ cái loại ấn tượng mình có thể tạo ra. Có những bài báo kể chuyện lính nhảy dù Đức trá hình làm y tá và nữ tu, tản khắp thành phố trà trộn vào dân thường. Chúng có thể bị phát hiện vì thỉnh thoảng lại xem bản đồ, và nếu bị hạch hỏi, vì chúng nói tiếng Anh quá chuẩn và không hề biết những bài ru trẻ thông thường. Một khi ý tưởng đó lọt vào đầu, cô không tài nào thôi nghĩ xem mình trông đáng nghi thế nào. Cô cứ nghĩ bộ đồng phục y tá sẽ bảo vệ mình khi đi qua các khu vực lạ. Thay vào đó, trông cô như một gián điệp.

Khi bước ngược dòng xe cộ buổi sáng, cô lầm nhảm những bài hát ru còn nhớ. Có rất ít bài cô có thể hát trọn từ đầu đến cuối. Phía trước cô, một người giao sữa vừa nhảy từ trên xe ngựa xuống để cột chặt lại đai yên cho con ngựa. Ông đang lầm bầm với con vật khi cô bước tới. Thoáng quay lại với cô, khi cô đứng sau ông và lịch sự hắng giọng, ký ức về già Hardman và dây cương của lão. Bất cứ ai, chẳng hạn, bây giờ bảy

mười tuổi, sẽ trạc cỡ tuổi cô hồi năm 1888. Vẫn là kỷ nguyên của ngựa, ít nhất là trên đường phố, và các ông già ghét phải rời xa nó.

Khi cô hỏi đường, lão giao sữa trả lời thân thiện vừa phải và chỉ đường một cách mù mờ dài dòng. Lão là một tay to lớn, râu trắng ố màu thuốc lá. Lão bị nắm V.A³⁹ khiến lời này chảy máu vào lời kia qua một tiếng ầm ừ trong lỗ mũi. Lão vẫy tay chỉ cô tới một con đường chia nhánh sang phía trái, dưới một cái cầu có đường ray xe lửa. Cô nghĩ rẽ khỏi con sông ở đây thì sớm quá, nhưng khi bước tiếp, cô có cảm giác ông ta nhìn theo mình và nghi sẽ là bất lịch sự nếu không đi theo lời chỉ. Có lẽ nhánh bên trái là đường tắt.

Cô ngạc nhiên khi thấy mình vụng về và bần chòn đến thế, sau tất cả những gì đã học và chứng kiến. Cô thấy lạc lõng, yếu đuối khi ra ngoài một mình, và không còn là một phần của nhóm. Bao tháng qua cô đã sống một cuộc sống khép kín từng giờ một đều được vạch sẵn trên thời khóa biểu. Cô biết vị trí khiêm tốn của mình trong khu. Càng trở nên thành thạo hơn trong công việc, cô nhận lệnh và làm theo các thủ tục càng tốt hơn và thôi nghĩ cho bản thân mình. Đã lâu lắm rồi kể từ lúc cô làm thứ gì đó tự mình. Mãi từ hồi cái tuần cô ở Primrose Hill, gõ cuốn truyện dài, và giờ cái cảm giác phấn khích đó mới có vẻ ngu ngốc làm sao.

Cô đang đi dưới cầu thì một đoàn tàu chạy ngang trên đầu. Tiếng sầm sập đều đều như sấm ẦY vang vào tận xương cô. Thép trượt và nện ẦM ẦM trên thép, những thanh nối bánh xe lớn cao tít trên đầu cô trong bóng ảm đạm, một cánh cửa chắn hiệu để làm gì ăn sâu trong tường gạch, ống dẫn ga to sụ bằng gang kẹt chặt giữa những thanh dầm *gỉ* sét và mang theo không ai biết được thứ gì - một phát minh dữ tợn đến thế thuộc về giống siêu nhân. Cô thì đi lau sàn nhà và buộc băng. Cô thực sự có sức mạnh cho chuyến đi này không?

Khi bước ra từ dưới cầu, qua một mảnh ánh mặt trời buổi sáng hình tam giác đầy bụi, con tàu đang phát ra tiếng lách cách ngoại ô vô hại khi chạy xa dần. Cái cô cần, Briony lại tự nhủ, là xương sống. Cô đi qua một công viên thành phố nhỏ xíu có sân tennis, hai người đàn ông mặc đồ flanen đang đập qua lại một quả bóng, khởi động trước trận đấu với sự tự tin lười nhác. Có hai cô gái vận quần soóc kaki ngồi trên ghế băng dài gần đó đọc thư. Cô nghĩ đến lá thư của mình, lời từ chối bọc đường. Cô đã mang nó trong túi trong suốt ca của mình và trang thứ hai đã bị ố một vết phenol ngoằn ngoèo. Cuối cùng cô đã thấy rằng, dầu không hề có tình, nó đưa ra một bản cáo trạng cá nhân quan trọng. *Cô có thể xen vào giữa họ bằng một cách thảm khốc nào không?* Có, thực sự. Và khi đã làm như thế, liệu cô có che giấu được sự thật đó bằng cách chế ra một câu

chuyện hời hợt, có vẻ tài tình và thỏa mãn sự phù phiếm của mình bằng cách gửi nó cho một tạp chí? Những trang tràng giang đại hải về ánh sáng, đá và nước, một truyện kể bị chia làm ba điểm nhìn khác nhau, sự tĩnh lặng lơ lửng trong đó dường như không có gì sắp xảy ra - không điều nào trong số này có thể che giấu được sự hèn nhát của cô. Cô thực sự nghĩ mình có thể giấu mình đằng sau những ý niệm vay mượn về kiểu viết hiện đại, và nhấn chết tội lỗi của mình trong một dòng - ba dòng! - ý thức? Những lảng tránh trong cuốn tiểu thuyết nhỏ của cô chính xác là những lảng tránh trong đời cô. Tất cả những thứ cô không mong phải đối đầu cũng biến mất khỏi tiểu thuyết của mình - nhưng lại thiết yếu với nó. Giờ cô phải làm gì? Cái cô thiếu không phải là xương sống của truyện. Mà là xương sống.

Cô bỏ lại công viên nhỏ phía sau, băng qua một nhà máy be bé máy móc nện ầm ầm làm cho cả vỉa hè rung lên. Không thể nào biết được đằng sau những cửa sổ cao bản thủ kia người ta đang sản xuất cái gì, hay tại sao khói vàng và đen lại ngùn ngụt bốc lên từ một ống nhôm thanh mảnh duy nhất. Phía đối diện, trên một đường chéo cắt qua góc phố, là cánh cửa đôi mở toang của một quán rượu trông cứ như một sân khấu. Bên trong, nơi một thằng bé có vẻ mặt quỵên rũ, trầm ngâm đang đổ các gạt tàn vào xô, không khí buổi tối qua vẫn còn có vẻ xanh mờ mờ. Hai người đàn ông đeo tạp dề da đang khiêng thùng bia từ bậc thang xe ngựa xuống. Cô chưa bao giờ thấy nhiều ngựa đến thế trên đường phố. Quân đội hẳn đã trưng thu hết các xe tải. Có ai đang đẩy cửa lật đập hăm từ bên trong. Chúng đập mạnh lên vỉa hè, làm tung bụi lên, và một người đàn ông đầu trọc, chân vẫn còn ở bên dưới mặt đường, dừng lại quay đầu nhìn cô đi ngang qua. Với cô ông ta như một quân cờ khổng lồ. Đám đánh xe cũng đang nhìn cô, và một trong đó huýt sáo.

“Ồn chứ, cưng?”

Cô không khó chịu, nhưng chẳng bao giờ biết đáp lại thế nào. Vâng, cảm ơn anh? Cô mỉm cười với tất cả bọn họ, cảm thấy biết ơn những nếp gấp áo choàng. Mọi người, cô cho là thế, đều đang nghĩ đến cuộc xâm lược, nhưng không có gì khác để làm ngoài việc cứ tiếp tục sống. Ngay cả khi quân Đức đến, người ta sẽ vẫn chơi tennis, hay chuyện phiếm, hay uống bia. Có lẽ trò huýt sáo sẽ kết thúc. Khi đường uốn vòng và hẹp lại, dòng xe cộ đều đều trên đường nghe to hơn và khói nóng thốc vào mặt cô. Một hàng hiên gạch đỏ tươi kiểu Victoria trông ra ngay vỉa hè. Một phụ nữ đeo tạp dề có họa tiết cánh hoa đang quét thật lực phía trước nhà, qua cánh cửa mở toang thoang thoảng bay đến mùi đồ rán cho bữa sáng. Bà đứng lùi lại cho Briony đi qua, vì đường ở đây hẹp, nhưng khi Briony chào buổi sáng bà đánh mắt sắc lẹm nhìn đi chỗ khác. Một phụ nữ

và bốn thằng bé tai nhọn đeo ba lô và kéo va li đi về phía cô. Bọn trẻ đang xô đẩy, gào thét, và vừa đi vừa đá một cái giày cũ. Chúng lờ đi tiếng hét khản đặc của bà mẹ khi Briony bị buộc phải đứng sang một bên cho chúng qua.

“Thôi đi, các con! Cho cô y tá qua.”

Khi cô đi qua, bà kia nở một nụ cười méo xệch xin lỗi buồn rầu. Hai răng cửa của bà bị mất. Bà bôi nước hoa loại mạnh và giữa hai ngón tay có kẹp một miếng thuốc lá chưa châm.

“Bọn chúng rất phấn khích khi được về quê. Chưa bao giờ cả, cô tin được không.”

Briony nói, “Chúc may mắn. Tôi hy vọng chị có một gia đình tốt.”

Bà kia, tai cũng nhọn lòi ra, nhưng bị món tóc bum bê che đi mất một phần, cười mà như rú lên. “Bọn nó không biết sẽ gặp những gì trong hoàn cảnh thế này!”

Cuối cùng cô đến một ngã tư đường tối tăm mà dựa theo góc tư bị rời ra của tấm bản đồ cô cho là Stockwell. Chặn ngang tuyến đường hướng Nam là một công sự bê tông ngầm, và đứng cạnh nó, với chỉ một khẩu súng trường duy nhất, là một nhóm Dân quân Tự vệ buồn chán. Một ông già đội mũ nỉ mềm, vận áo khoác ngoài và đeo băng tay, xương hàm bạnh xuống như con chó bull, tách khỏi nhóm và đòi xem chứng minh thư của cô. Về ta đây, ông ta vẫy cho cô qua. Cô nghĩ tốt hơn là không hỏi đường ông ta. Theo như cô hiểu, phải đi khoảng hai dặm thẳng theo đường Clapham. Ở đây ít người và xe cộ hơn, đường cũng rộng hơn đường cô vừa qua. Tiếng ồn duy nhất là tiếng ầm ầm của một xe điện đang khởi hành. Trước một dãy căn hộ kiểu Edward tạo nhả nằm cách xa mặt đường, cô cho phép mình ngồi xuống nửa phút trên một bức tường chắn thấp, dưới bóng cây tiêu huyền, và bỏ giày ra xem vết rộp ở gót. Một đoàn xe tải ba tấn chạy qua, hướng về phía Nam, ra khỏi thành phố. Tự động, cô liếc nhìn theo lưng họ nửa mong chờ sẽ nhìn thấy người bị thương. Nhưng chỉ có các thùng gỗ.

Bốn mươi phút sau cô đến ga tàu Clapham Common. Nhà thờ thấp lè tè xây bằng đá nhẵn hóa ra lại khóa cửa. Cô lấy lá thư của cha ra đọc lại lần nữa. Một phụ nữ ở tiệm giày chỉ cho cô đi về bãi Clapham. Ngay cả khi Briony đã băng qua đường và bước trên cỏ thoát tiên cô cũng không thấy cái nhà thờ đó. Nó bị lá cây che khuất mất nửa, và không hề giống như cô nghĩ. Cô đã hình dung hiện trường một tội ác, một thánh đường kiểu Gothic, mái vòm khoa trương ngập tràn ánh đỏ và chàm hắt lên từ cái nền kính màu mô tả những thống khổ ghê rợn. Cái hiện ra giữa tán cây mát mẻ khi cô bước lại gần là một ngôi nhà thô sơ bằng gạch nhỏ nhắn thanh nhã, như một đền thờ Hy Lạp, có mái lợp ngói đen, cửa sổ

kính thường, và mái cổng thấp với những cây cột trắng bên dưới một tháp đồng hồ xây rất cân đối hài hòa. Đậu bên ngoài, gần mái cổng, là một chiếc Rolls-Royce màu đen bóng loáng. Cửa tài xế khép hờ, nhưng không thấy lái xe đâu cả. Khi đi qua xe, cô cảm thấy hơi nóng của bộ tản nhiệt, ấm áp như nhiệt độ cơ thể, và nghe tiếng lách cách của kim loại đang co rút. Cô lên cầu thang và đẩy cánh cửa đóng đầy đinh nặng nề.

Mùi gỗ ngòn ngọt như sáp, mùi đá thoang thoảng ươn ướt, cũng như trong nhà thờ ở mọi nơi. Ngay cả khi thận trọng quay lưng lại đóng cửa, cô cũng ý thức được nhà thờ gần như trống không. Những lời của cha sở đối âm với tiếng vọng của chính chúng. Cô đứng cạnh cửa, nửa người bị chậu nước thánh che khuất, đợi cho mắt và tai quen dần. Rồi cô tiến tới hàng ghế phía sau và luồn mình đi tới ghế ngoài cùng nơi vẫn nhìn được bàn thờ. Cô đã đến dự rất nhiều lễ cưới gia đình, mặc dù hồi đó cô còn quá nhỏ nên chưa thể có mặt tại lễ cưới tưng bừng của chú Cecil và dì Hermione ở Thánh đường Liverpool, cho đến giờ cô có thể nhận ra hình dáng và cái mũ lòe loẹt của dì ở hàng trước. Cạnh dì là Pierrot và Jackson, cao hơn chừng chục phân, kẹp giữa hai dáng hình của đôi bố mẹ đã xa lìa. Phía bên kia lối đi là ba thành viên gia đình Marshall. Tất cả bầu đoàn chỉ có thế. Một buổi lễ riêng tư. Không báo giới. Briony lẽ ra không được có mặt ở đó. Cô đã khá quen thuộc với lời the để biết mình chưa để lỡ khoảnh khắc chính.

“Thứ hai, Chúa trời đã phán định, như một phương cách chống lại tội lỗi và ngăn ngừa sự thông dâm, rằng những ai không có khả năng tiết chế sẽ phải kết hôn và giữ bản thân là một phần không bị ô uế của mình thánh Chúa.”

Đối diện với bàn thờ, lọt giữa hình dáng cha sở mặc đồ trắng cao vượt lên, là đôi trẻ. Cô dâu mặc đủ bộ trang phục truyền thống, màu trắng, và theo như Briony có thể thấy được từ đằng sau, cô đội mạng che kín. Tóc buộc túm thành một đuôi sam như trẻ con từ dưới lớp vải tuyền và organdy thả xuống chạy dài theo xương sống. Marshall đứng nghiêm, đường vai áo đuôi tôm có lót đệm nổi bật trên màu áo thụng của cha sở.

“Thứ ba, Chúa trời phán định rằng, để đảm bảo tình thân, sự giúp đỡ và an ủi lẫn nhau, thì người này phải cùng chung với người kia...”

Cô cảm thấy ký ức, từng chi tiết nhọn hoắt, như nốt phát ban, như đất trên da mình: Lola đến phòng cô nước mắt giàn giụa, cổ tay thâm tím phồng rộp, những vết xước trên vai Lola và mặt Marshall; sự im lặng của Lola trong bóng tối bên hồ khi để cô em họ sốt sắng, lố bịch, chao ôi đức hạnh tuyệt trần, người không thể phân biệt đời thực với những câu chuyện trong đầu cô ta, đưa kẻ tấn công vào chỗ an toàn. Lola phù phiếm và mỏng manh tội nghiệp với băng đeo cổ đính ngọc trai và mùi nước hoa

hồng, người khao khát vứt bỏ những kiềm tỏa cuối cùng của tuổi nhỏ, người đã cứu chính mình khỏi bị nhục nhã khi bắt đầu yêu, hay tự thuyết phục mình đã yêu, và người không tin nổi mình may mắn thế nào khi Briony khẳng khẳng mình sẽ là người đi vạch trần và buộc tội. Và với Lola, may mắn ấy làm sao gọi là may mắn được - chỉ là một đứa trẻ, bị bóc tem và chiếm đoạt - khi lấy chính kẻ đã hiếp mình.

“... Vì thế nếu bất cứ ai có thể chỉ ra bất cứ nguyên nhân nào, tại sao họ có thể không được phép kết hợp với nhau một cách hợp pháp, giờ xin hãy lên tiếng, nếu không sẽ phải vĩnh viễn im lặng.”

Điều này đang thực sự xảy ra ư? Có phải cô đang thực sự đứng lên, trên đôi chân yếu ớt với cái bụng trống rỗng co thắt và trái tim phập phồng, đi dọc hàng ghế đến chiếm lĩnh vị trí ngay giữa lối đi, và vạch ra các lý do, các nguyên nhân chính đáng của mình, bằng một giọng thách thức không hề lấp bắp khi tiến đến trong chiếc áo choàng và khăn trùm đầu, như một cô dâu của đức Kitô, về phía bàn thờ, về phía vị cha sở miệng há hốc vốn trong sự nghiệp dài lâu từ trước đến nay chưa bao giờ bị ngắt lời, về phía nhóm người với những chiếc cổ cong ngoéo, và đôi trẻ mặt trắng bệch đang quay nửa người lại? Cô vốn không chủ định điều này, nhưng câu hỏi, mà cô đã quên rồi, từ *Sách Cầu nguyện Chung*, đã trở thành khiêu khích. Và chính xác thì những điều gì ngăn trở chứ? Giờ là cơ hội của cô để tuyên bố một cách công khai toàn bộ nỗi thống khổ thầm kín và giải tội cho chính mình khỏi tất cả những gì sai trái cô đã làm. Trước bàn thờ của giáo hội giàu lý tính nhất trong các giáo hội.

Nhưng những vết xước và thâm tím đã lành từ lâu, và tất cả những lời chứng của cô vào lúc đó lại ngược lại hoàn toàn. Cô dâu cũng không có vẻ gì là nạn nhân, mà cô lại được cha mẹ ủng hộ. Hơn cả ủng hộ, rõ ràng; tay tài phiệt sôcôla, cha đẻ của Amo. Dì Hermione hẳn đang xoa tay. Nói rằng Paul Marshall, Lola Quincey, và cô, Briony Tallis, đã âm mưu dùng im lặng và lừa dối để đẩy một người vô tội vào tù ư? Nhưng những lời kết tội anh ta lại là của chính cô, đọc to lên thay mặt cô ở tòa đại hình. Án đã được thi hành. Nợ đã trả. Phán quyết của tòa dưới được giữ nguyên.

Cô ngồi yên trong ghế tim nện thành thịch và tay ướt đầm mồ hôi, khúm núm cúi đầu.

“Ta yêu cầu và buộc cả hai con, như các con sẽ trả lời vào ngày phán xét khủng khiếp khi những bí mật của mọi con tim buộc phải bị phơi bày, nếu ai trong hai con biết bất cứ trở ngại nào mà tại vì thế hai con không thể kết hợp với nhau thành vợ chồng một cách hợp pháp, thì bây giờ hai con hãy thú nhận.”

Dù ước lượng kiểu gì, còn một khoảng thời gian rất dài nữa mới đến ngày phán xét, và cho đến khi đó sự thật mà duy Marshall và cô dâu của hắn biết trực tiếp vĩnh viễn được vùi sâu chôn chặt trong cuộc hôn nhân của họ. Ở đó nó sẽ nằm an toàn trong bóng tối, rất lâu sau khi bất cứ ai có thể tâm cũng đã chết rồi. Mỗi từ trong buổi lễ này là thêm một viên gạch đặt vào nơi đó.

“Ai dẫn người phụ nữ này đến làm lễ với người đàn ông này?”

Chú Cecil trông như một con chim nhanh nhẹn bước lên, rõ là rất háo hức muốn làm cho xong nghĩa vụ để còn vội vàng quay về lại chỗ ẩn náu ở All Souls College, Oxford. Căng tai ra bắt lấy bất cứ sự ngờ vực hoặc lưỡng lự nào trong giọng nói của họ, Briony nghe Marshall, rồi Lola, lặp lại lời cha xứ. Cô dâu ngọt ngào và chắc chắn, trong khi Marshall oang oang, như thể phản kháng. Thật trắng trợn, dâm dục làm sao, cái giọng vang vọng trước bệ thờ khi cô ta nói, “Em tôn thờ anh bằng cơ thể mình.”

“Chúng ta hãy cầu nguyện.”

Rồi bảy hình dáng cái đầu ở hàng ghế trước cúi xuống và cha xứ tháo kính đồi mồi ra, cầm hếch lên, mắt nhắm lại, cất tiếng nói với quyền năng thần thánh bằng lời ê a buồn rầu mệt mỏi của ông.

“Ôi Thượng đế Vĩnh hằng, Đấng Tạo tác và Bảo vệ cả nhân loại, Người trao mọi ơn thiêng, Đấng Sáng tạo sự sống trường cửu: Hãy ban phước cho những kẻ nô bộc của Ngài, người đàn ông và người phụ nữ này...”

Viên gạch cuối cùng đã được đặt vào chỗ khi cha xứ đeo kính lên lại, phát ra lời tuyên bố đáng mong đợi - người đàn ông và vợ của mình - và cầu khẩn Chúa Ba ngôi mà nhà thờ của ông được đặt tên theo. Sau đó lại thêm kinh cầu nguyện, một bài thánh ca, kinh Lạy Cha và một bài dài nữa trong đó những nốt của lời từ biệt nhỏ dần đi hợp thành một kết cục sầu muộn.

“... Hãy ban cho các con ơn huệ dạt dào của Người, thánh hóa và ban phúc cho các con, để các con có thể làm hài lòng Người cả trong thể xác lẫn linh hồn, và sống với nhau trong tình yêu thiêng liêng cho đến cuối đời.”

Ngay lập tức, từ đàn organ thánh thót phun trào một liên ba confetti bay lả tả khi cha xứ quay gót dẫn đôi tân hôn xuống lối đi và sáu thành viên gia đình nổi bước phía sau. Briony, vẫn quỳ gối giả vờ cầu nguyện, giờ đứng dậy và xoay người đối diện với đám rước khi nó tiến tới. Cha xứ có vẻ hơi vội vã, đi trước cả đám một đoạn dài. Khi ông liếc sang bên trái nhìn thấy cô y tá trẻ, ánh mắt nhân hậu và cái nghiêng đầu của ông biểu lộ cả sự chào đón lẫn tò mò. Rồi ông sai bước tới kéo cửa lớn mở toang

ra. Một vật nặng xiên tạt vào đến tận chỗ cô đứng và soi rõ mặt cô cũng như khăn trùm đầu. Cô muốn họ thấy mình, nhưng không phải rõ ràng đến thế. Giờ thì cô không còn lẩn vào đâu được nữa. Lola, đi bên phía Briony, tiến tới và mắt họ gặp nhau. Mạng của cô ta đã kéo lên rồi. Những vết tàn nhang đã biến mất, nhưng trừ cái đó ra cô ta không thay đổi nhiều lắm. Có lẽ chỉ cao hơn chút đỉnh, và xinh hơn, mặt tròn và mịn hơn, và lông mày tía không thương tiếc. Briony chỉ đứng đó nhìn. Tất cả những gì cô muốn là cho Lola biết cô có mặt ở đó và tự hỏi tại sao. Ánh nắng làm mắt Briony bị chói khó nhìn, nhưng trong một phần giây, một sự cau có khó chịu tí ti có lẽ đã lộ ra trên mặt cô dâu. Rồi cô ta bặm môi và nhìn tới trước, rồi đi mất. Paul Marshall cũng nhìn thấy cô, nhưng không nhận ra, và dĩ Hermione hay chú Cecil không gặp cô từ hàng bao năm nay cũng không nốt. Nhưng hai thằng sinh đôi, đi sau cùng mặc quần đồng phục nhà trường ngắn cũn, rất khoái chí khi nhìn thấy cô, làm điệu bộ giả vờ kinh ngạc trước trang phục của cô, và há miệng tròn tròn mắt như hề, hai tay âm ỉ đưa lên bụng miệng.

Rồi cô còn lại một mình trong nhà thờ với tay chơi organ không thấy đâu vẫn tiếp tục chơi cho chính bản thân. Kết thúc chóng vánh quá, và không có gì chắc chắn đạt được. Cô vẫn đứng yên tại chỗ, bắt đầu cảm thấy mình hơi ngu ngốc, ngại ngần không muốn ra ngoài. Anh ngày, và cuộc trò chuyện gia đình tầm phào, sẽ làm tiêu tán mất bất cứ hiệu ứng nào cô đã gây ra được bằng sự xuất hiện sáng chói đầy ma mị. Cô cũng không đủ can đảm mà đối đầu trực diện. Và cô sẽ giải thích về mình thế nào đây, một vị khách không mời, cho dĩ và chú? Họ có thể khó chịu, hay tệ hơn, không khó chịu, và muốn đưa cô tới một bữa sáng đau khổ nào đó ở một khách sạn, cùng với ông bà Paul Marshall lơ lửng cầm thù, và Hermione vốn không che giấu nỗi sự khinh miệt với Cecil. Briony nấn ná thêm một hai phút nữa, như thể bị âm nhạc níu chân, rồi, khó chịu vì sự hèn nhát của chính mình, vội vàng ra mái cổng. Cha sở đã ở cách đó ít nhất một trăm thước, rào chân qua bãi cỏ tay đánh vung vẩy. Đôi tân hôn ngồi trong chiếc Rolls, Marshall cầm lái, cài số lùi để quay vòng. Cô chắc chắn họ đã nhìn thấy mình. Có tiếng rít đầy thanh kim khi hấn sang số - có lẽ là một dấu hiệu tốt lành. Chiếc xe lăn bánh đi, và qua cửa bên cô thấy thân người hắng muốt của Lola rúc vào cánh tay người lái. Còn đoàn rước kia, nó đã biến mất hoàn toàn trong đám cây.

Qua bản đồ cô biết Balham nằm ở đầu kia bãi Common, theo hướng cha sở đang đi. Không xa lắm, và riêng việc đó thôi khiến cô ngại bước tiếp. Cô sẽ đến quá sớm. Cô chưa ăn gì, cô khát, hai chân đau nhói và đã

dính chặt vào gót giày. Giờ trời đã ấm lên, và cô sẽ phải băng qua một bãi cỏ không có tán cây che, chỉ có những con đường thẳng hải nhựa và nhà tránh bom cắt qua. Xa xa là một bức dàn nhạc có mấy người đàn ông vận đồng phục màu lam thẫm đang đi vờ vẩn xung quanh. Cô nghĩ đến Fiona người mà cô đã hoán ngày nghỉ, và buổi chiều của họ ở Công viên St. James. Nó như một thời ngây thơ, xa xăm lắm, thế mà mới chỉ cách nay chưa hơn mười ngày. Fiona giờ chắc đang đi đồ bộ lượt thứ hai. Briony đứng yên dưới mái hiên mát mà nghĩ mình sẽ mua cho bạn một món quà nhỏ - thứ gì đó ngon ngon, một quả chuối, cam, sôcôla Thụy Sĩ. Những người đẩy xe biết làm cách nào mua được những thứ này. Cô đã nghe họ nói rằng mọi thứ, bất cứ thứ gì, đều có thể kiếm được, nếu có đủ tiền. Cô nhìn dòng xe cộ chạy quanh Common, cùng tuyến đường, và cô nghĩ đến đồ ăn. Lát thịt xông khói, trứng chần nước sôi, một cái đùi gà quay, thịt hầm Alien đặc, bánh trứng đường chanh. Một tách trà. Cô ý thức được tiếng nhạc hồi hải kích động sau lưng đúng giây phút nhạc tắt, và trong chiều sâu im lặng đột ngột mới mở ra, dường như đem lại tự do này, cô quyết định mình phải ăn sáng. Trên hướng đường phải đi chẳng thấy cửa hàng nào, chỉ đầy những khu căn hộ xám xịt xây gạch màu cam đậm.

Vài phút trôi qua, tay đánh dương cầm bước ra, một tay cầm mũ, một chùm chìa khóa nặng ở tay kia. Cô đã định hỏi anh ta đường đến quán cà phê gần nhất, nhưng anh ta là một gã trông kích động giống y như thứ âm nhạc của gã, và có vẻ cương quyết lờ cô đi khi đóng sầm cửa nhà thờ và khom người xuống khóa lại. Gã ấn mũ xuống đầu rồi vội vã bỏ đi.

Có lẽ đây là bước đầu tiên trong việc hủy bỏ kế hoạch của mình, nhưng cô đã trở bước rồi, giẫm lại những bước chân ban sáng, về hướng xa lộ Clapham. Cô sẽ ăn sáng, và cô sẽ suy nghĩ lại. Gần ga điện ngầm cô đi qua một máng uống nước bằng đá và rất muốn được sung sướng vực mặt xuống đấy. Cô tìm thấy một quán nhỏ buồn tẻ cửa sổ đầy vết ố bẩn, dầu thuốc lá khắp trên sàn, nhưng không thể có thứ thức ăn nào tệ hơn thứ cô đã quen dùng. Cô gọi trà, ba miếng bánh mì nướng phết bơ thực vật, và mứt dâu hồng nhạt gần như không màu. Cô cho vào trà hết thìa đường này đến thìa đường khác, vì đã chẩn đoán chính mình đang bị giảm glucoza trong máu. Vị ngọt không che nổi vị khử trùng.

Cô uống tách thứ hai, mừng là nó ấm ấm vì thế có thể ực một ngụm, rồi vào cái phòng rửa mặt không có ghế ngồi hơi thối ở bên kia sân rải sỏi phía sau cửa hàng cà phê. Nhưng không có mùi hôi nào có thể gây ấn tượng cho một y tá thực tập. Cô nhồi giấy vệ sinh vào gót giày. Nó sẽ giúp cô dễ chịu được thêm một hai dặm nữa. Một chậu rửa tay có mỗi một vòi nước bắt vào tường gạch. Có một bánh xà phòng vân xám cô không muốn đụng vào. Khi mở nước, nước bẩn xối thẳng vào ống quyển. Cô

dùng tay áo lau khô đi, và chải tóc, có gương tượng mặt mình trên tường gạch. Tuy vậy, cô không thể bôi lại son mà không có gương. Cô dùng khăn tay ướt chấm chấm lên mặt, và vỗ nhẹ lên má cho hồng hơn. Quyết định đã được đưa ra - mà không có cô, dường như vậy. Chính là cô đang chuẩn bị cho một buổi phỏng vấn, vị trí tuyển chọn: cô em gái yêu thương.

Cô ra khỏi quán cà phê, và khi bước dọc Common, cô cảm thấy có một khoảng cách ngày một rộng hơn giữa cô và một Briony khác, không kém thực hơn, đang đi ngược lại về phía bệnh viện. Có lẽ Briony đang đi về hướng Balham là một nhân vật tưởng tượng hay một bóng ma. Cảm giác phi thực này càng đậm thêm sau nửa tiếng, khi cô đến một xa lộ khác, chẳng khác gì mấy con đường cô đã bỏ lại sau lưng. Ra khỏi khu trung tâm thì London đâu cũng chỉ thế này, một mớ tích tụ những thị trấn nhỏ nhảm tẻ. Cô cương quyết sẽ không bao giờ sống ở bất cứ chỗ nào trong số đó.

Phố cô đang tìm cách ga tàu ba chỗ rẽ, một bản sao y hệt. Những mái hiên thời Edward, có rèm buông và xơ xác, chạy thẳng đến nửa dặm. 43 phố Dudley nằm ở giữa, không gì khác biệt với những nhà khác trừ chiếc Ford 8 cũ, không bánh xe, nằm trên mây cột gạch, chiếm nguyên cả khu vườn trước. Nếu không có ai ở nhà, cô có thể bỏ đi, tự nhủ mình đã cố gắng. Chuông cửa không kêu. Cô để vòng sắt đập cửa rơi xuống hai lần rồi lùi lại. Cô nghe giọng một phụ nữ giận dữ, rồi tiếng sập cửa và tiếng chân thềm thụt. Briony lùi thêm một bước. Giờ mà thối lui ra ngoài đường vẫn chưa muộn. Có tiếng dò dẫm mở chốt cửa và tiếng thở hắt khó chịu, và cửa mở ra bởi một phụ nữ cao lớn, mặt góc cạnh chừng ngoài ba mươi đang thở không ra hơi vì hoạt động quá sức kinh khủng nào đó. Bà ta đang giận điên lên. Bà bị phá ngang giữa chừng một cuộc cãi lộn, nên chưa kịp điều chỉnh nét mặt - miệng há hốc, môi trên cong tớn lên - trong lúc cho Briony vào.

“Cô muốn gì?”

“Tôi tìm cô Cecilia Tallis.”

Vai bà sụm xuống, và bà quay đầu lại, như thể chùn lại vì bị sỉ nhục. Bà nhìn Briony từ đầu đến chân.

“Trông cô giống cô ta.”

Hoang mang, Briony cứ đứng đó nhìn bà ta chăm chăm.

Bà kia thở hắt ra phát nữa nghe gần như tiếng nhổ bọt, và đi hết hành lang đến chân cầu thang.

“Tallis!” bà hét. “Khách!”

Bà quay lại nửa chừng hành lang đến cửa phòng khách của mình, ném cho Briony một cái nhìn khinh bỉ, rồi mất dạng, đóng cửa đánh sầm

lại.

Căn nhà yên lặng. Briony nhìn qua cửa trước mở toang thấy một tấm lót sàn hình hoa lá và bảy hay tám bậc thang dưới cùng phủ thảm đỏ thẫm. Thanh sắt chắn bậc thứ ba bị mất. Kê giữa hành lang là một cái bàn bán nguyệt dựa vào tường, trên đó có một kệ gỗ đánh bóng, giống như giá đựng bánh mì nướng, đựng thư. Kệ trống không. Lót sàn chạy quá cầu thang đến một cánh cửa có ô kính mờ có lẽ là dẫn vào bếp ở phía sau. Giấy dán tường cũng hình hoa lá - một chùm ba hoa hồng xen kẽ với các bông tuyết. Từ bậc cửa đến chỗ lên cầu thang cô đếm được mười lăm bông hồng, mười sáu hoa tuyết. Rủi rồi.

Cuối cùng, cô nghe tiếng cửa mở ở tầng trên, có lẽ là cái cô đã nghe đóng sầm lại khi mới gõ cửa. Rồi tiếng cọt kẹt ở một bậc thang, và đôi chân đi tất dày xuất hiện, và một phần da trần, và một áo lụa ngủ màu lam mà cô nhận ra. Cuối cùng, mặt Cecilia nghiêng xuống khi nàng cúi đầu xem ai đứng ở cửa trước để khỏi phải phiền phức đi xuống, trong lúc ăn mặc lười thôi. Phải mất một lúc nàng mới nhận ra em gái. Nàng từ từ bước xuống thêm ba bậc nữa.

“Ôi trời ơi.”

Nàng ngồi xuống và khoanh tay lại.

Briony vẫn đứng một chân ở ngoài lối đi trong vườn, chân kia trên bậc thềm trước. Đài trong phòng khách bà chủ nhà bật lên, và tiếng khán giả cười ré lên khi đèn sân khấu không ảm dần. Rồi đến đoạn độc thoại phỉnh nịnh của tay diễn viên hài kịch, cuối cùng cũng kết thúc bằng một tràng vỗ tay, và một ban nhạc vui nhộn bắt đầu chơi. Briony bước một bước vào hành lang.

Cô thì thào, “Em phải nói chuyện với chị.”

Cecilia toan đứng dậy, nhưng rồi đổi ý. “Sao em không báo trước là sẽ đến?”

“Chị không trả lời thư, vì thế em tới.”

Nàng quần áo ngủ quanh người, và đập vào túi, hẳn là hy vọng có điều thuốc. Nàng đen đi rất nhiều, cả tay nàng cũng rạm nâu. Nàng không tìm thấy thứ mình cần, nhưng lúc này nàng không buồn đứng dậy.

Nàng nói, để nhằm tính thời gian thì đúng hơn là chuyển chủ đề,

“Em là y tá tập sự.”

“Vâng.”

“Khu của ai?”

“Y tá trưởng Drummond.”

Không thể biết được là Cecilia có biết cái tên này không, hay nàng có khó chịu khi em gái thực tập cùng bệnh viện với mình. Thêm một sự khác biệt rõ ràng nữa - Cecilia trước kia luôn nói với cô một cách âu yếm hoặc chiều cố. Nay em gái! Giờ không có chỗ cho việc đó. Trong giọng nàng có kiểu gần cảnh báo Briony đừng có mà hỏi thăm Robbie. Cô bước thêm một bước nữa vào sảnh, ý thức được cửa trước đang mở sau lưng mình.

“Thế chị ở đâu?”

“Gần Morden. Nó là EMS.”

EMS, một bệnh viện cấp cứu Khẩn cấp, nơi trưng dụng cho quân đội, hầu như chắc chắn phải hứng chịu đòn nặng nhất, đòn tàn bạo nhất từ đợt chuyển quân; Có quá nhiều thứ không thể nói ra, hay hỏi. Hai chị em nhìn nhau. Mặc dù Cecilia có cái vẻ nhàu nhĩ của người vừa ra khỏi giường, nàng cũng đẹp hơn Briony còn nhớ. Khuôn mặt dài luôn trông kỳ quặc, và mỏng mảnh, giống mặt ngựa mọi người đều bảo thế, ngay cả dưới ánh sáng thích hợp nhất. Giờ trông nó gợi cảm táo bạo, với vành môi đỏ tròn đầy nổi bật. Mắt thâm đen và to hơn nhiều, chắc do mệt mỏi. Hoặc đau buồn. Cái mũi dài thon, cánh mũi thanh thanh - khuôn mặt có gì đó như chiếc mặt nạ được tạc nên, và bất động. Và khó mà đoán được, vẻ bề ngoài của chị gái làm tăng thêm sự khó ở trong người Briony, và khiến cô cảm thấy vụng về. Cô hầu như không biết người phụ nữ này, cô đã không gặp chị năm năm qua. Briony không thể chắc chắn một điều gì. Cô đang tìm kiếm một chủ đề bình thường khác, nhưng không có gì không dẫn ngược lại về những chủ đề nhạy cảm - những chủ đề dù sao đi nữa cô sắp phải đối đầu - và chỉ vì không thể nào chịu đựng thêm sự im lặng và ánh mắt trần trụi kia mà cuối cùng cô cất tiếng,

“Chị có nghe tin tức gì của Ông Già không?”

“Không, không có.”

Xuống giọng ý là nàng không muốn, và sẽ không quan tâm hay không trả lời nếu có tin.

Cecilia nói, “Còn em?”

“Em có nhận một lá thư viết tay cách đây vài tuần.” “Tốt.”

Rồi không còn gì để nói thêm về chuyện đó nữa. Sau một đoạn ngừng, Briony lại thử lên tiếng.

“Tin nhà thì sao?”

“Không. Chị không liên lạc. Còn em?”

“Mẹ thỉnh thoảng viết cho em.”

“Thế mẹ kể chuyện gì, Briony?”

Câu hỏi và cách gọi tên em thật nhạo báng. Và cô buộc mình nhớ lại, cô cảm thấy đang bị vạch trần là kẻ phản bội lại công cuộc đấu tranh chính nghĩa của chị gái.

“Nhà mình cho dân tản cư ở nhờ và Betty ghét họ.

Công viên đã được cày lên để trồng ngũ cốc.” Cô im bật. Thật là điên rồ khi đứng đó mà liệt kê những tiểu tiết.

Nhưng Cecilia lạnh lùng nói, “Kể tiếp đi. Còn gì nữa?”

“Ừm, hầu hết thanh niên trong làng đã gia nhập East Surrey, trừ...”

“Trừ Danny Hardman. Phải, chị biết tất cả những chuyện đó.” Nàng mỉm cười kiểu rạng rỡ giả tạo, đợi Briony tiếp tục.

“Họ xây dựng một công sự bê tông ngầm cạnh bưu điện, và họ lấy tất cả những thanh cọc rào cũ. Ừm. Dì Hermione sống ở Nice, và ồ phải, Betty làm vỡ cái bình của bác Clem.”

Chỉ đến lúc này Cecilia mới tỉnh khỏi vẻ lạnh lùng. Nàng thôi khoanh tay và tì một tay lên má.

“Vỡ à?”

“Bà ấy làm rơi xuống bậc thang.”

“Ý em là vỡ hoàn toàn, thành các mảnh?”

“Vâng.”

Cecilia ngẫm ngợi. Cuối cùng nàng nói,

“Tệ nhỉ.”

“Vâng,” Briony nói. “Tội nghiệp bác Clem.” Cuối cùng chị gái cô cũng thôi nhạo báng. Thăm vắn tiếp tục.

“Họ có giữ lại các mảnh vỡ không?”

“Em không biết. Emily bảo Ông Già quát Betty.”

Đúng lúc đó, cửa mở đánh sầm và bà chủ nhà đứng ngay trước mặt Briony, gần đến nỗi cô có thể ngửi thấy mùi bạc hà trong hơi thở của bà. Bà chỉ ra cửa trước.

“Đây không phải ga tàu. Hoặc cô vào, thưa quý cô, hoặc đi ra.”

Cecilia đứng dậy chẳng vội vã gì, và buộc dây lụa áo choàng ngủ lại. Nàng uể oải nói, “Đây là em gái tôi, Briony, bà Jarvis ạ. Khi nói chuyện với nó thì cô cư xử cho tử tế.”

“Trong nhà tôi thì tôi nói gì tùy tôi,” bà Jarvis nói. Bà quay sang Briony. “Ở lại nếu cô muốn, nếu không thì đi luôn giờ đi, nhớ đóng cửa lại.”

Briony nhìn chị mình, đoán rằng lúc này chị chắc không để mình đi. Bà Jarvis vô tình lại hóa ra là đồng minh.

Cecilia nói như thể chỉ có riêng họ. “Kệ bà chủ nhà. Cuối tuần này chị đi rồi. Đóng cửa lại rồi lên đây.”

Briony bắt đầu theo chị lên cầu thang trong khi bà Jarvis vẫn nhìn theo.

“Và còn cô, Quý cô Bắn Tươi,” bà chủ nhà gọi với.

Nhưng Cecilia quay ngoắt lại và chặn họng bà.

“Đủ rồi đấy, bà Jarvis. Thế là khá đủ rồi.”

Briony nhận ra kiểu giọng này. Nightingale thuần túy, dùng cho những bệnh nhân khó chiều hay thực tập viên lấm nước mắt. Phải mất rất nhiều năm mới thành thạo được. Chắc hẳn Cecilia đã được thăng lên chức y tá khu.

Ở chiếu nghỉ tầng một, khi chuẩn bị mở cửa, nàng nhìn Briony, một cái liếc lạnh lùng cho cô biết rằng không gì thay đổi, không gì diu đi. Từ phòng tắm đối diện, qua cánh cửa mở hé, tạt ra một luồng hơi ẩm thơm thơm và một tiếng nước rỏ đùng đục. Chắc Cecilia định đi tắm. Nàng dẫn Briony vào căn hộ. Một vài y tá sạch sẽ nhất khu sống trong phòng riêng như một mớ hổ lốn, và cô sẽ không ngạc nhiên khi thấy một phiên bản mới cảnh hỗn độn trước kia của Cecilia. Nhưng ấn tượng ở đây lại là một cuộc sống giản dị và cô độc. Một căn phòng cỡ trung đã được chia làm một căn bếp hẹp và, có lẽ, một phòng ngủ cửa bên. Tường dán giấy kẻ sọc nhạt màu, như pyjama trẻ con, càng làm bật lên cảm giác giam hãm. Lót sàn là những mảnh thừa chấp vá lấy từ tầng dưới, và ở nhiều chỗ, ván sàn xám lộ ra. Dưới khung cửa sổ đơn kính trượt là một chậu rửa có một vòi nước và một bếp ga đơn. Dựa vào tường, hầu như không đủ chỗ mà lách qua, là một bàn phủ khăn vải bông màu vàng. Trên bàn đặt một hũ mút cắm mấy bông hoa xanh, có lẽ hoa chuông, một gạt tàn đầy, và một chồng sách. Cuốn dưới cùng là *Cơ thể học của Gray* và một tuyển tập Shakespeare, còn bên trên, những gáy sách mỏng hơn, với những cái tên khảm vàng và bạc đã phai màu - cô nhìn thấy Housman và Crabbe. Cạnh chồng sách là hai chai bia đen. Ở góc xa cửa sổ là cửa phòng ngủ trên có đính bản đồ Bắc Âu.

Cecilia lấy một liều thuốc trong gói cạnh bếp, rồi, nhớ ra em mình không còn là một đứa trẻ, mời cô một liều. Có hai ghế cạnh bàn, nhưng Cecilia, lưng dựa vào bồn rửa, không mời Briony ngồi. Hai người hút thuốc và đợi, Briony có cảm giác như vậy, cho không khí sạch mùi bà chủ nhà.

Cecilia nói giọng nhỏ không cảm xúc, “Khi nhận được thư em chị đã đi gặp một luật sư. Không dễ dàng gì lắm, trừ phi có bằng chứng mới thực sự chắc chắn được. Em đổi ý thôi sẽ không đủ. Lola sẽ tiếp tục nói là nó không biết. Hy vọng duy nhất của chúng ta là già Hardman mà giờ ông ấy chết rồi.”

“Hardman?” Những yếu tố *trái ngược nhau* - cái chết của ông ta, việc ông ta có liên đới đến vụ này - làm Briony bối rối và cô vật lộn với trí nhớ. Đêm đó Hardman có ra ngoài tìm hai đứa sinh đôi không? Ông có thấy gì không? Liệu ở tòa có nói gì đó mà cô không biết?

“Em không biết ông ta chết rồi à?”

“Không. Nhưng...”

“Không tin nổi.”

Nỗ lực của Cecilia để nói bằng giọng trung tính, chỉ thuần túy thuật lại sự việc, đã tan thành từng mảnh. Kích động, nàng ra khỏi khu bếp, lách mình qua bàn và đi về phía đầu kia phòng, đứng cạnh cửa phòng ngủ. Giọng nàng hỗn hển khi cô kìm cơn giận.

“Kỳ quái thế nào mà Emily lại không nói chuyện đó trong một loạt tin về những dân tảo cư với bấp ngô. Ông ta bị ung thư. Có lẽ vì sợ Chúa mà trong những ngày cuối đời ông ta đã nói điều gì đó có phần quá bất tiện cho mọi người ở giai đoạn này.”

“Nhưng Cee...”

Nàng bập luôn, “Đừng có gọi tôi thế!” Nàng nhắc lại giọng mềm mại hơn, “Đừng gọi chị thế.” Ngón tay nàng đặt trên nắm đấm cửa phòng ngủ và trông như vẽ buổi thăm vấn sắp đến hồi kết thúc. Nàng chuẩn bị biến mất.

Bình tĩnh một cách bất ngờ, nàng tóm tắt lại cho Briony.

“Chị đã trả hai đồng Ghinê để biết được thế này. Sẽ không có phiên tòa phúc thẩm chỉ bởi vì năm năm sau em quyết định nói ra sự thật.”

“Em không hiểu chị đang nói gì...” Briony muốn quay trở lại chuyện Hardman, nhưng Cecilia cần nói với cô điều ắt hẳn gần đây đã dần đi dần lại trong đầu nàng quá nhiều lần.

“Không khó hiểu gì. Nếu khi đó em nói dối, sao bây giờ tòa lại nên tin em? Không có sự kiện gì mới, và em là một nhân chứng không đáng tin.”

Briony cầm điều thuốc đang hút dở đến bồn rửa. Cô thấy buồn nôn. Cô lấy từ giá để bát một cái đĩa dùng làm gạt tàn. Lời khẳng định tội ác của cô do chính chị mình nói nghe đã khủng khiếp rồi. Nhưng cách nhìn này thì hoàn toàn lạ lẫm. Yếu đuối, ngu ngốc, bối rối, hèn nhát, lẩn trốn - cô đã căm ghét chính mình bởi mình là tất cả những thứ đó, nhưng cô chưa bao giờ nghĩ mình là kẻ nói dối. Kỳ lạ làm sao, mà với Cecilia thì chuyện đó hẳn phải rõ ràng đến chừng nào. Nó rạch ròi, và không gì bác bỏ được. Ấy vậy mà, trong một khoảnh khắc cô thậm chí còn nghĩ đến việc tự bào chữa cho mình. Cô đã không hề định lừa dối, cô đã không hành động ác ý. Nhưng ai sẽ tin cơ chứ?

Cô đứng nơi Cecilia đã đứng, lưng dựa vào bồn và, không nhìn nổi vào mắt chị, nói, “Điều em làm thật khủng khiếp. Em không mong chị sẽ tha thứ cho em.”

“Đừng lo chuyện đó,” nàng dịu dàng nói, và trong một hai giây nàng rít một hơi dài, Briony lưỡng lự khi niềm hy vọng của mình trào lên một cách phi thực. “Đừng lo,” chị cô nói tiếp. “Chị sẽ không bao giờ tha thứ cho em.”

“Và nếu em không thể ra tòa được, điều đó cũng không ngăn em nói với tất cả mọi người chuyện em đã làm.”

Khi chị cô man đại cười ré lên, Briony nhận ra mình sợ Cecilia đến mức nào. Sự nhạo báng của chị còn khó đương đầu hơn cơn giận. Căn phòng nhỏ hẹp với những vạch như chân song này chứa đựng một lịch sử chiều dài cảm giác mà không ai có thể tưởng tượng ra nổi. Briony tiếp tục nói. Cô, sau rốt, đã tham dự vào cuộc đối thoại mà cô đã tập luyện trước.

“Em sẽ đi Surrey và nói chuyện với Emily và Ông Già. Em sẽ kể cho bố mẹ tất cả.”

“Phải, trong thư em nói thế rồi. Điều gì đã ngăn cản em? Em có năm năm. Sao lại không làm chứ?”

“Em muốn gặp chị trước.”

Cecilia bước khỏi cửa phòng ngủ và đứng cạnh bàn. Nàng thả mẩu thuốc lá vào cổ chai bia. Một tiếng xì nhỏ và một đường khói mỏng bốc lên từ cái chai đen. Hành động của chị gái lại khiến Briony buồn nôn. Cô đã nghĩ mấy cái chai kia đầy bia. Cô tự hỏi không biết sáng nay mình có ăn gì không sạch không.

Cecilia nói, “Chị biết tại sao em không làm. Vì em cũng nghĩ chẳng khác gì chị. Họ không muốn nghe thêm một lời nào về chuyện đó nữa. Sự khó chịu đó nằm cả trong quá khứ rồi, cảm ơn rất nhiều. Cái gì xong coi như đã xong. Giờ khuấy đảo mọi thứ lên làm gì? Và em biết quá rõ là họ tin câu chuyện của Hardman.”

Briony rời khỏi chậu rửa và đứng ngay cạnh bàn đối diện chị gái. Nhìn vào cái mặt nạ đẹp để ấy không dễ dàng chút nào.

Cô nói chậm rãi từng từ một, “Em không hiểu chị đang nói chuyện gì. Ông ta thì có liên quan gì ở đây? Em rất tiếc là ông ta đã chết, em rất tiếc mình không biết...”

Nghe tiếng động, cô giật bắn mình. Cửa phòng ngủ mở ra và Robbie đứng trước mặt họ. Anh vận quần áo quân đội và đi boots bóng loáng, dây đeo quần lưng lửng ở hông. Râu ria xồm xoàm và rối bù, và anh chỉ nhìn vào mỗi Cecilia. Nàng đã quay lại đối diện với anh, nhưng không đi về phía anh. Trong vài giây họ im lặng nhìn nhau, Briony, bị chị gái che mất một phần, co mình lại trong bộ đồng phục.

Anh khẽ khàng nói với Cecilia, như thể chỉ có riêng họ. “Anh nghe tiếng người và đoán là chắc bệnh viện có chuyện gì đó.”

“Không có gì đâu.”

Anh nhìn đồng hồ. “Nên chuẩn bị đi thôi.”

Khi băng qua phòng, ngay trước khi ra ngoài xuống chiếu nghỉ, anh khẽ gật đầu về hướng Briony. “Xin phép.”

Họ nghe tiếng cửa phòng tắm đóng lại. Trong im lặng, Cecilia nói, như thể không có gì giữa nàng và em gái, “Anh ấy ngủ say quá. Chị không muốn đánh thức anh ấy dậy.” Rồi nàng nói thêm, “Chị nghĩ tốt hơn là hai người không gặp nhau.”

Đầu gối Briony bắt đầu thực sự run bần bật. Một tay chống vào bàn, cô ra khỏi bếp để Cecilia cho nước vào ấm. Briony khao khát được ngồi xuống. Cô sẽ không ngồi cho đến khi được mời, và cô sẽ không bao giờ hỏi. Vì thế cô đứng cạnh tường, vờ như không dựa vào, quan sát chị gái mình. Điều đáng ngạc nhiên là sự nhẹ nhõm được thấy Robbie còn sống bị nỗi sợ phải đương đầu với anh xâm thực chóng vánh đến mức nào. Giờ cô đã thấy anh băng qua phòng, khả năng còn lại, rằng anh có thể đã chết, dường như kỳ dị, ngoài xác suất. Hẳn là chẳng có ý nghĩa gì. Cô trân trối nhìn vào lưng chị mình trong lúc nàng đi tới đi lui quanh cái bếp bé tí. Briony muốn nói với nàng rằng thật tuyệt làm sao khi Robbie trở về bình an vô sự. Một sự cứu vớt thần kỳ. Nhưng câu đó nghe sẽ sáo rỗng ghê gớm. Và cô không có quyền nói thế. Cô sợ chị mình, sợ sự khinh miệt của chị.

Vẫn cảm thấy buồn nôn, và giờ thì nóng, Briony tì má vào tường. Nó không mát hơn mặt cô. Cô thêm một ly nước, nhưng cô không muốn hỏi xin chị mình bất cứ thứ gì. Lạnh lẽo, Cecilia làm các việc, trộn sữa với nước vào bột trứng, và bày một lọ mứt, ba cái đĩa và tách lên bàn. Briony để ý thấy, nhưng điều đó không hề khiến cô dễ chịu. Nó chỉ làm tăng linh tính chẳng lành của cô về cuộc gặp gỡ trước mặt. Cecilia thực sự nghĩ rằng trong tình huống này họ vẫn có thể ngồi cùng nhau mà ngon miệng ăn trứng bác ư? Hay chị đang tự trấn an mình bằng cách cố bận tay bận chân? Briony đồng tai nghe tiếng bước chân trên chiếu nghỉ, và để đỡ phải bận tâm cô cô gọi chuyện. Cô đã thấy áo choàng treo sau cửa.

“Cecilia, giờ chị là y tá khu à?”

“Ừ, phải.”

Nàng nói xuống giọng như hàm ý kết thúc, khép chủ đề đó lại. Việc họ làm chung một nghề cũng chẳng khiến họ có cái gì chung. Đề tài nào cũng vậy, sẽ không có gì để nói chừng nào Robbie chưa quay lại.

Cuối cùng cô nghe tiếng cách khóa cửa phòng tắm. Anh huýt sáo khi đi qua chiếu nghỉ. Briony dịch khỏi cửa, về phía tối bên kia phòng. Nhưng cô vẫn nằm trong tầm mắt của anh khi anh bước vào. Anh đã giơ tay phải lên để bắt tay cô, còn tay trái vẫn lưu lại đằng sau, chuẩn bị đóng cửa lại. Nếu anh có cố tình ngưng lại tạo kịch tính, thì cũng không có hiệu quả. Ngay khi họ chạm mắt nhau, cả hai tay anh rơi thõng xuống và anh nặng

nhọc vừa thở hắt ra vừa tiếp tục chăm chăm nhìn cô. Dù có sợ hãi đến mức nào, cô thấy mình không thể nhìn đi chỗ khác. Cô ngửi thấy thoang thoang mùi nước hoa cao râu của anh. Thật kinh ngạc khi thấy anh đã già đi biết chừng nào, đặc biệt là quầng mắt. Mọi thứ phải là lỗi của cô ư? Cô ngu ngốc tự hỏi. Chẳng lẽ không phải cũng của chiến tranh?

“Hóa ra là cô,” cuối cùng anh nói. Anh dùng chân đẩy cửa lại sau mình. Cecilia đã đến đứng cạnh anh và anh nhìn nàng.

Nàng thuật lại một cách chính xác, nhưng dù có cố hay không, nàng cũng không nén được sự nhạo báng của mình.

“Briony sẽ kể cho mọi người sự thật. Nó muốn gặp em trước.”

Anh quay sang Briony. “Cô có nghĩ tôi có thể ở đây không?”

Chuyện cần lo ngay trước mắt là không được khóc. Khi đó, không gì có thể nhục nhã hơn. Nhẹ nhõm, hồ thẹn, tủi thân, cô không biết là cái nào, nhưng nó đang đến. Con sóng êm ả dâng lên, nghẹt cổ họng cô, khiến cô không nói được, và rồi, khi giữ bình tĩnh, mím môi, nó tan đi và cô lại an toàn. Không nước mắt, nhưng giọng cô thì trào khổ sở.

“Em không biết anh còn sống hay không.”

Cecilia nói, “Nếu định nói chuyện thì chúng ta ngồi xuống.”

“Anh không biết mình có ngồi nổi không.” Anh nôn nóng bước tới bức tường kế sát, cách chừng mét rưỡi, và dựa vào đó, khoanh tay, hết nhìn Briony lại sang Cecilia. Gần như ngay lập tức anh lại dịch chuyển, ra chỗ cửa phòng ngủ rồi xoay người để đi trở lại, song đổi ý mà đứng đó, tay đút túi. Anh rất to lớn, và căn phòng dường như co rút lại. Trong khoảng không chật hẹp những chuyển động của anh thật khôn quẩn, hồ như làm ngạt thở. Anh bỏ tay ra khỏi túi và vuốt tóc sau cổ. Rồi anh chống tay lên hông. Rồi anh buông thõng xuống. Mất ngàn ấy thời gian, ngàn ấy chuyển động, Briony mới nhận ra rằng anh tức giận, vô cùng giận, và ngay khi cô vừa nhận ra, anh nói.

“Cô làm gì ở đây? Đừng nói với tôi về Surrey. Chả ai ngăn cô đi cả. Sao cô lại đến đây?”

Cô nói, “Em phải nói chuyện với Cecilia.”

“Ồ phải. Và về chuyện gì?”

“Chuyện khủng khiếp em đã làm.”

Cecilia đi về phía anh. “Robbie,” nàng thì thầm. “Anh yêu.” Nàng đặt tay lên tay anh, nhưng anh giật phắt ra.

“Anh không hiểu sao em lại cho nó vào.” Rồi với Briony, “Tôi sẽ nói thẳng thật với cô. Tôi đang giằng xé giữa việc bẻ gãy cái cổ chết tiệt của cô ngay tại đây hay lôi cô ra ngoài và ném cô xuống cầu thang.”

Nếu không nhờ trải nghiệm gần đây, cô hẳn đã sợ chết khiếp. Thỉnh thoảng cô nghe binh lính trong khu giận điên lên vì sự vô dụng của họ.

Trong đỉnh cao cơn căm giận ấy, thật ngu ngốc khi nói lý với họ hay cố làm an lòng họ. Nó phải bộc phát ra, và tốt nhất là đứng đó mà nghe. Cô biết ngay, thậm chí giờ mà đề nghị ra về thì có thể càng kích động anh. Vì thế cô đối mặt với Robbie và đợi phần còn lại, cái mình phải trả. Nhưng cô không sợ anh, về mặt chân tay thì không.

Anh không cao giọng, mặc dù nó căng ra vì khinh miệt. “Trong ấy thì như thế nào cô có biết tí gì không?”

Cô tưởng tượng những cửa sổ nhỏ cao trên vách tường gạch sừng sững, và nghĩ có lẽ cô có biết, theo kiểu người ta tưởng tượng những tra tấn của địa ngục. Cô khẽ lắc đầu. Để đứng vững cô cố tập trung vào những nét biến đổi ở anh. Cảm giác anh cao hơn là do dáng đứng duyệt binh của anh. Sinh viên Cambridge không người nào lại từng đứng thẳng đến như vậy. Ngay cả trong cơn quẫn nộ vai anh cũng thẳng đứng, và cầm hát lên như một võ sĩ quyền Anh kiểu xưa.

“Phải, dĩ nhiên là cô không biết. Thế khi tôi ở tù, cô có thấy sướng không?”

“Không.”

“Nhưng cô không làm gì cả.”

Cô đã nghĩ đến cuộc nói chuyện này rất nhiều lần, như một đứa trẻ chờ trận đòn. Giờ cuối cùng nó xảy ra, và như thể cô đang không hẳn ở đây vậy. Cô đang đứng từ xa nhìn và cô chờ đợi. Nhưng cô biết lời anh nói sau này sẽ làm cô đau.

Cecilia đã đứng cạnh anh. Giờ nàng lại đặt tay lên tay Robbie. Anh đã gầy đi, dù trông anh mạnh mẽ hơn, những múi cơ mảnh dẻ rắn chắc đầy dữ dội. Anh quay nửa người về phía nàng.

“Nhớ này,” Cecilia cất tiếng, nhưng anh nói át nàng.

“Cô có nghĩ tôi hành hung em họ cô không?”

“Không.”

“Khi đó cô có nghĩ thế không?”

Cô lập bập nói. “Có, có và không. Em không chắc.”

“Thế giờ điều gì khiến cô chắc chắn thế?”

Cô ngập ngừng, ý thức được rằng trả lời tức là cô đưa ra một câu thanh minh, một lý do, mà thế có thể càng khiến anh điên hơn.

“Trưởng thành.”

Anh nhìn cô, môi hơi hé ra. Anh thực sự đã thay đổi trong năm năm qua. Anh mất dữ dội kia là mới, và đôi mắt nhỏ hơn và hẹp hơn, ở khóe mắt đã hằn rõ những vết chân chim. Mặt anh gầy hơn so với trong trí nhớ của cô, má hóp lại, như một chiến binh da đỏ. Anh đã nuôi ít ria theo kiểu nhà binh. Anh đẹp trai đến sững sờ, và chuyện hàng bao năm trước trở lại với cô, hồi cô mười, mười một tuổi gì đó, ký ức về cảm xúc mãnh liệt

cô dành cho anh, một cú say nắng đích thực bao ngày liền. Rồi cô thú nhận với anh một buổi sáng trong vườn và ngay tức thì quên bằng mắt.

Cô đã đúng khi cảnh giác. Giờ đây anh chìm trong cơn giận dữ giả đò như là kinh ngạc.

“Trưởng thành cơ à,” anh nhắc lại. Khi anh cất giọng cô giật bản mình. “Mẹ kiếp chứ! Cô mười tám rồi. Cô cần trưởng thành bao nhiêu nữa chứ? Bao người lính chết ngoài trận địa khi mười tám tuổi. Đủ lớn để bị bỏ lại mà chết trên đường. Cô có biết không?”

“Có.”

Một nguồn an ủi thăm hại, đây là anh không biết được cô đã thấy những gì. Kỳ lạ, khi mà với tất cả tội lỗi của mình, cô vẫn cảm thấy cần phải chống lại được anh. Hoặc thế, hoặc bị hủy diệt.

Cô chỉ gật. Cô không dám lên tiếng. Khi nhắc đến chết chóc, một đợt xúc cảm trào dâng nhấn chìm lấy anh, đây anh ra quá cơn giận để vào chốn tận cùng hoang mang và kinh tởm. Anh thở không đều và nặng nhọc, anh nắm chặt bàn tay phải rồi thả ra. Và anh vẫn đắm đắm nhìn cô, vào trong cô, với sự khắc nghiệt, sự ác bạo trong ánh mắt. Mắt anh sáng rực, và anh nuốt khan khó nhọc vài lần. Những đường cơ trên cổ họng anh căng lên và nổi cục. Anh cũng đang chiến đấu chống lại thứ cảm xúc mà anh không muốn bị người khác chứng kiến. Cô đã học được chút ít cô biết, những thứ còn con chảnh là quái gì khi làm một y tá thực tập, trong chốn an toàn của khu và bên giường bệnh. Cô biết đủ để nhận ra rằng những ký ức đang dồn tụ lại, và anh không thể làm được gì. Nó sẽ không cho anh nói. Cô sẽ không bao giờ biết các cảnh tượng nào đang gây ra sự náo động này. Anh tiến một bước về phía cô và cô co lùi lại, không còn chắc rằng anh vô hại nữa - nếu không nói được, rất có thể anh phải động thủ. Chỉ thêm bước nữa là anh có thể với tới cô bằng cánh tay vạm vỡ. Nhưng Cecilia xông vào giữa họ. Lưng quay về phía Briony, nàng đối diện với Robbie và đặt tay lên vai anh. Anh quay mặt đi không nhìn nàng.

“Nhìn em này,” nàng thì thào. “Robbie. Nhìn em đi.”

Anh trả lời gì Briony không nghe thấy. Cô nghe anh bất đồng hay phản đối gì đó. Có lẽ đó là một từ tục tĩu. Khi Cecilia siết chặt anh hơn, anh vận người thoát khỏi tay nàng, và trông bọn họ như một đôi đấu vật khi nàng với tay lên muốn quay đầu anh ra phía mình. Nhưng đầu anh đã ngật về phía sau, răng sáng trắng lên trong một nụ cười giễu nhạo ma quái. Giờ bằng cả hai tay nàng đang siết chặt lấy má anh, và lấy hết sức bình sinh nàng xoay mặt anh lại kéo nó về phía mặt mình. Cuối cùng anh đã nhìn vào mắt nàng, nhưng nàng vẫn ôm chặt lấy má anh. Nàng kéo anh lại gần hơn, buộc anh phải nhìn lại mình, cho đến khi hai khuôn mặt kề sát nhau và nàng khẽ hôn anh, một hơi dài lên môi. Với sự ôn nhu dịu

dàng mà Briony nhớ từ bao năm trước, khi thức dậy giữa đêm, Cecilia nói, “Trở lại với em... Robbie, trở lại với em.”

Anh khẽ gật, và hít một hơi thật sâu rồi thở ra từ từ khi nàng lỏng tay và bỏ khỏi mặt anh. Trong im lặng, căn phòng dường như rút lại còn nhỏ hơn nữa. Anh vòng tay ôm nàng, cúi đầu xuống hôn nàng, một nụ hôn sâu, dai dẳng và riêng tư. Briony im lặng rút sang phía bên kia căn phòng, về phía cửa sổ. Trong lúc cô uống một ly nước từ vòi trong bếp, nụ hôn vẫn tiếp tục, trói cặp đôi ấy vào sự riêng tư của họ. Cô thấy mình bị xóa mờ, gạch bỏ khỏi căn phòng, và thanh thản.

Cô quay lưng lại nhìn ra những căn nhà có mái hiên yên ả dưới ánh mặt trời chói lòa, về hướng cô đã đến từ xa lộ. Cô ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng mình không hề muốn về, mặc dù cô ngưng ngưng bởi nụ hôn dài, và sợ hãi những gì sắp tới đây. Cô nhìn một cụ bà vận một áo choàng to sụ, mặc dù trời nóng. Bà đi trên vỉa hè xa xa dắt theo một con chó chồn ốm yếu bụng phệ. Giờ Cecilia và Robbie đang thấp giọng trò chuyện, và Briony quyết định rằng vì tôn trọng sự riêng tư của họ cô sẽ không quay khỏi cửa sổ cho đến khi họ gọi cô. Thật dễ chịu khi nhìn bà cụ mở cửa trước, cẩn thận đóng lại sau mình với sự chính xác đầy kiểu cách, và rồi, được nửa đường đến cửa trước, lại khó nhọc cúi xuống nhỏ một cây cỏ dại ở luống hoa hẹp chạy dọc suốt lối vào trước nhà. Khi bà làm thế, con chó núng nính đi tới trước liếm cổ tay bà. Bà cụ và con chó vào nhà, và đường phố vắng không trở lại. Một con kết sà xuống một bờ giậu cây thủy lạp, thấy chỗ đậu chẳng ưng ý gì, lại bay đi. Một đám mây đến và nhanh chóng gây ra một khoảng râm, rồi bay đi. Một chiều thứ Bảy hết sức bình thường. Không có mấy dấu hiệu của chiến tranh trên con đường ngoại ô này. Có chăng là tấm vải che ánh đèn ở cửa sổ nhà đối diện, nhà có chiếc Ford 8.

Briony nghe chị gái gọi tên mình và quay lại.

“Không còn nhiều thời gian. Robbie phải trình diện vào sáu giờ tối mai và anh ấy còn phải bắt tàu. Vì thế ngồi xuống đi. Có vài thứ em sẽ làm cho anh chị.”

Đây là giọng của một y tá khu. Không hề hách dịch. Nàng chỉ đơn thuần vạch ra chuyện không thể tránh khỏi. Briony kéo cái ghế gần mình nhất, Robbie mang đến một cái ghế đầu, và Cecilia ngồi giữa họ. Bữa sáng do nàng làm đã bị lãng quên. Ba cái tách không nằm ở giữa bàn. Anh bỏ chồng sách xuống sàn. Khi Cecilia đẩy hũ mứt hoa chuông sang một bên để khỏi làm đổ, nàng với Robbie liếc mắt nhìn nhau.

Anh vừa nhìn vào những bông hoa vừa hắng giọng. Khi bắt đầu nói, giọng anh gột sạch cảm xúc. Cứ như anh đang đọc to thành tiếng một

mệnh lệnh quân sự. Giờ anh đang nhìn cô. Mắt anh bình lặng, và điềm tĩnh. Nhưng trên trán anh có giọt mồ hôi, phía trên lông mày.

“Chuyện quan trọng nhất cô đã đồng ý rồi. Cô sẽ đến chỗ cha mẹ cô càng sớm càng tốt và kể cho họ mọi điều họ cần phải biết để tin rằng bằng chứng của cô là sai. Cô nghỉ hôm nào?”

“Chủ nhật tuần tới.”

“Cô sẽ đi vào hôm đó. Cô sẽ lấy địa chỉ của chúng tôi và sẽ bảo với Jack và Emily rằng Cecilia đang đợi tin của họ. Việc thứ hai cô sẽ làm vào ngày mai. Cecilia bảo cô sẽ có một tiếng vào lúc nào đó. Cô sẽ tới chỗ luật sư cố vấn, một cố vấn chuyên chứng nhận tuyên thệ, để đưa ra lời chứng có ký tên và có người làm chứng. Trong đó cô sẽ nói cô đã làm sai chuyện gì, và cô xin rút lại bằng chứng của mình như thế nào. Cô sẽ gửi bản sao đến cả hai chúng tôi. Rõ chưa?”

“Vâng.”

“Rồi cô sẽ viết cho tôi chi tiết cụ thể hơn. Trong lá thư này cô sẽ trình bày toàn bộ mọi thứ cô nghĩ là có liên quan. Mọi thứ đã dẫn cô đến việc nói rằng cô nhìn thấy tôi cạnh hồ. Và tại sao, mặc dù không chắc, cô khẳng định với câu chuyện của mình suốt hàng bao tháng trước khi tôi bị xử. Nếu cô gặp sức ép nào, từ cảnh sát hay cha mẹ cô, thì tôi muốn biết. Cô hiểu không? Phải là một lá thư dài.”

“Vâng.”

Mắt anh gặp mắt Cecilia và gật đầu. “Và nếu cô có thể nhớ bất cứ điều gì về Danny Hardman, hắn ta đã ở đâu, làm gì, vào lúc nào, ai khác nữa nhìn thấy hắn ta - bất cứ điều gì có thể khiến chứng cứ ngoại phạm của hắn ta bị nghi ngờ, thì chúng tôi muốn nghe điều đó.”

Cecilia đang viết địa chỉ ra. Briony lắc đầu và dậm nói, nhưng Robbie mặc kệ và nói át cô. Anh đứng dậy nhìn đồng hồ.

“Còn rất ít thời gian. Chúng tôi sẽ đưa cô ra tàu điện ngầm. Cecilia và tôi muốn giờ cuối cùng được ở riêng với nhau trước khi tôi phải đi. Và cô sẽ cần phải dành cả ngày còn lại để viết lời khai, và báo cho bố mẹ cô biết cô sẽ đến. Và cô có thể bắt đầu nghĩ về lá thư mà cô sẽ gửi cho tôi.”

Tóm tắt lạnh lùng các nghĩa vụ của cô xong, anh đứng dậy khỏi bàn và đi về phía phòng ngủ.

Briony cũng đứng dậy nói, “Già Hardman chắc nói sự thật. Danny đã ở cùng ông ấy suốt đêm đó.”

Cecilia sắp sửa đưa tờ giấy gấp đôi nàng vừa viết xong. Robbie dừng chân ngay bậc cửa phòng ngủ.

Cecilia nói, “Nói thế nghĩa là sao? Em đang nói gì thế?”

“Đó là Paul Marshall.”

Trong khoảng im lặng tiếp nối, Briony có tưởng tượng những điều chính đang diễn ra trong đầu hai người. Bao năm nay nhìn nó theo một cách. Ấy vậy mà, dù đáng lãnh ngạc bao nhiêu đi chăng nữa, nó vẫn chỉ là một chi tiết. Nó không thay đổi được điều gì thiết yếu. Không thay đổi vai trò của cô.

Robbie quay lại bàn. “Marshall?”

“Vâng.”

“Cô thấy anh ta?”

“Tôi thấy một người đàn ông cao bằng anh ta.”

“Cao bằng tôi.”

“Vâng.”

Giờ Cecilia đứng lên nhìn quanh - cơn lòng thuốc sắp sửa bắt đầu. Robbie tìm thấy và ném bao thuốc qua phòng. Cecilia châm thuốc và nói khi nhả khói, “Chị thấy khó mà tin được. Anh ta là một kẻ ngốc, chị biết...”

“Anh ta là một tên ngốc đầy ham muốn,” Robbie nói. “Nhưng anh không thể tưởng tượng nổi anh ta với Lola Quincey, dù chỉ mất năm phút...”

Căn cứ vào tất cả những gì đã xảy ra, và tất cả những hệ quả khủng khiếp của nó, thật phù phiếm, cô biết, nhưng Briony vẫn thấy âm thầm thích thú khi đưa ra cái tin rồi sẽ khiến hai người kia sững sờ.

“Em vừa từ đám cưới họ về.”

Một lần nữa, những điều chính trong kinh ngạc, nhắc lại một cách hoài nghi. Đám cưới? Sáng nay? Clapham? Rồi im lặng trầm ngâm, bị những lời nhận xét rời rạc phá tan.

“Anh sẽ tìm hắn.”

“Anh không được làm việc đó.”

“Anh muốn giết hắn.”

Và rồi, “Đến giờ phải đi rồi.”

Còn bao điều nữa lẽ ra có thể nói ra. Nhưng họ dường như kiệt lực, bởi sự hiện diện của cô, hay bởi chủ đề đó. Hay họ chỉ khao khát muốn được ở riêng với nhau. Dù thế nào, rõ là họ cảm thấy cuộc gặp gỡ đã đến hồi kết thúc. Mọi sự tò mò đã hết. Mọi thứ có thể đợi cho đến khi cô viết lá thư. Robbie lấy áo khoác và mũ từ phòng ngủ. Briony để ý thấy hai vạch hạ sĩ.

Cecilia đang nói với anh, “Hắn miễn nhiễm. Nó sẽ luôn giấu tội cho hắn.”

Mất vài phút cho việc nàng tìm sổ lương thực. Cuối cùng, nàng thôi và nói với Robbie, “Em chắc là nó ở Wiltshire, trong cái nhà tranh.”

Khi họ chuẩn bị đi, và anh giữ cửa mở cho hai chị em, Robbie nói, “Anh cho là mình nợ Thủy thủ Hạng nhất Hardman một lời xin lỗi.”

Dưới tầng, bà Jarvis không xuất hiện từ phòng khách khi họ bước qua. Họ nghe tiếng đàn clarinet chơi trên đài của bà. Khi ra khỏi cửa trước, Briony cảm thấy dường như cô đang bước sang một ngày khác. Gió mạnh tạt vào mặt, và đường phố vắng tanh vắng ngắt, càng nắng hơn, bóng râm ít hơn. Vĩa hè không đủ rộng cho ba người đi sóng hàng. Robbie và Cecilia đi sau cô, tay trong tay. Briony cảm thấy gót chân phồng rộp của mình cọ vào giày, nhưng cô cương quyết họ không được nhìn thấy cô khập khiễng. Cô nghĩ mình chỉ được họ tiễn ra khỏi nhà thôi. Đến giữa chừng cô quay lại bảo sẽ sung sướng được đi bộ đến tàu điện một mình. Nhưng họ không chịu. Họ còn phải mua sắm một số thứ cho chuyến đi của Robbie. Họ bước đi trong im lặng. Nói chuyện linh tinh không phải là một lựa chọn. Cô biết mình không có quyền hỏi chị mình địa chỉ mới của chị, hay hỏi Robbie tàu đưa anh đi đâu, hay về căn nhà tranh ở Wiltshire. Hoa chuông là trồng ở đó à? Chắc chắn ở đó có cảnh điền viên. Mà cô cũng không thể hỏi khi nào hai người họ sẽ gặp lại nhau. Ba người, cô và chị gái và Robbie chỉ có một chủ đề duy nhất, và nó đã bị cố định trong cái quá khứ không thể thay đổi.

Họ đứng ngoài ga tàu Balham, mà ba tháng sau sẽ lừng tiếng một cách kinh hoàng trong vụ đánh bom. Một dòng người mua sắm ngày thứ Bảy đi quanh họ, khiến họ, ngược với mong muốn, đứng gần nhau hơn. Họ tạm biệt nhẹ nhàng. Robbie nhắc cô nhớ mang tiền theo khi đến gặp viên cố vấn chứng nhận tuyên thệ. Cecilia bảo cô đừng quên mang theo địa chỉ khi đi Surrey. Rồi kết thúc. Họ nhìn cô, đợi cô bước đi. Nhưng có một điều cô chưa nói.

Cô chậm rãi nói. “Em vô cùng vô cùng xin lỗi. Em đã gây cho hai người khổ đau ghê gớm.” Họ tiếp tục nhìn cô, và cô lặp lại lời mình. “Em vô cùng xin lỗi.”

Nghe thật ngu ngốc và không thỏa đáng, như thể cô đã làm đổ một chậu cây ưa thích, hay quên ngày sinh nhật.

Robbie dịu dàng nói, “Cứ việc làm tất cả những gì chúng tôi yêu cầu.”
Cơ hồ như hòa giải, từ “cứ” đó, nhưng không hẳn, chưa hẳn.

Cô nói, “Đương nhiên,” rồi quay bước đi, biết họ vẫn nhìn mình khi bước vào phòng vé rồi đi qua. Cô trả tiền vé đi Waterloo. Khi đến thanh chắn, cô nhìn lại thì họ đã đi mất.

Cô trình vé và đi vào trong ánh đèn vàng bản thiêu, tới chỗ đầu thang cuốn cốt kết âm ỉ, và nó bắt đầu đưa cô xuống, vào làn gió nhẹ nhân tạo thổi từ dưới khối đen kia lên, hơi thở của một triệu dân London làm mặt cô mát lạnh và làm áo choàng cô bay lật phật. Cô đứng yên và để mình bị đưa xuống, biết ơn vì được chuyển động mà không phải cọ xát gót chân. Cô ngạc nhiên khi thấy mình thanh thản đến thế, và chỉ hơi buồn. Có thất

vọng không? Cô hầu như không hy vọng sẽ được tha thứ. Cô cảm giác giống như là nỗi nhớ nhà hơn, mặc dù chẳng có nguồn gốc cho nỗi nhớ, làm gì có nhà. Nhưng cô buồn khi phải xa chị gái mình. Cô nhớ là nhớ người chị gái - hay chính xác hơn, chị gái cô với Robbie. Tình yêu của họ. Cả Briony lẫn chiến tranh đều không hủy hoại nó. Đây là điều đã làm lòng cô dịu lại trên đường xuống dưới sâu thành phố. Cecilia đã kéo anh lại nàng bằng ánh mắt tuyệt vời đến thế. Sự dịu dàng trong giọng nói của nàng khi nàng gọi anh quay trở lại từ ký ức, từ Dunkirk, hay từ những con đường dẫn tới đó. Nàng đã thường nói như thế với cô, thỉnh thoảng, khi Cecilia mười sáu và cô là một đứa trẻ sáu tuổi và có chuyện tồi tệ khủng khiếp xảy ra. Hay trong buổi đêm, khi Cecilia đến cứu cô ra khỏi cơn ác mộng và bế cô sang giường mình. Những từ đó chị đã từng dùng. *Trở lại với chị. Chỉ là ác mộng thôi. Briony, trở lại với chị.* Tình cảm gia đình không suy tính này đã bị lãng quên dễ dàng đến thế nào. Giờ đây cô đang lướt xuống, qua ánh sáng nâu lấp loáng, gần như xuống đến đáy. Không nhìn thấy hành khách nào cả, và không gian đột nhiên tĩnh mịch. Cô hết sức điềm tĩnh khi suy ngẫm điều mình phải làm. Hai thứ cộng lại, lá thư gửi cha mẹ và lời chứng chính thức sẽ chẳng mất thời gian chút nào. Rồi cô sẽ được tự do trong cả ngày còn lại. Cô biết mình phải làm gì. Không đơn giản chỉ là một lá thư, mà là một bản thảo mới, một lời chúc tội, và cô đã sẵn sàng bắt đầu.

BT
London, 1999

LONDON, 1999

Thời điểm mới kỳ lạ làm sao. Hôm nay, vào buổi sáng sinh nhật bảy mươi bảy tuổi, tôi quyết định đến thăm lần cuối cùng thư viện Bảo tàng Chiến tranh Đế quốc ở Lambeth. Thật hợp với tâm trạng khác thường của tôi. Phòng đọc, nằm ngay trong mái vòm tòa nhà, trước đây là nhà nguyện của Bệnh viện Hoàng gia Bethlehem - Bedlam ngày xưa. Nơi những kẻ thần kinh từng ghé đến cầu nguyện giờ lại là nơi các học giả tụ tập nghiên cứu sự điên rồ tập thể của chiến tranh. Xe gia đình sai đưa đón mãi sau bữa trưa mới đến, vì vậy tôi nghĩ mình có thể tha thẩn, kiểm tra vài chi tiết cuối, và nói lời tạm biệt Người Trông coi Văn thư, và với những bảo vệ niềm nở đã hộ tống tôi lên xuống thang máy trong suốt những tuần đông ấm đậm này. Tôi cũng định tặng cho phòng lưu trữ mười hai lá thư dài ông già Nettle gửi cho tôi. Đó là quà sinh nhật cho chính tôi, tôi đồ là vậy, để tiêu một hai tiếng đồng hồ ít nhiều vờ bận bịu, rồi lên với những việc sắp xếp nhỏ nhất cuối cùng mới nảy ra và là một phần của cái quá trình ngại ngần không muốn rời xa nó. Cũng tâm trạng như vậy, cả chiều qua tôi bận rộn trong thư phòng; giờ thì các bản thảo đã được sắp xếp theo thứ tự và ghi ngày tháng, những nguồn tài liệu photocopy đã được dán nhãn, sách mượn sắp sẵn đợi trả, và mọi thứ đã nằm đúng chỗ của mình trong các cặp lưu trữ. Từ trước đến nay tôi vẫn luôn thích kết thúc mọi thứ trong trật tự.

Trời rét buốt và ẩm ướt, và tôi thấy đi lại bằng phương tiện công cộng thì bất tiện quá. Tôi bắt taxi từ Regent's Park, và suốt quãng dài bò ỉ ạch qua trung tâm London, tôi nghĩ đến những cổ nhân u sầu ở Nhà thương điên kia, những người từng một thời là nguồn khuây khỏa, và tôi tủi thân ngẫm ngợi chuyện nay mai thôi mình cũng gia nhập vào hàng ngũ của họ. Đã có kết quả chụp cắt lớp và tôi đã đến gặp bác sĩ sáng qua. Tin không tốt lành cho lắm. Ngay khi tôi đặt người xuống ghế ông ấy nói như vậy. Những cơn đau đầu, cảm giác vùng thái dương thất lại, có một nguyên nhân cụ thể và nguy hiểm. Bác sĩ chỉ vào vài đốm mờ trên một phần tám phim chụp. Tôi để ý thấy đầu bút chì trong tay ông run run, và tự hỏi liệu có phải ông ta cũng đang bị rối loạn thần kinh không. Trong tinh thần bấn loạn đưa tin, tôi khá hy vọng là ông ta có bị. Tôi đang trải qua, ông ta nói, một loạt những đột quy tinh vi cơ hồ không nhận thấy. Quá trình này sẽ diễn ra chậm, nhưng não tôi, trí óc tôi, đang ngừng hoạt động. Những lần quên nhỏ nhất sẽ dần trở nên dễ nhận ra hơn, làm suy nhược nhiều hơn, cho đến lúc tôi không còn nhận ra chúng nữa bởi vì tôi

đã mất hoàn toàn khả năng tri nhận mọi thứ. Ngày trong tuần, những gì đã xảy ra buổi sáng, hay thậm chí mới mười phút trước, sẽ vượt ngoài tầm với của tôi. Số điện thoại của tôi, địa chỉ, tên và đời tôi đã sống thế nào sẽ mất sạch. Trong hai, ba, hoặc bốn năm tới, tôi sẽ không nhận ra được những bạn bè cổ lai hy vẫn còn sống, và khi thức giấc vào buổi sáng, tôi sẽ không nhận ra mình đang ở trong phòng mình. Và chẳng mấy chốc, tôi sẽ không ở đó nữa, vì khi ấy tôi sẽ cần được chăm sóc đặc biệt liên tục.

Tôi bị mất trí nhớ do tổn thương mạch máu não, bác sĩ bảo tôi, mà ít nhiều cũng thật dễ chịu khi được như vậy.

Quá trình thương tổn diễn ra dần dần, ông nhắc đi nhắc lại để phải đến hàng chục lần. Tuy nhiên, bệnh này không tệ bằng Alzheimer, với cái kiểu tâm trạng thay đổi liên tục và tính khí hung hăng của nó. Nếu tôi may mắn, nó có thể hóa ra một thứ tương đối lành. Tôi có lẽ sẽ không bất hạnh - chỉ là một bà khom già lẩm cẩm ngồi ghế bành, không biết gì, không mong đợi gì. Tôi đã yêu cầu bác sĩ nói thẳng, vì thế không thể phàn nàn gì. Giờ ông xua tôi về. Còn mười hai người trong phòng khám đợi đến lượt. Tóm lại, khi giúp tôi mặc áo khoác, ông vẽ ra tôi một lịch trình: mất trí nhớ, ngắn cũng như dài hạn, sự biến mất những từ đơn - những danh từ đơn giản có lẽ sẽ ra đi đầu tiên - rồi cả ngôn ngữ, cùng với khả năng cân bằng, rồi mau chóng theo sau là tất cả hoạt động tứ chi, cuối cùng là hệ thần kinh. Đi đường vui nhé!

Tôi không thấy đau khổ lắm, thoát đầu thì chưa. Ngược lại, tôi phấn chấn và muốn kể ngay cho bạn bè thân thiết. Tôi gọi điện thoại suốt một tiếng đồng hồ để báo tin. Có lẽ tôi đã mất tự chủ rồi. Dường như hơi hệ trọng quá mức. Suốt chiều tôi thơ thẩn trong thư phòng với may việc sắp xếp lặt vặt ấy, và đến khi dừng tay, có đến sáu cặp hồ sơ mới đã được xếp lên giá. Tối đó Stella và John ghé qua và chúng tôi gọi người ta đem đồ ăn Trung Quốc tới. Hai người nốc hết hai chai Morgon. Tôi dùng trà xanh. Những người bạn đáng yêu hoảng hồn vì viễn cảnh mà tôi miêu tả về tương lai của tôi. Cả hai đều ngoại lục tuần, đủ già để phỉnh phờ mình rằng bảy mươi bảy là hẵng đương còn trẻ. Hôm nay, trong taxi, lúc tôi đi qua London với tốc độ của nhịp chân thả bộ dưới làn mưa rét buốt, tôi nghĩ đến ít chuyện khác. Mình sắp điên rồi, tôi tự nhủ. Đừng làm cho tôi điên. Nhưng tôi không tài nào tin nổi vào điều đó. Có lẽ tôi không là gì hơn một nạn nhân của ngành chẩn đoán hiện đại; ở vào một thế kỷ khác người ta sẽ chỉ nói về tôi là vì tuổi già mà mất đi sự minh mẫn. Tôi còn trông mong gì nữa chứ? Khi đó chỉ còn chết dần chết mòn, tôi tan mình vào cõi vô thức.

Taxi chạy tắt qua những phố nhỏ của khu Bloomsbury, qua căn nhà cha tôi sống khi tái hôn, rồi qua căn hộ tầng ngầm tôi sống và làm việc trong suốt những năm năm mươi. Quá một độ tuổi nhất định, hành trình xuyên thành phố trở nên gợn tưởng đến khó chịu. Địa chỉ của những người đã khuất chất dồn. Chúng tôi qua quảng trường nơi Leon đã săn sóc vợ một cách quả cảm, rồi nuôi dạy bọn trẻ om sòm với một sự tận tụy làm kinh ngạc tất cả chúng ta. Một ngày nào đó tôi cũng sẽ gọi nên suy tưởng trong phút giây nơi hành khách nào đó trong một chiếc taxi đang băng đường. Đó là một ngõ tắt quen thuộc, Inner Circle của công viên Regent's Park.

Chúng tôi qua sông trên cầu Waterloo. Tôi dịch người về phía trước ra mép ghế để thu trọn vào tầm mắt cái khung cảnh thành phố mà tôi thích, và khi quay đầu, xuôi xuống nhà thờ St. Paul, ngược lên Big Ben, toàn bộ London dành cho du lịch nằm ở giữa, tôi thấy mình tráng kiện về mặt thể chất và minh mẫn toàn vẹn về mặt tinh thần, chỉ hơi đau đầu và vầng vất mệt. Dù héo mòn thể nào, tôi vẫn thấy mình là đúng con người mà tôi vẫn luôn là. Việc này thật khó giải thích cho lớp trẻ. Trông chúng ta có thể thực sự giống loài bò sát, nhưng chúng ta không phải là một tông giống biệt lập. Tuy nhiên, trong một hai năm tới, tôi sẽ không còn giữ được lời tuyên bố quen thuộc này. Những người bị bệnh nặng, những người bị loạn trí, là một giống khác, một giống tiểu nhược. Tôi sẽ không để ai thuyết phục tôi ngược lại đâu.

Tài xế của tôi đang chửi thề. Sang bên kia sông, những đoạn đường đang thi công buộc chúng tôi phải rẽ vòng về phía County Hall cũ. Khi ngoặt khỏi đường vòng ở đó, về phía Lambeth, tôi thoáng thấy Bệnh viện St. Thomas. Nó từng bị tàn phá hồi quân phát xít tiến hành ném bom chớp nhoáng - tôi đã không có mặt ở đó, ơn Chúa - và khu nhà thay thế cùng tòa tháp là một nổi ô nhục dân tộc. Tôi làm việc tại ba bệnh viện trong thời gian ấy - Alder Hey, Royal East Sussex và St. Thomas - và trong câu chuyện tôi đã gộp chúng lại để tập trung mọi trải nghiệm của mình vào một nơi. Một sự bóp méo thuận tiện, vi phạm nhỏ nhất của tôi đối với sự xác tín.

Mưa bớt nặng hạt khi tài xế ngoặt một đường chữ u gọn gàng giữa đường, đưa chúng tôi đến ngoài cửa chính bảo tàng. Loay hoay cầm túi, tìm tờ hai mươi bảng và xòe ô, tôi không nhận thấy chiếc xe đỗ ngay phía trước cho mãi đến khi taxi chạy đi. Đó là một chiếc Rolls Royce màu đen. Trong giây lát, tôi nghĩ không có người trong xe. Thực ra, tài xế là một anh chàng bé tí cơ hồ khuất hẳn sau tay lái. Tôi không chắc thứ mình chuẩn bị miêu tả đây có thực sự được coi là một sự tình cờ đáng ngạc nhiên không. Mỗi khi trông thấy một chiếc Rolls không người lái, thỉnh

thoảng tôi lại nghĩ đến vợ chồng Marshall. Điều này đã trở thành một thói quen trong suốt những năm qua. Họ hay lướt qua tâm trí tôi, thường không làm nảy sinh cảm xúc gì đặc biệt cả. Tôi dần quen thuộc với ý tưởng về họ. Thằng hoặc họ vẫn xuất hiện trên báo chí, khi có tin liên quan đến Quỹ tài trợ của họ và tất cả những việc tốt nó đã làm cho nghiên cứu y học, hay bộ sưu tập họ hiến tặng cho Tate, hay nguồn quỹ hào phóng dành cho các dự án nông nghiệp ở châu Phi Nam Sahara. Và những buổi tiệc tùng của bà ta, và những hành động phỉ báng dữ dội chống lại báo chí trong nước. Không có gì khác thường khi vợ chồng nhà Marshall xuất hiện trong suy nghĩ của tôi khi tôi bước tới hai khẩu đại bác khổng lồ giống nhau như đúc nằm trước bảo tàng, nhưng thấy họ bước xuống bậc thềm về phía tôi thì lại là một cú sốc.

Một đội nhân viên - tôi nhận ra giám đốc viện bảo tàng - và một tay chụp ảnh làm thành một đoàn đưa tiễn. Hai thanh niên cầm ô che đầu vợ chồng Marshall khi họ xuống bậc thềm cạnh hàng cột. Tôi lùi lại, bước chậm chân chứ không dừng lại hẳn, dừng lại sẽ gây chú ý. Bắt tay một lượt, rồi một tràng cười thân ái sau câu gì đó Ngài Marshall nói. Hắn tì vào một cây gậy, cái ba toong bóng nhoáng mà tôi nghĩ đã trở thành một kiểu thương hiệu riêng. Hắn cùng vợ và ông giám đốc tạo dáng chụp ảnh, rồi vợ chồng Marshall ra về, hai thanh niên mặc vest cầm ô theo sau hộ tống. Nhân viên viện bảo tàng vẫn đứng ở bậc thang. Tôi lo nhìn xem nhà Marshall sẽ đi lối nào để biết đường mà tránh chạm trán trực diện. Họ chọn đi qua hai khẩu súng phía bên trái của họ, và tôi đi bên trái của mình.

Được bóng súng che chắn và ụ súng xi măng che một phần, một phần nhờ chiếc ô nghiêng nghiêng, tôi khuất mình, nhưng vẫn quan sát được. Họ im lặng đi qua. Mặt hắn trông cũng giống như trong ảnh. Mặc cho những nốt đồi mồi và quầng tím thâm dưới mắt, nhìn mãi thì hắn cũng ra dáng một lão tài phiệt đẹp trai kiểu dữ tợn, mặc dù hơi xuống phong độ rồi. Tuổi tác đã làm mặt hắn teo đi và mang lại cho hắn một vẻ mà trước đây hắn luôn hơi thiếu hụt. Chính là nhờ hàm hắn đã thu mình lại - mất xương hóa ra lại hay. Hắn hơi lập cập và bị chứng bàn chân bệt, nhưng với một lão ông tám mươi tám đi lại được thế là tương đối ổn rồi. Ai mà chẳng thành chuyên gia về những chuyện này. Nhưng tay hắn bấu chặt vào tay ả và cây gậy không phải chỉ để trưng ra. Nó cũng thường là để cho thấy trên đời này hắn đã làm nhiều việc tốt đến thế nào. Có lẽ hắn đã dành cả đời để đền tội. Hoặc có lẽ hắn chỉ vênh vang tiến tới không nghĩ suy gì, sống cuộc đời vốn luôn là của hắn.

Còn Lola - cô em họ xa hoa, nhả thuốc như ống khói - ả đó, vẫn gầy còm và săn chắc như con chó đua, và vẫn chung thủy. Ai mà tưởng

tượng được thể chứ? Chuyện này, như thiên hạ vẫn nói, cho thấy ả cũng kiểm soát được. Nghe có vẻ chua chát, nhưng đầu tôi nảy ra ý nghĩ đó khi liếc thấy ả. ả diện áo khoác lông chồn zibelin và đội chiếc mũ phớt rộng vành đỏ tươi. Trông táo bạo hơn là phô. Gần tám chục cái xuân xanh, mà vẫn dận giày cao gót. Gót giày nện xuống nền lồi lõm tiếng bước chân của một phụ nữ trẻ hơn tuổi ả nhiều. Không thấy dấu hiệu một điều thuốc lá nào. Thực ra, quanh ả tỏa ra một làn không khí của trại tập luyện dưỡng sinh, và màu da được làm cho rám nắng trong nhà. Giờ ả đã cao hơn chồng, và không nghi ngờ gì vẫn tràn đầy sinh lực. Nhưng ở ả cũng có gì đó hơi khô hời - hay tôi đang cố bới bèo ra bọt? ả trang điểm nặng tay, quanh miệng hơi sáng quá, còn kem nền và phấn thì hào phóng. Nhưng tôi vốn luôn khát khe về mục này, vì thế tôi không tính bản thân là một chứng nhân đáng tin cậy. Tôi thấy có bóng dáng của một ả vô lại trên sân khấu ở đây - thân hình hốc hác, áo khoác đen, môi tái mét. Chỉ cần thêm cái đót hút thuốc, con chó con kẹp dưới cánh tay là ả có thể thành mục trộm chó Cruella De Vil lắm.

Chúng tôi đi qua nhau trong khoảnh khắc. Tôi bước lên bậc thềm, rồi dừng lại dưới trần tường, ra khỏi mưa, nhìn nhóm người ấy tới chỗ xe. Người ta đỡ hấn vào xe trước, và tôi thấy hấn mới yếu ớt làm sao. Hấn không thể cúi lưng xuống được, cũng không trụ nổi trên một chân. Họ phải bế hấn vào chỗ ngồi. Cửa bên kia được mở ra cho Phu nhân Lola cúi người chui thoát vào nhanh như chớp. Tôi nhìn chiếc Rolls hòa vào dòng xe, rồi vào trong. Nhìn thấy họ khiến tim tôi như có gì đó đè lên nặng trĩu, và tôi cố không nghĩ đến nó, hay cảm thấy nó lúc này. Ngày hôm nay tôi đã phải đối mặt đủ rồi. Nhưng tôi nghĩ đến sức khỏe của Lola khi gửi túi ở phòng mũ áo, khi tôi vui vẻ chào hỏi những bảo vệ. Quy tắc ở đây là khách phải được hộ tống lên đến phòng đọc bằng thang máy, mà theo tôi biết thì trong cái khoảng không thang máy chật hẹp ấy người ta buộc phải cất tiếng trò chuyện. Khi tôi cất tiếng - thời tiết kinh thật, nhưng đến cuối tuần thế nào cũng đỡ hơn - tôi không thể cưỡng lại việc nghĩ đến cuộc tao ngộ ngoài kia theo những phạm trù cơ bản về mặt sức khỏe: tôi có thể thọ hơn Paul Marshall, nhưng Lola thì chắc chắn dai hơn tôi. Hệ quả của chuyện này rất rõ ràng, vấn đề này đã đi cùng chúng tôi suốt bao năm qua. Như biên tập viên của tôi từng nói, xuất bản luôn tương đương với kiện tụng. Nhưng giờ tôi cơ hồ không đối mặt nổi với chuyện đó. Có đủ chuyện tôi không muốn nghĩ đến rồi. Tôi đã đến đây để được bận rộn.

Tôi nói chuyện một lúc với Người Trông coi Văn thư. Tôi đưa cho ông tập thư mà ông Nettle viết cho tôi về Dunkirk - họ biết ơn vô vàn khi được nhận. Chúng sẽ được lưu trữ cùng với tất cả những thứ khác tôi đã gửi.

Người trông coi đã tìm cho tôi một đại tá già sứt sảng của Trung đoàn Hoàng gia Đông Kent, bản thân ông ta cũng gần như một sử gia nghiệp dư, ông đã đọc những trang đánh máy liên quan của tôi rồi fax đến những gợi ý của mình. Bây giờ thư của ông ta được trao lại cho tôi - vừa cẩu thả, vừa hữu ích. Tôi bị chúng cuốn hút hoàn toàn, ờn Chúa.

“Tuyệt đối không [gạch chân hai lần] người lính nào phục vụ trong quân đội Anh lại nói ‘Ngay tấp lự’. Chỉ lính Mỹ mới ra lệnh như thế. Từ đúng là ‘Ngay lập tức’.”

Tôi yêu những thứ nhỏ nhặt này, cách tiếp cận sự thật từ tiểu tiết này, việc chỉnh lại từng chi tiết mà khi cộng lại sẽ đem lại sự thỏa mãn lớn như ông ấy.

“Chẳng ai lại nghĩ đến chuyện nói ‘những khẩu súng nặng hai mươi lăm pound’. Thuật ngữ đúng hoặc là ‘những khẩu hai mươi lăm pound’ hoặc là ‘pháo hai mươi lăm pound’. Cách dùng từ của bà nghe rõ là kỳ quặc, ngay cả với người không ở trong Pháo binh Hoàng gia.”

Như cảnh sát trong đội truy lùng, chúng tôi lần mò bằng tay và đầu gối và bò dần đến sự thật.

“Bà cho gã công tử bột Không quân Hoàng gia ấy đội mũ nồi. Tôi thực sự không nghĩ thế. Ngoài Trung đoàn Xe tăng, ngay cả quân đội cũng không có mũ nồi vào năm 1940 đâu. Tôi nghĩ tốt hơn bà nên cho anh ta một cái mũ quân đội bình thường.”

Cuối cùng, viên đại tá ấy, người mở đầu thư bằng cách gọi tôi là “Cô Tallis”, đã cho phép sự khó chịu với giới tính của tôi lộ ra. Mà giới của chúng ta thì sao lại dính vào những sự vụ này chứ?

“Thưa bà [gạch chân ba lần] - một máy bay Stuka không thể chở ‘một quả bom nghìn tấn’. Bà có ý thức được rằng một tàu chiến hải quân còn chưa nặng chừng đó không? Tôi đề nghị bà nên tìm hiểu vấn đề này kỹ càng hơn.”

Chỉ là lỗi đánh máy. Tôi định gõ “pound”. Tôi ghi chú lại những chỗ sửa chữa này, và viết thư cảm ơn ông đại tá. Tôi trả tiền vài tài liệu photo mà tôi sắp xếp thành từng chồng ngăn nắp để làm tài liệu lưu trữ của riêng mình. Tôi trả sách đã mượn ở bàn tiếp tân, và vứt đi đủ loại giấy tờ vớ vẩn. Nơi làm việc hoàn toàn sạch sẽ dấu vết của tôi. Khi chào tạm biệt Người trông coi, tôi nghe nói Quý Marshall sắp tài trợ cho bảo tàng. Sau một vòng bắt tay với các thủ thư khác, và hứa hẹn sẽ bày tỏ lòng biết ơn sự giúp đỡ của bộ phận này trong cuốn sách của tôi, một nhân viên khuôn vác được cử đưa tôi xuống. Rất tử tế, cô gái trong phòng gửi áo mũ gọi một chiếc taxi, và một nhân viên trẻ gác cửa mang túi của tôi ra tận vỉa hè.

Trong suốt chuyến quay về hướng Bắc, tôi nghĩ đến lá thư của đại tá, hay nói đúng hơn, sự thích thú của chính mình với những thay đổi con con này. Nếu thực sự quan tâm đến sự thật nhiều đến thế, lẽ ra tôi nên viết một cuốn sách loại khác. Nhưng tác phẩm của tôi đã xong xuôi. Sẽ không có bản thảo nào thêm nữa. Đó là những gì tôi nghĩ khi xe chúng tôi chạy vào đường hầm xe điện cũ dưới Aldwych, ngay trước khi tôi ngủ quên mất. Khi tôi được tay tài xế đánh thức, taxi đã đậu ngoài căn hộ của tôi ở Regent's Park.

Tôi sắp xếp giấy tờ mang từ thư viện về, làm một cái sandwich, rồi đóng gói một va li đi qua đêm. Tôi ý thức được trong khi tha thẩn trong căn hộ, từ phòng thân thuộc này sang phòng thân thuộc kia, rằng những năm độc lập của tôi sẽ khép lại nay mai. Trên bàn là tấm ảnh chồng tôi, Thierry, lồng trong khung, chụp ở Marseille hai năm trước khi ông mất. Một ngày nào đó tôi sẽ hỏi ông là ai. Tôi tự dỗ mình bằng cách dành thời gian chọn một chiếc váy mặc cho bữa tôi sinh nhật. Quá trình này thực sự đã khiến tôi trễ lại. So với năm ngoái tôi gầy đi. Khi lần ngón tay dọc theo giá quần áo tôi quên mất mình được chẩn đoán thế nào suốt may phút liền. Tôi quyết định vận chiếc váy bằng vải casomia xám chiết eo. Từ đó mọi thứ theo sau một cách dễ dàng: khăn xa tanh trắng cài chiếc trâm nạm đá của Emily, giày - gót thấp, dĩ nhiên - một khăn choàng lớn màu đen. Tôi đóng va li lại và lay làm ngạc nhiên nó mới nhẹ làm sao khi tôi cầm ra hành lang.

Thư ký của tôi sẽ đến vào ngày mai, trước khi tôi quay về. Tôi để lại cho cô ấy một lá thư, ghi rõ việc tôi muốn cô làm, rồi lấy một cuốn sách và pha một tách trà, ngồi xuống ghế bành cạnh cửa sổ trông ra công viên. Tôi luôn giỏi giang cái khoản không nghĩ đến những thứ thực sự quấy rầy mình. Nhưng tôi không đọc nổi. Tôi thấy chộn rộn. Một chuyến đi về quê, một bữa tối tôn vinh tôi, một sự tái sinh những mối gắn kết gia đình. Ấy vậy mà tôi vừa có một trong những cuộc trò chuyện thuộc dạng kinh điển với một vị bác sĩ. Lẽ ra tôi phải tuyệt vọng mới đúng. Liệu có thể nào tôi, nói theo cách hiện đại, đang cố phủ nhận? Nghĩ về chuyện này chẳng thay đổi được gì.

Mãi nửa tiếng nữa xe mới đến mà tôi thì bồn chồn. Tôi đứng dậy khỏi ghế và đi quanh phòng một vài lần. Ngồi lâu quá thường khiến đầu gối tôi đau. Tôi bị ý nghĩ về Lola ám ảnh, sự ác nghiệt của khuôn mặt bự phần già nua hốc hác đó, từng sải chân mạnh mẽ trên đôi giày cao gót chênh vênh, sức sống của ả, động tác nhanh nhẹn khi chui vào chiếc Rolls. Phải chăng tôi đang cạnh tranh với ả khi tôi bước chân trên tấm thảm trải giữa lò sưởi và trường kỷ? Tôi luôn nghĩ đời sống sang giàu, những điều thuốc lá, sẽ tiến ả nhanh về chín suôi. Ngay từ hồi chúng tôi năm mươi tuổi tôi

đã nghĩ thế. Nhưng ở tuổi tám mươi ả vẫn có cái vẻ mặt biết tuốt, hào hức. ả vẫn luôn là cô gái lớn hơn, trội hơn, luôn trước tôi một bước. Nhưng trong chuyện quan trọng cuối cùng đó, tôi sẽ đi trước ả, trong khi ả sẽ tiếp tục sống đến một trăm tuổi. Tôi sẽ không thể kịp xuất bản tác phẩm khi còn sống.

Chiếc Rolls hăn đã làm tôi bối rối, bởi vì chiếc xe khi nó đến - muộn mười lăm phút - thật đáng thất vọng. Thường những thứ như vậy không làm tôi bận tâm. Nó là một chiếc minicab đầy bụi, băng ghế sau bọc lông giả có hình da ngựa vằn. Nhưng anh tài xế, Michael, thì là một anh chàng người Caribê hồ hởi và đã khuân va li của tôi, rồi cuống quýt đẩy ghế trước ra cho tôi ngồi vào. Khi đã xong xuôi vụ tôi không thể chịu nổi tiếng nhạc xập xình dù vắn nhỏ cỡ nào từ loa ở rìa trần xe ngay sau đầu, và anh đã vui vẻ trở lại sau khi sừng sĩa tí chút, chúng tôi hòa hảo và nói chuyện về gia đình. Anh chưa bao giờ biết cha mình là ai, còn mẹ anh là bác sĩ ở Bệnh viện Middlesex. Anh ta thì tốt nghiệp ngành luật Đại học Leicester, giờ đi học ở LSE⁴⁰ viết luận án tiến sĩ về luật pháp và nghèo đói ở thế giới thứ ba. Trên con đường ẩm đạm ra khỏi London theo lối Westway, anh nói cho tôi phiên bản cô đọng của mình: không luật sở hữu, vì thế không có vốn, vì thế không có tài sản.

“Có một câu chuyện của cánh luật sư,” tôi nói. “Hãy tự vẽ ra việc cho mình.”

Anh chàng cười lịch sự, mặc dù anh ta hăn nghĩ tôi dốt đặc cán mai. Ngày nay khá là khó khăn để rút ra được điều gì về trình độ học vấn của một người từ cách họ nói chuyện hay ăn mặc hay từ loại nhạc họ thích. An toàn nhất là đối xử với mọi người ta gặp như là một học giả lầy lùng.

Sau hai mươi phút chuyện đã cạn, tôi lại ngủ quên khi chiếc xe ra đến xa lộ và động cơ chuyển sang nhịp chuyển động dần đều, khi tỉnh dậy đã thấy chúng tôi trên đường quê, và một cơn căng đau nhói thắt trên trán tôi. Tôi lấy từ trong túi đeo ra ba viên aspirin, khó chịu nhai rồi nuốt. Phần nào trong trí óc tôi, trí nhớ tôi, đã bị tôi đánh mất vào tay một cuộc đột quỵ tình vi khi ngủ? Tôi sẽ không bao giờ biết được. Chính lúc đó, ở băng sau chiếc xe nhỏ tin hìn này, tôi trải nghiệm lần đầu tiên cảm giác như là tuyệt vọng. Hoảng loạn sẽ là một từ mạnh quá. Một phần nó là nỗi ám ảnh sợ không gian nhỏ kín mít, một sự giam cầm vô phương ngăn lại trong quá trình mục ruỗng, và một cảm giác co rút. Tôi vỗ lên vai Michael bảo anh ta bật nhạc lên. Anh ta cho rằng tôi chiều anh ta chỉ vì chúng tôi sắp đến nơi rồi, nên từ chối. Nhưng tôi cứ nài, và thế là cái tiếng bass đinh tai lại xập xình trở lại, trên nền đó là giọng nam trung mỏng hát bằng tiếng địa phương vùng Caribê theo nhịp của một bài hát thiếu nhi, hay bài hát của trẻ khi chơi nhảy dây trên sân chơi. Nó làm tôi thích thú. Nghe vô

cùng trẻ con, mặc dù tôi ngờ rằng người hát đang biểu lộ vài mối đau đớn giày vò. Tôi không đòi phải dịch nghĩa ra.

Nhạc vẫn bật cho đến khi chúng tôi ngoặt vào đường xe chạy của khách sạn Tilney. Hơn hai mươi lăm năm đã trôi qua kể từ ngày tôi đến đây, dự đám tang Emily. Điều đầu tiên tôi nhận thấy là sự thiếu vắng của cây trồng trong công viên, những cây du khổng lồ đã chết vì bệnh, tôi nghĩ vậy, và những cây sồi còn sống sót bị đốn đi để lấy chỗ cho sân golf. Giờ chúng tôi chạy chậm lại để vài tay chơi golf và đám người vác gậy cầm bóng cho họ đi qua. Tôi không thể ngăn mình nghĩ họ là những kẻ xâm phạm. Khu rừng bao quanh bungalow cổ của Grace Turner vẫn nằm đó, và khi lùi xe chạy dẫn đến những cây sồi cuối cùng, nhà chính hiện ra trong tầm mắt. Chẳng cần ngậm ngùi nhớ tiếc làm gì - nó luôn là một căn nhà xấu xí. Nhưng từ xa, nó có vẻ ảm đạm và trơ trọi. Những dây thường xuân một thời từng làm giảm bớt ấn tượng của mặt tiền màu đỏ tươi đã bị cắt sạch, có lẽ để bảo tồn công trình xây bằng gạch. Chẳng mấy chốc chúng tôi lại sắp đến cây cầu thứ nhất, nhưng chưa gì tôi đã nhận thấy hồ nước không còn đó nữa. Trên cây cầu ấy, chúng tôi lững lơ ngay trên một khoảng cỏ hoàn hảo, giống như thỉnh thoảng ta vẫn thấy trong một cái hào nước cũ. Bản thân nó thì không gây khó chịu, nếu ta không biết ngày xưa từng có gì ở đó - cây lách, đám vẹt và con cá chép khổng lồ mà hai kẻ du thủ du thực đã nướng rồi chén no nê bên ngôi đền trên đảo. Mà cái đền cũng chẳng còn. Nơi nó từng đứng giờ là một cái ghế gỗ, và một thùng rác. Đảo, mà dĩ nhiên không còn là đảo điếc gì nữa, giờ là một gò đất dài cỏ mọc sum suê, như một nấm mồ cổ khổng lồ, nơi đổ quây và các loại cây bụi mọc tràn lan. Có một lối đi lát sỏi chạy vòng quanh, nhiều băng ghế đặt chỗ này chỗ kia, và những ngọn đèn vườn hình cầu. Tôi không có thời gian để cố mà định vị nơi tôi từng ngồi an ủi Phu nhân Lola Marshall khi còn trẻ, vì chúng tôi đã băng qua cây cầu thứ hai và giảm tốc để rẽ vào khu đỗ xe trải nhựa chạy dọc chiều dài căn nhà.

Michael mang va li của tôi vào khu vực tiếp tân ở sảnh cũ. Kỳ cục làm sao khi họ chắc hẳn phải rước lấy bao nhiêu khó khăn mới trải được thảm nhung sọc mịn lên trên những viên gạch trắng đen kia. Tôi ngờ hệ thống âm thanh luôn là cái gây rắc rối, mặc dù tôi không bận lòng gì. Một mùa của Vivaldi đang nghiền nghệt phát ra trên loa âm. Có một cái bàn hồng mộc tao nhã, trên mặt bàn đặt màn hình máy tính và lọ hoa, và đứng gác hai bên bàn là hai bộ áo giáp kỵ sĩ; gắn trên tường gỗ là đôi kích bắt chéo và một huy hiệu; trên tất cả là bức chân dung trước kia thường đặt trong phòng ăn bức tranh ông nội tôi mang về nhằm làm cho gia đình tôi có chút vẻ dòng dõi. Tôi boia cho Michael và thực lòng chúc anh ta may mắn với quyền sở hữu tài sản và đói nghèo. Tôi đang cố rút

lại câu nhận xét ngớ ngẩn về luật sư. Anh chúc tôi một sinh nhật vui vẻ và bắt tay tôi - nắm tay của anh ta mới rụt rè và mềm mại làm sao - rồi ra đi. Từ sau bàn một cô gái mặt nghiêm nghị vận bộ com lê văn phòng đưa chìa khóa cho tôi và bảo tôi rằng thư viện ngày xưa đã được đặt riêng để tổ chức bữa tiệc của chúng tôi. Một vài người đến trước đã ra ngoài đi dạo. Theo kế hoạch là sẽ tập trung lại ăn uống một chút lúc sáu giờ. Một cậu khuôn vác mang va li của tôi lên. Có một thang máy cho tôi thuận tiện đi lại.

Lúc đó vẫn chưa có ai ra chào đón tôi, nhưng tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Tôi thích được tận hưởng điều ấy một mình, sự thích thú khi thấy quá nhiều thứ đã đổi thay, trước khi buộc phải trở thành khách mời danh dự. Tôi đi thang máy lên tầng hai, qua một loạt cửa kính thoát hiểm, và đi dọc hành lang sàn lát những tấm ván đánh xi bóng loáng cọt kẹt nghe quen thuộc. Thật kỳ quặc, khi nhìn các phòng ngủ được đánh số và khóa chặt. Dĩ nhiên, số phòng của tôi - bảy - không nói lẫn gì với tôi cả, nhưng tôi nghĩ mình đã đoán trước sẽ ngủ ở đâu rồi. Ít ra, khi dừng lại ngoài cửa, tôi không ngạc nhiên. Không phải phòng cũ của tôi, mà là phòng của dì Venus, luôn được coi là ở vị trí ngắm cảnh đẹp nhất trong nhà, trông ra hồ, lối xe chạy, cánh rừng và những ngọn đồi xa xa. Charles, cháu của Pierrot đồng thời là linh hồn của ban tổ chức, hẳn đã để dành riêng cho tôi.

Thật là một sự ngạc nhiên dễ chịu khi bước vào. Các phòng hai bên đã được nhập vào làm thành một phòng suite lớn. Trên cái bàn thủy tinh thấp đặt một cành hoa hồng lồ trồng trong nhà kính. Cái giường cao đồ sộ mà dì Venus chiếm rất lâu mà không ai phàn nàn gì đã bị mang đi, cả cái tủ ngăn kéo có chạm khắc và sofa lụa xanh nữa. Bây giờ chúng là tài sản của đứa con trai cả với người vợ thứ hai của Leon và được kê trong một lâu đài đầu đó ở vùng cao nguyên Scotland. Nhưng nội thất mới cũng đẹp, và tôi thích phòng này. Va li của tôi được chuyển tới, tôi gọi một bình trà và treo váy lên. Tôi thăm thú phòng khách, có một bàn viết và một đèn bàn rất tốt, và rất ấn tượng với cái phòng tắm rộng mênh mông, với túi hoa thơm và chồng khăn tắm vắt trên giá được sưởi ẩm. Thật nhẹ nhõm khi không trông thấy mọi thứ theo kiểu chúng sẽ tàn tạ đi một cách vô vị - việc đó dễ dàng trở thành thói quen do tuổi tác. Tôi đứng ở cửa sổ chiêm ngưỡng ánh mặt trời xiên qua sân golf, làm những cây trụi sáng bừng lên trên những ngọn đồi xa xa. Không hẳn là tôi chấp nhận được sự vắng mặt của hồ nước, nhưng có lẽ một ngày nào đó nó sẽ được tôn tạo lại, hơn nữa chắc chắn rằng bây giờ, khi đã là khách sạn, tòa dinh thự này mang trong mình nhiều hạnh phúc con người hơn, so với hồi tôi sống ở đây.

Charles gọi điện thoại cho tôi một giờ sau, ngay khi tôi bắt đầu nghĩ nên thay đồ. Ông đồ nghị sẽ lên đón tôi lúc sáu giờ mười lăm, sau khi mọi người đã tập trung đông đủ, và đưa tôi xuống để tôi xuất hiện thật long trọng. Và thế là tôi đặt chân vào phòng hình chữ L rộng lớn, khoác tay ông, trong bộ xiêm y casomia, mọi người vỗ tay nhiệt tình, và rồi năm mươi người họ hàng nâng ly chúc mừng. Ấn tượng ngay lập tức nảy ra trong tôi khi bước vào là không nhận ra ai cả. Không một khuôn mặt thân quen! Tôi tự hỏi có phải mình đang nếm trước khả năng không tri nhận được mọi thứ như người ta đã hứa hẹn. Rồi tà từ tôi nhìn kỹ từng người. Ta phải tính đến năm tháng, và tốc độ mà với nó em-bé-bé-ngựa trở thành những đứa trẻ mười tuổi ầm ĩ. Không nghi ngờ gì kia là anh trai tôi, cồng và như sắp sụm xuống một bên trong xe đẩy, một chiếc khăn ăn giắt ở cổ họng để hứng sâm banh dây ra, có người nâng cốc lên tận môi anh. Khi tôi nhoài người tới để hôn Leon, anh cố gắng nở một nụ cười ở nửa khuôn mặt vẫn còn cử động được. Và tôi cũng không nhầm được Pierrot ngày xưa, teo tóp hết cả lại với đầu trọc sáng bóng mà tôi muốn đặt tay lên, nhưng vẫn rạng rỡ như bao đời và rất trưởng bối. Chúng tôi ngằm chấp nhận sẽ không bao giờ nhắc đến chị gái ông.

Tôi đi một lượt quanh phòng, Charles bên cạnh, giới thiệu những cái tên cho tôi. Thật thú vị làm sao khi được ở trung tâm của cuộc tái hợp đầy thiện chí thế này. Tôi làm quen với lũ trẻ là cháu chắt của Jackson đã mất mười lăm năm trước. Thực ra, chỉ hai đứa sinh đôi thôi đã sản sinh ra khá khá người trong phòng này. Và Leon cũng làm không tệ cho lắm, với bốn cuộc hôn nhân và làm cha một cách nhiệt thành. Theo tuổi tác chúng tôi gồm những người từ ba tháng cho đến tám mươi chín tuổi là Leon. Và là một tổ hợp giọng nói ồn ào, từ ồm ồm đến the the, khi phục vụ bàn đi vòng quanh bê thêm sâm banh và nước chanh. Con cái đã già của anh em họ xa đang chào tôi như bạn bè lâu ngày không gặp. Mỗi giây mỗi phút đều có người muốn đưa ra vài lời nhận xét lịch sự về sách của tôi. Một nhóm thiếu niên dễ thương bảo tôi rằng chúng đang học sách của tôi ở trường. Tôi hứa sẽ đọc bản thảo tiểu thuyết đánh máy do con trai của ai đó viết, anh ta hiện không có mặt ở đây. Thư từ và thiệp chúc mừng dúm vào tay tôi. Chắt đóng trên bàn trong góc phòng là những món quà mà vài đứa trẻ đã bảo tôi phải mở ra trước, chứ không phải sau khi chúng ngủ. Tôi hứa hẹn, tôi bắt tay, hôn má và môi, ca tụng và nựng các cháu bé còn bé ẵm, và ngay khi tôi bắt đầu nghĩ mình muốn ngồi xuống chỗ nào đó quá thì liền nhận thấy các ghế đang được kéo ra, quay về một phía. Rồi Charles vỗ tay và, hét to át tiếng ồn hầu như không thuyên giảm, tuyên bố rằng trước bữa tối sẽ có một màn tiêu khiển chúc mừng tôi. Rồi tất cả chúng tôi ngồi xuống.

Tôi được dẫn đến một chiếc ghế bành ở hàng trước. Ngồi cạnh tôi là Pierrot già cả, đang nói chuyện với một em họ ở bên trái. Một sự gần như im lặng đến sốt ruột phủ xuống căn phòng. Từ một góc tiếng thì thào khó chịu của bọn trẻ con vọng tới, mà tôi nghĩ nên lịch thiệp lờ đi không nghe. Trong khi ngồi chờ, trong khi tôi có vài giây cho riêng mình, ấy là nói thế, tôi nhìn quanh, và chỉ bây giờ mới tri nhận được một cách đầy đủ sự thật rằng tất cả sách vở đã bị mang đi khỏi thư viện, cả các giá sách nữa. Đó là lý do vì sao căn phòng lại có vẻ lớn hơn rất nhiều so với tôi còn nhớ. Thứ duy nhất để đọc là tạp chí địa phương xếp trên giá cạnh lò sưởi. Khi có tiếng đề nghị im lặng, và tiếng kéo ghế loẹt xoẹt, một thằng bé vận áo choàng đen chợt xuất hiện trước mặt chúng tôi. Nó trắng xanh, đầy tàn nhang và tóc đỏ rực - không nhằm lẫn gì là một đứa cháu nhà Quincey. Tôi đoán nó chừng chín hay mười tuổi. Cơ thể nó ẻo lả, khiến đầu nó dường như to đùng và có vẻ gì đó siêu trần. Nhưng trông nó tự tin khi đưa mắt nhìn quanh phòng, đợi khán giả ổn định. Rồi cuối cùng nó hát cái cảm nhón hoắt lên, hít càng phổi, và cất giọng cao trong rõ ràng. Tôi vẫn chờ đợi sẽ có trò ảo thuật gì đó, nhưng điều tôi nghe thấy lại toát ra vẻ siêu nhiên.

Chuyện kể rằng nàng Arabella bông bột
Cùng một tên ngoại quốc bỏ trốn đi
Cha mẹ nàng buồn đau ủ dột
Trông cảnh cô con gái đầu lòng
Biến khỏi nhà đi xứ Eastbourne
Mà không được phép, lâm trọng bệnh và sống bần hàn
Cho đến khi nàng chỉ còn lại sáu xu cuối cùng.

Đột nhiên, em ở ngay đó trước tôi, cô bé bận rộn, khinh khỉnh, ngạo mạn đó, và em cũng chưa chết, vì khi mọi người khúc khích cười tán thưởng từ “biến khỏi”, trái tim yếu đuối của tôi - phù phiếm nực cười! - khẽ nhảy rộn lên. Thằng bé đọc bằng sự rõ ràng đến choáng váng, pha chút âm nghịch tai mà thể hệ tôi sẽ gọi là giọng Cockney, mặc dù tôi không hề biết vào thời này âm tắc thanh hầu *t* có ý nghĩa quan trọng thế nào. Tôi biết những từ đó là của tôi, nhưng tôi gần như không nhớ chúng, và thật khó tập trung, với quá nhiều câu hỏi, quá nhiều cảm xúc đang dồn tụ lại. Họ đã tìm được bản đó ở đâu, và sự tự tin đến phi lý này có phải là một triệu chứng của một độ tuổi khác? Tôi liếc người ngồi bên, Pierrot. Ông lấy khăn mùi soa ra chấm chấm mắt, và tôi không nghĩ đó chỉ là niềm tự hào của bậc ông cha. Tôi cũng ngờ rằng tất cả đây là ý tưởng của ông. Đoạn mở đầu lên đến cao trào hợp lý:

Cô gái bông bột thấy ngày ngọt ngào hé nở
Khi cùng chàng hoàng tử xe duyên. Nhưng xin cẩn trọng,

Bởi Arabella biết được hầu quá muộn
Rằng trước khi yêu ta luôn cần ngẫm nghĩ!

Chúng tôi vỗ tay rào rào. Thậm chí có cả tiếng huýt sáo thô tục. Cuốn từ điển đó, cuốn *Oxford Concise* đó. Giờ đâu rồi? Ở Tây Bắc Scotland? Tôi muốn có lại nó. Thằng bé cúi đầu chào và thụt lùi lại một vài mét, rồi nhập cùng bốn đứa khác vừa tiến ra, mà tôi không để ý thấy, và đang đợi ở cái có lẽ là cánh gà.

Và thế là *Những gian nan của nàng Arabella* bắt đầu, với buổi tiễn biệt của hai bậc phụ huynh buồn rầu, lo lắng. Tôi ngay lập tức nhận ra nữ nhân vật chính là chất của Leon, Chloe. Một con bé mới nghiêm nghị đáng yêu làm sao, với giọng trầm đục và dòng máu Tây Ban Nha của mẹ nó chảy trong người. Tôi nhớ mình đến dự tiệc sinh nhật năm nó một tuổi, dường như đó cách nay chỉ mới vài tháng. Tôi nhìn con bé diễn cảnh rơi vào cảnh nghèo đói và tuyệt vọng một cách đầy thuyết phục, khi bị tên bá tước gian ác - chính là thằng bé đọc đoạn mở đầu vận áo choàng đen - bỏ rơi. Chưa đầy mười phút vở kịch đã kết thúc. Trong ký ức, bị cảm quan về thời gian của một đứa trẻ bóp méo, nó dường như luôn dài bằng một vở kịch của Shakespeare. Tôi đã hoàn toàn quên rằng sau lễ cưới Arabella và chàng hoàng tử-thầy lang sẽ tay khoác tay, và đồng thanh, bước tới trước nói với khán giả những câu thơ kết cùng.

Đây là khởi đầu của tình yêu tại nơi bao gian nan kết thúc.

Vì vậy xin tạm biệt, bạn yêu ơi, chúng tôi gióng buồm vào bóng hoàng hôn!

Không phải là câu hay nhất của tôi, tôi nghĩ. Nhưng toàn bộ phòng, trừ Leon, Pierrot và chính tôi, đều đứng dậy vỗ tay. Bọn trẻ con này mới lão luyện làm sao, cho đến tận khi ra chào khán giả lần hai. Tay trong tay, chúng đứng sòng hàng, làm theo Chloe ra hiệu, lùi lại hai bước, tiến tới, rồi lại cúi đầu. Trong sự ồn ào, không ai nhận thấy Pierrot tội nghiệp đã mất tự chủ hoàn toàn và gục mặt vào hai bàn tay. Phải chăng ông đang sống lại khoảng thời gian kinh hoàng, đơn độc ở đây sau khi cha mẹ ly dị? Buổi tối hôm đó trong thư viện, họ, hai anh em sinh đôi ấy, đã muốn được đóng kịch biết bao, và giờ đây vở kịch cuối cùng cũng được diễn, sau sáu mươi tư năm, và anh trai ông đã khuất núi từ lâu rồi.

Tôi được đỡ ra khỏi chiếc ghế dễ chịu và phát biểu vài lời cảm tạ. Cạnh tranh với một đứa bé đang oe óe khóc ở cuối phòng, tôi cố gọi lại cái mùa hè nóng nực năm 1935 đó, khi các em họ từ phương Bắc về chơi. Tôi quay sang đoàn diễn viên bảo chúng rằng màn trình diễn của chúng tôi sẽ không thể nào sánh được với chúng. Pierrot gật đầu dứt khoát, Tôi giải thích rằng hoàn toàn lỗi do tôi mà buổi diễn tập hồi ấy tan tành, vì đi được nửa đường tôi lại quyết định trở thành tiểu thuyết gia. Có

tiếng cười khoan dung, thêm tiếng vỗ tay, rồi Charles tuyên bố bữa tối bắt đầu. Và thế là buổi tối dễ chịu trải ra - bữa ăn ồn ã mà tôi thậm chí đã nhấm một ít rượu, những món quà, rồi đến giờ mấy đứa nhỏ lên giường, trong khi anh chị lớn của chúng chạy đi xem tivi. Rồi nói chuyện bên tách cà phê và những tiếng cười đôn hậu nhiệt tình, đến mười giờ thì tôi bắt đầu nghĩ đến căn phòng huy hoàng trên tầng của mình, không phải vì tôi mệt rồi, tôi chỉ mệt vì có nhiều người vây quanh và là đối tượng của quá nhiều chú ý, dù chân thành đến mức nào. Nửa giờ nữa trôi qua với những lời chúc ngủ ngon và chào tạm biệt rồi Charles và vợ, Annie, tiễn tôi về phòng.

Bây giờ là năm giờ sáng và tôi vẫn ngồi ở bàn viết, nghĩ về hai ngày kỳ lạ vừa qua. Quả thực người già không cần ngủ - ít ra là không phải vào buổi đêm. Tôi vẫn có quá nhiều thứ phải suy ngẫm, và nhanh thôi, có khi chỉ trong năm nay, đầu óc tôi sẽ không đủ khả năng làm được việc đó. Tôi nghĩ đến cuốn tiểu thuyết cuối cùng của đời mình, cuốn tiểu thuyết lẽ ra phải là cuốn đầu tiên. Bản sơ thảo sớm nhất, tháng Giêng năm 1940, bản cuối cùng, tháng Ba năm 1999, và ở giữa, đến nửa tá những bản thảo khác nhau. Bản thảo thứ hai, tháng Sáu năm 1947, bản thứ ba... ai cần biết chứ? Nhiệm vụ năm mươi chín năm của tôi đã xong rồi. Ở đó có tội ác của chúng tôi - Lola, Marshall, tôi - và từ bản thứ hai trở đi, tôi bắt tay vào miêu tả tội ác ấy. Tôi coi nghĩa vụ của mình là không được che giấu bất cứ điều gì - tên tuổi, nơi chốn, những hoàn cảnh chính xác - tôi viết ra tất cả với tư cách những ghi chép về lịch sử. Nhưng với tư cách một sự thật mang tính pháp lý, vô số biên tập viên đã bảo tôi trong suốt những năm qua rằng hồi ký làm chứng có buộc tội của tôi không thể xuất bản khi những tông phạm của tôi còn sống. Ta chỉ có thể phỉ báng chính mình và những kẻ đã chết. Nhà Marshall đã gây ảnh hưởng ít nhiều với tòa án kể từ hồi cuối những năm bốn mươi, bảo vệ thanh danh mình bằng sự hung tợn đất đở nhất. Họ có thể làm sập tiệm một nhà xuất bản dễ dàng đủ bằng lời kể hiện thời của họ. Người ta rất có thể nghĩ họ giấu giếm gì đó. Nghĩ, đúng thế, nhưng viết thì không. Những gợi ý rõ ràng được nêu ra - thay đổi địa điểm, biến đổi nội dung, giấu giếm. Hãy kéo tấm màn sương tưởng tượng xuống! Sinh ra tiểu thuyết gia để làm gì cơ chứ? Cần đi xa chừng nào thì chỉ đi chừng ấy, hãy dựng trại quá tầm với, quá đầu ngón tay của pháp luật khoảng mười phân. Nhưng không ai biết khoảng cách này chính xác này là bao nhiêu chừng nào một phán xét chưa được ban xuống. Để an toàn, ta sẽ phải nhặt nhổ và mơ hồ. Tôi biết mình không thể xuất bản cho đến khi họ chết. Và từ những gì nhìn thấy sáng nay, tôi chấp nhận rằng sẽ không thể cho đến khi tôi chết. Chẳng ích gì nếu chỉ một trong hai bọn họ ra đi. Ngay cả cuối cùng khi ảnh chụp cái mặt tốp

của Ngài Marshall đăng trên trang cáo phó, cô em họ từ phương Bắc của tôi sẽ không chấp nhận bị buộc tội đồng lõa âm mưu.

Có một tội ác. Nhưng cũng có đôi tình nhân. Tình nhân và những kết cục có hậu của họ dần vật tâm trí tôi suốt đêm dài. Vì chúng ta căng buồm vào hoàng hôn. Một sự nghịch đảo bất hạnh. Tôi chợt nhận ra sau rốt mình cũng chẳng đi được bao xa, kể từ hồi viết vở kịch nhỏ nhỏ đó. Hay nói đúng hơn, tôi đã lang thang lạc đường khủng khiếp và cuối cùng lại trở về điểm xuất phát ban đầu. Duy chỉ trong bản cuối cùng này đôi tình nhân của tôi mới có kết thúc có hậu, đứng cạnh nhau trên một vỉa hè ở Nam London khi tôi bước đi. Tất cả những bản thảo trước đều nhần tâm. Nhưng giờ tôi không còn có thể nghĩ sẽ nhằm mục đích gì nếu, tỉ dụ như, tôi cố thuyết phục độc giả, bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp, rằng Robbie Turner chết vì bị nhiễm trùng máu ở Bray Dunes vào mùng 1 tháng Sáu năm 1940, hay Cecilia bị chết vào tháng Chín cùng năm khi ga tàu điện ngầm Balham bị đánh bom. Rằng tôi không bao giờ gặp họ vào năm đó. Rằng chuyến đi qua London của tôi kết thúc ở nhà thờ tại Clapham Common, và rằng một con bé Briony hèn nhát khắp khiêng lê chân về bệnh viện, không thể đối mặt nổi với bà chị gái vừa có tang. Rằng những lá thư đôi tình nhân viết cho nhau được lưu trữ ở Bảo tàng Chiến tranh. Những thứ này làm sao tạo nên kết cục được đây? Một người đọc có thể rút ra từ một câu chuyện như thế ý nghĩa, hay hy vọng, hay sự thỏa mãn nào? Ai muốn tin rằng họ không bao giờ gặp lại, tình yêu của họ không bao giờ trọn vẹn? Ai lại muốn tin điều đó, trừ phi để phục vụ cho thứ chủ nghĩa hiện thực đen tối nhất? Tôi không thể làm vậy với họ. Tôi quá già, tôi quá sợ hãi, quá yêu cái mẫu đời bé tí còn sót lại của mình. Tôi đối mặt với làn sóng lãng quên đang ập lên, và rồi hoàn toàn chìm vào quên lãng. Tôi không còn sở hữu sự bi quan can đảm của mình nữa. Khi tôi chết, và vợ chồng nhà Marshall chết, và tiểu thuyết cuối cùng được xuất bản, chúng tôi sẽ chỉ tồn tại với tư cách là những sáng tạo của tôi. Briony sẽ là một tượng tượng không kém gì đôi tình nhân ngủ chung giường ở Balham và chọc tức bà chủ nhà của họ. Sẽ không ai quan tâm xem sự kiện nào cá nhân nào đã bị bóp méo để làm nên một tiểu thuyết. Tôi biết luôn có một loại độc giả nhất định cứ thấy phải hỏi, Nhưng chuyện gì đã *thực sự* xảy ra? Câu trả lời rất đơn giản: đôi tình nhân sống sót và thăng hoa. Chừng nào chỉ có một bản, bản đánh máy độc nhất bản thảo cuối cùng của tôi, thì bà chị gái bông bột, nông nổi của tôi và chàng hoàng tử thầy lang của chị sẽ sống sót mà yêu nhau.

Vấn đề trong năm mươi chín năm qua là thế này. Bằng cách nào một nhà văn chuộc được tội khi mà, bằng quyền năng tuyệt đối quyết định mọi kết cục, cô ấy cũng là Chúa? Không một ai, không một thực thể hay dạng

thức cấp cấp hơn nào mà cô có thể khẩn khoản cầu xin, hay hòa giải làm lành, hay có thể tha thứ cho cô. Không gì ngoài bản thân cô. Trong tưởng tượng của mình, cô đã đặt ra những giới hạn và điều lệ. Không có sự cứu chuộc nào cho Chúa, cho các nhà văn, ngay cả khi họ có vô thần. Đó luôn luôn là một nhiệm vụ bất khả thi, và chính xác là như thế. Nỗ lực là tất cả.

Tôi đứng ở cửa sổ, cảm thấy những làn sóng mệt mỏi đang xô tan dần phần khỏe mạnh còn lại trong cơ thể mình. Sân nhà dường như nhấp nhô dưới chân tôi. Tôi nhìn tia sáng màu xám đầu tiên làm rạng lên bãi cỏ và hai cây cầu trên cái hồ nước đã không còn nữa. Cả lối xe chạy hẹp dài mà trên đó họ đã đưa Robbie đi, vào trong màu trắng bạc. Tôi muốn nghĩ rằng đó không phải sự yếu đuối hay lẩn tránh, mà là hành động vị tha cuối cùng, đứng lên chống lại sự lãng quên và tuyệt vọng, để những người yêu nhau của tôi được sống và đoàn tụ ở kết cùng. Tôi cho họ hạnh phúc, nhưng tôi không ái kỷ đến độ muốn họ tha thứ cho mình. Chưa được, chưa thể. Nếu tôi có quyền năng mời họ đến dự lễ sinh nhật của mình... Robbie và Cecilia, vẫn còn sống, vẫn yêu nhau, ngồi bên nhau trong thư viện, nở nụ cười cho *Những gian nan của nàng Arabella*? Chuyện đó không phải là bất khả.

Nhưng giờ tôi phải ngủ thôi.

CHÚ THÍCH

1. Đặt trong bối cảnh những năm 1930, khi chủ nghĩa phát xít trỗi dậy, việc Đức tái vũ trang và Ý xâm lược Abyssinia (Ethiopia ngày nay) đang rất gây tranh cãi trên mặt báo. Làm vườn được nhắc tới với ý hài hước một chút; tại Anh, đó là một trong những sở thích mà ai cũng coi mình là chuyên gia, do đó cũng là một chủ đề tranh luận nảy lửa.↵
2. Nhân vật truyện tranh nổi tiếng trong *The Dandy*; một nhân vật “viễn Tây” rất khỏe và đặc biệt có bộ râu rậm rất cứng.↵
3. Amo, amas, amat lần lượt là cách chia của động từ “amare”(yêu) trong tiếng Latinh khi dung với ngôi thứ nhất số ít, ngôi thứ hai số ít và thứ ba số ít.↵
4. Tại các trường thuộc Đại học Oxford và Cambridge cũng như một số trường giàu truyền thống khác. High Table là một chiếc bàn để các giáo sư và khách của họ ngồi. Chiếc bàn này thường được đặt trên một bục ở cuối phòng ăn lớn.↵
5. vở *Đêm thứ mười hai* của Shakespeare↵
6. Tiếng Pháp trong nguyên bản: Thời kỳ tươi đẹp.↵
7. Ba tiểu luận về tính dục↵
8. Ngôi làng.↵
9. Điều nhảy của thần chết.↵
10. Nữ diễn viên nổi tiếng người Mỹ, khi ấy mới bắt đầu xuất hiện trong các vai trẻ con.↵
11. Cunt – từ tục cho “âm vật” – trong tiếng Anh có thể đảo âm tố thành các từ uncle (cậu), a nut (quả hạch), tunc (từ tiếng Latinh nghĩa là “tiếp theo”); hoặc Cnut (Canute Đại đế), Henry xứ Huntingdon, nhà sử ký thế kỷ XII đã kể chuyện Canute đặt ngai vàng bên bờ biển và ra lệnh cho thủy triều ngưng lại, không được làm ướt chân và áo bào của ông ta; tất nhiên thủy triều không thể dừng.↵
12. *Người tình của Phu nhân Chatterley*, tiểu thuyết của D.H. Lawrence.↵
13. Tiếng Pháp trong nguyên bản; đây là một phần của câu tiếng Pháp mà người Anh hay dùng: “Plus ça change, plus c’est la meme chose.” - “Sự thể càng thay đổi thì càng giống như cũ.” - nghĩa là chẳng có gì thay đổi cả.↵

14. Statement Relating to Defence: một văn bản được chính phủ Anh chính thức công bố tháng Ba năm 1935 khởi động cho việc tái vũ trang quân đội nước này trong thập niên 1930.↵
15. Xuất phát từ thành ngữ “Beat swords into ploughshare” - Biến gươm thành lưỡi cày - chỉ việc đầu tư xây dựng cuộc sống trong hòa bình thay vì cho chiến tranh; ở đây Jack Tallis nói “Lưỡi cày thành giấy thiếc (để gói sôcôla)” với ý mỉa mai.↵
16. Từ của Lola dùng là MANIAC – kẻ bị bệnh điên – gọi âm của các từ: man (người), mad (điên), axe (riệu), attack (tấn công), accuse (buộc tội).↵
17. Tiếng Pháp trong nguyên bản: “Không được thưa ông. Ông không được ở lại đây đâu”.↵
18. Sir Oswald Ernald Mosley (1896-1980) được biết đến là người sáng lập Liên hiệp Phát xít Anh.↵
19. Xin chào các anh.↵
20. Xin chào.↵
21. Anh? Bỉ?↵
22. Anh.↵
23. Nước Anh muôn năm.↵
24. Ở... Nước Pháp muôn năm.↵
25. Lời trong bài thơ “In Memory of W. B. Yeats” của W. H. Auden (tháng Hai năm 1939).↵
26. Eo biển Manche.↵
27. Tên thường gọi của Không quân Đức↵
28. Nguyên văn: *It's a braw bricht moonlicht nicht the nicht*; Nettle nhại tiếng Scotland bằng giọng Cockney.↵
29. Nguyên văn: He walks/ across/ the land/ until/ he came/ to the sea. 5 nhịp lambo (1 âm tiết ngắn theo sau bằng 1 âm tiết dài): He-walks, a-cross, the-and, un-til, he-came. Một nhịp anapest (2 âm tiết ngắn theo sau bằng 1 âm tiết dài): tho-the – sea.↵
30. Tổng tư lệnh Lực lượng Viễn chinh Anh quốc tại Tây Âu thời bấy giờ.↵
31. PTên phòng tuyến quân sự giữa Pháp và Đức, đặt tên theo Bộ trưởng Quốc phòng Pháp André Maginot. Người Pháp rất yên tâm với phòng tuyến này, nhưng quân Đức đã chiếm Bỉ trước, vòng qua phòng tuyến Maginot rồi mới đánh Pháp; sau đó Pháp thất thế và quân viễn chinh Anh phải rút tới Dunkirk để di tản về nước.↵
32. Tức Royal Air Force: Không lực Hoàng gia của Anh.↵
33. Tiếng Ý: đi dạo.↵

34. Trích từ bài “Oh, when I was in love with you” của A. E. Housman (1859-1936), một nhà thơ Anh.[↵](#)
35. Voluntary Aid Detachment: đội cứu thương tự nguyện.[↵](#)
36. Những ngọn song.[↵](#)
37. Sir Basil Henry Liddell Hart (1895-1970), sử gia quân sự và lý thuyết gia về chiến tranh người Anh.[↵](#)
38. “Cuối cùng em đây rồi”.[↵](#)
39. Sùi vòm họng.[↵](#)
40. Từ chỉ những quân giáo trong các trại tập trung của phát xít Đức. Họ thường được tuyển chọn trong số các tù nhân và là những người hung hăng, thích bạo lực.[↵](#)

MỤC LỤC

1. [TÁC GIẢ](#)
2. [LỜI CẢM ƠN](#)
3. [PHẦN MỘT](#)
 1. [Một](#)
 2. [Hai](#)
 3. [Ba](#)
 4. [Bốn](#)
 5. [Năm](#)
 6. [Sáu](#)
 7. [Bảy](#)
 8. [Tám](#)
 9. [Chín](#)
 10. [Mười](#)
 11. [Mười một](#)
 12. [Mười hai](#)
 13. [Mười ba](#)
 14. [Mười bốn](#)
4. [PHẦN HAI](#)
5. [PHẦN BA](#)
6. [LONDON, 1999](#)
7. [CHÚ THÍCH](#)